J. D. BARKER

Matryoshka *dịch*

VĂN HỌC TRINH THÁM



CÁI CHẾT THỨ NĂM


ĐINH TỊ BOOKS

NXB THANH NIÊN

J. D. BARKER

Matryoshka *dịch*



CÁI CHẾT THỨ NĂM

• THE FIFTH TO DIE •

(4MK Thriller, #2)

ĐINH TỊ BOOKS & NXB THANH NIÊN

ebook©vctvegroup | 04-12-2020

CHƯƠNG 1

Porter

Ngày 1 • 8:23 tối

Bóng tối.

Bóng tối dày đặc cuộn xoáy quanh anh, hút cạn ánh sáng, chẳng để lại gì ngoài khoảng không tối đen như mực. Một màn sương đang bủa vây tâm trí anh, những từ ngữ loay hoay tìm cách gắn kết với nhau, cố sao cho được một câu rành mạch, cố tìm cho ra ý nghĩa nào đó, nhưng đến lúc tưởng như đã ở rất gần thì chúng lại bị nuốt chửng và tan biến, thay vào đó là dự cảm chẳng lành cứ lớn dần, một cảm giác thật nặng nề - thân xác anh chìm dần vào vùng nước âm u sâu thẳm từ lâu đã rơi vào quên lãng.

Anh ngửi thấy mùi ẩm thấp.

Nấm mốc.

Ướt át.

Sam Porter những muốn mở mắt ra.

Phải mở cho bằng được.

Nhưng đôi mắt chẳng chịu tuân theo ý muốn của anh, chúng cứ thế nhắm chặt lại.

Đầu anh vừa đau vừa nhức.

Cơn đau dậy lên từng hồi phía sau tai bên phải và ở cả thái dương.

“Cố gắng đừng cử động, Sam. Tôi không muốn anh cảm thấy buồn nôn.”

Giọng nói cất lên loáng thoáng, xa xăm, quen thuộc.

Porter đang nằm duỗi dài.

Mười đầu ngón tay đặt trên tấm thép lạnh ngắt.

Giờ anh nhớ ra mũi tiêm ấy rồi. Cây kim cắm vào dưới gáy, cú đâm diễn ra chóng vánh, dung dịch lạnh lẽo tràn vào bên dưới da, ngấm vào cơ bắp, sau đó…

Porter cố mở mắt, song hai mí nặng trĩu nhất quyết kháng cự. Khô khốc, cay xè.

Anh muốn dụi mắt, nhưng bàn tay phải vừa đưa lên đã ngay lập tức bị kéo về khi sợi xích ở cổ tay anh căng ra.

Hơi thở nghẹn lại trong anh, anh gắng gượng ngồi dậy, đầu óc quay cuồng khi máu huyết từ trên dồn xuống. Suýt nữa anh lại nằm vật ra.

“Ái chà, từ từ nào, Sam. Giờ anh đã tỉnh, etorphine* sẽ hết tác dụng nhanh thôi. Chịu khó chờ một lát đi.”

Đèn bật lên, một chiếc đèn halogen sáng rực chiếu thẳng vào mặt anh. Porter nheo mắt nhưng quyết không quay đi, anh nhìn chằm chằm vào gã đàn ông đứng cạnh chiếc đèn, dáng người lờ mờ khuất trong bóng tối.

“Bishop?” Porter gần như không nhận ra giọng mình nữa, nghe khàn đặc.

“Khỏe không, Sam?” Cái bóng tiến sang phải một bước, lật úp cái xô đựng sơn rỗng có dung tích mười tám lít rồi ngồi lên đó.

“Đừng chiếu cái đèn chết tiệt ấy vào mắt tao.”

Porter kéo giật sợi xích ở cổ tay, đầu còn lại của chiếc còng va leng keng vào một đường ống dày, loại ống dẫn nước hoặc cũng có thể là dẫn ga. “Cái mẹ gì thế này?”

Anson Bishop với tay đẩy cho chiếc đèn hơi chếch sang trái. Nó là loại đèn chiếu sáng trong các cửa hàng, được đặt trên một kiểu chân đế nào đó. Ánh sáng rọi lên bức tường gạch không nung, trong góc đằng xa có đặt cái máy nước nóng, phía bên kia là máy giặt và máy sấy cũ.

“Đỡ hơn rồi chứ?”

Porter giật sợi xích lần nữa.

Bishop ném cho anh nụ cười nửa miệng và nhún vai.

Lần cuối cùng Porter nhìn thấy hắn, hắn để tóc húi cua màu nâu sẫm. Mái tóc ấy nay đã dài ra, nhạt đi, bù xù. Mặt hắn lún phún lớp râu ba, bốn ngày chưa cạo. Bộ trang phục công sở theo phong cách đời thường đã không còn, thay vào đó là chiếc quần jeans và áo nỉ có mũ màu xám đậm.

“Độ này coi bộ xuống mã nhỉ.” Porter nói.

“Thời buổi khó khăn mà.”

Nhưng hắn không thể thay đổi được cặp mắt, cũng như vẻ lạnh lùng ẩn chứa trong đó.

Cặp mắt ấy muôn đời chẳng đổi khác.

Bishop rút từ trong túi quần sau ra một cái thìa nhỏ, loại thìa ăn hoa quả có răng cưa, hắn lơ đãng xoay nó giữa những ngón tay, mép răng cưa sáng lên dưới ánh đèn.

Porter ngó lơ cái thìa. Thay vào đó, anh liếc xuống, gõ ngón trỏ lên tấm kim loại mà anh đang nằm lên. “Cái băng ca này cũng cùng một kiểu với cái mày dùng để xích Emory vào phải không?”

“Gần như thế.”

“Không kiếm nổi cái giường gấp nào sao?”

“Giường gấp hay hỏng lắm.”

Một vũng màu đỏ sậm đọng lại bên dưới băng ca, vết nhơ tối thẫm trên mặt sàn bê tông nhếch nhác, bẩn thỉu. Nhưng Porter không hỏi han gì về nó. Sờ vào mặt dưới tấm kim loại rồi thu tay về, anh thấy ngón tay mình dinh dính. Điều này anh cũng chẳng thắc mắc. Bức tường bên trái anh có vài cái kệ, trên đó chất đầy dụng cụ quét sơn: thùng, chổi sơn, bạt phủ. Trần nhà phía trên đầu được ghép từ những tấm ván gỗ cỡ 2x6*, mỗi tấm cách nhau chừng bốn mươi centimet. Mạch điện để trần, ống nước và ống thông gió lấp đầy khoảng trống giữa các tấm ván. “Chỗ này là tầng hầm của một nhà dân. Ngôi nhà không lớn. Nhưng cũng cũ rồi. Đường ống trên đầu mày được bọc bằng a-mi-ăng, vì thế tao khuyên mày chớ có dại mà dây vào nó. Tao đoán nơi này bị bỏ hoang, vì cái đèn của mày đang phải dùng cáp nối dài, sợi cáp chạy lên tầng trên và cắm vào… gì nhỉ, một loại ắc quy nào đó chăng? Máy phát điện thì không phải rồi. Sẽ nghe thấy tiếng ngay. Mày không thèm dùng mấy ổ cắm trên tường, chứng tỏ nhà này đã bị cắt điện. Đã thế còn lạnh như nhà xác. Tao nhìn thấy được cả hơi tao thở ra, vậy nghĩa là hệ thống sưởi không hoạt động. Điều đó càng cho thấy đây là nhà hoang. Chẳng ai dám mạo hiểm ở trong căn nhà có đường ống bị đóng băng bao giờ.”

Bishop tỏ vẻ hài lòng khi nghe điều này, một nụ cười thấp thoáng trên môi hắn.

Porter tiếp tục nói. “Nhà này bề ngang tương đối hẹp. Vì thế đây hẳn là kiểu nhà thông cửa*. Mày chắc sẽ không chọn một khu dân cư sang chảnh nào đó có Starbucks, Internet, nơi người dân thường báo cảnh sát khi phát

hiện đối tượng có tiền án tiền sự, bởi vậy tao đoán nhiều khả năng mày sẽ bám trụ ở khu Tây. Có thể là một con phố như phố Wood chẳng hạn. Ở đó nhiều nhà không người ở lắm.”

Porter luồn bàn tay không bị còng vào trong chiếc áo khoác dày để tìm súng, nhưng chỉ thấy cái bao rỗng. Điện thoại di động của anh cũng mất rồi.

“Đúng là cảnh sát có khác.”

Phố Wood nằm cách căn hộ của anh ở Wabash những mười lăm phút lái xe nếu đường thông hè thoáng, Porter bị tiêm thuốc khi anh chỉ còn cách căn hộ chừng một khu nhà. Dĩ nhiên những điều này hoàn toàn chỉ là suy đoán, nhưng anh muốn gợi chuyện để Bishop nói tiếp. Càng mải ba hoa thì hắn càng ít nghĩ tới cái thìa kia.

Cơn đau nhức nhối ở đầu giờ đã dồn cả vào phía sau mắt phải của Porter.

“Anh không định thuyết phục tôi ra đầu thú sao? Rằng anh có thể giúp tôi thoát án tử nếu tôi ngoan ngoãn hợp tác ấy mà?”

“Không có đâu.”

Lần này Bishop mỉm cười thật. “Ê, có thứ này, anh muốn xem không?”

Porter định bảo không, nhưng anh biết có nói gì đi nữa cũng vô ích. Tên này đã sắp sẵn trong đầu một kế hoạch, một âm mưu nào đó rồi. Chẳng kẻ nào dám liều lĩnh bắt cóc một thanh tra của Sở Cảnh sát Chicago ngay giữa phố nếu như không có mục đích rõ ràng.

Anh cảm nhận được chùm chìa khóa đang nằm trong túi bên phải. Bishop đã chừa lại nó khi lấy súng và điện thoại của anh. Trong đó có chìa khóa mở còng, phần lớn còng tay đều dùng chung một chìa để mở. Hồi mới vào nghề, anh được biết lý do là vì người còng tay đối tượng và người mở

còng cho chúng sau đó gần như chắc chắn không phải là một. Đối tượng bị bắt có thể sẽ qua tay vài người trong quá trình làm thủ tục nhập khám. Bởi vậy, các sĩ quan được dạy phải tịch thu chìa khóa tìm thấy khi khám người đối tượng, *tất cả các chìa.* Tên tội phạm sành sỏi nào cũng đem theo chìa khóa mở còng để dễ bề tẩu thoát trong trường hợp có gã cảnh sát gà mờ quên kiểm tra. Porter sẽ phải xoay xở để lấy được chùm chìa khóa ra khỏi túi bên phải, rồi bằng cách nào đó chuyển nó sang tay trái, mở còng và hạ gục Bishop trước khi hắn kịp băng qua khoảng cách một mét rưỡi giữa hai người.

Tên này xem chừng không có vũ khí gì ngoài cái thìa.

“Mắt nhìn thẳng phía trước, Sam.” Bishop nói.

Porter lại hướng ánh mắt về phía hắn.

Bishop đứng dậy, đi về phía cái bàn nhỏ cạnh máy giặt ở bên kia tầng hầm. Sau đó hắn trở lại chỗ cũ, đem theo một chiếc hộp gỗ trên nắp có đặt khẩu Glock của Porter. Hắn bỏ khẩu súng xuống sàn cạnh chỗ ngồi, dùng ngón cái gạt chốt cài của chiếc hộp và mở nắp ra.

Sáu nhãn cầu ngước lên nhìn Porter từ bên trong chiếc hộp lót nhung đỏ.

Những nạn nhân trước đây của Bishop.

Porter liếc xuống khẩu súng.

“Mắt nhìn thẳng phía trước.” Bishop nhắc lại kèm theo tiếng cười khẽ.

Có điều gì đó không ổn rồi. Bishop xưa nay luôn tuân theo một khuôn mẫu cố định. Hắn xẻo tai nạn nhân trước, sau đó móc mắt, rồi cắt lưỡi, đặt vào một chiếc hộp màu trắng thắt dây màu đen và gửi đến cho gia đình mỗi nạn nhân kèm theo một tấm thiệp. Luôn là như vậy. Hắn không bao giờ thay

đổi quy trình. Hắn không giữ lại chiến lợi phẩm. Hắn tin rằng mình đang bắt gia đình này phải trả giá cho tội ác nào đó mà họ gây ra. Một kiểu thay trời hành đạo quái đản. Hắn không giữ lại những cặp mắt. Không bao giờ hắn giữ…

“Bắt đầu vào việc thôi.” Bishop vuốt tay lên nắp hộp, một cử chỉ đầy âu yếm, rồi đặt nó xuống sàn cạnh khẩu súng và giơ cái thìa ra trước ánh sáng.

Porter lăn người xuống khỏi băng ca rồi kêu lên đau đớn khi đầu còng bằng kim loại cứa vào cổ tay anh, cái ống đã níu chiếc còng lại. Cố gắng quên đi cơn đau, anh lóng ngóng thò tay trái vào túi bên phải để lấy chìa khóa, đồng thời đạp băng ca về phía Bishop. Ngón tay Porter sượt qua chùm chìa khóa khi Bishop né được cái băng ca và tung cú đá vào ống quyển bên trái của anh. Chân anh khuỵu xuống, anh ngã nhào ra sàn, cái còng ở cổ tay phải mắc vào đường ống và giật mạnh đến nỗi trật cả khớp vai.

Chưa kịp phản ứng gì thì anh chợt thấy đau nhói khi một mũi tiêm nữa đâm vào da thịt, lần này là bắp đùi. Anh cố cúi nhìn nhưng Bishop đã nắm lấy tóc anh, giật ngửa đầu anh ra sau.

Ý thức bắt đầu rời bỏ anh. Porter cố cưỡng lại, cố phản kháng bằng tất cả sức lực trong anh. Anh cầm cự đủ lâu để trông thấy cái thìa đang từ từ đưa lại gần mắt trái của mình, đủ lâu để cảm nhận mép răng cưa cứa vào sụn mi nằm dưới nhãn cầu khi Bishop dùng sức chọc cái thìa vào hốc mắt anh, đủ lâu để…

“Cô nàng nóng bỏng chứ?”

Porter giật nảy người trên ghế, nhưng dây an toàn đã níu anh lại. Anh hít một hơi dài, hết nhìn trái rồi lại nhìn phải, ánh mắt anh dùng lại ở Nash đang ngồi trên ghế lái. "Hả? Ai cơ?"

Nash cười giễu. "Em gái trong mơ của anh chứ ai. Thấy anh rên rỉ mà."

Sáu nhãn cầu.

Tuy vẫn còn ngơ ngác nhưng Porter cũng đã nhận ra mình đang ngồi ở ghế phụ trên chiếc Chevy của Nash, dòng xe Nova đời 1972 cũ mà Nash tậu cách đây hai tháng, khi chiếc Ford Fiesta con cưng đột ngột khục khặc rồi chết ngóm trên đường 290 lúc ba giờ sáng, khiến anh buộc phải gọi về trụ sở xin một xe đến đón vì không liên lạc được với Porter.

Porter đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. Kính xe bị phủ một lớp mỏng bụi đường và băng. "Đây là đâu?"

"Chúng ta đang trên đường Hayes, phía trước là công viên." Nash đáp và bật xi nhan. "Có lẽ anh nên đứng ngoài vụ này thì hơn."

Porter lắc đầu. "Tôi vẫn ổn."

Nash ngoặt xe sang trái, rẽ vào Công viên Jackson và đi theo con đường chính dẫn tới cổng vào mới được ủi sạch tuyết, ánh đèn chớp xanh đỏ lấp loáng hắt lên những rặng cây tăm tối xung quanh họ. "Từ đó đến nay đã bốn tháng rồi, Sam à. Nếu anh vẫn gặp vấn đề về giấc ngủ thì nên nói chuyện với ai đó. Không nhất thiết phải là tôi hay Clair, mà… người nào cũng được."

"Tôi vẫn ổn." Porter nhắc lại.

Họ đi qua một sân bóng chày nằm ở bên phải, cái sân bị lãng quên suốt mùa đông, rồi chiếc xe tiếp tục dấn sâu vào trong rừng cây khẳng khiu, trụi lá. Phía trước có thêm ánh đèn - nửa tá ô tô, mà cũng có thể nhiều hơn. Bốn

xe cảnh sát tuần tra, một xe cứu thương, một xe van cứu hỏa. Những chiếc đèn pha công suất lớn sắp thành hàng ven đầm nước, máy sưởi chạy bằng khí propane đặt rải rác quanh khu vực được quây lại bằng dải băng cách ly màu vàng.

Nash dừng lại phía sau chiếc xe van, gạt cần số về chế độ đỗ rồi tắt máy. Cái xe khục khặc hai lần, nghe như sắp sửa phát ra một tiếng nổ ngược kinh hoàng, sau đó mới chịu im hẳn. Porter nhận thấy vài sĩ quan nhìn chằm chằm về phía họ khi họ xuống xe và bước ra ngoài giữa trời đông buốt giá.

“Chúng ta có thể đi bằng xe của tôi cũng được mà.” Porter nói với Nash, gót giày anh đạp trên lớp tuyết mới tinh phát ra tiếng lạo xạo.

Porter sở hữu một chiếc Dodge Charger đời 2011.

Phần lớn đồng nghiệp ở Sở vẫn hay gọi đùa cái ô tô của Porter là “con xế khủng hoảng tuổi trung niên”. Cái xe ấy đã thay thế cho chiếc Toyota Camry cách đây hai năm, khi Porter đón sinh nhật lần thứ năm mươi. Heather, người vợ quá cố của anh, đã mua cái xe thể thao này để làm quà tặng bất ngờ cho anh, sau khi chiếc Toyota bị kẻ xấu phá hoại rồi vứt bỏ tại một trong những khu vực “không mấy thiện cảm với cảnh sát” ở vùng phía nam của thành phố. Chính Porter cũng thừa nhận rằng khi ngồi sau tay lái, anh cảm thấy như trẻ ra mấy tuổi, nhưng chủ yếu là cái xe luôn khiến anh mỉm cười.

Heather đã giấu chìa khóa xe vào trong chiếc bánh gatô sinh nhật rồi đem nướng lên, làm anh suýt mẻ răng khi cắn phải.

Cô bịt mắt anh lại, dẫn anh xuống cầu thang và bước ra ngoài cổng, sau đó hát bài *Happy Birthday* cho anh nghe bằng giọng hát khó có cơ hội được

góp mặt trong chương trình *American Idol.*

Porter luôn nghĩ đến cô mỗi khi ngồi vào trong xe, nhưng giờ đây, dường như những điều gợi cho anh nhớ về cô cứ ngày càng ít đi, khuôn mặt cô mỗi lúc một mờ nhạt trong tâm trí anh.

"Cái ô tô ấy chính là một phần của vấn đề đấy. Chúng ta lúc nào cũng đi bằng xe của anh, để cho em Connie kia bị xếp xó đến hoen gỉ trên lối đi nhà tôi. Nếu lái em ấy, tôi sẽ nhớ ra rằng tôi muốn cải tạo lại em ấy. Mà khi đã nhớ ra, biết đâu tôi sẽ chịu lết xuống gara và bắt tay vào thực hiện."

"Connie á?"

"Ô tô cũng phải có tên chứ."

"Phải cái gì mà phải. Ai lại đi đặt tên cho ô tô bao giờ, mà anh đâu có biết cách cải tạo em… nó… sao cũng được. Có mà lúc anh lôi cái xe cũ rích ấy về nhà, lần đầu tiên cầm lấy cờ lê, anh đã hiểu ra còn lâu anh mới cải tạo xong nó chỉ trong vòng bốn mươi ba phút giống như mấy gã trong *Overhaulin'**. " Porter nói.

"Chương trình đó đúng là nhảm nhí. Lẽ ra phải nói thật quá trình sửa chữa kéo dài bao lâu chứ."

"Như thế vẫn còn tốt chán. Ít nhất anh cũng không đâm nghiện kênh HGTV* và tưởng mình có thể tranh thủ những lúc rảnh rỗi để cải tạo nhà cửa rồi rao bán."

"Cái đó thì đúng. Nhưng họ sửa lại mấy căn nhà chỉ trong vòng có hai mươi hai phút mà lãi thu về còn khủng hơn." Nash đáp. "Nếu sửa được một, hai căn, tôi có thể thuê người độ lại xe. Ê, Clair kìa…"

Họ chui qua dải băng cách ly màu vàng, tiến lại gần đầm nước. Clair đang đứng cạnh một cái máy sưởi, di động áp vào tai. Nhìn thấy họ, cô lấy

tay bịt loa thoại, hất hàm về phía bờ đầm và bảo "Bọn tôi nghĩ đó là Ella Reynolds," rồi lại tiếp tục nói chuyện điện thoại.

Tim Porter chùng xuống.

Ella Reynolds là cô bé mười lăm tuổi mất tích ở gần khu vực Quảng trường Logan sau khi tan học cách đây ba tuần. Lần cuối cùng có người trông thấy Ella là lúc cô xuống xe buýt của trường, cách nhà khoảng hai khu. Bố mẹ cô lập tức gọi cảnh sát, thông báo khẩn cấp tìm trẻ em mất tích được đưa ra chỉ một giờ sau khi cô biến mất. Nhưng nỗ lực đó không mang lại kết quả gì. Cảnh sát chẳng nhận được tin báo nào có giá trị.

Nash tiến lại gần mép nước, Porter theo sau.

Cái đầm đã đóng băng.

Bốn cọc tiêu hình nón màu cam được đặt trên mặt băng ở xa bờ, quây lại bằng dải băng vàng, tạo thành một hình chữ nhật. Tuyết ở đó đã được quét sạch.

Porter rón rén bước lên băng, dỏng tai nghe ngóng xem có tiếng "rắc" cảnh báo nào vang lên dưới chân không. Dù cho có bao nhiêu dấu giày để lại trên mặt đầm đóng băng đi nữa, anh lúc nào cũng run khi thêm vào đó dấu giày của mình.

Khi Porter tiến đến gần, cô bé dần dần hiện ra trong tầm mắt. Lớp băng trong vắt như pha lê.

Cô ngước lên nhìn bằng ánh mắt vô hồn từ bên dưới băng.

Da cô trắng bệch trông thật ghê rợn, hơn nữa còn ánh lên sắc xanh, chỉ trừ vùng da quanh mắt. Hai quầng mắt cô tím bầm lại. Môi cô hé mở như có điều muốn nói, những điều vĩnh viễn không được thốt ra.

Porter quỳ xuống để có thể quan sát kĩ hơn.

Cô bé mặc áo khoác đỏ, quần jeans đen, đội mũ len trắng và đeo găng tay cùng bộ, đi đôi giày màu hồng có vẻ giống kiểu giày tennis. Hai tay buông thõng, chân hơi cong lại, mất hút dưới vùng nước tối đen. Thường thì xác ngâm dưới nước sẽ trương lên, nhưng ở nhiệt độ này, cái lạnh lại giúp bảo quản thi thể. Porter thà phải nhìn xác trương còn hơn. Khi người chết ít nhiều mất đi diện mạo của con người, anh thấy dễ tiếp nhận những gì mình đang chứng kiến hơn, ít bị cảm xúc chi phối hơn.

Cô bé này trông chỉ như đứa trẻ con, tuyệt vọng, đơn độc, say ngủ bên dưới tấm chăn bằng băng.

Nash đứng phía sau anh, đưa mắt quan sát rừng cây bên kia đầm. “Nơi này từng là địa điểm tổ chức Hội chợ Quốc tế vào năm 1893. Ngày trước còn có khu vườn kiểu Nhật ở đằng xa, chỗ cây cối um tùm ấy. Bố tôi từng dẫn tôi tới đây chơi khi tôi còn nhỏ. Ông bảo hồi Thế chiến thứ hai, ở đây bung bét lắm. Tôi nhớ có đọc được ở đâu đó rằng người ta đã huy động vốn để cải tạo khu này vào mùa xuân. Thấy đám cây bị đánh dấu kia không? Chúng sắp bị chặt đấy.”

Porter nhìn theo ánh mắt người cộng sự. Cái đầm được chia thành hai mé đông và tây, bao quanh một đảo nhỏ. Nhiều cây trên đảo Cây được thắt những dải ruy băng màu hồng quanh thân. Có vài chiếc ghế nằm rải rác bên kia bờ, bị phủ một lớp tuyết trắng mỏng. “Theo anh, cái đầm này đóng băng từ bao giờ?”

Nash ngẫm nghĩ giây lát. “Chắc là cuối tháng Mười hai, đầu tháng Một. Sao anh lại hỏi thế?”

“Nếu đây đúng là Ella Reynolds, vậy làm thế nào cô bé nằm dưới băng được? Cô bé mới mất tích ba tuần trước. Lúc đó băng đã rắn chắc lắm rồi.”

Nash mở bức ảnh chụp gần đây của Ella Reynolds lưu trong điện thoại và cho Porter xem. “Trông giống đấy, nhưng cũng có thể chỉ là trùng hợp, có thể một cô bé nào đó rơi xuống đầm khi băng vẫn còn mềm chẳng hạn.”

“Nhưng cô bé kia giống y hệt người trong ảnh.”

Clair bước tới bên cạnh họ. Cô hà hơi vào tay và xoa xoa. “Tôi vừa nói chuyện với Sophie Rodriguez ở Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích. Tôi chụp ảnh gửi cho cô ấy và cô ấy khẳng định người này là Ella Reynolds, nhưng quần áo thì không khớp. Cô ấy nói lúc mất tích, Ella mặc áo khoác màu đen. Ba nhân chứng cũng xác thực khi ở trên xe buýt cô bé mặc áo đen chứ không phải áo đỏ. Cô ấy đã gọi điện cho mẹ của Ella và bà ấy nói con gái mình không có áo khoác đỏ, mũ len và găng tay len trắng nào cả.”

“Vậy thì hoặc đây là một người hoàn toàn khác, hoặc có kẻ đã thay đồ cho Ella.” Porter nói. “Chỗ này cách địa điểm cô bé mất tích những hai mươi lăm kilômét.”

Clair cắn môi dưới. “Bên pháp y sẽ phải xác định danh tính của cô bé.”

“Ai tìm thấy cô bé vậy?”

Clair chỉ về phía chiếc xe tuần tra đỗ ở đằng xa, ngoài khu vực cách ly. “Một cậu bé và ông bố. Cậu nhóc mới mười hai tuổi.” Cô xem lướt phần ghi chú trong điện thoại. “Scott Watts. Cậu ta tới cùng với bố để xem cái đầm đã đông cứng đủ để học trượt băng chưa. Tên ông bố là Brian. Ông ta nói cậu con trai gạt đi lớp tuyết và trông thấy một phần cánh tay cô bé. Ông ta bảo con tránh ra và tự mình phủi sạch tuyết đủ để xác thực đúng là người thật, sau đó gọi 911. Chuyện xảy ra khoảng một giờ trước. Cuộc điện thoại gọi đến lúc bảy giờ hai mươi chín phút. Tôi đã bảo họ ngồi chờ trong xe tuần tra, phòng khi anh có điều muốn hỏi họ.”

Porter dùng móng tay trỏ cạo lên băng, rồi nhìn quanh bờ đầm. Hai sĩ quan khám nghiệm hiện trường đứng dạt về bên trái, nhìn ba người bọn họ bằng ánh mắt cảnh giác. "Ai trong số hai người đã dọn chỗ này?" Porter hỏi.

Sĩ quan trẻ hơn, một phụ nữ khoảng ba mươi tuổi có mái tóc vàng cắt ngắn, đeo kính và quàng khăn màu hồng, giơ tay lên. "Là tôi ạ, thưa Thanh tra."

Cộng sự của cô rục rịch chân. Anh ta có vẻ lớn hơn cô khoảng năm tuổi. "Tôi là người giám sát. Sao thế?"

"Nash, đưa tôi thứ kia được không?" Anh chỉ vào cây cọ có lông dài màu trắng đặt trên một trong mấy bộ dụng cụ của Đội Khám nghiệm.

Porter ra hiệu cho hai sĩ quan lại gần. "Đừng sợ, tôi không mấy khi cắn đâu."

Hồi tháng Mười một vừa rồi, Porter quay lại làm việc sớm dù còn đang trong đợt nghỉ phép bắt buộc do cấp trên áp xuống sau khi vợ anh bị giết trong một vụ cướp xảy ra tại một cửa hàng tiện ích gần đó. Anh muốn tiếp tục đi làm, chủ yếu là vì công việc giúp anh phân tâm, tạm quên đi chuyện xảy ra.

Những ngày đầu tiên sau khi vợ mất, khi anh tự giam mình trong căn hộ, là quãng thời gian tồi tệ nhất. Nhìn đâu cũng thấy những thứ gợi nhớ về cô.

Khuôn mặt cô nhìn anh từ những bức ảnh bày ở hầu khắp các dãy kệ. Mùi hương của cô vẫn phảng phất đâu đây, nguyên tuần đầu tiên anh không sao chợp mắt được nếu không đặt vài bộ đồ của cô trên giường. Ngồi trong

căn hộ, anh chỉ nghĩ đến một điều duy nhất, đó là anh sẽ làm gì với kẻ đã giết cô, những ý nghĩ anh không muốn lưu giữ trong đầu.

Cuối cùng, tên sát nhân Bốn Con Khỉ - tức 4MK - đã kéo anh ra khỏi nhà.

Cũng chính 4MK là kẻ đã bắt hung thủ giết vợ anh phải đền mạng. 4MK là lý do khiến những người như hai sĩ quan này cư xử kỳ quặc khi có mặt anh. Không hẳn là họ sợ, đúng hơn là họ kiêng dè.

Anh là tay cớm đã để cho 4MK thâm nhập vào cuộc điều tra của cảnh sát dưới danh nghĩa sĩ quan khám nghiệm hiện trường. Anh là tay cớm bị 4MK đâm trong chính ngôi nhà của mình. Anh là tay cớm đã bắt được tên sát nhân hàng loạt ấy rồi lại để hắn trốn mất.

Bốn tháng sau, người ta vẫn còn nói về vụ đó, chẳng qua không nói với anh thôi.

Hai sĩ quan tiến lại gần.

Người phụ nữ ngồi xổm xuống cạnh anh.

Porter dùng cọ quét đi chỗ tuyết ở sát bờ và cả ngoài rìa khu vực họ đã làm sạch trước đó. Sau khi mở rộng vòng tròn thêm sáu mươi centimet, anh đặt cọ xuống rồi xoa tay lên mặt băng, bắt đầu từ tâm vòng tròn và chầm chậm tiến dần ra ngoài. Khi chỉ còn cách đống tuyết khoảng mười centimet thì anh dừng lại. “Chỗ này. Cô sờ thử xem.”

Sĩ quan trẻ tuổi tháo găng và dè dặt làm theo anh, đầu ngón tay cô lướt trên mặt băng.

Cô dừng lại cách lòng bàn tay Porter khoảng gần ba centimet.

“Có cảm thấy không?”

Cô gật đầu. “Có chỗ hơi võng xuống. Ít thôi, nhưng chắc chắn là có.”

"Cô lần theo đi. Đánh dấu lại bằng cái này." Anh đưa cho cô chiếc bút dạ.

Một phút sau, cô đã vẽ xong một hình vuông lớn ngay ngắn phía trên cái xác và hai hình vuông nhỏ hơn ở hai bên, mỗi hình có cạnh khoảng mười centimet.

"Vậy là đã có câu trả lời." Porter nói.

Nash nhíu mày. "Thế này nghĩa là sao?"

Porter đứng dậy, đỡ người phụ nữ lên cùng. "Cô tên gì?"

"Sĩ quan khám nghiệm hiện trường Lindsy Rolfes, thưa Thanh tra."

"Sĩ quan Rolfes, cô có thể giải thích ý nghĩa của hình vẽ này không?"

Cô ngẫm nghĩ giây lát, nhìn từ Porter sang mặt băng, rồi lại nhìn anh. Cuối cùng, cô đã hiểu. "Cái đầm này bị đóng băng, nhưng có người đã cắt băng ra, có thể là bằng cưa máy không dây, sau đó thả cô bé xuống nước. Nếu cô bé sảy chân ngã thì chỗ băng vỡ sẽ nham nhở chứ không vuông vắn thế kia. Nhưng có điểm bất hợp lý…"

"Điểm gì?"

Cô nhíu mày, thò tay vào hộp dụng cụ và lấy ra cái máy khoan không dây, lắp mũi khoan có đường kính hai mươi lăm milimet rồi khoan hai lỗ, một lỗ ở ngoài phạm vi mấy hình vẽ, một lỗ gần với thi thể. Cô dùng thước đo khoảng cách từ mặt băng tới mặt nước ở cả hai lỗ. "Sao lại thế nhỉ, cô bé nằm bên dưới ranh giới đóng băng."

"Tôi chẳng hiểu gì cả." Clair nói.

"Hắn đã đổ nước vào." Porter nói.

Rolfes gật đầu. “Đúng vậy, nhưng tại sao? Hắn có thể khoét một cái hố, đẩy cô bé xuống bên dưới lớp băng sẵn có, rồi để cho cái hố tự đông lại được mà. Như thế sẽ nhanh chóng và dễ dàng hơn nhiều chứ. Cô bé có thể biến mất, thậm chí là vĩnh viễn.”

Clair thở dài. “Làm ơn giải thích cho những người không được học qua lớp Hố Băng sơ cấp như tụi tôi được không?”

Porter ra hiệu về phía cái thước, Rolfes đưa nó cho anh. “Băng ở đây dày ít nhất mười centimet. Mọi người có thể thấy mực nước đo được ở chỗ này.” Anh chỉ vào dấu vết trên cái thước. “Nếu khoét một hình vuông trên băng rồi nhấc ra, ta sẽ được một thành băng dày mười centimet tính từ mặt băng tới mặt nước. Giả sử ta thả xác cô bé vào đó, cô bé chìm xuống, sau đó ta muốn xóa cái hố này đi. Chỉ có một cách. Đó là đợi cho tới khi mặt nước phía trên cái xác đóng băng, chí ít là một lớp mỏng, sau đó đổ nước vào hố cho bằng với mặt băng xung quanh.”

“Ít nhất phải hai giờ sau nước mới bắt đầu đóng băng.” Rolfes nói. “Cũng có thể nhanh hơn một chút, căn cứ vào nhiệt độ ngoài trời mấy ngày gần đây.”

Porter gật gù. “Hắn tiếp tục đổ nước vào cho tới khi lượng nước mới ngang bằng với lớp băng xung quanh. Hung thủ là kẻ rất kiên nhẫn. Việc này cực kỳ mất thời gian.” Anh quay sang viên sĩ quan giám sát. “Chúng ta sẽ cần đến chỗ băng này. Thu thập tất cả những gì có ở phía trên cô bé cộng thêm ít nhất vài centimet xung quanh hình vuông. Rất có thể có dấu vết nào đó rơi vào nước trong lúc đóng băng. Hung thủ quanh quẩn ở đây rất lâu.”

Viên sĩ quan có vẻ như muốn cãi lời, sau đó lại miễn cưỡng gật đầu. Anh ta biết Porter nói đúng.

Ánh mắt Porter lại hướng về phía đám cây cối um tùm ở đằng xa. “Có điều, tôi không hiểu tại sao kẻ làm việc này lại không vứt cô bé ở kia. Đem cái xác tới nơi quang đãng này, hì hục cắt băng, lấp đầy nước, chờ cho đóng băng… như vậy quá mạo hiểm. Hung thủ có thể đem cô bé qua cầu rồi bỏ lại ở bất cứ chỗ nào bên đó, sẽ chẳng ai phát hiện ra cho tới tận mùa xuân, khi công nhân bắt đầu thi công. Vậy mà hắn lại dành hàng giờ để dàn dựng hiện trường gần khu vực có nhiều người qua lại. Chấp nhận nguy cơ bị bắt quả tang. Để làm gì? Để tạo cảm giác cô bé đã nằm đây lâu hơn nhiều so với thực tế ư? Hắn chắc chắn phải biết cảnh sát thế nào cũng đoán ra chứ.”

“Xác chết thường không nổi lên mặt nước.” Nash nói. “Ít nhất là trong vài ngày đầu. Nhìn cô bé xem. Được bảo quản hoàn hảo. Tôi vẫn chưa hiểu sao cô bé lại nổi lên thế kia.”

Porter di ngón tay theo cạnh của hình vuông lớn rồi dừng lại ở một trong hai hình vuông nhỏ kế bên. Áp mặt lại gần lớp băng, anh nhìn nghiêng từ bên cạnh và quan sát thi thể. “Quỷ tha ma bắt.”

“Gì thế?” Rolfes rướn người tới.

Porter rà bàn tay lên mặt băng trên vai cô bé. Khi tìm thấy thứ cần tìm, anh đặt tay Rolfes lên đó. Cô nhìn anh, mắt cô dần mở lớn trong lúc ngón tay hơi bấm xuống băng. Cô sờ vào vị trí tương ứng ở phía đối diện. “Hắn giữ cho cô bé khỏi chìm bằng cách dùng một vật bắc ngang qua cái hố này, có thể là tấm ván cỡ 2x4, căn cứ vào những dấu vết để lại. Sau đó, hắn quàng một sợi dây hoặc sợi thừng qua vai cô bé, rồi buộc vào tấm ván trong lúc chờ cho chỗ nước mới đóng băng. Xong xuôi, hắn cắt dây đi. Mọi người vẫn có thể sờ thấy hai đầu dây trong lớp băng ở chỗ này. Đoạn dây còn lại đủ để giữ cho cô bé nổi lên gần mặt nước. Mọi người sẽ thấy một sợi thừng mảnh nếu lựa đúng vị trí nhìn xuống lớp băng theo một góc nghiêng.”

"Hắn muốn cô bé được tìm thấy ư?" Clair hỏi.

"Hắn muốn để lại dấu ấn sâu đậm *trong trường hợp* cô bé được tìm thấy." Porter nói. "Hắn hao tâm tổn trí dàn dựng sao cho nhìn bề ngoài tưởng như cô bé chết cóng dưới đầm từ nhiều tháng trước, dù thực tế cô bé mới ở đây cùng lắm là vài ngày, có thể ít hơn. Ta cần phải tìm hiểu lý do."

"Tên này đang giỡn mặt chúng ta." Rolfes nói. "Hắn sắp đặt hiện trường để truyền tải câu chuyện nào đó."

Bản năng tự bảo vệ và nỗi sợ là hai trong số những bản năng mạnh mẽ nhất của con người. Porter không rõ liệu mình có muốn gặp một kẻ vô cảm với cả hai điều đó hay không. "Vớt cô bé lên đi." Cuối cùng, anh nói.

CHƯƠNG 2

Porter

Ngày 1 • 11:24 tối

"Có muốn tôi đưa anh lên nhà không?"

Chiếc xe đỗ lại bên ngoài khu căn hộ nhà Porter trên đại lộ Wabash. Nash khẽ nhấn chân ga để Connie khỏi chết máy. Càng về đêm, trời càng lạnh cắt da cắt thịt.

Porter lắc đầu. "Anh về nghỉ đi. Chúng ta sẽ phải bắt tay vào việc ngay sáng mai đấy."

Đội Khám nghiệm Hiện trường đã dùng cưa máy cắt một khối băng lớn hình vuông xung quanh cô bé, sau đó cẩn thận chia nhỏ ra để dễ xử lý. Băng được chất vào các xô và chuyển về phòng thí nghiệm để phân tích. Thi thể được đưa tới nhà xác để nhận dạng. Porter gọi điện cho Tom Eisley, anh ta đồng ý đến sớm và liên lạc với anh ngay khi xác định được danh tính chính xác của nạn nhân. Lúc Porter và Nash ra về thì các sĩ quan tuần tra mặc đồng phục vẫn cần mẫn tìm kiếm trong công viên, nhưng tại thời điểm đó họ chưa phát hiện ra bất cứ thứ gì. Clair đồng ý ở lại xem băng ghi hình do chiếc camera giám sát duy nhất lắp ở cổng công viên thu lại. Cô không rõ mình đang tìm kiếm điều gì, Porter cũng không đưa ra được chỉ dẫn cụ thể mà chỉ bảo cô để ý xem có thấy hành vi bất thường nào diễn ra trong ba tuần trở lại đây hay không, nhất là vào ban đêm. Công viên đóng cửa lúc mặt trời lặn, sau đó, ngoài vài ngọn đèn bố trí ở một số khu vực thường

xuyên có người qua lại, những chỗ khác đều chìm trong bóng tối. Ở đầm nước không có đèn chiếu sáng cố định. Bất cứ ai ra vào sau khi trời tối đều sẽ dễ dàng bị phát hiện.

“Về chuyện hồi nãy, lúc lái xe tới đầm…” Porter lên tiếng.

Nash ngắt lời anh. “Anh không cần phải giải thích gì cả. Không sao mà.”

Porter xua tay. “Lâu nay tôi chỉ ngủ được rất ít, kể từ hồi Heather mất đến giờ. Cứ mỗi lần đặt chân vào nhà, tôi đều cảm thấy rất trống vắng. Tôi cứ chờ đợi cô ấy bước ra từ một phòng nào đó, hoặc đi vào qua cửa trước, tay ôm chiếc túi đựng đầy rau quả, nhưng điều đó không bao giờ xảy ra. Tôi không muốn quay sang nhìn chỉ để thấy bên giường cô ấy nằm trống không. Tôi không muốn thấy bàn chải đánh răng của cô ấy trong phòng tắm, nhưng lại không đành lòng vứt đi. Cả quần áo của cô ấy cũng vậy. Khoảng một tuần trước, tôi suýt đem đóng thùng tất cả đồ đạc rồi gửi đến Goodwill. Nhưng mới cho được cái áo sơ mi đầu tiên vào thì tôi không làm nổi nữa. Lật lại đống quần áo khiến mùi hương của cô ấy lan tỏa khắp nơi, cảm giác gần giống như cô ấy đã trở về, dù chỉ trong chốc lát. Tôi biết mình phải quên đi mà sống, nhưng không hiểu tôi có làm được không. Ít ra là lúc này thì chưa.”

Nash siết vai người đồng đội. “Được chứ. Đến lúc thích hợp, anh sẽ quên thôi. Không việc gì phải vội. Anh chỉ cần nhớ là chúng tôi luôn ở bên anh. Cần gì anh cứ nói.” Nash nghịch vô lăng, kéo nhẹ một mẩu giả da bị bong. “Chuyển chỗ ở biết đâu lại hay. Tìm một nơi mới, làm lại từ đầu.”

Porter lắc đầu. “Tôi không thể. Vợ chồng tôi đã cùng nhau tìm ra căn nhà này. Nó là tổ ấm của chúng tôi.”

“Hay là đi nghỉ một chuyến?” Nash gợi ý. “Anh còn nhiều ngày phép chưa dùng mà.”

“Ừ, cũng có thể.” Porter ngước lên nhìn mặt tiền khu căn hộ.

Anh sẽ không chuyển nhà. Ít nhất là trong tương lai gần.

Cánh cửa của chiếc Chevy kêu cót két khi Porter kéo tay nắm rồi bước ra ngoài. “Cha mẹ ơi, lạnh dữ.”

“Đến lúc mặc quần giữ nhiệt và nhâm nhi whiskey rồi.”

Porter gõ hai phát lên nóc xe. “Anh mà chịu khó sửa sang tí chút thì cũng ngon lành phết đây.”

Nash nhoẻn cười. “Hẹn nhau ở phòng tác chiến lúc bảy giờ nhé?”

“Ừ, bảy giờ.”

Thế rồi Nash rời đi.

Porter nhìn theo chiếc xe đi xa dần rồi mất hút, sau đó anh bước vào sảnh nhỏ của khu căn hộ, cẩn thận tránh đống phân chó đông cứng trên bậc tam cấp. Anh đi qua chỗ hòm thư và lên cầu thang. Giờ anh không đi thang máy nữa nếu không bắt buộc.

Vừa đặt chân vào căn hộ, xộc vào mũi anh là hỗn hợp của đủ loại mùi bốc ra từ một tá đồ ăn gọi về. Thủ phạm chính ở đây là đống hộp pizza trên bàn bếp, khiến cho khắp nhà toàn mùi phô mai và pepperoni lưu cữu lâu ngày.

Porter vắt áo khoác lên lưng ghế rồi đi vào phòng ngủ và bật đèn.

Chiếc giường đã bị đẩy vào góc phòng cùng với hai cái tủ đầu giường.

Hàng trăm bức ảnh, bản ghi chép, giấy nhớ và những bài báo phủ kín bức tường nơi chiếc giường từng chiếm chỗ. Một vài trong số đó được liên

kết với nhau bằng dây. Khi hết dây thì anh dùng bút dạ đen nối chúng lại.

Đây là tất cả những gì anh biết về 4MK, hay Anson Bishop, hay Paul Watson, ba kẻ đó đều chỉ là một người. Dù có hồ sơ chi tiết về những tội ác trước đây của Bishop, anh chủ yếu tập trung nghiên cứu những nơi Bishop có thể đã đến sau khi trốn thoát.

Trong góc phòng, chiếc laptop đang nằm trên sàn, màn hình sáng trưng. Porter cầm máy lên và chăm chú nhìn màn hình. Anh dùng dịch vụ thông báo Google Alerts (cách sử dụng đơn giản đến bất ngờ ngay cả với một người mù tin học) để thu thập những thứ xuất hiện trên Internet có liên quan đến Bishop, Watson hoặc 4MK, bao gồm mọi thông tin, bài viết, những lần lộ diện, kết quả sẽ được gửi về địa chỉ e-mail cá nhân của anh. Đôi khi việc này tiêu tốn nhiều giờ đồng hồ, nhưng anh vẫn kiên nhẫn đọc từng thông báo rồi xác định xem những địa điểm được nhắc đến nằm ở đâu trên tấm bản đồ thế giới cỡ lớn dán trên tường, trung tâm của toàn bộ hệ thống dữ liệu anh có. Trong số đó có cả bản đồ. Hàng tá bản đồ chi tiết của những thành phố lớn.

Số dữ liệu ấy là thành quả điều tra suốt bốn tháng trời.

Những tấm bản đồ bị cắm đầy đinh ghim, màu đỏ tượng trưng cho địa điểm có người đã trông thấy 4MK, màu xanh dương là nhà của phóng viên đưa tin về sự việc đó, màu vàng là nơi có người mất tích hoặc bị giết theo thủ pháp tương tự thủ pháp của hắn. Những kẻ bắt chước có ở khắp nơi. Phần lớn đinh ghim tập trung tại Chicago, nhưng cũng có cái nằm tít tận Brazil hoặc Moscow.

Porter nhặt một cái đinh ghim màu vàng và tìm vị trí đầm nước trong Công viên Jackson trên bản đồ thành phố Chicago. “Ella Reynolds, mất tích ngày 22 tháng Một năm 2015, nhiều khả năng được tìm thấy vào ngày 12

tháng Hai năm 2015.” Anh lẩm bẩm một mình. Anh không có lý do gì để cho rằng hung thủ là 4MK, nhưng tạm thời cái đinh ghim vẫn sẽ nằm đó cho tới khi anh chắc chắn rằng hắn vô can.

Hai mắt anh nặng trĩu vì thiếu ngủ.

Đầu anh đau như búa bổ.

Anh ngồi xuống giữa phòng và bắt đầu xem qua những thông báo do Google gửi đến ngày hôm nay, cả thảy có một trăm năm mươi chín cái.

Hai giờ sau, khi điện thoại đổ chuông, anh đã định không nghe máy, nhưng rồi lại đổi ý. Chẳng ai vô duyên vô cớ gọi điện vào lúc một rưỡi sáng cả.

“Porter nghe.” Anh nói.

Tại sao cứ đêm hôm khuya khoắt là giọng anh lại có vẻ to hơn bình thường thế nhỉ?

Ban đầu chỉ thấy bên kia lặng thinh. Sau đó: “Chào Thanh tra. Tôi là Sophie Rodriguez ở Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích. Tôi đã xin số của anh qua Clair Norton.”

“Tôi có thể giúp được gì cho cô, cô Rodriguez?”

Lại là một khoảng lặng. “Vừa có thêm một cô bé nữa mất tích. Anh và cộng sự của anh mau tới đây đi.”

CHƯƠNG 3

Porter

Ngày 2 • 2:21 sáng

Đây hóa ra là một ngôi nhà làm bằng đá vôi nằm trên phố King Drive ở khu Bronzeville.

Lúc gọi điện, Rodriguez không nói rõ, chỉ bảo rằng vụ mất tích này có liên quan tới thi thể cô bé được tìm thấy trong công viên ban tối, và Porter nên đến tận nơi.

Porter đỗ chiếc Charger phía sau chiếc Chevy của Nash trên phố rồi lội qua đống tuyết bên đường để đến với ngôi nhà nằm ở góc phố. Anh không cần phải gõ cửa. Một sĩ quan mặc đồng phục đứng ở cửa trước nhận ra anh và ra hiệu mời anh vào. Bước vào bên trong, anh thấy Nash và một phụ nữ lạ mặt ngồi ở phòng khách phía bên trái lối vào. Đứng cạnh Nash là người đàn ông gần năm mươi tuổi có mái tóc muối tiêu, dáng người khỏe khoắn, mặc quần jeans và áo khoác thể thao vải tweed. Còn một phụ nữ nữa đang ngồi trên xô pha với tờ khăn giấy đã bị vò nát trong tay, đây hẳn là vợ của người đàn ông kia.

Người phụ nữ ngồi cạnh bà ta đứng dậy khi Porter bước vào. “Thanh tra Porter phải không? Tôi là Sophie Rodriguez thuộc Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích. Cảm ơn anh đã đến. Tôi biết là lúc này đã khuya rồi.”

Porter bắt tay cô và đưa mắt quan sát căn phòng.

Những ngôi nhà làm bằng đá vôi ở Bronzeville chủ yếu được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ hai mươi. Ngôi nhà này đã được trùng tu vô cùng tỉ mỉ, giữ lại những phào nẹp và đồ đạc cố định nguyên bản. Thảm trải sàn nhìn thì có vẻ giống hàng thật nhưng chắc chắn chỉ là bản sao cao cấp của tấm thảm gốc. Đồ cổ được bài trí khắp nơi trong nhà.

Người đàn ông ban nãy nói chuyện với Nash chìa tay ra. "Tôi là bác sĩ Randal Davies, còn đây là vợ tôi, Grace. Cảm ơn anh rất nhiều vì đã tới đây lúc muộn thế này."

Ông ta ra hiệu mời anh ngồi xuống cái ghế bên cạnh xô pha.

Porter khước từ. "Đêm nay đã khá vất vả rồi. Tôi xin phép đứng cho thoải mái."

"Vậy anh dùng cà phê nhé?"

"Vâng. Cho tôi tách cà phê đen cũng được."

Bác sĩ Davies xin phép rồi bước ra ngoài hành lang.

Porter liếc nhìn Rodriguez, cô đã ngồi lại vào chỗ của mình trên xô pha.

"Cơ quan tôi nhận được cuộc gọi của bà Davies lúc hơn mười hai giờ đêm, khi bà ấy không thấy con gái về nhà." Rodriguez nói.

Bà Davies ngước lên nhìn bằng cặp mắt đỏ hoe, sưng mọng. "Lili làm thêm tại một phòng tranh ở trung tâm thành phố. Thứ Năm hằng tuần, sau khi tan học con bé sẽ tới thẳng đó làm rồi bắt Uber về khi phòng tranh đóng cửa lúc mười một giờ. Con bé luôn về đến nhà lúc mười một rưỡi. Nếu vì lý do nào đó phải về muộn, nó sẽ nhắn tin cho tôi, nó biết vợ chồng tôi sẽ lo nên *lúc nào* cũng nhắn tin báo trước. Con bé là đứa có trách nhiệm, đây là công việc đầu tiên nó làm, và nó biết bố mẹ lo lắng cho mình…" Bà ta dùng khăn giấy chấm nước mắt. "Đến mười một giờ bốn mươi lăm mà vẫn không

nhận được tin nhắn nào của con bé nên tôi gọi cho nó, nhưng cuộc gọi chuyển vào hộp thư thoại. Sau đó tôi gọi đến phòng tranh và hỏi cô Edwins, quản lý của con bé. Cô ấy nói không thấy Lili đến làm. Cô ấy có gọi cho con bé vài lần nhưng cũng chỉ thấy chuyển sang hộp thư thoại. Không có tiếng đổ chuông mà chỉ toàn thông báo hộp thư thoại. Tôi biết điều đó nghĩa là di động của con bé đã tắt, như vậy thật không giống tính nó chút nào. Nó không bao giờ tắt máy cả. Nó biết tôi lo lắng. Sau đó tôi lại gọi cho Gabby bạn thân của con bé…"

"Họ của Gabby là gì?" Porter hỏi.

"Deegan. Gabrielle Deegan. Tôi đã đưa thông tin liên hệ của cô bé ấy cho cộng sự của anh rồi." Vừa nói, bà ta vừa đưa mắt nhìn Rodriguez. Porter không đính chính lại.

Bà Davies nói tiếp. "Gabby bảo cả ngày nay nó không hề gặp bạn. Lili không đi học, mà cũng chẳng trả lời tin nhắn. Con bé đâu phải là người như thế, anh biết đấy. Nó luôn đạt điểm A, chẳng bao giờ nghỉ học kể từ năm lớp Bốn, đợt nó bị thủy đậu." Bà Davies ngừng lại, chăm chú nhìn Porter. "Anh là vị thanh tra truy bắt… Chúa ơi, anh cho rằng 4MK đã bắt con gái chúng tôi sao? Có phải vì thế mà anh có mặt ở đây?" Cặp mắt bà ta trợn tròn, ầng ậng nước.

"Vụ này không phải do 4MK làm đâu." Porter trấn an bà ta, dù bản thân anh cũng không dám chắc chắn. "Tại thời điểm này, chúng ta chưa có cơ sở để cho rằng con gái ông bà bị bắt cóc."

"Con bé sẽ không đời nào biến mất như vậy."

Porter tìm cách chuyển chủ đề. "Cô bé học trường nào?"

"Học viện Wilcox."

Bác sĩ Davies quay lại phòng, đưa cho Porter tách cà phê nghi ngút khói rồi tới đứng bên xô pha cạnh vợ. “Tôi biết anh đang nghĩ gì, và như tôi đã nói với các cộng sự của anh, Lili không có bạn trai. Con tôi sẽ không trốn học, trốn làm lại càng không, nó thích phòng tranh đó lắm. Đã xảy ra chuyện chẳng lành rồi. Di động của con bé có kích hoạt tính năng “Tìm iPhone”, nhưng lại không hiện trên tài khoản của chúng tôi. Tôi gọi đến tổng đài Apple, họ nói điện thoại của con bé đã ngắt mạng. Con gái chúng tôi sẽ không tắt máy như thế đâu.”

Nash đằng hắng. “Bà Davies này, bà có thể nói cho Thanh tra Porter biết hôm nay Lili mặc trang phục gì khi bà trông thấy cô bé lần cuối không?”

Bà Davies gật đầu. “Chiếc áo khoác yêu thích của nó, một chiếc parka* Perro màu đỏ, mũ trắng và găng tay cùng bộ, quần jeans tối màu. Những ngày trời lạnh, Lili đến trường rồi mới thay đồng phục. Sáng nay con bé ghé qua bếp chào tôi trước khi đi học. Nó mặc chiếc áo khoác yêu thích ấy, chiếc áo nó mua ở Barneys sau khi lãnh tháng lương đầu tiên. Nó tự hào về chiếc áo đó lắm.”

Rodriguez mím môi.

Porter không nói gì.

CHƯƠNG 4

Porter

Ngày 2 • 3:02 sáng

“Sao lại thế được nhỉ?”

“Ta có thể cho họ xem ảnh chụp cái áo khoác để xác nhận thử.” Nash nêu ý kiến.

Porter lắc đầu. “Không nên để họ nhìn thấy ảnh của một cô bé đã chết.”

Ba người đang đứng bên ngoài nhà Davies, làn hơi thở ra tạo thành một màn sương giá buốt lơ lửng giữa họ.

“Không thể có chuyện một kẻ nào đó có đủ thời gian để bắt cóc Lili Davies, thay trang phục của cô bé ấy sang cho Ella Reynolds, rồi vùi xác Ella dưới đầm băng trong công viên. Đó là việc bất khả thi. Đơn giản là không đủ thời gian để thực hiện.” Porter di di chân. Nhiệt độ lúc này chắc đã xuống mức âm. “Muốn thế, hung thủ sẽ phải có mặt ở cái đầm vào ban ngày, trong lúc công viên mở cửa. Hắn có thể bị nhìn thấy lắm chứ.”

Nash ngẫm nghĩ giây lát. “Trong thời tiết này, công viên gần như không người. Nguy cơ duy nhất mà hắn thực sự phải đối mặt chỉ là khi mang cái xác từ phương tiện vận chuyển ra tới đầm nước. Trừ phi có người đến gần, còn không, hầu như sẽ chẳng thấy dấu hiệu gì bất thường cả. Trông hắn sẽ chỉ giống như một người bình thường đi ra đầm để câu cá dưới băng hay đại loại thế. Nếu hắn dùng cần câu để ngụy trang thì tôi dám chắc hắn có thể quanh quẩn ở đó cả ngày mà chẳng bị ai để ý.”

“Hắn làm vậy là có mục đích gì, ngoài việc xử lý cái xác ra?” Rodriguez hỏi.

Porter và Nash đưa mắt nhìn nhau. Cả hai đều hiểu sát nhân hàng loạt gây án hiếm khi có mục đích, hay ít ra là không có mục đích nào mà người ngoài cuộc có thể hiểu được. Tạm thời mới tìm ra một nạn nhân, nhưng nếu cô bé ấy có mối liên hệ với cô bé thứ hai mất tích thì có thể họ đang phải đương đầu với một vụ giết người hàng loạt.

“Ella Reynolds và Lili Davies có quen biết nhau không?” Porter hỏi Rodriguez.

Cô lắc đầu. “Bố mẹ Lili chỉ nghe nói đến tên Ella qua ti vi thôi.”

“Chúng ta nên hỏi chuyện Gabby, bạn của Lili.” Porter gợi ý. “Cô bé ấy đi học lúc mấy giờ?”

Rodriguez xem sổ ghi chép. “Bảy giờ mười lăm.”

Nash nhắm mắt lại và nhẩm tính. “Vậy là từ lúc Lili mất tích cho đến khi Ella được tìm thấy dưới đầm băng chỉ vỏn vẹn có mười hai tiếng đồng hồ.”

“Xem anh làm tính kìa.” Porter nói và cười giễu.

“Nếu hung thủ của hai vụ đều là một thì tên này ra tay quả là thần tốc. Và cũng hiệu quả nữa.” Nash nói.

Porter quay sang Rodriguez. “Cô tên Sophie nhỉ?”

Cô gật đầu.

“Cô hãy quay vào nhà và khám xét phòng riêng của cô bé. Tìm xem có chi tiết nào khác thường không. Kiểm tra máy tính, e-mail, tài liệu lưu trong máy. Tìm nhật ký, ảnh chụp, vân vân… Nếu phát hiện được bất cứ điều gì

thì gọi cho tôi. Tra xem cô bé đến trường theo đường nào, đi bộ hay đi nhờ xe, với bạn hay một mình. Cô hiểu chứ?"

Rodriguez cắn môi dưới. "Điều đó có nghĩa là số phận Lili sẽ thế nào đây?"

Porter chưa sẵn sàng nghĩ đến điều đó. Anh lại quay sang Nash. "Đi gọi Eisley dậy thôi."

CHƯƠNG 5

Porter

Ngày 2 • 4:18 sáng

Phòng Giám định Pháp y và nhà xác quận Cook tọa lạc ở gần phố West Harrison tại trung tâm Chicago. Giờ này trên đường rất ít xe cộ qua lại, Porter và Nash thấy bãi đỗ xe phía trước khá vắng. Nhân viên bảo vệ ở bàn tiếp tân ngước lên nhìn họ bằng ánh mắt lờ đờ và gật đầu chào. "Vui lòng để lại họ tên."

Porter nguệch ngoạc hai chữ *Burt Reynolds** lên tấm bìa kẹp rồi đưa cho Nash, anh chàng này viết *Dolly Parton** rồi trả lại và theo Porter đi về phía dãy thang máy ở cuối sảnh. Porter không khoái đi thang máy, nhưng nếu phải cuốc bộ vài lượt cầu thang thì anh còn ghét hơn.

Thang máy thứ hai tính từ bên trái xuống đến nơi trước tiên, Porter theo Nash vào trong trước khi đổi ý.

Porter nhấn số 3. "Dolly ngày xưa *hot* phết đây."

"Giờ vẫn *hot* mà." Nash đáp. "Thuộc hàng GTCQ*."

"GTCQ là cái gì?"

"Khi nào anh lớn tí nữa tôi sẽ giải thích."

Cửa thang máy mở ra, trước mắt họ là một hành lang vắng tanh.

Nash liếc máy bán hàng tự động một cái rồi đành bỏ qua, tiến về phía cái cửa cánh đôi ở cuối hành lang.

Hai người thấy Tom Eisley đang ngồi ở bàn làm việc. Anh ta ngước nhìn khi họ bước vào, sau đó cắm cúi đọc tiếp.

Porter cứ tưởng anh ta sẽ than phiền gì đó về giờ giấc. Nhưng không, thay vì vậy anh ta hỏi: "Trong hai anh, đã ai từng trông thấy đại dương chưa?"

Porter và Nash đưa mắt nhìn nhau.

Eisley gập cuốn sách trên bàn lại và đứng dậy. "Thôi bỏ đi. Chưa chắc tôi đã sẵn sàng để nói về chuyện này."

"Tôi đoán anh đang nghiên cứu vụ cô bé kia?" Porter hỏi.

Eisley thở dài. "Tôi đang cố. Chúng tôi đã làm ấm xác cô bé từ lúc cô bé được đưa tới đây. Cái xác chưa đóng băng hẳn, anh biết đấy, chỉ là thân nhiệt thấp hơn bình thường rất nhiều thôi. Như thế sẽ khó xác định thời điểm tử vong."

"Anh có biết nguyên nhân cái chết là gì không?"

Eisley mở miệng định nói gì đó rồi lại thôi. "Chưa biết được. Tôi cần thêm vài giờ nữa. Các anh có thể đợi nếu muốn."

Hai người chưa kịp đáp thì anh ta đã biến mất sau cánh cửa dẫn vào phòng giải phẫu.

Nash gật đầu với Porter. "Chắc sẽ lâu đây."

Porter ngồi xuống cái ghế nhựa màu vàng gần cửa phòng làm việc của Eisley, hai mắt díp lại vì thiếu ngủ.

CHƯƠNG 6

Porter

Ngày 2 • 7:26 sáng

“Này các anh?”

Mí mắt Porter khẽ động đậy rồi từ từ hé mở, phải vài giây sau anh mới nhận ra mình đang ngồi trong văn phòng của Eisley ở khu nhà xác. Người anh trượt xuống chiếc ghế nhựa màu vàng, cổ đau như dần vì ngủ sai tư thế. Nash thì đang gục xuống bàn của Eisley, đầu gối lên một chồng giấy.

Eisley cầm lấy cuốn sách y khoa, giơ lên cao khoảng gần một mét rồi thả xuống mặt bàn. Cuốn sách rơi đánh rầm một tiếng rõ to, Nash ngồi bật dậy, nước miếng rỉ xuống cằm. “Cái quái gì…”

“Con người giỏi giang, mẫn cán nhất Chicago.” Eisley càu nhàu. “Mời đi theo tôi.”

Porter ngước nhìn chiếc đồng hồ trên bức tường đằng xa - gần bảy rưỡi rồi. Hơn ba tiếng đã trôi qua kể từ lúc họ đến đây. “Bố khỉ, mình có định ngủ đâu cơ chứ.” Anh lầm bầm. Anh lấy di động trong túi ra xem - ba cuộc gọi nhỡ của Clair, không có tin nhắn thoại.

Eisley dẫn họ đi qua bàn làm việc và cửa cánh đôi ở cuối văn phòng để sang phòng giải phẫu rộng rãi. Porter và Nash mỗi người lấy một đôi găng tay trong chiếc hộp treo trên tường gần cửa.

Trong này, âm thanh dội lại rất vang.

Đó luôn là điều đầu tiên Porter nghĩ tới khi anh đặt chân vào phòng. Tiếng động nào ở đây nghe cũng thật khác lạ do sàn và tường được ốp gạch men màu kem. Một điều nữa luôn khiến anh bất ngờ là nhiệt độ. Anh không rõ nhiệt độ thật sự là bao nhiêu, nhưng cảm giác cứ như giảm đến cả chục độ so với bên ngoài. Gáy anh nổi gai ốc, anh rùng mình một cái. Điều thứ ba và cũng là điều anh không bao giờ quen được, đó là mùi. Thứ mùi không quá tệ, ít ra là hôm nay, nhưng rất *nồng*. Mùi chất tẩy rửa công nghiệp nồng nặc dùng để át đi mùi khác váng vất đâu đây, một mùi Porter không muốn nghĩ đến.

Những bóng đèn huỳnh quang trên trần tỏa ra ánh sáng chói gắt, hắt lên những chiếc tủ bằng thép không gỉ. Một cái đèn phẫu thuật hình tròn cỡ lớn rọi xuống bàn giải phẫu đặt ở giữa phòng, trên đó là thi thể được vớt lên từ dưới đầm.

Eisley đã vuốt mắt cho cô bé.

Công chúa ngủ trong rừng.

Kế bên là một chiếc chăn điện và bốn ngọn đèn to tướng.

Eisley trông thấy Porter đang nhìn mấy món đó. “Chúng ta gặp may đấy. Cô bé ở dưới đầm chưa lâu lắm, hơn nữa lại nằm bên dưới ranh giới đóng băng. Nếu thi thể đóng băng hoàn toàn, chúng ta sẽ phải chờ vài ngày mới có thể giải phẫu. Còn với tình trạng hiện tại thì chỉ cần vài giờ để làm tăng nhiệt độ cơ thể lên mức thích hợp là được.”

“Anh đã mổ đâu.” Nash thắc mắc. “Thậm chí trông như còn chưa bắt đầu ấy chứ.”

“Anh sẽ ngạc nhiên trước những gì người chết có thể nói với anh nếu anh biết quan sát đúng chỗ đấy.” Eisley đáp. “Phải sang ngày mai tôi mới

có thể tiến hành giải phẫu, hiện xác cô bé vẫn còn khá lạnh. Làm ấm xác quá nhanh dễ dẫn đến hiện tượng tinh thể hóa và phá hỏng tế bào. Nhưng điều đó không có nghĩa cô bé không thể mang đến cho chúng ta một số câu trả lời trong lúc chờ đợi. Tôi bận lắm chứ đâu như hai anh." Anh ta lùa tay qua mái tóc. "Cô bé kể chuyện, còn tôi lắng nghe."

"Thôi, anh làm tôi hãi rồi đấy." Porter nói.

Eisley nhoẻn cười, lùi lại một bước. "Các anh có muốn biết tôi đã tìm ra những gì không?"

"Được thế thì tốt quá."

Anh ta tới đứng cạnh bàn và cầm bàn tay cô bé lên. "Nước lạnh có tác dụng bảo quản thi thể cực tốt. Khó mà lấy được dấu vân tay của hầu hết thi thể bị ngâm dưới nước. Da sẽ có xu hướng nở ra, phải đảo ngược quá trình đó thì mới lấy được vân tay. Đại loại là làm cho nó nhăn lại hết cỡ giống như hiện tượng xảy ra khi anh tắm bồn vậy."

"Tôi thích tắm vòi sen hơn." Porter đáp.

Eisley bỏ ngoài tai lời bình phẩm. "Vùng nước gần chạm ngưỡng đóng băng đã bảo quản hoàn hảo vân tay của cô bé, có thể là đến tận khi băng tan vào mùa xuân." Anh ta đặt tay cô bé xuống bàn, nhẹ nhàng để sát vào với thân người. "Đã có kết quả cách đây khoảng hai giờ. Tôi xác nhận người này là Ella Reynolds, cô bé mất tích cách đây ba tuần."

Porter thở dài. Anh cũng đã đoán trước được điều đó nhưng không hiểu sao vẫn có chút thất vọng khi chính tai mình nghe thấy. "Thế còn thời điểm hoặc nguyên nhân tử vong?"

"Như tôi vừa nói, việc xác định thời điểm tử vong sẽ gặp chút khó khăn do cái xác bị ngâm trong nước đá. Tạm thời tôi cho rằng cô bé đã chết tối

thiểu hai mươi tư giờ, tối đa là bốn mươi tám giờ. Tôi hy vọng có thể thu hẹp khoảng thời gian này sau khi kiểm tra gan và các cơ quan nội tạng khác." Anh ta giải thích. "Giúp tôi lật cô bé lại nào."

Porter và Nash nhìn nhau. Nash hơi lùi lại. Đường đường là thanh tra đội trọng án mà anh chàng lại có cái tật quái lạ là ghét xác chết.

Porter nắm lấy hai cẳng chân cô bé, Eisley giữ vai. Hai người cùng nhau lật thi thể lại.

Eisley lướt ngón tay dọc theo vết sẫm màu chạy ngang lưng cô bé. "Đây là dấu vết để lại của sợi thừng hung thủ dùng để giữ cô bé nổi dưới nước. Màu sắc của nó cho thấy cô bé bị treo lên sau khi chết. Việc này diễn ra khá sớm, vì nếu không dấu vết đã chẳng rõ đến thế, nhất là khi cô bé còn mặc chiếc áo khoác dày kia." Anh ta hất hàm về phía đống quần áo được gấp gọn đặt trên mặt bàn bằng thép không gỉ.

Nash bước tới, cầm lấy cái áo khoác đỏ và bắt đầu lục các túi. "Anh có tìm được thông tin nhận dạng nào trên quần áo không?"

"Chúng không phải quần áo của cô bé, đúng không." Eisley nói nghe như câu trần thuật hơn là câu hỏi.

Porter quay sang anh ta. "Đó là kết luận của anh sao?"

"Tôi nghi ngờ vậy, nhưng không dám nói là kết luận. Trang phục có vẻ chật so với cô bé. Thông thường tôi sẽ cho rằng nguyên nhân là do xác bị trương, nhưng với trường hợp này, hiện tượng đó hầu như không xảy ra nên tôi thấy lạ. Nhất là đồ lót và quần jeans, chúng nhỏ hơn ít nhất phải một, hai cỡ. Cô bé vẫn cố ních được, nhưng rất chật, thậm chí gây khó chịu. Nhìn chiếc mũ kia xem." Anh ta nói và ra hiệu về phía cái bàn. "Trên mác có viết mấy chữ, chắc là chữ cái đầu của các từ."

Nash đặt chiếc áo xuống, cầm chiếc mũ trắng lên và lộn mặt trong ra. “LD. Tuy hơi mờ nhưng chắc chắn là hai chữ này.”

“Lili Davies.” Porter nói.

“Ừ, có thể.”

“Người đó là ai?” Eisley hỏi.

“Một cô bé khác, cũng mất tích vào hôm nay.” Porter nói.

“Vậy nghĩa là hung thủ đã lấy quần áo của một cô bé khác để mặc cho cô bé bị giết?”

“Có vẻ thế.”

“Hừm.”

Porter hỏi: “Nguyên nhân tử vong là gì? Tôi không thấy dấu tích nào rõ ràng trên thi thể. Không vết thương, không vết siết cổ.”

Nghe thấy thế, Eisley tươi tỉnh hẳn lên. “À, đúng. Các anh sẽ thấy rất lạ cho xem.”

“Vì sao cô bé chết?”

“Đuối nước.”

Nash nhíu mày. “Thế thì có gì lạ lắm đâu. Chúng tôi tìm thấy cô bé dưới đầm băng mà.”

Porter giơ tay. “Anh nói vết thừng trên lưng cô bé xuất hiện sau khi chết. Ý anh là cô bé vẫn còn sống khi hung thủ dìm cô bé xuống nước?”

“Ồ không, lúc ấy cô bé đã chết rồi. Ý tôi là cô bé chết vì đuối nước trước, sau đó hắn mới thả cô bé xuống đầm.” Anh ta tới chỗ chiếc kính hiển vi đặt trên mặt bàn trồi lên ở bên tay trái. “Nhìn thử đi.” Anh ta nói, chỉ vào cái kính.

Porter bước sang và nhìn vào ống kính. “Anh muốn cho tôi xem cái gì vậy?”

“Khi cô bé được đưa tới đây, tôi đã luồn một cái ống vào tận phổi và hút nước ra, chính là thứ nước này.”

Porter nhíu mày. “Mấy hạt nhỏ trôi nổi trong đó là gì thế?”

Khóe miệng Eisley cong lên. “Muối đấy, bạn thân mến ạ.”

“Cô bé chết đuối trong nước mặn ư?”

“Chính xác.”

Vẻ mặt Nash chuyển từ ngơ ngác sang bối rối và ngược lại. “Nơi này là Chicago… đại dương gần nhất cách đây… bao nhiêu, cả ngàn dặm à?”

“Gần nhất là Đại Tây Dương.” Eisley đáp. “Ở Baltimore, bang Maryland. Cách đây hơn một ngàn một trăm cây số.”

Di động của Porter đổ chuông. Anh liếc màn hình rồi nghe máy. “Clair à?”

“Đi nghỉ về chưa? Tôi gọi cho anh hơn chục lần rồi đấy.”

“Mới có ba lần chứ mấy.”

“À, thế tức là điện thoại của anh *vẫn* hoạt động bình thường.” Cô đáp. “Ngó lơ phụ nữ như vậy là không được nhé, Sam. Sẽ không có kết cục tốt đẹp đâu.”

Porter đảo tròn mắt và chậm rãi băng qua phòng. “Chúng tôi đang ở nhà xác cùng với Eisley. Anh ta đã xác nhận cô bé dưới đầm chính là Ella Reynolds. Hơn nữa, có vẻ như cô bé mặc trang phục của Lili Davies.”

“Lili Davies là ai?”

Anh cứ tưởng đã báo cho cô biết về vụ mất tích của cô bé thứ hai, rồi anh chợt nhớ ra là không phải. Họ chưa nói chuyện kể từ lúc chia tay nhau ở công viên. Anh cần ngủ một giấc, đầu óc anh cứ u u mê mê. "Cô đến phòng tác chiến gặp tôi và Nash trong vòng ba mươi phút nữa nhé? Chúng ta cần cập nhật tình hình."

"Được." Cô nói. "Mà anh không định hỏi tôi gọi cho anh có việc gì à?"

Porter nhắm mắt lại và lùa tay qua mái tóc. "Cô gọi cho tôi có việc gì vậy, Clair?"

"Tôi phát hiện được một chi tiết trong băng ghi hình ở công viên."

"Ba mươi phút nữa ở phòng tác chiến. Lúc đó chúng ta sẽ nói chuyện. Gọi cả Kloz nữa."

CHƯƠNG 7

Lili

Ngày 2 • 7:26 sáng

“Cô có muốn uống sữa không?”

Lili Davies nghe tiếng hắn trước khi cô trông thấy hắn, thực sự thấy hắn.

Giọng hắn từ tốn và khẽ khàng, chỉ như tiếng phều phào, từng từ thốt ra đầy cẩn trọng như thể hắn suy nghĩ rất kĩ về điều mình muốn nói trước khi lên tiếng. Gã này hơi ngọng, khó phát âm được chữ *s* khi nói từ *sữa.*

Hắn xuống cầu thang cách đây gần năm phút, những tấm ván cọt kẹt dưới sức nặng cơ thể hắn. Nhưng khi xuống đến nơi, đứng ở bậc thang dưới cùng, hắn vẫn chẳng hề nhúc nhích. Bóng tối vây lấy hắn, và Lili không thấy được gì ngoài hình dáng lờ mờ của một người đàn ông.

Hắn là đàn ông, không phải thiếu niên.

Dáng đứng của hắn, đôi vai rộng của hắn, độ sâu trong từng hơi thở của hắn, tất cả nói lên rằng hắn là đàn ông, không phải cậu học sinh trung học. Không phải người quen nào đó đang bày ra một kiểu trò chơi bệnh hoạn, mà là một gã đàn ông, kẻ đã bắt cô.

Lili *thực sự* muốn uống sữa.

Cổ cô khô cháy.

Bụng thì đói meo.

Dạ dày không ngừng sôi lên òng ọc để nhắc cô nhớ cơn đói đang giày vò khủng khiếp đến nhường nào.

Nhưng cô không trả lời, không thốt ra dù chỉ một từ. Thay vì vậy, cô co ro lùi sâu hơn vào trong góc, lưng áp lên bức tường ẩm thấp. Cô quấn cái chăn màu xanh lục hôi hám chặt hơn quanh mình. Ở nó có điều gì đó mang lại cho cô cảm giác an toàn, như thể vòng tay mẹ đang ôm lấy cô.

Lúc trước hắn đã bỏ đi đâu đó ít nhất một giờ, có thể lâu hơn. Lili tranh thủ khoảng thời gian này để tìm hiểu xem mình đang ở đâu. Cô không cho phép bản thân sợ hãi, cô nhất định sẽ không sợ hãi. Đây chẳng qua là một câu đố, mà giải đố chính là sở trường của cô.

Cô đang ở dưới tầng hầm của một ngôi nhà cũ.

Cô biết được điều này là bởi ngôi nhà cô ở còn cũ hơn, và cô vẫn nhớ tầng hầm trông ra sao trước khi bố mẹ cô thuê nhà thầu cùng đội thợ xây đến tân trang lại. Trần hầm thấp tè, sàn thì mấp mô. Khắp nơi bốc mùi ẩm mốc, lũ nhện mặc sức sinh sôi nảy nở. Mạng nhện không cũ thì mới giăng đầy mọi ngóc ngách, nhìn đâu cũng thấy nhện bò lổm ngổm. Khi đội thợ do bố mẹ cô thuê đến thi công, họ dọn sạch đồ đạc dưới tầng hầm, làm lại sàn cho phẳng, trát các bức tường, ốp những tấm thạch cao mới tinh rồi quét sơn lên. Việc này đã đuổi được lũ nhện đi, dẫu chỉ trong một thời gian ngắn.

Gabby bạn của cô thì lại sống trong một ngôi nhà mới, xây cách đây chỉ hai năm, tầng hầm cũng khác hẳn. Trần cao vợi, sàn phẳng phiu, không gian rộng rãi, sáng sủa. Bố mẹ bạn ấy trải thảm và bố trí đồ đạc để biến nơi đó thành phòng sinh hoạt chung cho cả gia đình. Tầng hầm ở những ngôi nhà cũ chẳng bao giờ được như thế, dù có sửa sang đến đâu đi nữa. Người ta có thể che đi vết ẩm mốc, san phẳng sàn, ốp thạch cao, quét sơn mới, nhưng lũ

nhện sẽ luôn trở lại. Chúng không đời nào chịu từ bỏ nơi ăn chốn ở của mình.

Tầng hầm này có nhện.

Dù không nhìn thấy chúng từ chỗ đang ngồi, cô vẫn biết chúng đang ở ngay trên đầu mình, bò qua bò lại giữa những rầm sàn trần trụi. Cả ngàn cặp mắt đang chăm chú quan sát cô trong lúc lũ nhện âm thầm chăng tơ.

Hắn đã đưa quần áo cho cô mặc, nhưng đó không phải quần áo *của cô.*

Lúc tỉnh lại trên sàn, người quấn cái chăn xanh, cô nhanh chóng phát hiện mình bị lột sạch quần áo và bị bỏ lại ở đây, trong chiếc chuồng này, một xấp quần áo lạ được gấp gọn đặt ở gần đầu cô. Chúng không vừa với cô, rộng hơn ít nhất phải vài cỡ, nhưng cô đành mặc tạm vì chẳng còn gì khác để mặc, và vì thứ này vẫn còn tốt chán so với cái chăn xanh. Nhưng rốt cuộc cô vẫn quấn thêm tấm chăn ấy lên người.

Cô đang ở trong một tầng hầm tối tăm, ẩm thấp. Đúng hơn là, cô đang bị nhốt trong một cái chuồng làm từ lưới mắt cáo dưới tầng hầm tối tăm, ẩm thấp.

Cái chuồng cao đến tận trần, các phần được hàn lại chắc chắn. Nó vốn được dùng để nhốt chó. Cô biết được điều này là bởi gia đình Gabby nuôi một chú chó husky tên là Dakota, và họ cũng có một cái chuồng tương tự, nếu không nói là giống hệt, đặt ở sân sau nhà. Họ mua nó ở cửa hàng Home Depot, Gabby và cô đã xem cách bố bạn ấy lắp ráp cái chuồng hồi hè. Việc đó không mất nhiều thời gian, chắc chỉ khoảng một giờ, nhưng bác ấy không hàn các phần lại với nhau.

Lili đứng dậy, tấm chăn quấn quanh người, cô đưa tay lên sờ những cái ống lớn nhỏ và lưới kim loại dày làm thành chiếc chuồng quanh cô. Cô lần

tìm các khớp nối trong lúc nhớ lại cách bố Gabby lắp ráp chiếc chuồng, nhưng rồi tim cô chùng xuống khi phát hiện ra những mối hàn. Cửa chuồng được khóa kĩ không phải bằng một mà những hai ổ khóa, một ở trên cao, một ở dưới thấp. Cô nắm lấy cửa mà rung mà lắc, song nó chẳng mảy may nhúc nhích. Toàn bộ kết cấu đã bị gắn xuống sàn bê tông. Cái chuồng vô cùng vững chắc, nhốt chặt cô bên trong.

"Cô nên uống gì đó thì hơn, cô cần có sức để chuẩn bị cho những gì sắp tới." Gã đàn ông nói, hơi khựng lại khi phát âm chữ *s* trong từ *sức*.

Lili không đáp. Cô nhất định sẽ không nói gì. Nói với hắn nghĩa là trao cho hắn quyền lực, cô chưa sẵn sàng để làm việc đó. Hắn không xứng đáng nhận được bất cứ điều gì từ cô.

Ánh sáng duy nhất hắt vào có lẽ là từ ngưỡng cửa để ngỏ trên đầu cầu thang. Hắn đứng im như tượng ở phía dưới cùng.

Mắt cô đấu tranh với bóng tối, điều chỉnh để quen dần.

Nhưng cô vẫn không nhìn rõ được gã đàn ông kia, hắn chỉ là một cái bóng sẫm hơn giữa vô vàn cái bóng khác, một dáng hình mờ ảo in trên bức tường.

"Quay lưng lại. Úp mặt vào tường, và đừng có quay lại khi tôi chưa cho phép." Hắn ra lệnh.

Lili không nhúc nhích, cô vẫn đứng yên tại chỗ.

"Làm ơn quay lưng lại." Nhẹ nhàng hơn, như đang van nài.

Cô giữ lấy tấm chăn và kéo cho chặt hơn quanh tấm thân bé nhỏ.

"Quay mẹ mày lại!" Hắn quát lớn, giọng vang như sấm trong tầng hầm, vọng khắp bốn bề.

Lili sửng sốt hít mạnh một hơi và giật lùi, suýt nữa trượt ngã.

Thế rồi tất cả lại chìm vào im lặng.

“Làm ơn đừng để tôi phải to tiếng. Tôi không muốn to tiếng.”

Lili cảm thấy trái tim mình đang đập mạnh trong lồng ngực, những tiếng *thình thịch, thình thịch, thình thịch* nghe như trống dồn.

Cô lùi lại một bước, rồi thêm một bước, và một bước nữa. Khi lưng cô chạm vào bức tường ở phía cuối chiếc chuồng, cô cố bắt đôi chân quay gót, úp mặt vào trong góc.

Lili nghe tiếng hắn bước tới gần, cái bóng biết đi ấy. Bước chân của hắn có gì đó là lạ. Không phải tiếng bước đều đều, mà cô nghe thấy một chân đặt xuống sàn, sau đó chân kia trượt đi khoảng một giây trước khi hạ xuống, bước tiếp theo lặp lại y như vậy. Âm thanh loẹt quẹt kia là tiếng rê chân hay tập tễnh, cô cũng không rõ nữa.

Lili cố ép hai mắt mình khép lại. Dù không muốn nhưng cô buộc phải làm. Hai mắt phải nhắm để cô có thể tập trung lắng nghe những tiếng động, *hình dung* ra những tiếng động vang lên phía sau lưng.

Cô nghe thấy tiếng chìa khóa va leng keng, tiếp theo là tiếng *cách* đặc trưng của ổ khóa - hình như là ổ bên trên - sau đó đến ổ còn lại. Cô nghe thấy hắn tháo chúng ra, cầm lấy tay nắm, và mở cửa.

Lili cứng người, chuẩn bị đón nhận điều tiếp theo.

Cô cứ ngỡ hắn sẽ chạm vào mình, bàn tay đặt lên đâu đó hoặc túm lấy cô từ phía sau. Nhưng không phải. Thay vì vậy, cô nghe thấy hắn đóng cửa và khóa lại, hai ổ khóa bập vào như cũ kèm theo tiếng “tách”.

Nghe thấy hắn tập tênh lết ra xa.

“Giờ cô quay lại được rồi.”

Lili ngoan ngoãn làm theo.

Hắn lại đi ra cầu thang, một lần nữa mất hút trong bóng tối.

Một ly sữa đặt trên sàn bên trong chuồng, ngay sát cửa, một giọt nước nhỏ chảy dài trên thành ly.

“Không có thuốc mê đâu.” Hắn nói. “Tôi cần cô giữ được sự tỉnh táo.”

CHƯƠNG 8

Porter

Ngày 2 • 7:56 sáng

"Anh cứ vào trước nhé. Tôi đi vệ sinh cái đã." Nash nói khi hai người bước ra khỏi thang máy ở tầng hầm tòa nhà Sở Cảnh sát Chicago nằm trên đại lộ Michigan. Nash rẽ phải, băng qua hành lang rồi biến mất sau cánh cửa nhà vệ sinh. Porter rẽ trái.

Sau khi Bishop trốn thoát, Cục Điều tra Liên bang FBI đã nhảy vào tiếp quản cuộc săn lùng 4MK. Thời điểm đó Porter đang nghỉ phép để dưỡng thương, nhưng theo như những gì Nash kể với anh, ban đầu FBI còn lăm le chiếm cả phòng tác chiến. Nash đã phải vận dụng sức hút chết người của mình - cộng thêm những lời đe dọa sử dụng vũ lực - để dẹp yên những kẻ không mời mà đến và tống khứ bọn họ sang căn phòng bên kia hành lang, căn phòng khét tiếng chủ yếu vì ở đó bốc ra một mùi kỳ quặc có lẽ xuất phát từ góc trong cùng phía bên trái. Kể từ ngày ấy, hai bên chung sống trong cảnh bằng mặt không bằng lòng.

Phòng làm việc của FBI tắt đèn tối om.

Porter chờ cho tới khi nghe thấy tiếng Nash khóa cửa nhà vệ sinh, sau đó anh thử mở cửa phòng của FBI.

Không khóa.

Porter liếc nhanh một cái về phía hành lang rồi lẻn vào trong. Anh không bật đèn lên.

Sáu nhãn cầu.

Bảy nạn nhân. Hoặc tám, nếu tính cả Emory.

Tiềm thức đang muốn nói với anh điều gì đó.

Anh băng qua phòng, tới chỗ hai chiếc bảng trắng ở trước mặt và chăm chú quan sát ảnh của các nạn nhân. Đáp lại anh là những khuôn mặt quen thuộc, nụ cười an nhiên trong những khoảnh khắc hạnh phúc của họ được lưu giữ trọn vẹn. Lúc đứng trên tầng mười một của tòa nhà số 314 đại lộ West Belmont, vào những giây phút cuối cùng, Bishop đã thừa nhận tội ác của mình, phơi bày toàn bộ âm mưu và vô cùng tự mãn với thứ logic biến thái trong kế hoạch hắn vẽ ra. "Những kẻ đó đáng bị trừng phạt." Hắn nói với Porter. Và đúng là thế thật. Mỗi người trong số nạn nhân của hắn đều đã phạm phải tội lỗi tày trời nào đó, tội lỗi mà vì thế họ phải bị trừng phạt. Nhưng hắn không nhắm vào họ. Thay vào đó, hắn bắt con cái họ. Hắn khiến con họ chết trong đau đớn, để những người làm cha mẹ sống trong khổ sở đến hết đời. Những cô gái này bị giết không phải vì họ đã làm điều gì sai trái, cái sai là ở người thân của họ. Những thiếu nữ trẻ trung, xinh đẹp ấy bị tước đi sinh mạng để trả giá cho tội nghiệt do kẻ khác gây ra.

Porter bước lại gần tấm bảng thứ nhất, ngón tay anh vuốt lên bức ảnh chụp Calli Tremell, nạn nhân đầu tiên của Bishop. Hai mươi tuổi, bị bắt đi ngày 15 tháng Ba năm 2009. Phải nói là nạn nhân đầu tiên của Bishop trên danh nghĩa 4MK mới đúng, như Klozowski luôn mau mắn đính chính lại. Phương thức của hắn cực kỳ tinh vi và chuẩn xác, mô thức hắn chọn cho thấy nhiều khả năng hắn đã từng giết người từ trước, thủ pháp của hắn được đúc rút sau bao năm mài giũa, thực hành. Hắn quá khôn ngoan nên không thể chỉ mới ra tay lần đầu, thật đáng sợ khi nghĩ rằng một kẻ như hắn đang tồn tại trên đời, cướp đi bao mạng người, từng bước tiến đến ngày hôm

nay… Nếu như đây là khởi đầu của hắn với biệt danh 4MK, vậy thì Porter không hình dung nổi hắn xuất thân trong hoàn cảnh như thế nào. Cuốn nhật ký đã hé lộ cho anh đôi điều về hắn nhưng chừng đó là chưa đủ, nó chỉ là cái nhìn thoáng qua, những gì thấy được trong chốc lát khi tấm rèm được vén lên rồi lại bị Bishop buông xuống.

Bố mẹ Calli Tremell trình báo về vụ mất tích của con gái vào thứ Ba. Họ nhận được cái tai của cô qua đường bưu điện vào thứ Năm. Tiếp đến là đôi mắt vào thứ Bảy, và cái lưỡi vào thứ Ba tuần kế tiếp. Tất cả được đặt trong những chiếc hộp nhỏ màu trắng thắt dây màu đen, nhãn ghi địa chỉ được viết tay, không có dấu vân tay nào. Hắn không bao giờ để lại dấu vân tay.

Ba ngày sau khi cái hộp cuối cùng được gửi tới, một người chạy bộ phát hiện ra xác của cô gái trong Công viên Almond. Cô được đặt trên một cái ghế băng cùng tấm bìa các tông dán bằng keo lên tay, trên đó viết KHÔNG LÀM ĐIỀU ÁC. Lúc ấy Porter và đồng đội của anh đã đoán ra phương thức gây án của hắn, tấm bìa giúp khẳng định giả thiết của họ.

Không làm điều ác hóa ra chính là chìa khóa để giải mã mục tiêu Bishop đang nhắm đến, họ nhận ra điều đó khi tiếp nhận nạn nhân thứ hai của 4MK, Elie Borton. Cô mất tích ngày 2 tháng Tư năm 2010, hơn một năm sau nạn nhân thứ nhất. Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích đã chuyển giao vụ án cho tổ điều tra của Porter sau khi bố mẹ cô nhận được cái tai qua đường bưu điện và báo cảnh sát. Khi xác cô gái được tìm thấy khoảng hơn một tuần sau, trên tay cô cầm tờ khai nộp thuế năm 2008 dưới tên của bà cô. Họ tìm hiểu sâu hơn và phát hiện ra rằng bà của cô gái đã qua đời vào năm 2005. Matt Hosman ở Ban Điều tra Tội phạm Kinh tế phát hiện bố cô đã khai man thuế dựa trên danh nghĩa của hơn mười người sống ở viện

dưỡng lão do ông ta điều hành, tất cả đều đã chết. Bishop giết Elie Borton, cô gái mới hai mươi ba tuổi, vì tội ác mà bố cô gây ra.

Khi động cơ của 4MK đã rõ ràng, họ quay lại tìm hiểu về gia đình Calli Tremell và phát hiện mẹ cô đã rửa tiền từ ngân hàng bà ta đang làm việc với số tiền lên đến hơn ba triệu đô la trong suốt mười năm qua.

Porter bước sang phải và quan sát bức ảnh thứ ba. Missy Lumax, mất tích ngày 24 tháng Sáu năm 2011. Bố cô buôn bán phim khiêu dâm trẻ em. Bố của Susan Devoro đánh tráo kim cương thật bằng kim cương giả ở cửa hàng trang sức do chính ông ta làm chủ. Cô là nạn nhân thứ tư, mất tích ngày 3 tháng Năm năm 2012. Nạn nhân thứ năm là Barbara McInley, mười bảy tuổi, mất tích ngày 18 tháng Tư năm 2013. Chị gái cô đâm xe khiến một người đi bộ thiệt mạng sáu năm trước, vì vậy Bishop giết Barbara để trừng phạt. Anh trai của Allison Crammer điều hành một phân xưởng bóc lột rất nhiều công nhân bất hợp pháp ở Florida. Cô là nạn nhân thứ sáu, mất tích ngày 9 tháng Mười một năm 2013, khi mới mười chín tuổi. Chỉ vài tháng sau lại đến lượt Jodi Blumington. Cô mất tích ngày 13 tháng Năm năm 2014, ở tuổi hai mươi hai. 4MK giết cô gái ấy vì bố của cô nhập khẩu cocain cho một cartel ma túy.

Bức ảnh cuối cùng trên bảng là của một cô bé Porter biết rõ, nạn nhân duy nhất anh từng gặp ngoài đời và cũng là người duy nhất sống sót. Emory Connors, mười lăm tuổi, bị bắt cóc hồi tháng Mười một năm ngoái. Cô bé mất một bên tai và bị giam cầm suốt mấy ngày trời, nhưng Bishop không giết cô. Rất có thể hắn sẽ ra tay nếu như Porter không tìm ra hắn trước. Hay đúng hơn, đó là những gì báo chí viết. Anh biết thừa chẳng qua Bishop cho phép nên cô bé ấy mới được sống. Anh cũng biết Bishop đã để anh tìm ra

hắn. Hắn muốn có cơ hội trình bày lý lẽ, giải thích động cơ gây án cũng như tuyên ngôn của hắn trước khi giết Arthur Talbot rồi tẩu thoát.

Talbot, người hóa ra lại là bố đẻ của Emory, mới là kẻ tồi tệ nhất trong đám tội phạm đó. Bishop bắt cóc Emory, nhưng cuối cùng hắn lại trừng phạt Talbot bằng cách cắt xẻo rồi đẩy ông ta xuống giếng thang máy. Hắn giết ông ta và tha cho Emory.

Emory thừa kế số tiền hàng tỉ đô do bố để lại, cái chết đột ngột của ông ta đã hợp pháp hóa một điều khoản trong di chúc, đó là điều kiện mà mẹ cô bé đặt ra từ nhiều năm về trước.

Emory được sống, còn Bishop thì lọt lưới.

Sáu nhãn cầu.

Porter ngước nhìn ảnh chụp các nạn nhân của 4MK.

Bảy cô gái đã chết, một người còn sống.

Anson Bishop đã thâm nhập vào tổ điều tra của Porter bằng cách giả danh sĩ quan chụp ảnh hiện trường hồi tháng Mười một năm ngoái. Vào lần đầu tiên hắn có mặt tại buổi họp với toàn đội, họ đã cùng nhau ôn lại thông tin của từng người trong số các nạn nhân trước đây của 4MK, cố gắng giúp hắn bắt kịp trong thời gian truy tìm Emory. Hắn lắng nghe rất chăm chú, tỏ ra quan tâm đến những dữ kiện họ có được, vờ như tất cả đều hết sức mới mẻ đối với hắn. Porter vẫn thường nhớ lại khoảnh khắc ấy, kiếm tìm bất cứ biểu hiện nào có thể tiết lộ danh tính thật của hắn, nhưng chẳng có gì. Khi nhìn tấm bảng này, Bishop hẳn phải cảm thấy sung sướng, mãn nguyện tột cùng, dù ngoài mặt vẫn thể hiện thái độ ghê sợ vừa đủ, hứng thú vừa đủ. Hắn hỏi nhiều câu rất hợp lý hợp tình, biết kiềm chế để không thêm thắt điều gì trong số những thông tin được cung cấp. Porter nghĩ việc đó đối với

hắn chắc là khó khăn lắm. Trong lần đối đầu cuối cùng ở Belmont, Bishop vô cùng hào hứng muốn chia sẻ những gì hắn biết, muốn giãi bày tâm tư của bản thân. Khao khát ấy hẳn đã dâng trào mãnh liệt trong lòng hắn khi đứng trước mấy tấm bảng này, lắng nghe họ nói những điều đã biết về từng nạn nhân.

Tuy vậy, Bishop cũng đưa ra một vài luận điểm, xoáy vào một vài chi tiết.

Porter nhắm mắt và hồi tưởng lại những gì diễn ra ngày hôm ấy, những lời hắn đã nói.

Anh nhớ Bishop gợi ý tập trung vào vấn đề tiếp cận thông tin, nghĩa là tìm hiểu xem người nào có quyền tiếp cận thông tin liên quan đến tất cả các tội ác này, rồi từ đó truy ngược lại. Nhưng ý kiến của hắn cũng không giúp ích được gì, vì cuối cùng họ phát hiện ra rằng chính Talbot là người biết rõ những tội ác này, và Bishop moi được thông tin từ ông ta. Hắn nhắc đến ngày tháng của các vụ mất tích, chỉ ra rằng 4MK đang tăng dần nhịp độ. Điều này không sai, nhưng nếu thực sự tồn tại một lý do cho việc đó thì họ cũng chẳng thể xác định chính xác được lý do đó là gì. Tại thời điểm ấy họ cho rằng 4MK đã chết rồi. Việc quan trọng nhất là tìm ra Emory.

Còn một chi tiết đáng chú ý nữa, đó là màu tóc.

Porter nhớ rằng Bishop đã nhìn xoáy vào bức ảnh của Barbara McInley, nạn nhân duy nhất có tóc vàng. Bất thường, đó là cách hắn nói về cô gái ấy. Người duy nhất tóc vàng trong một nhóm toàn những thiếu nữ tóc nâu xinh đẹp. Tiếp theo hắn hỏi có ai trong số các nạn nhân bị xâm hại tình dục không, nhưng câu trả lời là không. Hắn lại hỏi 4MK có giết người nào là nam giới không. Cụ thể hơn, hắn hỏi những cô gái này có anh em trai không, sau đó nói đôi điều đại loại là: “Giả sử một nửa trong số các gia

đình này có ít nhất một người con trai, và 4MK bắt cóc con cái họ một cách ngẫu nhiên, như vậy lẽ ra phải có ít nhất một, hai nạn nhân là nam giới. Nhưng điều đó không xảy ra. Việc hắn nhắm vào con gái thay vì con trai là có lý do, chỉ có điều chúng ta chưa biết thôi." Porter thì cho rằng 4MK bắt cóc phụ nữ chỉ đơn giản vì họ dễ bị khống chế hơn, ít khả năng chống cự hơn mà thôi.

Sáu nhãn cầu.

Bảy nạn nhân.

Porter trở lại với bức ảnh của Barbara McInley. Bị trừng phạt vì chị gái đâm xe làm chết người rồi bỏ trốn. McInley là người duy nhất thực sự khiến Bishop chú ý trong suốt buổi họp, người duy nhất hắn tập trung vào. Porter vẫn có thể hình dung ra dáng vẻ của Bishop lúc ấy, ngón tay gõ trên bức ảnh, trong đầu vạch ra muôn vàn toan tính.

Porter liếc về phía cửa ra vào, dỏng tai lên nghe xem có ai qua lại ngoài hành lang không, nhưng không nghe thấy gì.

Cạnh bức tường bên tay trái có kê một chiếc bàn chất đầy hộp đựng hồ sơ, đó là toàn bộ thông tin thu thập được về 4MK. Trên cái hộp thứ ba tính từ bên trái có đề hai chữ *Nạn nhân* bằng bút dạ đỏ, do chính tay Porter viết. Anh băng qua phòng, mở nắp hộp và lục lọi cho tới khi tìm thấy hồ sơ của Barbara McInley, cái tên trên đó cũng là chữ của anh.

Những hồ sơ này thuộc về anh. Thuộc về tổ điều tra của anh. FBI không có quyền sở hữu chúng.

"Kệ cha nó."

Porter giấu tập hồ sơ vào bên trong áo khoác, đậy nắp hộp lại rồi đi ra cửa. Khi đã chắc chắn hành lang vẫn không một bóng người, anh lẻn ra

ngoài và nhẹ nhàng đóng cửa lại.

Anh trở về phòng tác chiến nằm ở cuối hành lang và gạt công tắc để bật mấy cái đèn huỳnh quang trên trần.

"Vừa rồi tôi còn tưởng hay là sáng nay anh nghỉ đấy." Đặc vụ Stewart Diener lên tiếng. Anh ta đang ngồi ở chỗ của Nash, chân gác lên mặt bàn, tay bấm thoăn thoắt trên màn hình bé tẹo của cái điện thoại di động.

Porter thầm mong có cơn gió nào đó ùa vào phòng thổi bay mái tóc rẽ ngôi điệu đà của gã kia đi. Nhưng tiếc là ước nguyện ấy không thành.

CHƯƠNG 9

Porter

Ngày 2 • 7:59 sáng

Porter nhìn Diener chằm chằm. "Chúng tôi vừa phải xử lý một thi thể, vừa phải điều tra vụ mất tích của cô bé thứ hai. Tôi đã thức trắng đêm rồi. Anh muốn gì?"

Tên này đã ở đây suốt từ nãy đến giờ sao?

"Ờ, các anh giữ bí mật thông tin thì giỏi rồi." Diener ném lên bàn làm việc của Porter tờ báo *Chicago Tribune* gấp làm đôi.

Porter liếc xuống tiêu đề:

4MK ĐÃ TRỞ LẠI VÀ BẮT CÓC CON GÁI CHÚNG TÔI?

Bên dưới dòng tít là bức ảnh chụp Emory Connors đang bước trên vỉa hè, đầu cúi gằm. Cả bài viết lẫn ảnh đi kèm đều nằm ở phía trên nếp gấp, chứng tỏ đây là tít chính của số báo này. Dưới đó còn hai bức ảnh nữa, tấm thứ nhất là ảnh đầm nước trong Công viên Jackson, được chụp bằng ống kính tiêu cự dài, tấm thứ hai chụp ngôi nhà của gia đình Davies.

Diener đứng dậy, đi vòng sang bên bàn của Porter và chỉ vào tờ báo. "Trong này có nhắc đến tên của cả Ella Reynolds lẫn Lili Davies."

"Sao lại thế được? Chúng tôi đã đưa ra thông cáo gì đâu. Tôi mới đến gặp bố mẹ Lili Davies cách đây vài tiếng."

Diener nhún vai. "Trong tổ điều tra lão làng của anh có kẻ bép xép chứ sao."

"Vớ vẩn." Porter lầm bầm và đọc lướt qua bài báo.

Trong đó đề cập đến việc một thi thể được tìm thấy dưới đầm nước ở Công viên Jackson, đồng thời cho rằng người chết rất có thể chính là Ella Reynolds, cô bé tuổi teen mất tích. Người viết cũng tiết lộ thêm thông tin, không lâu sau phát hiện này, một cô bé nữa lại mất tích. Lili Davies được trông thấy lần cuối khi rời nhà để tới trường vào hôm qua, nhưng cô bé không đến lớp. Phần còn lại của bài báo nhắc tới những nạn nhân trước đây của 4MK và đưa ra giả thiết Anson Bishop buộc phải thay đổi phương thức gây án sau khi cuộc truy bắt hắn thất bại thảm hại.

"Tên bị thịt kia mò sang đây làm gì?" Nash đứng ở ngưỡng cửa hỏi vọng vào.

Porter giơ tờ báo lên. "Đưa báo."

Nash bước tới, thả áo khoác lên cái ghế Diener vừa đứng dậy. Anh phủi một sợi vải trên vai áo của gã kia. "Thật vui khi thấy chú em chịu khó tìm hiểu các lựa chọn nghề nghiệp đến thế. Nếu chú em ngoan, chiều nay sau khi tan học anh em mình có thể tạt qua Walmart chọn cho chú em một cái xe đạp thật đẹp để chú em tha hồ mở rộng con đường công danh."

Porter thảy tờ báo lên bàn Nash và chỉ vào hai bức ảnh chụp đầm nước cùng với ngôi nhà của gia đình Davies. "Vụ này không phải do Bishop làm. Đám nhà báo đúng là quá vô trách nhiệm, dám đưa tin bừa bãi. Bọn họ viết thế cốt là để tăng doanh số thôi."

Diener hỏi: "Sao anh dám khẳng định điều đó? Biết đâu Bishop quyết định thay đổi cách làm, đúng như họ nói."

“Sát nhân hàng loạt không thay đổi phương thức gây án, anh biết mà. Thủ đoạn đặc trưng của chúng luôn cố định.”

Diener nhún vai. “Bishop không phải loại sát nhân hàng loạt thông thường. Mỗi vụ giết người hắn gây ra đều là một phần của kế hoạch báo thù hết sức tinh vi. Kế hoạch được hắn hoàn tất khi giết Talbot. Có thể hắn đã định rửa tay gác kiếm sau vụ đó, nhưng chẳng mấy chốc hắn nhận ra mình vẫn còn hứng thú với các thiếu nữ. Đến khi không thể kiểm soát được bản thân nữa, hắn bắt cóc Ella Reynolds. Xong việc với cô bé, hắn lại bắt Lili Davies.” Diener dợm bước đi ra cửa. “Anh cứ dừng lại và suy nghĩ, nhìn rộng ra một chút là sẽ thấy.”

Porter thả áo khoác lên bàn, trong đó vẫn giấu hồ sơ của Barbara McInley. Tim anh đập dồn.

“Thằng này chỉ là hạng loong toong.” Nash nói.

“Nghe thấy rồi nhé!” Diener oang oang nói vọng vào từ ngoài hành lang. “Anh mà sai và họ đúng là nạn nhân của 4MK thật thì các anh phải đá vụ này sang cho bọn tôi đấy!”

“Gã kia còn đỡ hơn một tí.” Porter nói. “Cộng sự của hắn, cái tên Stool, Drool, Mule* gì đó…?”

“Poole. Frank Poole. Cũng loong toong nốt*, bên đây trăm thằng như một. Ê, thấy tôi gieo vần hay không?” Nash với tay ra định sập cửa thì Clair bước vào, cầm theo iPad. Kloz đi ngay đằng sau với chiếc laptop, bên trên là ba cái hộp trắng chất cao ngất ngưởng như sắp đổ. “Đỡ giúp tôi một tay nào.” Anh ta nói.

Nash nhón lấy cái hộp trên cùng và mang về bàn mình.

“Đừng có đi quá giới hạn với chúng.” Kloz nói bằng giọng thống thiết. “Tiêu chuẩn cả một tuần của tôi đây.”

“Cái gì vậy?” Porter hỏi.

“Ba tá bánh rán của tiệm bánh mới khai trương nằm cách đây một đoạn, tên là Peace, Love, and Little Donuts.” Clair giải thích. “Tên lỏi con này định khuân cả đống về làm của riêng, cho đến khi tôi giáo huấn cho hắn một bài về ý nghĩa cao quý của việc chia sẻ với đồng nghiệp.”

Kloz nhếch mép cười. “Có mà cô dọa nếu tôi không mang chúng xuống dưới này thì cô sẽ gửi e-mail cho cả Sở biết bàn tôi có bánh thì đúng hơn. Tôi sao có thể để mặc chúng trên tầng, không người chở che trước sự tấn công của lũ kền kền. Chúng sẽ bay biến sạch chỉ trong vòng một phút. Mà tất cả có mười tám cái thôi, mỗi hộp sáu cái chứ không phải mười hai.”

Nash mở cái hộp vừa chôm được, hai mắt tròn xoe. “Cha mẹ ơi, đẹp quá đi mất.”

Porter hốt luôn cái hộp thứ hai trong số đó và đem về bàn mình. Clair cuỗm nốt cái thứ ba.

“Này!” Kloz kêu lên. “Của tôi chứ!”

“Sao chúng bé tẹo thế nhỉ?” Porter hỏi, miệng nhồm nhoàm nhân kem.

Clair lấy một cái bánh trong hộp của mình và giơ lên nhìn. Vỏ bánh phủ một lớp Oreo xay nhỏ. “Đây gọi là *tinh hoa ẩm thực* đấy. Chẳng qua tay tôi đang vướng chứ không thì tôi đã làm dấu ngoặc kép*. Tiệm đó làm bánh cỡ nhỏ và bán như kiểu đồ ăn sang chảnh, đắt gấp đôi bánh rán thông thường. Nếu không vì chúng ngon quá thể đáng thì bọn họ đã sập tiệm rồi, nhưng mấy em này phải gọi là tuyệt trần. Ăn miếng nào chết cái mông tôi miếng ấy, cơ mà tôi mặc kệ.”

Kloz ngồi vào chỗ quen thuộc của mình ở kế bên bàn họp. Anh ta áp cả hai tay lên mặt bàn bằng kim loại và chậm rãi hít một hơi để trấn tĩnh, mặt mũi đỏ gay lên. “Được rồi, mỗi người có thể lấy một cái, duy nhất một cái.”

“Tôi chén chắc phải đến bốn cái rồi.” Nash nói, lau sạch bằng chứng ăn uống trên mép. Anh nhìn xuống cái hộp vừa bị càn quét đang đặt trước mặt. “Chỗ còn lại tôi để dành.”

Mười phút sau, cả ba cái hộp đều sạch trơn, trừ một cái bánh rán phủ kem dâu còn sót lại. Porter bắt đầu cảm thấy tác động của lượng đường vừa nạp vào cơ thể. Anh đứng dậy, đi tới chỗ chiếc bảng trắng duy nhất còn lại, viết tên ELLEN REYNOLDS lên trên cùng.

“Là *Ella* Reynolds chứ.” Nash nhắc.

Porter ậm ừ, dùng mu bàn tay lau cái tên viết sai đi và thay bằng ELLA. “Nào, hiện tại chúng ta đã biết được những gì rồi?”

Clair nói: “Ella Reynolds được trình báo mất tích ngày 22 tháng Một và được tìm thấy vào hôm qua, 12 tháng Hai, trong tình trạng đông cứng dưới lớp băng ở đầm nước trong Công viên Jackson.”

“Không phải đông cứng.” Nash chen vào. “Ít ra là chưa hoàn toàn. Eisley bảo thế. Nhưng đầm nước thì đúng là đã đóng băng.”

“Ờ, xin lỗi.” Clair nói. “Thông tin từ phía công viên cho biết cái đầm đóng băng hoàn toàn từ mùng 2 tháng Một, hai mươi ngày trước khi cô bé mất tích. Ngoài ra, tôi đã phát hiện một chi tiết trong đoạn băng ghi hình mà chúng ta sẽ xem sau khi cập nhật tình hình lên bảng.”

Porter gật đầu. “Lúc được tìm thấy, quần áo mặc trên người Ella không phải là đồ của cô bé mà được cho là của cô bé thứ hai mất tích, Lili Davies.” Anh viết cái tên này lên bảng rồi quay lại bên cột đề tên Ella. “Lần

cuối cùng có người nhìn thấy Ella là khi cô bé xuống xe buýt cách nhà hai khu phố, gần Quảng trường Logan, cách nơi thi thể được phát hiện khoảng hai mươi tư kilômét, khi đó cô bé mặc áo khoác màu đen. Tôi nghĩ chúng ta có thể khẳng định hung thủ đã dàn dựng hiện trường ở đầm nước sao cho giống như Ella đã ở dưới đó nhiều tuần, điều này là không thể nếu bộ quần áo cô bé mặc đúng là của Lili."

Nash rời khỏi bàn mình, bước tới chỗ bàn họp phía trước tấm bảng và ngồi xuống. "Hắn làm thế để làm gì? Hắn tốn bao công sức dìm Ella dưới đầm băng nhưng lại mặc quần áo của Lili cho cô bé, giúp chúng ta xác định mốc thời gian cụ thể trong chuỗi sự việc. Thật là vô lý."

"Nhưng với hắn thì lại hợp lý." Porter nói. "Toàn bộ chuyện này đều hợp lý. Kể cả điều sau đây…"

Porter viết mấy chữ CHẾT ĐUỐI TRONG NƯỚC MẶN bên dưới tên của Ella.

"Có đùa không vậy?" Kloz nói.

"Eisley nói anh ta tìm thấy nước mặn trong phổi và dạ dày của cô bé. Anh ta khá chắc chắn nguyên nhân tử vong là do đuối nước." Porter nói với Kloz.

"Chết đuối." Clair nhắc lại. "Trong nước mặn."

Nash bổ sung: "Đại dương gần nhất cách đây khoảng hơn một ngàn cây số."

"Chúng ta cần đi điều tra ở các cửa hàng thủy sinh và đầu mối cung cấp trang thiết bị thủy sinh trong vùng." Porter nói. "Tôi nghĩ có thể loại trừ khả năng hung thủ đưa nạn nhân ra tận ngoài biển. Thời gian quá eo hẹp."

Clair lắc đầu. “Giấc ngủ ít ỏi không đủ để giúp tôi giải quyết một vụ như thế này.”

“Có lẽ mọi người đều đang nỗ lực hết sức mình.” Porter đồng tình. “Chúng ta đã biết được những gì về cô bé thứ hai, Lili Davies?”

Nash mở cuốn sổ tay ra xem. “Bố mẹ của cô bé là bác sĩ Randal Davies và Grace Davies. Cô bé chơi thân với Gabrielle Deegan. Học ở Học viện Wilcox. Lúc được nhìn thấy lần cuối, cô bé mặc áo khoác màu đỏ, theo như lời khai của bà mẹ - áo parka có mũ hiệu Perro, chất vải nylon màu đỏ chần quả trám. Ngoài ra, cô bé còn đội mũ len trắng, đeo găng tay trắng, mặc quần jeans đen và đi giày tennis màu hồng. Lili không đến được trường hôm qua, chứng tỏ rất có khả năng cô bé bị bắt cóc vào sáng ngày 12 tháng Hai. Bà mẹ khai rằng chính mắt bà ta trông thấy cô bé rời nhà. Lúc đó là khoảng bảy giờ mười lăm phút sáng. Giờ vào học là tám giờ kém mười, cô bé đi bộ đến trường.”

“Có đi cùng với ai không?” Porter hỏi.

Nash lắc đầu. “Mẹ cô bé nói trường chỉ cách đó bốn khu nhà, nên cô bé đi một mình.”

Kloz liếc đống hộp đựng bánh rán bằng ánh mắt buồn thiu, rồi bước tới bàn họp. “Bốn khu nhà thì cũng không xa. Như thế, kẻ bắt cóc cô bé sẽ không có nhiều thời gian để ra tay.”

Clair ngồi xuống cạnh Nash. “Đây là giả sử cô bé đi một mạch tới trường, mà điều này chúng ta không có cách nào xác thực. Cô bé có thể vô tình gặp người bạn nào đó trên đường và đi nhờ xe của họ. Tôi biết là chỉ cách vài khu thôi, nhưng ngày xưa cuốc bộ đi học, tôi vẫn xin quá giang suốt. Những ai sống ở gần trường đều hiểu, đám học sinh đi xe và đi bộ

thường tụ tập ở bãi xe, nhiều đứa chơi ở đấy cho tới khi có chuông báo giờ vào lớp."

"Tôi vào được chứ?"

Ba người ngước nhìn. Sophie Rodriguez đang đứng ở cửa. Porter nhận thấy cô vẫn mặc chiếc áo len màu nâu giống như lúc ở nhà Davies. Rất có thể cô cũng chưa được về nghỉ ngơi. "Xin mời." Anh nói. "Cô ngồi đi, chúng tôi đang xem xét các thông tin thu được."

"Ừm, Sam này?" Kloz nói, đưa mắt nhìn cô một lượt từ đầu đến chân. "Còn nhớ đã xảy ra chuyện gì trong lần gần đây nhất anh mời đối tượng lạ hoắc nào đó nhập hội không?"

Clair đập cho anh ta một phát vào vai. "Tôi quen biết Sophie gần bốn năm rồi. Cô ấy đã qua kiểm duyệt." Cô ra hiệu mời Sophie ngồi vào chiếc ghế bên trái mình.

Sophie đặt túi xách ở gần cửa, cởi áo khoác rồi ngồi xuống chăm chú đọc những gì viết trên bảng. "Tôi biết mọi người đang điều tra với tư cách Đội Trọng án, và tính đến thời điểm hiện tại Lili vẫn đang thuộc diện mất tích, nhưng chúng ta đã xác định được mối liên quan rõ ràng. Có lẽ tốt hơn hết ta nên hợp tác với nhau, ít nhất là trong thời gian này. Cho tới khi nắm bắt được tình hình."

"Chào mừng cô nhập nhóm, Sophie." Porter nói.

Nash ném cho anh cái nhìn mệt mỏi, nhưng không nói gì.

Sophie đăm đăm nhìn những người có mặt trong phòng. "Ella cũng là một trong số trẻ em mất tích do tôi phụ trách điều tra. Tuy chúng ta luôn hy vọng điều tốt đẹp nhất sẽ đến, nhưng nếu sau hơn bốn mươi tám giờ mà vẫn không có tung tích gì của bọn trẻ, thường thì điều đó có nghĩa chúng đã bỏ

nhà ra đi hoặc gặp chuyện chẳng lành. Hai cô bé đều có gia đình đàng hoàng, bởi vậy linh tính mách bảo tôi trường hợp này là "chuyện chẳng lành". Lúc anh báo cho tôi biết tin về bộ quần áo, có lẽ anh đã giúp xác thực mối nghi ngờ đó của tôi. Tôi chỉ hy vọng chúng ta tìm được Lili trước khi quá muộn."

"Cô cho bố mẹ Lili xem ảnh chụp bộ quần áo chưa?" Porter hỏi. Anh đã gửi bức ảnh đó cho cô qua e-mail lúc ở nhà xác.

Sophie gật đầu. "Bà mẹ xác nhận chúng là quần áo của Lili. Bà ấy nói chính tay mình đã viết hai chữ cái ấy lên mác của chiếc mũ."

Porter viết mấy chữ MẶC TRANG PHỤC CỦA LILI DAVIES KHI ĐƯỢC TÌM THẤY bên dưới tên ELLA REYNOLDS trên bảng. Sau đó anh lại quay về phía cô. "Cô có thể cho chúng tôi biết thêm điều gì về Ella?"

Sophie chăm chú đọc tấm bảng trong giây lát. "Tôi đã đích thân đến hiện trường cách đây vài tuần, ngay sau khi cô bé mất tích. Cô bé xuống xe buýt cách nhà khoảng hai khu, gần Quảng trường Logan, nhưng bố mẹ Ella nói thỉnh thoảng cô bé tới cửa hàng Starbucks nằm trên đại lộ Kedzie để làm bài tập. Tôi đã lần theo cả hai con đường. Tôi đi từ bến xe buýt tới nhà cô bé mất khoảng bốn phút, từ bến xe buýt tới Starbucks là bảy phút, và từ Starbucks tới nhà cô bé là chín phút. Toàn bộ khu vực đó rất đông đúc, người qua lại liên tục. Tôi không hiểu làm thế nào có kẻ bắt cóc được cô bé mà không bị ai nhìn thấy."

Nash hỏi: "Cô đã trao đổi với người quản lý Starbucks chưa?"

Sophie gật. "Tôi đưa ảnh Ella thì ông ta nhận ra nhưng lại không chắc chắn liệu cô bé có đến cửa hàng vào ngày hôm đó không. Cô bé thường trả tiền mặt nên tôi không thể truy xuất hóa đơn thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng."

“Ở đó có camera giám sát không?”

“Có, nhưng cứ sau mỗi một ngày là hệ thống lại xóa đi. Họ không lưu băng ghi hình. Lúc chúng tôi đến thì đã chẳng còn nữa rồi.”

Kloz đằng hắng. “Hay cứ để tôi xem thử? Tôi chưa gặp hệ thống giám sát an ninh nào thực sự xóa hết băng ghi hình của ngày hôm trước. Nếu hệ thống đó lưu trên ổ cứng thì nhiều phân mảnh có thể vẫn tồn tại, dù người quản lý cho rằng đoạn băng không còn nữa.”

Porter gật đầu và viết lên bảng dòng chữ BĂNG GHI HÌNH Ở STARBUCKS (XÓA MỖI NGÀY?) - KLOZ. “Còn gì nữa không?”

“Chúng tôi đã kiểm tra máy tính và e-mail của cô bé, nhưng không phát hiện được điều gì bất thường.” Sophie nói. “Điện thoại di động cũng biến mất cùng cô bé. Máy được kết nối lần cuối với trạm thu phát sóng gần Quảng trường Logan, bốn phút sau khi xe buýt vào bến theo lộ trình thì mất tín hiệu.”

“Kloz?”

Kloz đã mau mắn gật đầu và ghi chú vào laptop. “Tôi sẽ kiểm tra cả chi tiết này.”

Porter quay sang Sophie. “Cô có tìm được gì trong phòng của Lili không?”

“Không có gì bất thường. Quần áo vứt lung tung. Không thấy thứ gì bị giấu ở các ngăn kéo hoặc dưới đệm, những nơi giấu đồ thông thường. Trên tấm gương có dán ảnh Lili chụp cùng một cô bé khác. Bà mẹ nói đó là Gabby, bạn thân của cô bé. Bố Lili nói cô bé sở hữu điện thoại di động và laptop, nhưng cả hai thứ đó đều không có trong phòng. Bà Davies cho rằng cô bé đã mang chúng đến trường, vì lúc đi học cô bé đeo ba lô.” Cô ngừng

lại giây lát, đọc tin nhắn trên di động. “Chúng tôi đã kiểm tra kết nối di động của cô bé, nhưng máy đã tắt. Tôi vừa nhận được kết quả. Trạm thu phát cuối cùng thu được tín hiệu là trạm ở gần nhà cô bé. Tín hiệu mất hẳn lúc bảy giờ hai mươi ba phút. Tức là chỉ khoảng tám phút sau khi cô bé ra khỏi nhà.”

“Kloz, anh thử xem có tìm hiểu được gì từ các tài khoản mạng xã hội và e-mail của cô bé không nhé.” Porter nhắc.

“Rõ.” Kloz đáp.

Sophie rút từ trong túi xách ra một tập hồ sơ và rải những thứ bên trong lên bàn. Cô có ảnh của cả hai cô bé. “Diện mạo Ella và Lili có nhiều điểm tương đồng, điều đó cho thấy động cơ của hung thủ có thể liên quan đến yếu tố ngoại hình hoặc tình dục, nhưng bác sĩ pháp y nói rằng Ella không có dấu hiệu bị xâm hại. Tạm thời tôi vẫn chưa tin sự giống nhau giữa hai vụ chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên.”

“Có lý. Tôi xin phép nhé?” Porter nói và trỏ vào hai bức ảnh.

Sophie đưa cho anh, Porter dán chúng lên bảng. “Lili bao nhiêu tuổi?”

“Mười bảy.” Sophie đáp.

“Cả hai đều có tóc vàng, dài khoảng ngang vai. Mắt Ella màu xanh dương, còn Lili xanh lục. Hai cô bé hơn kém nhau hai tuổi. Ella học trường nào?”

Sophie lật sổ ghi chép. “Trung học Kelvyn Park. Cô bé học lớp Mười.”

“Có lý do gì để cho rằng hai cô bé quen biết nhau không?”

“Theo tôi biết thì không.” Cô đáp. “Hai đứa học khác trường, nhóm bạn cùng chơi cũng khác, lại chênh nhau hai tuổi. Cả hai đều không có ô tô.”

“Vậy còn phòng tranh?” Porter hỏi. “Có khi nào hai cô bé quen nhau ở đó?”

“Tôi chưa ghé qua phòng tranh. Mười giờ họ mới mở cửa.”

Porter gãi gãi má. “Theo tôi thì cô cùng với Clair tới trường một chuyến và thẩm vấn Gabrielle Deegan, bạn của Lili. Nash hay làm tụi nhỏ sợ.”

Nash nhoẻn cười. “Biết làm sao được, tôi vốn đáng sợ mà.”

Porter gật đầu với anh. “Anh và tôi sẽ ghé qua phòng tranh.”

“Thưởng thức tí nghệ thuật cũng vui.”

“Tôi sẽ nhắn địa chỉ cho các anh.” Sophie nói. “Nó nằm ở phố North Halsted.”

Porter đưa mắt nhìn tấm bảng. “Còn gì nữa không?”

Cả nhóm lặng thinh.

“Ta xem băng ghi hình nhé?” Clair hỏi.

“Ừ, cô bật đi.”

Clair gõ lên màn hình iPad rồi đặt ở giữa bàn. Đoạn băng đang tạm dừng. Góc máy cực kỳ tệ hại, chĩa xuống con đường nhỏ trải nhựa đen. Đồng hồ trên băng hình hiển thị 8:47 sáng ngày 12 tháng Hai.

Clair bấm nút chạy và đoạn băng chạy tiếp theo thời gian thực. Hai xe ô tô phóng qua, một chiếc Toyota vàng và một chiếc Ford trắng. Khi cái ô tô bán tải màu xám xuất hiện, Clair bấm tạm dừng. “Tôi sẽ cho chạy chậm lại.” Cô nói, đoạn băng tiếp tục chạy với tốc độ chỉ vài khung hình mỗi giây.

Khi phần cuối xe xuất hiện trong tầm ngắm, Porter đã hiểu ra. “Dừng ở đây.” Anh nói.

Chiếc xe bán tải kéo theo một cái bồn chứa nước lớn ở phía sau, loại bồn dùng để vệ sinh bể bơi.

"Trong công viên không có bể bơi, mà giữa mùa đông rét mướt thế này cũng chẳng mấy ai có nhu cầu làm vệ sinh bể bơi." Clair nói. "Tôi nghĩ đó là cách hắn dẫn nước vào cái đầm."

"Còn góc quay nào khác không?" Porter hỏi.

Clair lắc đầu. "Đây là cái camera duy nhất ở công viên."

Kloz rướn người lại gần. "Tôi cũng không thể làm được gì nhiều. Hình ảnh rõ đấy, nhưng góc máy thì quá lởm."

"Tua lại vài khung hình thử xem?" Porter gợi ý.

Clair bấm nút tua. Từng khung hình chạy ngược theo mỗi lần chạm.

"Dừng lại đi." Porter nói. "Vết lóa kia là thế nào, mà sao góc quay tệ quá vậy?"

Camera chúc hẳn xuống theo chiều gần như thẳng đứng. Thông thường, camera sẽ chĩa về hai hướng xuôi theo con đường, đó là góc độ tối ưu để ghi lại hình ảnh ô tô đến hoặc đi.

Họ dừng băng ở đoạn cho thấy rõ nhất tấm kính chắn gió của chiếc xe bán tải, nhưng một vết lóa sáng trắng đã làm lu mờ hình ảnh bên trong xe.

Porter nhìn thấy bóng tài xế mờ ảo, nhưng không gì có thể giúp họ xác định được danh tính của người đó. "Kloz, liệu anh có phóng to và làm cho hình ảnh này rõ hơn được tí nào không?"

Kloz cắn đầu ngón tay cái. "Cũng có thể, không hứa trước được. Tôi sẽ thử."

"Người quản lý công viên cho biết họ hiếm khi xem băng ghi hình. Họ lắp camera với mục đích hù dọa là chính. Có thể một lúc nào đó camera đã lỏng ra nên chúc xuống đất, hoặc là có người nới lỏng và cố tình chĩa nó xuống. Ông ta không biết chuyện xảy ra như thế nào hay từ bao giờ." Clair giải thích. "Ông ta nói chiếc camera vốn chĩa dọc theo con đường để ghi lại hình ảnh ô tô cũng như tài xế từ đằng xa đi tới."

Porter quay sang nhìn Kloz, nhưng anh chưa kịp lên tiếng thì Kloz đã xua tay. "Rồi, tôi biết rồi. Tôi sẽ xem lại các đoạn băng cũ để xem có xác định được sự việc xảy ra khi nào không, nhỡ đâu lại chộp được cảnh hung thủ tay cầm cờ lê, miệng mỉm cười trước camera."

"Cũng có lúc chúng sơ suất chứ." Porter nói.

"Ờ."

"Có vẻ khả quan đây. Ít nhất chúng ta có thể biết được cái ô tô bán tải kia là của hãng nào, thuộc dòng xe nào. Nếu kiểm tra đối chiếu thông tin này với các công ty vệ sinh bể bơi, biết đâu ta lại gặp may." Porter quay về phía cái bảng. "Còn ai muốn bổ sung điều gì không?"

Cả phòng lại im lặng.

Porter đậy nắp chiếc bút dạ đen rồi ngồi xuống bên bàn họp. "Tôi muốn tìm hiểu kĩ hơn về những vụ bắt cóc này. Hung thủ ra tay khá nhanh và xem ra không gặp khó khăn gì trong việc bắt hai cô bé ở nơi công cộng. Điều đó có nghĩa, hoặc là hắn giỏi ẩn mình trong đám đông, hoặc có thể hắn làm quen với nạn nhân từ trước để họ không cảm thấy sợ hãi. Hắn không thể bắt họ ngay trên phố rồi tống vào cái xe bán tải mà không bị ai để ý trong khi họ la hét, giãy giụa. Bởi vậy, bằng cách nào đó hắn đã thuyết phục được họ tự nguyện đi theo."

“Có thể hắn sử dụng các phương tiện khác.” Nash nêu ý kiến. “Xe công ích hoặc xe van của công ty dịch vụ điện, nước, ga chẳng hạn. Loại nào không thu hút sự chú ý của những người xung quanh.”

Kloz xoay laptop lại để mọi người cùng xem. Trên màn hình là bản đồ chi tiết của thành phố Chicago và các vùng phụ cận. Có một chấm màu đỏ ở gần Quảng trường Logan, một chấm nữa tại Công viên Jackson, và chấm thứ ba ở đường King Drive thuộc khu Bronzeville. “Địa điểm xảy ra hai vụ bắt cóc nằm cách nhau khoảng mười sáu kilômét. Với một thành phố lớn như Chicago thì địa bàn hoạt động cỡ này quả là rộng. Công viên Jackson nơi thi thể Ella được tìm thấy thực ra lại gần nhà Lili hơn là nhà của chính Ella.”

Porter quan sát tấm bản đồ trong giây lát. “Vậy là nơi Lili bị bắt lại ở gần nơi tìm thấy Ella. Đây có thể là chi tiết quan trọng đấy.”

“Ella chết đuối trong nước mặn ư?” Sophie cau mày nhìn lên bảng. “Thật vô lý.”

“Bể bơi nước mặn thì sao?” Kloz gợi ý. “Như thế có vẻ khớp với chi tiết cái xe bán tải.”

“Thứ đó bây giờ đang là mốt à?” Nash nhíu mày.

Kloz gật. “Nhà bà cô tôi ở Florida có một cái. Bà ấy bị dị ứng với clo. Bể bơi nước mặn cũng ít phải bảo trì, không cần đo đạc các chỉ số hóa chất.”

“Bể bơi loại này ở Chicago chắc không nhiều đâu. Anh có tìm được không?” Porter hỏi.

Kloz đáp: “Có thể tôi sẽ tổng hợp được khi kiểm tra cơ sở dữ liệu giấy phép xây dựng.”

Porter chăm chú nhìn những gương mặt đang ngồi quanh bàn. Trừ Sophie Rodriguez ra, còn lại đều là những người anh quen biết đã nhiều năm. Anh lấy lại tờ báo ở bàn Nash và đặt lên bàn họp. “Mọi người cẩn thận với cánh phóng viên đấy. Có kẻ đang gí mũi hơi bị sâu vào chuyện của chúng ta và không ngại đưa ra đủ thứ suy đoán.”

Clair xoay tờ báo lại để đọc hàng tít. “Anh không nghĩ rằng trong chúng ta có người đã tiết lộ với báo giới chứ?”

Porter lắc đầu. “Tôi nghĩ bọn họ sẽ in bất cứ tin gì có thể giúp báo bán được. Và nếu không khai thác được gì từ chúng ta thì họ dựng chuyện để viết. Khi nào cả đội sẵn sàng, tôi mới đưa ra thông cáo. Từ giờ tới lúc đó, ngoại trừ tin báo mất tích của Lili, chúng ta tuyệt đối cấm cửa báo giới.”

Bầu không khí trong phòng bỗng trầm hẳn xuống. Sophie là người đầu tiên lên tiếng. “Không ai xử lý nốt cái bánh rán kia à?”

Kloz gục đầu xuống bàn và buông tiếng thở dài. “Cô lấy đi.”

BẢNG THỐNG KÊ BẰNG CHỨNG

ELLA REYNOLDS (15 TUỔI)

Được báo mất tích ngày 22 tháng 1

Được tìm thấy ngày 12 tháng 2 tại đầm nước trong Công viên Jackson

Đầm nước đóng băng từ ngày 2 tháng 1 (20 ngày trước khi mất tích)

Được nhìn thấy lần cuối khi xuống xe buýt gần Quảng trường Logan (cách nhà 2 khu/cách Công viên Jackson 24 kilômét)

Mặc áo khoác đen lúc được nhìn thấy lần cuối

Chết đuối trong nước mặn (tìm thấy trong nước ngọt)

Mặc trang phục của Lili Davies khi được tìm thấy

Đi bộ từ bến xe buýt về nhà mất bốn phút

Thường đến cửa hàng Starbucks ở đại lộ Kedzie. Đi bộ về nhà mất bảy phút.

LILI DAVIES (17 Tuổi)

Bố mẹ = Bác sĩ Randal Davies và Grace Davies

Bạn thân = Gabrielle Deegan

Học tại Học viện Wilcox (trường tư), không đến lớp ngày 12 tháng 2

Được nhìn thấy lần cuối khi rời nhà đến trường (đi bộ) sáng ngày 12 tháng 2 lúc 7:15, mặc áo parka có mũ hiệu Perro, chất vải nylon màu đỏ chần quả trám, mũ len trắng, găng tay trắng, quần jeans tối màu, giày tennis hồng (tất cả đều được tìm thấy trên thi thể Ella Reynolds)

Nhiều khả năng bị bắt vào sáng ngày 12 tháng 2 (khi đang trên đường đi học)

Thời gian gây án ngắn = 35 phút (đi học lúc 7:15 sáng, vào học lúc 7:50)

Trường chỉ cách đó bốn khu nhà

Mãi đến hơn 12 giờ đêm (tức sáng ngày 13 tháng 2) mới được trình báo mất tích

Bố mẹ tưởng con gái làm thêm (tại phòng tranh) sau khi đi học về (cả hai việc đều không xảy ra)

ĐỐI TƯỢNG TÌNH NGHI

Có thể lái một chiếc xe bán tải màu xám kéo theo một bồn chứa nước

Có thể làm công việc liên quan đến bể bơi (vệ sinh hoặc bảo trì)

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Băng ghi hình tại Starbucks (xóa mỗi ngày?) - Kloz

Máy tính, điện thoại, e-mail của Ella - Kloz

Tài khoản mạng xã hội, lịch sử cuộc gọi và tin nhắn điện thoại, e-mail của Lili (không tìm thấy điện thoại và laptop) - Kloz

Chỉnh rõ ảnh chụp đối tượng trong diện tình nghi lúc lái xe vào công viên - Kloz

Camera của công viên bị nới lỏng? Kiểm tra băng ghi hình cũ - Kloz

Tìm ra hãng xe và dòng xe của chiếc ô tô bán tải trong băng ghi hình? - Kloz

Clair và Sophie đi theo lộ trình đến trường của Lili/thẩm vấn Gabrielle Deegan

Porter và Nash tới phòng tranh (quản lý = cô Edwins)

Lên danh sách các bể bơi nước mặn ở Chicago thông qua văn phòng cấp phép xây dựng - Kloz

Kiểm tra các cửa hàng thủy sinh và đầu mối cung cấp trang thiết bị thủy sinh trong vùng

CHƯƠNG 10

Porter

Ngày 2 • 9:08 sáng

"Anh không cần phải làm việc này đâu, Sam."

"Có đấy."

Anh nhấn chuông nhà Reynolds.

Hai người lái xe từ Sở Cảnh sát đến thẳng đây, bật cả đèn chớp. Trên đường đi Porter đã vượt đèn đỏ ít nhất ba lần.

Nash di di chân trong lúc đứng cạnh anh trên bậc tam cấp. "Sở có thể cử sĩ quan tuần tra đến mà."

Porter xoa hai tay vào nhau. Thời tiết lạnh giá đang giết dần giết mòn anh. Do hiệu ứng phong hàn* nên nền nhiệt chỉ khoảng âm mười sáu độ. "Hơn chín giờ rồi. Có thể họ đã đọc số báo ra sáng nay. Chắc chương trình thời sự buổi sáng cũng đã đưa tin."

Porter nhấn chuông lần nữa.

Tấm rèm che ô kính bên trái cửa ra vào được vén lên trong thoáng chốc rồi lại buông xuống. Có người xoay chốt khóa. Cánh cửa hé mở. Một phụ nữ khoảng trên dưới bốn mươi lăm tuổi từ trong nhà nhìn ra, cặp mắt đỏ hoe thâm quầng, hai hốc mắt trũng sâu vì thiếu ngủ. Mái tóc nâu bết lại trông như nhiều ngày rồi chưa gội. Bà ta mặc áo len dày màu nâu và quần jeans. "Xin hỏi các anh cần gì?"

Porter trình phù hiệu ra. "Tôi là Thanh tra Porter, còn đây là Thanh tra Nash, thuộc Sở Cảnh sát Chicago. Chúng tôi vào được chứ?"

Bà ta nhìn anh chằm chằm, như thể phải mất một giây mới nhận thức được điều anh vừa nói. Sau đó bà ta gật đầu, mở rộng cửa trong lúc nhìn qua vai họ, ánh mắt hướng ra phố. "Có lẽ cái lạnh rốt cuộc cũng đã xua nốt cái xe van săn tin cuối cùng. Đêm qua bọn họ vẫn còn bám trụ ở đây."

Porter và Nash giậm chân để giũ tuyết bám ở giày rồi bước vào trong nhà và đóng cửa lại. Bầu không khí nóng ấm vây lấy họ, cảm giác thật ngột ngạt so với bên ngoài. Nhưng Porter thấy chẳng hề gì. Có cho anh đứng trong lò lửa cả tiếng đi nữa thì ngón tay anh vẫn cứ tê cóng vì lạnh. Anh đằng hắng. "Chồng bà có nhà không?"

Bà Reynolds lắc đầu. "Nhà tôi chưa về."

"Ông ấy đi đâu à?"

Người phụ nữ hít một hơi dài rồi ngồi lên tay vịn của chiếc xô pha da kê ở phía sau. "Nhà tôi lái xe đi loanh quanh tìm Ella suốt từ hôm con bé mất tích. Ông ấy chỉ tạt về nhà ăn uống và chợp mắt lấy vài tiếng rồi lại đi. Hồi đầu tôi cũng đi cùng vài lần, nhưng tôi cảm thấy thật vô vọng. Chúng tôi cứ rong xe khắp phố phường, như thể hy vọng sẽ nhác thấy bóng con bé chạy vụt qua giữa những ngôi nhà, chẳng khác gì chú chó vô chủ. Nhưng tôi cũng không thể bảo ông ấy đừng đi. Ông ấy sẽ đau lòng lắm. Thứ Ba tuần trước ông ấy đã cố gắng ở nhà, nhưng cả hai chúng tôi đều cảm thấy bức bối. Hôm qua, ăn tối xong ông ấy lại đi."

"Chịu khó vận động thế cũng tốt." Nash nói.

Bà ta ngẩn ra nhìn anh bằng ánh mắt vô hồn, sau đó tiếp tục nói. "Cả tuần đầu tiên tôi không làm gì ngoài gọi điện thoại. Tất cả bạn bè của Ella,

người trong gia đình, hàng xóm láng giềng, bất cứ ai tôi có thể gọi được. Rồi cả nhà tình thương, bệnh viện, nhà xác… cứ phải ngồi một chỗ… chỉ quanh quẩn trong bốn bức tường, cảm giác… bất lực vô cùng. Nhưng tôi còn biết làm gì đây? Chúng tôi đã treo thông báo mất tích ở khắp nơi. Việc đó không mang lại hiệu quả trong thời tiết này. Chẳng ai muốn ra khỏi nhà trừ trường hợp bắt buộc.”

Porter hít một hơi dài. “Chuyện này nói ra thật không dễ chút nào…”

Bà Reynolds giơ tay lên ngắt lời anh. “Không cần đâu. Tôi đã xem trên bản tin thời sự buổi sáng rồi. Ba tuần nay ti vi nhà tôi không lúc nào tắt. Tôi có thiếp đi một lúc trên xô pha, tối qua lúc tỉnh dậy tôi thấy ti vi đang đưa tin về vụ việc ở công viên. Họ không trực tiếp nói đó là Ella mà chỉ bảo thi thể một cô bé vừa được tìm thấy dưới đầm nước. Nhưng người làm mẹ hết thảy đều biết. Có lẽ tôi đã biết từ nhiều tuần trước. Hình như tôi đã thấy anh trên ti vi. Trông anh quen quen.”

“Xin chia buồn với gia đình.”

Bà ta gật đầu, đưa tay lên quệt đôi mắt trông như thể đã không còn lệ để khóc con từ hai tuần trước. “Ella nhà tôi sẽ không đời nào bỏ đi, điều đó chúng tôi biết ngay khi hay tin con bé mất tích. Có lẽ kể từ lúc đó, cứ mỗi phút trôi qua, hy vọng trong tôi lại lụi dần. Một cô bé sao có thể biến mất dễ dàng đến vậy trong thế giới ngày nay, khi mà đâu đâu cũng có camera giám sát và Internet. Một cô bé biến mất không để lại bất cứ dấu vết gì thì nhất định là đã gặp chuyện chẳng lành.” Bà ta hít sâu một hơi. “Con tôi chết thế nào?”

“Chúng tôi cho rằng cô bé chết đuối. Chúng tôi vẫn đang chờ báo cáo chi tiết.”

“Chết đuối dưới đầm ư?”

Porter lắc đầu. “Không… mà là ở nơi khác. Cô bé chết đuối rồi sau đó mới bị thả xuống đầm.”

“Ý anh là, con bé *bị* chết đuối. Có kẻ đã hại nó, phải không?”

“Tôi e là vậy.”

Bà Reynolds chậm rãi đưa mắt nhìn xuống sàn nhà. “Tôi định hỏi anh xem con bé có phải chịu khổ sở gì không, nhưng có lẽ tôi biết trước câu trả lời rồi, và chưa chắc tôi đã muốn chính tai mình nghe thấy. Ý tôi là, có kẻ đã bắt cóc nó từ mấy tuần trước. Anh có biết con bé chết khi nào không? Có biết loại súc sinh đó đã làm gì con tôi suốt từng ấy ngày trời không?”

Nash cũng cụp mắt xuống. “Tạm thời chúng tôi chưa biết thêm được gì nhiều ngoài những điều trên. Chúng tôi đã hy vọng có thể báo tin cho ông bà trước khi…”

“Trước khi tôi biết tin từ nguồn khác? Các anh thật tử tế, chứ đám phóng viên kia thì…”

“Bà có cách nào liên lạc được với ông nhà không? Có lẽ chúng ta nên gọi cho ông ấy? Bảo ông ấy về?”

Một lần nữa ánh mắt bà ta lại trở nên vô hồn trong lúc ngẫm nghĩ về những điều Nash vừa nói. Porter đã từng chứng kiến điều này, biểu hiện xa rời thực tại. Với những người bị sang chấn tâm lý nghiêm trọng, đôi khi nhận thức của họ phần nào tách rời khỏi thực tại, như thể họ đang *quan sát* những sự việc diễn ra xung quanh hơn là tham gia vào. Bà Reynolds gật đầu, lấy ra chiếc điện thoại di động vùi trong tấm chăn trên xô pha. Vài giây sau, bà ta mấp máy ba từ *hộp thư thoại* rồi cụp mắt xuống sàn trong lúc để lại lời nhắn. “Floyd à? Em đây. Mình về đi nhé. Họ… cảnh sát đang ở nhà đây. Họ tìm thấy con gái chúng ta rồi.”

Bà ta cúp máy, sau đó lại vứt điện thoại lên xô pha.

Có tiếng cửa đóng sầm phía sau nhà, rồi một cậu bé đi vào phòng khách, để lại vệt tuyết dài trên sàn bếp. Mặc bộ quần áo chống rét màu xanh hải quân, đội mũ vành rủ màu vàng, quàng khăn, đi găng tay đen, trông cậu bé chắc chỉ khoảng bảy, tám tuổi. “Mẹ ơi? Có ai đó đã đắp người tuyết trên sân sau nhà mình.”

Bà Reynolds liếc về phía cậu bé rồi lại quay sang nhìn Porter và Nash. “Giờ không phải lúc, Brady à.”

“Con thấy hình như người tuyết bị thương.”

“Sao cơ?”

“Người tuyết đang chảy máu.”

CHƯƠNG 11

Lili

Ngày 2 • 9:12 sáng

Lúc trước ở đây chỉ có mình Lili, nhưng giờ thì khác.

Gã đàn ông đi xuống cầu thang, sau đó hắn cứ đứng im một chỗ phải đến hai phút, chỉ để quan sát cô. Trong tay hắn đang cầm một vật, nhưng cô không nhìn rõ được nó là thứ gì.

Khi hắn cuối cùng cũng chịu lên tiếng, giọng hắn khẽ khàng và từ tốn, cách nhả chữ nghe như đã luyện tập từ trước. “Cô không uống sữa.”

Lili không uống, nhất quyết không. Cô sẽ không ăn không uống bất cứ thứ gì hắn đưa. Cô thà chết còn hơn nhận bất cứ thứ gì của hắn.

“Vì sao?”

Cô không trả lời mà chỉ kéo tấm chăn chặt hơn quanh mình, đồng thời lùi vào góc phía sâu bên trong chuồng.

“Cần gì phải làm khổ mình như thế. Trừ phi đó là điều cô muốn. Tôi thì muốn cô được thoải mái, dễ chịu.” Hắn nói. “Cô thấy như vậy đã đủ ấm chưa?”

Kê sát bức tường bên tay phải của cô là hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí, cùng với máy sưởi chạy bằng nước nóng dùng chung cho cả ngôi nhà. Từ lúc cô tỉnh lại trong căn hầm, hệ thống cứ lúc chạy lúc không, nhưng giờ thì đang im tiếng. Cửa thông khí lắp ở cạnh bên của hệ thống

hướng thẳng về phía cái chuồng nhốt cô, và đúng là ấm thật. Nhưng cô không đời nào thừa nhận với hắn.

"Nếu lạnh quá thì cô cứ nói."

Hắn rời khỏi chỗ đứng trong bóng tối dưới chân cầu thang để tiến đến gần cái chuồng của cô. Hay thật, cô nghĩ bụng, mới đó mà cô đã coi đây là chuồng *của mình* rồi. Ở trong nhìn ra thì có vẻ như nó đang bảo vệ cô khỏi mối đe dọa đến từ bên ngoài. Trong lúc hắn tiến đến, cô thầm biết ơn tấm lưới và những thanh chắn kim loại ngăn cách giữa hai bên, vì chúng mang lại cho cô cảm giác an toàn. Bàn tay không vướng bận vòng ra sau lưng và bấu vào những mắt lưới, tấm lưới thép lạnh lẽo hằn lên da cô.

Khi hắn bước ra chỗ sáng, cô có thể nhìn thấy hắn rõ hơn. Da hắn trắng bệch như tờ giấy, cô thấy được cả mạch máu chằng chịt trên cổ hắn, những mao mạch nhỏ xíu chạy khắp trán và hai má. Hắn đội mũ len đen sùm sụp che hết cả mái tóc nếu có. Hai hàng lông mày thưa thớt, có cũng như không. Sau khi nhìn vào mắt hắn, cô chỉ ước giá như mình đừng nhìn. Cách hắn chăm chú quan sát cô, cái nhìn sâu thẳm toát ra từ cặp mắt xám đục. Đó là đôi mắt của người già, căn bệnh đục thủy tinh thể và lớp màng mờ bao phủ trên đó đã lấy đi nét tinh anh. Nhưng trông hắn không có vẻ gì là già cả, cùng lắm chắc chỉ ba mươi. Cặp mắt không ăn nhập với tuổi tác, nhìn chẳng tự nhiên. Mắt phải dường như đậm màu hơn mắt trái, vằn lên những tia máu. Lili muốn quay đi chỗ khác nhưng cũng không muốn cho hắn toại nguyện. Cô sẽ không để lộ sự yếu đuối trước mặt hắn.

"Xin lỗi vì đã xuất hiện trong bộ dạng này. Gần đây tôi không được khỏe. Nhưng hôm nay thì tốt rồi. Tôi đảm bảo bệnh này không lây đâu. Xin cô đừng sợ." Hắn nói, nghe rất rõ những từ bị ngọng.

Lili bấu ngón tay vào những mắt lưới, đón nhận cơn đau mà hành động đó mang lại, nó giúp cô phân tâm. Hàm cô nghiến chặt, đầy cứng rắn và cương quyết.

Miệng hắn hơi hé ra. Cô nghe thấy tiếng khò khè nhẹ mỗi lần hắn hít vào. “Tôi sẽ cho cô ra ngoài, và cô phải nghe lời tôi.” Hắn liếc xuống đồ vật đang cầm trong tay phải, một cái kìm chích điện. Hắn không đả động gì đến nó. Lili biết loại vũ khí này không gây sát thương. Cô tự hỏi bị sốc điện sẽ đau đớn đến mức nào. Liệu cô có thể lao vụt qua chỗ hắn đứng và chạy lên cầu thang, dù có thể sẽ bị hắn chích điện đi nữa?

Hắn dùng tay trái tra chìa vào ổ khóa ở trên trước rồi đến ổ bên dưới, lần lượt tháo chúng ra và móc vào tấm lưới. Sau đó, hắn kéo chốt và mở cửa chuồng.

Lili vẫn ngồi yên, ngón tay bấu chặt vào thành chuồng ở phía sau.

“Làm ơn ra đây.” Hắn khẽ nói. “Tôi cũng có thể chích điện rồi lôi cô ra, nhưng như thế thì mất thời gian chờ đợi hoặc có khi phải làm lại từ đầu. Tốt hơn hết cô hãy ngoan ngoãn vâng lời.”

Hắn trân trối nhìn cô bằng cặp mắt mờ đục ấy. Trên bàn tay phải của hắn, chỗ gần cổ tay, có quấn một dải băng dơ bẩn, dính đầy máu khô.

“Ra ngay!” Hắn quát lớn.

Lili giật mình và hít sâu một hơi.

“Tại sao cô cứ để tôi phải quát? Đừng bắt tôi quát lên như thế. Tôi không muốn to tiếng. Tôi không muốn nặng lời. Cô làm ơn ra đây để chúng ta bắt đầu vào việc. Làm sớm thì xong sớm.”

Dù không muốn, Lili biết là không nên, nhưng cô cũng đành ép mình đứng dậy rồi tiến lại gần gã đàn ông, lại gần cửa chuồng. Cô đưa mắt qua

vai hắn và nhìn về phía cầu thang, về phía ánh sáng đang rọi vào ở trên kia.

"Nhiều người cũng cố tìm cách chạy lên cầu thang, nhưng chưa ai thành công cả. Cô muốn thì cứ việc thử, song điều đó sẽ chỉ khiến cô phải chịu sốc điện và gây trì hoãn công việc mà thôi. Chúng ta có thể bắt đầu lại, nhưng kiểu gì cũng *phải* làm. Tốt hơn hết cô hãy ngoan ngoãn vâng lời." Hắn nhắc lại bằng giọng trấn an nhất. Qua tấm chăn, cô cảm nhận được bàn tay hắn đang đặt trên thắt lưng cô, dẫn lối cho cô, đẩy cô tiến về phía cái tủ đông lạnh cỡ lớn màu trắng kê sát tường chỗ cầu thang.

Hắn mở cửa tủ.

Lili cứ nghĩ sẽ có một làn khí lạnh buốt ùa đến, vì nhà cô cũng dùng tủ đông lạnh tương tự loại này. Thế nhưng từ bên trong lại tỏa ra không khí nóng ẩm. Cái tủ chứa đầy nước. Cô lùi lại một bước, cố tránh xa gã đàn ông, nhưng hai mấu phóng điện của cái kìm đang áp vào lưng cô, bắt cô phải đứng im.

"Nước ấm dễ chịu lắm. Cô sờ thử đi."

Lili nhìn bàn tay mình từ từ vươn ra như đang tuân theo ý muốn của riêng nó. Cô nhúng ngón tay vào nước. Nước rất ấm, ấm hơn bên ngoài nhiều.

"Cô nên cởi đồ ra. Như thế sẽ tốt hơn đấy."

Hắn nói bằng giọng thản nhiên, vô tư, như thể hai người bạn lâu năm đang chuyện trò với nhau.

"Tôi không…" Câu nói thốt ra trước khi Lili kịp ý thức được rằng mình vừa lên tiếng. Cô lập tức im bặt và lắc đầu. Cô nắm chặt lấy tấm chăn và kéo sát hơn nữa quanh tấm thân nhỏ bé. Cô muốn tránh xa cái tủ đựng

nước, nhưng hắn đang đứng ngay sau lưng cô. Hơi thở ấm nóng phả vào gáy cô.

Bàn tay trái của hắn đặt lên vai cô, giật cái chăn ra.

Lili thét lên, lần đầu tiên cô thực sự cất tiếng kể từ khi tỉnh dậy trong căn hầm này. Cô lấy hết sức hét thật to, âm thanh đầy uy lực đến nỗi cô cứ ngỡ có con dao nào đó đang cứa vào bên trong cổ họng mình. Tiếng thét vang khắp bốn bề và dội vào tai cô, nghe như không phải tiếng của cô vậy. Đó là tiếng của một cô bé đang sợ hãi, một người không còn khả năng kiềm chế, người đã từ bỏ hy vọng, người cô không muốn quen, không muốn biết.

Mấu chích điện bằng kim loại của chiếc kìm cắm vào cổ cô, trước tiên là hai răng kim loại lạnh buốt, rồi cơn đau tột cùng ập tới, xuyên thấu từng centimet trên thân thể cô, chẳng khác nào lưỡi dao rạch từ ngón chân đến tận đầu ngón tay. Mắt cô trợn ngược, hai chân khuỵu xuống. Tiếng thét tắt lịm khi sự tĩnh lặng bao trùm lấy cô.

Khi tỉnh lại, cô thấy mình đang nằm trên sàn, tấm chăn kê dưới thân. Gã đàn ông đang cởi quần lót của cô. Những thứ khác đều đã bị lột sạch. Lili cố với lấy mép chăn để kéo lên che người, nhưng cánh tay cô không sao cử động được. Cô nhìn chằm chằm vào ngón tay mình, chúng vẫn chưa hết co giật.

“Tôi không muốn chích điện cô. Tôi không muốn làm cô đau. Xin đừng ép tôi làm đau cô lần nữa.” Hắn nói. “Cô có thể mặc lại quần áo khi nào chúng ta xong việc. Như vậy sẽ tốt hơn, rồi cô sẽ thấy.”

Lili hiểu rõ điều gì sắp xảy đến, và cô cố gắng lên dây cót tinh thần để đón nhận.

Gã đàn ông quàng một tay ra sau lưng cô, tay kia đỡ lấy khoeo chân và bế cô lên. Trông hắn ốm yếu, bệnh tật là thế, nhưng hóa ra lại khỏe đến không ngờ. Hắn đặt cô ở phía trên cái tủ chứa đầy nước ấm rồi nhẹ nhàng thả cô vào trong. Lili cao khoảng một mét năm mươi bảy. Ngón chân chạm vào một đầu của cái tủ khi cô duỗi chân, thẳng người ra. Hắn đỡ lấy vai cô, giữ cho mặt cô nhô lên khỏi nước.

"Thật ấm áp, đúng không? Dễ chịu mà."

Nước ấm mang đến cảm giác thư giãn lạ kỳ, giống như được thả mình vào bể bơi, để cho làn nước nâng đỡ cơ thể trong lúc dập dềnh trôi. Lili nhận thấy cẳng tay và ngón tay đã bắt đầu có cảm giác, hơi ấm xoa dịu và trả lại sức sống cho tứ chi của cô.

"Nhắm mắt lại, thả lỏng đi nào." Hắn nói bằng giọng êm ái, gần như không còn ngọng. Nghe thật điềm tĩnh. "Hít một hơi sâu và dài."

Lili làm theo, nhưng không phải vì hắn yêu cầu mà vì cô muốn thế. Cô để đôi môi mở ra, hít lấy không khí bên trong căn hầm, để nó lấp đầy lồng ngực, giống như bài tập thở cô được học ở lớp yoga, hơi thở thanh lọc cơ thể, thật sâu và thật dài.

"Giờ thở ra từ từ, cảm nhận không khí đang rời khỏi cơ thể cô." Hắn thì thầm. "Cảm nhận từng chi tiết dù là nhỏ nhất."

Lili thở ra…

Gã đàn ông ấn tay lên vai cô, dìm cô xuống nước bằng lực mạnh đến nỗi đầu cô đập vào đáy tủ. Chân cô quẫy đạp, hai cánh tay chới với. Cô chỉ kịp bám vào mép tủ trong một giây ngắn ngủi trước khi bàn tay trượt khỏi lớp nhựa trơn nhẵn.

Lili có khả năng nhịn thở khá lâu, lần gần đây nhất có người bấm giờ, cô cầm cự được đến gần hai phút. Nhưng để làm được như vậy thì trước đó cô phải lấy hơi vào cho đầy hai lá phổi, cô cần có sự chuẩn bị. Còn vừa rồi cô không hít vào mà thở ra theo lời hắn. Lúc hắn dìm cô xuống nước thì cô lại hít vào theo phản xạ của cơ thể để lấy dưỡng khí. Nhưng thay vì dưỡng khí, cô uống phải nước và lập tức ho sặc sụa, đẩy nước ra ngoài khi đầu cô còn chưa chạm tới đáy, đẩy ra chỉ để hít vào thậm chí còn nhiều hơn. Nước tràn vào trong cổ và trong phổi khiến Lili đau đớn cùng cực, tưởng như cơ thể sắp nổ tung. Khi cô thôi quẫy đạp, thôi vùng vẫy, cơn đau cũng tan biến. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi cô đã nghĩ mình sẽ ổn cả, cơ thể cô bằng cách nào đó đã tìm ra cách giúp cô sống được dưới nước, và cô nằm im. Cô thấy gã đàn ông trên kia đang cúi xuống nhìn mình bằng cặp mắt xám vằn tia máu, miệng há ra. Nước đã khiến hình bóng hắn trở nên méo mó, biến dạng. Thế rồi mọi thứ trước mắt cô bỗng tối đen, và cô không còn thấy được gì nữa.

CHƯƠNG 12

Clair

Ngày 2 • 9:13 sáng

Clair và Sophie Rodriguez cho xe dừng lại trước nhà Lili Davies ở phố South King Drive, Clair đỗ chiếc Honda Civic màu xanh lục của mình đằng sau hai cái xe van săn tin. Hai xe đều đang mở ăng-ten chảo nhưng không thấy bóng dáng phóng viên hay người phụ trách quay phim đâu cả.

Những bông tuyết nhỏ lả tả bay trong không trung, khiến bầu trời chìm trong sắc trắng đục.

"Ngoài này còn lạnh hơn cả ti phù thủy." Clair vừa nói vừa xoa tay.

"Tôi không hiểu cách ví von này lắm." Sophie nói và nhìn hai chiếc xe van.

"Phù thủy thì có ma nó thèm yêu."

"À, cảm giác đó thì tôi biết."

Clair liếc cô. "Anh chàng cô đang hẹn hò độ này sao rồi, cái gã James, John hay Joe gì đó?"

"Jessie. Jessie Grabber."

Clair bật ra tiếng cười khẽ. "Đấy là tên anh ta thật á? Grabber?" Sophie đảo tròn mắt.

"Xin lỗi. Lấy tên người khác ra làm trò cười đúng là có hơi trẻ con, nhưng mà, Grabber ư? Gã nào tên Grabber* chắc dữ dội phải biết."

“Ừm, anh ta thì hoàn toàn ngược lại. Tôi nghĩ đó chính là một phần của vấn đề. Tôi đã hy vọng được tận hưởng tí chút, nhưng anh ta lại cư xử đúng chuẩn quý ông. Ai đời hẹn hò đến buổi thứ tư rồi mà tôi chỉ nhận được mỗi cái hôn nhẹ lên má. Phụ nữ ai chẳng có nhu cầu.”

“Phù thủy cũng rứa.”

Sophie gật. “Phù thủy cũng rứa.”

“Tôi vẫn chả thấy ấm gì cả.” Clair cau mày.

“Tôi cũng vậy.”

“Ti phù thủy.”

“Ti phù thủy.” Sophie rùng mình.

Clair cựa quậy trên ghế, đưa mắt nhìn hai đầu con phố rồi trỏ vào ngôi nhà làm bằng đá vôi bên cạnh chiếc xe. “Nhà Lili Davies đây đúng không?”

“Ừ, số 748.”

“Thế trường cô bé ở đâu?”

Sophie chỉ tay ra ngoài cửa sổ. “Phía đông, cách đây bốn khu nhà. Đứng từ chỗ này gần như có thể nhìn thấy được ấy.”

Những bông tuyết li ti bắt đầu chuyển sang nặng hạt, to hơn một chút so với hạt ngũ cốc ăn sáng ưa thích của Clair, cô không kìm được rùng mình một cái. Cô kéo khóa áo khoác cho kín lại, quàng lên cổ chiếc khăn len tím to sụ, đội thêm mũ len xù màu hồng. Quay sang nhìn Sophie, Clair thấy cô ấy cũng tăng cường bảo hộ chống rét y như mình. “Trông cô giống hệt tên Kẹo Dẻo Stay Puft*.”

Sophie nhếch mép cười. “Cô thì khác gì chị em lưu lạc của Willy Wonka*.”

“Hết sảy. Vào việc thôi.” Clair kéo tay nắm cửa xe và bước xuống vỉa hè. Tuyết đọng lại trên mặt đất dày khoảng năm centimet và vẫn tiếp tục rơi, theo làn gió tạt vào người cô. Cô làm động tác chạy tại chỗ cho ấm trong lúc Sophie đi vòng qua xe, hơi thở phả ra thành bụm khói trắng. Hai người đi về phía đông xuôi theo phố 69, co ro dưới trời tuyết.

Họ băng qua đại lộ Vemon, sau đó Clair dừng lại, mắt nhìn thẳng. “Nếu tôi mà có ý định bắt cóc cô bé nào đó thì chỗ kia có lẽ là địa điểm thích hợp để ra tay.”

Cô chăm chú nhìn đoạn gầm cầu tối đen ở phía trước cách đó một khối nhà, nơi phố 69 chạy qua bên dưới tuyến cao tốc Skyway, mỗi chiều gồm ba làn xe. Mỗi làn xe rộng chừng bốn mét rưỡi, như vậy nghĩa là con đường trước mặt cô có chiều rộng xấp xỉ ba mươi mét, khoảng trống duy nhất là dải phân cách hẹp nằm ở giữa. Mỗi chiều tuy được lắp ba bóng đèn đường nhưng không đủ xua đi không khí âm u.

Clair ngước lên tìm mặt trời. “Mấy giờ mặt trời mọc?”

Sophie nghiêng đầu, một nếp nhăn xuất hiện trên ấn đường của cô. “Khoảng bảy giờ.”

“Vậy là hôm đó cô bé đi bộ theo đường này, sớm hơn hai tiếng so với chúng ta bây giờ, không lâu sau khi mặt trời ló dạng. Đấy là nếu mặt trời có xuất hiện. Lúc này đoạn đường khá vắng vẻ, nhưng gần đến giờ vào học chắc sẽ đông hơn. Tuy nhiên, ai đó vẫn có thể dễ dàng đỗ xe quanh đây, vờ như xe chết máy, rồi khống chế cô bé khi cô bé đi qua. Tôi đoán hắn chọn chỗ gầm cầu kia, chứ những chỗ khác khá là quang đãng, sáng sủa.”

Hai người đi tới đầu đoạn gầm cầu. Sophie áp tay lên chân cầu bằng bê tông. “Khu này an ninh trật tự khá tốt. Trên tường không có lấy một chữ

graffiti, và cũng không thấy người vô gia cư vật vờ quanh đây. Tôi không tin ai đó có thể đứng đây trong thời gian dài mà không bị để ý."

Họ đi trên vỉa hè bên dưới tuyến cao tốc Skyway, tiếng bước chân dội lại qua các thành cầu. Khi đi đến đầu bên kia, Sophie chỉ tay. "Trường của cô bé kia kìa."

Học viện Wilcox là trường phổ thông tư thục nằm trong khuôn viên khu nhà trông như nhà máy hoặc nhà kho cũ được cải tạo lại. Ngôi trường có mặt tiền ốp gạch đỏ đẹp không tì vết. Nhìn cứ như mới được xây cách đây một năm. Bãi xe cạnh đó có tấm biển với dòng chữ NƠI ĐỖ XE CỦA CÁN BỘ NHÀ TRƯỜNG, trong bãi không còn một chỗ trống. Bên kia đường có một bãi xe công cộng, chắc chủ yếu dành cho học sinh.

Clair mở cánh cửa kính lớn rồi hai cô cùng bước vào, hơi ấm bên trong ùa về phía họ. "Ấm thế này làm tôi chỉ muốn nhảy ngay lên xe và lái một mạch tới Florida."

"Xin hỏi các cô cần gì?"

Clair quay sang và trông thấy một người bảo vệ lớn tuổi đang ngồi ở bàn bên trái. Cô vừa tiến lại một bước thì đột nhiên có tiếng chuông kêu.

Người bảo vệ chỉ về phía cửa ra vào. "Khung cửa được tích hợp máy phát hiện kim loại."

Clair trình phù hiệu cho ông ta xem. "Tôi là Thanh tra Norton thuộc Sở Cảnh sát Chicago, còn đây là Sophie Rodriguez của Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích. Chúng tôi đang điều tra vụ một học sinh trong trường mất tích, cô bé tên là Lili Davies."

Nụ cười tan biến trên khuôn mặt người bảo vệ. "Trên đường tới đây tôi cũng có nghe tin. Xin chia buồn với gia đình. Cô bé ấy ngoan lắm."

Sophie hơi nghiêng đầu. "Ông cũng biết cô bé ư?"

Ông ta gật. "Trường này quy mô không lớn, cả thảy chỉ có khoảng hai trăm học sinh. Ngày nào tôi cũng gặp tụi nhỏ nên khó mà không biết cho được. Trước đây tôi công tác ở Sở Cảnh sát Pittsburgh, về hưu khoảng sáu năm trước. Nếu có thể giúp gì cho các cô thì tôi rất sẵn lòng."

"Ông biết được những gì về cô bé?" Clair hỏi.

"Như tôi vừa nói, cô bé chưa từng gây rắc rối ở trường. Thường ngày, khoảng bảy rưỡi là cô bé đến rồi. Đám học sinh hay tụ tập ở bãi xe bên kia đường cho đến khi có chuông báo giờ vào lớp, nhưng cô bé thì khác, chẳng bao giờ để ý đến chúng mà vào lớp luôn. Cô bé không có nhiều bạn cho lắm." Người bảo vệ xua tay. "Xin đừng hiểu lầm, cô bé rất được thầy yêu bạn mến, chỉ là tính tình có phần hướng nội thôi. Đôi mắt ấy nhìn là biết đang ấp ủ kế hoạch to tát nào đó. Lúc nào cũng đăm chiêu, nghĩ ngợi."

Sophie nhìn ra cửa sổ, dõi mắt về phía những chiếc ô tô đậu bên kia đường. "Cô bé có bao giờ đi nhờ xe ai đó đến trường không ạ?"

Ông ta lắc đầu. "Nếu có thì tôi cũng không để ý. Những khi tôi trông thấy cô bé trên sân thì thường là lúc cô bé đến trường theo chính con đường hai cô vừa đi."

Clair bỏ mũ và cởi khăn quàng. "Thế còn Gabrielle Deegan? Ông có biết cô bé ấy không?"

Khóe môi người bảo vệ cong lên, ông ta đưa tay quệt cằm. "Gabby tuy có hơi gai góc nhưng nó cũng là đứa ngoan. Hai cô bé này dính lấy nhau suốt, cứ như âm với dương vậy."

"Ý ông là sao ạ?"

Ông ta đưa mắt nhìn hành lang một lượt rồi quay lại, nhỏ giọng nói. “Tôi buộc phải nghiêm khắc với Gabby một chút, các cô biết đấy. Dù gì tôi cũng có trách nhiệm đảm bảo trật tự và quy củ trong trường mà. Nhưng bản chất con bé thế nào thì tôi biết chứ, nó chỉ muốn thu hút sự chú ý chút thôi. Nó không qua mắt được tôi đâu. Tôi cho rằng con bé có lẽ là một trong những đứa thông minh, sáng dạ nhất trường, dù nó không đời nào thừa nhận, thậm chí còn chối phắt. Có thể nó nổi loạn là vì chán quá thôi, chứ không phải vì nó hư hỏng hay gì cả. Sau này nhất định nó sẽ hiểu ra. Còn tạm thời, nhiệm vụ của tôi là phải hướng nó tránh xa những rắc rối lớn, rắc rối nhỏ thì thôi bỏ qua cho nó, giúp nó tìm được sự cân bằng. Lớp nào chẳng có ít nhất một đứa như thế.”

“Chúng tôi có thể tìm được cô bé ấy ở đâu ạ?”

“Để tôi gọi điện lên tầng trên xem có thể bảo ai đó dẫn con bé xuống cho các cô gặp không.” Ông ta đáp, với lấy cái điện thoại bàn. “Nhớ để ý canh chừng ví tiền và đồ trang sức đấy nhé.” Ông ta nháy mắt với họ.

CHƯƠNG 13

Porter

Ngày 2 • 9:14 sáng

Porter và Nash đứng ở cửa sau nhà Reynolds, dõi mắt nhìn ra sân.

Cách họ khoảng mười lăm mét về phía trước, dưới tán cây bu lô lớn gần góc sân bên trái, có một người tuyết cũng đang nhìn họ chằm chằm.

Cặp mắt đen huyền long lanh dưới vành mũ chóp cao. Người tuyết cao ít nhất phải hai mét, có khi còn hơn thế, vóc dáng to lớn cục mịch, lớp băng trên thân sáng óng ánh, trên ve áo bằng tuyết có cài một bông hồng đỏ.

Hai cánh tay là hai cành cây cắm vào, đầu mỗi cành được tròng thêm một chiếc găng tay màu đen, tay phải cầm cây chổi cán gỗ. Người tuyết ngậm chiếc tẩu làm từ lõi ngô bên khóe miệng đắp tạm, một dòng máu đỏ thẫm rỉ xuống từ cái cổ bằng băng.

Tuyết rơi khiến cho bốn bề chìm trong sắc trắng mờ ảo. Cảnh tượng ấy quá đỗi kỳ quặc, quá đỗi nên thơ. Porter tưởng như trước mặt mình là hình ảnh của một cuốn sách thiếu nhi nào đó chứ không phải cảnh sân vườn thật. Trong góc xa phía tay phải có một chiếc xích đu, đi hết sân là đến rừng cây.

“Nhà bà không ai đắp người tuyết này sao?” Nash hỏi.

Bà Reynolds vòng tay ôm lấy cậu con trai. “Không.”

Bà ta thốt ra một từ duy nhất trong lúc mắt vẫn dán vào người tuyết, vào kẻ lạ mặt từ đâu xuất hiện trên sân nhà mình.

Porter kéo phéc-mơ-tuya và thò tay vào trong áo khoác để rút ra khẩu Glock.

Hai mat Brady trợn tròn. “Ối, chú ấy muốn bắn chết người tuyết hả mẹ?”

“Chú không định làm hại người tuyết, mà chú lo nó định làm hại chú.” Porter khẽ nói. “Cháu có trông thấy ai lảng vảng ngoài này không? Bất cứ ai?”

“Không ạ, thưa chú.”

“Cháu và mẹ quay vào phòng khách một lát nhé? Cháu có thể chăm sóc mẹ trong lúc hai chú kiểm tra tình hình được không?”

Brady gật đầu.

Porter nhìn cậu bé rồi lại nhìn bà mẹ. “Hai người vào đi.”

Sau khi họ đi khuất, Porter quay sang Nash. “Anh đứng đây, chú ý canh chừng đám cây cối đằng kia nhé.”

Nash rút súng của mình ra, đưa mắt quan sát rừng cây.

Porter bước ra khỏi cửa sau, dầm mình dưới trời tuyết. Đâu đó trong tâm trí anh bỗng vang lên giai điệu của một ca khúc thiếu nhi xưa cũ.

Những dấu giày nhỏ in trên lớp tuyết mới tinh, chồng chéo lên nhau trên phần sân gần cửa ra vào rồi đi xa dần và kết thúc ở chỗ người tuyết đang đứng. Porter cố gắng lần theo chúng, thu ngắn sải chân để có thể áp vừa với dấu giày của cậu bé thay vì để lại dấu giày mới. Tuyết rơi gần như suốt đêm, dày ít nhất phải mấy centimet, thật khó lòng hình dung nổi ai đó có thể đắp được một người tuyết thế kia mà không để lại bất cứ dấu vết gì. Anh mắt anh dừng lại ở cái chổi trong tay người tuyết. Anh nghĩ kẻ làm việc này có thể đã dùng chổi xóa dấu chân, nhưng nếu vậy thì không hiểu

sau đó hắn làm thế nào để đặt cây chổi vào tay người tuyết mà không lưu lại dấu chân sau cuối. Porter còn nhận thấy khoảng sân có rào bao bọc. Hàng rào mắt cáo cao khoảng một mét hai. Cánh cổng hàng rào dẫn ra sân trước đang mở.

Porter nhìn thấy một vệt mờ kéo dài từ cái cổng đó đến chỗ người tuyết. Không phải dấu giày mà giống vết lõm hơn, như thể ai đó đã kéo lê một vật nặng từ sân trước ra sân sau, tới chỗ này.

Anh đứng trước mặt người tuyết.

Nó cao hơn anh đến gần ba mươi centimet. Từ dưới nhìn lên, cái miệng được làm từ cành khô bẻ vụn ghép lại trông như đang cười khẩy hơn là cười mỉm.

Porter còn nhớ hồi bé anh đã từng đắp hàng trăm người tuyết giống thế bằng cách lăn tròn quả cầu tuyết cho đến khi quả cầu to đến mức không lăn nổi nữa thì thôi. Thông thường, trước hết người ta sẽ lăn một quả cầu lớn để được phần thân dưới; sau đó đặt quả cầu nhỏ hơn lên làm thân trên; cuối cùng là quả cầu nhỏ nhất ở trên cùng, tượng trưng cho cái đầu.

Người tuyết này lại không được làm theo cách đó.

Tuyết trên thân nó liền thành một khối. Có người đã kỳ công đẽo gọt cả khối tuyết thành hình người thay vì làm theo cách truyền thống vốn sẽ nhanh hơn nhiều.

Những ý nghĩ đó vụt qua tâm trí Porter chỉ trong một giây khi anh nhìn một lượt từ đầu tới chân tác phẩm ấy, cuối cùng dừng lại ở vết đỏ sậm ở cổ nó, màu đỏ thấm qua lớp tuyết trắng trông như cốc kem đá bào khổng lồ.

Porter bẻ một cành sồi gần đó rồi cẩn thận chọc đầu bị tưa vào phần tuyết bên dưới cổ, chỗ màu đỏ đọng lại sẫm nhất. Kẻ tạo ra người tuyết này

đã vừa làm vừa xịt nước để tuyết cứng lại thành băng, đây cũng là một mẹo Porter học được khi còn nhỏ. Nếu đắp đúng cách thì người tuyết sẽ trơ như đá, vững như đồng và có thể hiên ngang đứng đó suốt mùa đông. Nhưng nếu không biết làm cho tuyết cứng lại thì người tuyết sẽ rời ra từng mảng ngay khi mặt trời ló dạng. Đến khoảng ba giờ chiều, một nửa công trình sẽ rơi rụng thành một đống dưới đất.

Porter dùng cành cây chọc vỡ băng và cạy đi những mảng tuyết đóng bánh, đào sâu vào cho đến khi phần cổ bị cứa nát của người đàn ông bên trong bắt đầu lộ ra.

CHƯƠNG 14

Lili

Ngày 2 • 9:15 sáng

Đau.

Đau đến thấu xương.

Toàn thân Lili co giật mạnh khi hai lá phổi tìm cách đẩy nước ra ngoài, cố gắng ho ra bằng hết. Cô gấp gáp hít một hơi dù không muốn thế, không muốn có thêm nước vào, không muốn chết. Nhưng cuối cùng cô vẫn phải hít, một phản xạ vô thức cũng giống như đôi tai luôn nghe thấy mọi âm thanh xung quanh, và lần này không khí ùa vào phổi. Cô ho một chặp nữa, đẩy thêm nước ra khỏi cổ và phổi. Sau đó lại hít mạnh.

Lạnh quá.

Lạnh ghê gớm.

Cô không còn đầm mình dưới nước mà đang nằm trên sàn bê tông.

Cô bừng mở mắt.

Gã đàn ông đang cúi người, hai tay ấn mạnh lên lồng ngực cô.

Khi bốn mắt giao nhau, hắn dừng lại. Mắt hắn mở lớn, hắn cúi thấp xuống, hơi thở hôi hám phả lên mặt cô. "Vừa rồi cô thấy được những gì?"

Lili hít thêm một hơi và nuốt khan, rồi lặp lại lần nữa.

"Từ từ thôi, cô đang thở dốc đấy." Hắn cầm lấy tay phải của cô và ấn ngón cái lên mặt trong cổ tay. "Mạch vẫn còn hơi loạn nhịp, nhưng rồi cô sẽ

ổn thôi. Nằm yên. Hít vào bằng mũi rồi thở ra đằng miệng, lấy lại bình tĩnh."

Lili cố ghìm lại nhịp thở theo hướng dẫn của hắn. Đầu ngón tay và ngón chân cô đã tìm lại được cảm giác. Cô lạnh quá. Toàn thân bắt đầu run rẩy mất kiểm soát.

Gã đàn ông với lấy cái chăn và đắp thứ hôi rình đó lên người cô. "Thân nhiệt bắt đầu giảm đi ngay khi cô chết. Một lúc nữa cơ thể cô sẽ trở về nhiệt độ bình thường. Vừa rồi cô thấy được những gì?"

Cô cố chớp cho mắt hết mờ, nhưng làm vậy cũng đau nên cô đành giữ cho mắt mở. Ánh sáng tù mù như bỗng hóa chói gắt, nóng rực. Khi nhắm mắt lại, cô cảm thấy hắn vỗ lên má mình.

Chết ư?

"Ban nãy cô thấy gì?" Hắn hỏi lại. Hắn xoa bóp hai cánh tay cô qua tấm chăn, lực ma sát giúp cơ thể cô ấm dần lên.

"Tôi… tôi vừa chết ư?" Cô lại ho, từng từ thốt ra như cào vào họng, đẩy nốt chút nước còn lại ra ngoài.

"Cô đuối nước. Tim cô ngừng đập hẳn hai phút trước khi tôi đưa cô từ cõi chết trở về. Cô đã trông thấy gì?"

Lili nghe thấy những lời hắn nói nhưng phải vài giây sau cô mới nhận thức được. Đầu óc cô trì trệ, suy nghĩ cũng chậm chạp, thiếu minh mẫn.

Ngực cô đau quá. Cơn đau dậy lên từ sâu bên trong. Cô hiểu ra có lẽ hắn đã thực hiện kỹ thuật hồi sức tim phổi để ép nước ra và khiến cho tim cô đập trở lại. "Hình như ông làm gãy xương sườn tôi rồi."

Hắn chộp lấy vai cô và lay tấm thân mềm oặt. "Nói xem cô đã thấy gì! Nói ngay đi trước khi cô quên mất! Trước khi ký ức đó tan biến!"

Ngực cô đau nhói như có con dao nóng rẫy đang xoáy vào, Lili thét lên.

Gã đàn ông vội buông tay và lùi ra. "Tôi xin lỗi, thành thực xin lỗi. Chỉ cần cô nói cho tôi biết, sau đó tất cả sẽ chấm dứt ngay, nói đi mà."

Lili ngẫm nghĩ, tâm trí cô hồi tưởng lại giây phút cô chìm xuống nước, giây phút cô… cô thực sự đã chết ư? Cô nhớ mình bị sặc nước, dần mất đi ý thức. Cô nhớ mọi thứ tối đen trước mắt.

Và không còn gì nữa.

"Tôi không trông thấy gì. Hình như tôi ngất đi thì phải."

"Cô đã chết."

"Tôi…" Giọng cô đuối dần. Cô không thể nhớ được bất cứ điều gì.

Hắn cúi xuống nhìn cô trùng trùng bằng cặp mắt vằn đỏ đầy hoang dại, nước bọt rỉ ra từ khóe miệng.

"Tôi nhớ mình đã ngất đi, sau đó ông đánh thức tôi. Tất cả chỉ có vậy."

"Chắc chắn cô phải nhớ được gì chứ?"

Lili lắc đầu. "Không."

Hắn buông vai cô và ngồi thừ ra đó, lưng dựa vào cái tủ đông lạnh lớn. Hắn giật chiếc mũ len đang đội ra và bực tức đưa tay lên gãi đầu.

Lili sửng sốt hít mạnh một hơi.

Một vết mổ to tướng vẫn còn khá mới chạy dài trên cái đầu trọc lóc. Vết mổ bắt đầu từ phía trên tai trái và vòng ra sau đầu, được khâu lại bằng chỉ đen, phần thịt xung quanh tím tái, lồi cả lên.

Hắn lại đội mũ lên che kín đầu rồi đứng dậy, dùng chân phải làm trụ. Hắn cúi xuống và kéo Lili lên cùng. Máu ở trên đột ngột dồn xuống dưới làm cô choáng váng, mọi thứ trước mắt bỗng hóa trắng toát. Hắn giữ lấy cô

cho tới khi cô tự đứng được, sau đó đưa cô về chuồng và dẫn cô vào trong. Hắn ném quần áo cho cô rồi đóng sầm cửa và tra hai ổ khóa vào như cũ.

"Cô có thể mặc đồ được rồi. Vài giờ nữa chúng ta thử lại. Lần này thì cố mà nhớ lấy." Hắn nói.

Hắn cất bước đi ra cầu thang, chân phải hơi kéo rê. "Uống ly sữa kia đi. Cô cần phải giữ sức."

Lili liếc nhìn ly sữa nay đã ấm hơn. Có một con ruồi rơi vào rồi chết đuối trong đó tự bao giờ.

CHƯƠNG 15

Clair

Ngày 2 • 9:17 sáng

Người bảo vệ dẫn Clair và Sophie sang góc phía bên kia sảnh rồi đi gọi vài cuộc điện thoại. Ở đó có khu vực chờ nhỏ dành cho khách, nội thất bao gồm một chiếc xô pha da màu đen, hai chiếc ghế đồng bộ và tấm biển nhỏ viết: CÓ WI-FI MIỄN PHÍ. LIÊN HỆ BẢO VỆ ĐỂ BIẾT MẬT KHẨU.

Clair ngắm nghía lá của một loại cây cảnh lớn trồng trong chậu. "Làm thế nào họ trồng được cây này trong nhà nhỉ? Ở đây đâu có ánh sáng."

Sophie nhìn sang. "Cây sung đó hả? Chúng chẳng khác nào cỏ dại trong giới cây thân gỗ. Cho chúng ánh sáng gì chúng cũng chịu hết. Cái cây này chắc là hấp thụ ánh đèn huỳnh quang trên trần và chút ánh sáng tự nhiên hiếm hơi hắt vào từ mấy ô cửa sổ gần cửa chính ở đằng kia."

"Cây gì mà cứ như Frankenstein ấy. Toàn ăn thức ăn nhân tạo không lành mạnh mà vẫn khỏe như vâm. Ước gì tôi cũng được thế." Clair đáp.

"Cạnh nó là cây ái mộc. Loại này cũng dễ nuôi, chỉ cần tưới nước khi thấy đất khô là được. Nhà tôi có trồng mấy chậu. Cây này sống dai lắm."

Clair ngó sang. "Ồ, vào tay tôi thì dai mấy cũng chết. Tình yêu dành cho cây cối của tôi chỉ toàn cho ra cành lá nâu xỉn, hoa quắt queo. Tôi không hợp với việc trồng và chăm sóc cây cối."

Họ nghe thấy tiếng chân trên cầu thang, ngước lên nhìn thì thấy một cô bé tuổi teen khoác ba lô tím đang đi xuống. Cô bé không cao, chỉ khoảng

một mét năm mươi, tóc nâu dài ngang vai điểm những lọn highlight hồng. Trông thấy họ, cô bé bước chậm lại và nhìn họ bằng ánh mắt dè chừng.

"Gabrielle Deegan?" Clair nhìn cô bé và hỏi.

Cô bé gật đầu, đi nốt những bậc thang cuối rồi vòng qua góc sảnh để đến với khu vực chờ. "Các cô đang tìm Lili ạ?"

"Đúng vậy." Sophie nói và chỉ vào một chiếc ghế trống. Cô bé liếc về phía người bảo vệ, thấy ông ta mỉm cười trấn an rồi mới ngồi xuống. Sophie và Clair ngồi trên xô pha ở phía đối diện. "Cô là Sophie Rodriguez thuộc Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích, còn đây là Thanh tra Clair Norton của Sở Cảnh sát Chicago."

Clair nhận thấy Sophie không nhắc đến việc cô thuộc *Đội Trọng án* của Sở Cảnh sát Chicago.

"Các cô cứ gọi cháu là Gabby thôi. Chả ai gọi là Gabrielle ngoài ông kia." Cô bé hất hàm về phía người bảo vệ. "Đại úy Luật pháp và Trật tự. Đáng lẽ lúc này cháu phải ra ngoài tìm Lili, vậy mà ông ấy khóa cổng còn chặt hơn khóa đai giữ trinh của con gái ông ấy."

Clair đưa mắt liếc Sophie, cố nín cười.

"Cháu có manh mối nào không?"

Gabby mặc đồng phục kiểu truyền thống, nhưng Clair để ý thấy chiếc áo sơ mi trắng của cô bé không sơ vin, chân váy trông như đã được cắt ngắn đi một đoạn. Cô bé bấm lỗ ở cả tai, lông mày và môi, nhưng chỉ đeo một bộ khuyên tròn nhỏ bằng bạc ở hai tai. Quy định về trang phục hẳn là không cho phép đeo thêm những loại trang sức khác. Ai đó muốn trở nên khác biệt giữa biển người ăn vận giống nhau sẽ chẳng thể được toại nguyện ở đây. Cứ mỗi khi đặt chân vào một trường tư nào đó, Clair luôn nhớ đến phân cảnh

của bộ phim *The Wall,* trong đó những học sinh giống hệt nhau xếp thành hàng lần lượt tiến vào trong chiếc máy xay thịt khổng lồ.

"Lili mất tích đã được một ngày rồi." Gabby nói tiếp. "Có thể giờ này bạn ấy đang nằm dưới mương, hoặc bị trói chặt vào giường và một tên biến thái nào đó ép bạn ấy gọi hắn bằng bố rồi tự sướng chẳng hạn. Nếu cái gã 4MK kia bắt bạn ấy thật thì ai biết được hắn đã làm gì bạn ấy rồi. Các cô phải tìm bạn ấy ngay đi."

"Cháu nói chuyện với bạn ấy lần cuối vào hôm nào?" Clair hỏi.

"Tối thứ Tư ạ. Hôm đó bạn ấy đi làm." Gabby nói. "Bạn ấy nhắn tin cho cháu lúc ở phòng tranh."

"Bạn ấy đã nói những gì?"

"Không có gì, bạn ấy chỉ gửi cho cháu xem ảnh của một chiếc Mustang mới. Màu đỏ cherry, siêu đẹp. Bố bạn ấy hứa sẽ mua xe cho bạn ấy sau khi bạn ấy tốt nghiệp vào năm tới, thế nên lâu nay bọn cháu tìm những mẫu xe "chất" rồi gửi cho nhau xem. Bạn ấy chưa biết chọn mẫu nào. Nhưng bố bạn ấy nói nếu bạn ấy tốt nghiệp với bảng điểm toàn A thì muốn xe gì cũng được. Ông ấy là bác sĩ nên chắc không nói chơi. Cháu gạ bạn ấy chọn con Maserati, nhưng bạn ấy bảo không muốn được voi đòi tiên. Bạn ấy định tìm loại nào ngầu mà vẫn vừa tiền. Cháu hay bảo bạn ấy ăn chơi sợ gì mưa rơi, thế là bạn ấy gửi cho cháu xem ảnh chiếc Mustang, cháu gửi lại cho bạn ấy cái này."

Cô bé giơ điện thoại lên. Clair nhoài người lại gần. "Xe gì vậy?"

"Một con Tesla Roadster. Dòng này bây giờ không ra xe mới nữa nhưng độ ngầu thì vô đối. Vận hành hoàn toàn bằng điện, có thể tăng tốc từ 0 lên 60 chỉ trong 2,7 giây. Mỗi lần sạc có thể chạy được vài trăm dặm. Tuy bị

ngừng sản xuất từ năm 2012 nhưng xét về thông số kỹ thuật thì ít có xe nào lại được nó, kể cả những loại xe điện đời mới. Giá bây giờ rơi vào khoảng bảy mươi ngàn, dù hồi mới ra cũng phải vài trăm ngàn là ít."

Clair nghĩ đến chiếc Honda Civic bảy tuổi của mình đang đỗ trên phố và thầm nhủ phải nhớ gọi điện cho bố đòi mua xe mới được. Cách đó xem chừng hiệu quả hơn nhiều so với việc chắt chiu từng đồng rồi tới đại lý mua trả góp qua dịch vụ cho thuê tài chính. "Cô xem được không?"

Gabby đưa điện thoại cho Clair.

Clair kéo xuống để xem qua những tin nhắn. Mấy tuần vừa qua, hai cô bé không nói với nhau chuyện gì cụ thể mà chỉ trao đổi ảnh chụp ô tô.

Gabby nói tiếp. "Lili đang muốn thi lấy bằng lái sớm và có thể sẽ xin bố cho mua xe trước thời hạn. Bạn ấy luôn đạt điểm A từ hồi mới tập vẽ ở trường tiểu học. Từ giờ đến khi tốt nghiệp, bạn ấy sẽ chẳng kém đi tí nào đâu. Bọn cháu nghĩ hằng ngày lái xe đi học chắc là ngầu phải biết, dù trường chỉ cách nhà có vài khu."

Clair trả điện thoại cho cô bé. "Cháu có bằng lái xe chưa?"

Gabby lắc đầu. "Cháu không thực sự cần lấy bằng, ít ra là bây giờ thì chưa. Cháu đi xe buýt hoặc tàu cũng vẫn ổn. Tìm được chỗ đỗ xe trong thành phố nhiều khi cũng hết hơi. Chắc cháu chỉ xin đi ké thôi." Cô bé cười buồn. "Nếu được ngồi trong chiếc Tesla Roadster thì càng hay."

"Cháu đã bao giờ làm thế chưa?" Sophie hỏi. "Đi nhờ xe người khác đến trường ấy mà?"

Gabby cựa mình trên ghế và gãi khuỷu tay. "Cũng thỉnh thoảng, những hôm thời tiết xấu. Chúng cháu luôn gặp người quen trên phố 69. Hôm nào mưa hoặc tuyết rơi dày thì chúng cháu có thể xin quá giang."

“Vậy sáng hôm qua thì sao? Cháu nghĩ có thể nào Lili đi nhờ xe ai đó không?” Clair hỏi.

Gabby ngâm nghĩ giây lát rồi nói: “Lúc đó tuyết rơi khá dày, nên chắc là cũng có khả năng ạ.”

“Bọn cô cần một danh sách những người có thể cho bạn ấy đi nhờ. Cháu giúp bọn cô được không?” Sophie hỏi.

Gabby khẽ bật cười. “Các cô nghĩ thằng con trai nào đó trong trường đã bắt bạn ấy ư? Không có đâu. Chúng nó còn chưa kịp khoe hàng thì đã bị bạn ấy táng cho một trận rồi ấy chứ.”

Sophie nghiêng đầu. “Liệu Lili có chịu lên xe của người lạ không?”

“Không ạ.”

“Nếu vậy thì…” Sophie bỏ lửng câu nói.

Gabby rướn người về phía trước, vặn vẹo hai tay. “Trước giờ vào lớp, trên phố 69 rất đông học sinh, cả đi bộ lẫn đi xe. Nếu có kẻ bắt bạn ấy lên ô tô hay gì đó thì thể nào cũng sẽ có người nhìn thấy.”

“Thế nếu bạn ấy lên xe của người quen thì sao? Liệu có ai để ý không?” Clair hỏi.

Gabby thở dài. “Cháu không biết. Cũng có thể.”

“Cháu lên danh sách cho bọn cô nhé? Bất cứ ai cháu nghĩ có thể cho bạn ấy đi nhờ?”

Gabby gật đầu rồi lấy từ trong ba lô ra một cuốn sổ.

CHƯƠNG 16

Porter

Ngày 2 • 10:26 sáng

Họ tìm thấy Floyd Reynolds bên trong người tuyết, trên cổ có vết rạch sâu hoắm. Có kẻ đã trói ông ta vào cây cột kim loại của chiếc cóng lớn đựng thức ăn cho chim, sau đó đắp một người tuyết xung quanh ông ta, dần dần bọc kín ông ta trong tuyết và băng.

Porter và Nash ngây ra nhìn Đội Khám nghiệm Hiện trường tỉ mỉ bóc đi từng mảng tuyết rồi cẩn thận cho vào túi và ghi chú lại để mang về phân tích, khiến người đàn ông bên trong từ từ lộ ra.

"Muốn làm được việc này cần phải có thời gian, rất nhiều thời gian." Nash nói khẽ.

"Ít nhất cũng phải vài giờ." Porter đồng tình.

"Hắn đã xoay xở kiểu gì để có thể làm được như thế mà hoàn toàn không bị phát hiện nhỉ?"

Porter khoát tay bao quát khoảng sân. "Ở đây chẳng có gì ngoài rặng cây, bờ giậu bên tay phải đã chắn tầm nhìn từ nhà hàng xóm, bên trái lại có hàng rào bằng gỗ. Để có thể chứng kiến những gì diễn ra tại đây, anh phải đi qua cổng ở sân trước. Đứng ở ngoài đường sẽ không thấy được đâu."

"Bà Reynolds lòng dạ rối bời, còn cậu bé có lẽ đã lên giường đi ngủ lúc hung thủ bắt tay vào việc." Nash nói luôn những suy nghĩ trong đầu.

Porter đưa mắt nhìn xuống đất. Sau đó anh xăm xăm đi vòng ra sân trước.

Nash đi sau anh vài bước, cẩn thận giẫm lên dấu chân của Porter nhằm tránh để lại thêm dấu vết. Anh làm theo thói quen hơn là vì bắt buộc. Đội Khám nghiệm Hiện trường đã kiểm tra tuyết trên sân nhưng không phát hiện được gì.

Porter mở cổng, dừng lại giây lát rồi bước tới chỗ chiếc Lexus LS màu bạc đang nằm trên lối vào. Chiếc xe đỗ bên hông nhà, đứng ở cửa trước sẽ không thể thấy được. Bà Reynolds tưởng chồng đã lái xe đi, nhưng rất có thể ông ta bị hại khi thậm chí còn chưa kịp nổ máy.

Hung thủ mở cửa hậu của chiếc xe rồi lẻn vào ngồi sau ghế lái. "Hắn trốn ở cuối xe, chờ ông Reynolds đi ra, có thể là nấp ở ghế sau. Trên kia có lắp đèn cảm ứng chuyển động. Bà Reynolds nói ông chồng rời đi sau khi ăn tối, nên chắc là lúc đó bên ngoài cũng tối rồi. Hung thủ mà lảng vảng trên sân thì thể nào cũng bị đèn cảm ứng phát hiện, bởi vậy chỉ có cách là trốn ở ghế sau. Hắn chờ ông Reynolds vào xe, có thể để cho ông ta cài xong dây an toàn và đóng cửa lại đã. Sau đó hắn mới lộ diện và tròng hung khí vào cổ ông ta, một sợi dây mảnh kiểu như dây đàn piano, căn cứ vào hình dạng vết cắt trên cổ." Vừa nói Porter vừa trèo vào xe từ cửa hậu và mô phỏng lại hành vi phạm tội, từng động tác diễn ra thật chậm.

Anh quan sát phần lưng ghế lái. "Trên lớp da bọc ghế còn lưu lại một dấu giày. Có vẻ hung thủ đã tìm cách xóa dấu vết nhưng không sạch hẳn. Nhất định hắn đã đặt một chân lên lưng ghế để lấy điểm tựa."

"Đội Khám nghiệm cho biết dấu vết để lại là của một chiếc bốt bảo hộ cỡ mười một, nhưng không xác định được là của hãng nào." Nash nói.

“Phải khỏe lắm mới giết được một người đàn ông như thế. Ông ta sẽ ra sức quẫy đạp và chống cự, cố luồn tay vào bên dưới sợi dây. Reynolds không có khoảng trống để xoay xở vì vướng cái vô lăng. Ông ta có thể cố tìm cách mở cửa, nhưng cả hai tay đều đã đưa lên cổ rồi. Mọi ưu thế đều tập trung ở ghế sau. Reynolds dù có khỏe hơn hung thủ đi nữa cũng không thể gỡ sợi dây ra được. Cả điểm tựa lẫn các góc độ đều gây bất lợi cho ông ta.” Porter nói.

Porter trèo ra khỏi ghế sau và mở cửa trước. “Vết máu bắn lên kính chắn gió và bảng điều khiển cũng khớp với suy đoán trên.”

Vô lăng và cửa xe bị phủ lớp bột lấy vân tay màu đen. “Giết Reynolds xong, hung thủ xuống xe, bước tới bên ghế lái, nắm lấy vai Reynolds và lôi ra ngoài, kéo ông ta ra sân sau nhà.” Porter tiếp tục mô phỏng từng động tác, khom lưng như đang kéo lê một cái xác vô hình trên tuyết đến tận chỗ đống tàn dư của người tuyết còn nằm lại. Lúc này, tuyết và băng đã được bóc đi hết, thi thể Reynolds đã hoàn toàn phơi bày. Porter nhìn những đạo cụ trên mặt đất, gồm có cái mũ chóp cao, đôi găng tay đen và cây chổi. “Chắc chắn hắn đã dùng chổi xóa những dấu vết có thể xóa được, phần còn lại, trận tuyết rơi đêm qua đã xử lý nốt rồi.”

“Chúng tôi cho rằng sau đó hắn ra về theo đường rừng.” Một sĩ quan khám nghiệm hiện trường nói. Cô cũng chính là người Porter và Nash đã gặp tại hiện trường ở đầm nước trong Công viên Jackson.

Porter gật đầu tán đồng. “Nếu là tôi, tôi cũng chọn cách đó. Cô tên Lindsy phải không nhỉ?”

“Vâng, thưa Thanh tra.” Rolfes đáp. Cô chỉ vào phần đất dẫn tới bìa rừng. “Lớp tuyết phủ trên nền rừng tuy không dày nhưng hung thủ vẫn tìm cách xóa đi. Có vẻ hắn đã dùng cành cây hoặc vật nào đó khác, nhưng

không hiệu quả bằng dùng chổi. Chúng tôi phát hiện được dấu vết mờ kéo dài đến tận một khu nhà trên phố Hyicen. Có thể hắn đã đỗ phương tiện của mình tại đó."

"Có dấu bánh xe để lại không?"

Rolfes lắc đầu. "Không có gì giúp xác định loại phương tiện hắn dùng. Hai sĩ quan tuần tra đang đi từng nhà hỏi xem có ai trông thấy cái ô tô nào đỗ ở đó đêm qua không."

Điện thoại của Porter đổ chuông. Anh liếc màn hình. "Sếp gọi đấy."

"Anh sẽ nghe chứ?"

"Không."

Nash nhíu mày. "Bố khỉ! Anh biết như thế nghĩa là gì rồi đấy."

Điện thoại của Porter im tịt. Vài giây sau, đến lượt máy của Nash réo vang.

"Mẹ khỉ!"

"Cứ bảo ông ấy là chúng ta đang ở hiện trường. Khi nào xong xuôi mọi việc ta sẽ đến trình diện." Porter nói.

Nash thở dài ngao ngán rồi bắt máy.

Bất thình lình, phía sau vang lên tiếng thét của phụ nữ.

Porter ngoái lại thì thấy bà Reynolds đang đứng ở cửa sau. "Giời ạ, tôi đã dặn họ giữ hai mẹ con bà ta trong phòng khách rồi. Không nên để bà ta trông thấy cảnh tượng này." Anh nói.

Nash nhún vai rồi đi khỏi sân, điện thoại áp lên tai.

CHƯƠNG 17

Clair

Ngày 2 • 10:26 sáng

Clair lại ngồi phịch xuống cái ghế xoay kẽo kẹt, cạy nhẹ lớp da màu xanh lục nứt nẻ ở tay vịn. Cô với lấy cốc cà phê đưa lên uống thì…

Hết sạch rồi.

Chết tiệt!

"Có muốn lấy thêm cốc nữa không?" Cô hỏi Sophie.

Sophie ngẩng lên khỏi tờ giấy đang cầm trên tay, được xé ra từ cuốn sổ của Gabby. "Tôi thôi. Chỉ còn hai người nữa. Làm nốt cho xong rồi chúng ta về."

Sau khi hai người nói chuyện với Gabby Deegan, người bảo vệ dẫn họ lên phòng hành chính trên tầng hai và giới thiệu họ với Noreen Outen ở bàn tiếp đón. Chị ta ngẩng lên nhìn họ với nụ cười gượng gạo sau cặp kính dày sụ, nặng đến nỗi gốc mũi chị ta đỏ ửng lên. Chỉ cần chứng kiến cặp mắt chị ta căng ra nhìn thôi mà Clair đã muốn nhức đầu rồi.

Hai người giới thiệu tên và chức vụ rồi nhờ chị ta đi làm hai việc: một là tập trung tất cả những học sinh có tên trong danh sách khá dài mà Gabby đã cung cấp (cả thảy có mười sáu cái tên), và hai là xem lại sổ kiểm diện sĩ số hôm 12 tháng Hai. Họ muốn kiểm tra xem hôm đó có học sinh nào vắng mặt không, phòng khi có người cho Lili lên xe rồi đi cùng cô bé.

Trong lúc chị ta te tái chạy đi làm việc được giao, Clair và Sophie bắt đầu thẩm vấn từng người trong đám học sinh đứng xếp hàng ở hành lang bên ngoài phòng hành chính. Đến giờ, họ đã thẩm vấn xong mười bốn người, chỉ còn hai người nữa thôi. Không ai trong số này nhớ là đã trông thấy Lili vào buổi sáng hôm đó, dù là lúc cô bé đi bộ trên đường hay đã đến trường.

"Tiếp theo là ai?"

Sophie nhìn xuống bản danh sách của Gabby. "Malcolm Leffingwell và Leo Gunia. Muốn tung đồng xu không?"

Clair ngật đầu ra sau ghế. "Leo!"

Sophie khúc khích cười. "Giời ạ. Cô có nhất thiết phải gào tên tụi nó lên thế không hả?"

"Tôi rất khoái chứng kiến cảnh bọn nhóc giật thót khi nghe ai đó trong văn phòng gào tên mình. Trong đầu chúng nó sẽ kiểm lại tất cả những tội lỗi mắc phải từ hồi mới đóng bỉm. Đấy, cô thấy mặt nó trắng bệch ra chưa."

Sophie ngước nhìn cậu trai đang đi vào. "Cô đúng là đồ biến thái mà."

"Tôi làm thế cốt là để chúng luôn tỉnh táo thôi."

Leo Gunia mặc trang phục giống hệt như những nam sinh vào trước, cũng áo sơ mi trắng, quần xanh hải quân, cà vạt kẻ sọc xanh. Mái tóc đen cắt gọn, dưới cằm lún phún râu.

Clair cố nhịn cười. Tại sao tụi choai choai đứa nào cũng nghĩ có thể nuôi râu được nhỉ? Cô chưa thấy trường hợp nào thành công cả. Thay vào đó, thứ chúng nhận được chỉ là đám lông tơ mỏng dính và mấy mảng ria thưa thớt. Cô rất muốn tặng cho môi đứa một con dao cạo và một chai hoóc-môn testosterone rồi đuổi về. "Ngồi đi, Leo."

Sophie giới thiệu mình và Clair rồi trình bày lý do họ có mặt ở đây.

Leo nhìn vào mắt họ và vừa chăm chú lắng nghe vừa gật đầu. "Cả trường đang bàn tán xôn xao về chuyện này."

"Thật sao? Mọi người nói thế nào?" Sophie hỏi.

Cậu ta nhún vai. "Chỉ là hôm trước có người đã bắt bạn ấy khi bạn ấy đang trên đường đến trường. Thủ phạm là cái tên 4MK đó."

"Không phải 4MK đâu." Clair nói.

Cậu ta lại nhún vai. "Không phải hắn thì là người khác."

"Sáng hôm đó cháu có trông thấy bạn ấy không?"

Cậu ta không nói gì mà chỉ cụp mắt xuống sàn, di di chân.

"Leo?"

"Lẽ ra cháu nên dừng xe. Hôm đó trời rét căm căm, chắc bạn ấy lạnh lắm, nhưng cháu phải vào lớp sớm để ôn bài chuẩn bị cho tiết kiểm tra. Tối hôm trước cháu đi làm nên không kịp học." Leo khẽ nói.

Clair rướn người về phía trước. "Vậy là cháu có nhìn thấy bạn ấy. Ở đâu?"

"Trên phố 69, ngay trước cầu vượt." Cậu ta ngẩng đầu lên, mắt rơm rớm lệ. "Bạn ấy co ro đi dưới trời lạnh. Lúc đó tuyết rơi khá dày, chỉ đến khi đi lướt qua bạn ấy cháu mới nhìn thấy. Cháu chẳng hiểu ra sao nữa. Cháu đã định dừng xe, hình như chân còn đặt lên phanh rồi, thế mà tự nhiên cháu lại nghĩ đến bài kiểm tra, nhìn đồng hồ thì thấy đã muộn năm phút. Như vậy cháu chỉ còn khoảng hai mươi phút để ôn bài, đỗ xe xong rồi lên lớp thì còn ít nữa. Nói tóm lại là cháu chỉ trông thấy bạn ấy vào phút chót. Có muốn dừng xe cũng không kịp, mà vòng lại thì quá mất thời gian. Cháu đã nghĩ có thể người khác sẽ cho bạn ấy đi nhờ."

Clair đưa mắt nhìn Sophie rồi lại nhìn Leo. “Cháu có thấy ai dừng xe cho bạn ấy lên không?”

Leo cúi đầu. “Không ạ. Chưa chắc cháu đã để ý nếu cái xe đi đằng sau có dừng lại. Cháu chẳng nghĩ ngợi sâu xa gì, mà tuyết lại rơi dày… Nếu lúc đó cháu cho bạn ấy đi nhờ thì giờ này có lẽ bạn ấy vẫn bình an. Lỗi là ở cháu.”

Sophie hỏi: “Cháu trông thấy bạn ấy lúc mấy giờ?”

Leo thở dài. “Bảy rưỡi ạ.”

“Cháu chắc chứ?”

Cậu ta gật đầu. “Cháu cần phải đạt điểm A trong bài kiểm tra này, các cô biết đấy. Sáng hôm đó, mỗi giây đối với cháu đều quý hơn vàng.”

“Thế cháu được điểm gì?”

Cậu ta lại thở dài. “B trừ.”

Clair ghi lại thông tin liên lạc của Leo rồi đưa cho cậu ta danh thiếp của mình và bảo cậu ta về lớp.

Malcolm Leffingwell thì không gặp Lili suốt cả tuần nay.

Noreen Outen thò đầu vào phòng. “Nốt cậu ta là hết phải không?”

Clair đứng dậy vươn vai. “Vâng. Chị có phát hiện được gì trong sổ kiểm diện sĩ số không?”

Noreen đẩy gọng kính nặng trịch lên sống mũi rồi nhìn lướt qua tập giấy ghi chú nhỏ. “Hôm đó có hai học sinh nghỉ ốm là Robyn Staats và Rosalee Newhouse, mẹ của hai em đó đã gọi điện đến xin phép. Không có em nào vào muộn tiết đầu, cũng không thấy có người lạ xuất hiện trong trường. Học

sinh ở đây rất ngoan, chúng không đời nào tham gia vào những việc bất chính đâu.”

Sophie hất hàm về phía tập giấy. “Trong hai cô bé này có ai quen biết Lili không?”

Noreen đáp: “Ừm, để tôi nghĩ xem. Robyn học lớp Chín, Rosalee lớp Mười một. Cũng có thể, nhưng tôi không dám khẳng định.”

“Chúng tôi cần nói chuyện với cả hai cô bé đó.” Sophie nói.

Noreen gật đầu.

Clair lại thả người xuống ghế. Cô có cảm giác mình và Sophie đang quay như chong chóng vậy.

CHƯƠNG 18

Porter

Ngày 2 • 10:31 sáng

“Sao sếp lại muốn gặp hai chúng ta ở nhà tôi nhỉ?” Porter hỏi.

Hai tay anh đặt cả trên vô lăng, các khớp trắng bệch.

Qua khóe mắt, anh nhác thấy ánh đèn xanh đỏ loang loáng phía trên nóc chiếc Charger, tiếng còi hụ ai oán cất lên từ phía sau động cơ khàn khàn. Anh đang chạy với tốc độ 130km/h trên đường 1-94.

Nash ngồi bên cạnh anh, tay phải giữ chặt lấy tay vịn “Chết tiệt!” phía trên cửa xe, tay trái bám vào ghế. “Ông ấy không nói. Tôi đã cố hỏi dò nhưng chẳng ăn thua. Nguyên văn lời ông ấy là “Gọi Porter về căn hộ của cậu ta ngay”.”

Porter bẻ vô lăng sang trái, vượt lên trước chiếc xe tải chở ga. “Giọng sếp thế nào, có cáu gắt, bực bội hay lo lắng gì không?”

Nash nhún vai. “Vẫn như mọi khi thôi. Tôi chịu, không dò ra được.”

“Chết tiệt!” Porter đập tay lên còi xe và nhấn giữ một hồi khi có chiếc Prius màu xanh đột ngột rẽ sang làn đường của anh. “Cái đồ bảo vệ môi trường rởm đời*.”

“Ở nhà anh có đang cất giữ thứ gì tôi nên biết không? Sao sếp lại hẹn gặp chúng ta ở đây?”

Chiếc Prius bật xi nhan phải rồi tà tà rẽ sang làn bên cạnh. Khi nó vừa đi qua, Porter lập tức sang số bốn và phóng vèo lên, tí nữa thì quệt phải cái gương lồi ra của xe kia.

"Sam?"

"Tôi không biết."

Nash rên lên. "Anh không biết ở nhà mình có đang cất giữ thứ gì tôi nên biết không á? Thôi đi, Sam. Chúng ta có phải con nít nữa đâu. Tôi là cộng sự của anh. Anh có thể nói với tôi mà. Việc này có liên quan gì đến cái chết của Heather không?"

Porter không nói gì.

Anh quành vào lối ra trên quốc lộ để tới đường Lake Shore.

Ngoài chiếc Crown Vic màu trắng của Đại úy, còn có ba cái ô tô lạ nữa đang đỗ phía trước khu căn hộ của Porter, đó là hai xe sedan màu đen và một xe van. Cả ba đều mang biển kiểm soát liên bang. Anh đỗ ngay cạnh cái xe van, nhốt chặt nó ở trong, tắt còi hụ nhưng để nguyên đèn chớp, rồi cứ thế nhảy ra khỏi xe và lao lên cầu thang, Nash lẽo đẽo theo sau.

Sáu người đang tập trung trên hành lang bên ngoài căn hộ của anh: Đại úy Dalton, Đặc vụ Diener, Đặc vụ Poole, Đặc vụ Toàn quyền Hurless phụ trách tổ chuyên án 4MK của FBI. Ngoài ra còn có hai kỹ thuật viên hiện trường cũng thuộc FBI mà Porter không quen.

Trông thấy hai người đẩy cửa bước lên cầu thang, Dalton vội vã đi tới. "Anh đã nghĩ cái quái quỷ gì vậy, Sam?"

"Ý sếp là sao?"

"Anh biết thừa rồi còn hỏi."

Nash đứng bên cạnh Porter, không nói năng gì.

Dalton kéo qua mấy bức ảnh trong di động rồi giơ cái điện thoại bé tẹo ra trước mặt Porter. “Có phải vì thế mà anh lấy nó không? Anh đang tìm bà ta à?”

Porter liếc màn hình. Đó là ảnh chụp lá thư Bishop để lại trên chiếc giường trong nhà anh kèm theo cái tai của kẻ đã giết vợ anh.

Sam,

Một chút nho nhỏ từ tôi gửi tới cho anh…

Tôi rất tiếc anh không được nghe tiếng nó gào thét.

Đền đáp lại cho tôi một chút nhé, được chứ?

Một chút gọi là có đi có lại giữa bạn bè.

Giúp tôi tìm mẹ của mình.

Tôi nghĩ đã đến lúc bà ấy và tôi nói chuyện với nhau.

B.

“Anh đang tìm bà ta à?” Dalton hỏi lại.

Porter hít một hơi thật sâu. “Tôi đang cố tìm hắn.”

“Việc của anh đấy à!” Dalton nói, tức xì khói. “Lâu nay anh có liên hệ gì với hắn không? Hắn có chủ động liên lạc với anh không?”

“Không.”

“Nếu có thì anh sẽ báo cáo với tôi chứ?”

“Dĩ nhiên rồi.”

Dalton cất điện thoại vào túi của chiếc áo khoác dày màu nâu. "Tôi cũng muốn tin anh lắm. Nhưng bây giờ tôi không chắc liệu tôi có thể tin được nữa không."

Nash cau mày nhìn Poole. "Đang có âm mưu gì hả?"

Poole giơ hai tay tỏ ý vô can nhưng không đáp.

Trán Dalton nhăn tít lại. "Anh ta chẳng làm gì cả. Bên an ninh xem băng ghi hình và bắt quả tang sáng nay ông bạn quý hóa của anh lẻn vào văn phòng của FBI đối diện phòng anh."

"Có thể anh ấy chỉ sang bật hộ máy sưởi thôi. Những hôm rét như thế này mà đến cơ quan đã thấy phòng ấm sẵn cũng sướng chứ bộ." Nash đáp. Anh ngoắc ngón cái về phía Diener. "Sáng nay gã củ cải này cũng tự tiện sang ngồi chỗ tôi trong phòng của chúng tôi đấy thôi. Ở đây bọn tôi như người một nhà. Có gì mà chẳng chia sẻ với nhau."

Đặc vụ Toàn quyền Hurless bước lên. "Văn phòng của chúng tôi được xem như địa phận thuộc sở hữu của chính quyền liên bang cho tới khi chúng tôi rời đi. Bất cứ ai xâm phạm đều có thể bị truy tố trước pháp luật, kể cả là lực lượng hành pháp địa phương đi nữa."

"Tôi đã lấy hồ sơ vụ án Barbara McInley." Porter nói.

Dalton đảo tròn mắt.

Hurless xích lại gần hơn. "Trộm cắp tài sản liên bang là một tội khác không kém phần nghiêm trọng đâu."

"Khi nào xong việc tôi sẽ trả."

"Yêu cầu anh trả lại ngay lập tức. Sau đó chúng tôi sẽ quyết định có cho phép anh giữ lại phù hiệu của mình hay không." Hurless đáp.

Mặt Dalton đỏ gay như gà chọi. Ông ta quay sang Hurless. “Người duy nhất có quyền quyết định sẽ làm gì với phù hiệu của Thanh tra Porter là tôi. Các anh chẳng qua chỉ là khách. Tôi hoàn toàn có thể cho anh và cả nhóm của anh ra đứng đường chỉ với một cú điện thoại.”

Hurless bước tới gần hơn nữa. “Tôi nói cho anh biết nhé, Đại úy. Chúng tôi có mặt ở đây là bởi vị thanh tra ưu tú của anh đã để xổng một tên sát nhân hàng loạt. Sai lầm đó sẽ phải trả giá bằng nhiều sinh mạng. Thậm chí điều đó rất có thể đã xảy ra rồi. Hiện đã có một cô bé bị chết và một cô bé khác mất tích, hai tội ác nhiều khả năng đều do tên sát nhân kia gây ra, thế mà anh vẫn để cho gã vô tích sự này chịu trách nhiệm điều tra. Giờ anh ta lại còn lấy trộm hồ sơ. Anh muốn tay mình nhuốm thêm bao nhiêu máu nữa thì mới chịu quyết định sửa sai?”

“4MK không bắt hai cô bé này đâu.” Porter lặng lẽ nói.

“Đủ rồi.” Dalton càu nhàu.

“Tôi muốn biết anh ta còn giấu giếm những gì nữa. Mở cửa ra.” Hurless nói.

“Quên đi!” Nash kêu lên. “Trừ phi ông có lệnh của tòa, còn không, ông chả có tư cách quái gì mà đòi vào.”

Hurless vừa nói vừa xòe từng ngón tay. “Đột nhập địa phận liên bang, trộm cắp tài sản liên bang, cản trở cuộc điều tra liên bang, xúi giục và tiếp tay cho tội phạm bị truy nã *liên bang*... đã nhận ra cụm từ mấu chốt ở đây là gì chưa? Treo phù hiệu là điều tối thiểu bạn anh cần lo vào lúc này đấy.”

Dalton nắm vai Porter và kéo anh ra xa. “Anh nên mở cửa đi.”

“Tại sao chứ?”

“Cứ để bọn họ vào, cho nhòm ngó tí chút, rồi họ sẽ không truy cứu nữa. Cho họ thấy những gì anh có, rồi chuyện này sẽ qua.” Dalton nói. “Còn không, tôi cũng chẳng thể bảo vệ được anh nữa đâu.”

“Kệ xác họ đi, Sam.” Nash nói.

Porter đưa mắt nhìn theo hành lang, nơi đám người đang túm tụm trước cửa nhà anh. Poole đáp lại ánh mắt của anh. “Thôi được.”

“Sam!”

Porter trao cho người cộng sự nụ cười yếu ớt. “Không sao. Đã đến nước này tôi cũng chẳng quan tâm quái gì nữa. Biết đâu như thế lại giúp bắt được hắn.”

Dalton hít một hơi dài và dẫn Porter quay lại.

Porter rút chùm chìa khóa từ trong túi, mở rồi đẩy cửa ra.

Hurless và Diener lướt qua anh để vào trong căn hộ, theo sau là hai kỹ thuật viên hiện trường. Tiếp đến là Poole. Anh ta cụp mắt xuống khi đi qua chỗ Porter và những người khác.

Porter bước vào, sau anh là Dalton và Nash.

Có tiếng huýt sáo cất lên từ phòng ngủ. “Quỷ thần thiên địa ơi!” Hurless cảm thán.

“Ôi trời!” Dalton nói, hơi thở nghẹn lại khi ông ta vừa đặt chân vào phòng.

Nash không nói gì. Anh chậm rãi lê bước vào theo.

“Thế này là thế nào?” Hurless hỏi.

“Tất cả những lần Bishop được nhắc đến trong vòng bốn tháng vừa qua, trên phạm vi toàn cầu.” Porter đáp. Anh bước tới trước tấm bản đồ, tìm cái

đinh ghim anh đã găm vào vị trí đầm nước ở Công viên Jackson và rút nó ra, vứt lên tủ đầu giường.

Diener đang quan sát mọi hành động của anh. “Cái đó là gì vậy?”

“Công viên Jackson. Tôi đã nói rồi, hắn không bắt cóc hai cô bé này. Đây là vụ khác, do một kẻ khác gây ra.”

Poole băng qua phòng và quỳ gối bên cạnh chiếc laptop, đọc lướt những gì có trên màn hình. “Dịch vụ Google Alerts phải không?”

“Tất cả những thông tin đề cập đến Bishop hoặc 4MK có trên Internet.” Porter đáp.

Poole xoay máy lại để đọc được rõ hơn, đang định gõ bàn phím thì anh ta quay sang Porter. “Tôi xin phép nhé?”

“Cứ tự nhiên.”

Porter nhìn anh ta kéo xuống để đọc các mẩu tin, lướt qua từng tiêu đề, sau đó tải tiếp để đọc năm mươi tin cũ hơn, và cứ như thế. Khi đã đọc xong, anh ta ngẩng lên nhìn những tấm bản đồ. “Anh nghĩ bây giờ hắn đang ở đâu?”

“Tôi không biết.”

Hurless bắt đầu đi mở các ngăn kéo, lục lọi quần áo của Porter.

Nash băng qua phòng, đứng chặn giữa ông ta và cái tủ. “Ông định lục ngăn kéo đồ lót của người ta thật đấy à?”

“Tránh ra, Sĩ quan.” Hurless nói.

“Không sao đâu, Nash. Cứ để ông ta thích xem gì thì xem. Tôi chẳng có gì phải giấu cả.” Porter nói.

Hurless quay sang phía anh. “Hồ sơ vụ McInley đâu?”

“Trong xe của tôi, dưới ghế lái.” Porter thảy cho ông ta chùm chìa khóa.

Hurless ném nó cho một kỹ thuật viên. Anh ta đi ra cửa trước, tới chỗ thang máy.

“Còn những hồ sơ nào ở đây nữa?” Hurless hỏi.

Porter tới bên kia phòng, ngồi xuống mép giường. “Tất cả chỉ có thế thôi.”

“Vì những cái khác anh đã trả lại rồi chứ gì?”

“Vì tôi chỉ lấy duy nhất bộ đó.”

Poole bỏ laptop xuống, đứng dậy và quay sang anh. “Tại sao lại là Barbara McInley?”

Porter ngẫm nghĩ giây lát, không biết có nên nói không, nhưng rồi anh quyết định rằng cứ giữ kín suy đoán của mình thì chẳng giúp được gì cho ai cả. “Linh tính mách bảo, vậy thôi. Vụ này có điều gì đó là lạ.”

“Lạ thế nào?” Poole hỏi.

Đặc vụ Diener cười khẩy. “Ai quan tâm chứ? Anh ta có phải Philip Marlowe* quái đâu. Cái trò dựa vào linh tính thay vì chứng cứ chỉ có trong mấy bộ phim đen trắng và mớ truyện giật gân rẻ tiền.”

“Lạ thế nào?” Poole hỏi lại.

Porter lùa tay qua mái tóc. “Cô ta là người duy nhất có tóc vàng. Trong số tám người bị bắt cóc, chỉ mỗi cô ta có tóc vàng.”

“Anh đùa đấy à?” Hurless hỏi.

Poole bước lại gần. “Hắn bắt đi người thân của những kẻ mà hắn cho là tội phạm thực sự. Con cái nhà McInley tất cả đều có tóc vàng. Hắn không còn lựa chọn nào khác.”

Porter nhún vai. “Có thể, nhưng tội ác cũng không ăn nhập. Chị gái của Barbara McInley đâm xe làm một người đi bộ thiệt mạng. Đó là tai nạn. Còn tất cả những vụ khác, tất cả những người khác bị hắn trừng phạt đều phạm tội có chủ đích.”

Poole ngẫm nghĩ hồi lâu. “Lý lẽ đó vẫn chưa đủ vững chắc.”

“Tôi chưa bao giờ nói tôi có căn cứ vững chắc cả. Đấy chỉ là bản năng, linh tính mách bảo thôi. Như bạn anh vừa nói đấy, chẳng qua là một khoảnh khắc xuất thần kiểu Philip Marlowe, không hơn không kém.” Porter nói. “Nếu suy đoán của tôi mà mang lại kết quả nào đó thì tôi đã báo cáo rồi.”

Kỹ thuật viên hiện trường trở lại cùng với tập hồ sơ vụ McInley và đưa cho Hurless. Ông ta huơ nó trước mặt Porter. “Anh đã tìm được những gì ở trong này? Có chi tiết nào củng cố cho điều anh vừa nói không?”

“Tôi còn chưa kịp xem.” Porter đáp. “Sáng nay nhiều việc quá.”

Hurless nhìn anh chằm chằm phải đến gần một phút, không ai nói nửa lời. Thế rồi ông ta quay lại chỗ hai kỹ thuật viên và các đặc vụ liên bang. Ông ta khoát tay về phía bức tường. “Các anh chụp ảnh lại toàn bộ, sau đó cho vào túi và ghi chú cẩn thận. Đem hết về. Xới tung từng centimet trong căn hộ này lên. Nếu tìm được bất kỳ thứ gì có liên quan đến vụ án thì báo cho tôi biết.”

Ông ta lại quay sang Porter, mặt đối mặt với anh, chỉ cách có vài centimet. “Tôi mà phát hiện ra anh còn giấu giếm, và nếu tên đó liên lạc với anh nhưng anh không báo cáo, nếu anh biết được bất cứ thông tin nào nhưng lại ỉm đi, thì tôi sẽ tống anh vào tù không cần suy nghĩ. Tôi cóc quan tâm anh có thâm niên đến đâu, hay kinh nghiệm đầy mình cỡ nào, với tôi, anh chẳng là cái thá gì ngoài một thằng ăn cắp, ăn cắp và đột nhập, dám xớ

rớ vào cuộc điều tra liên bang. Tôi cho anh cơ hội thú nhận nếu còn bất cứ chuyện gì anh chưa nói, hoặc bây giờ, hoặc không bao giờ. Nếu một tiếng sau tôi lại biết được thêm điều gì thì anh coi như xong đời. Anh hiểu chứ?”

“Tôi không còn gì để nói nữa.”

Ông ta thở hắt ra một cái.

Porter vẫn nhìn thẳng vào ông ta.

Cuối cùng Hurless cũng quay đi, sang bên kia phòng để lục soát tủ quần áo của Porter, lúc ấy ánh mắt anh chợt bắt gặp bức ảnh Heather đặt trên tủ ngăn kéo. Nhìn nụ cười tươi tắn, động viên nơi cô, anh bỗng cảm thấy mình chưa bao giờ cô đơn đến thế trong cuộc đời này.

Một tiếng sau, khi đồ đạc đã chất đầy bốn hộp đựng hồ sơ, rốt cuộc bọn họ cũng xong việc.

Bức tường phòng ngủ của Porter một lần nữa trống không, chẳng còn gì ngoài những cái lỗ bé xíu để lại sau khi rút đinh ghim và mấy mảng sơn trầy trụa do bóc băng dính mạnh tay. Đặc vụ Diener kẹp laptop của Porter dưới nách, lượn lờ quanh căn hộ lần cuối phòng khi bỏ sót thứ gì. Porter nghe thấy Hurless rì rầm với Dalton ngoài hành lang, nhưng không rõ họ nói với nhau những gì.

Trên đường ra về, Poole hình như có điều muốn nói nhưng rồi lại thôi. Porter nhìn anh ta đi vào thang máy, hai kỹ thuật viên theo sau, ôm nốt mấy cái hộp cuối cùng.

“Diener?” Hurless gọi to. “Về thôi.”

Đặc vụ Diener đi lướt qua Porter ra thang máy, để lại phía sau mùi nước cạo râu đã hết thời từ hồi 1992.

Cửa thang máy mở ra. Hurless nói với Dalton câu cuối rồi bước vào, nhìn Porter chằm chằm trong lúc cánh cửa cọt kẹt khép lại.

Dalton quay trở lại căn hộ cùng với Nash. “Thật tôi không hiểu anh nghĩ cái quái quỷ gì nữa, Sam ạ. Cú này đúng là phốt nặng.”

“Nhưng có phải anh ấy giấu giếm chứng cứ hay gì đâu.” Nash cãi.

Mặt Dalton đỏ gay lên. “Anh im đi. Tôi không tin chuyện này diễn ra ngay trước mũi anh mà anh lại không biết.”

Porter nói: “Anh ấy không biết thật mà. Tất cả là lỗi của tôi.”

Dalton quay ngoắt sang anh. “Anh không những gây cản trở cuộc điều tra 4MK mà giờ lại còn làm ảnh hưởng đến quá trình truy tìm thằng tâm thần bắt cóc các thiếu nữ. Ngay lúc này tôi không muốn loại anh ra khỏi đội.”

“Vậy thì đừng.”

“Hurless đã báo cáo vụ việc với trợ lý giám đốc bên đó, và tay trợ lý đã gọi điện cho giám đốc sở của chúng ta. Chuyện này bây giờ vượt quá quyền hạn của tôi rồi.” Đại úy cúi đầu. “Tạm thời tôi cho anh nghỉ phép một tuần. Anh phải quên hẳn vụ chết tiệt này đi. Tôi mà phát hiện anh tiếp tục dính dáng đến nó thì mọi chuyện sẽ còn tồi tệ hơn nhiều đấy. Họ đã đồng ý không buộc tội anh, nhưng bị đình chỉ công tác là không thể tránh khỏi.”

“Sếp à, thực sự đây chỉ là trò cạnh tranh vặt thôi mà. Sếp đừng để sức ép quyền lực và các mối quan hệ làm ảnh hưởng đến quyết định của mình. Ưu tiên hàng đầu của chúng ta bây giờ là bắt được hung thủ, không ai hiểu rõ hơn…”

Dalton chìa tay ra. “Súng và phù hiệu.”

Porter biết rõ tốt nhất không nên cãi lời. Anh nộp lại khẩu Glock và phù hiệu cảnh sát.

Dalton bỏ cả hai thứ vào túi áo khoác rồi quay người rời khỏi căn hộ. Ông ta nhấn nút gọi thang máy.

"Tên sát nhân mới này không phải dạng vừa đâu, sếp. Hắn đang tăng nhanh nhịp độ." Porter nói.

Dalton đáp mà không buồn ngoái lại: "Nash và Clair sẽ phụ trách vụ này. Tôi không muốn nghe thêm bất cứ tin tức gì của anh trong bảy ngày tới. Nếu lại có chuyện đến tai tôi thì anh cứ tự cộng thêm bảy ngày nữa. Tôi nói vậy anh hiểu rồi chứ?"

Porter lặng thinh.

"Tôi nói vậy anh hiểu rồi chứ?" Đại úy nhắc lại.

"Tôi hiểu." Porter đáp.

Thang máy dừng lại, Dalton bước vào và đưa tay ra giữ cửa mở. "Nash, theo tôi."

Nash chỉ nhìn Porter mà không nói gì. Porter khẽ gật đầu với anh.

Nash vào trong. Cửa thang máy đóng lại, và Porter thấy mình chơ vơ giữa căn hộ, tim đập như trống dồn trong lồng ngực, sự tĩnh lặng bủa vây quanh anh.

CHƯƠNG 19

Lili

Ngày 2 • 11:36 sáng

Lili co ro ngồi trong góc chuồng, tấm chăn dày quấn quanh người. Tuy đã mặc lại quần áo nhưng cô vẫn không thấy ấm hơn chút nào. Cô run cầm cập không ngừng dù đã đứng trước cửa thông khí của hệ thống sưởi. Ánh mắt cô không ngừng hướng về phía cái cầu thang tăm tối ở góc tầng hầm, tai dỏng lên nghe ngóng tiếng cót két phát ra từ những tấm ván sàn cũ kĩ trong lúc gã đàn ông đi lại ở tầng trên.

Có con nhện bò trên tấm lưới mắt cáo gần chân cô, cô rụt lại, lùi sâu hơn vào góc chuồng.

Lớp bụi li ti từ rầm sàn rơi như mưa theo từng bước chân của người ở trên gác, tựa làn sương mỏng manh la đà trong không gian tranh tối tranh sáng. Lili cố vờ như chúng là những bông tuyết và cô đang ngắm nhìn cảnh tượng ấy qua cửa sổ. Cô cố vờ như mình đã trở về nhà, được an toàn trong phòng riêng, nhưng ảo ảnh ấy tan biến mỗi lần gã đàn ông gào thét.

Điều đó diễn ra rất thường xuyên.

Lời hắn thốt ra không câu nào rõ ràng mà chỉ là những tràng vô nghĩa xa xăm, đôi khi kèm theo tiếng khóc, có lúc lại là tiếng kêu ai oán đầy đớn đau. Chúng phá vỡ khoảng lặng tương đối bình yên bao trùm ngôi nhà, vương vấn khắp không trung, dường như sống trong chính những làn bụi mỏng thi nhau rơi xuống kia.

Những tiếng kêu gào xuất hiện bất ngờ, không có gì báo trước.

Bố cô từng có lần lỡ tay đập búa vào ngón trỏ trong lúc giúp cô đóng một cái chuồng chim để mang tới trường. Ông cũng thét lên đau đớn giống thế, nhưng điều đó không kéo dài lâu, như thể đang kêu thì ông chợt nhận thấy con gái đang nhìn mình nên cắn răng chịu đựng. Tiếng thét thình lình im bặt, chết lặng nơi cổ ông, còn mặt ông thì đỏ bừng.

Nhưng tiếng thét của người trên kia không chấm dứt đột ngột như vậy. Hắn sẽ im hơi lặng tiếng một lúc rất lâu, không đi lại, không phát ra âm thanh nào. Rồi đột nhiên, tiếng gào thét xé toạc không gian trong nhà chẳng khác nào lưỡi dao sắc lẹm và vẫn còn lẩn khuất đâu đây khi chúng hóa thành những tràng nức nở.

Lili không biết điều gì đã khơi mào cho những tiếng kêu ấy. Cô cũng không muốn biết. Dù là gì đi nữa, mong rằng hắn cứ giữ lại thứ đó ở trên kia.

Suốt một tiếng vừa qua, gã đàn ông chỉ xuống đây đúng một lần. Hắn đổ cái xô để sẵn cho cô đi vệ sinh, tráng sạch trong chậu giặt rồi lại đặt vào cái chuồng nhốt cô. Sau đó hắn liếc ly sữa vẫn còn nguyên với con ruồi nổi lềnh phềnh bên trong, cầm lấy rồi mang lên tầng. Hắn làm tất cả những việc đó mà không hé răng lấy nửa lời. Nhưng trông hắn nhợt nhạt như người chết. Khi bốn mắt giao nhau, Lili không kìm được và phải quay đi, cô không muốn nhìn hắn. Không hiểu sao như thế lại khiến hắn nấn ná lâu hơn. Nếu không bị nhìn, hắn có vẻ thoải mái nhìn cô hơn, thậm chí nhìn như thôi miên. Ai biết được hắn đang nghĩ gì trong đầu.

Khi hắn trở lại, Lili sẽ không quay đi mà đối mặt với hắn, thậm chí bình phẩm về vết thương của hắn. Biết đâu bằng cách đó hắn sẽ bỏ đi sớm hơn.

Nhiều cậu con trai Lili quen cũng cư xử hệt như thế.

Những đứa bạo dạn có thừa thì chẳng ngại nhìn cô. Có đứa còn cố ý để cô biết. Nhưng những anh chàng thỏ đế thì khác, bọn họ có thể nhìn đấy, nhưng ngay khi cô cảm nhận được và ngoái sang phía họ, họ lập tức quay đi, hướng sự chú ý vào việc khác, vờ như cô không tồn tại. Gabby bạn cô lại coi đó như một trò chơi, luôn lật tẩy những cậu trai nhát cáy và khiến họ muối mặt mỗi khi cô nàng bắt quả tang có đứa nhìn mình.

Ở lớp cô có cậu bạn Zackary Mayville nổi tiếng nhút nhát. Tuần trước, Gabby bị ghép cặp với cậu ta trong tiết khoa học. Để trêu ngươi anh chàng, Gabby cởi hai cúc áo sơ mi, sao cho mép áo lót chỉ lấp ló lộ ra khi cô cúi người. Mỗi lần như thế mặt anh chàng lại đỏ như gấc, mắt vẫn liếc đấy nhưng kín đáo thôi để người ta không biết, chẳng hiểu Gabby làm thế nào giữ được vẻ mặt tỉnh bơ suốt cả tiếng đồng hồ, chứ Lili thì chịu. Cô không thể ngừng cười, suýt nữa không hoàn thành được bài tập. Cô phải…

Đột nhiên Lili nghe thấy tiếng chân trên cầu thang. Gã đàn ông xuất hiện.

Hắn đã thay đồ. Hắn mặc quần jeans đen, áo len đỏ sẫm, vẫn đội cái mũ len đen lúc trước. Khi tới bậc thang dưới cùng, hắn ngồi xuống, lần này hắn chăm chú nhìn cô.

Mới phút trước Lili còn tự nhủ mình sẽ đáp trả cái nhìn của hắn, cô sẽ đối mặt với hắn bằng ánh mắt không khoan nhượng, không sợ hãi. Cô sẽ khiến hắn chột dạ. Nhưng rốt cuộc cô lại không làm được. Thay vào đó, cô quay đi. Cô nhìn đăm đăm xuống sàn bê tông, theo dõi hắn qua khóe mắt.

Hắn ngồi đó khá lâu, chí ít cũng phải hai mươi phút, thở từng nhịp hổn hển xen lẫn những tiếng khò khè. Cuối cùng, khi chịu mở lời, giọng hắn

vang lên rất khẽ. “Xin lỗi nếu tôi khiến cô hoảng sợ. Có những lúc rất đau.”

Lili muốn hỏi hắn nói thế nghĩa là sao, nhưng lại thôi. Thay vì vậy, cô tiếp tục giữ im lặng.

“Có những lúc…” Hắn nói tiếp. “Tôi cảm thấy mắt mình như bị ai đó dùng hết sức bình sinh bóp chặt đến mức tưởng chừng sắp nổ tung. Tôi có thuốc, nhưng uống vào thì khó mà tập trung, khó mà suy nghĩ sáng suốt được, trong khi lúc này tôi lại đang cần phải tập trung. Tôi cần giữ được sự tỉnh táo.”

Lili muốn hỏi han, muốn biết hắn đang gặp chuyện gì, nhưng rốt cuộc cô vẫn giữ kín những suy nghĩ ấy cho riêng mình. Cô sẽ không nói với hắn.

Hắn đưa tay lên gãi đầu qua lớp mũ len rồi đứng dậy. “Đến lúc thử lại rồi.”

CHƯƠNG 20

Clair

Ngày 2 • 11:49 sáng

Kloz dùng chân phải đẩy nhẹ chiếc ghế đang ngồi, khiến nó xoay tít. “Cái gì cơ? Sam quá “lậm” nghề ấy hả? Điều đó thì có gì lạ đâu.”

Nash ngồi ghé vào mép bàn họp, còn Sophie và Clair ngồi ở đầu bên kia. “Đáng lẽ anh ấy phải nói với chúng ta.”

“Kể cả có nói đi nữa, chúng ta cũng chẳng bao che nổi cho anh ấy đâu.” Clair nói. “Nghe anh kể thì có vẻ Đại úy còn không cho anh cơ hội lên tiếng.”

Nash chỉ tay sang phía đối diện hành lang. “Tất cả chỉ tại mấy thằng hề đáng ghét kia.”

Kloz đẩy cho ghế xoay thêm vòng nữa. “Chuyện này sặc mùi âm mưu.”

“Ý anh là sao?” Nash hỏi.

“Có ông nào đó trên kia đang ráo riết tìm đường cứu thân. Lẽ ra chúng ta phải cộng tác trực tiếp với FBI để điều tra vụ này mới đúng. Nhưng thực tế thì sao, bọn họ vơ hết về mình và thẳng tay gạt chúng ta sang một bên. Ở đâu ra cái lý ấy? Để tôi nói cho mà nghe, ở nơi có một vị tai to mặt lớn không muốn sở cảnh sát này can dự vào.”

“Ai? Dalton á?”

“Có thể là ông khác bự hơn. Thị trưởng và Talbot vốn là chỗ thâm giao. Ông ta phải hứng chịu khá nhiều gạch đá khi toàn bộ sự thật bị phanh phui. Đã thế cánh báo chí còn đưa tin Sam thả cho Bishop chuồn mất…”

Clair cầm bút ném vào người anh ta. “Sam chẳng thả ai đi hết. Anh ấy đã cứu mạng cô bé đó.”

Kloz bắt lấy cây bút và bỏ tọt vào túi. “Ai chả biết, nhưng viết như thế sẽ gây sốc hơn chứ. Bạn chí cốt của thị trưởng là tội phạm, thanh tra cảnh sát đứng đầu cuộc điều tra lại để cho tên giết người hàng loạt trốn mất… thế thì FBI nhảy vào hốt trọn vụ án và cấm cửa tất cả những người khác là đúng quá rồi còn gì.”

Clair quay sang hỏi Nash: “Anh có cho rằng anh ấy giữ liên lạc với Bishop không?”

“Sam á?”

“Ừ.”

Nash nhún vai. “Chẳng biết.”

“Liệu anh ấy có làm thế không? Trao đổi riêng với hắn ấy mà?” Sophie hỏi.

Nash lại nhún vai. “Anh ấy kín tiếng hẳn kể từ khi Heather mất.”

“Heather là ai vậy?” Sophie hỏi.

Clair nghiêng đầu. “Thế ra cô không biết à?”

Sophie lắc đầu.

“Vợ Sam qua đời trong một vụ cướp có vũ trang ở cửa hàng tiện ích chỉ vài tuần trước khi vụ Bishop lên đến đỉnh điểm. Trong hoàn cảnh đó có lẽ anh ấy không nên đi làm, nhưng anh ấy đã theo chuyên án 4MK ngay từ

đầu, vì thế khi chúng tôi cho rằng hắn đã chết, chúng tôi buộc phải gọi anh ấy quay lại. 4MK là vụ của anh ấy. Cảnh sát bắt được tên cướp đã giết Heather, nhưng hắn lại trốn khỏi buồng giam. Bishop giết Talbot, Porter cứu được Emory, sau đó anh ấy phải nằm viện một thời gian để dưỡng thương. Khi ra viện về nhà, anh ấy thấy trên giường của mình có đặt một chiếc hộp. Trong hộp là tờ giấy nhắn của Bishop kèm theo cái tai của kẻ giết vợ anh ấy. Bishop đã tóm được hắn." Clair giải thích.

"Tờ giấy đó viết gì?"

"Bishop nhờ Sam giúp hắn tìm tung tích mẹ mình." Nash nói.

"Mẹ hắn? Bà ta thì liên quan gì đến việc này?"

Clair đảo tròn mắt. "Giờ chúng ta không có thời gian để nói về chuyện đó. Trong lúc lái xe tôi sẽ kể cho cô. Chúng ta cần phải tiếp tục điều tra, tìm cách tự xoay xở khi không có Sam." Cô lại quay sang hỏi Nash. "Đã xảy ra chuyện gì ở nhà Reynolds?"

Nash mở loạt ảnh lưu trong điện thoại rồi đẩy máy sang bên kia bàn cho Clair và Sophie.

Kloz nhoài người sang để nhìn được rõ hơn. "Cái gã giết Ella Reynolds cũng làm ra chuyện này á?"

"Tôi không tin trên đời có sự trùng hợp ngẫu nhiên." Nash đáp.

"Vậy lý do là gì?"

"Biết chết liền."

Sophie vuốt qua những bức ảnh. "Thật vô lý. Nếu quả thực hung thủ đang nhắm vào gia đình Reynolds, vậy thì hắn bắt Lili Davies để làm gì chứ? Họ đâu có quen biết nhau. Giữa họ không có mối liên hệ nào cả."

“Chắc chắn là có, chẳng qua chúng ta chưa tìm ra thôi. Ta biết được những thông tin gì về người bố rồi?” Clair hỏi.

Nash đứng dậy, bước tới trước tấm bảng. Anh ghi tên FLOYD REYNOLDS lên đó rồi gạch chân, bên dưới viết VỢ: LEE ANN REYNOLDS. “Ông ta làm việc cho công ty UniMed America Healthcare đã mười hai năm, kinh doanh các gói bảo hiểm tổng quát và bảo hiểm sức khỏe. Vợ ông ta cho biết mức thu nhập hằng năm của ông ta rơi vào khoảng hai trăm ngàn đô, chưa bao gồm thưởng. Gia đình họ không có khoản nợ nào ngoài một thẻ tín dụng American Express được trả hết mỗi tháng.”

Klozowski huýt sáo. “Ngon. Xem ra tôi đã chọn nhầm nghề rồi.”

“Chúng ta cũng đang dùng bảo hiểm của UniMed.” Sophie nhắc.

“Họ là công ty có quy mô lớn thứ ba trên cả nước.” Nash nói, sau đó viết lên bảng dòng chữ TÌM THẤY DẤU BỐT BẢO HỘ CỠ 11 bên dưới mục ĐỐI TƯỢNG TÌNH NGHI.

“Tìm thấy ở đâu?” Sophie hỏi.

“Trên lưng ghế lái trong ô tô của gia đình Reynolds. Một chiếc Lexus LS. Có vẻ hung thủ đã cố tìm cách xóa nó đi nhưng không đủ thời gian. Sam cho rằng hắn đã đặt chân lên đó để lấy điểm tựa trong lúc siết cổ ông bố.”

Kloz đưa mắt nhìn lên trần nhà. “Cỡ mười một thì chiều cao tương ứng sẽ vào khoảng 71,5 inch*, tầm một mét tám mươi mốt.”

“Sao anh biết?” Sophie hỏi.

“Chiều cao trung bình của một người được tính bằng cách lấy cỡ giày nhân với 6,5. Lớn hơn hoặc nhỏ hơn con số đó thì bàn chân sẽ không hài

hòa với kích thước cơ thể, gây khó khăn khi đi đứng và giữ thăng bằng." Kloz đáp.

"Hừm."

"Chịu khó chơi với tôi, rồi tôi chỉ cho khối thứ hay ho."

"Thôi, cho tôi xin." Sophie đáp.

Clair nói: "Tôi chưa tin nhà này không có nợ nần gì. Có thể không phải nợ kiểu thông thường mà là loại khác, như cờ bạc hoặc điều gì đó bất minh mà ông ta giấu vợ chẳng hạn? Nếu Reynolds nợ tiền kẻ xấu thì cũng có thể bọn chúng trừng phạt con gái ông ta để dằn mặt."

"Nhưng nếu thế, đời nào chúng lại giết ông ta." Kloz nói. "Ông ta mà chết thì làm gì có ai trả nợ."

"Vậy còn bà vợ? Biết đâu bà ta nợ ai đó, bọn chúng giết *cả* chồng lẫn con bà ta để đe dọa." Sophie nói. "Nhiều phụ nữ cũng thích cá cược đua ngựa lắm đấy."

"Các bà cả ngày cắm mặt vào bếp, cong mông dọn nhà và tạo ra em bé mà vẫn còn thời gian cho mấy trò đó sao?" Kloz nói rồi giơ sổ lên che mặt trước cơn mưa bút bay về phía mình.

Lát sau, anh ta hạ sổ xuống và thấy Clair trừng mắt với mình. "Đúng là đồ não đặt giữa hai chân."

Sophie lắc đầu nhìn anh ta. "Không thể chấp nhận được."

Nash chăm chú nhìn lên bảng. "Thực ra, ý kiến đó hay đấy."

"Cảm ơn." Kloz nói, mỉm cười đắc thắng.

"Ai nói ông. Tôi đang bảo Sophie cơ mà." Nash đáp. "Clair này, cô nhắn Hosman tìm hiểu kĩ hơn về tài chính của gia đình này nhé, biết đâu lại phát hiện ra chi tiết nào đó khuất tất."

“Được.”

“Hiện có ai đang giám sát bà mẹ không?” Klozowski hỏi.

Nash gật đầu. “Bọn tôi đã cử hai sĩ quan tuần tra ở lại để canh chừng bà mẹ và cậu con trai nhỏ. Lúc tôi ra về thì vẫn còn ba cái xe van săn tin đang đỗ bên ngoài nhà. Tôi nghĩ những ngày sắp tới có lẽ họ sẽ khó mà được yên ổn một mình. Biết đâu như thế lại hay.”

Clair xem lại những bức ảnh chụp Reynolds trong điện thoại của Nash. “Trông có vẻ không giống cách thức ra tay của bọn đòi nợ thuê. Bọn chúng thường hành động nhanh gọn lẹ, chỉ cần hai phát vào đầu là xong, không lằng nhằng. Chúng chẳng hơi đâu đắp người tuyết hoặc dành hàng tiếng đồng hồ để sắp đặt thi thể dưới lớp băng sao cho tử tế. Kẻ gây ra vụ này, dù là ai đi nữa, đang muốn gửi gắm thông điệp nào đó.”

“Hắn cũng không sợ bị bắt quả tang.” Sophie nói. “Hắn lưu lại rất lâu ở những nơi dễ bị trông thấy.”

Clair gật đầu. “Những kẻ chẳng còn gì để mất thường không biết sợ, không biết ăn năn, hối cải. Chúng nghĩ là làm. Điều đó khiến cho tên này trở nên cực kỳ nguy hiểm.”

Nash vẽ một đoạn thẳng nối Ella Reynolds với Lili Davies. “Giữa hai cô bé có mối liên hệ nào đó.”

Điện thoại của Klozowski rung lên, anh ta liếc xuống màn hình. “Đã tìm ra nhãn hiệu và dòng xe của chiếc ô tô bán tải xuất hiện trong đoạn băng ghi hình ở công viên. Đó là chiếc Toyota Tundra đời 2011.”

“Anh thử xem có tra ra được danh sách loại xe này trong bán kính một trăm dặm quanh thành phố không nhé.”

Klozowski đã nhanh nhẹn gõ điện thoại. “Được.”

“Việc chỉnh rõ ảnh chụp tên tài xế có kết quả gì không?”

“Không.” Klozowski đáp. “Trước khi xuống đây tôi đã thử rồi. Cái camera đó đã cũ, không có độ phân giải.”

Nash bước tới chỗ tấm bảng, gạch đi những việc đã hoàn thành rồi chăm chú đọc danh sách các nhiệm vụ còn lại. “Càng lúc càng nhiều việc, thế mà quân số lại giảm mất một người.”

Kloz đặt điện thoại xuống rồi giơ tay.

“Gì vậy, Kloz?” Nash chỉ vào anh ta.

Klozowski toét miệng cười. “Thấy tôi vừa làm gì không? Có nhớ hồi trước Bishop cũng giơ tay như thế không? Đấy gọi là “ôn lại kỷ niệm cũ”.”

“Anh còn điều gì muốn nói nữa không?”

Kloz gật. “Còn, thưa sếp. Tôi có thể trực tiếp đi điều tra. Đằng nào tôi cũng phải ghé qua cửa hàng Starbucks kia để xử lý băng ghi hình của họ.”

Nash ngước nhìn bảng thống kê bằng chứng. “Thế còn những nhiệm vụ khác của anh thì sao?”

“Ở trên kia đâu chỉ có mình tôi độc diễn. Còn nhiều nhân viên nữa mà. Tôi sẽ mang theo laptop, tìm được thông tin gì họ sẽ gửi ngay.” Kloz nói.

Nash gật đầu. “Vậy thì nhất trí. Nào các quý cô, chúng ta bắt đầu chia để trị nhé. Các cô sẽ lo việc ở phòng tranh. Giờ này chắc họ mở cửa rồi. Kloz và tôi sẽ tới cửa hàng Starbucks để xử lý một số đầu việc trong danh sách này. Tạm thời phải coi như Lili vẫn còn sống. Chúng ta cần tạo được một bước đột phá.”

Clair đứng dậy vươn vai. “Có nên qua hỏi thăm xem tình hình Sam thế nào không?”

"Không cần đâu." Nash đáp.

BẢNG THỐNG KÊ BẰNG CHỨNG

ELLA REYNOLDS (15 TUỔI)

Được báo mất tích ngày 22 tháng 1

Được tìm thấy ngày 12 tháng 2 tại đầm nước trong Công viên Jackson

Đầm nước đóng băng từ ngày 2 tháng 1 (20 ngày trước khi mất tích)

Được nhìn thấy lần cuối khi xuống xe buýt gần Quảng trường Logan (cách nhà 2 khu/cách Công viên Jackson 24 kilômét)

Mặc áo khoác đen lúc được nhìn thấy lần cuối

Chết đuối trong nước mặn (tìm thấy trong nước ngọt)

Mặc trang phục của Lili Davies khi được tìm thấy

Đi bộ từ bến xe buýt về nhà mất bốn phút

Thường đến cửa hàng Starbucks ở đại lộ Kedzie. Đi bộ về nhà mất bảy phút.

LILI DAVIES (17 TUỔI)

Bố mẹ = Bác sĩ Randal Davies và Grace Davies

Bạn thân = Gabrielle Deegan

Học tại Học viện Wilcox (trường tư), không đến lớp ngày 12 tháng 2

Được nhìn thấy lần cuối khi rời nhà đến trường (đi bộ) sáng ngày 12 tháng 2 lúc 7:15, mặc áo parka có mũ hiệu Perro, chất vải nylon màu đỏ chần quả trám, mũ len trắng, găng tay trắng, quần jeans tối màu, giày tennis hồng (tất cả đều được tìm thấy trên thi thể Ella Reynolds)

Nhiều khả năng bị bắt vào sáng ngày 12 tháng 2 (khi đang trên đường đi học)

Thời gian gây án ngắn = 35 phút (đi học lúc 7:15 sáng, vào học lúc 7:50)

Trường chỉ cách đó bốn khu nhà

Mãi đến hơn 12 giờ đêm (tức sáng ngày 13 tháng 2) mới được trình báo mất tích

Bố mẹ tưởng con gái làm thêm (tại phòng tranh) sau khi đi học về (cả hai việc đều không xảy ra)

FLOYD REYNOLDS

Vợ: Leeann Reynolds

Bán bảo hiểm, làm việc cho UniMed America Healthcare

Không nợ nần? Theo như lời khai của bà vợ. Hosman kiểm tra

ĐỐI TƯỢNG TÌNH NGHI

Có thể lái một chiếc xe bán tải màu xám kéo theo một bồn chứa nước: Toyota Tundra 2011

Có thể làm công việc liên quan đến bể bơi (vệ sinh hoặc bảo trì)

Tìm thấy dấu bốt bảo hộ cỡ 11 ở đằng sau ghế lái ô tô nhà Reynolds (Lexus LS). Dùng để làm điểm tựa?

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Băng ghi hình tại Starbucks (xóa mỗi ngày?) - Kloz

Máy tính, điện thoại, e-mail của Ella - Kloz

Tài khoản mạng xã hội, lịch sử cuộc gọi và tin nhắn điện thoại, e-mail của Lili (không tìm thấy điện thoại và laptop) - Kloz

~~Chỉnh rõ ảnh chụp đối tượng trong diện tình nghi" lúc lái xe vào công viên -Kloz~~

Camera của công viên bị nới lỏng? Kiểm tra băng ghi hình cũ - Kloz

~~Tìm ra hãng xe và dòng xe của chiếc ô tô bán tải trong băng ghi hình? - Kloz~~

~~Clair và Sophie đi theo lộ trình đến trường của Lili/thẩm vấn Gabrielle Deegan~~

Clair và Sophie tới phòng tranh (quản lý = cô Edwins)

Lên danh sách các bể bơi nước mặn ở Chicago thông qua văn phòng cấp phép xây dựng - Kloz

Kiểm tra các cửa hàng thủy sinh và đầu mối cung cấp trang thiết bị thủy sinh trong vùng

Hosman kiểm tra các khoản nợ của nhà Reynolds

CHƯƠNG 21

Porter

Ngày 2 • 12:18 trưa

Porter đang cần lắm một suất Big Mac*.

Không chỉ Big Mac mà còn phải thêm một phần khoai tây chiên thật lớn, một ly sinh tố sô cô la, và một bánh táo để tráng miệng nữa.

Anh thèm đến phát điên, cảm giác cồn cào đói khát thôi thúc anh rời khỏi căn hộ, rảo bước qua ba khu nhà trên đại lộ Wabash, tới thẳng cửa hàng McDonald's gần nhất, giờ này đang đông nghịt. Anh gọi đồ ăn rồi mang đến chỗ chiếc bàn nhỏ ở sâu bên trong, ăn ngấu ăn nghiến. Bảy phút sau, anh ngẩn ra nhìn chằm chằm chiếc khay trống không trước mặt, vậy mà cái dạ dày vẫn còn réo òng ọc.

Anh khao khát cháy bỏng muốn được nói chuyện với Heather. Khoảng trống vô tận trong tim anh, nơi từng được giọng nói của vợ lấp đầy, giờ đang thiêu đốt anh.

Heather mất mới được sáu tháng, nhưng cảm giác cứ như anh đã đi qua đến sáu ngàn kiếp sống rồi vậy. Người ta nói với anh thời gian sẽ chữa lành vết thương, khoảng trống rồi sẽ dần nhỏ lại, được lấp đầy bằng tình yêu dành cho những người khác, bằng những tháng ngày được sống trên đời. Nhưng điều đó không xảy ra. Thay vì vậy, khoảng trống ấy dường như chỉ càng lớn thêm, và mỗi ngày trôi qua, nỗi nhớ cô lại càng khắc sâu.

Heather sẽ thấu hiểu anh. Heather sẽ lắng nghe anh.

Porter muốn kể cho cô những chuyện xảy ra trong sáu tháng vừa qua. Anh cần lời khuyên của cô. Anh cần được nghe giọng nói của cô.

“Em đã giữ lấy anh để anh khỏi sa xuống hang thỏ, Button* à.” Porter lặng lẽ nói. “Giờ anh ngập sâu đến đầu gối, chìm nghỉm đến nơi rồi.”

Tháng trước, anh đã hủy dịch vụ di động của cô. Trước đó, anh vẫn thường gọi vào máy cô, thậm chí có khi đến ba, bốn lần một ngày, chỉ để được nghe giọng nói ngọt ngào vang lên ở đầu dây bên kia, khoảng cách vừa đủ để khiến giọng nói ấy nghe như thật, để khiến *cô* giống như vẫn rất thật. Anh hiểu rõ làm vậy là ngốc nghếch, nhưng anh chỉ còn biết bấu víu vào đó. Sự hiện diện của cô cứ phai nhạt dần trong cuộc sống của anh, cho dù anh cố gắng níu giữ đến đâu. Thể xác cô có thể từ giã cõi đời một cách đột ngột, nhưng linh hồn cô thì vẫn còn đây. Mới đầu Porter cố hết sức nắm chặt lấy bàn tay của linh hồn ấy, không muốn buông, nhưng cuối cùng anh cũng hiểu ra rằng mình không còn lựa chọn nào khác. Vậy là tối đó anh hủy dịch vụ di động của cô, đến sáng hôm sau, khi anh gọi lại thì không còn nghe thấy giọng cô nữa mà là giọng nói cứng nhắc vô hồn của tổng đài thông báo số máy này không còn tồn tại. Đó là lúc bàn tay cô vuột khỏi tay anh, và cô ra đi.

Anh sẵn sàng làm tất cả để cô trở về bên anh.

Cho dù chỉ năm phút thôi, được có cô, được ôm lấy cô, được hỏi cô xem anh phải làm gì bây giờ.

“Anh yêu em, Button.” Anh khẽ nói.

Với một tiếng thở dài não nề, Porter đứng dậy, nhặt hết giấy gói, vứt vào cái thùng rác đầy ụ đặt ở cửa. Anh bước ra ngoài trời giá buốt, chào đón cái lạnh tê tái của mùa đông.

Rồi anh lững thững dạo bước trong vô định.

Hai mươi phút sau, Porter thấy mình đang đứng trong sảnh của tòa nhà Flair Tower ở phố West Erie, một vũng nước nhỏ đọng lại dưới chân. Anh không chủ định tìm đến đây, lúc đẩy cửa vào anh đã nghĩ hay là đi ra, nhưng cuối cùng anh lại cứ đứng yên, đưa mắt nhìn khắp sảnh dù chẳng nhận biết được gì nhiều, đầu óc cứ như trên mây.

"Chú Thanh tra?"

Porter không nghe thấy tiếng cô bé đi tới. Anh không nghĩ cô sẽ xuất hiện, tòa nhà này lớn như vậy kia mà, nhưng cô thực sự đang đứng trước mặt anh.

"Chào cháu, Emory."

Lần gần đây nhất anh gặp cô bé là hôm cô nằm viện ngay sau khi được cứu thoát khỏi tay 4MK. Bishop đã giấu cô ở dưới đáy giếng thang máy của tòa nhà trên đại lộ Belmont, dùng cô làm mồi nhử để dụ Porter đến. Cô bị bỏ đói, cơ thể suy nhược, nước da trắng bệch. Cổ tay phải của cô bị thương nặng do cái còng hắn dùng để trói cô gây ra, thậm chí Bishop còn cắt mất tai trái của Emory, vậy mà hôm đó cô vẫn kiên cường mỉm cười. Tóc cô giờ đã dài ra, khuôn mặt đầy đặn hơn, đôi má tươi tắn trở lại.

"Chú không sao chứ, Thanh tra?"

"Chú… chú xin lỗi. Chú không rõ vì sao mình lại tới đây. Chú đã định đến thăm cháu, cháu biết đấy, sau khi tất cả kết thúc, nhưng rồi mọi chuyện rối tinh rối mù, chú không còn biết ngày tháng gì nữa." Anh nói.

"Lại đây ngồi đi chú." Cô bé nắm tay anh, dẫn anh tới chỗ mấy chiếc xô pha kê phía trước lò sưởi ở góc sảnh. Khúc củi trong lò đang cháy lách tách,

chìm trong ngọn lửa rất đượm, hơi nóng tỏa ra như cánh tay vươn dài vào không trung.

Porter cởi găng, những ngón tay anh bối rối vặn xoắn vào nhau. "Có lẽ chú không nên đến đây."

Emory mỉm cười. "Sao chú lại nghĩ thế, cháu vui vì được gặp chú mà. Cháu đã định ghé qua Sở Cảnh sát không biết bao nhiêu lần, nhưng cháu không đủ can đảm. Thật ngốc nghếch. Cháu nghĩ chắc cũng khó mở lời sau khi trải qua một việc như thế. Cảm giác tất cả chẳng khác nào một cơn ác mộng tồi tệ xảy ra với người khác. Như bộ phim cháu xem ngoài rạp cách đây mấy tháng rồi ra về. Cháu không thể tâm sự với các bạn, họ không hiểu được. Cả cô Burrow cũng thế. Mấy lần cô ấy đã cố khơi gợi để cháu nói ra, nhưng cháu không thể… điều đó khiến cô ấy rất lo. Cô ấy làm vậy cũng vì muốn tốt cho cháu thôi chứ không phải vì tò mò hay gì cả, nhưng cháu thấy trút gánh nặng lên cô ấy cũng vô ích. Cơn ác mộng ấy là của mình cháu. Không có lý do gì để cô ấy cũng phải chịu khổ, giữ lấy những ý nghĩ đáng sợ ấy trong đầu."

"Cháu có gặp mấy tay bác sĩ tâm lý không?"

Emory bật cười và lắc đầu. "Bọn họ muốn gặp cháu lắm. Không biết có bao nhiêu người liên hệ với cháu rồi. Cháu đã cố nói chuyện với một cô, nhưng cháu cứ có cảm giác cô ta đang muốn dựa vào những điều cháu nói để viết sách. Chỉ cần nghĩ đến việc vào hiệu sách và lướt qua chỗ nó, biết rằng câu chuyện hãi hùng ấy được in trên giấy trắng mực đen cho người người cùng đọc, là cháu đã muốn ngậm miệng hến ngay rồi. Cháu không thể nói gì với cô ta được."

"Chú không nghĩ bọn họ có quyền làm thế. Cô ta sẽ bị tước giấy phép hành nghề ngay."

"Có lẽ vậy."

Đôi tay Emory đang đặt trên lòng. Porter vẫn nhận ra được vết sẹo mờ ở cổ tay phải của cô bé, nhưng nhìn chung, các bác sĩ phẫu thuật cho cô đã làm rất tốt. Trên cổ tay trái có một vết xăm nhỏ hình số 8, cũng là do Bishop để lại cho cô.

Cô giơ tay phải lên, kéo ống tay áo xuống. "Tay nghề của họ giỏi thật, chú nhỉ?"

"Nếu không biết chuyện thì chú sẽ chẳng nghĩ đấy là sẹo. Bây giờ hầu như không còn nhìn rõ nữa rồi."

"Tháng Năm này cháu sẽ phẫu thuật tiếp. Bác sĩ bảo ông ấy có thể xóa hẳn vết sẹo đó đi, có điều phải để cho vết thương lành đã." Cô nói và xoay cổ tay. "Khả năng cử động cổ tay của cháu tuy chưa hồi phục hoàn toàn nhưng xem ra cũng đang khá dần lên."

Porter vô thức đưa mắt nhìn tai trái của cô, đang ẩn sau mái tóc dài màu nâu hạt dẻ. Anh sững lại, định quay đi nhưng rồi nghĩ làm thế cũng chẳng lừa được ai. "Tai cháu thế nào rồi?"

Cô bé toét miệng cười rõ tươi. "Chú muốn xem không ạ?"

Porter không ngăn được nụ cười trên môi. Anh gật. "Trông có kinh lắm không?"

"Chú nghĩ sao?" Emory vén tóc, để lộ ra cái tai trông hoàn toàn tự nhiên. "Cũng "ảo" đấy chứ?"

Porter rướn người lại gần. Ngoại trừ một vết sẹo nhỏ khá rõ ở gốc tai, nơi các bác sĩ ghép vành tai vào với đầu, còn lại thì anh không thể nhận ra được đây không phải tai thật của cô bé. "Thật kỳ diệu."

Emory kéo tay áo bên phải để chỉ cho anh xem vết sẹo nhỏ bên dưới khuỷu tay. “Họ trồng cái tai ở đây, dùng sụn sườn của cháu. Chỉ mất vài tháng. Cháu phẫu thuật cách đây khoảng sáu tuần. Bác sĩ nói cái tai bị Bishop cắt ra với độ chuẩn xác gần như tuyệt đối, nên họ có thể dễ dàng ghép tai mới vào. Thường thì với những trường hợp khác, tai bị đứt chủ yếu do tai nạn, họ phải cố gắng vá lại chỗ rách nham nhở. Cháu nghĩ chắc cháu gặp may.”

“Chú thì nghĩ cháu là cô gái cực kỳ nghị lực.”

“Chú có biết phần hay ho nhất là gì không?”

“Là gì?”

Cô quay đầu, chìa tai bên kia cho anh xem. “Chú có phát hiện ra điểm khác biệt giữa hai bên không?”

Porter quan sát phải đến một phút rồi mới thấy. “Tai phải có bấm lỗ, tai trái thì không?”

“Đúng vậy.” Cô bé cười tươi. “Trước đây tai trái *có* lỗ, giờ thì không. Cháu định sẽ giữ nguyên như thế.” Cô giơ cổ tay trái, cho anh thấy biểu tượng vô cực được xăm trên đó. “Cháu đã cân nhắc xem có nên giữ nó lại không. Cháu nghĩ, có một điều nho nhỏ để nhắc nhở cháu về chuyện đã qua chưa hẳn đã xấu. Đôi khi, ghi nhớ chuyện không may cũng là cái tốt. Như thế những điều khác xảy ra trong cuộc sống sẽ không còn quá đáng sợ nữa.”

“Cháu quả là cô gái phi thường, đáng để học tập.”

Cô lại thả tóc xuống. “Cảm ơn chú, Thanh tra.”

Hai người im lặng một lúc, nhưng bầu không khí trầm lặng ấy không gượng gạo mà có chút gì đó thoải mái hơn. Porter nhận ra anh đang nhìn ngọn lửa vây quanh đống củi trong lò sưởi, những khúc gỗ dần dần chuyển

sang màu đỏ xen lẫn màu trắng. Tiếng lách tách phát ra mang lại cảm giác thật dễ chịu, thư thái. Cô bé này mồ côi mẹ khi còn nhỏ, giờ lại mất cả cha, vậy mà nụ cười vẫn nở trên môi cô. Porter cũng khao khát được mỉm cười. Anh muốn thế, thật sự muốn thế.

Như thể đọc được ý nghĩ của anh, Emory nghiêng người lại gần. "Ông ấy không thực sự giống một người cha đối với cháu. Cháu hầu như không biết gì về ông ấy cả. Nếu không vì số tiền, vì điều khoản di chúc của mẹ cháu, thì chưa chắc ông ấy đã muốn giữ cháu lại."

"Ông ấy là cha cháu. Chú tin ông ấy có quan tâm đến cháu, chẳng qua không biết cách thể hiện thôi."

"Ông ấy là người độc ác." Cô khẽ nói. "Tuy không phải với cháu nhưng với rất nhiều người khác."

Porter định nói điều gì đó trái ngược, cố gắng dựng lên hình ảnh một con người tốt đẹp hơn, nhưng lại thôi. Cô bé đã lớn rồi. Cô xứng đáng được nghe sự thật. "Điều quan trọng cháu cần nhớ là, ông ấy không giống cháu. Không bao giờ giống cháu."

Đôi mắt cô ngấn lệ, nhưng cô cố ghìm lại. "Báo chí không nói thế. Họ bảo hiện nay tình hình còn tồi tệ hơn bao giờ hết. Tất cả tài sản của ông ấy rơi vào tay một đứa trẻ con, chẳng có ai điều hành công ty. Tháng trước, thanh tra xây dựng đã ra lệnh đóng cửa một tòa cao ốc của ông ấy, và báo chí đổ lỗi cho cháu. Có gần bốn ngàn người mất việc làm."

Porter biết tòa cao ốc đó. Trong quá trình xây dựng, Talbot đã dùng loại bê tông chất lượng kém. Khi thủ đoạn rút ruột công trình bại lộ, ông ta cố gắng tìm cách bù đắp lại thiếu sót (và rất có thể là hối lộ thanh tra), nhưng cuối cùng dự án vẫn bị đình chỉ. Tòa cao ốc tiêu tốn hơn bảy trăm triệu đô la và đã được ấn định ngày tiêu hủy. Porter nghĩ, thà phá luôn bây giờ còn

hơn là đợi đến khi nó hoàn thành rồi một ngày kia đổ sập xuống. “Họ cố tình viết thế để bán được nhiều báo thôi. Sao chuyện đó lại là lỗi của cháu được?”

“Nội bộ Tập đoàn Talbot xảy ra rất nhiều bất đồng.” Emory giải thích. “Trong số lãnh đạo cao cấp có ba người không công nhận di chúc của cha cháu. Họ nói rằng bản di chúc đó là do ông ấy bị ép buộc lập ra, rằng mẹ cháu đã bắt ông ấy để lại tất cả tài sản cho cháu. Bọn họ ai nấy còn đang mải xâu xé hòng trục lợi nên sẽ không đưa ra quyết định then chốt nào, công ty đang tan rã từng ngày. Cháu chưa đủ tuổi nắm quyền điều hành nên Patricia Talbot đứng ra đảm nhận vai trò CEO lâm thời cho tới khi có người điều hành chính thức.” Emory buông tiếng thở dài. “Bà ta đâm đơn kiện cháu ra tòa. Bà ta tuyên bố cha cháu không có quyền để lại toàn bộ tài sản cho cháu, xét về mặt pháp lý, mọi thứ phải thuộc về bà ta. Rồi lại còn rắc rối với Carnegie nữa…”

Porter không còn xa lạ gì với Carnegie, con gái lớn của Talbot. Cô ta là gương mặt quen thuộc với giới báo chí từ trước khi Talbot chết. Tiệc tùng liên miên, vào tù ra khám như cơm bữa, giới ăn chơi ở Chicago này đều biết tiếng, nhưng không phải danh tiếng tốt đẹp gì.

“Lâu nay chị ta toàn bôi nhọ cháu trên mạng xã hội và trong tất cả những cuộc phỏng vấn chị ta tham gia, mọi lúc mọi nơi.” Emory nói. “Chị ta gọi cháu là Đồ Con Hoang Hám Lợi, bài đăng nào cũng kết thúc bằng hashtag đó. Cháu còn chưa gặp chị ta bao giờ, thế mà chị ta hành xử như thể sẵn sàng chọc mù mắt cháu nếu cả hai có lỡ chạm mặt nhau trên phố.”

Nói đến đây, cô bé không kìm được nước mắt, Porter vòng tay ôm lấy cô.

Chừng một phút sau, cô đưa tay quệt mắt. "Cháu ích kỷ quá, nãy giờ toàn nói về bản thân. Tình hình chú dạo này ra sao ạ? Chú vẫn khỏe chứ?" Emory hỏi. "Cháu có nghe nói về hai cô gái mất tích. Trên báo viết hung thủ là 4MK. Họ nói nếu không vì chú thì hai cô gái ấy đã không bị bắt. Tờ *Tribune* thậm chí còn viết chú đã để cho hắn trốn thoát, thật ngớ ngẩn. Cháu là người biết rõ hơn ai hết."

"Vụ này không phải do 4MK làm đâu."

"Không ư?"

"Không." Porter đáp.

Emory lắc đầu xua đi những giọt lệ và cố gượng mỉm cười. "Chú sẽ tìm được họ. Chú đã tìm được cháu mà."

Porter cầu Chúa cho lời cô bé trở thành sự thật.

Đã gần một giờ đồng hồ trôi qua. Đến lúc anh phải đi rồi.

Emory có lẽ cũng hiểu. Cô đứng dậy khỏi xô pha, khi anh đứng lên, cô vòng tay ôm lấy anh và siết chặt. "Cháu không thể nói chuyện với bác sĩ tâm lý. Vậy hay là thỉnh thoảng chú cháu mình tâm sự nhé? Nếu chú sẵn lòng lắng nghe?"

"Chú nghĩ chú cũng muốn vậy lắm."

"Vâng. Cháu cũng thế."

Khi Porter rời khỏi Flair Tower, khoảng trống nơi tim anh dường như đã bé đi phần nào.

CHƯƠNG 22

Lili

Ngày 2 • 12:19 trưa

"Không! Không làm nữa!" Lili thét lên.

Gã đàn ông vẫn nhoài người về phía cô, đôi tay to lớn kéo giật tấm chăn đang quấn quanh người cô. "Chúng ta phải tiếp tục." Hắn nói.

Lili lết trên sàn nhà ẩm ướt, người cô trượt đi, hai chân trơn tuột, cố bám xuống sàn bê tông ướt nhẹp. Cô thấy mình đã lùi về góc chuồng, không thể tiến xa hơn được nữa. "Làm ơn dừng lại đi!" Không còn chỗ nào để trốn.

Gã đàn ông chĩa cái kìm chích điện về phía cô. Hắn nhấn nút, và Lili trông thấy luồng điện xẹt qua giữa hai mấu kim loại, ngửi thấy mùi ozone trong không khí. "Chỉ một giờ thôi, sau đó chúng ta có thể làm lại. Tôi hứa. Tôi hứa mà." Cô cố nói, nhưng toàn thân đang run lên bần bật nên cô chỉ thốt ra những âm tiết rời rạc, không thể nói được tròn vành rõ chữ.

Nếu họ tiếp tục, đây sẽ là lần thử thứ tư… không, thứ năm mới đúng. Mà khoan, có thể mới là lần thứ ba thôi. Cô không biết nữa. Những ý nghĩ trong đầu cô không chịu gắn kết với nhau cho liền mạch; dòng ý thức của cô như đang bị một nút thắt chặn lại, làm cho não bộ không sao hoạt động bình thường được. Những đốm trắng cứ vụt qua trước mắt khiến cô khó mà nhìn thấy những gì diễn ra xung quanh, tưởng như một cơn bão tuyết đang vần vũ trong tầng hầm, bốn bề toàn một màu xám mù mịt.

Hắn vươn ra tóm lấy cô qua làn tuyết, tay trái xòe rộng. “Phải làm ngay, sắp được rồi.”

Tay phải cầm kìm điện đưa lại gần, chỉ cách cô chừng một inch, đầu kìm gần chạm vào cổ cô. Lili không thể chịu nổi cơn đau nếu bị chích điện lần nữa. Cảm giác chẳng khác nào một ngọn lửa thiêu đốt xương tủy cô, ăn dần ăn mòn cơ thể cô từ bên trong. Đau đớn còn hơn cả cái chết.

Giờ cô cũng biết cảm giác chết đi là như thế nào rồi.

Hắn gí sát cái kìm vào mặt cô, đưa lại gần mắt cô và nhấn nút.

“Được rồi!” Cô kêu lên. Đúng hơn là *cố* kêu lên. Chỉ duy nhất âm *đ* bật ra từ trong cổ cô, đâu đó phía sau hàm răng va vào nhau lập cập.

Gã đàn ông rụt tay lại, nhưng chỉ một chút xíu. Tay kia đưa lên gãi vết mổ đã mưng mủ bên dưới chiếc mũ len.

Lili cố đứng dậy, nhưng hai chân không đỡ được cơ thể cô mà khuỵu xuống, mềm oặt.

Hắn thò tay vào trong chuồng, chìa về phía cô. Móng tay bị hắn cắn cụt ngủn, đầu ngón sưng đỏ.

Lili vịn vào tay hắn. Lòng bàn tay hắn vừa lạnh vừa ẩm. Cô không muốn chạm vào hắn, nhưng cô biết lúc này mình không đủ sức tự đứng lên. Và cô nhất định phải đứng. Phải ngoan ngoãn vâng lời, nếu không sẽ chỉ càng thêm đau đớn. Hắn sẽ khiến cô càng thêm đau đớn.

Hắn dẫn cô ra khỏi chuồng, Lili dựa hẳn vào hắn để có thể đứng vững.

Khi tới chỗ bồn nước, cô ngước lên nhìn hắn. Cô nhìn sâu vào cặp mắt mờ đục, vô hồn ấy. “Ba mươi phút, làm ơn. Cho tôi nghỉ thêm một lúc thôi.”

“Chúng ta đã gần chạm đích rồi.”

Lili nhìn hắn chằm chằm hồi lâu, từng giây đằng đẵng trôi qua ngỡ như hàng giờ. Cuối cùng, cô gật đầu. Lili buông bàn tay đặt trên cổ đang nắm giữ tấm chăn, và tấm vải rách nát rơi xuống sàn dưới chân cô. Vừa rồi, khi xong việc cô còn không kịp mặc quần áo. Lúc đó hắn nói họ sẽ thử lại sau vài phút nữa. Thế nên cô chỉ co ro quấn lấy cái chăn, cái chăn xanh mềm mại, cái chăn *của cô.* Cô quấn chăn nằm co quắp trong chuồng và chờ đợi. Cô thấy bộ quần áo hắn đưa - quần áo của con gái hắn, hắn nói với cô như thế - được gấp gọn để ở trong chuồng, ngay sau cánh cửa. Hắn đã cất chúng đi sau khi cô cởi ra và bỏ lại trên sàn cạnh bồn nước.

Lili đã tưởng trong nhà chỉ có cô và hắn. Lần cuối cùng Lili hét gọi con gái hắn cách đây chừng một giờ, không có ai đáp lại cô cả. Cô hình dung ra cô gái cùng trang lứa đang ngồi một mình trong phòng ngủ chật chội ở tầng trên, hai tay bịt chặt lấy tai, không muốn đối mặt với những điều bố mình đang làm dưới tầng hầm. Tại sao cô ta có thể ngoảnh mặt làm ngơ? Tại sao con người ta lại có thể làm như thế? Đầu tiên Lili không muốn tin rằng cô gái ấy biết rõ mọi chuyện đang xảy ra, nhưng rồi cô nhận ra cô ta nhất định phải biết; nhà này đâu có rộng rãi gì cho cam. Nhà Lili ở còn lớn hơn nhiều, nếu đổi lại là cô, chắc chắn cô sẽ nghe thấy tiếng la hét dưới tầng hầm. Còn cô ta, con gái của gã đàn ông kia, cô ta biết hết mà lại chỉ khoanh tay đứng nhìn.

"Trèo vào đi." Hắn nói.

Lili nhìn xuống nước. Cô biết nước rất ấm, ấm hơn không khí trong tầng hầm, một cảm giác rất thoải mái, dễ chịu, nhưng nó khiến cô khiếp sợ hơn hết thảy mọi thứ trên đời - hơn cả cơn giận của bố mẹ cô, hơn cả cảm giác đau đớn khi bị thương nặng, hơn cả gã đàn ông đang đứng bên cạnh cô đây.

Nước chính là cái chết.

“Vào ngay đi.” Hắn giục.

Lili hít một hơi dài, nhưng điều đó chẳng mấy hữu ích trong việc xoa dịu những cơn run rẩy đang lan ra khắp cơ thể cô, hay cảm giác yếu đuối bắt nguồn từ sâu thẳm bên trong và dần dần xâm chiếm lấy cô. Cô hít một hơi thật sâu, bám tay lên mép cái tủ đông lạnh lớn rồi trèo vào. Sau đó, cô ngồi xuống và duỗi người ra, gã đàn ông đỡ lấy đầu Lili để cô nhô lên trên mặt nước đang ngấp nghé ngang vai. Khi tai cô chìm xuống, mọi âm thanh trong tầng hầm đều tan biến, cô chỉ còn nghe thấy tiếng thở của mình, tiếng trái tim đang đập thình thịch trong lồng ngực, thậm chí là cả tiếng mí mắt nhắm vào rồi lại mở ra.

Hắn kéo cô lên một chút để tai cô nhô khỏi mặt nước. “Lần này phải nhớ lấy.” Hắn nói. “Phải ghi nhớ tất cả.”

“Tôi biết rồi.” Lili đáp.

Gã đàn ông ấn vai cô, dìm cơ thể yếu ớt xuống sàn bồn. Lần này Lili không cố chống cự, thậm chí không lấy hơi lần cuối. Thay vì vậy, cô hít nước vào. Cô cố chịu đựng cảm giác đau buốt khi chất lỏng tràn vào hai lá phổi, cố cưỡng lại cơn ho đang kéo đến, và hít thêm nước. Cứ thế, cứ thế, cho tới khi hình bóng lấp loáng của gã đàn ông trên kia nhạt dần, cho tới khi mọi thứ trước mắt biến thành một màu đen, cho tới khi cơn đau lùi xa, trong lúc đó cô thầm dặn lòng phải ghi nhớ tất cả.

Lần này, Lili không tỉnh lại nữa.

CHƯƠNG 23

Nash

Ngày 2 • 12:20 trưa

“Ông nghĩ mà xem, tôi sao có thể phát huy tài nghệ của mình ở một nơi thơm nức mùi cà phê rang xay mới ra lò nếu không được trang bị một ly caramel macchiato venti*, đúng không?” Kloz vừa nói vừa ngồi xuống bàn của nhân viên quản lý tại phòng làm việc nằm ở sâu bên trong cửa hàng Starbucks trên đại lộ Kedzie.

Căn phòng hết sức bừa bộn, diện tích chỉ nhỉnh hơn chín mét vuông, bàn bị đẩy sát vào bức tường đằng xa, những hộp đồ chẳng ra đâu vào đâu nằm la liệt trên sàn, không chừa lại chỗ nào. Kloz ngồi sau bàn, Nash đứng bên phải anh ta, vậy là người quản lý chỉ còn nước đứng ngoài hành lang.

“Vậy còn anh? Anh muốn uống gì không?” Người quản lý hỏi Nash. Ông ta có mái tóc nâu thưa thớt, đeo kính, vóc người bẩm sinh không phù hợp với việc phải mang thêm mười ba cân thịt. Ông ta liên tục đổi chân trụ, hai tay chẳng chịu yên. Nash không thể không tự hỏi, lẽ nào phải ngửi mùi cà phê suốt mười tiếng đồng hồ mỗi ngày đã khiến người ta ra nông nỗi ấy. “Vậy cho tôi cà phê đen thường, cỡ lớn nhé?”

“Loại nào? Chúng tôi có blond, dark, decaf* Pike Place, Caffé Misto, Clover…”

“Cà phê đen thường, cỡ lớn.” Nash nhắc lại.

Hai vai ông ta chùng xuống. “Để tôi xem.”

Nash nhìn theo ông ta đi xa dần trên hành lang để ra cửa hàng, sau đó anh quay sang Kloz. “Thế nào?”

Kloz đang mở ba cửa sổ trên màn hình máy tính. Anh ta nheo mắt đọc chữ ở cửa sổ thứ ba. “Con máy này cổ rồi, ít nhất cũng phải năm năm tuổi. Ổ cứng có dung lượng chỉ tầm nửa gig, thế mà lại đặt chế độ camera HD 1080p.”

“Đừng bắt tôi phải động thủ. Dùng ngôn ngữ toàn dân xem nào.”

Kloz đảo tròn mắt. “Camera ghi lại hình ảnh có độ sắc nét cao nên sẽ tốn rất nhiều không gian lưu trữ. Trong khi đó, dung lượng lưu trữ của máy tính này lại ít. Khi ổ cứng sắp đầy, chương trình sẽ tự động ghi đè lên dữ liệu cũ nhất.”

“Băng ghi hình cũ nhất anh có thể tìm được là từ hôm nào?”

Kloz phóng to một cửa sổ và chăm chú đọc. “Tình hình không đến nỗi tệ như Sophie nói. Tôi có thể khôi phục được toàn bộ băng ghi hình trong vòng hai ngày rưỡi trở lại đây. Đầy đủ từ đầu đến cuối, không mất đoạn nào. Khi máy tính ghi đè dữ liệu, chúng không ghi tuần tự theo ngày như chúng ta vẫn làm, mà ghi theo byte. Điều đó có nghĩa, khi những video cũ bị ghi đè, nhiều phân mảnh của video đầy đủ vẫn còn lưu lại trong ổ cứng.”

Nash rướn người lại gần. “Tức là anh có thể khôi phục một số hình ảnh rời rạc của video được ghi lại cách đây hơn hai ngày rưỡi, chứ không lấy được toàn bộ?”

Kloz toét miệng cười. “Giờ thì anh bắt đầu hiểu rồi đây.”

“Vậy có gặp may trong vụ cô bé mất tích không?”

“Tôi nghĩ chúng ta đến quá muộn rồi. Tôi đang cho chạy một chương trình để ghép những mảnh rời rạc đó lại, nhưng đến giờ, hình ảnh cũ nhất

mà chúng ta tìm thấy được ghi lại cách đây chưa đầy hai tuần.”

“Trong khi cô bé mất tích cách đây ba tuần.”

“Phải.”

Người quản lý quay lại với hai chiếc ly lớn trên tay và đưa cho hai vị thanh tra. Nash đưa ly lên ngửi rồi nhấp thử. “Đây là cà phê à?”

“Anh yêu cầu thế mà, đúng không?” Người quản lý hỏi.

Nash gật. “Vâng. Chỉ là tôi tưởng ông sẽ quay lại với ly đồ uống nhẹ hều nào đó.”

Kloz hớp đánh soạp một cái. Uống xong, lớp kem trắng dính đầy trên môi anh ta. “Tôi luôn thích đồ uống nhẹ. Ly này là cả bầu trời mỹ vị thu bé lại bằng ba trăm calo.”

“Có đùa không vậy?” Nash nhíu mày. “Những ba trăm cơ á?”

Người quản lý nhún vai. “Nó là ly venti, dung tích sáu trăm mililít, mỗi ba trăm mililít chứa một trăm năm mươi calo, nên là đúng thế. Ba trăm đấy.”

Nash đặt ly của mình xuống rồi nhìn chòng chọc. “Của tôi thì bao nhiêu?”

“Không có calo nào, trừ phi cho thêm đường. Ly này chỉ là cà phê đen thôi.”

Kloz làm thêm ngụm nữa. “Đừng kỳ thị tôi.”

Người quản lý liếc nhìn màn hình máy tính. “Có tiến triển gì không?”

“Cái máy này lởm quá.”

Ông ta gật đầu. “Lần trước có thanh tra cảnh sát đến đây tôi cũng bảo thế. Công ty sẽ không cho nâng cấp máy đâu, trừ khi hỏng hẳn. Mà tin tôi

đi, tôi đã phá thử rồi nhưng con máy này "trâu bò" lắm. Người ta không mấy quan tâm đến việc lưu trữ dài hạn. Trong trường hợp xảy ra cướp thì công ty cũng muốn ghi lại sự việc, nhưng nhìn chung, chẳng có lý do gì để lưu giữ băng ghi hình quá một, hai ngày cả."

Điện thoại di động của người quản lý kêu "ting" một tiếng, ông ta thò tay vào túi lấy máy ra đọc tin nhắn, sau đó lại cất chiếc điện thoại Samsung siêu bự đi.

Kloz nhìn ông ta chăm chăm. "Cửa hàng có Wi-Fi chứ?"

"Tất nhiên."

"Chuẩn gì?"

"A, B, G, N, AC, với băng tần 2,4GHz và 5GHz." Ông ta đáp.

"Toàn loại tốt nhất đúng không? Chắc là để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng."

Ông ta gật. "Cái đó thì *đúng là* công ty luôn xài đồ xịn. Những khách hàng chịu chi nhất thường cắm rễ ở đây đến hàng tiếng."

"Anh định làm gì thế?" Nash hỏi.

Kloz đứng dậy và bắt đầu lần theo bó dây cáp, đặc biệt chú ý đến sợi dây to bản màu xanh dương. Anh ta đi theo sợi cáp chạy phía sau ba thùng đựng ly chất ở góc phòng. Đằng sau chúng là mấy dãy kệ. Kloz kéo các hộp đồ sang một bên, để lộ ra một mớ thiết bị có đèn nhấp nháy, toàn những thứ Nash mù tịt. Anh ta dừng lại ở một thiết bị có dạng hộp màu đen, bên trên thò ra hai cái ăng-ten. Kloz lật nó lại.

"Đây là router* Wi-Fi và access point* của cửa hàng. Hãng Ruckus ZoneFlex, hiện đại nhất luôn. Anh có thấy những người cắm mặt vào laptop và điện thoại ở ngoài kia không? Bọn họ kết nối Internet thông qua thiết bị

này.” Kloz nói với Nash. Anh ta mở chiếc MacBook của mình ra. “Thấy không? Tôi từng vào mạng Wi-Fi của Starbucks rồi, nên máy tính của tôi tự động kết nối. Giờ tôi đang truy cập cùng một mạng với những người ngoài kia.” Anh ta chỉ vào một biểu tượng ở góc màn hình, gần chỗ đồng hồ.

“Cái đó thì giúp được gì cho chúng ta?” Nash hỏi.

Kloz gõ bàn phím. Một cửa sổ mới mở ra, dữ liệu bắt đầu chạy vèo vèo, nhanh đến mức Nash không kịp đọc. “Đây là lượng truy cập qua router theo thời gian thực.” Anh ta quay sang nói với người quản lý. “Ông không nên ghi tên truy cập và mật khẩu vào mảnh giấy rồi dán lên router như thế. Nó sẽ là nơi đầu tiên tin tặc tìm đến nếu chúng có cơ hội xâm nhập.”

Ông ta giơ cả hai tay lên. “Đấy là yêu cầu của công ty chứ tôi không động vào.”

Kloz quay lại với chiếc MacBook. “Tôi có thể thấy mọi e-mail, trang web, tranh ảnh, bài hát đang được những người ngoài kia truy cập, ngay tại đây, ngay bây giờ, bằng cách xem file nhật trình này.”

“Tôi vẫn chưa hiểu nó giúp gì được cho chúng ta.” Nash nói.

Kloz mỉm cười. “Nếu tôi là một em nữ chính nóng bỏng và anh là Tom Cruise, thì đến đoạn này anh sẽ muốn cưỡng hôn tôi đây.”

“Tôi thèm vào hôn anh, Kloz.”

“Cũng đừng hòng tôi cho phép anh.”

“Tất cả những điều này nghĩa là sao?”

Kloz giơ ngón trỏ ra hiệu yên lặng rồi lại bắt đầu gõ bàn phím. Nash quan sát anh ta cắt vài dữ liệu trong một e-mail rồi dán vào chương trình đang chạy. Sau đó anh ta vỗ tay và toét miệng cười. “Chúng ta không thể xem băng ghi hình có Ella Reynolds vì đoạn băng đó đã bị xóa từ lâu,

nhưng ta có thể biết được mọi việc cô bé đã làm trong lúc ngồi đây, bắt đầu từ cách đây hơn một năm và kết thúc vào ngày 21 tháng Một vừa qua. Trên cả điện thoại và máy tính của cô bé."

Nash ngẫm nghĩ giây lát. "Ngày 21 sao? Một ngày trước khi cô bé được trình báo mất tích. Như vậy nghĩa là cô bé không tới đây vào hôm cô bé biến mất. Điều đó giúp thu hẹp khoảng thời gian xảy ra sự việc một chút. Anh còn tìm được gì nữa?"

Kloz không chú ý đến anh. Anh ta lại gõ bàn phím thoăn thoắt, không nói năng gì đến gần ba phút, sau đó mới bảo: "Đám choai choai luôn đi trước các bậc phụ huynh một bước."

"Ý anh là sao?"

Kloz đang mở hai cửa sổ trên màn hình máy tính. Anh ta nhấp chuột vào cửa sổ phía bên trái. "Ô này đại diện cho toàn bộ dữ liệu chúng tôi lấy được từ máy tính và các tài khoản online của Ella. Điện thoại biến mất cùng với cô bé, nhưng chúng ta vẫn còn chiếc laptop. Phần lịch sử duyệt web của cô bé gần như trống trơn. Như vậy hoặc là cô bé dùng trình duyệt bảo mật, hoặc là đã mã hóa truy cập của mình. Tụi nhóc hầu hết đều rành trò này, chúng không muốn bị bố mẹ nhòm ngó. Vì thế, tôi đã lấy địa chỉ Mac của Ella - nó là một mã định danh độc nhất vô nhị được gán cho máy tính của cô bé - và cho chạy qua router của Starbucks. Chính là cửa sổ này." Anh ta nhấp chuột vào ô bên phải. "Router ghi lại toàn bộ hoạt động của cô bé, bất kể có được mã hóa hay không. Khi so sánh hai cửa sổ và lọc các thông tin trong đó, tôi có thể biết được cô bé đã xem gì trong lúc dùng chức năng mã hóa. Về cơ bản là tất cả những thứ cô bé không muốn bị bố mẹ phát hiện."

"Phim con heo à?" Người quản lý hỏi. Nash quên mất là ông ta vẫn còn đứng đây.

“Đáng tiếc là không phải.” Kloz nói. Anh ta mở một cửa sổ khác rồi xoay máy lại cho Nash xem.

Nash chắt lưỡi. “Hừm. Không ngờ lại là như thế.”

CHƯƠNG 24

Clair

Ngày 2 • 12:46 trưa

"Đây rồi, số 3306." Sophie nói và chỉ tay ra ngoài cửa sổ về phía mái che màu xanh dương pha trắng nhô ra bên trên vách kính lớn ở mặt tiền cửa hàng. Dòng chữ PHÒNG TRANH LEIGH được in bằng chữ hoa to tướng.

Clair khéo léo đỗ chiếc ô tô Honda vào chỗ trống trước mặt, sau đó hai người băng qua con phố chìm trong giá rét, bước đi thận trọng để khỏi trượt ngã trên vỉa hè phủ đầy băng tuyết.

Chiếc chuông bé xíu kêu leng keng khi họ đẩy cửa bước vào, một người phụ nữ đeo kính có mái tóc vàng dài ngang vai ngẩng lên từ chỗ chiếc bàn kê phía cuối cửa hàng. "Xin chào." Cô ta mỉm cười. "Nếu các cô có điều cần hỏi hoặc cần tôi giúp gì thì xin cứ nói."

Clair đưa mắt nhìn quanh cửa hàng. Cô chưa từng thấy nơi nào hội tụ nhiều màu sắc như ở đây. Bốn bức tường toàn tranh là tranh, phủ kín từ sàn lên đến tận trần, những bức họa trên nền vải toan đủ mọi kích cỡ từ vài inch cho tới mét rưỡi treo la liệt khắp nơi, không chừa một chỗ trống. Các tác phẩm vô cùng đa dạng về thể loại, từ tranh trừu tượng đến tranh phong cảnh, được soi sáng nhờ những dàn đèn rọi sắp đặt có chủ ý trên trần. Hai bên trái phải kê hai dãy bàn ngồn ngang nào tượng, nào bình trang trí và cả những bức tượng nhỏ. Clair không nhìn ra nổi cửa hàng này bài trí theo phong cách gì. Trông thì quá ư hỗn độn, vậy mà vẫn hết sức tuyệt vời. Nếu

không phải giải quyết công việc thì cô có thể loanh quanh ở đây hàng giờ không chán.

Sophie cầm lên một bức tượng nhỏ bày trên bàn bên phải. “Tôi thích chim cánh cụt lắm, nhìn cưng hết sức.”

Người phụ nữ đứng dậy khỏi bàn, gác kính lên tóc rồi tiến lại chỗ họ. “Đây là các tác phẩm của một nghệ sĩ địa phương tên là Tess Marchum. Mỗi bức tượng đều được làm thủ công. Tôi rất thích cái cách chúng đứng gác trên bàn, để mắt canh chừng cho mọi thứ xung quanh. Cô ấy còn làm cả tượng hươu cao cổ và ngựa vằn nữa. Thật là một nghệ sĩ tài hoa.”

Clair thầm nhủ cô nhất định sẽ quay lại cửa hàng này khi có thời gian. Cô nói với người phụ nữ: “Cô là Edwins phải không?”

“Vâng. Xin cứ gọi tôi là Collette.”

Sophie đặt bức tượng chim cánh cụt xuống bàn và vỗ nhẹ lên đầu nó. “Tôi là Sophie Rodriguez, thuộc Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích, còn đây là Thanh tra Clair Norton của Sở Cảnh sát Chicago. Chúng tôi muốn hỏi cô đôi điều về Lili Davies.”

Nụ cười vụt tắt trên gương mặt người phụ nữ. “Các cô đã tìm được cô bé chưa? Cô bé có ổn không?”

“Hiện tại thì chưa, nhưng chúng tôi đã cử rất nhiều người đi tìm.” Clair nói. “Cô gặp Lili lần cuối là khi nào?”

“Tối hôm kia, cô bé đóng cửa hàng giúp tôi. Tối qua cô bé cũng có ca làm nhưng không thấy tới. Đến khoảng năm giờ chiều thì tôi bắt đầu lo lắng thật sự. Như vậy không giống cô bé chút nào. Cô bé chưa bao giờ trốn làm, nếu có đến muộn dù chỉ vài phút thì cũng luôn gọi điện hoặc nhắn tin xin phép.”

“Mấy giờ cô bé phải có mặt?”

“Cô bé làm ca từ bốn giờ chiều đến khi đóng cửa và sau đó khóa cửa hàng.” Collette đáp.

“Tối hôm kia, lúc cô bé đến làm, cô thấy cô bé có biểu hiện bất thường nào không?” Clair hỏi.

Người quản lý lắc đầu. “Không hề. Cô bé đến sớm vài phút và vẫn sôi nổi như mọi ngày. Lúc nào cũng tươi cười niềm nở. Khách hàng thích cô bé lắm.” Cô ta ngần ngừ giây lát rồi hạ giọng nói. “Tôi đã xem số báo ra sáng nay. Có đúng là tên sát nhân Bốn Con Khỉ đã bắt cô bé không?”

Clair lắc đầu. “Không phải đâu.” Nói thì nói vậy nhưng chính cô cũng không hoàn toàn chắc chắn. Sau những chuyện xảy ra cách đây vài tháng, ai nấy đều có cảm giác dường như Bishop đã xong việc rồi. Mục tiêu tối thượng của hắn là Arthur Talbot, và hắn đã giết được ông ta. Hắn không còn lý do gì để tiếp tục. Nhưng lũ sát nhân hiếm khi nào tự nguyện dừng giết chóc. Nếu thời gian vừa qua Bishop chỉ tạm lui về ở ẩn thì hẳn là hắn ngứa ngáy muốn tái xuất lắm, và cho dù hai vụ gần đây có thủ pháp gây án không giống với thủ pháp đặc trưng của hắn, cảm giác vẫn như có bàn tay hắn nhúng vào. Clair hình dung ra khuôn mặt Bishop với nụ cười trên môi, và cô cố gạt hình ảnh ấy khỏi tâm trí.

“Nhưng đúng là có người đã bắt cóc cô bé?” Collette hỏi.

“Vâng, chúng tôi nghĩ vậy.” Clair nói.

“Cô có thấy người lạ nào xuất hiện ở phòng tranh trong vòng mấy tuần trở lại đây không? Có thể là một người cô chưa gặp bao giờ, hoặc ai đó có vẻ đặc biệt để ý đến Lili thay vì những tác phẩm nghệ thuật?” Sophie hỏi.

Người phụ nữ nhay nhẹ phần má trong. “Khách hàng ở đây chủ yếu là khách quen. Tuy nhiên, tháng nào chúng tôi cũng tổ chức một số sự kiện và thu hút thêm vài gương mặt mới. Còn những ngày thường, như hôm nay chẳng hạn, lượng khách ghé vào xem cũng không ít, có những người tôi không quen, nhưng dạo gần đây thì tôi không thấy ai đáng chú ý cả. Thường ngày, Lili đến làm lúc bốn giờ, tôi ra về lúc năm giờ, thế nên thời gian làm việc chung của chúng tôi không nhiều. Rất có thể người đó ghé qua lúc tôi đã về. Lili xinh xắn như vậy thì thiếu gì anh chàng theo đuổi, biết đâu họ tìm đến đây sau khi tôi đi. Đã hơn một lần tôi bắt gặp vài người bạn của cô bé loanh quanh trong cửa hàng, nhưng họ chưa từng gây rắc rối gì. Tôi thì tôi không thấy phiền, miễn là họ không làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh. Nhiều lúc nơi này yên tĩnh lắm, cả cửa hàng chỉ có mỗi mình mình.”

Clair ngước nhìn trần. “Ở đây có camera giám sát không?”

Collette lắc đầu. “Không. Khu này an ninh trật tự tốt, hơn nữa chúng tôi cũng không giao dịch bằng tiền mặt, vì thế tôi cảm thấy không cần thiết phải lắp camera.”

“Vừa rồi cô có nhắc đến những sự kiện được tổ chức tại đây. Lượng khách tham dự có đông không?” Clair hỏi.

“Đông chứ, mỗi lần chúng tôi mở triển lãm tác phẩm của một nghệ sĩ trong vùng, có đến vài trăm người tham dự. Không chỉ là khách quen mà họ còn rủ thêm bạn bè và những người hâm mộ đi cùng. Đồ ăn thức uống cũng được chuẩn bị để khách dùng. Chúng tôi cố gắng tổ chức thường xuyên nhất có thể.” Cô ta đáp.

Clair nói với Sophie: “Nếu tôi định theo dõi một thiếu nữ và muốn tiếp cận cô ấy, có lẽ đó là lúc thích hợp nhất nhỉ? Vừa đông đúc, lại nhiều người

lạ. Ít có nguy cơ bị chú ý so với đi một mình.” Cô lại quay sang phía Edwins. “Liệu cô có giữ bản ghi thông tin người tham dự những sự kiện đó không?”

Collette gật đầu. “Có. Chúng tôi thu thập họ tên, địa chỉ và e-mail của khách để thêm vào danh sách liên hệ. Chúng tôi cũng gửi bản sao danh sách này cho nghệ sĩ mở triển lãm.”

“Có thể cho chúng tôi một bản không?” Clair hỏi.

Nghe thấy thế, Collette ngần ngừ, sau đó miễn cưỡng gật đầu. “Nếu việc này giúp được Lili thì tôi sẵn lòng. Xin chờ một lát.”

Clair nhìn theo người phụ nữ đi vào bên trong cửa hàng rồi mất hút trên hành lang phía sau bàn làm việc. Cô nói với Sophie: “Nếu hung thủ mà có tham dự, chắc gì hắn cung cấp tên hoặc thông tin thật.”

“Thế thì danh sách đó có tác dụng gì?”

“Chúng ta sẽ kiểm tra và lọc ra những tên giả, không khớp với địa chỉ được cung cấp, loại trừ những địa chỉ e-mail không tồn tại… hy vọng bằng cách đó chúng ta có thể thu hẹp phạm vi xuống còn vài cái tên. Sau đó ta sẽ…”

Một tiếng hét vang lên từ sâu bên trong cửa hàng.

Clair rút khẩu Glock ra khỏi bao đeo vai và chạy tới nơi phát ra tiếng thét, Sophie theo sau. Họ vòng qua bàn, đi theo hành lang hẹp, lướt qua phòng tắm tối om và đặt chân vào một kho chứa đồ chật chội. Collette Edwins đứng ngay sau ngưỡng cửa, một tay vẫn còn đặt trên công tắc đèn, tay kia đưa lên che miệng. Cô ta nhìn chằm chằm vào một điểm ở chính giữa kho.

Clair nhìn về phía ánh mắt cô ta đang hướng tới, siết chặt khẩu súng trong tay.

Cái xác không hồn của Lili Davies treo lơ lửng bất động trên một cái kệ bằng kim loại, đôi mắt đờ đẫn, trống rỗng, miệng hé mở. Một sợi dây điện màu đen thít lấy cổ cô bé, da thịt quanh đó tím bầm. Trông cô trắng bệch đến ghê người.

Clair kiểm tra xung quanh một lượt, sau đó cất súng vào bao và bước tới bên cô bé, áp ngón tay lên cổ để tìm mạch. Không thấy gì. Người cô bé lạnh ngắt. Sợi dây siết cổ được buộc vào giá đỡ kệ để treo cô bé lên.

"Cô bé tự tử ư?" Collette nghẹn ngào hỏi.

"Không." Clair nói. "Cô bé đã chết trước khi bị đưa tới đây."

"Còn ai khác được phép vào trong này?" Sophie hỏi.

Collette run lẩy bẩy. "Tôi… tôi mới vào cách đây chưa đầy hai giờ. Tôi cần lấy vài bức tượng nhỏ để mang ra bày ngoài cửa hàng. Lúc đó cô bé không ở đây. Không ai ở đây. Cả buổi sáng chỉ có mình tôi thôi."

"Cánh cửa kia thì sao?" Clair hỏi. Có một cửa ra vào bằng thép ở góc phía xa trong kho.

"Cửa đó luôn khóa. Chỉ mở khi nhập hàng."

Clair lấy từ trong túi ra đôi găng cao su, đeo vào rồi vặn tay nắm cửa. Đã bị khóa, cả khóa cóc bên trên cũng vậy. "Mọi người ra ngoài đi." Cô nói.

CHƯƠNG 25

Poole

Ngày 2 • 1:03 chiều

Đặc vụ Frank Poole ngồi xuống bên cái bàn kim loại gỉ sét được cấp phát trong phòng làm việc ở tầng hầm Sở Cảnh sát Chicago. Mấy hộp đựng tài liệu thu thập được từ nhà của Thanh tra Porter nằm trên cái bàn cạnh đó. Đặc vụ Toàn quyền Hurless và Đặc vụ Diener đã quay lại văn phòng chi nhánh của FBI trên đường Roosevelt để xem qua các vụ khác sau khi ăn vội bữa trưa ở một quán nhỏ trên đại lộ Wabash. Poole quyết định về đây. Anh cứ nghĩ Hurless sẽ phản đối, nhưng không, vị sếp chỉ giúp anh chuyển đống hộp lên xe rồi dặn anh và hai kỹ thuật viên mang tất cả đồ đạc tới thẳng đây.

Poole đóng cửa ra vào rồi tắt mấy bóng đèn huỳnh quang trên trần, khiến căn phòng chìm trong bóng tối, chỉ để lại ngọn đèn nhỏ trên bàn làm việc.

Anh mở hồ sơ vụ Barbara McInley ra xem. Anh thích làm việc theo cách này, trong bóng tối, không gì gây mất tập trung. Không ồn ào, không người qua kẻ lại tấp nập chốn văn phòng, không một tiếng nói cất lên ngoại trừ tiếng nói của chứng cứ.

Barbara McInley. Mười bảy tuổi. Nạn nhân thứ năm của sát nhân Bốn Con Khỉ. Bị Bishop bắt vì chị gái cô đâm xe làm một người đi bộ thiệt mạng vào ngày 14 tháng Ba năm 2007. Anh lật mặt trong bìa hồ sơ, nơi ghim ảnh của Barbara McInley. Xinh đẹp. Tóc vàng.

Anh ngước lên nhìn tấm bảng trắng kê ở góc phòng, căng mắt ra quan sát ảnh các nạn nhân của Bishop. Tất cả đều có tóc màu nâu, trừ Barbara. Anh mải mê nhìn những bức ảnh đến quên cả thời gian, khi xem đồng hồ đeo tay mới biết đã gần mười phút trôi qua. Anh với lấy điện thoại và quay số máy đã cài đặt ngay từ khi bắt đầu cuộc điều tra nhưng chưa có cơ hội liên lạc.

Sau ba hồi chuông kêu, một giọng nói trầm khàn mới cất lên ở đầu dây bên kia. "A lô?"

Poole đằng hắng. "Thanh tra Porter phải không?"

"Phải."

"Tôi là Đặc vụ Frank Poole."

Im lặng, sau đó: "Ừ."

Poole nói tiếp: "Chúng tôi đến đây, điều tra vụ này, là do được yêu cầu. Điều đó chắc anh cũng hiểu, đúng không? Chúng tôi không có quyền tiếp quản một cuộc điều tra nếu như không được nhờ cậy."

"Ai nhờ các anh?"

Poole lùa tay qua mái tóc. "Nếu họ muốn anh biết thì họ đã nói rồi. E rằng tôi không được phép thảo luận về chuyện đó."

"Anh chủ động gọi cho tôi cơ mà." Porter nói. "Vậy chứ anh muốn thảo luận về chuyện gì?"

"Nếu được quyền lựa chọn, tôi sẽ không tự ý can thiệp theo kiểu này. Bản thân tôi không thích người lạ chen vào cuộc điều tra của mình, và tôi cũng không muốn tham gia vào những việc như thế."

"Vậy mà anh vẫn phải làm."

"Tôi vẫn phải làm." Poole thừa nhận.

"Có người cảm thấy tôi đã khiến mọi chuyện hỏng bét nên mới mời các anh vào cuộc để cứu vãn thể diện. Việc các anh ở đây không phải do lỗi của các anh, mọi người chỉ đang làm nhiệm vụ của mình thôi, đúng không?"

"Họ nói anh đã để cho hắn trốn thoát, và rằng hai người quá thân thiết."

"Anh cứ việc tin những gì anh muốn. Giờ cuộc điều tra này là của anh rồi." Porter nói.

Poole đứng dậy, khiến cái ghế ré lên phản đối, sau đó anh bước tới đứng trước chiếc bảng trắng, đứng trước ảnh của các cô gái. "Thực tình mà nói, tôi không quan tâm đến trò ganh đua nhảm nhí của mấy ông lớn trong vụ này. Tôi có cảm giác anh cũng thế. Tôi nghĩ cả anh và tôi đều theo đuổi một mục tiêu duy nhất. Chúng ta chỉ muốn hạ được tên súc sinh đó."

Porter không nói gì.

Poole tiếp tục. "Sếp tôi và Diener đang hy vọng kiếm chút tiếng tăm nhờ vụ này. Tôi nghĩ đó là mục tiêu của họ."

"Còn anh không có mục tiêu gì sao?"

"Tôi không muốn tên này hại thêm người nào nữa." Poole đáp.

Hai người đàn ông không ai nói gì một lúc lâu. Porter chủ động phá vỡ sự im lặng. "Vì sao anh lại gọi cho tôi, Đặc vụ Poole?"

"Frank." Anh nói. "Cứ gọi tôi là Frank."

"Vì sao anh lại gọi cho tôi, Frank?"

Poole quay lại chỗ bàn làm việc và tập hồ sơ. "Barbara McInley. Tôi có cảm giác lúc nãy anh vẫn còn giấu giếm điều gì đó."

"Tôi đã nói với anh và sếp anh rồi, tôi chưa kịp xem hồ sơ vụ McInley."

"Nhưng linh tính mách bảo anh rằng trong đó có chi tiết đáng ngờ?"

Một lần nữa Porter lặng thinh.

Poole tiếp tục. "Linh tính của tôi bảo tôi hãy tin vào linh tính của anh."

Poole không thấy đầu dây bên kia nói gì. Anh cũng im lặng, chờ đối phương lên tiếng.

Cuối cùng, Porter thở dài. "Tôi bị gọi đi làm để tiếp tục điều tra khi mới nghỉ phép được vài tuần do vợ tôi bị sát hại. Nash nhận được tin báo tìm thấy thi thể của kẻ mà chúng tôi nghĩ là tên sát nhân Bốn Con Khỉ. Mọi chuyện xảy ra quá nhanh. Chúng tôi đưa Bishop từ Đội Khám nghiệm Hiện trường sang tổ điều tra vì thấy hắn tư duy có vẻ sắc bén. Chúng tôi không truy tìm kẻ giết người nữa. Ai cũng tưởng hắn đã chết rồi. Mọi người chỉ tập trung tìm Emory. Chúng tôi trở lại phòng tác chiến, các cá nhân chủ chốt trong tổ chuyên án 4MK đều có mặt, ngoài ra còn có thêm lính mới là Bishop. Chúng tôi xem xét toàn bộ chứng cứ. Đôi lúc việc lượt lại từ đầu đến cuối giúp tôi nhìn nhận mọi thứ được sáng suốt, đôi lúc một ý tưởng mới mẻ nào đó chợt lóe lên, một chi tiết bất ngờ đập vào mắt. Nói tóm lại, chúng tôi xem xét chứng cứ vừa là để giúp Bishop nắm được, vừa là để mọi người trong tổ ôn lại thông tin."

Poole gật đầu. "Anh muốn xem xét các manh mối ở một góc độ khác, không còn phải truy tìm kẻ đã để lại những manh mối ấy nữa, mà muốn dựa vào đó để tìm hiểu xem hắn là ai và có thể giam giữ Emory ở đâu."

"Phải. Khi thay đổi góc nhìn, đôi lúc anh sẽ phát hiện được điều gì đó hoàn toàn bất ngờ. Một chi tiết trước đây anh không nhìn ra. Tại thời điểm ấy, vụ án chủ yếu xoay quanh việc truy tìm cô bé mất tích." Porter nói. "Trong lúc xem xét chứng cứ, Bishop có đưa ra một vài ý kiến cá nhân. Và

thề có Chúa, ngay cả khi nghĩ lại tôi vẫn không nhận ra thằng khốn đó chỉ đang vờ như tất cả đều mới mẻ đối với hắn. Hắn nhìn chằm chằm lên bảng không những với vẻ mặt nghiêm túc, mà tôi còn có thể hình dung ra cả những tính toán trong đầu hắn, hình dung hắn đang suy đoán dựa trên những chứng cứ thu được, xâu chuỗi các tình tiết, chắp nối những mảnh ghép, đưa ra nhiều giả thiết. Tôi đã hồi tưởng lại không biết bao nhiêu lần, nhưng thực sự hắn không để lộ bất cứ điều gì có thể cho chúng tôi biết hắn chính là tên sát nhân mà cả đội đang săn lùng. Hắn vào vai sĩ quan khám nghiệm hiện trường Paul Watson ngọt đến mức tôi nghĩ ngay cả hắn cũng quên mất con người thật của mình, hắn tỏ vẻ cũng mong muốn bắt được 4MK không kém gì chúng tôi. Tôi biết có thể anh đang nghĩ tôi đang cố biện minh, tôi quá kém cỏi, và lẽ ra phải có người nhìn thấu được màn kịch này, nhưng thực sự vai diễn của hắn hoàn hảo như vậy đó. Hắn không chỉ đeo mặt nạ mà đã trở thành chính cái mặt nạ ấy.”

“Hắn là một tên thái nhân cách*.” Poole nói. “Trong khoảnh khắc đó, hắn có thể là Paul Watson thật. Những kẻ như hắn, khi không còn lương tri, thì chẳng khác nào một tấm vải trắng trơn, một vỏ bọc trống rỗng. Chúng có thể nhét vào đó một nhân cách bất kỳ và nhân cách ấy sẽ nắm quyền kiểm soát, lấp đầy khoảng trống bên trong. Tôi từng gặp nhiều kẻ giống như hắn. Ở một vài trường hợp, nhân cách kia sẽ thống trị hoàn toàn, nhưng với nhiều trường hợp khác, tất cả các nhân cách dường như song song tồn tại bên trong con người chúng và vẫn nhận biết được sự hiện diện của nhau.”

“Ừm, như tôi vừa nói, trong khoảnh khắc đó hắn là Paul Watson, và Paul Watson tỏ ra rất muốn bắt được 4MK. Lúc chúng tôi xem xét các chứng cứ, nhắc lại vụ án của từng nạn nhân, hắn đã khựng lại khi nói đến McInley. Hắn đưa ra nhận xét rằng cô ta là người duy nhất có tóc vàng. Tại

thời điểm ấy, lời hắn nói chỉ có vẻ giống như nhận định của một cậu lính mới mà thôi. Ý tôi là, điều đó cả đội ai chẳng biết, chúng tôi đã nhìn những bức ảnh này suốt năm năm trời chứ ít gì. Nhưng hắn nấn ná ở đó, dù chỉ trong một giây ngắn ngủi. Vì coi nó là nhận định của một cậu lính mới nên tôi đã bỏ qua, không để ý đến, nhưng bây giờ…"

"Bây giờ nghĩ lại, anh biết mình đã ở chung một phòng với 4MK, và 4MK đã nấn ná giây lát trước Barbara McInley." Poole tóm tắt lại.

"Phải."

"Như vậy chưa nói lên được gì nhiều."

"Tôi nghĩ tôi đã nói câu này mấy lần rồi. Không có gì chắc chắn hết, tất cả chỉ là linh cảm của tôi thôi." Porter nói. "Còn một điều đáng chú ý nữa, đó là tội ác trong câu chuyện này. Chị của McInley đâm xe làm chết người đi bộ, nhưng đấy là tai nạn. Với những nạn nhân khác, Bishop giết họ dựa trên lý do người thân của họ phạm tội có chủ đích. Một việc đã được lên kế hoạch, tính toán trước, dàn dựng đâu ra đấy. Vụ đâm xe rồi bỏ trốn không khớp với tiêu chí đó."

Poole đọc lại hồ sơ. "Trong biên bản bắt giữ có viết, chị gái cô ta đâm vào một người đi bộ qua đường không theo tín hiệu đèn giao thông. Ông ta bước xuống lòng đường ngay trước đầu xe của cô chị."

"Nếu cô chị không bỏ trốn thì đã không bị kết án. Không phải trong trường hợp đó." Porter nói. "Điều này có sự tương đồng với tình huống dẫn đến cái chết của Jacob Kittner. Đừng quên, Bishop đã trả tiền để ông ta bước ra giữa đường. Tôi không tin vào những sự trùng hợp ngẫu nhiên."

"Tôi cũng vậy." Poole nói. "Chờ chút." Anh mở hồ sơ của Libby McInley trong laptop cá nhân và đọc bản ghi chép. "Hồ sơ viết rằng cô ta bị

truy tố vào tháng Ba năm 2007, đến tháng Bảy thì bị kết tội ngộ sát khi đâm xe làm chết một người tên là Franklin Kirby, lĩnh án mười năm tù, nhưng chỉ thụ án khoảng bảy năm có lẻ. Cô ta được tha trước thời hạn có điều kiện và đã ra tù cách đây sáu tuần."

"Anh vừa nói người bị cô ta tông vào tên là gì?"

"Franklin Kirby. Sao thế? Anh biết ông ta à?"

Một lần nữa Porter lại im lặng.

"Porter. Nếu cái tên này có ý nghĩa nào đó với anh thì phải nói với tôi." Poole nói.

"Anh nên tìm hiểu xem tình hình cô ta thế nào. Sau đó báo cho tôi biết kết quả."

"Tại sao chứ?" Poole hỏi, nhưng Porter đã cúp máy trước rồi.

CHƯƠNG 26

Porter

Ngày 2 • 1:04 chiều

Tại một nơi khác trong thành phố, Porter đang đứng trước hòm thư ở sảnh khu căn hộ nhà anh, một tay cầm điện thoại di động, tay còn lại cầm cuốn tạp chí *TV Guide.* Anh dán mắt xuống sàn, nhìn bức ảnh kẹp trong cuốn tạp chí vừa rơi ra khi anh kéo nó khỏi hòm thư chật cứng của mình.

Porter quỳ gối, cúi xuống gần hơn.

Bức ảnh có kích thước 12xl8cm, in đen trắng trên giấy lụa mờ. Trong ảnh, một người phụ nữ mặc bộ áo liền quần của phạm nhân đang bước trên lối đi ngoài trời có hàng rào mắt cáo bao quanh, hai quản giáo một trước một sau đi kèm. Bà ta bị còng tay sau lưng, đầu cúi thấp, khuôn mặt khuất trong bóng râm nên khó mà nhìn rõ. Bức ảnh có vẻ được chụp từ xa, đầy đốm nhiễu, như thể ai đó đã dùng phần mềm để phóng cho to hơn, điều mà ống kính máy ảnh nguyên bản không làm được. Porter có thể lờ mờ trông thấy mấy từ TRẠI GIAM GIÁO XỨ ORLEANS viết hoa trên bức tường phía sau lưng bà ta.

Porter vứt cuốn *TV Guide* xuống sàn cạnh bức ảnh, dùng bàn tay đi găng nhặt bức ảnh lên rồi lật lại. Mặt sau chỉ có độc một câu ngắn viết bằng mực đen.

Tôi nghĩ tôi tìm được bà ấy rồi.

B

CHƯƠNG 27

Người đội mũ len đen

Ngày 2 • 1:14 chiều

"Cô ta có thấy không?" Giọng nói ở đầu dây bên kia hỏi.

Người đàn ông đội mũ len đen áp điện thoại vào tai. "Không, không thấy."

Hắn ngồi bên cái bàn nhỏ làm bằng ván sợi ép và nhựa màu đen, trên đó la liệt giấy, bút dạ và những bức tranh. Rất nhiều tranh. Bàn được kê bên dưới ô cửa sổ nhìn ra phố. Ngoài kia, hàng xóm của hắn đang dắt con chó nhỏ giống Lhasa apso lông trắng, mặc áo len đỏ pha xanh lục. Con chó ghếch chân sau và tè lên tuyết. Gã đàn ông mũ đen nhìn đống nước tiểu vàng khè mỗi lúc một lớn dần, làm nhơ bẩn sân của hắn. Nhà lão hàng xóm chỉ cách đây chừng ba mét, thế mà hôm nào lão cũng dắt chó sang bên này đi bậy. Khi đã giải quyết xong nhu cầu, con chó cào lên mép vỉa hè bằng cặp chân sau lũn chũn, sau đó lon ton kéo chủ về.

Vết mổ ở một bên đầu ngứa ran, hắn đưa tay lên gãi khiến cái mũ len xê dịch, trôi xuống cái đầu trọc lóc.

"Đứa tiếp theo sẽ thấy." Giọng nói ở đầu dây bên kia cất lên. "Con bé đó sẽ đúng là người mà ta đang tìm."

"Hy vọng thế."

"Anh có đặt nó ở đúng chỗ tôi bảo không?"

"Có."

"Có ai nhìn thấy anh không?"

"Giờ chẳng ai nhìn thấy tôi nữa rồi."

"Có ai *nhìn thấy* anh không?" Người kia hỏi lại.

"Không."

"Tốt."

"Ừ."

Gã đàn ông cầm lấy cây bút dạ màu xanh lục và bắt đầu tô lên một bức tranh trên bàn. Tay hắn bỗng run rẩy làm mực chờm ra ngoài đường bao, hắn ném bay cây bút sang tận đầu phòng bên kia.

Hắn nghe thấy tiếng thở dài qua điện thoại. Bằng cách nào đó, người đàn ông phía sau giọng nói ấy có thể nhìn thấy hắn, luôn luôn thấy hắn. "Sớm muộn gì bọn chúng cũng sẽ thấy. Vấn đề chỉ là thời gian thôi." Anh ta lại đang nhắc đến tụi con gái.

Gã đàn ông mũ đen nhớ mấy đứa con gái đó. Không có chúng, căn nhà trở nên vắng lặng hẳn. Hắn cầm lấy cây bút màu đỏ, giơ phía trên bức tranh và thấy bàn tay bắt đầu run rẩy. Hắn đặt bút xuống thì tay cũng hết run. Hắn duỗi ngón tay, sau đó siết chặt, rồi lại duỗi ra. Hành động ấy mang lại cảm giác thật thoải mái và thân thuộc. Hắn ngừng lại. Bàn tay không còn run rẩy. Hắn nhặt bút lên. Tay không run. Hắn đặt bút lên giấy, vẫn không run. Hắn bắt đầu tô. Nét bút thanh mảnh ban đầu dần dài ra, đậm hơn, cây bút như tuân theo ý muốn của riêng nó, đi những đường nguệch ngoạc, bàn tay hắn run run. Hắn ấn mạnh hơn, nhưng vô ích. Mực vẫn chờm ra ngoài đường bao. Mực đỏ đè lên mực xanh hắn tô lúc trước, hòa vào nhau thành một màu nâu xỉn. Nét vẽ của bức tranh bị che lấp bởi những đường tô nguệch ngoạc ấy, bức tranh cứ chết dần dưới tay hắn.

Hắn buông bút và quay người lại, nhìn về phía căn phòng.

Chiếc áo len đỏ của con gái hắn nằm một đống trên sàn nhà sau lưng hắn, đôi giày bé xíu đặt cạnh giường.

“Tôi muốn bắt đứa kế tiếp ngay bây giờ, trước khi trời tối.” Hắn nói.

“Anh phải kiên nhẫn một chút.”

Hắn biết người đó nói đúng. Luôn luôn đúng.

Hắn lại gãi đầu, móng tay bấm vào da thịt chưa lành, khi hạ tay xuống, hắn thấy trên đó lấm máu. “Nhưng anh sẽ cho tôi biết khi nào đến lúc chứ?”

“Tôi hứa.”

“Tôi đã sẵn sàng.”

“Tôi biết.”

Nói xong, đầu dây bên kia ngắt máy.

Gã đàn ông mũ đen quay người, lại ngồi ngay ngắn phía trước bàn, rồi đặt điện thoại xuống. Hắn dõi mắt nhìn ra cửa sổ. Con chó đi rồi, lão hàng xóm cũng đi rồi, nhưng vết nhơ vàng ệch trên nền tuyết trắng tinh thì vẫn còn đó.

Hắn cầm lấy cây bút dạ màu vàng và bắt đầu tô tranh.

CHƯƠNG 28

Porter

Ngày 2 • 2:17 chiều

Suốt một tiếng đồng hồ qua, Porter cứ ngồi lì một chỗ trên xô pha, bức ảnh nằm trên bàn uống nước trước mặt anh. Anh đã mang chiếc đèn đọc sách ở tủ đầu giường sang đây, tháo chụp đèn, thay bóng cũ bằng loại một trăm watt. Ánh sáng tỏa ra chói gắt, nhức nhối. Anh cúi xuống quan sát từng centimet, từng điểm trên bức ảnh.

Muôn vàn ý nghĩ vụt qua trong đầu anh.

Libby McInley giết Franklin Kirby. Barbara McInley phải chết để trả giá cho tội ác đó.

Cái tên này anh biết, tất nhiên rồi.

Bishop đã nói với anh ngay trước khi xô Arthur Talbot xuống giếng thang máy. Cái tên Franklin Kirby hằn sâu vào tâm trí anh cùng tất cả những manh mối còn bỏ ngỏ xung quanh 4MK. Franklin Kirby là tên thật của người đàn ông đã bỏ trốn cùng với mẹ của Bishop và cô ả hàng xóm, gã là nhân tình của một trong hai người đàn bà, hoặc cũng có thể là cả hai. Gã đã giết cộng sự của mình, kẻ được Bishop nhắc đến trong nhật ký với biệt danh Người Lạ, tên thật là Felton Briggs theo như lời Bishop nói với anh sau này. Briggs là nhân viên an ninh hoặc thám tử tư gì đó do Talbot thuê. Cả hai cái tên này đều không xuất hiện trong bất cứ cơ sở dữ liệu nào Porter cất công tìm kiếm.

Chúng là những bóng ma, hệt như Bishop vậy.

Chỉ đến bây giờ mới chịu lộ diện.

Anh lại nhìn bức ảnh. Mắt dán chặt vào người đàn bà.

Anh ngồi im như tượng một lúc lâu.

Khi ngẩng lên, ánh mắt anh quét quanh căn hộ. Mấy gã FBI đã khiến nơi này trông chẳng khác gì bãi chiến trường, sách vở trên kệ dỡ xuống kỳ hết, đồ đạc trong tủ lấy ra bằng sạch, bao nhiêu ngăn kéo dốc cho không sót cái nào. Bức ảnh Heather bị hất xuống sàn trong lúc tìm kiếm, giờ đang ngước nhìn trần.

Anh không muốn ở lại đây.

Không thể ở lại đây.

Không phải vào lúc này.

Porter tiếp tục nhìn chằm chằm bức ảnh trên bàn uống nước.

Mười phút.

Rồi hai mươi phút.

"Kệ cha nó."

Anh đứng dậy, tới chỗ tủ quần áo trong phòng ngủ và lôi chiếc va li ra. Năm phút sau, va li đã xếp xong và đang đặt ở cửa chính.

Anh tiến về phía tủ đá, lấy ra một cái túi nhôm có dán nhãn *Thịt bò xay,* mở túi rồi đổ những thứ bên trong ra: gần ba ngàn đô la tiền mặt, theo như lần gần đây nhất anh đếm. Anh gập tiền, nhét vào túi áo, rồi trở lại phòng khách.

Anh quan sát căn phòng một lần nữa, sau đó đến bên cái ghế hiệu La-Z-Boy yêu thích của mình. Anh nắm lấy chân ghế và lật nghiêng. Một tiếng

“rầm” rõ to vang lên khi cái ghế đập xuống sàn gỗ cứng, âm thanh vọng khắp căn hộ đang chìm trong tĩnh lặng.

Porter luồn tay vào lớp vải bọc ở mặt ghế và kéo. Lớp vải bong ra ngay, chỉ được cố định nhờ băng nhám xé.

Cuốn nhật ký của Bishop được dán bằng băng dính lên tấm gỗ bên trong lớp vải. Porter không nộp nó vào kho vật chứng. Anh giật cuốn sổ nhỏ ra, gỡ băng dính, nhét cuốn sổ đen trắng vào túi cùng với số tiền. Anh quay lại bàn, cầm lấy bức ảnh Bishop gửi bằng bàn tay đã tháo găng, và cũng cất luôn nó vào túi.

Porter lôi điện thoại di động ra, tắt đi rồi đặt lên bàn uống nước.

Ra đến cửa, anh đưa mắt nhìn quanh căn hộ lần cuối, nhìn tấm ảnh Heather rơi trên sàn, sau đó xách va li lên và bước ra ngoài, khóa cửa lại sau lưng.

CHƯƠNG 29

Clair

Ngày 2 • 6:23 tối

Clair đưa cho Nash cốc cà phê rồi ngồi phịch xuống ghế bên cạnh. “Thằng cha này cứ như ma ấy. Phòng tranh yên tĩnh đến mức tiếng kim rơi cũng nghe thấy, vậy mà không hiểu làm thế nào hắn phá được khóa ở cửa hậu - những hai ổ khóa đấy nhé - vào kho chứa đồ, treo Lili lên, trong lúc ấy không gây ra nhiều tiếng động khiến người quản lý phải để ý, dù cô ta chỉ ở cách đó một đoạn hành lang chừng ba, bốn mét chứ mấy.”

Nash uống một ngụm cà phê, sau đó chun mũi. “Kinh quá.”

“Chắc là ngâm trong ấm hơi lâu. Thấy viền xung quanh có vẻ cũng hơi khô lại rồi.”

Anh nhìn xuống cốc của mình, nhún vai và uống thêm chút nữa.

Eisley đã đồng ý tiến hành khám nghiệm gấp thi thể của Lili Davies, họ ngồi chờ trong phòng làm việc của anh ta tại Phòng Giám định Pháp y đã được hơn một giờ. Ngoài cái xác, cảnh sát không thu được vật chứng gì ở phòng tranh. Không một dấu vân tay hoặc dấu giày. Hung thủ hẳn đã xóa sạch mọi thứ trên đường rút lui. Chỉ để lại mỗi xác cô bé mà thôi.

Eisley đã yêu cầu chuyển ngay cô bé tới đây để anh ta có thể bắt tay vào việc.

Clair và Nash đồng ý ngồi chờ kết quả, trong thời gian đó Klozowski cập nhật tình hình của đội IT. Sophie Rodriguez tới thẳng nhà Davies. Họ

không muốn gia đình cô bé biết tin thông qua chương trình thời sự như trường hợp của nhà Reynolds.

“Vậy ra Ella Reynolds tìm mua xe ư?” Clair hỏi.

Nash đã kể với cô những gì họ phát hiện được trong phần lịch sử duyệt web của cô bé tại cửa hàng Starbucks.

Anh nhấp thêm một ngụm cà phê, nhắm mắt nhắm mũi nuốt. “Tiệm Cars R Us trên đường Pulaski. Trong khoảng hai tuần, gần như ngày nào cô bé cũng tìm kiếm xe trong bãi của họ. Thế rồi có vẻ cô bé đã tìm được thứ mình thích, một chiếc Mazda2 Sport đời 2012 có giá 7.495 đô la, màu xanh lục sáng, nội thất bọc vải, động cơ 1,5 lít, hộp số tự động, đã chạy hơn một trăm hai mươi ngàn cây số.”

“Chỉ số công-tơ-mét như thế là cao đấy.”

“Ừ.” Nash gượng cười. “Đó cũng là điều đầu tiên tôi nghĩ đến.”

“Anh nói những nội dung tìm kiếm đều được mã hóa phải không? Sao cô bé lại phải giấu bố mẹ việc đó?” Clair hỏi.

Nash nhún vai. “Có thể họ chưa muốn cho con gái mua xe. Cô bé mới mười lăm tuổi. Có thể họ cho rằng cô bé còn nhỏ quá.”

“Tìm mua xe trong khi còn chưa đủ tuổi cầm lái thì kể cũng lạ.”

“Lạ gì, tôi muốn mua xe từ hồi lên tám kìa.” Nash đáp.

“Nhưng ở tuổi mười lăm, tụi con gái thường quan tâm đến những gã trai có xe hơn là tìm mua xe riêng.”

“Đâu phải đứa nào cũng thế.”

“Có lẽ vậy.”

“Kloz và tôi đang định tiếp theo sẽ ghé qua cửa hàng đó thì cô gọi điện báo tin tìm thấy Lili.” Anh nói. “Đành để xong việc ở đây rồi đi vậy.”

Clair nhớ lại một điều Gabrielle Deegan từng nói. “Này, Gabby bạn thân của Lili Davies có kể rằng Lili cũng đang tìm mua xe. Mấy tuần trở lại đây, cô bé gửi tin nhắn chỉ toàn ảnh chụp ô tô, cố nghĩ xem mình thích loại nào. Bố Lili nói ông ấy sẽ mua xe cho cô bé khi nào cô bé tốt nghiệp.”

Cô nhìn Nash nhấp thêm một ngụm cà phê trong lúc trầm ngâm suy nghĩ.

“Có thể nào cô bé cũng ghé qua cửa hàng kia không? Biết đâu đấy chính là mối liên hệ mà ta đang tìm.”

“Hung thủ là nhân viên kinh doanh ô tô cũ ư?”

Nash đứng dậy, chậm rãi đi quanh phòng. “Như thế hắn có thể dễ dàng tiếp cận nạn nhân. Cô thử hình dung mà xem. Khi có người tìm được chiếc xe mình thích, như Ella hoặc Lili chẳng hạn, họ sẽ tới cửa hàng và được hung thủ tiếp đón. Việc này không có gì nguy hiểm cả, họ đích thân tới tìm hắn thay vì ngược lại. Hắn đưa họ đến chỗ chiếc xe họ cần, hoặc dẫn họ đi xem các xe khác trong bãi. Hai bên trao đổi khá lâu. Có bao giờ cô rời khỏi bãi xe khi mới đến chưa đầy một tiếng không? Nhân viên bán hàng sẽ tìm cách lôi kéo, mồi chài cô. Nạn nhân sẽ loanh quanh ở đó cùng hắn, hai bên làm quen với nhau, lái thử vài vòng chẳng hạn. Tất cả những điều đó mang lại cảm giác yên tâm. Những cô gái như Lili và Ella có thể sẽ cảnh giác khi bị đàn ông lạ tiếp cận trên phố, nhưng còn tình huống này thì sao? Họ lại chẳng cố tìm cách lấy lòng hắn, nhờ hắn nói khéo với bộ phận tài chính để có giá hời hơn ấy chứ.”

Mắt Clair mở to. “Khi anh lái thử xe, họ sẽ photo bằng lái của anh, các thông tin cá nhân của anh. Lúc các cô gái ra về, hung thủ đã có được thông tin này trong tay.”

Nash lắc đầu. “Nhưng chưa ai trong hai cô bé có bằng lái mà, nhớ không?”

“Biết đâu họ phải điền vào tờ khai hay gì đó.”

“Cũng có thể.”

“Chắc chắn là đáng để chúng ta kiểm tra.”

“Ừ.”

Eisley đẩy cửa cánh đôi và bước vào, vừa đi vừa lau tay bằng khăn giấy. Anh ta nghiêng đầu về phía phòng giải phẫu. “Đi thôi.”

Clair đứng dậy theo anh ta trở vào trong, Nash đi sau cô. Cô bỏ viên kẹo cao su vào miệng và đưa cho Nash một viên.

Anh lắc đầu. “Chắc tôi bắt đầu quen với mùi ở đây rồi.”

“Ở phòng này, đến lúc quen được mùi thì cũng xác định về hưu là vừa, nhé.” Eisley nói với Nash.

Thi thể trần trụi của Lili Davies nằm trên bàn, lồng ngực vẫn đang phanh ra theo vết rạch lớn hình chữ Y, bắt đầu từ hai vai và kết thúc ở phía trên xương chậu. Khi cô bé hiện ra, mặt Nash chuyển sang xám ngoét, tay chìa về phía Clair. “Cho xin viên kẹo kia đi vậy.”

Clair nhếch mép cười và đưa cho anh. Cô cúi nhìn cái xác. Nét mặt Lili thanh thản biết bao.

Eisley nghiêng cái đèn phẫu thuật lớn phía trên bàn, tập trung ánh sáng vào lồng ngực đang mở. “Thông thường, sau khi xong việc tôi sẽ khâu vết

mổ lại, nhưng hôm nay tôi muốn để hai người chứng kiến điều này.” Anh ta đưa tay vào trong, chỉ vào bên dưới xương sườn. “Có thấy những dấu vết trên phổi không?”

Clair nhìn theo ngón tay anh ta và thấy những vệt đen trên bề mặt phổi màu hồng. Có đến hàng tá dấu vết như thế ở cả hai lá phổi. “Chúng là gì vậy?”

“Khi dịch lỏng tràn vào làm cho phổi căng cứng dưới áp lực, đôi lúc điều đó có thể để lại vết bầm.” Eisley nói.

“Vậy là cô bé chết đuối? Giống Ella?” Nash hỏi.

Eisley gật đầu. “Trong nước mặn, hệt như Ella.”

Clair cúi xuống gần hơn nữa. “Tôi tưởng những vết bầm tím sẽ không xuất hiện trên cơ thể sau khi tim ngừng bơm máu. Nếu cô bé chết đuối thì liệu có bị bầm được không?”

“Vết bầm trên phổi do đuối nước có thể xuất hiện cả trước và sau khi chết.” Eisley giải thích.

“Nếu vậy, anh chỉ cho chúng tôi điều này để làm gì?”

Eisley lại cúi xuống, di ngón tay trên phổi cô bé. “Cô có nhận thấy một số vết đậm màu hơn nhiều so với những vết còn lại không, như ở đây chẳng hạn?”

Clair gật đầu.

“Đó là dấu hiệu đa chấn thương. Một số chấn thương có trước, và một số có sau.”

“Ý anh là, cô bé đuối nước không chỉ một lần?” Nash hỏi.

“Theo như những gì tôi thấy, cô bé này đã bị đuối nước sáu lần, có thể là bảy lần, trong vòng hai mươi tư giờ qua.”

Clair nhíu mày. “Sao lại có thể như thế được?”

“Tôi nghĩ hung thủ của các cô đã dìm chết sau đó hồi sinh cô bé.” Anh ta nói. “Nếu quan sát kĩ xương sườn, cô sẽ thấy những vết rạn cực kỳ nhỏ. Tôi cho rằng hắn đã thực hiện kỹ thuật hồi sức tim phổi với cô bé. Ngoài ra, tôi còn tìm thấy nhiều vết bỏng do kìm chích điện, chứng tỏ hắn dùng nó để khống chế hoặc hồi sinh cô bé.”

“Liệu có tác dụng không?”

Eisley lắc đầu. “Không. Điện sẽ lan tỏa khắp trên da. Cần phải tập trung luồng điện vào tim. Nếu hắn chích điện trong khi đặt cô bé lên một tấm kim loại thì may ra, nhưng tôi không mấy tin tưởng việc đó sẽ có tác dụng. Tuy nhiên, nếu thực hiện hồi sức tim phổi thì hắn có thể làm cô bé sống lại.”

“Nhiều lần.” Clair nói.

“Ít nhất cũng phải sáu, bảy lần.”

“Lạy Chúa tôi.”

Nash cúi đầu, đưa tay gãi lông mày. “Vậy là hắn dìm chết cô bé nhiều lần, cho tới khi không thể hồi sinh cô bé được nữa.

“Đó cũng là kết luận của tôi.” Eisley nói.

Clair lùi ra xa khỏi cái bàn. “Tại sao… tại sao lại…” Cô lắp bắp, chủ yếu là với chính mình.

Eisley nhíu mày. “Tôi e là vẫn chưa hết đâu.”

Clair nhìn theo anh ta đi sang bên kia phòng, lật tấm vải phủ lên thi thể đặt sát tường.

Ella Reynolds.

“Tôi đã kiểm tra lại thi thể 14982F và tìm thấy những dấu vết tương tự. Việc cơ thể gần chạm ngưỡng đóng băng rồi lại được làm ấm đã phá hủy tế bào, khiến cho dấu hiệu trở nên không mấy rõ ràng. Nhưng dù thế nào đi nữa, đáng lẽ tôi vẫn phải phát hiện ra. Tôi không có gì để biện minh, đó là sơ suất của tôi. Tôi chủ yếu tập trung vào các đặc điểm của người chết đuối và cố gắng giảm thiểu những hư hại xảy ra đối với thi thể được tìm thấy trong hoàn cảnh này.”

“Ella.” Nash nói khẽ. “Tên cô bé là Ella.”

Eisley giơ bàn tay trái lên. “À, vâng. Ella. Dĩ nhiên rồi.”

“Hắn cũng dìm chết rồi hồi sinh cô bé ấy hết lần này đến lần khác ư?” Nash hỏi.

Eisley gật đầu, nét mặt u ám. “Ở trường hợp này, việc đó dường như diễn ra trong thời gian lâu hơn nhiều. Một số lần cách nhau vài ngày, trong khi với 149… với Lili, thời gian giãn cách có khi chỉ là một giờ hoặc thậm chí ít hơn. Rõ ràng hung thủ đang gia tăng nhịp độ. Nếu Lili có thêm thời gian để hồi phục thì biết đâu cô bé sẽ qua khỏi. Tiếc rằng sức chịu đựng của cơ thể con người là có hạn. Hắn không cho cô bé cơ hội.”

“Vậy còn bố của Ella?” Clair hỏi. “Anh đã phát hiện được những gì?”

Eisley nhẹ nhàng kéo tấm vải trắng che đi thi thể Ella, sau đó bước tới chỗ mấy ngăn tủ kim loại âm tường. Anh ta kéo một ngăn và ra hiệu bảo họ lại gần. “Tôi đã cố gọi cho Porter nhưng cuộc gọi toàn bị chuyển vào hộp thư thoại.”

“Sam phải rút khỏi cuộc điều tra một thời gian.” Nash nói.

“Mọi chuyện vẫn ổn cả chứ?”

“Chỉ là chút việc riêng thôi.”

Eisley trông như còn muốn hỏi kĩ hơn, nhưng rồi lại thôi. Xác của Floyd Reynolds được đặt trong một cái túi dày cộp màu đen. Eisley kéo phéc-mơ-tuya xuống đến ngang ngực rồi mở ra để hai người nhìn thấy bên trong. Nước da người chết trắng bệch, ngoại trừ vết cắt tím đen to tướng trên cổ. Vết thương sâu nhất ở giữa, phía trên yết hầu, rồi nhỏ lại và nông dần sang hai bên, kết thúc ở khoảng dưới tai.

Eisley rà ngón tay trên vết cắt, cách bề mặt da khoảng một inch. "Đây là vết thương do một sợi dây rất mảnh gây ra, nhiều khả năng là dây đàn piano hoặc ghi-ta điện. Các cửa hàng dụng cụ cơ khí hầu hết đều bán dây cáp mảnh, nhưng tôi cho rằng hung khí còn mảnh hơn những loại đó. Như tôi vừa nói, rất giống dây của một loại nhạc cụ. Porter có nhắc đến dấu giày để lại ở lưng ghế lái. Điều đó cũng ăn nhập với những gì tôi quan sát được. Hung thủ quàng dây vào cổ nạn nhân rồi kéo căng bằng lực cực kỳ mạnh. Lúc đó đầu nạn nhân đang tì vào phần tựa đầu, vì thế hung thủ có được lợi thế rất lớn. Nhìn kĩ vào giữa cổ, mọi người sẽ thấy sợi dây cứa sâu gần chạm tới khí quản, vết thương nông dần ở hai bên, khớp với việc bị siết cổ từ phía sau."

"Vậy, đó chắc chắn là nguyên nhân tử vong?" Nash hỏi.

Eisley gật đầu. "Tôi tin là thế. Tôi không phát hiện được điều gì khác."

Điện thoại của Clair rung lên. Cô rút máy giắt ở thắt lưng ra và đọc tin nhắn. "Randal Davies vừa trải qua một cơn đột quỵ nghiêm trọng."

CHƯƠNG 30

Clair

Ngày 2 • 6:51 tối

Clair và Nash chật vật luồn lách phía cuối dòng phương tiện đông đúc trong giờ cao điểm và quành xe vào lối đi trước khoa Cấp cứu của Bệnh viện John H. Stroger Jr. khoảng ba mươi phút sau. Họ thấy Sophie Rodriguez đang ngồi ở góc phòng chờ cùng với Grace Davies, mẹ của Lili.

Khi thấy hai người đi vào qua cửa tự động, Sophie vội vã bước về phía họ. "Lúc đó chúng tôi đang ở trong bếp. Tôi báo cho vợ chồng họ biết tin về Lili, họ phản ứng nói chung khá bình tĩnh, xét trong hoàn cảnh ấy. Ông ta đang ôm vợ thì đột nhiên lịm đi. Bà ta cố đỡ lấy chồng, nhưng ông ta to khỏe nên không đỡ nổi. Ông ta ngã xuống và lên cơn co giật. Tôi lập tức gọi 911, khoảng bốn phút sau thì nhân viên y tế đến. Khi ấy ông ta đã ngừng co giật, nhưng hơi thở nặng nhọc, nhịp tim rất chậm. Khó khăn lắm tôi mới bắt được mạch, có điều tôi đếm thấy chỉ khoảng bốn mươi nhịp một phút thôi."

"Ông ta có tiền sử bệnh tật gì không?" Clair hỏi.

Sophie lắc đầu. "Theo như vợ ông ta nói thì không. Ông ta tập thể dục thường xuyên. Dù tình hình đang rối ren như thế, lúc tôi đến vẫn thấy ông ta chuẩn bị đi chạy, ông ta bảo việc đó giúp đầu óc tỉnh táo, sáng suốt."

"Con gái đang mất tích mà ông ta vẫn đi chạy được ư?" Nash hỏi.

“Người ta có nhiều cách lạ lùng để vượt qua những thời điểm khó khăn.” Sophie liếc về phía Grace Davies. “Con gái vừa mất, giờ lại đến lượt chồng đang nguy kịch. Thật tôi không hình dung nổi những gì bà ta đang phải trải qua.”

Một vị bác sĩ bước ra ngoài qua cửa cánh đôi ở phía cuối phòng cấp cứu, đưa mắt nhìn quanh và tiến về phía Grace Davies. Clair, Nash và Sophie vội chạy lại.

“Tôi rất tiếc, Grace.” Vị bác sĩ nói. “Thực sự lúc này chị không đáng phải chịu thêm gánh nặng nào nữa.”

“Hai người quen nhau sao?” Clair hỏi.

Ông ta nheo mắt. “Các vị là…?”

“Tôi là Thanh tra Clair Norton, còn đây là Thanh tra Nash, và Sophie Rodriguez thuộc Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích.”

Nét mặt ông bác sĩ dịu xuống. “Các vị đang giúp tìm Lili.” Ông ta gật đầu rồi nói thêm: “Con bé rất dễ thương. Tôi biết nó từ khi nó mới lọt lòng. Kẻ nào có thể làm ra một việc như thế được chứ?”

Mặt Grace bỗng trắng bệch đi, cặp mắt đỏ hoe sưng mọng lại ứa lệ. Sophie vòng tay quanh người bà ta.

Clair nói cho ông ta biết chuyện thi thể Lili đã được tìm thấy. Trong lúc lắng nghe, ánh mắt ông ta dán chặt vào Grace Davies. Khi Clair kể xong, ông ta hít một hơi dài. “Khủng khiếp quá.” Ông ta bước tới ôm lấy Grace và thì thầm gì đó vào tai bà ta.

“Ông và gia đình Davies quen biết nhau như thế nào?” Clair hỏi.

“Randal làm ở khoa Ung bướu tại bệnh viện này. Còn tôi là trưởng khoa cấp cứu đã được sáu năm, chúng tôi ở đây thân thiết như người một nhà.”

Vị bác sĩ nói. “Randal và tôi hoàn tất chương trình đào tạo bác sĩ nội trú tại McGaw.”

Nash bước tới gần. “Tình hình bác sĩ Davies thế nào rồi? Liệu có qua được không?”

“Tạm thời ông ấy đã ổn định, nhưng cơn đột quỵ có thể gây ra những tổn thương vĩnh viễn. Tôi đang chờ kết quả chụp CT.” Ông ta buông bà Davies ra và lùi lại. “Grace này, Randal uống lisinopril bao lâu rồi?”

Trán bà ta nhăn tít. “Lisinopril là gì?”

“Nó là thuốc điều trị bệnh huyết áp cao.”

“Randal có bị huyết áp cao đâu.”

Vị bác sĩ đặt tay lên vai bà ta. “Hay là anh ấy có bệnh mà giấu chị? Có thể anh ấy không muốn chị lo.”

Bà Davies lắc đầu. Bà ta rút điện thoại trong túi xách và bắt đầu gõ màn hình. “Nhà tôi không hề bị huyết áp cao. Vợ chồng tôi kiểm tra huyết áp đều đặn vài lần mỗi tuần bằng máy đo huyết áp cổ tay kết nối với điện thoại qua Bluetooth mà anh ấy mang về sau khi dự cuộc hội thảo vào năm ngoái.” Bà ta đưa máy cho bác sĩ. “Trong máy có lưu kết quả đây này.”

Vị bác sĩ kéo thanh cuộn xuống để xem số liệu. “Các chỉ số đều bình thường.”

“Ngày nào Randal cũng tập thể dục. Lần kiểm tra sức khỏe gần đây nhất, bác sĩ còn khen anh ấy khỏe mạnh như mới ba mươi.” Bà ta nói.

“Nếu vậy, chúng ta gặp vấn đề lớn rồi.” Vị bác sĩ nói và xoa cằm.

Clair im lặng lắng nghe nãy giờ. Hình như có điều gì đó không ổn. “Có chuyện gì vậy?”

Lúc đầu, vị bác sĩ không đáp ngay mà còn mải suy nghĩ, sau đó mới lên tiếng: “Chúng tôi phát hiện trong máu của ông ấy có chứa một lượng lớn lisinopril. Tôi đoán ông ấy đã dùng liều khá cao, khoảng 300 miligram, có thể là 400.”

“Liều lượng bao nhiêu thì được coi là bình thường?” Nash hỏi.

“Từ 2,5 đến 40 miligram là cùng.”

Clair quay sang Sophie, nhưng cô chưa kịp hỏi thì Sophie đã gật gù. “Tôi đang nghĩ đây, để xem… lúc đó chúng tôi ở trong bếp. Tôi cầm ly nước lọc, bà Davies uống…”

“Tôi uống nước cam.” Bà Davies nói. “Randal thì pha cà phê. Tôi không uống cà phê vì uống vào hay bị mất ngủ.”

“Cô nghĩ có người đã bỏ thuốc vào cà phê ư?” Nash hỏi Clair.

Clair định nói, nhưng sau đó cô kéo anh đi chỗ khác, ngoài tầm nghe của những người còn lại. “Hung thủ chính là kẻ đã giết bố của Ella Reynolds.” Cô thì thầm.

“Nhưng tên kia dùng dây đàn piano siết cổ khiến bố của Ella Reynolds suýt đứt đầu.” Nash nói. “Còn trường hợp này là dùng thuốc quá liều, cách thức đâu có giống nhau. Có thể bác sĩ Davies bị cao huyết áp và tự kê thuốc điều trị mà giấu vợ vì một lý do nào đó. Nếu không, ai hơi đâu đi đo huyết áp tại nhà thường xuyên chứ?”

Clair giơ cổ tay cho anh thấy chiếc đồng hồ Apple Watch cô đang đeo. “Cái này đếm từng bước chân của tôi trong cả một ngày, theo dõi nhịp tim, thậm chí còn nhắc nhở khi tôi ngồi một chỗ quá lâu. Thời nay ai mà chẳng theo dõi các chỉ số sức khỏe của bản thân.” Cô chọc vào cái bụng quá khổ của anh. “Ai cũng nên theo dõi thì đúng hơn.”

“Tướng tôi là tướng đẫy đà phúc hậu nhé, Clair xinh. Tôi chả cần món đồ công nghệ trên cổ tay nhắc tôi về điều đó đến bốn lần mỗi ngày.”

“Nếu liều thông thường là từ 2,5 đến 40 miligram, mà ông ta lại dùng gấp mười lần con số đó, vậy thì không thể là tai nạn. Có người muốn giết ông ta.” Clair nói.

“Có thể ông ta muốn tự sát.” Nash phân trần.

“Chỉ có một cách để biết câu trả lời.” Clair nói. Cô lấy điện thoại ra gọi cho Sở Cảnh sát Chicago. “Tôi sẽ điều Đội Khám nghiệm Hiện trường tới.”

Nash miễn cưỡng gật đầu. “Để tôi hỏi bà Davies xem bà ấy cất chìa khóa dự phòng ở đâu.”

CHƯƠNG 31

Poole

Ngày 2 • 7:04 tối

Đặc vụ Frank Poole đỗ chiếc xe Jeep Cherokee màu đỏ của mình trước tòa nhà số 300 trên đường Mckeen ở khu Downers Grove, cách nhà 317 bên tay phải vài căn. Hồ sơ vụ án Barbara McInley đang để mở trên ghế phụ.

Đây là địa chỉ thường trú duy nhất được ghi nhận của Libby McInley, do cán bộ quản chế viết trong hồ sơ khi cô ta ra tù cách đây sáu tuần.

Đúng ra, anh không nên tới đây.

Anh hiểu quá rõ điều này.

Một chiếc Ford Taurus đời cuối thập niên 80 đang đỗ trên lối đi trước nhà. Hình thức chiếc xe cho thấy nó đã nằm đó một thời gian khá dài. Nước sơn có vẻ như là màu đỏ rượu vang đã bạc phếch hoặc cũng có thể là màu nâu, khó mà nhìn rõ trong khung cảnh tranh tối tranh sáng như thế này. Lối đi không có dấu chân, tuyết chất đống trên nóc xe. Thân xe đầy vết gỉ sét, lốp cũng xịt đi nhiều, chiếc xe bị vứt xó, chẳng được ai ngó ngàng hay nhớ đến. Những nhánh cỏ và cỏ dại nâu úa cao vút nhô lên khỏi lớp tuyết trắng tinh khôi, như thể mùa đông đang nỗ lực tìm cách giấu đi thảm cỏ nhếch nhác nhưng không thành. Ngôi nhà là kiểu nhà cấp bốn, chẳng theo phong cách nào, chỉ gồm mái nhà che trên bốn bức tường quây lại với nhau, bên cạnh có gara với sức chứa một xe. Lớp sơn trắng từ lâu đã không còn cố bám trụ trên tấm ốp tường, để những mảng gỗ sẫm màu lộ ra bên dưới chỗ

sơn bong tróc. Phần mái cũng cần được thay thế, sụp hẳn xuống ở nơi có lẽ là phòng khách bé tẹo.

Những ngôi nhà quanh đó đã bắt đầu lên đèn, chỉ có nhà 317 vẫn im lìm trong bóng tối.

Mi nên xem thử một chút, một giọng nói cất lên trong đầu anh. *Chỉ ngó qua thật nhanh rồi sau đó có thể lên đường. Nào có mất gì đâu, không hại đến ai, chẳng ma nào biết.*

Poole *đúng là* cũng muốn ngó qua nơi này thật. Anh muốn hỏi chuyện cô ta. Porter nói phải. Có điều gì đó bất thường trong cái chết của em gái cô ta. Nó khiến anh bứt rứt không yên, và Poole biết nếu bây giờ không dám làm thì anh sẽ không ngừng nghĩ đến việc đó suốt hai tuần sau. Cách duy nhất để loại bỏ nó khỏi tâm trí là đến trước cửa ngôi nhà kia, nhấn chuông rồi nói chuyện với cô McInley một lúc.

Sau khi trao đổi với Porter, Poole đã tìm kiếm hết sức tỉ mỉ những thông tin xoay quanh Franklin Kirby, nạn nhân bị McInley tông chết rồi bỏ trốn. Nhưng kết quả là con số 0 tròn trĩnh. Danh tính ông ta được xác định nhờ tấm bằng lái xe cất trong ví. Hồ sơ của McInley có lưu một bản sao tấm bằng, nhưng trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe lại không hề có bất cứ thông tin nào của ông ta. Số hiệu trên tấm bằng được cấp cho một phụ nữ tên là Lesley Carmichael, bốn mươi sáu tuổi, sống tại Woodlawn, chứ *không* phải Franklin Kirby. Libby McInley đã đâm chết một người đàn ông dùng danh tính giả, dù cho đó là cái tên Porter rõ ràng có biết.

Poole xuống khỏi chiếc Cherokee và bước ra ngoài trời gió rét khi bốn bề đã chìm trong bóng tối, đóng cửa xe rồi băng qua đường để sang nhà số 317. Cả vỉa hè lẫn lối đi lát đá trước nhà đều không được dọn sạch tuyết. Hiên nhà cũng bị che lấp dưới lớp tuyết dày ít nhất mười centimet. Anh đưa

ngón tay đi găng lên nhấn chuông, nghe thấy hai tiếng chuông kính coong vang lên từ bên trong, và chờ đợi.

Không thấy ai ra mở.

Anh nhấn chuông lần nữa, ngoái đầu về phía lối đi.

Poole quay lại nhìn cửa trước.

Trong nhà không một tiếng động.

Không thấy đèn đóm gì cả.

Libby McInley có thể đã nhìn thấy anh nên tắt điện đi. Cô ta cũng chẳng phải phạm nhân đầu tiên có thái độ trốn tránh khi thấy cảnh sát tìm đến nhà sau khi ra tù. Trong hồ sơ của cô ta không ghi thông tin nghề nghiệp hiện tại. Có lẽ cô ta không có nhiều lý do để ra ngoài. Trời ạ, chính anh cũng không muốn đi đâu trong cái thời tiết này, trừ phi bắt buộc.

Anh gõ cửa, ba tiếng gõ vang lên khá to. “Cô McInley? Tôi là Đặc vụ Frank Poole. Tôi biết cô có nhà. Mau mở cửa ra.”

Anh chẳng biết cô ta có nhà thật không, nhưng cái chiêu cũ rích này vẫn thường mang lại hiệu quả.

Poole hà hơi vào hai bàn tay đeo găng. Anh có cảm giác như đang đứng trong bồn tắm chứa đầy nước đá. Làn hơi phả ra bay vào không trung rồi tan biến.

Poole xuống khỏi hiên nhà, bước qua bờ giậu thấp và gí sát mặt vào ô cửa sổ kính lớn. Tấm kính lạnh lẽo phủ đầy băng giá. Anh không thể nhìn thấy bên trong.

Nếu máy sưởi đang chạy thì mình sẽ cảm nhận được khi sờ vào kính, đúng không? Sao lại có người không bật máy sưởi trong cái thời tiết này được nhỉ?

Anh lùi lại và đi quanh nhà, vừa đi vừa cố nhìn qua từng ô cửa sổ. Nếu hàng xóm có ai đó trông thấy anh thì lúc này họ đang gọi 911 là cái chắc. Sang đến bên hông nhà, anh suýt ngã nhào khi vấp phải một chiếc xe đạp Schwinn cũ màu đỏ đã hoen gỉ, bị vùi trong đống tuyết to sụ. Tại đây còn có tàn tích của vài chậu cây cảnh đã chết từ lâu cùng với đoạn ống tưới nước cuộn lại, bị quên lãng khi đông sang.

Vòng ra phía sau, anh bắt gặp một khoảng sân lát gỗ. Chiếc bếp nướng BBQ hiệu Weber màu đen nằm lăn lóc trên sân như đang say ngủ, mấy cái ghế gấp ngoài trời chất đống xung quanh trông chẳng liên quan. Anh bước lên sàn gỗ, những tấm ván phát ra tiếng răng rắc dưới sức nặng của anh.

Có thể gỗ đã mục. Không khéo sụp xuống như chơi.

Anh thận trọng tiến tới cửa hậu.

Cánh cửa lưới đã bị rạch.

Một vết rạch thẳng, dài khoảng mười hai centimet, đủ để ai đó thò tay vào trong.

Đủ để mở cửa lưới, sau đó xử lý cái khóa kia bằng dụng cụ phá khóa.

Poole thử vặn tay nắm. Không khóa.

Anh thò tay vào trong áo khoác, mở bao và rút ra khẩu Glock 22, giữ súng ở ngang hông, họng chúc xuống. Trên nòng súng có gắn một chiếc đèn pin LED nhỏ. Anh dùng ngón trỏ gạt công tắc để bật đèn lên.

Anh đẩy nhẹ cửa. Nó không chịu nhúc nhích, kẹt cứng vì băng giá. Anh đẩy lần nữa, mạnh hơn. Cuối cùng, cánh cửa bật tung kèm theo tiếng va đập rõ to.

Điều đầu tiên anh nhận thấy là mùi, một mùi ngòn ngọt muốn lợm giọng của thứ gì đó đã biến chất, đã hư hỏng. Nó bốc ra từ bên trong, cảnh

cáo anh chớ có đến gần, bảo anh hãy quay ra xe rồi lái về.

"Cô McInley? Đặc vụ Frank Poole đây. Tôi đang tiến vào đấy."

Cánh cửa gỗ dẫn tới một nhà bếp. Poole lấy mũi giày đẩy cửa và dùng đèn pin trên nòng súng quét khắp phòng. Bát đĩa chất cao như núi cạnh bồn rửa, che kín mặt bàn bếp bên dưới. Khắp nơi la liệt hộp pizza, hộp các tông đựng món Tàu gọi về, lon soda rỗng và vỏ chai nước.

Máy sưởi không chạy.

Tiến lại chỗ bồn rửa, anh nhận thấy bát đĩa đã đóng băng thành một khối vững chắc. Một lớp băng tuyết mỏng phủ khắp căn phòng.

Mùi vẫn bốc ra từ bên trong.

Poole đi qua bàn làm bếp và bước vào phòng ăn nhỏ. Trên bàn rải đầy hộp và giấy tờ - những lá đơn xin việc kèm theo bản sao sơ yếu lý lịch, cái tên "Elizabeth McInley" được in bằng phông chữ đậm nét ở phía trên cùng. Ngoài ra còn có mấy tờ báo, hóa đơn chưa mở, quần áo gồm áo cánh và áo lót, tất cả đều bị vứt bừa bãi.

"Cô McInley? Cô có đang ở trong đó không?"

Hơi thở của Poole lơ lửng trong không gian lạnh lẽo. Anh trông thấy bộ điều nhiệt trên tường và liếc nhìn. Máy sưởi đã tắt, núm điều chỉnh đang để ở mức nhiệt thấp nhất.

Bên trái anh là ngưỡng cửa đang để ngỏ. Poole đi qua đó và đặt chân vào phòng khách nhỏ, lúc này cả súng và đèn pin đều chĩa thẳng để dẫn đường cho anh. Bên phải là cửa chính cùng với ô cửa sổ lớn mà vừa rồi anh đã cố nhìn qua, mặt trong cũng mờ tịt không khác gì mặt ngoài. Bên trái có một chiếc xô pha kê sát tường, đối diện với đó là chiếc ti vi nhỏ được đặt trên mấy thùng đựng sữa. Một cái bàn làm bằng ván sợi ép rẻ tiền kê phía

trước xô pha. Có người đã gạt hết những thứ trên bàn xuống, nào là tạp chí, điều khiển từ xa, vài hóa đơn điện, nước, ga, cùng mấy tờ rơi quảng cáo.

Nằm ngay ngắn giữa bàn, cách đều nhau, là ba chiếc hộp màu trắng thắt dây đen. Vỏ hộp trắng tinh lấm tấm những đốm nâu và đỏ tươi, giống như bị bắn lên vậy.

Từ chỗ anh đang đứng, nhìn thẳng về phía trước sẽ thấy một phòng tắm nhỏ. Bên trái ti vi có một cánh cửa khác, hẳn là dẫn tới phòng ngủ.

Poole bước tới, đưa mắt quan sát phòng tắm. Chiếc bồn tắm màu trắng có vết ố bao quanh, bồn rửa dính đầy kem đánh răng khô cứng. Trên sàn có một cái khăn bông mốc meo bị vo viên và vứt sang một bên cạnh bồn cầu. Ai đó đã lau sạch một khoảng ở chính giữa tấm gương, hình bóng phản chiếu mờ mịt đáp lại ánh nhìn của anh.

Anh rời phòng tắm để quay ra phòng khách, khẩu súng lúc này chĩa vào cánh cửa phòng ngủ. Anh nhác thấy mấy cái hộp trên bàn qua khóe mắt. Anh cố không nhìn về phía chúng. Poole tiến lại gần cửa phòng ngủ đang để ngỏ, súng quét quanh, anh chọn cách tiếp cận trực diện thay vì áp sát tường và chậm rãi tiến vào từ bên cạnh. Ánh đèn loang loáng chiếu lên tường, cho thấy một cái tủ ngăn kéo cũ rích cùng với chiếc giường.

Một phụ nữ bị trói chặt tứ chi vào bốn góc giường. Quần áo bị cắt nát, những mảnh vải tả tơi vương vãi khắp sàn. Người cô ta chi chít vết cứa nhỏ, đỏ ửng, có đến hàng ngàn vết như thế, phủ kín từng centimet trên da. Cặp mắt đã không còn, thay vào đó là hai hốc đen ngòm. Miệng cô ta dính đầy máu khô. Poole biết rằng bên dưới mớ tóc dính bết, một bên tai cô ta cũng mất luôn rồi. Anh sẽ tìm thấy những thứ ấy trong mấy cái hộp kia.

Anh tháo đèn pin rồi cất súng đi.

Và cứ thế nhìn chằm chằm vào thi thể của Libby McInley.

CHƯƠNG 32

Poole

Ngày 2 • 7:12 tối

Poole đứng im như tượng, hơi thở phả ra lơ lửng trước mặt anh, những bụm khói trắng mỏng manh cuộn lên từng vòng trong không trung.

Nơi này im ắng quá.

Khi đặt chân vào một căn phòng có người, chúng ta có thể nhận biết được sự hiện diện của người đó. Cơ thể chúng ta vô thức cảm nhận được sự tồn tại của họ. Bản năng cảnh giác và tự bảo vệ sẽ trở nên nhạy bén hơn. Lượng adrenaline tăng nhẹ khi cơ thể ta nắm bắt những hành động và âm thanh xuất phát từ phía đối phương, ngôn ngữ cử chỉ và phong thái của họ. Não bộ gần như lập tức đưa ra đánh giá: Người đó khiến ta bị hấp dẫn hay ghê sợ? Thờ ơ lãnh đạm hay ngỡ ngàng sửng sốt? Cơ thể ta, trí não ta rút ra kết luận cho những câu hỏi ấy chỉ trong vòng chưa đầy một cái chớp mắt.

Đấy là với trường hợp người trong căn phòng kia là người sống.

Còn khi ta bước vào căn phòng chỉ có sự hiện diện của người chết, tất cả những điều trên đều không xảy ra. Vắng đi linh hồn, cơ thể chỉ còn là cái xác vô tri, vỏ bọc trống rỗng, trí não ta bằng cách nào đó cũng nhận thức được điều này. Những tín hiệu gửi đi sẽ khác hẳn: Người kia chết thế nào? Chết từ bao giờ? Kẻ nào hay thứ gì đã giết người đó liệu có còn ở đây nữa không? Có làm hại đến mình không?

Poole cúi nhìn thi thể của Libby McInley, trong anh lúc này chỉ tồn tại một cảm xúc duy nhất, ấy là nỗi mất mát vô bờ, khiến trái tim anh đau nhói.

Anh tiến lại gần chiếc giường, luồng sáng đèn pin lướt trên cái xác.

Ngón tay và ngón chân cô ta đã bị cắt cụt. Anh thấy chúng được xếp ngay ngắn trên tủ đầu giường, cạnh đó là một cây kéo cắt cua dính máu.

Bishop chưa bao giờ giết người theo cách này. Hắn đang tăng dần mức độ tàn độc.

Poole thử bật chiếc đèn cạnh giường. Bóng đèn đã bị tháo bỏ.

Với những nạn nhân trước đây của 4MK, địa điểm gây án luôn là một ẩn số. Hắn đặt những cái xác ở nơi hắn muốn chúng được tìm thấy. Cảnh sát chưa bao giờ tìm ra nơi hắn thực sự ra tay. Đặc vụ Toàn quyền Hurless nghi ngờ hắn giết người trong những đường hầm chạy dưới lòng thành phố, nhưng Poole không nghĩ vậy. Anh tin rằng Bishop có một căn phòng dành riêng cho việc giết chóc, nằm ở nơi nào đó hẻo lánh, mang ý nghĩa đặc biệt đối với hắn, một nơi hắn có thể tự do hành động mà không sợ bị làm phiền, nơi những tiếng la hét bị nuốt trọn trước khi kịp thoát ra ngoài.

Libby McInley đã phải chết trong đau đớn cùng cực. Chết dần chết mòn. Và tại đây, trong cô độc.

Khắp nơi toàn là máu. Ánh đèn pin của Poole lần theo dấu máu trên bức tường phía sau giường, trên tấm ga, trên cả cái thảm lông xù màu xanh lục dưới chân anh. Lẽ ra anh không nên vào đây như thế này. Rất có thể anh đang làm vấy bẩn những chứng cứ tiềm ẩn, nhưng có điều gì đó mách bảo anh rằng họ sẽ không tìm được gì ở đây, chí ít là những thứ có ích. Họ sẽ chỉ tìm thấy thứ Bishop muốn họ tìm thấy mà thôi.

Poole cúi xuống gần thi thể, ánh đèn rọi lên da thịt rách nát, chi chít vết cứa nhỏ.

Gây ra bởi dao lam.

Mỗi vết chỉ dài tối đa nửa inch. Nhiều đến nỗi toàn thân cô ta bám đầy máu khô.

Poole cởi găng, vươn tay về phía cô ta, vuốt nhẹ lên cẳng tay.

Cái xác tuy lạnh nhưng chưa đóng băng. Máy sưởi trong nhà đã tắt từ lâu trước khi cô ta chết, có lẽ là nhiều ngày, thậm chí một tuần. Cô ta mới chết cách đây khoảng một, hai ngày.

Đúng lúc này, anh phát hiện ra điểm bất thường trong những vết cứa. Mới đầu anh không thấy, có lẽ là do anh nhìn từ hướng khác. Chỉ đến khi cúi xuống quan sát cánh tay cô ta từ đầu giường, anh mới thấy.

Đó là những chữ viết.

Hắn không chỉ dùng dao lam cứa khắp người cô ta, mà hắn khắc chữ lên đó, cơ thể cô ta giống như tấm toan để hắn tha hồ múa cọ. Những chữ bé xíu khó mà thấy được dưới lớp máu. Hai cánh tay buộc vào cột giường chảy máu ít hơn. Chúng ở vị trí cao hơn so với tim.

Mi là kẻ ác - Mi là kẻ ác - MI là kẻ ác – mi

Chỉ duy nhất câu ấy, lặp đi lặp lại, từng centimet trên da trần.

Hắn ra tay trong lúc McInley vẫn còn sống. Máu đọng trên mỗi vết cứa đã cho anh biết điều đó. Hắn bắt đầu từ hai bàn chân và tiến dần lên trên. Anh cũng biết được điều này dựa vào lượng máu ở mỗi vết thương. Cuối

cùng, cô ta chết khi hắn cứa đến khoảng gần lồng ngực. Sau đó hắn vẫn tiếp tục, nhưng với tốc độ mau chóng hơn.

Cô ta chết làm hắn mất vui. Nhưng hắn vẫn cần hoàn thành nốt công việc còn dang dở.

Điều này quả là tàn bạo, một hình thức báo thù.

“Franklin Kirby có quan hệ gì với các người?” Poole cất tiếng hỏi cả Libby McInley lẫn Anson Bishop. Không ai trả lời anh.

Mười phút sau, anh rời khỏi ngôi nhà theo lối cũ, quay lại chỗ chiếc Jeep Cherokee. Anh vào xe, nổ máy rồi gọi điện cho Đặc vụ Toàn quyền Hurless. Anh định gọi cho cả Thanh tra Porter, nhưng rồi lại đổi ý. Anh muốn nhìn thấy vẻ mặt anh ta khi nghe anh thông báo tin này. Anh muốn biết cụ thể Porter biết được những gì.

CHƯƠNG 33

Porter

Ngày 2 • 10:04 tối

Thanh tra Sam Porter đặt chân xuống sân bay New Orleans lúc hơn mười giờ tối sau chặng dừng kéo dài hai tiếng ở Dallas, đây là chuyến bay khởi hành cùng ngày duy nhất anh kịp mua vé. Trong thời gian ở Dallas, anh đã định ăn tối tại cửa hàng McDonald's ở nhà ga, nhưng bụng dạ anh nôn nao, khó chịu. Ăn vào chỉ muốn tống ra bằng hết.

Rời khỏi sân bay New Orleans, Porter bắt taxi tới thẳng Trại giam Giáo xứ Orleans nằm trên phố Gravier. Anh yêu cầu tài xế cho xe chạy vòng quanh trại giam cho tới khi trông thấy lối đi ngoài trời có hàng rào mắt cáo quây quanh và tấm biển giống như trong bức ảnh. Anh bảo tài xế dừng lại và đợi anh ở đây.

Porter xuống xe, băng qua đường, mồ hôi nhễ nhại bên dưới lớp áo khoác dày sụ dù lúc này đêm đã về khuya. Anh chưa bao giờ đi đâu ngoài Chicago vào mùa đông. Sự khác biệt về nhiệt độ giữa Chicago và miền đất phương Nam xa xôi này thật là tuyệt. Bầu không khí nơi đây oi bức, ngột ngạt, thoảng mùi hôi hám của một thành phố dường như đã quen bị bòn rút, bạc đãi, quen với việc bị xối rửa, vệ sinh hằng đêm.

Anh tới hỏi người bảo vệ đang đứng gác ở gần cổng vào. Ông ta cho anh biết giờ thăm phạm nhân là từ chín giờ sáng tới sáu giờ tối, không có

ngoại lệ. Giám thị trại giam sẽ có mặt lúc bảy giờ. Anh có việc gì thì đến gặp rồi trình bày với giám thị.

Tuy không nhận ra người phụ nữ trong ảnh nhưng người quản giáo đi đằng trước thì ông ta biết. “Đây là Vince Weidner. Anh ta làm ca ngày, có mặt lúc tám giờ.”

Porter cảm ơn ông ta rồi quay lại xe.

“Anh có người quen trong kia à?” Tài xế hỏi khi Porter sập cửa.

“Ừ, người quen.”

“Tôi từng có thời gian bóc lịch ở trại này, thậm chí nếu không nhờ ông anh họ xin cho chân lái taxi thì bây giờ có khi vẫn đang ngồi trong đó cũng nên. Kiếm được miếng ăn ở đây cũng nhọc lắm. Tiền lương quá rẻ mạt, trong khi du lịch nở rộ đã đẩy giá bất động sản tăng cao. Dân thường đố mà sống được ở cái thành phố này với đồng lương còm. Đành phải dạt về khu ngoại ô và chịu khó đi lại xa. Hoặc là thế, hoặc là xoay xở để tăng thu nhập.”

“Vậy ra đó là lý do anh phải ngồi bóc lịch? Vì xoay xở để tăng thu nhập?”

Anh tài xế khẽ bật cười. “Một ông anh họ khác đã dạy cho tôi những tinh hoa của nghệ thuật móc túi. Ông ấy mà đã ra tay thì gạo xay ra cám.”

“Nếu ông ấy siêu đẳng thế, sao anh lại bị tóm?”

“Thì tôi có bảo là *tôi* siêu đâu. Có thể trong lúc huấn luyện tôi, anh họ Mic đã bỏ qua một, hai bước hay gì đó. Tôi bị tóm ngay lần hành sự đầu tiên. Đang thò tay vào túi quần sau của một gã thì gã thộp ngay lấy cổ tay tôi mà bẻ. Tôi đau quá hét toáng lên, ba gã cớm gần đó vội chạy lại xem có gì mà ồn ào. Lẽ ra mới chân ướt chân ráo vào nghề, tôi không nên chọn

thẳng cha đô con cỡ ấy, chỉ vì tôi nghĩ gã to như hộ pháp thế thì chắc không cảm thấy gì đâu. Đúng là sai một li đi một dặm."

"Anh bị giam bao lâu?"

Người tài xế thở dài. "Ba tuần và một ngày, dài đằng đẵng. Đến lúc ra hầu tòa thì thời gian ngồi tù cũng vừa hết. Nhưng chừng đó là quá đủ rồi. Tôi không có hứng thăm thú nơi đó lần nữa đâu, thưa anh. Được an tọa trên cái ghế này là cái mông tôi đã mãn nguyện lắm rồi. Mà tiện thể, chúng ta đi đâu đây?"

Ánh mắt Porter dán chặt vào trại giam. Công trình được xây bằng đá màu be với những ô cửa sổ hẹp. Bà ta đang ở đâu đó trong kia. "Anh có biết gì về giám thị trại giam không?"

"Hoàn toàn mù tịt. Vào trong đó, tôi cứ phải thu mình để tránh xa rắc rối, cóc dám hó hé với ai câu nào. Ba tuần ngồi tù là ba tuần cô độc, đến khi được thả, tôi phải tắm cho sạch mùi hôi hám. Tôi nhìn thấy ông giám thị được đúng hai phút lúc xuống xe buýt để nhập trại, ông ta chẳng nói chẳng rằng mà chỉ quan sát đám quản giáo lùa lũ trâu bò mới vào chuồng." Tài xế nói. "Trông ông ta khá gai góc. Chắc là do tính chất công việc." Anh ta nhìn Porter qua gương chiếu hậu. "Tôi biết không phải việc của mình, nhưng mà, bạn anh ngồi tù vì tội gì vậy?"

"Chả biết."

"Tôi hỏi thế là vì phạm nhân thuộc diện ít nguy hiểm nhất sẽ bị giam ở khu phía đông. Ở Orleans này đầy rẫy những kẻ say xỉn và gây rối trật tự, tôi đến đây chủ yếu là để đón gã nào đó tối hôm trước lỡ quá chén ở khu phố Pháp và bị lôi cổ vào nhà đá một đêm cho tỉnh ra. Khu phía đông nằm ở bên kia trại giam. Mé bên này chỉ chứa tội phạm nặng đô thôi. Cái loại mà một đêm ăn cơm tù chưa đủ để dọa cho chúng biết quay đầu là bờ ấy. Anh

phải tìm đến đúng nơi cơ, chứ không, mất công xếp hàng cả tiếng rồi mới biết mình nhầm chỗ thì mệt đấy.” Anh ta giải thích.

“Bà ấy ở khu này.”

“Chà, thế thì tệ quá.”

“Gần đây có khách sạn nào không?” Porter hỏi.

“Khỉ thật, chỗ tử tế thì không có đâu. Hay là chúng ta quay lại trung tâm để kiếm cho anh nơi nào đó ngon lành một tí ở phố Bourbon?”

“Tôi muốn trọ gần đây.”

Người tài xế hít một hơi dài. “Ừm, vậy thì có khách sạn Lý Tưởng cách đây không xa, nhưng tôi thậm chí còn không muốn để cho lão anh họ tôi ở đấy nữa là, mặc dù chỉ tại lão ấy mà tôi bị tóm.”

“Chỗ đó cũng được.” Porter nói.

Người tài xế đảo tròn mắt và khởi động xe. “Chuyến đi là của anh, anh cứ việc làm những điều mình thích. Nhưng tôi vẫn phải cảnh báo trước, nếu anh mà đứng trên ban công ném hạt* vào ai đó ở khu này thì có thể họ sẽ nã sạch đạn trong khẩu 0,22 cho anh lãnh đủ đấy.”

Khách sạn tọa lạc ở khu dân cư không lấy gì làm tử tế. Cách trại giam chỉ vài khối nhà, công trình thấp bè sơn màu hồng được xây dựng phía trên một gara đỗ xe, hai tầng phòng cho thuê nằm dưới một biển quảng cáo huỳnh quang to đùng với dòng chữ KHÁCH SẠN LÝ TƯỞNG DÀNH CHO LỮ KHÁCH - CÒN PHÒNG. Một nửa số đèn trên đó không sáng, có hai bóng nhấp nháy đằng sau tấm nhựa trắng nhem nhuốc, bẩn thỉu.

Người lái taxi gạt cần số sang chế độ đỗ khi xe dừng lại bên hông khách sạn. “Anh đã chắc chắn chưa?”

Lúc anh ta hỏi câu đó, Porter đã gần ra đến cửa. “Họ chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt chứ?”

“Ở đây, anh mà đưa cho họ bao thuốc lá Lucky cùng với chai Ripple để đổi lấy một phòng có khi họ cũng đồng ý ấy chứ. Chắc chắn họ chịu nhận tiền mặt rồi.”

Đồng hồ công-tơ-mét hiển thị số tiền phải trả là 51,23 đô la. Porter rút ví lấy ra ba tờ hai mươi đô và đưa cho người lái taxi. “Cầm cả đi.”

Ba tờ tiền ngay lập tức mất hút trong túi áo của anh ta. “Nhân tiện, tên tôi là Hershel Chrisman. Nếu muốn đi đâu, anh cứ a lô cho tôi, tôi phi xe tới đón, dù có phải tới tận đây đi nữa.” Anh ta hất hàm về phía khách sạn và đưa cho Porter tấm danh thiếp in số điện thoại to đậm. “Anh đi hết gara đỗ xe dọc theo bức tường bê tông đó. Phòng lễ tân nằm phía sau thang máy, ở đầu kia của tòa nhà. Nếu anh đổi ý và muốn một phòng tại Khách sạn Hilton trên phố Bourbon thì cứ gọi cho tôi. Muốn thăm thú, ngắm cảnh, cũng gọi tôi luôn. Tôi sống ở đây cả đời rồi, thành phố này tôi rành như lòng bàn tay.” Anh ta hạ giọng nói tiếp. “Nếu anh không cứu được quý bà kia ra, tôi biết vài chỗ để anh có thể tìm cho mình một quý bà khác mới toanh. Cứ gọi cho tôi là xong hết.

Porter gật đầu và nhét tấm danh thiếp vào túi quần. “Cảm ơn vì đã chở tôi, Hershel. Bảo trọng nhé.”

Chiếc taxi rời đi, bỏ lại Porter chơ vơ đứng đó, tiếng còi hụ và tiếng quát tháo văng vẳng đâu đây trong bóng tối.

Porter men theo bức tường gạch không nung để đi qua gara đỗ xe nồng nặc mùi rác rưởi mục rữa, anh tìm thấy phòng tiếp tân ở phía sau dãy thang máy. Chẳng có cửa nẻo hay sảnh vào đẹp đẽ thân thiện, chỉ thấy độc một ô

cửa sổ kính dày cáu bẩn, dính đầy những thứ có Chúa mới biết là gì. Một người đàn ông gần sáu mươi tuổi có thân hình cục mịch với mái tóc hoa râm hói trọi và cặp kính gọng đen chăm chú quan sát Porter đi vào. Ban đầu ông ta xem trên màn hình camera giám sát, sau đó nhìn qua cửa sổ.

Porter bước tới trước cửa sổ. “Cho tôi một phòng.”

Người đàn ông liếm đôi môi khô nẻ. Khóe miệng ông ta dính thứ gì đó. Hình như là vụn bánh snack Doritos, nó có màu cam và mềm nhũn. “Phiền anh cho xem hai loại giấy tờ tùy thân và thẻ tín dụng.”

Porter rút ví ra. “Không giấy tờ. Tôi trả tiền mặt.”

Ông ta nhún vai. “29,95 đô một đêm, cộng thêm một trăm đô tiền đặt cọc. Chúng tôi cần bảo vệ tài sản của khách sạn.”

Porter lấy ra năm tờ hai mươi đô trong ví và đẩy vào qua khe hở dưới cửa sổ. “Chỗ đó là một trăm đô. Nếu ở quá ba đêm, tôi sẽ quay lại.”

Người quản lý vơ lấy số tiền, đấm tay lên thân cái máy thu ngân cũ rích để mở ngăn kéo và cất tiền vào. “Vậy còn tiền đặt cọc? Nhỡ anh cuỗm mất ga giường hoặc khăn tắm thì sao.”

“Tôi mới sửa nhà nên tậu đủ cả rồi. Khỏi lo đi. Ngay cả đồ trong tủ lạnh mini tôi cũng không động đến đâu.”

Người quản lý nheo mắt nhìn Porter với vẻ thăm dò, sau đó ông ta hẳn cho rằng điều đó không đáng để cãi cọ. Ông ta đẩy một tập kẹp giấy qua khe cửa sổ. “Vui lòng để lại họ tên.”

Porter nguệch ngoạc hai chữ *Bob Seger** lên dòng để trống tiếp theo trong danh sách và trả lại cho ông ta.

Ông ta chăm chú nhìn cái tên rồi lấy một chiếc chìa khóa treo trên tấm bảng đục lỗ ở bên cạnh, thả vào khay kim loại bên dưới khe hở. “Tôi xếp

cho anh ở phòng penthouse suite*. Nó nằm ở mé phía đông, trông ra quang cảnh thành phố tuyệt đẹp. Anh có thể mua đồ ăn sáng nhẹ ở máy bán hàng tự động đặt ở cuối mỗi hành lang. Chúc anh nghỉ ngơi thoải mái.”

Porter cầm lấy chìa khóa, nhưng đó không phải loại thẻ từ mà là chìa khóa cơ được lồng vào dây đeo bằng nhựa, số 203 màu đen dập trên đó đã bạc phếch. Anh bỏ nó vào túi và xách va li lên. “Cảm ơn.”

Người quản lý đã lại dán mắt vào mấy màn hình camera giám sát. Ông ta thờ ơ xua tay, đầu ngón tay dính vụn snack màu cam.

Porter đi qua chỗ thang máy để leo cầu thang bộ lên tầng hai, tìm phòng 203. Chẳng rõ những phòng xung quanh có ai ở không, vì không có dấu hiệu nào cho thấy điều đó. Các ô cửa sổ đều tối đen.

Anh loay hoay một lúc mới vặn được chìa khóa. Mở xong, anh đẩy cửa, bước vào phòng và bật đèn lên.

Giữa phòng kê chiếc giường 1m6x2m, một cái tủ ngăn kéo bằng gỗ sồi màu sáng đầy vết xước được đẩy sát vào bức tường phía đối diện. Cạnh điều khiển từ xa có một tấm biển với dòng chữ HBO MIỄN PHÍ! nhưng chẳng thấy cái ti vi nào mà chỉ có khoảng trống ở nơi từng đặt ti vi, bằng chứng là những chỗ sây sát để lại trên mặt gỗ. Vết bẩn màu nâu đã phai màu choán gần hết mặt sàn, trông chẳng ra hình thù gì cả. Ai đó đã cố dùng dung dịch cọ rửa để tẩy sạch vết bẩn trên tấm thảm Berber màu xanh lục, nhưng rốt cuộc chỉ khiến nó càng bẩn thêm. Ở góc xa là bộ bàn viết và ghế trầy trụa, xước xát.

Trong phòng có cả nhà tắm nhưng Porter không buồn xem qua. Chuyện đó để từ từ. Thay vì vậy, anh đặt va li lên giường rồi bước tới bên cửa sổ. Anh vén tấm rèm dày cộp ra. Đứng từ đây có thể trông thấy ánh đèn trại

giam ở đằng xa, lác đác những ô cửa sổ nhỏ hẹp vẫn sáng lên trong đêm khuya vắng.

CHƯƠNG 34

Clair

Ngày 3 • 4:56 sáng

Tiếng chuông điện thoại reo vang.

Clair bừng mở mắt. Căn phòng trước mặt cô đang xoay ngang. Đầu cô áp lên mặt bàn làm việc bằng kim loại lạnh lẽo, nước miếng chảy thành vũng bên dưới.

"Bố khỉ!" Cô lầm bầm, ngước nhìn đồng hồ treo tường. Trời sắp sáng rồi. Sau khi chia tay ở bệnh viện, Nash đến nhà Davies giám sát tình hình, còn cô quay lại phòng tác chiến để cập nhật thông tin lên bảng.

Cô với lấy điện thoại và nhấn nút nghe. "A lô?"

"Thanh tra Norton phải không?"

"Tôi đây."

"Tôi là Lindsy Rolfes ở Đội Khám nghiệm Hiện trường. Tôi gọi cho cô mấy lần rồi nhưng cuộc gọi toàn bị chuyển sang hộp thư thoại."

"Tại tôi thiếp đi trong lúc làm việc đấy." Clair nói. "Có chuyện gì vậy?"

"Tôi đã gửi báo cáo chứng cứ sơ bộ thu thập được tại nhà Davies cho cô và Thanh tra Porter qua e-mail cách đây khoảng hai mươi phút. Chúng tôi phát hiện một lượng lớn lisinopril trong chỗ cà phê còn sót lại. Ngoài ra, chúng tôi còn tìm thấy mấy vết xước trên ổ khóa của cánh cửa tại tiền sảnh.

Chúng không giống với dấu vết gây ra do chìa khóa hoặc do quá trình sử dụng hằng ngày." Rolfes nói.

"Vậy là có người đã đột nhập vào nhà?"

"Chúng tôi nghĩ vậy. Hung thủ phá khóa rồi vào qua cửa đó, nhiều khả năng hắn đã đổ dung dịch thuốc vào bình chứa nước của ấm pha cà phê. Với lượng thuốc quá lớn, ông Davies dù có lấy nước đầy bình đi nữa cũng không thể hạ nồng độ xuống mức an toàn được." Cô ta do dự giây lát, giọng nói có phần lạc đi. "Tôi gọi điện đến bệnh viện để trao đổi với bác sĩ điều trị về kết quả xét nghiệm độc chất của Randal Davies thì được biết ông Davies đã qua đời lúc mười giờ ba mươi tư phút đêm qua. Ông ta bị một cơn đột quỵ nghiêm trọng, các bác sĩ không cứu được."

Clair hít một hơi thật sâu. Đầu tiên là hai cô bé, giờ lại đến hai ông bố.

"Còn nữa." Tiếng Rolfes vang lên ở đầu dây bên kia. "Chúng tôi đã xác định bộ quần áo Lili Davies mặc trên người khi được phát hiện chính là quần áo của Ella Reynolds. Trên vải còn lưu lại dấu vết tế bào da và tóc của cả hai cô bé. Chúng tôi còn tìm thấy một lượng nhỏ chất nôn dính ở ống tay áo, kết quả cũng khớp với ADN của Lili Davies. Tôi có đề cập đến những điều này trong e-mail rồi."

"Có chi tiết nào cho biết thời điểm hung thủ lẻn vào nhà không?"

"Không gì cả. Chúng tôi không tìm được chứng cứ nào cho thấy hung thủ đi sâu hơn vào bên trong, mà chỉ đến nhà bếp là cùng. Tôi có cảm giác tên này đã chuẩn bị cực kỳ kĩ lưỡng trước khi đột nhập, hắn đến và đi nhanh như một cơn gió."

"Cảm ơn vì đã liên lạc với tôi. Nếu phát hiện được thêm điều gì thì cô báo cho tôi biết nhé." Clair nói.

“Tranh thủ nghỉ ngơi một lát đi, Thanh tra.”

Cuộc gọi kết thúc, Clair đặt điện thoại xuống bàn.

Lúc này cô sao có thể nghỉ ngơi được.

Cô đứng dậy, vươn vai rồi bước tới chỗ mấy tấm bảng trắng. Bên dưới cái tên LILI DAVIES, cô viết:

Mặc quần áo của Ella Reynolds khi được tìm thấy

Bị đuối nước rồi lại được hồi sinh nhiều lần - trong nước mặn

Sau đó, cô thêm vào một cột dữ liệu về Randal Davies như sau:

Bác sĩ tại Bệnh viện John H. Stroger Jr.

Bố của Lili Davies

Vợ = Grace Davies

Dùng thuốc quá liều - lisinopril (điều trị cao huyết áp)

Cô nhìn sang danh sách phân công nhiệm vụ và gạch đi những việc đã hoàn thành. Việc cần làm không còn nhiều nữa. Họ phải nhanh chóng tìm ra manh mối mới.

Đã có bốn người chết rồi.

Cô tự hỏi không biết tình hình Kloz kiểm tra danh sách bể bơi nước mặn, cửa hàng thủy sinh và đầu mối cung cấp trang thiết bị thủy sinh trong vùng đến đâu rồi.

Clair chợt liếc nhìn về phía máy pha cà phê ở góc phòng, nhưng cô nhanh chóng đổi ý. Cô sẽ ra máy bán hàng tự động mua món khác, một món được đóng gói kĩ càng trong bao bì chống lisinopril là tốt nhất.

CHƯƠNG 35

Nash

Ngày 3 • 6:43 sáng

“Hệ thống sưởi của con xe này siđa không thể tả.” Klozowski nói, xoa hai tay vào nhau trước cửa thông khí.

Chiếc xe đang đỗ bên kia đường, đối diện với cửa hàng Cars R Us trên phố Pulaski. Tấm biển ở mặt tiền cho biết phải một giờ nữa họ mới mở cửa, sớm hơn hai giờ so với thường lệ để phục vụ chương trình khuyến mại giảm giá nào đó nhân dịp lễ Tình nhân. Những dải ruy băng đỏ giăng khắp bãi xe.

Sau gần cả đêm loanh quanh ở nhà Davies giám sát Đội Khám nghiệm Hiện trường làm việc, Nash phải tranh thủ chút thời gian ít ỏi để tạt về nhà tắm rửa và thay quần áo trước khi qua đón Kloz ở căn hộ của anh ta trong trung tâm thành phố. Khi đến nơi, anh thấy Kloz ngồi trên bậc tam cấp bên ngoài, tu Red Bull ừng ực.

Nash vỗ lên bảng điều khiển. “Connie đây tuy có già yếu xuống sắc, nhưng tôi sẽ sớm đưa em ấy trở lại ngôi vị nữ hoàng. Chỉ cần tút tát tí chút là ngon ngay.”

Hai tay Kloz bỗng khựng lại, anh ta quay sang trân trối nhìn Nash. “Ông làm tôi sợ vãi linh hồn đấy biết không. Thật chứ chẳng đùa. Ông khiến tôi liên tưởng đến *Christine**, mọi người trong đó có kết cục chẳng tốt lành gì, cả cái ô tô cũng thế. Sao không đổi thứ đồ đồng nát này sang một con Toyota hay Honda tử tế hơn? Loại có túi khí và đầu đĩa CD ấy. Chứ con này

vẫn xài đầu đọc tám rãnh kìa Nash. Hẳn đầu đọc tám rãnh đấy cha nội. Tôi hỏi ông, thời buổi này ông bói đâu ra được băng tám rãnh* mà nghe?"

"Ôi, chú em đúng là thiếu đức tin." Nash nói. Anh nhoài người, dộng nắm đấm lên hộc để găng. Nắp hộc bật tung, rơi trúng đầu gối Kloz. Những cuộn băng tám rãnh từ bên trong ào ra như thác xuống sàn xe. "Bỏ một gã chất chơi trong số đó vào coi."

Kloz tròn mắt nhìn đống băng dưới chân mình. "Con xế này chính thức thăng cấp thành huyền thoại nhé." Anh ta cúi xuống nhặt lấy một cuộn. "Hết sảy!" Anh ta nhét cuộn băng vào đầu từ tám rãnh, một tiếng "cách" vang lên nghe rất "đã". Lát sau, giai điệu mở đầu ca khúc *Sweet Caroline* của Neil Diamond* lạo xạo cất lên qua dàn loa còi với những nốt luyến láy khàn khàn.

Nash gõ ngón tay trên vô lăng, Kloz thì bắt đầu uốn éo, nghiêng ngả theo nhịp beat. "John Lennon* cứ gọi là chạy dài. Thiên tài đích thực là đây."

Kloz bắt đầu ngâm nga.

Nash rướn người sang, nhấn nút nhả băng.

"Quái gì vậy?" Klozowski cau mày.

"Tôi mà để cho anh nghe tiếp, chẳng mấy chốc anh sẽ ông ổng hát, rồi thể nào tôi cũng hát theo, như thế cả hai sẽ cùng nhau trải qua những giây phút đặc biệt, và khi giây phút ấy qua đi, mọi chuyện sẽ thành ra khó xử. Tôi chưa sẵn sàng hát nhạc Neil Diamond cùng anh đâu. Bước tiến khá trọng đại đấy. Anh nhập hội chưa đủ lâu." Nash nói.

"Nếu đổi lại là Clair hay Porter thì anh hát ngay chứ gì?"

"Chuyện đó khác."

“Khác thế nào?”

“Đơn giản là khác thôi.”

“Xem ra có một sự ghen tị không hề nhẹ ở đây. Phòng IT bọn tôi chả hát hò bao giờ.”

Nash căng mắt nhìn sang bên kia đường. “Có động tĩnh kìa.”

Một người đàn ông mặc áo khoác dày màu xanh dương bước ra khỏi chiếc xe SUV sơn đỏ rồi lội qua lớp tuyết để đến với tòa nhà thấp bè màu ghi nằm giữa bãi xe. Ông ta loay hoay mở khóa bằng đôi tay vẫn còn đeo găng, sau đó đẩy cửa và lách vào.

“Chắc chắn là quản lý hoặc chủ cửa hàng.” Kloz nói. “Anh đoán không sai. Quả nhiên ông ta đến sớm để chuẩn bị cho chương trình giảm giá.”

“Vào việc thôi.” Nash nói. Anh cởi dây an toàn và mở cửa xe. Cơn gió lạnh băng thốc tới làm anh suýt ngã nhào, chật vật lắm mới đứng vững được trên băng. Anh kéo lại cổ áo khoác và khép chặt. Giá mà có thêm chiếc mũ nữa thì tốt.

Khi thấy không còn xe đi tới, anh cố gắng sang đường thật nhanh mà không để mình bị ngã. Klozowski theo sau.

Bãi xe của Cars R Us có diện tích nhỏ, cùng lắm chỉ khoảng hai ngàn mét vuông, bao quanh là dãy hàng rào cao màu đen và giàn đèn pha vàng lắp trên mấy cây cột được bố trí để chiếu sáng những chiếc xe đời mới đã qua sử dụng sao cho đẹp nhất. Mỗi xe đều kèm theo mấy mẩu quảng cáo bên dưới mức giá lạm phát: Đi ít! Không gỉ! Giá hời! Sạch đẹp!

Nash rảo bước qua bãi xe và dừng lại trước cửa văn phòng.

Kloz trượt chân suýt ngã trên lớp băng ở vỉa hè. Anh ta vội ngó quanh xem có bị ai trông thấy không. Nash nhìn anh ta chòng chọc.

“Khi nào toàn bộ chuyện này kết thúc, tôi sẽ chuyển tới sống ở Florida hoặc LA*. Thiếu gì việc cho dân IT ở những bang có khí hậu ấm áp.” Kloz nói khi cuối cùng cũng tới được văn phòng làm việc.

“Anh mà chuyển đi, fan Cubs* từ mặt anh ngay. Những bang ấm áp toàn đội hạng bét, chả có cộng đồng fan gì sất. Dân ở đấy cả ngày chỉ chăm chăm chạy xe vòng vèo khắp bãi biển tìm chỗ đậu hoặc kéo nhau đi chơi golf. Làm gì có thời gian cho những môn thể thao đích thực.”

Kloz gõ lên ngực mình. “Thế anh tưởng một gã IT như tôi thì biết thế nào là thể thao chắc?”

Nash lắc đầu ngán ngẩm. “Không bao giờ tôi thèm song ca với anh.”

“Kệ anh.”

Cửa chính của tòa nhà văn phòng nhỏ đã bị khóa, song Nash vẫn trông thấy người đàn ông đi lại bên trong. Anh gõ lên tấm kính và giơ thẻ cùng phù hiệu cảnh sát. Người đàn ông đang đứng cạnh tủ hồ sơ ở góc trong quay ra nhìn, tay cầm chiếc thìa đong cà phê. Ông ta chẳng ngại ngần tỏ rõ thái độ khó chịu khi bị làm phiền, ra vẻ bực bội vứt chiếc thìa vào hộp cà phê cỡ đại thường bán ở Costco* rồi lừ đừ đi ra cửa. Ông ta vẫn mặc cái áo khoác xanh dương nhưng mở phéc-mơ-tuya đến lưng chừng cái bụng phệ. Bên trong lấp ló chiếc áo len xanh lục.

Ông ta săm soi phù hiệu cảnh sát qua tấm kính lem luốc. “Các anh muốn gì?”

“Thái độ với công chức nhà nước như vậy là không được nhé.” Kloz nói.

“Chúng tôi thuộc Sở Cảnh sát Chicago. Chúng tôi có vài điều muốn hỏi ông.” Nash cố nói to để át đi tiếng gió ù ù.

Người đàn ông ngoái lại nhìn cái máy pha cà phê với ánh mắt đầy lưu luyến, sau đó vặn khóa cửa rồi đẩy lên, ra hiệu mời họ vào. “Lẹ lên, đừng để nhiệt thoát ra ngoài.”

Nash và Kloz lách người vào phòng, ông ta khóa cửa rồi lại ngó cái máy pha cà phê.

“Ông có vẻ tâm huyết với nó nhỉ.” Nash nói.

Ông ta thở dài. “Xin lỗi, tôi mới cai thuốc lá hồi năm ngoái, rượu cũng đã cai từ năm kia rồi. Giờ chỉ còn mỗi tật nghiện caffeine là chưa bỏ được thôi.”

“Vậy cứ tự nhiên.” Nash nói.

Họ nhìn người đàn ông xăng xái chạy lại chỗ tủ hồ sơ, cẩn thận xúc ra mười thìa cà phê xay rồi đem bình chứa của máy tới chỗ cái bồn rửa nhỏ ở góc phòng để lấy nước. Ông ta nhấn nút và máy bắt đầu chạy, phát ra tiếng xì xì, lóc bóc khi nước dần nóng lên. Sau đó ông ta quay sang họ, giờ đã có thể thoải mái nói chuyện được rồi. “Tôi là Mel Cumberland. Tôi có thể giúp gì cho hai sĩ quan thực thi pháp luật đáng mến đây?”

“Tôi là Thanh tra Nash, còn đây là Edwin Klozowski.” Anh lấy điện thoại di động trong túi ra, gõ màn hình rồi giơ lên. “Ông có biết cô bé này không?”

Bàn tay Cumberland nhanh như cắt với sang cái bàn bên cạnh, làm Nash tí nữa thò tay định rút súng rồi mới ngớ ra ông ta chỉ lấy cặp kính. Anh nghe thấy Kloz cười hinh hích sau lưng.

Cumberland đeo kính lên và tiến lại gần. “Tôi xin phép?”

Nash đưa máy cho ông ta.

Ông ta gí sát mắt vào màn hình, hơi cúi đầu để nhìn được rõ hơn qua cặp kính. “Tôi có lý do gì để quen biết cô bé không?”

“Cái xe ấy kìa.” Kloz lên tiếng từ phía sau. Nash ngoái lại, nhìn theo hướng anh ta chỉ và trông thấy chiếc Mazda2 màu xanh lục sáng đang đậu trong bãi.

“À, hóa ra là cô bé đó.” Cumberland nói và trả điện thoại cho Nash. “Các anh nghe này, tôi đã giải thích với nhiều phụ huynh về vấn đề này rồi. Không có luật nào cấm thanh thiếu niên mua ô tô cả. Chúng chỉ bị cấm lái xe khi chưa lấy bằng thôi. Cô bé không có lịch sử tín dụng nên tôi yêu cầu cô bé chia nhỏ số tiền cần thanh toán ra để trả dần, tối thiểu là mười lần, thì mới được mang xe về. Đến lúc trả xong thì cô bé đã đủ mười sáu tuổi nên sẽ không có rắc rối gì hết. Nếu bố mẹ cô bé định khiếu nại tôi với chính quyền thì tốt nhất họ đọc các quy định và điều khoản đi đã rồi hẵng làm lãng phí tiền thuế của dân. Tôi tin các anh còn nhiều việc khác quan trọng hơn cần phải giải quyết. Và tôi cũng thế.”

Sau lưng Cumberland, cái máy phát ra tiếng xì xèo. Bằng động tác thành thục, ông ta cẩn thận nhấc ấm đựng cà phê ra, thay bằng một cái cốc lem nhem vết ố vàng rồi hứng ở đó một lúc, đến khi đầy thì lấy ra và đặt ấm vào chỗ cũ. Thân cốc in dòng chữ đen đã phai màu: KHÔNG CÓ CÂU BÔNG ĐÙA NÀO ĐÂU, CHỈ LÀ CỐC ĐỰNG CÀ PHÊ THÔI (VÀ ĐÔI KHI CẢ WHISKEY NỮA).

“Nếu được một cốc thì tôi cũng không thấy phiền đâu.” Klozowski nói. “Nhưng có lẽ đựng bằng thứ kia thì hơn.” Anh ta hất hàm về phía chồng cốc xốp đặt bên cạnh tủ hồ sơ.

Cumberland lấy cà phê vào hai cốc rồi đưa cho Kloz và Nash. “Hai lần đầu cô bé thanh toán rất đúng hạn, nhưng lần thứ ba thì trễ, đến giờ là gần

hai tuần rồi. Trẻ con thời nay chẳng có ý thức trách nhiệm gì cả. Chắc là lại nướng tiền vào bộ đầm dạ hội hay thứ quái quỷ nào đó rồi, xong không buồn ghé qua xin khất. Tôi vẫn hay bỏ qua cho tụi nhỏ lần đầu, không bắt nộp phạt và cố gắng giải thích để chúng hiểu được tầm quan trọng của việc thanh toán đúng hạn, nhưng nhiều đứa thay vì nhận sai thì lại đi trốn tránh. Chúng mà tái phạm lần thứ hai là sẽ rắc rối đây."

"Cô bé ấy chết rồi." Nash nói và quan sát kĩ để thăm dò phản ứng của ông ta.

Ông ta không có biểu hiện gì mà chỉ nói: "Hừm, tôi không giết cô bé."

"Thật sao?"

Cumberland đặt cốc cà phê lên tủ hồ sơ và giơ hai tay. "Tôi không rõ các anh đang nghĩ gì, nhưng việc duy nhất tôi làm là bán xe cho cô bé. Từ trước tới giờ tôi mới gặp cô bé khoảng bốn, năm lần là cùng. Cô bé tìm đến đây, tham quan bãi xe vài lần, quyết định mua chiếc Mazda, sau đó làm hồ sơ thanh toán định kỳ, trả trực tiếp tại văn phòng. Đấy, tất cả chỉ có thế. Như tôi vừa nói, cô bé chưa nộp tiền dù kỳ thanh toán gần nhất đã đến hạn từ hai tuần trước. Lần cuối cùng tôi gặp cô bé là khi vừa qua năm mới. Đúng ra mà nói, cô bé còn chưa được quyền sở hữu chiếc xe mà phải tích lũy đủ mười phần trăm đã rồi chúng tôi mới làm hợp đồng chính thức."

"Vậy là từ tháng Một tới giờ ông không gặp cô bé?"

Cumberland đi vòng qua bên kia bàn và gõ bàn phím máy tính. "Ella Reynolds phải không? Cô bé đến đây lần cuối vào ngày 3 tháng Một để thanh toán ba trăm mười hai đô la. Tôi bảo cô bé chỉ cần nộp hai trăm đô là đủ, nhưng cô bé không muốn người khác mua mất chiếc xe mình thích nên cố trả thêm cho đủ số tiền cần đặt cọc. Trước đó một tháng, cô bé đã nộp hai trăm bảy mươi ba đô. Hôm ấy là ngày 2 tháng Mười hai."

“Không hiểu cô bé lấy đâu ra ngần ấy tiền nhỉ.” Kloz nói. “Chúng ta không có thông tin gì về việc cô bé đi làm.”

Cumberland kéo thanh cuộn để xem qua hồ sơ. “Trong tờ khai có viết, cô bé làm gia sư cho một số em học sinh. Hay ít ra thì đó là những gì cô bé đã viết trong phần thông tin nghề nghiệp.”

“Có thể cô bé giấu bố mẹ chuyện đi dạy thêm.” Klozowski nói. “Ngày xưa tôi cũng làm gia sư nhưng không cho cụ khốt ở nhà biết. Nếu biết, cụ cắt tiền tiêu vặt của tôi ngay. Tôi cứ ỉm đi, thế là hốt trọn cả hai món.”

“Tôi biết anh là hình mẫu đứa con lý tưởng rồi.” Nash đáp. “Hóa ra cô bé hay ghé Starbucks là để dạy thêm. Ngoài lướt web tìm mua xe, có thể cô bé hẹn học sinh của mình ở đó.”

“Tôi cũng toàn đến Starbucks và thư viện để dạy.” Kloz tán đồng.

Nash kéo thanh cuộn, tìm ảnh chụp Lili Davies trong điện thoại và giơ ra trước mặt Cumberland. “Vậy còn người này? Ông đã gặp cô bé ở đây bao giờ chưa?”

Ông ta cố nhìn vào màn hình bé tẹo, đôi mắt nheo lại sau cặp kính. “Chưa. Cô bé này thì tôi không biết.”

“Nhỡ cô bé có đến và được nhân viên bán hàng khác tiếp đón thì sao?”

Cumberland lắc đầu. “Nếu cô bé đến thì tôi phải biết chứ, lúc nào tôi chẳng ở đây. Tôi rất coi trọng việc ghi nhớ mọi vị khách tới cửa hàng. Mấy cậu nhân viên trẻ tuy cũng khá nhưng vẫn chưa bằng tôi. Bọn họ có thể để khách tay trắng ra về, chứ tôi thì không. Đã vào tay tôi thì kiểu gì cũng bán được.”

“Chúng tôi sẽ cần danh sách nhân viên làm việc tại đây.” Nash nói.

“Chuyện đó thì đơn giản. Có tôi, Brandon Stringer, và Doug Fredenburg. Doug là thợ máy. Cậu ta bị cúm nên nghỉ hai hôm nay rồi. Brandon thì tám giờ sẽ đến.”

“Có ai trong hai người đó tiếp xúc với cô bé Reynolds không?”

“Theo như tôi biết thì không.” Cumberland đáp lời Nash. “Hôm đầu tiên cô bé đến, lúc đó Brandon đang tiếp khách hàng khác. Cô bé trông vậy mà quyết đoán ra phết, chỉ xem qua chiếc Mazda trong bãi một lượt rồi mạnh dạn vào thẳng đây, nói với tôi là muốn mua chiếc xe đó. Chẳng cần lái thử hay gì hết. Tất nhiên tôi cũng không để người chưa có bằng lái thử xe, mà sẽ đích thân chở cô bé đi một vòng.”

“Thế còn cậu kia, Fredenburg?”

Cumberland lại gõ bàn phím. “Lúc đó hình như cậu ta đang chui dưới gầm chiếc Pontiac trong gara để thay xi lanh phanh chính. Cậu ta hiếm khi tiếp xúc với khách hàng. Các anh cứ ở đây chờ Brandon tới rồi hỏi cậu ta. Có thể tham quan bãi xe một vòng.” Ông ta hất hàm về phía chiếc Chevy Nova của Nash đang đỗ bên kia đường. “Xe của anh có cơ hội lên đời ngon nghẻ hơn đấy, nhưng liệu anh có thời gian và nguồn lực để thực hiện không? Chi bằng đổi nó lấy cái khác tốt hơn, kiểu “chìa khóa trao tay” ấy mà.”

“Loại nào có hệ thống sưởi chạy được, và có thể là cả dàn loa stereo không núm vặn ở bên thân nữa.” Kloz nói. “Xe của anh cũ đến mức phải mở nắp ca-pô để tống thức ăn cho lũ ngựa bên dưới ấy.”

Hai người kia giương mắt nhìn anh ta.

“Ô kìa, ví von hay thế còn gì.”

“Không, chẳng hay tí nào con trai ạ.” Cumberland đáp.

Nash và Kloz quay lại ngồi trong chiếc Chevy. Những bông tuyết xoay tròn rơi trên kính chắn gió.

Nash nổ máy rồi đưa mắt nhìn sang bên đường. “Tôi không cho rằng ông vua cà phê kia là kẻ chúng ta cần tìm.”

“Việc điều tra xin nhường lại cho nhóm điều tra viên các anh, nhưng tôi cũng phải công nhận ông ta không khớp với những suy đoán của chúng ta. Bắt cóc một cô gái ngay trong bãi xe của mình đúng là ngu ngốc hạng nhất, hơn nữa, nói thật tôi thấy ông ta dường như chẳng có động lực gì để làm ra một việc như thế.”

“Ông ta già quá rồi.” Nash nói. “Những vụ án kiểu này thường có động cơ liên quan đến tình dục, đặc trưng của nhóm tội phạm dưới ba mươi lăm tuổi. Kể cả khi nạn nhân không bị xâm hại đi nữa, tình dục vẫn là yếu tố then chốt. Cumberland dễ phải ngoài năm mươi. Đã vậy còn thừa cân. Một cô bé tuổi teen đủ sức nện cho ông ta một trận thừa sống thiếu chết nếu ông ta định giở trò ong bướm. Ông ta đừng mơ bắt cóc được ai đó trong không gian mở như thế này. Kẻ chúng ta cần tìm có tuổi đời trẻ hơn, khỏe hơn, với động cơ thực sự cơ.”

“Nhưng một trong những nhân viên của ông ta vẫn có thể là hung thủ.” Kloz nói. “Ông ta nói Lili không đến không có nghĩa điều đó là sự thật.”

“Cả hai cô bé đều đang tìm mua xe. Đó là thứ duy nhất có thể coi như đầu mối mà chúng ta có. Ta sẽ ngồi đây đợi hai cậu nhân viên kia đến.”

Kloz thò tay định bật bộ loa stereo.

“Không được.”

CHƯƠNG 36

Poole

Ngày 3 • 6:44 sáng

Bọn họ đã ở đây suốt đêm.

Đội Khám nghiệm Hiện trường không ngừng ra vào căn nhà tồi tàn của Libby McInley trong bộ đồ bảo hộ bằng nylon mỏng, ít nhất cũng phải mười hai người. Poole ngồi trên ghế lái của chiếc Cherokee lặng lẽ quan sát mọi việc đang diễn ra. Dù họ đã hết sức cẩn thận, anh vẫn cố không nghĩ đến việc ngần ấy con người đi lại sẽ gây tổn hại thế nào đến hiện trường.

Đặc vụ Toàn quyền Hurless đứng trên bậc tam cấp, di động áp vào tai. Đặc vụ Diener thì đang ở đâu đó bên trong nhà.

Poole nhìn Hurless kết thúc cuộc gọi rồi băng qua đường, tới nơi anh đang đỗ xe.

Anh hạ cửa xe xuống.

"Bác sĩ pháp y cho biết cô ta đã chết được vài ngày rồi. Chúng tôi nghĩ hắn… chúng tôi nghĩ cô ta bị trói vào cột giường từ hôm thứ Tư, cũng vào tầm giờ này. Hắn ra tay với cô ta khá thong thả, từ khi bắt đầu đến khi xong việc là mười hai tiếng. Hắn cắt ngón chân cô ta trước tiên, sau cùng là ngón tay. Mắt, tai, lưỡi bị móc và bị cắt trong quá trình đó."

"Vậy còn những vết cứa?"

"Bác sĩ nói trong lúc đi từ dưới lên, làm đến đâu hắn cứa đến đấy. Có thể hắn xen kẽ giữa cứa da và cắt xẻo các bộ phận." Hurless giải thích.

“Hắn không để cô ta rời khỏi giường. Cô ta đại tiểu tiện ngay tại chỗ. Dây trói ở cổ chân bên phải còn cứa sâu vào thịt.”

Poole không cho phép mình nhắm mắt lại. Anh biết nếu làm vậy, anh sẽ thấy được trong tâm trí tất cả những gì đã xảy ra. Anh sẽ thấy Bishop trói chặt người đàn bà này vào giường, hành hạ, tra tấn cô ta đến hơn nửa ngày trời, giữa những tiếng thét gào không một lời hồi đáp. “Cách làm này xem chừng hơi bất cẩn… đối với hắn. Đối với một kẻ như Bishop.”

“Hắn đang dần cải biến. Giờ chúng ta đã biết hắn là ai rồi. Hắn hành sự không cần quá cẩn trọng như trước nữa.” Hurless nói.

“Có thể.”

“Anh nghĩ còn nguyên nhân khác ư?”

“Nguyên nhân khác, đúng vậy.”

“Nghe có vẻ thần bí nhỉ.”

Poole nói: “Hắn chưa bao giờ cắt xẻo thi thể như thế này. Ngón tay và ngón chân, đó đều là những chi tiết hoàn toàn mới.”

“Thì tôi đã bảo hắn “lên trình” rồi mà.”

“Có lẽ vậy.”

Hurless di di chân. Hơi thở phả ra lơ lửng trong bầu không khí buốt giá trước mặt ông ta hệt như làn khói thuốc. Tuyết lại bắt đầu rơi dày và nặng hạt. “Anh đi theo dấu manh mối Porter để lại và tìm được đến đây chứ gì.”

Câu nói ấy nghe như một lời khẳng định hơn là câu hỏi. Poole gật đầu. “Linh tính của anh ta khá chuẩn xác.”

“Linh tính chuẩn xác ư? Anh ta làm việc với Bishop gần một tuần trời mà có phát hiện ra đâu. Đến khi có cơ hội tóm cổ hắn, anh ta lại để cho hắn chuồn mất. Chuồn ngay trước mũi nửa số nhân viên Sở Cảnh sát Chicago.

Nếu anh ta bắt được Bishop từ năm năm trước thì bây giờ chúng ta đã không phải ở đây, còn người phụ nữ kia…” Ông ta hất hàm về phía ngôi nhà. “… Giờ này vẫn còn sống khỏe mạnh. Anh nhìn vào đây mà đánh giá.”

Nghe ông ta nói thế, Poole lặng thinh, hướng ánh mắt về phía ngôi nhà. Về phía cái ô tô hỏng nằm trên lối đi và cái xe đạp bên hông nhà. “Cô ta sống biệt lập ở đây, kín cổng cao tường, ẩn dật tuyệt đối. Khi nào tới gặp cán bộ quản chế của cô ta, tôi nghĩ chúng ta sẽ thấy rằng ông ta không có cách gì gọi được cô ta ra khỏi nhà. Ông ta chắc chắn đã tìm đến đây.”

Giờ đến lượt Hurless im thin thít. Nếu là một năm trước, ông ta hẳn đã “xạc” cho Poole một trận vì dám phán bừa. Nhưng Poole đã nhiều lần chứng minh được năng lực của mình. Chính vì lý do đó Hurless mới chỉ đích danh anh tham gia vào tổ chuyên án này.

Đặc vụ Diener bước xuống bậc tam cấp trước nhà, trông thấy Hurless và Poole, anh ta vẫy tay rồi gọi lớn: “Có thứ này hai người cần xem đấy.”

Poole xuống xe, đi theo Hurless sang bên kia đường, đầu cúi thấp để tránh những bông tuyết giờ chẳng khác nào băng đá kết hợp với mưa tuyết.

Trong nhà vẫn không có điện. Các kỹ thuật viên hiện trường đã đặt máy phát điện ở sân sau, mớ cáp nối dài màu cam ngoằn ngoèo chạy khắp hành lang, len lỏi vào từng phòng. Những cặp đèn pha halogen đặt trên các chân đế kim loại màu vàng được bố trí xung quanh nhà, lấp đầy mọi ngóc ngách bằng thứ ánh sáng chói gắt và hắt lên đó những bóng đen sắc nét. Hurless và Poole theo Diener đi qua cửa chính để tới phòng ngủ ở phía cuối nhà, nơi thi thể Libby McInley vẫn đang nằm. Một thợ ảnh chậm rãi đi quanh phòng, chụp lại từng centimet diện mạo hãi hùng ấy. Poole tưởng như nghe thấy cả tiếng gào thét tuôn ra từ cái miệng đóng băng, ngập máu kia.

Một kỹ thuật viên khác đang dỡ chiếc camera 3D trên giá ba chân ở chính giữa phòng. Khi hoạt động, camera sẽ xoay tròn, ghi hình toàn bộ căn phòng từ mọi góc độ, kết hợp cả quay phim và chụp ảnh. Xong việc, nó sẽ được mang sang phòng khác và lặp lại quy trình trên để thu được hình ảnh đầy đủ của ngôi nhà từ bên trong và có thể là cả bên ngoài. Sau đó, máy tính sẽ xâu chuỗi những hình ảnh đó lại, nhờ vậy, các đặc vụ có thể xem xét hiện trường ảo của vụ án ở bất cứ nơi đâu, vào bất cứ lúc nào họ muốn, mọi thứ ngày hôm nay đều được tái dựng hoàn chỉnh. Poole thì chẳng cần dựa vào công nghệ ấy. Dù sao anh cũng sở hữu khả năng ghi nhớ chính xác gần như tuyệt đối những thứ quan sát được, một trí nhớ thấu niệm. Anh không có cách nào xóa sạch khỏi đầu những gì đã chứng kiến ở đây. Cảnh tượng, mùi hương, âm thanh, tất cả đều đã hằn sâu vào trí não anh mất rồi.

Bốn chiếc đèn halogen chiếu thẳng về phía cái giường. Chúng tuy rất sáng nhưng vẫn chưa bằng đèn chớp máy ảnh. Poole phải quay đi chỗ khác.

Diener đứng trước tủ ngăn kéo với một ngăn đang để mở. Anh ta cầm trong tay chiếc đèn pin Mag-Lite loại nhỏ và rọi vào đó.

Poole nhìn theo luồng sáng, chăm chú quan sát bên trong ngăn kéo.

"Bất cứ thứ gì trong số này cũng đều có thể khiến cô ta phải vào tù lần nữa. Tại sao cô ta lại mạo hiểm như vậy?" Diener nói.

Poole rút từ trong túi ra đôi găng cao su màu tím và đeo lên, sau đó thò tay vào ngăn kéo. Anh lấy ra một tấm bằng lái xe và một cuốn hộ chiếu, cả hai đều dán ảnh của Libby McInley nhưng tên ghi trên đó lại là Kalyn Selke. Anh đặt hai loại giấy tờ tùy thân giả ấy lên mặt tủ rồi tiếp tục lấy từ ngăn kéo ra khẩu súng, đó là một khẩu 0,45 có lớp vỏ đen lì mịn. "Súng có đạn."

“Xem chừng cô ta còn chẳng buồn lôi ra dùng.” Hurless nhận xét.

“Cô ta không có cơ hội đâu.” Poole nói. “Bishop hẳn đã tấn công bất ngờ và khống chế cô ta. Bác sĩ pháp y chắc sẽ phát hiện được điều gì đó khi làm xét nghiệm độc chất cho cô ta, có thể là thuốc gây mê như propofol hoặc Nubain. Cả hai loại này hắn đều đã từng dùng rồi.”

Hurless quay sang nói với Poole: “Vừa nãy anh bảo cô ta sống ẩn dật ở đây. Nhưng những thứ này cho thấy hình như cô ta đang lên kế hoạch bỏ trốn.”

“Anh luôn phải đi trước bầy ác quỷ. Ở ngoài tầm với của chúng dù chỉ một inch thôi cũng được.” Poole khẽ thì thầm.

“Anh nói thế nghĩa là thế quái nào?” Diener cười khẩy.

“Chỉ là hai câu tôi từng đọc được trong tiểu thuyết của tác giả Thad McAlister thôi.” Poole đáp. “Tôi không cho rằng cô ta mắc chứng sợ không gian rộng. Cô ta đang trốn tránh ai đó. Cô ta đang sợ hãi.”

“Bishop sao?”

“Hắn đã giết em gái cô ta, biết đâu hắn xoay xở liên lạc được với cô ta trong tù và đe dọa cô ta theo một cách nào đó. Tôi nghĩ gã Franklin Kirby mà cô ta đâm chết có vẻ là một người quan trọng đối với hắn. Chính vì thế hiện trường vụ này mới khác biệt như vậy. Hắn giết Libby McInley không phải vì Talbot hoặc vì cô ta có mối liên hệ nào đó với những tội ác Talbot nhúng tay vào. Đây có lẽ là vụ giết người vì mục đích báo thù. Hắn muốn cô ta nếm đủ mọi đau đớn, khổ sở.” Poole nói.

Anh chợt nhác thấy vật gì đó ló ra từ bên dưới chiếc áo len nâu gấp gọn. Poole thò tay vào rút nó ra. Đó là một bức ảnh Polaroid chụp hai người phụ

nữ đang khỏa thân trên giường. Mép ảnh đã sờn, nước ảnh cũng không còn tươi sáng nữa.

“Tôi bắt đầu khoái cô nàng này rồi đấy.” Diener nói.

“Tấm ảnh đã cũ rồi. Chắc phải chụp từ mười lăm, hai mươi năm trước. Giờ mấy ai còn dùng máy Polaroid.”

“Trong này vẫn còn thứ gì nữa kìa.” Hurless chỉ vào mép chiếc áo, bên dưới góc đối diện.

Poole thấy rồi. Anh lùa tay vào giữa lớp áo. Thì ra là một lọn tóc vàng dài khoảng mười lăm centimet, hai đầu được cố định lại bằng hai cái chun buộc tóc màu đen.

CHƯƠNG 37

Larissa

Ngày 3 • 7:21 sáng

Larissa Biel đứng ở góc phố, nơi giao cắt giữa đại lộ West Chicago và đại lộ North Damen. Cứ mỗi lần có người mở cửa tiệm bánh Pierre's Bakery sau lưng cô, Larissa đều phải dằn lòng kiềm chế thôi thúc muốn chạy ào tới chỗ bánh quy, bánh ngọt cùng vô vàn món khác ngon tuyệt trong đó, ăn cho đẫy thì thôi. Liệu có điều luật nào cho phép cái mùi bánh thơm nức ấy bay ra phố không nhỉ? Tối nay sẽ diễn ra buổi vũ hội Valentine ở trường cô, bằng mọi giá cô phải mặc vừa bộ váy. Nó đã chật lắm rồi, giờ mà nhồi thêm một, hai cái bánh rán nữa thì hỏng hẳn. Kevin Dew cũng đến, và cô biết ngay khi nhìn thấy cô trong chiếc váy quây màu đen ấy, anh chàng nhất định sẽ quên tiệt ý định theo đuổi cô ả Kiesha Gerow và hẹn hò với cô.

Cửa tiệm bánh lại mở, một ông lão bước ra, ông ta mặc áo khoác lông xù màu xanh dương, quàng khăn xanh lục có hình những chú yêu tinh vắt vẻo trên cành thông Noel, ông ta vừa đi vừa nhồm nhoàm bữa sáng là chiếc bánh kẹp. Khói nghi ngút tỏa ra từ cái bánh mì vòng kẹp trứng và thịt xông khói, khiến cô ứa nước miếng.

Không!

Không thể chịu đựng được nữa. Cô đi thêm một đoạn trên vỉa hè, tiến gần hơn đến góc phố. Cơn gió lạnh buốt thổi qua tòa nhà, khiến cô rùng

mình.

Gã kia đang ở chỗ nào không biết?

Cô giậm chân và bắt đầu chạy tại chỗ. Mười phút trước có lẽ cô còn e ngại khách bộ hành đi qua trông thấy sẽ nghĩ không hay về mình, chứ giờ thì cô mặc kệ. Cô đang rét gần chết, nếu không hoạt động, chắc cô sẽ hóa thành cây kem mất.

Đúng lúc này, cô trông thấy ông ta.

Ông ta tấp xe vào lề đường trước mặt cô, len giữa một chiếc xe tải FedEx* và một chiếc SUV cũ mèm vẫn chưa tắt xi nhan.

Larissa kéo tay nắm và mở cửa xe khi thấy ông ta đã ngồi yên. Cô ngồi vào ghế rồi đóng cửa lại, hơ tay trước khe thông khí của hệ thống sưởi. "Ông đến muộn hai mươi phút đấy. Tí nữa thì tôi bỏ về rồi."

Ông ta gãi gãi chiếc mũ len đen. Nhìn ông ta như người trọc đầu vậy, nhưng ông ta đang đội mũ nên cũng chẳng rõ có trọc thật hay không. "Cô có mang giấy tờ không?"

Larissa gật đầu, rút từ trong túi ra tờ giấy in từ máy tính và đưa cho ông ta. "Vậy, chuyện này là sao đây?"

Ông ta nở nụ cười nhạt trong lúc gài nó vào tập kẹp giấy rồi ném lên ghế sau. "Cô giành chiến thắng trong cuộc thi nên được tặng một buổi học miễn phí. Nếu sau đó cô vẫn muốn tiếp tục thì học phí là bốn trăm đô la cho ba mươi giờ học lý thuyết trên lớp và tám giờ thực hành lái xe, đó là số giờ học tối thiểu mà những người muốn lấy bằng phải đáp ứng theo quy định của bang Illinois. Ngoài ra, chúng tôi có một số chương trình đào tạo với học phí tối đa là bảy trăm đô nếu cô còn chưa vững kỹ năng nào đó như đỗ

xe song song, hoặc vẫn chưa nắm được những kiến thức trong bài thi lý thuyết.”

“Mỗi buổi học, ông sẽ đến đây đón tôi à?”

Ông ta gật đầu. “Chúng tôi đi đón học sinh ở khắp thành phố. Và chúng tôi cũng có thể đưa cô đến bất cứ đâu, miễn là trong phạm vi thành phố. Cuối cùng thì cô vẫn là người cầm lái mà.”

Larissa mỉm cười lễ phép. Ông giáo viên này phát âm chữ *s* trong từ *học sinh* một cách khó khăn. Cô thấy khiếm khuyết đó cũng dễ thương đấy chứ, nó khiến cô nhớ đến Kevin.

“Ta bắt đầu buổi phụ đạo được chưa?”

Larissa kéo dây an toàn và cài khóa vào. “Khi nào ông sẵn sàng thì chúng ta bắt đầu.”

Cô nhìn ông ta đặt tấm biển “Tập Lái” lên mặt bảng điều khiển, sau đó lái xe rời đi. Việc đó hình như hơi ngớ ngẩn thì phải, vì hai chữ ấy đã được viết lên khắp thân xe rồi.

CHƯƠNG 38

Porter

Ngày 3 • 7:33 sáng

Porter ngồi chờ trên băng ghế gỗ bên ngoài phòng làm việc của giám thị, nằm sâu tít dưới tầng hầm xây bằng bê tông của Trại giam Giáo xứ Orleans. Từ khách sạn, anh cuốc bộ tới đây và nhanh chóng rút ra kết luận khu này tốt nhất chỉ nên ngắm vào ban đêm.

Thành phố New Orleans tỏa ra một mùi khá kỳ quặc. Ngay cả ở những khu vực khá khẩm nhất, thứ mùi ấy vẫn la đà sát mặt đất, chỉ thoang thoảng bốc lên mũi người đi đường đủ để nhắc cho họ nhớ mình đang ở đâu. Còn khi tới gần trại giam, nó chẳng buồn giữ ý nữa. Khói bay lên gần như thấy được bằng mắt thường, những cặn dầu mỡ vương vãi khắp nơi, rỏ xuống từ những cột đèn, từ tấm lưới chắn rác đậy trên miệng cống thoát nước. Ngõ ngách hay bãi đất trống nào cũng thấy có người, không nhiều thì ít, không chỉ người dân địa phương mà cả khách du lịch, họ mặc sức nhậu nhẹt, chè chén, rồi cứ thế rời xa khu phố trung tâm lung linh ánh đèn, rộn rã tiếng nhạc và tràn đầy sức sống, để cho đôi chân đưa mình đến đây, chốn xa lạ phía sau tấm rèm xứ Oz.

Lúc Porter tới cổng chính, người bảo vệ đón tiếp anh bằng thái độ hờ hững, mệt mỏi. Không để anh kịp lên tiếng, ông ta đã càm ràm một tràng như cái máy, nào là được phép thăm phạm nhân lúc mấy giờ, các cổng vào dành cho khách được bố trí ở đâu. Porter đưa cho ông ta tấm danh thiếp ghi

thông tin và chức vụ của anh ở Sở Cảnh sát Chicago, đồng thời nói với ông ta lý do anh tìm đến đây. Người bảo vệ không đòi xem phù hiệu của anh, và khi đi qua khu vực kiểm tra an ninh, anh bảo họ rằng anh cất súng trong két an toàn ở khách sạn. Anh làm vậy đúng là mạo hiểm, ai đó có thể gọi điện đến Sở Cảnh sát Chicago xác minh thông tin lắm chứ, nhưng anh không có nhiều lựa chọn. Họ còn lâu mới chịu cho anh vào gặp với tư cách dân thường.

Những bức tường ở hai bên lối đi trong Trại giam Giáo xứ Orleans được xây bằng gạch không nung, nước sơn nhờn nhợt một màu trắng đục. Họ dẫn anh đi qua một loạt hành lang ngoằn ngoèo, rối rắm, đến nỗi cuối cùng anh không thể nhận biết được phương hướng nữa. Không khí trong này có mùi hôi như thể lâu ngày không lưu thông, tiếng chân vang vọng bốn bề mang lại cảm giác họ đang dấn sâu xuống lòng đất. Người quản giáo tháp tùng anh nói rằng đây là lối tắt để đến văn phòng giám thị, phải đi qua dạ dày của con quái vật. Porter chưa bao giờ sợ không gian khép kín, nhưng nếu ở đây quá lâu, rất có thể anh sẽ mắc chứng bệnh ấy thật. Anh không hình dung nổi sẽ thế nào nếu phải làm việc tại đây, ngày ngày quanh quẩn ở trong này. Cứ mỗi khi có một cánh cửa thép xuất hiện, họ đều phải dừng lại chờ người khác bấm nút mở cho mới được vào. Anh cảm nhận được ánh mắt vô hồn của những camera giám sát đang hướng về phía mình. Cứ khoảng sáu mét lại thấy một cái.

Đến cuối dãy hành lang, họ đi qua một loạt cửa ra vào, mỗi cái chỉ cách nhau khoảng ba mét, chúng khiến Porter liên tưởng đến phòng đệm hoặc phòng khử khuẩn trong bộ phim khoa học viễn tưởng xưa cũ. Đi qua đó là đến khu văn phòng. Tuy cũng có kết cấu bằng thép và gạch không nung nhưng nơi này được bài trí sơ sài với tấm thảm trải sàn cũ sờn và mấy chậu

dương xỉ bằng nhựa, hơi giống một ốc đảo văn minh giữa chốn hoang vu, cằn cỗi.

Người quản giáo trỏ vào băng ghế. "Giám thị đến rồi nhưng đang đi kiểm tra. Ông ấy sẽ sớm quay lại. Cứ ngồi đây chờ."

Từ lúc đó đến nay đã gần ba mươi phút trôi qua.

Ít nhất sáu camera đặt rải rác ở các góc bao quát toàn bộ căn phòng, có loại quay theo các hướng và có loại cố định, tất cả đều đang giám sát những gì diễn ra xung quanh.

"Thanh tra Porter?"

Sam không hề nghe thấy tiếng ai đi vào, thế mà người đàn ông này đang đứng lù lù trước mặt, chỉ cách anh chừng một mét. "Vâng."

"Tôi là Giám thị Vina. Cơn gió nào đã đưa anh đến chốn thiên đường nhỏ bé này thế?"

"Tôi cần gặp một phạm nhân ở đây."

"Tuy tôi không còn làm ở bộ phận tiếp đón đã hơn chục năm, nhưng theo như lần cuối tôi kiểm tra, giờ thăm phạm nhân vẫn bắt đầu từ chín giờ, và làm theo mấy tấm biển chỉ dẫn xếp hàng bên ngoài cũng đâu khó khăn gì. Nói chung không có nhiều việc cần tôi phải can dự. Tôi thích cách đó hơn."

Ông giám thị cao khoảng một mét bảy mươi hai, thấp hơn Porter dăm bảy centimet. Mái tóc ông ta trông như thể đã bạc từ cách đây khá lâu, được cắt cua. Đôi mắt ti hí gần nhau ngự trên sống mũi nhìn như đã từng dập gãy rồi nắn lại vô số lần. Trên cổ ông ta có vết sẹo mảnh màu hồng, vết sẹo kéo dài rồi mất hút bên dưới cổ áo sơ mi xanh dương. Ông ta có vóc người đậm,

dáng điệu tự tin, ánh nhìn không chút dao động. Cặp mắt ấy vẫn dán chặt vào Porter, ánh mắt của một người tù.

"Chúng tôi có lý do để tin rằng phạm nhân đặc biệt này có thể có mối liên hệ nào đó với 4MK."

"À, hóa ra anh là Thanh tra Porter *ấy* đấy."

"Phải. Tôi chính là Thanh tra Porter ấy."

"Lâu nay tôi cũng theo dõi vụ này qua ti vi. Thật điên rồ. Mối liên hệ kiểu gì?"

"Tôi không thể tùy tiện tiết lộ."

"Nếu vậy, tôi cũng không thể tùy tiện để anh gặp một trong những phạm nhân ở đây."

"Tôi có thể quay lại cùng với lệnh của tòa." Porter nói.

Giám thị nhún vai. "Vâng, mời anh. Và khi nào quay lại cùng với tờ lệnh đó, anh cứ trình với bảo vệ ở cổng thăm viếng dành cho khách nhé." Ông ta quay người, dợm bước tiến về phía phòng làm việc của mình. "Chúc anh có khoảng thời gian vui vẻ ở New Orleans, Thanh tra."

"Bà ta có thể là mẹ đẻ của hắn." Porter nói. "Tôi phải giữ kín chuyến viếng thăm này. Nếu báo chí đánh hơi được, họ có thể phá hoại đầu mối duy nhất chúng tôi có. Tôi cần ông giúp, thưa Giám thị."

Giám thị khựng lại trước cửa phòng và lắc đầu. "Tôi đã hy vọng được tận hưởng mấy ngày cuối tuần trong yên bình. Phải giúp anh thế thì yên bình nỗi gì."

"Ông có thể cứu được rất nhiều sinh mạng, Giám thị ạ. Tôi chỉ muốn nói chuyện với bà ta thôi."

Giám thị quay lại nhìn anh. "Bà ta tên là gì?"

Porter lặng thinh giây lát. Anh đã câu kéo được ông ta rồi, không thể để vuột mất. “Tôi không rõ. Và tôi cũng không biết bà ta bị buộc tội gì luôn.”

Giám thị nhếch miệng cười. “Thưa Thanh tra, trại này hiện đang giam giữ khoảng hai ngàn phạm nhân, nhưng con số đó đã từng lên tới sáu ngàn năm trăm, hồi trước khi xảy ra cơn bão Katrina. Một vài trong số đó đang chờ ngày ra tòa vì trọng tội, số khác có tội ở mức độ nhẹ hơn như vi phạm luật giao thông, điều khiển xe trong lúc say, hoặc vài tội vặt vãnh khác. Đám còn lại bị tống vào đây dài ngày theo yêu cầu của Cục Cải huấn Louisiana hoặc chính quyền liên bang. Anh định lần ra bà ta kiểu gì trong khi tên tuổi còn không biết?”

Porter lấy từ trong túi ra bức ảnh và đưa cho giám thị. “Đây là tất cả những gì tôi có.”

Giám thị cầm lấy bức ảnh, sau đó rút cặp kính trong túi áo. Ông ta lật lại, đọc dòng chữ ở mặt sau, rồi lật mặt trước để xem hình ảnh đầy đốm nhiễu. “Đây là cổng phía tây.” Ông ta nói, chăm chú quan sát bức ảnh.

Porter chỉ vào người quản giáo đi trước mẹ của Bishop. “Người này là…”

“Vincent Weidner.” Giám thị đáp. “Tôi nhận ra anh ta.”

“Biết đâu anh ta nhớ được người phụ nữ này?”

Giám thị thở dài đánh thượt. “Đi nào.” Ông ta nói, hất hàm về phía phòng làm việc của mình. “Để xem tôi có thể giúp gì được cho anh.”

CHƯƠNG 39

Clair

Ngày 3 • 8:13 sáng

Di động của Clair reo vang từ góc bàn làm việc cá nhân trong phòng tác chiến. Cô vớ lấy máy và nhấn nút nghe. "Thanh tra Norton đây."

"Thanh tra đấy à? Tôi là Thượng sĩ Dawn Spiegel, quản lý bộ phận trực tổng đài 911."

"Tôi có thể giúp gì cho cô, Thượng sĩ?"

"Một tổng đài viên của tôi vừa nhận được cuộc gọi rất đỗi kỳ quặc cách đây vài phút. Tôi nghĩ nó có thể liên quan tới vụ án của cô. Tôi bật cho cô nghe nhé?"

Làm ơn, đừng có thêm cô bé nào mất tích nữa. "Vâng, cô cứ bật."

"Cô chờ chút. Tôi sẽ mở loa ngoài." Thượng sĩ nói.

Clair nghe thấy tiếng sột soạt khe khẽ khi người phụ nữ ở đầu dây bên kia đặt ống nghe xuống. "Bắt đầu nhé."

"Tổng đài 911 xin nghe. Bạn có chuyện gì khẩn cấp?" Cô nghe tiếng tổng đài viên hỏi.

Một thoáng chần chừ, rồi giọng một bà lão cất lên, chậm rãi và phều phào: "Ông ta chết hai lần."

"Xin lỗi, bà nói gì, tôi không hiểu?"

“Ông ta chết hai lần.” Giọng nói già nua vang lên, to rõ hơn, gấp gáp hơn.

Tổng đài viên buông tiếng thở dài nghe khá rõ. “Ai chết hai lần cơ, thưa bà?”

“Floyd Reynolds.”

Clair đứng dậy, tiến về phía bảng thống kê bằng chứng.

FLOYD REYNOLDS

Vợ: Leeann Reynolds

Bán bảo hiểm, làm việc cho UniMed America Healthcare

Không nợ nần? Theo như lời khai của bà vợ. Hosman kiểm tra.

Bên dưới những dòng chữ đã có, cô viết thêm:

Bị siết cổ bằng dây mảnh (dây đàn piano?) bên ngoài nhà riêng (trong ô tô)

Xác bị giấu trong người tuyết

Bố của Ella Reynolds

“Ai cơ, thưa bà?” Tổng đài viên hỏi lại.

Lần này đến lượt bà lão thở dài. “Floyd Reynolds. Ông ta đã chết vào tuần trước, rồi hôm qua lại chết thêm lần nữa. Tên ông ta xuất hiện ở mục cáo phó trên báo ra ngày hôm nay.”

“Thưa bà, gọi điện báo tin sai sự thật cho dịch vụ tổng đài cứu trợ có thể khiến bà bị truy tố do phạm trọng tội cấp độ bốn đấy, bà hiểu chứ?”

“Trên đời làm gì có ai chết hai lần.”

“Người phạm trọng tội cấp độ bốn có thể bị kết án từ một đến ba năm tù, kèm theo mức phạt lên đến hai mươi lăm ngàn đô la. Gọi điện báo tin sai sự thật tới tổng đài 911 có thể khiến các nhân viên hành pháp và đội ngũ phản ứng nhanh của chúng tôi lâm vào tình huống nguy hiểm thực sự, hơn nữa còn làm lãng phí nguồn lực công.” Tổng đài viên nói.

“Nếu cô không phải là người phụ trách nhận tin báo thì có lẽ cô nên nối máy để tôi nói chuyện với phòng ban có thẩm quyền.”

Một tiếng “cách” vang lên khá rõ, mới đầu Clair cứ ngỡ tổng đài viên đã chấm dứt cuộc gọi, nhưng vài giây sau cô ta lại nói tiếp. Vừa rồi chắc hẳn cô ta nhấn nút im lặng.

“Floyd Reynolds là cái tên phổ biến lắm, thưa bà. Tôi tin đó chỉ là sự trùng hợp thôi. Tôi không muốn bà gặp rắc rối nên bây giờ tôi sẽ cúp máy. Bà cũng không nên tái diễn việc này nữa. Nếu tái phạm, bà rất có thể sẽ bị truy cứu trách nhiệm đấy ạ.”

“Tên họ giống hệt. Ngày tháng năm sinh giống hệt. Địa chỉ cũng giống hệt. Hai người này chắc chắn là một. Ông ta đã chết hai lần.” Bà lão khăng khăng nói. “Cô cứ xem tờ *Chicago Examiner* số ra ngày hôm nay thì biết.”

Đến đây, cuộc gọi kết thúc.

Clair nghe tiếng Thượng sĩ Spiegel nhấc máy lên và tắt loa ngoài. “Sau khi ngắt kết nối, tổng đài viên đã báo cho các đồng nghiệp về cuộc gọi mà cô ấy cho là một trò lừa bịp. Theo đúng quy trình, chúng tôi lưu lại cuộc gọi cung cấp thông tin sai sự thật và sẽ khiếu nại lên Sở Cảnh sát Chicago nếu

người gọi tiếp tục tái phạm. Tôi xem sổ trực ban và nhận ra cái tên đó, vì vậy tôi mở báo mạng ra tra lại. Đúng là Floyd Reynolds được nhắc đến trong hai mục cáo phó. Mục thứ nhất đăng ngày hôm nay, mục thứ hai đăng hôm thứ Tư tuần trước. Tất cả các thông tin cá nhân liên quan đều giống hệt nhau. Hai người này là một."

Clair nhíu mày. "Sao lại thế được nhỉ? Ông ta mới chết hôm qua mà."

"Địa chỉ e-mail của cô là gì? Để tôi gửi đường link cho cô xem."

CHƯƠNG 40

Porter

Ngày 3 • 8:16 sáng

"Kia có phải là…?"

"Nicolas Cage, phải." Giám thị nói, dẫn Porter vào văn phòng tù túng, chật hẹp của mình. Tấm ảnh chân dung chụp khi bị bắt được đóng khung treo trên bức tường bên trái bàn làm việc. "Anh ta làm khách tại đây hồi tháng Tư năm 2011 sau khi dính vào cuộc ẩu đả tại một nhà hàng nhỏ trong vùng. Thậm chí còn đập vỡ cả một ô cửa sổ. Đám diễn viên Hollywood đôi lúc quên mất là máy quay đã ngừng chạy từ đời nào rồi. Ở đây xong anh ta thích đến nỗi một tháng sau lại ghé chơi, lần này là vì quá chén. Anh ta to tiếng với vợ ngay giữa trung tâm khu phố Pháp. Chúng tôi vốn đã định cho qua, nhưng cây muốn lặng mà gió chẳng dừng, anh ta cứ đẩy cảnh sát vào chỗ khó xử. Họ không còn cách nào khác nên đành tống anh ta vào tù. Một diễn viên xuất chúng. Tôi rất thích vai diễn của anh ta trong *Con Air**."

"Phim đó có Sean Connery đóng đúng không nhỉ?"

Giám thị giơ một ngón tay ra hiệu yên lặng rồi nhấc điện thoại lên gọi. "Mời anh Weidner tới văn phòng giám thị. Mời anh Weidner tới văn phòng giám thị." Ông ta nói vào ống nghe. Lát sau, Porter nghe thấy tiếng ông ta vang lên trên hệ thống loa phát thanh trong trại giam.

"Phim có Sean Connery là *The Rock** cơ." Giám thị nói với Porter và cúp máy. Ông ta chỉ vào một trong hai cái ghế trống phía trước bàn làm

việc. “Chúng tôi ở đây hay được tiếp đón người nổi tiếng lắm, thành phố này cũng khá thích tiệc tùng mà. Nói chung chúng tôi cứ để họ ngủ một giấc cho tỉnh người, hệt như với đám sinh viên quậy hơi quá đà, đến hôm sau thì lại thả họ ra. Trừ phi có thiệt hại về vật chất hoặc có người bị thương, còn không, cũng chẳng cần thiết phải truy cứu làm gì. Nếu bắt hết những người lái xe trong lúc say xỉn ở khu phố Pháp thì cái trại này chỉ một tuần là kín chỗ, đám đàn bà cũng chả biết khoe ngực cho ai xem.”

Chợt có tiếng gõ cửa phòng làm việc của giám thị.

Porter ngẩng lên và ngay lập tức nhận ra Vincent Weidner nhờ bức ảnh. Mái tóc sẫm màu của anh ta dài hơn một chút so với kiểu tóc của nhiều quản giáo khác, mấp mé chạm cổ áo, ngoài ra anh ta còn nuôi một chòm râu dê ngắn ngủn. Trên cổ anh ta có vết sẹo dài khoảng năm centimet dưới chân cằm. Porter đồ rằng vết sẹo này đã có từ cách đây mấy năm. Bề mặt sẹo sần sùi, không giống đường rạch của bác sĩ mà giống vết thương do dao hoặc mảnh thủy tinh cứa vào. Porter nhớ đến vết sẹo trên đùi mình, nơi Bishop đã dùng dao đâm anh. Nó bỗng ngứa ran như hồi đáp, và anh cố cưỡng lại thôi thúc muốn thò tay xuống gãi.

Ánh mắt Weidner dán vào Porter giây lát, sau đó anh ta quay lại nhìn Giám thị. “Chúc buổi sáng tốt lành. Ông gọi tôi đến có việc gì thế?”

Giám thị chỉ vào cái ghế trống còn lại, viên quản giáo bèn chậm rãi ngồi xuống. Quản giáo trại giam dường như lúc nào cũng cẩn trọng trong từng động tác, luôn tính toán mọi tình huống có thể xảy ra trước khi hành động, chí ít là những quản giáo giàu kinh nghiệm. Số còn lại thường dễ dính đòn. Nhìn vết sẹo kia, Porter không rõ Weidner thuộc loại nào trong hai loại ấy.

“Đây là Thanh tra Sam Porter của Sở Cảnh sát Chicago. Anh ấy đang lần theo một đầu mối và muốn nhờ chúng ta giúp đỡ.” Giám thị giải thích.

Ông ta hất hàm về phía Porter. “Anh cầm theo bức ảnh đó không?”

Porter lấy bức ảnh từ trong túi áo khoác và đưa cho Weidner. Anh trỏ vào người đàn bà đi giữa hai quản giáo. “Anh có nhận ra bà ta không?”

Weidner khẽ nghiêng đầu sang phải. “Bà ta là một Doe.”

“Gì cơ?”

“Doe. Người không rõ danh tính. Jane Doe* số 2138, tôi tin là thế.” Weidner nói và trả lại bức ảnh cho Porter. “Chuyện này là sao?”

Giám thị kéo bàn phím máy tính lại gần và gõ mổ cò. “Jane Doe số 2138. Bà ta nhập trại hôm 18 tháng Một vừa rồi, cách đây hơn ba tuần. Bà ta đã nghe cáo trạng, đã nhận tội và đang chờ tuyên án. Bị tóm vì tội móc túi trên phố Bourbon.”

“Tôi đoán chính sách “bắt rồi lại thả” của các ông chắc không áp dụng với trò ăn cắp vặt?” Porter hỏi.

Giám thị kéo thanh cuộn màn hình. “Bà ta móc trộm ví của một ông quê ở Jersey, trong ví có… ồ, ca này khó đây.”

“Sao thế?”

“Trong ví của ông ta có năm trăm mười hai đô la.” Giám thị nói. “Luật pháp giáo xứ Orleans quy định trộm cắp tài sản có giá trị từ năm trăm đô trở lên bị coi là trọng tội. Giá kể trước đấy ông kia mua thêm một ly hurricane* nữa thôi thì có lẽ bà ta chỉ bị khép vào tội nhẹ và sẽ sớm được thả. Nhưng với tình hình này, bà ta đang phải đối mặt với án phạt tối thiểu là hai năm tù, có thể còn nặng hơn nếu đây không phải lần đầu bà ta phạm tội.”

“Ặc.”

“Thế đấy. Nhưng mà thôi, có gan ăn cắp thì phải có gan chịu đòn chứ.” Giám thị Vina nói. “Hình như trên người bà ta còn có ba cái ví khác. Trong

số giấy tờ tùy thân thu được không có cái nào khớp với bà ta, hơn nữa, bà ta cũng không chịu khai ra tên thật.”

“Vậy dấu vân tay thì sao?”

Vina lắc đầu. “Không có trong hệ thống của chúng tôi lẫn cơ sở dữ liệu quốc gia. Nhưng bà ta có một dấu hiệu nhận dạng, đó là một hình xăm nhỏ trên cổ tay.” Ông ta xoay màn hình máy tính lại để Porter nhìn được rõ hơn.

Mắt Porter mở lớn. Anh nhoài người qua bàn. Đó là một hình số 8 nhỏ, giống hệt hình xăm trên cổ tay của Jacob Kittner, kẻ bị một chiếc xe buýt nội đô đâm chết và ban đầu được cho là 4MK. Bishop cũng xăm một hình như thế lên cổ tay Emory Connors. “Tôi cần gặp bà ta.” Anh nói.

Giám thị xoay màn hình lại như cũ. “Chúng ta phải xin phép trước đã. Bà ta có luật sư chống lưng.”

Porter cau mày. “Làm thế nào bà ta thuê được luật sư trong khi không chịu khai báo tên tuổi?”

Weidner đằng hắng. “Lúc đó tôi cũng có mặt. Chuyện xảy ra trong quá trình thẩm vấn sơ bộ hôm bà ta bị bắt. Bà ta câm như hến kể từ lúc chúng tôi đưa bà ta xuống xe buýt, sau khi bị tống vào phòng thẩm vấn đến hơn một giờ thì bà ta mới chịu mở miệng. Bà ta ngồi lì ra đó, nhìn xoáy vào điều tra viên phụ trách thẩm vấn, Thanh tra Dunleavy. Từ đầu chí cuối, bà ta không ngừng nhăn nhở cười. Sau đó khoảng một giờ, bà ta rướn người qua bàn và nói đúng bốn từ: “Luật sư, Sarah Werner.” Nói xong bà ta ngả ra lưng ghế, khoanh tay trước ngực và lại tủm tỉm cười. Không hiểu Dunleavy làm thế nào mà giữ được bình tĩnh như thế. Chứ phải tôi thì quên mẹ đi.” Anh ta khựng lại vì lỡ nói tục và đưa mắt nhìn Giám thị, nhưng ông ta chỉ phẩy tay cho qua.

“Sarah Werner là ai? Luật sư địa phương à?” Porter thắc mắc.

“Điều đó thì anh phải hỏi Dunleavy.” Weidner đáp.

Giám thị bật loa ngoài của chiếc điện thoại và quay số.

Một giọng nói trầm khàn cất lên. “A lô?”

“Dunleavy đấy à? Giám thị Vina ở Trại giam Giáo xứ Orleans đây. Tôi đang ngồi cùng một thanh tra của Sở Cảnh sát Chicago và một quản giáo trong trại. Anh có thể cho chúng tôi biết đôi điều về bà Jane Doe mà anh thẩm vấn cách đây vài tuần không? Người có luật sư đại diện là Sarah Werner ấy?”

“Ôi, chết tiệt! Lại cái chuyện nhảm nhí đó sao?” Dunleavy thở dài. “Vụ này cũng chả có gì nhiều để mà nói. Mụ ta bị tóm vì chọn sai đối tượng để chôm chỉa. Ông ta nói trước đây mình đã từng bị móc túi rồi nên mới có thói quen khi đi ngoài đường cứ chốc chốc lại kiểm tra ví tiền. Mụ đi lướt qua và vỗ nhẹ vào người ông ta một cái, ông ta lập tức sờ vào túi thì không thấy cái ví cộm lên nữa nên chộp lấy cánh tay mụ. Mụ phản ứng bằng cách cào cho ông ta một phát thấy gớm vào má rồi bắt đầu la hét mấy câu vớ vẩn kiểu: “Tôi không về, ông buông tha cho tôi đi! Tôi sẽ không để ông hành hạ tôi nữa đâu, tôi chịu hết nổi rồi!” Điều đó đã thu hút sự chú ý của mấy cậu trai trong vùng đang tranh thủ giờ vàng giảm giá của quán Crooked Broom để chén chú chén anh. Bọn họ ngật ngưỡng bước ra ngoài, tách hai người đang cự cãi rồi xông vào tẩn cho ông kia một trận lên bờ xuống ruộng.”

“Khốn thật!” Giám thị nói.

“Kết quả là ông ta gãy hai xương sườn, rụng ba cái răng, hai mắt tím đen. Mọi chuyện đáng lẽ có thể còn tệ hơn, may mà lúc đó vợ ông ta từ trong quán đi ra, bà ta thấy chồng bị đánh hội đồng thì sợ quá hét toáng

lên." Dunleavy hít một hơi rồi kể tiếp. "Tiếng hét thứ hai ấy cũng đủ để làm cho mấy cậu trai đang hăng tiết vịt bừng tỉnh, một người vội giữ mụ móc túi lại để mụ khỏi lỉnh vào đám đông. Một ông khách du lịch thấy mụ bị tóm, tưởng anh chàng kia định làm gì mụ nên nhảy vào kéo mụ ra, suýt nữa tự chuốc lấy ẩu đả. Lúc này cảnh sát mới đến nơi và kéo từng người ra, trói tay họ lại bằng dây thít nhựa rồi bắt mỗi bên ngồi vào một góc cho đến khi nào họ giải quyết xong mọi việc." Dunleavy lấy tay bịt điện thoại rồi lớn tiếng nói gì đó với một người ở đầu dây bên kia. Porter không nghe được ông ta nói gì. Vài giây sau, ông ta quay lại tiếp tục câu chuyện còn dang dở. "Tôi không có vinh hạnh được gặp quý bà Doe kia, mãi cho tới khi họ dẫn mụ về trụ sở và sắp xếp để mụ ngồi ở một phòng thẩm vấn. Lúc đó, màn hỏi cung hoàn toàn chỉ có tôi độc thoại. Tôi "quay" mụ hồi lâu nhưng không khai thác được bất cứ điều gì, thế rồi đột nhiên mụ giở quẻ đòi gọi luật sư."

"Sarah Werner."

"Phải, Sarah Werner."

Bốn người không ai nói gì. Giám thị đưa mắt nhìn Porter, khi anh gật đầu, ông ta liếc xuống cái điện thoại. "Cảm ơn anh, Rick. Nếu còn cần thêm thông tin, chúng tôi sẽ gọi."

"Ừ, thế nhé."

Cuộc gọi kết thúc, Giám thị Vina nhấn nút tắt rồi ngả người ra lưng ghế. "Đưa anh vào gặp bà ta không phải chuyện đơn giản. Với tư cách dân thường, anh cần được bà ta đồng ý và ghi tên anh vào danh sách người đến thăm. Còn với tư cách một thanh tra cảnh sát, anh phải thông qua luật sư của bà ta trước rồi mới được vào. Dù chọn cách nào đi nữa thì cũng nhiêu khê ra phết đấy chứ không nhanh đâu."

Porter nói: "Tôi có thể tìm được Sarah Werner ở đâu?"

CHƯƠNG 41

Larissa

Ngày 3 • 8:53 sáng

Bóng tối mịt mùng bủa vây, những đốm nhỏ đủ màu và những hạt bụi li ti bay trong không trung, nhảy nhót trước mắt cô. Larissa Biel trở mình, đưa tay kéo tấm chăn lên che đầu.

Hôm nay là thứ Bảy.

Không phải đi học.

Không phải đi học nghĩa là được dậy muộn. Không phải đi học nghĩa là cô có thể vùi mình dưới tấm chăn dày và ngủ đến tận gần trưa, thậm chí muộn hơn nữa nếu muốn. Hôm nay mẹ cô đi làm. Căn nhà trống trải, vắng lặng quá. Đột nhiên cô nhớ ra mình có hẹn với trung tâm đào tạo lái xe. Cô đã đặt báo thức rồi. Chẳng bao lâu nữa chuông sẽ kêu. Có điều, từ giờ đến lúc đó cô vẫn có thể ngủ thêm. Cô quờ tay kéo chăn nhưng không thấy đâu.

Phòng cô có âm thanh gì ngộ ghê. Tiếng đồ điện chạy ro ro, nghe đến lạ.

Larissa đã dậy rồi.

Cô đã rời khỏi nhà.

Cô nhớ mình đi bộ trong tiết trời lạnh giá để tới góc phố, nơi cô hẹn gặp giáo viên dạy lái xe, rồi lên xe của ông ta.

Đệm của cô vừa cứng vừa lạnh. Chăn ga thì hôi hám.

“Cô có muốn uống sữa không? Tôi mang cho cô một ly đây.”

Giọng nói khẽ khàng và dè dặt cất lên, giọng nói của một người xa lạ. Larissa gắng sức cưỡng lại cơn buồn ngủ, cố mở mắt ra. Khi hai mí mắt nặng trĩu, mệt mỏi rã rời từ từ hé mở, cô bỗng thấy đau ê ẩm, như thể ai đó đã dùng gậy đánh golf đập tới tấp bên trong đầu cô rồi bóp mạnh.

“Có lẽ bây giờ sữa ấm lên rồi, nhưng như vậy cũng tốt. Tôi thích uống sữa ấm.”

Gã giáo viên… hắn đã dùng vật gì đó đâm cô. Cô vừa cài xong dây an toàn thì chợt thấy đùi mình nhói lên, cảm giác đau buốt ập đến. Cô nhớ mình đã nhìn xuống và trông thấy cây kim, thấy hắn ấn đầu pit-tông.

Sau đó, cô không biết gì nữa.

Tầng hầm tối tăm dần hiện ra, một bóng đen đang ngồi trên chiếc cầu thang phía trước bức tường đối diện, ngăn cách giữa cô và cái bóng ấy là tấm lưới mắt cáo.

Larissa ngồi dậy rồi suýt nữa ngã vật xuống, mọi thứ trước mắt cô sáng lòa trong giây lát rồi dần dần dịu đi. Căn hầm chìm trong bóng tối. Ánh sáng duy nhất hắt vào từ đâu đó trên đầu cầu thang.

“Sữa sẽ giúp đào thải thuốc mê ra khỏi cơ thể cô. Xin lỗi cô, tôi buộc phải làm vậy, nếu không cô sẽ chẳng chịu đi.”

Người đàn ông đội mũ len đen, gã giáo viên dạy lái xe.

Cô đang bị nhốt trong một cái chuồng làm bằng lưới mắt cáo, người quấn tấm chăn xanh lục cáu bẩn, ngồi trên sàn bê tông. Cô quay ngoắt đầu nhìn xung quanh. Một cái bồn nước, một hệ thống sưởi, một bàn thợ mộc. Cạnh cầu thang là cái tủ đông lạnh cũ kĩ màu trắng kê sát tường, chắc là

hỏng rồi vì không thấy phát ra tiếng kêu, hơn nữa nắp tủ còn mở toang, dựa vào tường.

Có vật gì đó nằm trên sàn dưới chân cái tủ đông lạnh, bị phủ bằng vải bạt. Larissa tưởng tượng dưới lớp vải ấy chính là cô, rồi đây người ta sẽ tìm thấy xác cô dưới đó.

"Cái gì kia?" Cô hỏi bằng giọng khàn đặc.

Đang ngồi trên cầu thang, hắn đột ngột đứng phắt dậy, cử chỉ đầy giận dữ. "Đừng để ý. Không được để ý đến nó."

Cô nghe thấy tiếng hắn bước tới gần, một chân hơi kéo lê trên sàn. Hắn dừng lại cách cô chừng một mét và đưa tay lên gãi chiếc mũ len. Lúc này Larissa mới nhìn thấy mắt hắn, hai hốc mắt trũng sâu, thâm quầng. Trông chúng xám đục, vô hồn, cặp mắt của một người lớn tuổi hơn thế nhiều. Củng mạc đỏ ngầu, những giọt lệ khô lại thành vảy trên khóe mi.

"Đừng có nhìn tôi, đừng nhìn tôi kiểu đó." Hắn lùi lại một bước, lúc này ánh đèn trên đầu cầu thang soi sáng phía sau lưng, khiến khuôn mặt hắn khuất trong bóng tối.

Larissa cố gượng đứng dậy, từng thớ thịt trên người cô đồng loạt phản đối, yếu ớt và căng cứng. Tấm chăn xanh bẩn thỉu rơi xuống sàn. Áo khoác của cô đã biến mất. Cô khoanh tay trước ngực, kéo ống tay áo len xuống và siết chặt nắm đấm bên trong. "Nếu ông thả tôi ra, tôi sẽ không nói cho ai biết chuyện này. Đây sẽ là bí mật nho nhỏ giữa hai chúng ta." Cô nghĩ đến buổi vũ hội tối nay, nghĩ đến Kevin Dew. Cô không thể ở đây được, chuyện này không thể là sự thật. "Bố mẹ tôi biết tôi đi đâu. Họ biết tôi hẹn gặp ông để học lái xe. Nếu chờ lâu quá mà không thấy tôi về, bố mẹ tôi sẽ báo tin tôi mất tích. Họ sẽ gọi cảnh sát. Ông có muốn thế không? Nếu ông thả tôi ra, chuyện sẽ không nghiêm trọng đến mức ấy. Tôi sẽ quên hết việc này đi."

Những điều cô vừa nói đều là dối trá. Sáng nay bố cô tới công trường từ sớm, mẹ cô cũng định đến cơ quan. Bà thích làm việc vào các buổi chiều thứ Bảy vì ở văn phòng không có ai. Bố mẹ cô đã lên kế hoạch ăn tối tại nhà hàng, cả hai đều biết Larissa sẽ tham dự vũ hội Valentine tối nay. Lúc đi làm về, họ sẽ chỉ nghĩ đơn giản rằng cô sang nhà bạn để sửa soạn và có lẽ phải mười hai giờ đêm mới về, có khi còn muộn hơn. Sẽ chẳng ai tìm kiếm cô. Chẳng ai nhớ đến cô cả.

"Cô có phải là người tâm thanh hồn sạch không?"

Hắn phát âm từ *sạch* một cách khó nhọc, nói xong, hắn thốt ra tiếng gầm gừ nghe thật lạ, như thể bực tức với chính mình vậy.

"Ông nói gì tôi không hiểu."

Hắn hơi nhoài về phía trước, sau đó sững lại rồi rụt người vào trong bóng tối. "Muốn thấy được, cô phải thuần khiết. Muốn thuần khiết, tâm thức phải thanh tịnh, linh hồn phải trong sạch." Hắn bắt đầu xoa ngón trỏ và ngón cái vào nhau theo vòng tròn, một kiểu máy giật. "Người đến trước cô có tâm không thanh, hồn không sạch, tôi nghĩ vì vậy cô ta mới không thấy. Nhưng cô thì khác, tôi tin là thế."

Ánh mắt Larissa lại liếc xuống tấm vải bạt trên sàn.

"Chúng ta càng sớm bắt tay vào việc thì cô càng sớm được giải thoát. Cô muốn được giải thoát, phải không?"

"Phải, tôi muốn ông thả tôi ra."

"Tôi có thể giải thoát cho cô, nhưng e rằng tôi không bao giờ có thể thả cô ra được."

Cô băng qua cái chuồng nhỏ, tới đứng trước cánh cửa bị khóa bằng hai ổ khóa, một trên một dưới. Cô nắm chặt lấy cánh cửa bằng cả hai tay. "Thả

tao ra, thằng điên kia! Cho tao ra khỏi đây!”

Gã giáo viên hoàn toàn bất động, trừ hai ngón tay vẫn không ngừng xoa vào nhau, trông hắn hệt như một cái bóng in trên phông nền là những cái bóng khác sẫm hơn. Hắn liếm đôi môi khô khốc, nứt nẻ.

Larissa hét lên.

Cô lấy hết sức bình sinh hét thật to, to đến nỗi họng cô bỏng rát. Cô nhìn thẳng vào mắt hắn, cứ thế hét cho tới khi dưỡng khí trong cô cạn sạch, sau đó cô hít một hơi thật sâu rồi tiếp tục hét. Cuối cùng, khi cô ngừng lại, sự tĩnh lặng nặng nề bao trùm khắp căn hầm, không còn âm thanh nào khác ngoài tiếng u u của đồ điện và tiếng tích tắc khe khẽ phát ra từ hệ thống sưởi bằng nước nóng.

“Thỉnh thoảng tôi cũng la hét. Việc đó giúp tôi cảm thấy dễ chịu hơn.” Hắn nói. “Chẳng ai nghe thấy tiếng hét của tôi bao giờ, họ cũng không nghe thấy cô đâu.”

Hắn dợm bước về phía cầu thang rồi dùng lại trước bậc thang dưới cùng. “Uống ly sữa kia đi. Cô cần phải có sức. Tôi sẽ sớm quay lại, khi đó chúng ta sẽ bắt đầu.”

Cô nhìn hắn leo lên từng bậc, dáng đi hơi nghiêng về bên phải. Khi hắn lên đến nơi, cô nghe tiếng cửa đóng sập. Hắn vẫn để đèn sáng.

Ly sữa được đặt ở góc chuồng, ngay sau cánh cửa. Larissa cầm lên, đổ hết sữa xuống sàn bê tông, bọc chiếc ly trong tâm chăn xanh rồi ném xuống đất, giẫm mạnh chân lên. Sau đó cô mở chăn ra, cẩn thận lựa mảnh thủy tinh sắc nhất, dài khoảng mười centimet, và nhặt lấy bằng bàn tay run rẩy. “Bắt đầu đi, đồ khốn.”

CHƯƠNG 42

Clair

Ngày 3 • 8:59 sáng

Clair nghe tiếng Nash và Klozowski ngoài hành lang chỉ vài giây trước khi hai người xuất hiện ở ngưỡng cửa. Hai tên này đang tranh cãi chuyện gì đó liên quan đến Neil Diamond thì phải.

Cô lắc đầu ngán ngẩm.

Thấy Nash bước vào phòng tác chiến, cô cầm cây bút ném về phía anh. Anh giơ tay ra bắt lấy.

"Quái gì vậy, Clair xinh?"

Kloz né người đi qua chỗ Nash để về bàn mình. "Chẳng phải Porter đã ra quy định cấm ném đồ vào đồng nghiệp hay sao?"

"Porter giờ đang bị đình chỉ công tác nên quy định đó vô hiệu." Cô đáp. "Tôi tìm được thứ này. Có thể là manh mối quan trọng đấy."

Nash ngồi mớm trên mép bàn họp. "Tốt quá, vì bọn tôi cất công đến cửa hàng bán xe cũ mà chả được tích sự gì. Hóa ra Ella Reynolds giấu bố mẹ mua một chiếc Mazda. Bọn tôi đã nói chuyện với cả ba người làm việc ở đó. Brandon Stringer - một trong hai nhân viên bán hàng - nhận ra Ella khi xem ảnh, nhưng tất cả chỉ có thế. Hôm cô bé đến cửa hàng lần đầu thì anh ta đang tiếp khách khác. Cumberland, chủ cửa hàng, làm việc với cô bé từ bận đó. Không ai biết gì về Lili Davies ngoài các thông tin báo đài đã đưa. Có một thợ cơ khí làm tại đó, anh ta tên là Douglas Fredenburg nhưng

không phải người chúng ta cần tìm. Anh ta đã có vợ và năm đứa con nhỏ. Đến thời gian tụ tập chơi xì phé anh ta còn chẳng có, nói gì đến chuyện bắt cóc và giết người hàng loạt. Vả lại, Cumberland đã xác nhận anh ta có chứng cứ ngoại phạm vững chắc. Cả ba xem ra đều không phải đối tượng phù hợp. Thế là lại đi vào ngõ cụt."

Trên bàn của Clair có trải mấy tờ giấy in ra từ máy tính. Cô nhặt một tờ và đưa cho Nash.

"Cái gì đây?"

"Đọc đi."

Nash cầm tờ giấy và đọc to. "Vô cùng thương tiếc Floyd Bernard Reynolds, sinh ngày 11 tháng Năm năm 1962, mất ngày 13 tháng Hai năm 2015. Trân trọng kính mời thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa tới dự lễ tưởng niệm được tổ chức vào hồi năm giờ chiều ngày thứ Hai 16 tháng Hai năm 2015 tại Nhà thờ Cơ đốc Saint Gabriel of the Sorrowful Virgin, để cùng tưởng nhớ Floyd, người chồng, người cha muôn vàn kính yêu. Tiệc phân ưu sẽ diễn ra ngay sau lễ tưởng niệm tại hội trường nhà thờ." Nash hạ tờ giấy xuống. "Đây là cáo phó được viết cho ông Reynolds, thế thì sao?"

Clair lấy tờ giấy in khác và đưa cho Klozowski.

Anh ta liếc xéo cô một cái rồi hắng giọng đọc. "Vô cùng thương tiếc Floyd Bernard Reynolds, sinh ngày 11 tháng Năm năm 1962, mất ngày 13 tháng Hai năm 2015. Người cha dối trá, người chồng đáng chết, cuối cùng cũng an giấc ngàn thu giữa những đóa hồng. Vui lòng không gửi thêm hoa mà hãy gửi những lời chúc phúc."

"Nghe hơi đáng sợ đấy." Nash nói.

“Đáng sợ kiểu tình cũ khủng bố tinh thần.” Kloz tán đồng và trả lại tờ giấy cho Clair.

Clair quay sang Nash. “Bài cáo phó anh vừa đọc được đăng trên tờ *Chicago Examiner* số ra sáng nay. Còn bài này…” Cô phe phẩy tờ giấy đang cầm. “… Đăng hôm thứ Tư tuần trước, cũng trên tờ *Examiner,* khi Reynolds vẫn chưa chết.”

Nash chìa tay ra định lấy. “Đưa tôi xem bài kia nào…”

Clair lờ đẹp và bước tới trước tấm bảng trắng, dán cả hai tờ giấy lên cột thông tin về Floyd Reynolds.

“Thôi vậy…” Nash khẽ lầm bầm.

Clair trở lại bàn mình. “Vẫn chưa hết đâu.”

Cô giật phắt tờ giấy khác và đọc to. “Bác sĩ Randal Frederick Davies, chồng của Grace Ann Davies, cha của Lili Grace Davies, đã trút hơi thở cuối cùng trong nghẹn ngào, tức tưởi, bốc mùi oải hương và câu đằng* ở đoạn kết cũng như điểm khởi đầu cuộc hành trình uổng phí của mình, trên con đường hướng về phía ánh sáng.”

“Nghe cũng không được ấm lòng cho lắm.” Kloz nói.

“Davies chết rồi ư?”

Clair gật đầu. “Chết đêm qua. Ông ta bị một cơn đột quỵ nghiêm trọng. Biến chứng của tụt huyết áp.”

“Họ cho đăng cáo phó nhanh thế cơ à?”

Clair quay lại chỗ chiếc bảng và dán tờ giấy vào cột có tên Randal Davies. “Người gửi không chờ cho tới khi ông ta chết. Bài cáo phó này được đăng cách đây bốn hôm, cũng trên tờ *Examiner.”*

"Vậy là tên này gửi cáo phó sớm cho những người hắn sẽ giết?"

"Phải."

"Thế còn hai cô bé?" Kloz vừa hỏi vừa rút laptop từ trong túi xách ra.

"Tôi tìm rồi nhưng không thấy gì cả, chỉ có của hai ông bố thôi."

Nash tới đứng trước mấy tấm bảng, chăm chú nhìn ba tờ giấy in. "Có biết ai gửi không?"

"Đấy chính là điểm bất thường trong vụ này."

"Đấy mà là điểm bất thường sao?"

"Tôi vừa nói chuyện điện thoại với người phụ trách mục cáo phó của tờ *Chicago Examiner.* Bà ấy làm công việc này suốt bốn mươi ba năm qua, đích thân đọc từng bài trước khi in, vì theo lời bà ấy nói thì "dân tình không biết tôn trọng ngữ pháp gì hết," bà ấy thề là chưa từng trông thấy hai bài cáo phó đăng hồi tuần trước. Nhưng bài hôm nay thì bà ấy nhớ, thậm chí còn nhớ được cả những lỗi sai mà mình đã sửa trước khi đưa in. Nghe tôi đọc hai bài kia, bà ấy cười nhạo và bảo nếu gặp thì bà ấy đã báo cáo lại ngay rồi. Cáo phó được gửi bằng cách điền vào biểu mẫu trên trang web của tờ *Examiner,* trong số đó có không ít tin giả, chủ yếu là tụi trẻ ranh bày trò chọc phá. Quy định thông thường không cho phép đăng bài khi chưa xác thực lại thông tin. Bà ấy luôn phải xin bản sao giấy chứng tử hoặc liên hệ với nhà tang lễ để xác nhận. Ngoài ra, người gửi cũng phải trả một khoản lệ phí nữa." Cô bước tới bàn làm việc của mình và ngồi xuống. "Mục cáo phó giúp các báo kiếm được khối tiền đấy. Trong cả ba bài đăng trên, người gửi đều cung cấp thông tin thẻ tín dụng. Lệ phí cho hai bài cáo phó của Reynolds được trả qua cùng một thẻ, là thẻ của vợ ông ta. Còn thẻ dùng để thanh toán cho bài cáo phó giả của Randal Davies là thẻ American Express

của Grace Davies. Với hai bài đăng giả, có kẻ nào đó đã điền vào biểu mẫu trên trang web và gửi đi, ngay sau đó hắn xâm nhập vào hệ thống mạng của tòa soạn và sửa mã để chúng trở thành bài “Đã được duyệt”. Hắn qua mặt người phụ nữ này cùng với các biện pháp kiểm duyệt của tòa soạn bằng cách trực tiếp gửi in mà không qua bất kỳ khâu xác thực thông tin nào.”

“Tôi đang xem đoạn mã phía sau biểu mẫu trên trang web của tờ *Examiner.* Hệ thống của họ thu thập những thông tin mà người dùng không biết, chẳng hạn như hệ điều hành, địa chỉ IP… cùng một vài dữ liệu khác.” Kloz nói, mắt lướt nhanh qua những dòng chữ chạy trên màn hình.

“Người phụ nữ ấy đã gửi cho tôi một tệp chứa tất cả các bài cáo phó được gửi tới tòa soạn trong vòng ba mươi ngày trở lại đây. Trong hộp thư đến của anh chắc cũng có rồi đấy.” Clair bảo Kloz.

“Đã nhận, tôi đang xem đây.”

Nash chăm chú đọc tờ cáo phó giả của Randal Davies. “Bài này được đăng cách đây bốn ngày, tức là trước khi Lili Davies bị bắt cóc.”

Clair gật đầu.

“Nếu vậy, ai mới là nạn nhân đích thực mà hắn nhắm đến? Ông bố hay cô con gái?”

Clair đã dành cả tiếng đồng hồ vừa qua để ngẫm nghĩ về điều anh vừa hỏi, nhưng cô vẫn chưa có câu trả lời. “Tôi nghĩ hắn nhắm đến cả hai, nhưng có lý do riêng cho từng người. Hắn dìm chết cô con gái hết lần này đến lần khác. Đó là điểm chung giữa hai cô bé. Hắn kiên nhẫn dìm chết rồi hồi sinh họ, cứ lặp đi lặp lại như thế cho đến khi vắt kiệt sức lực của họ, với Ella Reynolds là vài tuần, trong khi Lili Davies chỉ ngày một ngày hai. Còn

hai ông bố lại bị giết theo cách hoàn toàn khác, hắn ra tay chóng vánh, gần như là không chủ định từ đầu vậy."

"Không phải không chủ định đâu, nếu hắn đã soạn cáo phó cho họ từ trước." Nash nói.

"Ừ thì không phải. Đúng hơn là giống một lời tuyên bố." Clair nói. "Những gì hắn làm với hai cô bé, việc hắn dìm chết họ, đều là để phục vụ cho mục đích riêng."

"Như thể hắn đang cố gắng học hỏi điều gì đó."

"Như thể hắn đang cố gắng học hỏi điều gì đó." Clair tán đồng.

"Nói vậy thì mục tiêu chính của hắn là hai cô bé, còn hai ông bố chỉ là chiêu trò tung hỏa mù?"

Clair đưa tay lên day thái dương. "Không, bọn họ quan trọng hơn thế. Nhưng tôi vẫn chưa hiểu ra lý do."

"Bố và con gái… vụ này bắt đầu giống 4MK ra phết rồi đấy." Nash nhận xét.

"Dìm nạn nhân chết đuối không giống cách làm của hắn. Hơn nữa, Bishop luôn chủ trương không giết bố mẹ. Hắn cho rằng họ sẽ đau đớn, khổ sở hơn nhiều khi người đầu bạc phải tiễn kẻ đầu xanh."

"Có thể hắn đã cải tiến, hoặc cải lùi."

"Bishop thay đổi cách thức để làm gì chứ?"

"Tôi tìm thấy bản ghi rồi." Kloz chen ngang. "Trong cả ba trường hợp, địa chỉ IP đều xuất phát từ nhà của các nạn nhân. Điều đó có nghĩa, hai bài cáo phó giả hoặc là được gửi đi từ máy tính trong nhà họ, hoặc là ai đó đã dàn dựng sao cho nhìn bề ngoài có vẻ là như thế."

"Việc đấy mà cũng làm giả được ư?"

Kloz đặt một ngón tay lên gờ màn hình laptop, trầm ngâm suy nghĩ. "Khó đấy. Không thể hoàn toàn giả mạo IP đầu vào khi sử dụng biểu mẫu trên trang web. Chuỗi ký tự sẽ được ghi lại sau khi dữ liệu rời khỏi máy chủ."

Clair ném một chiếc bút vào người Kloz. Anh ta không hề biết cô cầm lên lúc nào. Cô càng ngày càng cao tay. Chiếc bút đập vào vai Kloz rồi rơi xuống gầm bàn anh ta.

"Này nhé! Tôi không phiền khi cô ném Nash, nhưng tôi có giới hạn của mình khi cô tấn công tôi đấy." Anh ta nói.

"Dùng ngôn ngữ toàn dân đi thì không bị ăn đòn."

Kloz cúi thấp xuống, dùng màn hình laptop làm lá chắn giữa mình và Clair. "Muốn gửi thông điệp bằng địa chỉ IP tại nhà, yêu cầu* phải xuất phát từ bên trong nhà của họ, từ router của họ. Có vài cách để làm được việc này." Anh ta đếm đầu ngón tay để liệt kê. "Cách thứ nhất: hack máy tính của họ từ xa. Trò này khá khó nhằn. Hung thủ phải xâm nhập bằng cách gửi cho họ mã độc để từ đó mở cửa hậu hoặc tìm ra lỗ hổng trong hệ điều hành. Nếu họ không thường xuyên cập nhật hệ điều hành thì mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn cho hắn, nhưng vẫn hên xui lắm, vì không thể nói trước liệu có xâm nhập được không và nên làm như thế nào, phải thử mới biết, khá là mạo hiểm đấy. Cách thứ hai: hack Wi-Fi nhà họ. Cách này đơn giản hơn một tí, có thể tiến hành khi đứng trên con phố bên ngoài nhà, chỉ cần dùng một vài công cụ mà ai cũng có thể dễ dàng tải về từ Internet."

"Nhưng tiếp cận ở khoảng cách gần như thế cũng nguy hiểm lắm chứ." Nash lý luận.

“Lúc gửi mấy bài này, hắn đã bắt cóc hoặc giết người nào đâu. Vì thế sẽ chẳng ai đề phòng hắn cả. Hắn có thể xâm nhập rồi thoát ra chỉ trong vòng vài phút, nhất là nếu gia đình họ không chịu cập nhật firmware* cho router.”

“Chẳng ai cập nhật firmware bao giờ. Chúng ta biết được điều đó sau khi ghé cửa hàng Starbucks.”

“Chính xác.” Kloz gật đầu. “Ngoài ra còn phải kể đến tờ báo kia nữa. Đó là cách thứ ba. Hung thủ sẽ gửi cáo phó bằng cách điền vào biểu mẫu, sau đó hack dữ liệu được lưu trên máy chủ của tòa soạn. Khi đã xâm nhập được rồi, hắn sẽ phải thay đổi địa chỉ IP. Đây là cách khó nhất. Tôi mà là hắn thì tôi sẽ chọn hack Wi-Fi.”

“Nhưng làm thế chẳng phải sẽ để lại dấu vết hay sao? Giống như những gì anh tìm được ở Starbucks ấy?” Nash hỏi.

Kloz lại gật đầu. “Trang web của tờ báo không lưu các địa chỉ Mac trong dữ liệu, nhưng router tại mỗi địa điểm thì có. Tôi chỉ cần vào được thôi.”

“Anh có bắt buộc phải vào tận bên trong nhà họ không?” Clair hỏi. “Người ta vừa trải qua quá nhiều chuyện rồi…”

“Tôi có thể đứng ngoài đường, giống như hung thủ đã làm. Không cần thiết phải quấy quả gia đình họ đâu.”

Nash nói: “Bản danh sách cáo phó mà tờ báo gửi đến ấy, chúng ta có thể kiểm tra những cái tên trong đó không? Thử tìm cáo phó của những người chưa có giấy báo tử xem. Biết đâu ta lại gặp may và tìm được nạn nhân kế tiếp trước khi hắn ra tay.”

“Nếu không có số an sinh xã hội hoặc thông tin chuẩn để loại trừ những người không phù hợp thì cũng khó đấy, nhưng tôi vẫn có thể thử một phen.” Kloz nói.

Clair đọc mục phân công nhiệm vụ trên bảng. “Việc lên danh sách bể bơi nước mặn trong vùng có thu được kết quả gì không?”

“Nếu tôi nói có thì cô có hứa từ nay về sau sẽ ngừng ném đồ vào người tôi không?” Kloz hỏi.

“Không.”

“Cô đúng là đồ đàn bà ác nhơn.” Anh ta nói. “Tôi gửi file rồi đấy. Cô mở hộp thư đến sẽ thấy. Chúng ta có thể loại trừ các bể bơi nước mặn được rồi. Thứ nước mà Eisley tìm thấy trong phổi của hai cô bé có nồng độ muối quá cao. Bể bơi thường duy trì nồng độ muối ở mức 0,3%, trong khi nguồn nước mà chúng ta đang tìm có nồng độ khoảng 3,5%, tương đương với nước biển. Dựa vào căn cứ đó, tôi đã khoanh vùng được mười tám cửa hàng bán cá cảnh nước mặn và thiết bị thủy sinh. Tôi cũng gửi danh sách cho cô rồi.”

Clair đứng dậy và cập nhật thông tin lên bảng. “OK, tôi sẽ đảm nhiệm việc kiểm tra những cửa hàng này. Hai anh ghé qua nhà các nạn nhân để thu thập thông tin cần thiết từ router của họ đi. Sau đó chúng ta sẽ báo cáo tình hình cho nhau.”

“Sam mà ở đây thì anh ấy sẽ bảo tôi xin trát của tòa trước khi lấy dữ liệu từ router.” Kloz nói.

Clair nhặt một cây bút khác, lăm lăm trong tay như muốn ném. “Tôi sẽ coi như anh chưa nói ra câu đó.”

BẢNG THỐNG KÊ BẰNG CHỨNG

ELLA REYNOLDS (15 TUỔI)

Được báo mất tích ngày 22 tháng 1

Được tìm thấy ngày 12 tháng 2 tại đầm nước trong Công viên Jackson

Đầm nước đóng băng từ ngày 2 tháng 1 (20 ngày trước khi mất tích)

Được nhìn thấy lần cuối khi xuống xe buýt gần Quảng trường Logan (cách nhà 2 khu/cách Công viên Jackson 24 kilômét)

Mặc áo khoác đen lúc được nhìn thấy lần cuối

Chết đuối trong nước mặn (tìm thấy trong nước ngọt)

Mặc trang phục của Lili Davies khi được tìm thấy

Đi bộ từ bến xe buýt về nhà mất bốn phút

Thường đến cửa hàng Starbucks ở đại lộ Kedzie. Đi bộ về nhà mất bảy phút.

LILI DAVIES (17 TUỔI)

Bố mẹ = Bác sĩ Randal Davies và Grace Davies

Bạn thân = Gabrielle Deegan

Học tại Học viện Wilcox (trường tư), không đến lớp ngày 12 tháng 2

Được nhìn thấy lần cuối khi rời nhà đến trường (đi bộ) sáng ngày 12 tháng 2 lúc 7:15, mặc áo parka có mũ hiệu Perro, chất vải nylon màu đỏ chần quả trám, mũ len trắng, găng tay trắng, quần jeans tối màu, giày tennis hồng (tất cả đều được tìm thấy trên thi thể Ella Reynolds)

Nhiều khả năng bị bắt vào sáng ngày 12 tháng 2 (khi đang trên đường đi học)

Thời gian gây án ngắn = 35 phút (đi học lúc 7:15 sáng, vào học lúc 7:50)

Trường chỉ cách đó bốn khu nhà

Mãi đến hơn 12 giờ đêm (tức sáng ngày 13 tháng 2) mới được trình báo mất tích

Bố mẹ tưởng con gái làm thêm (tại phòng tranh) sau khi đi học về (cả hai việc đều không xảy ra)

Mặc trang phục của Ella Reynolds khi được tìm thấy

Nhiều lần chết đuối rồi lại được hồi sinh - trong nước mặn

FLOYD REYNOLDS

Vợ: Leeann Reynolds

Bán bảo hiểm, làm việc cho UniMed America Healthcare

Không nợ nần? Theo như lời khai của bà vợ. Hosman kiểm tra.

Bị siết cổ bằng dây mảnh (dây đàn piano?) bên ngoài nhà riêng (trong ô tô)

Xác bị giấu trong người tuyết

Bố của Ella Reynolds

RANDAL DAVIES

Bác sĩ tại Bệnh viện John H. Stroger Jr.

Bố của Lili Davies

Vợ = Grace Davies

Dùng thuốc quá liều - lisinopril (điều trị cao huyết áp)

ĐỐI TƯỢNG TÌNH NGHI

Có thể lái một chiếc xe bán tải màu xám kéo theo một bồn chứa nước: Toyota Tundra 2011

~~Có thể làm công việc liên quan đến bể bơi (vệ sinh hoặc bảo trì)~~

Tìm thấy dấu bốt bảo hộ cỡ 11 ở đằng sau ghế lái ô tô nhà Reynolds (Lexus LS). Dùng để làm điểm tựa?

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

~~Băng ghi hình tại Starbucks (xóa mỗi ngày?) - Kloz~~

~~Máy tính, điện thoại, e-mail của Ella - Kloz~~

~~Tài khoản mạng xã hội, lịch sử cuộc gọi và tin nhắn điện thoại, e-mail của Lili (không tìm thấy điện thoại và laptop) - Kloz~~

~~Chỉnh rõ ảnh chụp đối tượng trong diện tình nghi lúc lái xe vào công viên - Kl~~oz

Camera của công viên bị nới lỏng? Kiểm tra băng ghi hình cũ - Kloz

~~Tìm ra hãng xe và dòng xe của chiếc ô tô bán tải trong băng ghi hình? - Kloz~~

~~Clair và Sophie đi theo lộ trình đến trường của Lili/thẩm vấn Gabrielle Deegan~~

~~Clair và Sophie tới phòng tranh (quản lý - cô Edwins)~~

~~Lên danh sách các bể bơi nước mặn ở Chicago thông qua văn phòng cấp phép xây dựng - Kloz - Clair đến kiểm tra~~

Kiểm tra các cửa hàng thủy sinh và đầu mối cung cấp trang thiết bị thủy sinh trong vùng - Clair

Hosman kiểm tra các khoản nợ của nhà Reynolds

CHƯƠNG 43

Poole

Ngày 3 • 9:23 sáng

Poole đứng ở chính giữa phòng làm việc của FBI do Sở Cảnh sát Chicago cho mượn, chăm chú nhìn lên tường.

Các đặc vụ thuộc văn phòng chi nhánh Chicago đã ở đây suốt đêm để dựng lại bức tường dữ liệu giống hệt như bức tường trong căn hộ của Porter, dựa vào những tấm ảnh chụp hiện trường.

Thanh tra Porter đã sắp đặt mọi thứ cực kỳ tỉ mỉ. Poole không mất nhiều thời gian để đoán ra ý nghĩa của từng màu đinh ghim. Màu đỏ tượng trưng cho địa điểm có người đã nhìn thấy Bishop, màu xanh dương là nhà của phóng viên hoặc cơ quan báo chí địa phương đưa tin về sự việc đó, màu vàng là nơi cư ngụ của bất cứ ai mất tích hoặc bị giết với thủ pháp tương tự thủ pháp của 4MK.

Có một cái ghim màu vàng cắm ở Công viên Jackson, nơi tìm thấy thi thể Ella Reynolds. Porter khăng khăng cho rằng Bishop không liên quan gì đến vụ mất tích hoặc cái chết của cô bé, thế nhưng anh ta vẫn nghĩ cần phải đánh dấu lên bản đồ, rồi sau đó lại rút ghim ra. Poole cảm thấy chi tiết này thật lạ. Anh nhận thấy có ít nhất ba vụ án mạng khác xảy ra tại địa bàn thành phố Chicago trong vòng hai tháng vừa qua nhưng trên bản đồ của Porter lại không ghim, tại sao vụ Ella Reynolds thì có?

Vụ Lili Davies không được đánh dấu. Rất có thể Porter thực sự đã định ghim lên, chỉ là chưa kịp làm thôi.

Bản thân Poole cũng vắng nhà đã gần hai ngày nay. Anh biết vợ Porter mới mất cách đây vài tháng. Vị thanh tra ấy có lẽ còn không có thời gian tạt qua nhà kể từ lúc xảy ra vụ mất tích cho đến khi FBI tới tịch thu toàn bộ số dữ liệu này.

Dẫu vậy, đó vẫn là chi tiết đáng chú ý.

Anh tiến lại gần chiếc bảng trắng mới được lấy từ phòng nào đó trong tòa nhà và mang tới đây. Anh cũng không hỏi nó từ đâu ra. Ở góc trên cùng bên trái, anh viết tên LIBBY MCINLEY, sau đó dán ảnh chân dung cô ta chụp khi bị bắt cùng với vô số ảnh hiện trường tại nhà riêng và các ghi chép của anh.

Bị trói chặt vào giường

Ngón tay, ngón chân bị cắt cụt

Tai, mắt, lưỡi bị cắt xẻo

Trên người có nhiều vết cứa - bị tra tấn

Báo thù

Giấy tờ tùy thân giả (bằng lái xe/hộ chiếu, lấy tên Kalyn Selke)

Một khẩu 0,45

Họ đã tra cứu cái tên Kalyn Selke và biết được rằng đó là tên của một bé gái bảy tuổi đã chết từ hai mươi bốn năm trước tại Woodstock, bang Illinois. Nếu còn sống thì cô bé ấy chỉ kém Libby McInley đúng một tháng

tuổi. Mấy loại giấy tờ tùy thân họ tìm thấy đều không phải đồ giả mà là giấy tờ thật do chính quyền cấp. Điều này có nghĩa, McInley bằng cách nào đó đã lấy được bản sao giấy khai sinh và thẻ an sinh xã hội của Selke rồi dùng chúng để xin hộ chiếu, sau đó cô ta dùng cả ba loại giấy tờ trên để nộp hồ sơ và lấy bằng lái xe dưới tên giả. Việc này mất khá nhiều thời gian, nhưng cô ta có thể dễ dàng học hỏi khi ở trong tù. Anh cho rằng cô ta thậm chí còn thực hiện được ngay cả khi ngồi sau song sắt, nhưng nếu thế thì cần phải có người giúp. Cô ta được phép sử dụng máy tính và Internet nên có thể tự tìm hiểu, nhưng phải có người ở ngoài viết hộ các đơn từ và gửi đi.

Bên dưới cột thông tin về Libby McInley, chi tiết cuối cùng anh liệt kê là lọn tóc vàng. Anh vẽ một mũi tên nối dòng chữ ấy với tấm ảnh chụp lọn tóc dán ở phía trên cùng của cột bên cạnh. Anh đã hy vọng Đội Khám nghiệm Hiện trường sẽ tìm thấy ADN có trong tóc, nhưng họ không phát hiện ra điều gì. Lọn tóc buộc gọn được cắt ra chứ không phải bị bứt khỏi da đầu. Trong đó chẳng chứa thông tin nhận dạng nào cả. Kết quả phân tích mẫu tóc cho thấy chủ nhân của chúng thường xuyên hút thuốc lá và cần sa. Người này cũng dùng Xanax - một loại thuốc điều trị rối loạn lo âu rất phổ biến - trong thời gian đoạn tóc mọc ra. Họ không thể xác định được đó là tóc của nam hay nữ. Phòng thí nghiệm ước lượng mẫu tóc khoảng hai mươi năm tuổi. Họ nhanh chóng giải thích rằng điều đó có nghĩa nó đã mọc từ cách đây hai mươi năm, nhưng không có cách nào biết được tuổi của chủ nhân lọn tóc. Họ nói đoạn tóc bị cắt ra trong khoảng từ mười lăm đến hai mươi năm trước. Hai chiếc chun đen buộc ở hai đầu là loại chun rất phổ biến, do một công ty tên là Goody sản xuất và được bày bán ở gần như tất cả các cửa hàng, cửa hiệu tạp hóa.

“Anh muốn để thứ này ở đâu?”

Poole quay lại thì thấy Diener đang bê một hộp đựng hồ sơ màu trắng to tướng, đó là hộp tài liệu do hai thanh tra Nash và Norton tìm thấy trong căn hộ trên phố La Salle dưới sự dàn dựng của Bishop cách đây bốn tháng. “Anh đặt lên bàn đằng kia đi.”

Diener thả cái hộp xuống bàn đánh bịch một tiếng. “Mọi thứ ở đây đều được thống kê và chụp lại cả rồi. Anh có thể xem trên máy tính bảng mà. Anh cần bản gốc để làm gì?”

“Cứ lướt qua lướt lại mấy tấm ảnh trên máy với tôi không ăn thua. Tôi cần thứ gì đó cầm nắm được cơ.”

“Hừm, anh nên khẩn trương lên thì hơn. Hurless bảo anh cứ ngâm cứu cái đống này chỉ tổ phí thời gian. Ông ấy đang muốn chúng ta đi thẩm vấn hàng xóm và cán bộ quản chế của McInley kìa.”

“Hay là anh cứ làm đi?”

“Tôi á?”

Poole gật. “Bắt đầu với đội cảnh sát tuần tra ấy. Họ đã nói chuyện với phần lớn hàng xóm quanh đó rồi. Anh chỉ cần đến hỏi lại mấy nhà kế bên thôi. Tôi đã gọi điện cho cán bộ quản chế của cô ta. Khi nào thống nhất được ngày giờ hẹn, tôi sẽ gọi cho anh rồi ta gặp nhau ở đấy.”

Diener rất ghét phải chôn chân trong văn phòng, Poole biết anh ta sẽ chộp ngay lấy cơ hội điều tra ngoài thực địa, ngay cả trong thời tiết này. Poole còn biết dù có nói chuyện với hàng xóm đi nữa cũng chẳng được tích sự gì. Anh không quan tâm. Anh chỉ muốn Diener biến đi chỗ khác, để yên cho anh làm việc thôi.

Diener xăm xăm bước ra cửa, vớ lấy áo khoác vắt trên lưng ghế. “Chắc một tiếng nữa Hurless sẽ từ văn phòng chi nhánh về đây đấy. Tốt nhất anh

nên chuồn đi trước khi ông ấy đến."

Poole gật đầu với anh ta một cái thật nhanh rồi lại hướng sự chú ý vào chiếc hộp. Hurless thì anh chẳng lo.

Anh bắt đầu lấy từ trong hộp ra những chồng giấy buộc gọn và xếp thành hàng ngay ngắn trên mặt bàn.

CHƯƠNG 44

Porter

Ngày 3 • 9:33 sáng

"Nói thật với ông anh nhé, trần đời chẳng ai đi nghỉ theo kiểu như ông anh đâu." Hershel Chrisman nói vọng xuống từ ghế trước của chiếc taxi. "Khách du lịch mấy ai bén mảng đến khu này, mà kể cả có đi nữa, họ cũng chạy mất dép ngay. Thà chơi với mấy bà thầy tế juju* hoặc đám buôn thúng bán mẹt trên phố còn hơn dây vào lũ găng tơ quanh đây. Dân ở mấy khu này nghèo rớt mồng tơi, đến ăn ngũ cốc còn dùng dĩa để đỡ tốn sữa nữa là. Muốn vác súng đi bắn dạo mà cũng phải bắt xe buýt thì anh biết rồi đấy."

Porter mỉm cười lần đầu tiên trong suốt hai ngày qua. Thoạt nhìn, khu này cũng đâu đến nỗi nào. Họ đang đỗ xe phía trước một loạt nhà thông cửa đã được chuyển thành văn phòng kinh doanh dọc theo đại lộ South Broad, một vài trong số đó giống hệt mấy văn phòng anh vẫn thấy trên đại lộ California ở Chicago, gần Trại giam quận Cook. Nào là văn phòng dịch vụ bảo lãnh, văn phòng luật sư, dịch vụ rút tiền mặt bằng séc. Ở Chicago, những văn phòng đó toàn chữ graffiti trên tường và chấn song trên cửa sổ. Còn tại đây, mỗi ngôi nhà giấu đi sự xấu xí của mình phía sau đôi nét hấp dẫn mang phong vị New Orleans: những lớp sơn sặc sỡ, những kiến trúc cầu kỳ; văn phòng dịch vụ bảo lãnh ở nhà bên thậm chí còn có cả hàng hiên với hai cái ghế mây cạnh cái bàn cao ngang đầu gối, sẵn sàng để ai đó ngồi nhâm nhi nước chanh vào buổi sáng. Chiếc taxi đỗ phía trước một ngôi nhà thông cửa sơn màu trắng và xanh lục đã được chuyển đổi thành văn phòng,

trên cửa trước có tấm biển nhỏ đề dòng chữ: SARAH WERNER, LUẬT SƯ.

"Có lẽ phải chờ lâu đấy." Hershel nói.

"Tôi không ngại chờ."

Anh ta nhún vai. "Tùy anh thôi. Anh thấy khách sạn Lý Tưởng kia thế nào?"

Đêm qua, Porter nghĩ mãi mà không quyết định được điều gì tồi tệ hơn: ngủ bên dưới hay bên trên tấm chăn trong phòng khách sạn anh ở. Không khéo nhân viên dọn vệ sinh ghé qua phòng này lần cuối từ hồi Reagan vẫn còn là tổng thống cũng nên. Cả đêm anh cứ thế ngồi trên cái ghế gỗ lưng thẳng, chân gác lên bàn, tốt nhất cứ tránh xa cái sàn nhà ra là hơn. "Rất tuyệt, cảm giác khá giống ở nhà."

Hershel cười hinh hích. "Tôi đã bảo chỗ đó tởm lắm mà không nghe."

Bên kia đường có một người đàn ông từ trong ngõ đi ra, đến vỉa hè thì ông ta dừng lại cởi quần. Porter không đừng được, cứ tròn mắt nhìn ông ta vừa ung dung đi tiểu vừa huýt sáo một giai điệu anh không nhận ra, khi xong việc ông ta lại kéo phéc-mơ-tuya lên rồi đi vào ngõ, đưa tay che miệng trong lúc ngáp dài. Dưới bóng râm lạnh lẽo, ẩm thấp của con ngõ, Porter trông thấy ít nhất ba người khác đi lại và một người nữa đang nằm trên cái túi ngủ nhăn nhúm. Một chiếc hộp các tông lớn dựa vào bên thân cái thùng rác. Bên trong hộp thấp thoáng bóng người.

"Ông ta không phải người ở đây." Hershel nói.

"Thế ư?"

"Dân New Orleans có thể không giàu nhưng chúng tôi biết tôn trọng thành phố, dù là khu vực bẩn thỉu nhất đi nữa. Nơi này là mảnh đất màu

nhiệm.” Anh ta hất hàm về phía con ngõ. “Những người như họ không phải dân Louisiana chính gốc. Có lẽ ông ta chỉ là khách du lịch đi ngang qua rồi kẹt lại ở đây. Thành phố kiểu gì cũng đuổi họ đi thôi, tống cổ bằng sạch. Nơi này không có chỗ cho những hạng ấy.”

“Nhưng anh bảo tôi đây là khu vực tệ hại lắm và tôi không nên đến còn gì.”

Hershel phẩy tay. “Cái tệ hại thực ra không phải là bản thân khu này. Tôi hỏi anh, anh có nỡ bắn chết con chó mình nuôi chỉ vì nó có rận không? Phần này của con chó chẳng qua lắm rận hơn những phần khác, thế thôi.”

Một chiếc BMW đen với cửa kính tối màu tấp vào bên cạnh chiếc taxi và đỗ lại. “Xe luật sư đấy, nhìn qua là biết.” Hershel nói.

Porter quan sát cửa bên ghế lái mở ra. Một người phụ nữ có mái tóc nâu dài ngang vai, đeo cặp kính râm to sụ choán gần hết mặt bước ra, đưa mắt nhìn quanh khối nhà, sau đó đóng cửa xe và tiến về phía văn phòng.

Porter nhoài người lên ghế trước. “Của tôi hết bao nhiêu?”

Hershel liếc vào gương. “16,75 đô.”

Porter đưa cho anh ta tờ hai mươi đô và xua tay ra hiệu không cần trả lại tiền thừa.

“Có muốn tôi đợi ngoài này không?”

Porter nhìn người phụ nữ mở khóa cửa của văn phòng luật sư rồi bước vào và đóng cửa lại. Anh đưa cho tài xế mười đô nữa. “Đợi năm phút thôi, quá thời gian đó mà không thấy tôi ra thì anh cứ đi. Khi nào cần tôi sẽ gọi.”

Hershel cầm lấy tờ tiền và bỏ vào túi áo sơ mi. “Người đàn bà của anh hẳn phải đặc biệt lắm thì anh mới chịu hao tâm tổn sức đến vậy để tìm gặp. Đàn ông phần lớn sẽ bỏ thôi chứ mấy ai kiên nhẫn thế được. Hy vọng bà ta

nhận ra anh đối tốt với bà ta biết chừng nào và cố mà nhớ lấy điều đó khi được phóng thích."

Porter bước xuống taxi rồi vỗ nhẹ lên nóc xe một cái, sau đó quay người tiến về phía bậc tam cấp trước cửa văn phòng.

Tiếng chuông báo vang lên khi anh mở cửa và đi vào. Luồng khí mát lạnh từ điều hòa xối vào người anh, hệt như làn sóng ào đến. Anh không hề nhận ra ngoài trời oi bức đến thế nào dù mới sáng sớm ngày ra.

"Mời ngồi, xin cứ tự nhiên. Tôi ra ngay đây." Một giọng phụ nữ cất lên từ bên trong. "Tôi vừa đến và đang chuẩn bị đun nước pha trà. Không có caffeine thì tôi không làm ăn gì được."

Văn phòng có diện tích không lớn, chiều rộng chắc chỉ được ba mét, sâu khoảng bốn mét hai. Dù chủ nhà đã cố gắng sửa sang lại nơi này thành phòng làm việc, Porter vẫn có cảm giác như đang đứng ở sảnh của một ngôi nhà cũ hơn là văn phòng luật sư. Trần phòng cao vợi có phào chỉ bao quanh, mảng trần ở trung tâm được khảm những hoa văn cầu kỳ bằng thiếc. Lamri ốp kín chân tường xung quanh phòng. Bên phải anh có một cái lò sưởi nằm kế bên ô cửa sổ kính hoa chì cỡ lớn, đằng trước kê chiếc xô pha nhỏ và hai cái ghế. Chiếm trọn không gian bên trái là tủ sách âm tường với những cuốn sách trông cũng cũ kĩ chẳng kém gì ngôi nhà. Phía cuối phòng có một cái bàn viết bằng gỗ kiểu cổ cùng với hai cái ghế nữa, cả ba đều bị chất đầy sách vở giấy tờ bên trên. Đằng sau bàn là một ngưỡng cửa thông với lối đi sáng sủa. Tâm trí anh mường tượng ra hình ảnh ngôi nhà thuở xưa: phòng khách ở đầu nhà, chính là chỗ này đây, đi sâu hơn vào trong sẽ là căn bếp và phòng sinh hoạt gia đình phần nào lược bớt vẻ trang trọng. Anh tưởng như nghe thấy cả tiếng trẻ con í ới vọng từ đầu này đến đầu kia, những giọng nói ma mị, ám ảnh của một thời đã xa.

“Anh chị cứ dẹp đồ trên ghế trước bàn tôi mà ngồi. Bỏ hết xuống sàn cũng được.” Cô ta nói vọng ra từ phía cuối căn phòng. “Xin lỗi, hôm nay tôi không nghĩ là lại có khách.”

Ngôi nhà còn có cả tầng hai. Nhìn từ bên ngoài anh cũng nhận thấy được.

Anh tự hỏi không gian cơi nới ấy liệu có phải đã được sửa sang thành căn hộ vào thời điểm nào đó, và Sarah Werner có sống trên đó không. Cũng giống như mặt tiền sạch đẹp của ngôi nhà cũ chuyển đổi thành văn phòng, nơi này xem ra chẳng mảy may chịu tác động của những kẻ đầu đường xó chợ ngoài kia, tựa như thánh địa bình yên nằm dưới đám mây đen phủ bóng lên khu vực này của thành phố, một thế giới khép kín nơi những thăng trầm của thời gian không thể chạm tới, lạc nhịp với mọi thứ đang diễn ra bên ngoài cánh cửa dày cộp và bốn bức tường thạch cao.

Porter băng qua phòng, tới chỗ cái bàn viết, nhấc chồng giấy tờ trên ghế này đặt sang ghế kia, rồi ngồi xuống.

Trên bức tường cạnh bàn treo mấy văn bằng được lồng khung kính. Cô Werner có bằng cử nhân của Đại học Perm State, tốt nghiệp trường Luật thuộc Đại học Pennsylvania ở Philly* năm 1998. Porter không học đại học mà gia nhập ngành cảnh sát không lâu sau khi tốt nghiệp phổ thông. Anh cũng đã định đi học để lấy bằng cử nhân tư pháp hình sự, nhưng sau khi hỏi thăm kinh nghiệm của một vài sĩ quan cảnh sát, anh nhanh chóng hiểu ra rằng cái bằng ấy chẳng mang lại cho anh lợi ích gì ngoài một đống nợ đè đầu. Nếu muốn thăng tiến xa hơn chức thanh tra, anh có thể phải học thêm một vài tín chỉ theo yêu cầu của ngành, nhưng anh không có tham vọng ấy, chưa bao giờ. Những người chức vụ cao hơn anh thường phải gánh trên lưng cả núi áp lực, ngày ngày ngồi một chỗ vò đầu bứt tai xử lý đủ thứ việc

liên quan đến ngân sách và nhân sự. Trí não anh đòi hỏi những thử thách có được bằng cách lăn lộn ngoài thực địa.

“Rất xin lỗi vì đã bắt anh phải đợi.”

Porter quay sang thì thấy một người phụ nữ đang đứng trên lối đi phía sau bàn, hai tay cầm hai cốc trà bốc khói nghi ngút.

“Tôi pha cho anh một cốc đây.” Cô bảo. “Không thì có vẻ bất lịch sự quá, hơn nữa tôi cũng chẳng thích uống một mình.” Đôi mắt nâu của cô lấp lánh, ánh lên vẻ tinh nghịch khi cô nói ra câu ấy. “Ôi, nhưng tôi quên không hỏi anh thích pha thêm sữa hay đường.”

Porter đưa tay đón lấy chiếc cốc. “Thế này là ngon lắm rồi, cảm ơn cô.”

Cô nói giọng hơi lơ lớ, tuy đã được luyện tập nhiều để phát âm chuẩn hơn nhưng nghe kĩ vẫn thấy. Giọng địa phương thì không phải, giọng Cajun* cũng không.

Sarah Werner mỉm cười đưa cho anh chiếc cốc rồi duyên dáng ngồi xuống ghế phía sau bàn, hai tay nâng cốc trà lên môi. Cô mặc chân váy vest màu xám đậm, đôi tất đen ôm lấy cặp chân thon dài đã bị ánh mắt tội lỗi của Porter liếc thấy trước khi mất hút dưới gầm bàn. Anh lại đưa mắt nhìn mấy tấm bằng treo trên tường và nhẩm tính. Nếu cô vào đại học ngay sau khi tốt nghiệp phổ thông thì bây giờ cô khoảng bốn mươi lăm tuổi, trẻ hơn anh chừng mười tuổi. Nhìn cô, anh chẳng thể nào đoán được điều đó. Nếu tình cờ gặp cô trên phố, có lẽ anh sẽ cho rằng cô chỉ tầm ba mươi lăm là cùng. Ngoài mấy vết chân chim rất mảnh nơi khóe mắt, làn da cô đẹp không tì vết. Mái tóc nâu xõa xuống vai cô theo những nếp sóng mềm mại. Anh ngửi thấy mùi tử đinh hương thoang thoảng đâu đây.

“Có lẽ tôi nên hỏi anh là ai nhỉ.” Cô nói và mỉm cười.

Porter kéo tâm trí trở về với thực tại. “Xin lỗi, mấy ngày vừa qua vất quá.” Anh đưa cho cô danh thiếp của mình. “Tôi là Thanh tra Sam Porter thuộc Sở Cảnh sát Chicago.”

Cô chăm chú đọc nó trong giây lát rồi đặt xuống góc bàn. “Sát nhân Bốn Con Khỉ phải không?”

“Cô biết vụ đó ư?”

Cô đặt danh thiếp của anh lên trên một xấp gần chiếc điện thoại. “Tôi là luật sư bào chữa tội phạm hình sự, Thanh tra ạ. Chẳng giấu gì anh, niềm hứng thú của tôi đối với ngành tâm lý tội phạm có lẽ đã gần chạm ngưỡng ám ảnh rồi. Tôi cố gắng theo dõi thật sát sao tất cả những vụ án nghiêm trọng. Tôi có thể giúp được gì cho anh? Anh có cho rằng hắn đã xuống tới New Orleans rồi không?”

Porter nhấp một ngụm trà rồi đặt cốc lên bàn. “Những gì tôi sắp cho cô xem, cô phải coi đó là bí mật giữa hai chúng ta. Cô không được phép nói với ai, hiểu chứ? Chúng tôi chưa công khai chi tiết này và không thể để rò rỉ thông tin vào thời điểm này được.”

“Dĩ nhiên rồi.”

Porter thò tay vào túi áo khoác, lấy ra bức ảnh, đặt lên bàn rồi xoay lại để cô xem được rõ hơn.

Ánh mắt Sarah dán chặt vào mắt anh trong giây lát, sau đó cô nhìn xuống bức ảnh. “Đây là…?”

“Thân chủ của cô, phải. Tôi tin là thế.”

“Nhưng bà ta thì có liên quan gì đến sát nhân Bốn Con Khỉ?”

Porter lật bức ảnh cho cô xem dòng chữ viết tay ở mặt sau.

“Tôi nghĩ tôi tìm được bà ấy rồi. B.” Sarah đọc to. Cô nhíu mày và lại đưa mắt nhìn anh. “Tôi không hiểu. Tìm được ai cơ?”

“Đây là nét chữ viết tay của Anson Bishop. Hắn tin rằng thân chủ của cô là mẹ hắn.”

Nét mặt cô vẫn giữ nguyên vẻ trung dung. “Thế anh nghĩ sao?”

Porter nhún vai. “Tôi không biết phải nghĩ sao. Tạm thời tôi chỉ đang lần theo một đầu mối mà thôi. Cô có thể cho tôi biết điều gì về bà ta?”

Sarah đẩy trả bức ảnh về phía anh rồi rút từ trong chồng giấy ở bên phải ra một tập hồ sơ màu nâu. Cô mở hồ sơ, để lộ một tấm ảnh chân dung chụp khi bị bắt kẹp ở bìa trái và một xấp tài liệu được buộc gọn ở bên phải.

“Jane Doe số 2138. Ngoài bí danh đó và danh sách tội trạng bị truy tố, tôi không biết gì về bà ta cả. Tôi đã gặp bà ta hai lần, nhưng bà ta chưa từng nói một câu nào.”

“Không nói ngay cả với cô ư?”

“Ngay cả với tôi.”

“Một quản giáo ở trại giam kể với tôi là bà ta chỉ định đích danh cô. Cái tên duy nhất bà ta nói ra là tên cô.”

Lần này đến lượt Sarah nhún vai. “Và tôi hoàn toàn không rõ lý do. Không hiểu nhờ đâu mà bà ta biết đến tên tôi nữa. Tôi cho đăng kha khá quảng cáo trong vùng, vậy nên nhiều khả năng bà ta đã từng xem danh thiếp hoặc tờ rơi của tôi. Có thể bà ta nghe nói tôi nhận bào chữa miễn phí. Có thể bà ta chọn ngẫu nhiên khi thấy tên tôi trong niên giám điện thoại, ai mà biết được. Lần đầu tiên gặp bà ta, tôi đã giải thích rằng bà ta có thể yên tâm nói với tôi mọi chuyện. Những gì hai chúng tôi trao đổi với nhau sẽ không bị báo cáo lại hoặc tiết lộ với người khác. Tôi đã trình bày một bài hết sức

đầy đủ về nghĩa vụ của luật sư trong việc bảo mật thông tin khách hàng. Chúng tôi ngồi đó suốt ba mươi phút, thế mà bà ta chỉ nhìn tôi chằm chằm." Cô nhấp một ngụm trà rồi nói tiếp. "Lần thứ hai xuống trại, tôi xem lại các tội danh bị truy tố và giải thích cho bà ta hiểu mức độ nghiêm trọng của những cáo buộc. Bà ta vẫn im như thóc. Có điều, bà ta đã ký giấy ủy quyền để tôi làm người đại diện hợp pháp, thế nên tôi biết những điều tôi nói bà ta đều hiểu cả. Tôi biết bà ta biết chữ, chẳng qua bà ta không chịu nói thôi."

"Bà ta đã ra tòa lần nào chưa?"

Sarah đảo tròn mắt. "Phiên xử đúng là một màn trình diễn tệ hại. Thẩm phán Kobrick đã chứng kiến đủ thứ chuyện xảy ra ở thành phố này rồi, và ông ấy không thích giỡn chơi. Ông ấy dọa sẽ coi như bà ta đã nhận tội khi bà ta không chịu mở miệng trong buổi tuyên đọc cáo trạng. Tôi đã thuyết phục ông ấy hoãn phiên xử lại hai tuần. Theo lịch, chúng tôi sẽ phải ra tòa lần tiếp theo vào ngày 19 tháng Hai, như thế tôi chỉ còn chưa đến một tuần để giải quyết mớ bòng bong này. Hôm nay tôi sẽ xuống trại, nếu bà ta vẫn không chịu nói thì có khi tôi đành phải nhờ chuyên gia tâm lý can thiệp."

"Tôi có thể khiến bà ta mở miệng."

Sarah uống nốt cốc trà, chầm chậm xoay chiếc cốc bằng những ngón tay mềm mại, móng tay được chăm chút cẩn thận. "Sau đó thì sao? Gán cho bà ta tội gì đó ở tận Chicago ư? Tôi không nghĩ điều ấy có lợi cho thân chủ của tôi đâu."

"Mục tiêu nhắm đến của tôi không phải bà ta, mà là con trai bà ta."

"Điều gì khiến anh nghĩ rằng bà ta biết hắn đang ở đâu? Kể cả biết đi nữa, tại sao bà ta phải nói với anh? Tôi nghĩ trên đời chỉ có một bản năng duy nhất mạnh mẽ hơn cả bản năng tự bảo vệ." Sarah nói. "Ấy là bản năng bảo vệ con của người làm mẹ."

“Tôi có thể khiến bà ta mở miệng. Tôi có thể giúp được cô.” Porter nhoài người qua bàn. “Làm ơn, cho tôi gặp bà ta.”

Cô mỉm cười, gấp tập hồ sơ lại, cuối cùng cô gật đầu. “Thôi được.”

CHƯƠNG 45

Larissa

Ngày 3 • 10:06 sáng

Larissa thấy mình đang dõi mắt sang bên kia phòng, nhìn tấm bạt đặt trước cái tủ đông lạnh và thứ nằm lù lù bên dưới. Lúc nãy tên giáo viên dạy lái xe có nhắc tới “người đến trước cô”. Larissa biết ý hắn muốn ám chỉ một cô gái khác. Hắn đã từng làm việc này rồi. Hắn chuẩn bị quá kĩ càng, quá bài bản, không thể chỉ mới ra tay lần đầu.

Cô nắm hơi chặt mảnh thủy tinh trong lòng bàn tay và đã hai lần cứa phải da thịt, vết thương tuy không nghiêm trọng nhưng có chảy máu. Cô chùi tay lên quần jeans rồi cứ giữ như thế cho tới khi lực ép khiến vết thương khép miệng và máu đã cầm. Sau đó cô lại nắm tay vào, cố dặn lòng không được bóp. Vậy nhưng cứ mỗi giây trôi qua, bàn tay cô dần co lại, ngón tay siết chặt hơn, ấn lên mảnh thủy tinh sắc như lưỡi lam, và rồi cô cảm thấy dòng máu ấm nóng lại ứa ra. Lần này cô không tìm cách cầm máu nữa. Thay vì vậy, cô dồn sự chú ý vào cơn đau. Nó đánh thức các giác quan của cô, khiến cô cảnh giác, giúp cô tập trung quan sát mọi thứ xung quanh.

Cô kiểm tra từng centimet của cái chuồng.

Khung chuồng bằng kim loại được vít chặt xuống sàn bê tông, khe hở trên nóc chuồng không đủ cho cô trèo lên và lách người qua, chỉ rộng khoảng năm centimet là cùng. Hai ổ khóa cửa đều là loại khóa cỡ đại, trên thân dập chữ MASTER. Chúng có dạng tròn, được thiết kế để chống kìm

cộng lực, nói vậy chứ cô tìm đâu ra kìm mà cắt. Nếu có chiếc cặp tăm hoặc kẹp giấy nào đó thì cô sẽ thử phá khóa, nhưng cô chẳng có thứ gì trong hai thứ ấy cả.

Điện thoại di động của cô không thấy đâu. Chắc chắn hắn đã lấy chiếc iPhone và đập vỡ rồi. Đến cô còn biết cảnh sát có thể lần theo tín hiệu điện thoại để tìm ra mình nữa là.

Một tiếng hét lớn từ tầng trên vọng xuống.

Tiếng hét của đàn ông.

Larissa suýt đánh rơi mảnh thủy tinh đã trở nên trơn nhẫy trong tay.

Nghe như thể gã giáo viên đang trải qua đau đớn cùng cực.

Tràng la hét kéo dài chừng một phút rồi dần dần lịm đi, tiếng ré chói tai chuyển thành tiếng nức nở nghẹn ngào, cuối cùng không còn âm thanh gì nữa.

Lẽ nào có người đến cứu cô?

Lẽ nào có người đã làm hắn bị thương?

Larissa nhắm mắt lại, cố tập trung lắng tai nghe xem chuyện gì đang diễn ra trên gác.

Ngôi nhà một lần nữa chìm vào tĩnh mịch, bốn bề lặng phắc, chỉ có tiếng lách tách phát ra từ hệ thống sưởi và tiếng ván gỗ răng rắc chốc chốc lại vang lên.

“Cứu với! Tôi ở dưới này!”

Giọng cô thật nhỏ bé và yếu ớt so với bức tường câm lặng vừa sừng sững mọc lên.

Cô nghe thấy tiếng tay nắm cửa ở đầu cầu thang. Đầu tiên là tiếng lạch cạch, và rồi cánh cửa cọt kẹt mở ra dưới bàn tay ai đó.

Ánh đèn phía trên cao rọi xuống cầu thang, giống như những ngón tay sáng rực vươn tới bậc thang cuối cùng trước khi bị bóng tối của căn hầm đẩy lui.

Larissa nắm chặt mảnh thủy tinh, cảm thấy dòng máu chảy xuống cạnh bàn tay, nhỏ thành từng giọt lên mặt sàn dưới chân cô.

Có tiếng chân đi xuống.

Người cô căng ra.

Khi trông thấy gã giáo viên lúc hắn vòng qua chỗ ngoặt, khi cặp mắt xám của hắn giao với mắt cô, Larissa ép mình không được quay đi. Cô quắc mắt nhìn hắn, quai hàm nghiến chặt. Ngón tay cô đẩy mảnh thủy tinh lên cao hơn trong lòng bàn tay hòng che đi. Cô áp tay lên quần jeans để hắn không trông thấy máu. Cô sẽ tấn công ngay khi hắn mở cửa. Cô sẽ lao về phía hắn, cắm sâu mảnh thủy tinh vào cổ hắn và xoáy thêm cho chắc ăn.

Hắn đang cầm thứ gì đó trong tay. Khi hắn tới gần hơn, cô nhận ra đó là một xấp quần áo được gấp gọn. Hắn đặt chúng xuống sàn gần cửa chuồng.

"Tôi có đứa con gái cũng tầm tuổi cô. Quần áo này là của con bé."

Larissa cúi nhìn xấp đồ. Có quần legging đen, tất, đồ lót, và một chiếc áo len màu đỏ. Chiếc áo trông đã cũ sờn, bạc phếch.

"Cô có thích không?"

Cô không đáp.

"Cô sẽ mặc khi nào chúng ta xong việc."

"Ông có con gái sao?"

Vẻ mặt gã giáo viên lạnh tanh. “Tôi sẽ bảo con bé là cô thích. Nó sẽ vui lắm.”

“Cô ta đâu? Có biết tôi đang ở dưới này không?” Larissa lùi lại một bước. *“Cứu tôi với! Bố cô là thằng điên! Cứu tôi với!”*

Hắn nhìn xuống vị trí đặt ly sữa lúc trước. “Con bé không xuống đâu. Nó không thích tầng hầm.”

Larissa nhác thấy tấm vải bạt qua khóe mắt. Cô quay đi. Không thể nhìn vào đó được. Cô cần phải mạnh mẽ.

Hắn nhìn chằm chằm nơi đặt chiếc ly, sau đó trông thấy vũng sữa đọng ở phía cuối chuồng mà cô đã dùng tấm chăn lau đi phần nào. “Phân nửa trong đám con gái đó đập vỡ ly với ý định làm tôi bị thương. Nửa còn lại thì không. Anh ta nói cô sẽ kiên cường như một chiến binh. Điều ấy rất tốt. Sức mạnh ấy rất tốt.”

Gã giáo viên lấy giày đẩy nhẹ đống quần áo. “Cô sẽ mặc những thứ này khi nào chúng ta xong việc. Lúc đó cô sẽ trở nên xinh đẹp. Cô sẽ cảm thấy mình xinh đẹp. Đây là chiếc áo yêu thích của con bé. Mặt trước có hình chú ngựa con đấy, thấy không?”

Hắn giữ cái áo rồi giơ lên.

“Xong việc gì mới được?” Câu hỏi thốt ra khỏi miệng Larissa trước khi cô nhận ra mình vừa lên tiếng, cô ước gì có thể rút lại. Cô không muốn biết câu trả lời.

Gã giáo viên vẫn giơ cái áo lên, điều cô vừa nói không hề lọt vào tai hắn. Hắn nhìn con ngựa trên thân áo và mỉm cười, sau đó cẩn thận gấp nó lại và đặt lên trên xấp đồ. “Cô phải cởi quần áo ra.”

Larissa chậm rãi lắc đầu, siết chặt mảnh thủy tinh. Cô lùi về phía cuối chuồng. "Không. Không đời đào."

Miệng gã đàn ông hơi hé mở như thể hắn đang hít vào qua đường miệng chứ không phải mũi. Lưỡi hắn thè ra, liếm cặp môi khô nẻ rồi lại rụt vào. Hắn rút từ túi quần sau ra một cái kìm chích điện, giơ món đồ nhỏ bé đen sì ấy lên và nhấn nút. Luồng điện xẹt qua giữa hai cực. "Cô buông mảnh thủy tinh trong tay ra, đặt xuống sàn, rồi cởi đồ để chúng ta bắt đầu vào việc. Sau đó cô sẽ thấy. Và khi cô đã thấy, mọi chuyện sẽ ổn cả thôi."

Larissa suýt trượt chân khi giẫm phải chỗ sữa đổ còn sót lại. Vết cắt trên lòng bàn tay cô càng thêm sâu khi cô siết chặt tay. Máu nhỏ từng giọt xuống sàn.

Mắt gã giáo viên trợn lên. "Không được làm mình bị thương! Bỏ mảnh thủy tinh xuống!" Hắn rút từ trong túi ra một chùm chìa khóa, loay hoay tra vào ổ.

Larissa kề mảnh thủy tinh lên cổ, ấn vào da. "Dừng lại không tôi rạch. Tôi sẽ tự cắt cổ mình cho ông xem. Thề có Chúa, tôi làm thật đấy." Cô cố giữ giọng bình tĩnh, thản nhiên, cố làm ra vẻ mình là người nắm thế chủ động, vậy nhưng mệnh lệnh lại được cất lên bằng giọng the thé, nghẹn ngào vì những giọt lệ đang chực trào ra.

Cô lùi sâu hơn nữa về phía cuối chuồng, chân cô giẫm phải tấm chăn và trượt đi, đập người vào tường. Tay kia vươn ra định chống đỡ cho khỏi ngã nhưng lại đè lên đống thủy tinh vỡ, những mảnh vụn cứa chi chít vào lòng bàn tay cô.

Gã giáo viên đã tháo xong ổ khóa thứ nhất và đang mở ổ thứ hai.

Hơi thở nghẹn lại trong cổ cô. Cô không có đủ dưỡng khí. Mắt cô dán chặt vào gã đàn ông này, tên súc sinh này, khi ổ khóa thứ hai cuối cùng cũng bật mở. Hắn gỡ nó ra rồi vứt sang một bên, bước vào trong chuồng và tiến đến chỗ cô. Hắn giẫm lên cánh tay cô, bên tay đang cầm mảnh thủy tinh, ghim chặt cô xuống sàn, đồng thời dúi cái kìm điện vào người cô.

Larissa dùng tay kia vồ lấy đống thủy tinh trên sàn, những mảnh vỡ lấp lánh như kim cương. Thế rồi, không chút do dự, cô nhét chúng vào miệng càng nhiều càng tốt, và nuốt. Năm mảnh, mười mảnh, hay hai mươi mảnh, cô không biết nữa. Cô cứ nghĩ thủy tinh trôi xuống cổ chắc sẽ đau lắm, nhưng không, cảm giác chỉ như nuốt viên thuốc hay cục đá lạnh.

Gã giáo viên cạy mảnh thủy tinh lớn khỏi tay cô, ném thứ vũ khí tự chế ấy ra ngoài cửa chuồng, khiến nó vỡ tan khi rơi xuống sàn. Lúc hắn giật được tay kia của Larissa ra khỏi miệng cô thì đã quá muộn. Cô nuốt mất rồi. Hắn hất cô xuống như hất con búp bê vải bỏ đi, cùng lúc đó, một tiếng thét xé toạc cổ họng hắn, lớn đến nỗi tiếng thét của cô không bao giờ có thể sánh bằng. Hắn cứ đứng đó gào rống đến gần một phút, cuối cùng, hắn lùi bước ra khỏi chuồng và khóa lại.

“Cô đã làm gì vậy?” Hắn gằn giọng.

Larissa chợt thấy dạ dày khẽ nhói lên, nhưng chỉ là cảm giác châm chích rất nhẹ.

CHƯƠNG 46

Nash

Ngày 3 • 10:07 sáng

“Bọn này vẫn còn lảng vảng ở đây làm quái gì chứ?”

Nash giảm tốc độ, cho chiếc Chevy nhích từng bước rồi đỗ lại cách gia đình Davies hai khối nhà. Hai xe van săn tin đang đỗ bên kia đường, đối diện với nhà họ. Một xe có ăng-ten to tướng chĩa lên trời. Không thấy bóng dáng phóng viên và người quay phim đâu cả. Rất có thể bọn họ đang ở trong xe để tránh cái lạnh.

“Cần phải đến gần hơn nữa.” Ngồi bên cạnh anh, Kloz vừa cắm mặt vào laptop vừa nói. “Tôi không bắt được Wi-Fi nhà họ từ đây.”

Nash chẳng biết việc này có mang lại ích lợi gì không. Lúc nãy Kloz đăng nhập vào mạng Wi-Fi nhà Reynolds thì phát hiện ra file nhật trình của router trống trơn. Hung thủ đã xóa toàn bộ bản ghi sau khi gửi bản cáo phó giả.

“Kệ cha nó.” Nash lại quành xe ra đường, vượt lên hai cái xe van rồi đỗ chình ình trước cái đầu tiên.

Kloz khẽ bật cười.

“Anh cười gì?”

“Họ đặt tên mạng Wi-Fi nhà mình là “Xe theo dõi của FBI” mới kinh. Đứa nào dò Wi-Fi chắc sẽ tưởng FBI đang cắm chốt gần đó.”

“Nhưng xem ra cũng chẳng xua đuổi được đám phóng viên.”

“Phần lớn người dùng lấy luôn họ của mình hoặc địa chỉ gia đình để đặt tên Wi-Fi, khá là ngớ ngẩn. Sao lại đi nói cho kẻ xấu biết Wi-Fi là của nhà nào chứ? Thế thì khác gì in địa chỉ lên chìa khóa nhà.” Kloz nói.

Nash đưa mắt ngó hai cái xe đằng sau. Cửa hậu bật mở ngay khi họ đỗ lại. “Chúng ta chỉ có khoảng ba mươi giây trước khi lũ cá mập bơi đến.”

“Việc đó sẽ khó đây.”

“Sao thế?”

“Tôi tìm được hãng và số hiệu của router rồi, nhưng có vẻ khi đổi tên mạng Wi-Fi, họ đã đổi luôn cả mật khẩu mặc định. Tôi đang dùng phương thức tấn công brute force* để tìm mật khẩu.” Kloz giải thích.

“Mất bao lâu thì xong?”

“Một hoặc hai phút.”

Người quay phim xuống xe, kéo mũ áo khoác lên che đầu để tránh tuyết rơi. Anh ta nhoài người lấy máy quay ở trong xe và vác lên vai.

Nash liếc về phía ngôi nhà.

Tất cả mành cửa sổ đều buông kín. Bên trong nếu có người đi nữa thì anh cũng chẳng thể thấy được. Một phụ nữ bước ra khỏi cái xe van, cô ta mặc chiếc áo măng tô mỏng rất tôn dáng nhưng không giữ ấm được mấy trong thời tiết lạnh giá này.

Lizeth Loudon, phóng viên Kênh 7.

Cô ta nói gì đó với người quay phim rồi nhìn về phía ô tô của Nash, một tay cầm micro, tay kia chỉnh lại tóc.

Có người bước xuống từ trên cái xe van thứ hai, đó là một người đàn ông mặc vest. Nash không nhận ra anh ta. Anh ta cũng bắt đầu đi về phía xe anh. Gã quay phim nhảy xuống và chạy theo sau. “Khốn thật.”

Mắt Kloz vẫn dán vào màn hình.

Một tiếng gõ vang lên ở cửa sổ xe.

Lizeth Loudon.

Cô ta ra hiệu cho anh hạ kính xuống. Nash giơ tay vẫy. “Kết thúc bây giờ là đúng lúc đấy.”

“Sắp được rồi.”

Phóng viên thứ hai đi lướt qua cô ta, lớn tiếng chỉ đạo gã quay phim và trỏ vào chỗ trống ở đầu xe của Nash, chắn ngay trước mặt họ. Gã quay phim mở giá đỡ ba chân ra rồi bắt đầu tiến về phía đó.

“Ơ này, đừng hòng nhé.” Nash nói. Anh gạt cần số và cho chiếc Chevy chồm lên. Gã quay phim nhảy bật ra sau, thanh cản trước của chiếc xe suýt đâm vào cái giá đỡ.

“Vào rồi.” Kloz nói. “Cẩn thận, đừng đi quá phạm vi phát sóng.”

Nash lùi xe, chỉ chút xíu nữa thôi là tông phải cái xe van đằng sau. Khi gã quay phim lại dợm bước về phía đầu xe, anh cài số một và cho xe tiến lên. Lần này thì tông trúng cái giá đỡ thật, gã quay phim trượt chân ngã nhào trên tuyết, máy quay lăn lóc bên cạnh.

Một tiếng gõ nữa vang lên ở cửa sổ.

Loudon nói to câu gì đó.

Nash mỉm cười và giơ tay vẫy. Cái đèn đỏ trên máy quay phía sau cô ta bật sáng. “Kết thúc bây giờ là *rất* đúng lúc đấy.” Anh nói, nở nụ cười dù

hàm răng nghiến chặt.

"Xong rồi." Kloz nói. "Chuồn thôi!"

Nash đạp mạnh chân ga. Chiếc Chevy trượt đi, đuôi xe xoay tròn khi bánh sau quay tít, cố bám xuống mặt đường. Tuyết văng tứ tung, bắn cả lên người hai phóng viên và các thiết bị họ mang theo. Chiếc xe lao vọt đi, để lại phía sau một luồng khói trắng.

CHƯƠNG 47

Porter

Ngày 3 • 10:36 sáng

Sarah Werner đỗ chiếc BMW ở bãi xe bên cạnh trại giam, sau đó Porter theo cô đi qua bãi để đến với một cửa ngách nhỏ, cách dòng người đang xếp hàng ở trung tâm tiếp đón chừng sáu mươi mét. Hai quản giáo kiểm tra ca táp mỏng bằng da cô mang theo, khám người họ sau khi quét qua một lượt bằng máy dò kim loại cầm tay. Porter được yêu cầu xuất trình bằng lái xe, tháo thắt lưng và dây giày. Họ trả lại anh bằng lái và cất hai món kia vào tủ đồ ở đằng sau. Họ đưa cho anh một chiếc chìa khóa có kèm thẻ số. Werner không đeo thắt lưng, cô cũng đã thay đổi giày cao gót sang giày bệt trước khi rời văn phòng. Quản giáo chụp ảnh hai người rồi in lên miếng đề can lớn màu đỏ ghi thông tin cá nhân, bên trên có chữ KHÁCH VIẾNG THĂM.

Một nữ sĩ quan đứng chờ sẵn ở phía bên kia khu vực kiểm tra an ninh, cô ta được điều tới ngay khi Werner thông báo họ đến gặp phạm nhân Jane Doe 2138. Cô ta gật đầu chào họ. "Mời đi lối này."

Chuông báo vang lên lúc họ dừng lại trước một cánh cửa kim loại nặng trịch, sau đó ba người đặt chân vào không gian bốc mùi hôi hám Porter vẫn còn nhớ đã ngửi thấy khi đến đây lần trước.

Tường ở khu vực này rõ ràng tươi sáng hơn nhiều so với khu văn phòng giám thị nhờ nước sơn màu xanh ngọc trầm, viền màu be, trần trắng sáng. Camera đặt ở tất cả các góc dõi theo từng bước chân họ, những con mắt vô

hồn thấu tỏ mọi hành động được lắp trên giá treo, từ từ quay theo các hướng. Viên sĩ quan dẫn họ đi qua ba cửa nữa trước khi bước vào một căn phòng rộng rãi, bàn kê chật kín. Phần lớn các bàn có phạm nhân và khách đến thăm đang ngồi, mặt đối mặt với nhau. Trong này ồn ào khủng khiếp, âm thanh vang vọng khắp bốn bức tường gạch không nung. Dọc theo tường phía tây là các phòng tách biệt. Viên sĩ quan đưa cho Werner một chiếc phong bì rồi mở cửa phòng số hai và dẫn hai người vào, cửa đóng lại sau lưng họ với một tiếng "cạch".

Werner đặt ca táp lên cái bàn nhôm rồi ngồi xuống một trong bốn chiếc ghế nhựa được gắn chặt xuống sàn. Cô mở phong bì, đọc lướt qua nội dung của tờ giấy duy nhất bên trong. "Trời đất quỷ thần ơi."

"Có chuyện gì vậy?"

"Tối qua bà Doe dính vào một vụ ẩu đả. Một tù nhân đã tìm cách đâm bà ta bằng đầu bàn chải đánh răng đã được vót nhọn. Quản giáo chưa kịp tách họ ra thì Jane Doe đã giật được cái bàn chải khỏi tay đối thủ rồi đâm bà kia ba nhát, một nhát vào cổ cộng thêm hai nhát vào đùi. Đâm xong, bà ta vứt bàn chải xuống và lùi ra xa, giơ cả hai tay lên. Bà ta tuy không nhắm vào động mạch chính nhưng vẫn khiến người đàn bà nọ phải vào bệnh xá. Phạm nhân kia đổ lỗi cho bà Jane quý hóa của chúng ta gây sự trước, nhưng hai nhân chứng khác lại khai rằng chính nạn nhân mới là người gây hấn, Jane chỉ tự vệ thôi. Tùy vào kết quả điều tra, bà ta có thể sẽ phải nhận thêm một vài tội danh nữa." Cô đặt tờ giấy lên ca táp và chửi thề. "Thật không gì vui bằng khởi đầu ngày mới với một vụ cố ý giết người."

"Tôi đoán Jane Doe vẫn không chịu mở miệng?"

Werner hất hàm về phía cửa. "Tôi đoán một giây nữa chúng ta sẽ biết câu trả lời."

Một tiếng chuông báo vang lên inh ỏi, cánh cửa bật mở. Với hai quản giáo một trước một sau đi kèm, Jane Doe 2138 chậm rãi lê bước vào phòng.

Hai chân bà ta đeo cùm, cái cùm được nối với còng tay bằng một sợi xích. Vì vậy bà ta buộc phải khom người trong tư thế gò bó, mái tóc nâu dài xõa xượi che đi khuôn mặt, rủ xuống bộ áo liền quần màu đỏ. Quản giáo dẫn bà ta tới chỗ một chiếc ghế rồi móc cái còng vào vòng khuyên gắn trên mặt bàn. Bà ta đưa cả hai tay lên vén mớ tóc xòa xuống mắt. Porter nhác thấy hình xăm số 8 ở mặt trong cổ tay bà ta trước khi ống tay áo che mất.

"Chào Jane." Werner nói. "Hôm nay tôi dẫn theo một người bạn tới. Đây là Thanh tra Sam Porter của Sở Cảnh sát Chicago."

Porter quan sát đôi mắt bà ta ngước lên và chiếu thẳng vào anh. Anh cố ghìm lại thôi thúc muốn quay đi. Bà ta hơi nghiêng đầu, ngả người ra ghế, đan hai tay vào nhau. Không cười, không cau mày, không gì hết ngoài ánh nhìn u tối như xuyên thấu người đối diện. Porter ngồi xuống cạnh Werner, đối mặt với bà ta. Anh thò tay vào túi, lấy tấm ảnh ra và đặt lên bàn giữa hai bên.

Bà ta liếc xuống tấm ảnh, sau đó lại tiếp tục nhìn anh.

Porter lật mặt sau lên. "Con trai bà gửi lời hỏi thăm đấy."

Chẳng rõ bà ta có nhìn xuống không, vì Porter không thấy biểu hiện gì cả. Mắt bà ta vẫn dán vào anh. Bà ta chụm hai đầu ngón trỏ và nhoài người về phía trước, tì đôi môi đầy đặn lên đó.

Ống tay áo bà ta tụt xuống. Porter chỉ vào hình xăm nơi cổ tay. "Sao bà không kể cho tôi nghe về Franklin Kirby nhỉ? Ông ta có xăm một hình giống thế kia không?"

Nghe đến tên Kirby, khóe miệng bà ta khẽ nhếch lên thành một nụ cười. Bà ta cố xua nó đi bằng cách nghiêng đầu lần nữa.

Werner sốt ruột thở dài. "Bà có muốn nói cho tôi biết chuyện xảy ra tối qua không? Bà gây sự đánh nhau với phạm nhân khác như thế thì đừng hòng có cơ hội ra khỏi đây. Nhân chứng chỉ cần khai sai đi một chút thôi là bà sẽ bị buộc tội cố ý giết người ngay. Móc túi là một chuyện, còn giết người ấy à, cứ xác định ăn cơm tù dài dài."

Jane Doe vẫn nhìn Porter chòng chọc.

Werner nói tiếp: "Nghe này, bà muốn thì cứ việc im lặng bao lâu cũng được, tôi không quan tâm bà có nói chuyện với tôi hay không, nhưng bà nên nhớ, cứ tiếp tục kiểu này thì bà chẳng giúp gì được cho bản thân đâu mà chỉ khiến mình càng gặp bất lợi thôi. Chúng ta chỉ còn chưa đầy một tuần để nghĩ cách bào chữa, hoặc ít nhất là khơi ra một vài lỗ hổng trong vụ án để có căn cứ giảm tội, nhưng tôi sẽ chẳng thể làm được gì nếu bà không chịu hợp tác."

Dù bà ta không nói gì, Porter vẫn cảm nhận được sự tinh anh toát lên từ phía sau cặp mắt ấy, một thứ gì đó ẩn chứa nơi khóe mắt lấp lánh. Bà ta vẫn chậm rãi thở đều. Chắc chắn mạch trong người bà ta cũng đập rất nhịp nhàng. Không bất an, không lo lắng, bà ta sẽ không để điều đó xảy ra. Gông cùm, khóa cửa, nơi này, mọi thứ đều là ảo ảnh, vô nghĩa, cùng lắm chỉ như chướng ngại vật trong mắt bà ta mà thôi.

Porter nghĩ đến Emory Connors cùng tất cả những người đã chết dưới tay Bishop. Anh nghĩ đến cậu bé được bà ta nuôi nấng, chăm bẵm, được bà ta nhào nặn thành hình.

Cơn giận đột ngột bùng lên trong anh. Anh nhoài người tới trước. “Calli Tremell, hai mươi tuổi. Elie Borton, hai mươi ba. Missy Lumax, mười tám. Susan Devoro, hai mươi sáu.” Anh kể tên từng người bằng cách đếm đầu ngón tay thật chậm, thật từ tốn. “Allison Crammer, mười chín. Jodi Blumington, hai mươi hai. Gunther Herbert, Arthur Talbot, Hamell Campbell. Tất cả đều đã chết. Vụ sát hại Emory Connors không thành. Tất cả đều do con bà, do đứa con trai của bà gây ra đó. Ngoài họ ra còn những ai nữa? Còn bao nhiêu người khác nữa?”

Porter cố tình không nhắc đến Barbara McInley trong danh sách trên, quan sát thật kĩ nét mặt bà ta khi anh bỏ qua cái tên ấy. Nhưng bà ta không có bất cứ biểu hiện gì. Cứ như thể anh vừa đọc cho bà ta nghe danh sách mua hàng siêu thị.

Jane Doe 2138, mẹ của Bishop, mụ đàn bà quỷ quyệt, ngả ra lưng ghế, từng ngón tay đều đặn gõ nhịp lên mặt bàn, sau đó lại đan vào nhau.

Porter chỉ muốn xông vào bóp cổ mụ.

Anh đứng dậy, rút nhật ký của Bishop từ trong túi ra và đặt cuốn sổ nhỏ lên bàn, gần tay mụ. “Tôi thừa biết bà là ai rồi.” Anh nói. “Tôi thừa biết bà là cái thể loại gì rồi.”

Anh băng qua bên kia căn phòng nhỏ, dộng nắm đấm lên cánh cửa hai lần, cảm nhận được ánh mắt như thiêu đốt của mụ vẫn găm chặt lên lưng mình.

CHƯƠNG 48

Nash

Ngày 3 • 10:40 sáng

Nash nhấn nút kết thúc cuộc gọi trên điện thoại di động rồi cất máy vào túi. "Tôi gọi cho Sam mà toàn vào hộp thư thoại. Thậm chí còn không nghe tiếng đổ chuông."

Klozowski không ngẩng lên. Mắt anh ta đang dán vào màn hình máy tính 27 inch ở giữa, xung quanh là bốn màn hình 22 inch.

Nash cảm giác chỉ cần đứng đây thôi cũng có thể khiến làn da trở nên nâu sạm. Dù mang theo laptop trên xe, Kloz vẫn một mực nói anh ta có thể phân tích dữ liệu nhanh hơn nếu dùng máy bàn của mình ở Sở.

"Thì chính anh bảo chúng ta không nên gọi cho anh ấy mà." Kloz đáp bằng giọng hờ hững trong lúc kéo thanh cuộn để đọc dữ liệu. "Kiểu tự làm tự chịu ấy."

Nash lại lấy máy ra quay số cố định nhà Porter. "Anh ấy có bao giờ im hơi lặng tiếng thế này đâu." Sau bốn hồi chuông reo, máy trả lời tự động bật lên. Anh kết thúc cuộc gọi. "Chắc phải tạt qua xem thế nào."

"Có lẽ tôi phát hiện được điều gì đó rồi." Kloz chăm chú nhìn màn hình.

Nash rướn người lại gần, cẩn thận tránh xa bộ sưu tập những thứ liên quan đến Batman và đống vỏ kẹo thanh vứt bừa bãi quanh bàn Kloz. Trên màn hình toàn những dãy số kết hợp với chữ cái, được phân cách bằng dấu hai chấm. "Cái gì thế?"

“Thấy chỗ này không?” Kloz chỉ vào một loạt ngày tháng. “Có thấy dữ liệu bắt đầu lưu từ ngày 9 tháng Hai không?”

“Có.”

“Ừm, đáng lẽ ở đây phải có cả dữ liệu cũ hơn. Hàng tháng, thậm chí hàng năm trước. Dữ liệu được ghi vào file này cho đến khi hết dung lượng lưu trữ, khi đó dữ liệu cũ sẽ bị xóa, nhường chỗ cho dữ liệu mới. Nhưng vấn đề là ở chỗ, dung lượng lưu trữ chẳng bao giờ hết cả.”

“Tức là, nếu dữ liệu chỉ lưu từ ngày 9 tháng Hai trở đi, chứng tỏ hung thủ đã xóa file hệt như đã làm với nhà Reynolds, đúng không? Thế là không tìm được gì à?”

Kloz dùng bút chỉ vào màn hình. “Tìm được một thứ. Anh thấy dòng đầu tiên này không?”

Đó là một dòng có nội dung như sau:

02-09-2015 21:18:24 a8:66:7f:04:0c:63

“Đoạn thứ nhất là ngày tháng năm, đoạn thứ hai là giờ, đoạn cuối là địa chỉ Mac. Tôi đã xem qua toàn bộ file, đây là địa chỉ Mac duy nhất xuất hiện đúng một lần, ở đây, ngay mục đầu tiên này.” Kloz giải thích.

“Như vậy nghĩa là sao?”

“Tôi nghĩ hung thủ đã xóa dữ liệu router rồi ngắt kết nối, nhưng file nhật trình mới vẫn kịp ghi lại hành tung của hắn chỉ trong một giây. Tôi đã tra ra nguồn gốc tất cả các địa chỉ Mac xuất hiện trong vòng bốn mươi tám

giờ. Mỗi địa chỉ trong số đó đều gắn với một thiết bị trong nhà, riêng địa chỉ này thì không.”

“Anh có truy ra được không?”

Kloz lắc đầu. “Khó lắm. Nó là mã định danh được cấp riêng cho máy tính của hắn. Địa chỉ Mac gắn liền với phần cứng và không thể thay đổi hoặc chỉnh sửa, nhưng anh không thể lần theo nó trên các hệ thống mạng để tìm ra địa điểm hiện tại của thiết bị. Ít ra là không như địa chỉ IP.”

Nash buông tiếng thở dài. “Thế thì có tác dụng gì chứ?”

“Tuy vậy, nó cũng có điểm giống dấu vân tay.” Kloz nói. “Tôi đã đối chiếu địa chỉ Mac độc nhất vô nhị này với số dữ liệu chúng ta thu được ở cửa hàng Starbucks và tìm thấy một bản ghi trong file nhật trình. Hung thủ đã dùng chính máy tính đó để vào mạng Wi-Fi ở Starbucks trong tổng cộng ba mươi ba phút.” Kloz ngả người ra lưng ghế. “Chicago có hệ thống Wi-Fi công cộng khá quy mô. Điểm phát sóng nhan nhản khắp nơi: công viên, thư viện, trên tàu. Sáng ngày 12 tháng Hai, cũng địa chỉ Mac này đã kết nối với mạng Wi-Fi công cộng ở Công viên Jackson gần một tiếng rưỡi đồng hồ.”

“Nơi hắn giấu xác Ella Reynolds dưới đầm.”

Klozowski gật đầu. “Hoạt động của máy có vẻ mang tính chất bị động, xuất hiện một cách đều đặn chứ không phải ngẫu nhiên. Điều này chứng tỏ hung thủ có lẽ đã mang theo máy trong cái xe tải mà chúng ta trông thấy trong băng ghi hình, nhưng hắn chỉ để đấy chứ không dùng. Những lượt truy cập mà tôi tìm thấy rất có thể là của những chương trình đã được tự động hóa như e-mail chẳng hạn, chỉ là máy chạy ngầm mà thôi. Tần suất là mỗi phút một lần. Còn nếu hắn thực sự dùng máy để lướt web thì lượng truy cập ngẫu nhiên sẽ nhiều hơn.”

“Sao hắn lại vào Wi-Fi trong khi không dùng?”

“Tôi không cho rằng lần này hắn chủ đích vào mạng.” Kloz nói. “Nhiều khả năng hắn đã từng kết nối laptop với mạng công cộng nhưng sau đó không xóa kết nối đó đi. Nếu thông tin vẫn còn lưu trong máy thì lần sau, khi máy của hắn ở trong phạm vi phát sóng của mạng Wi-Fi đó, nó sẽ tự động kết nối, tương tự như laptop của tôi lúc ở Starbucks. Việc này giúp tiết kiệm thời gian. Trường hợp của hắn là máy tự động kết nối bất cứ khi nào nằm trong phạm vi phát sóng của mạng Wi-Fi thành phố.”

“Vậy thì trở lại với câu hỏi ban đầu của tôi: Anh có lần ra được vị trí của nó không?”

“Trở lại với những gì tôi nói ban nãy. Địa chỉ IP có nguyên lý hoạt động hơi giống với điện thoại cố định. Chỉ có một số và luôn luôn bật, vì thế có thể dựa vào nó để truy ra địa điểm lắp đặt cố định. Còn địa chỉ Mac thì gắn liền với một thiết bị cụ thể, ở trường hợp này là một cái laptop. Cái laptop đó có thể được bật lên hoặc tắt đi, có thể kết nối với vô số mạng khác nhau. Nó có thể di chuyển từ nơi này đến nơi khác, hoặc ngưng hoạt động vô thời hạn. Như vậy có nghĩa là ta không thể lần ra nó, nhưng ta có thể canh me nó.”

“Bằng cách nào?”

“Khi các kỹ sư quy hoạch thành phố đưa mạng Wi-Fi công cộng miễn phí vào hoạt động, họ đã thiết lập một cửa hậu cho các cơ quan hành pháp. Tôi có thể viết một bot* và đưa lên. Nếu laptop của hung thủ vào mạng công cộng thì chúng ta sẽ được thông báo. Lúc đó, ta có thể khoanh vùng vị trí của hắn và tìm ra trạm cụ thể mà hắn kết nối. Nhưng phạm vi sẽ rộng hơn nhiều so với khoanh vùng bằng IP đấy. Các trạm phát sóng có bán kính phủ sóng khoảng bốn trăm mét cơ.”

“Bốn trăm mét với các khu nhà ở thành phố thì khác gì mò kim đáy bể.” Nash nói.

“Chúng ta sẽ biết được khi nào hắn vào thành phố. Mới đầu cứ tạm thế đã. Biết đâu ta lại gặp may và từ cái này lại tìm ra cái khác.”

CHƯƠNG 49

Porter

Ngày 3 • 10:42 sáng

Sarah Werner theo Porter bước ra ngoài hành lang. Người quản giáo đóng cửa lại sau lưng họ, nhốt Jane Doe trong phòng thẩm vấn.

Werner lừ mắt nhìn anh. "Vừa rồi anh đưa cho bà ta cái gì vậy?"

"Cuốn nhật ký Bishop để lại cho chúng tôi ở hiện trường một vụ xảy ra cách đây vài tháng. Trong đó kể chi tiết về một số chuyện diễn ra từ hồi hắn còn nhỏ. Nếu bà ta thực sự là mẹ hắn thì bà ta sẽ nhận ra."

Cô cau mày. "Anh cứ nói *nhận ra* với cả *một số chuyện,* nhưng tôi nghe thấy giống *dính líu* và *những tội ác* hơn. Anh bảo nếu tôi cho phép anh gặp bà ta, anh sẽ không làm bất cứ việc gì có thể khiến bà ta phải gánh thêm những tội danh khác nữa mà."

"Những điều viết trong đó cùng lắm chỉ là bằng chứng gián tiếp thôi."

"Nhưng anh làm thế nào mà qua mặt được các quản giáo?"

"Tôi nhét sâu xuống phía sau quần trong."

Werner nheo mắt. "Nói để anh biết, với tư cách là luật sư của bà ta, tôi có thể dễ dàng chuyển nó đến tận tay bà ta. Không cần phải giấu giếm như buôn lậu thế…"

"May quá. Da tôi dễ trầy lắm."

"… Và với tư cách là luật sư của bà ta, tôi sẽ rất cảm kích nếu anh báo cho tôi biết trước khi chia sẻ bất cứ thứ gì với bà ta."

"Nhớ rồi. Họ sẽ để bà ta ngồi đó trong bao lâu?"

"Cho tới giờ tắt đèn, nếu tôi yêu cầu." Werner đáp. "Mà sao?"

"Chúng ta có thể quan sát bà ta không?"

Cô luật sư đọ mắt với anh hồi lâu. Porter biết cô đang bực mình. Cô có lý do hoàn toàn chính đáng. Nhưng anh không nghĩ cô bực *thật.* Chẳng qua cô muốn thiết lập tôn ti trật tự, để anh biết vị trí của mình ở đâu thôi.

Porter trổ hết tài nghệ làm mặt lạnh với cô.

Cô tặc lưỡi trong lúc trầm ngâm suy nghĩ, sau đó cô lắc đầu và quay người về phía cánh cửa bên trái. "Đi nào."

Phòng quan sát chật chội có diện tích không lớn hơn là mấy so với một hành lang hẹp. Cách bố trí cửa ra vào cho thấy những căn phòng này được đặt xen kẽ với phòng thẩm vấn. Trên bức tường bên trái có ô cửa sổ lớn lắp kính một chiều, cho phép quan sát phòng thẩm vấn ở kế bên. Ngoài ra còn có một cái bàn nhỏ kèm theo một màn hình vi tính, trên đó phát hình ảnh cận cảnh của Jane Doe đang ngồi ở bàn, được camera trong góc phòng ghi lại.

Cạnh bàn chỉ có độc một cái ghế. Porter nhường cho Werner nhưng cô từ chối và muốn đứng xem.

Jane Doe không có động thái gì. Mụ ngồi đối diện với họ, cuốn sổ nhỏ đặt trên bàn phía trước mặt, ngón tay mụ gõ nhịp lên bìa sổ. Mắt mụ nhìn đăm đăm vào mặt được tráng gương của tấm kính, thế nhưng Porter vẫn có cảm giác mụ nhìn thấy được họ ở bên kia.

Năm phút, rồi mười phút trôi qua. Porter đang định trở lại phòng thẩm vấn thì đột nhiên mụ thở dài rồi dùng một ngón tay mở cuốn sổ ra và bắt đầu đọc. Cơ thể anh thả lỏng, và anh dựa vào bàn. Werner đứng cạnh anh, vỗ nhẹ chiếc phong bì lên đùi.

"Bà ta từng đánh nhau vài lần rồi à?"

Cô ngừng vỗ, bước sang bên kia và ngồi xuống góc bàn. "Trại giam này thật đáng sợ, nó là một trong những nơi tệ nhất tôi biết. Nhân sự thay đổi liên tục, chỉ trong vòng một năm qua đã thay mới hơn năm mươi phần trăm, tôi chưa gặp quản giáo nào đến lần thứ hai. Ở đây người đến kẻ đi chẳng khác gì cái chợ. Phần lớn phạm nhân thậm chí còn biết rõ nơi này hơn cả đám quản giáo hiện tại. Nhiều người trong số họ lĩnh án chung thân, chẳng còn gì để mất, luôn thích thể hiện bất cứ khi nào có cơ hội."

"Ví dụ như khi thấy một phạm nhân mới nhập trại nhất quyết không chịu nói nửa lời?"

"Ví dụ như khi thấy một phạm nhân mới nhập trại nhất quyết không chịu chơi theo luật. Bà ta cứ ngồi một mình một chỗ trong sân. Thấy ai lân la đến bắt chuyện là bà ta quay lưng bỏ đi. Ở cái nơi cấp bậc quyết định tất cả như thế này mà anh lại gửi đi những tín hiệu kiểu ấy thì có người ngứa mắt là phải." Cô giơ chiếc phong bì lên. "Gây ra vụ này là bà ta đã tự khơi mào cho mùa săn. Tôi đang lo những phạm nhân khác ngửi thấy mùi máu và có thể sẽ lập bè kéo cánh xâu xé bà ta. Họ chỉ cần có cớ là sẵn sàng hùa theo bất cứ chuyện gì để giải khuây."

"Cô yêu cầu biệt giam bà ta không được à?"

Cô hừ giọng. "Được, nếu còn phòng trống. Bạo lực trong trại đang ở mức cao kỷ lục, các phạm nhân coi phòng biệt giam là nơi trú ẩn duy nhất.

Tình hình xấu đến mức FBI đang cân nhắc tước quyền điều hành trại giam khỏi tay chính quyền thành phố New Orleans và Sở Cảnh sát quận. Chẳng hiểu làm thế có được tích sự gì không. Một báo cáo được công bố vào tháng trước cho biết, chỉ trong vòng một năm vừa qua đã có đến hơn hai trăm vụ phạm nhân đánh nhau, bốn mươi bốn vụ quản giáo lạm dụng vũ lực, ba vụ xâm hại tình dục, ai biết được còn bao nhiêu vụ nữa chưa báo cáo. Ở đây đã xảy ra mười sáu vụ cố ý tự sát, hai mươi chín phạm nhân được đưa đến bệnh viện do chấn thương quá nặng, bệnh xá của trại không đủ khả năng điều trị. Nhưng mấu chốt vấn đề là ở chỗ: Trong bản thông báo kết quả điều tra, FBI nói rằng những số liệu thống kê đó thấp hơn rất, rất nhiều so với thực tế."

"Sao lại thế?"

"Ở bệnh xá có sổ nhật ký, nhưng là sổ *chép tay.* Chỉ giám thị mới được quyền tiếp cận. Trong sổ liệt kê một trăm năm mươi vụ tấn công xảy ra kể từ tháng Một năm ngoái. Một trăm mười chín vụ trong số đó không hề được Sở Cảnh sát Giáo xứ Orleans báo cáo lại. Nào gãy xương, rách thịt… những chấn thương cấp tính nghiêm trọng, tất cả đều bị ém nhẹm. Theo nguyên tắc, phạm nhân phải được bố trí nơi ăn chốn ở theo kết quả phân loại dựa trên các yếu tố đáng quan ngại như sức khỏe tâm thần, tiền sử bạo lực cả trong và ngoài trại. Nhưng có vẻ như các quản giáo không hề coi trọng điều này. Nếu trong số đó thật sự có những người hả hê vui sướng khi chứng kiến cảnh bạo lực thì tôi cũng chẳng lấy gì làm ngạc nhiên. Tôi đã nghe nhiều lời bàn tán về chuyện quản giáo âm thầm cá cược và cố tình sắp xếp các phạm nhân nguy hiểm vào ở chung để khiêu chiến. Điều tra nội bộ thì làm qua quýt lấy lệ, chỉ nhân viên và quản lý biết với nhau. Không có bằng chứng xác thực nào được ghi vào hồ sơ cả."

Cô hẳn đã nhận ra Porter đang nhìn mình chằm chằm. Cô cúi mặt xuống. “Xin lỗi, tôi hơi nhiệt tình thái quá khi nói đến chuyện này. Nhiều năm qua tôi đã chứng kiến một số người khá tử tế bị đưa vào đây, đến lúc ra ngoài thì không còn giữ được sự tử tế ấy nữa.”

Porter mỉm cười. “Nhiệt tình với công việc cũng là tốt mà. Vấn nạn này không chỉ của riêng thành phố nào. Ở Chicago chúng tôi cũng đang phải đối mặt với những chuyện tương tự. Nhiều khi, sự khác biệt rõ ràng duy nhất giữa quản giáo với phạm nhân chỉ là hôm đó họ đứng ở phía bên nào của song sắt mà thôi.”

Werner đứng dậy, quay lại nhìn vào ô cửa sổ một chiều. “Tôi chưa biết phải nhìn nhận về bà ta thế nào cho đúng.”

Jane Doe lật sang một trang mới, tiếng còng tay khẽ vang lên lanh canh qua bộ loa đặt ở phòng quan sát.

“Cô bảo quản giáo tháo còng cho bà ta đi.” Porter nói với Werner. “Để bà ta ngồi cho thoải mái.”

CHƯƠNG 50

Poole

Ngày 3 • 11:02 sáng

“Thôi xong. Chuyến này tôi chết chắc rồi.” Vernon Bedard ngồi phịch xuống chiếc ghế gỗ sau bàn làm việc và chậm rãi thở ra một hơi dài. “Đúng ra tôi phải ghé qua kiểm tra tình hình cô ta vào thứ Tư tuần trước, kiểu chuyến thăm “bất chợt” ấy mà, nhưng tôi lại không đến được. Bận tối mắt tối mũi.”

Cán bộ quản chế của Libby McInley đã gọi điện lại cho Poole cách đây hơn một giờ, ông ta chờ anh và Đặc vụ Diener ở ngoài hành lang ủy ban Quản chế Người trưởng thành tại quận Cook, tọa lạc ở trung tâm thành phố, cách trụ sở cảnh sát không xa.

Bedard trông thấy họ ngay khi Poole vừa bước ra khỏi thang máy. Ông ta có vóc người mập lùn, hai bàn tay dày cộp, đeo cặp kính thậm chí còn dày hơn. Ông ta mặc áo sơ mi vàng và quần tây đen trông có vẻ bé hơn khoảng hai cỡ so với người. Ông ta dẫn họ tới phòng làm việc của mình ở tầng ba, căn phòng bé tẹo như cái hộp với độc một ô cửa sổ nhìn ra bãi đỗ xe. Những chồng hồ sơ chất đầy bàn và cả dãy tủ kê sát bức tường phía trong.

Trên bàn có đến ba cái dập ghim. Poole thấy mình không ngừng liếc nhìn chúng trong lúc nghe ông ta nói.

“Cô ta khiến tôi có dự cảm xấu.”

“Ông gặp cô ta lần cuối là khi nào?” Diener hỏi.

Bedard xoay người trên ghế, lục tìm trong đống hồ sơ khác trên cái tủ buýp-phê đằng sau lưng. “Đây rồi.” Ông ta quay lại và mở hồ sơ của McInley ra. Ngón tay cái rà xuống phía dưới tờ nhật trình đính kèm ở mặt trong bìa hồ sơ. “Ngày 9 tháng Một. Cô ta bình ổn và thích nghi tốt sau khi ra tù.” Ông ta đọc lên, giọng cứ nhỏ dần về cuối.

“Tôi thấy ông có vẻ ngập ngừng. Nhận xét đó không chính xác hay sao?” Poole hỏi.

Bedard ngả ra lưng ghế, tập hồ sơ vẫn cầm trên tay. Ngón trỏ khẽ búng tờ giấy nhớ màu vàng dán ở góc. “Vấn đề là thế này. Có nhiều trường hợp phạm nhân gặp khó khăn khi mới ra tù. Theo kinh nghiệm của tôi, con số năm năm hoặc lớn hơn có vẻ như là yếu tố bản lề. Khi phải ngồi tù từ năm năm trở lên, người ta sẽ dễ cảm thấy quen với nếp sống trong trại hơn là bên ngoài. Tôi nghĩ nguyên nhân là do những thói quen sinh hoạt theo lịch trình sẵn có, ví dụ như hằng ngày ăn trưa vào một giờ cố định, rồi cả giờ dạo chơi trên sân, giờ tắt đèn và bật đèn cũng thế. Càng ở lâu trong tù, nơi mà mọi việc đều do người khác làm chủ, họ càng trở nên lệ thuộc vào cách sống đó, ý chí của họ ngày càng thui chột. Điều này rất có ích khi họ ngồi tù. Theo thời gian, họ trở nên dễ bị kiểm soát hơn, nhưng đồng thời họ cũng quên mất khả năng tự lực cánh sinh. Khi được thả, một số người bị choáng ngợp trước vô vàn quyết định và lựa chọn. Những điều nhỏ nhặt mà chúng ta nghiễm nhiên coi là chuyện không cần phải nghĩ, chẳng hạn như việc ăn trưa ở đâu, khi nào, và ăn gì, có thể trở thành những rắc rối vô cùng nghiêm trọng.”

Poole rướn người về phía trước, chăm chú xem tờ nhật trình trong hồ sơ của Libby McInley. “Vậy nghĩa là cô ta không “bình ổn và thích nghi tốt

sau khi ra tù”?”

Bedard nhìn hai đặc vụ trong giây lát. “Cô ta không được điểm nào trong hai điểm ấy. Tình hình cô ta rất tệ hại.”

“Thế sao ông lại viết ra câu đó?”

“Nhiệm vụ của tôi là giúp đỡ những người như cô ta làm lại cuộc đời ở bên ngoài song sắt. Cầm tay họ, hướng dẫn họ để họ học lại cách tự chăm lo cho bản thân, đồng thời tránh xa tất cả những cám dỗ và rắc rối đã đẩy họ vào vòng lao lý ngay từ đầu. Việc này không hề dễ dàng với cả đôi bên, tôi cũng như họ.” Ông ta đặt tay lên tập hồ sơ. “Hồ sơ những vụ do tôi đảm trách là thứ mà gần như bất cứ ai có quyền truy cập hệ thống cũng đều dễ dàng xem được, chứ không chỉ có cấp trên của tôi. Chẳng hạn như một số cơ quan - phần lớn là cơ quan nhà nước - hoặc những cán bộ hướng nghiệp, những người quản lý nhà ở xã hội, rồi cả cơ quan hành pháp nữa.” Ông ta liếc nhìn hai người. “Tôi chỉ cần viết một câu bất lợi trong hồ sơ của phạm nhân thôi là sẽ khiến người ta gặp rắc rối ngay, bất lợi đó sẽ đeo đẳng họ suốt một thời gian dài. Tôi mà nhận xét Libby McInley gặp khó khăn trong việc thích nghi với cuộc sống bên ngoài thì chẳng mấy chốc cô ta sẽ bị tước đi nhiều cơ hội học tập vì người ta cảm thấy phạm nhân quản chế khác xứng đáng hơn. Những cơ hội làm việc trong thời gian quản chế có thể không bao giờ đến lượt cô ta. Chẳng mấy chốc, cô ta sẽ không thể tiếp tục sống được ở ngoài này nữa.”

“Có phải ý nghĩa của tờ giấy nhớ vàng là như thế?” Poole hỏi. “Một kiểu mật hiệu để nhận biết tình hình thực tế, dù hồ sơ có viết thế nào đi nữa?”

Bedard gật đầu. “Màu xanh lục nghĩa là tốt, màu đỏ báo hiệu có vấn đề. Màu xanh dương cho thấy có thích nghi nhưng chậm.”

“Mảnh giấy của cô ta màu vàng.”

“Màu vàng nghĩa là cô ta muốn trở lại trại. Tôi từng gặp nhiều phạm nhân quản chế gây ra trọng tội rồi đến đồn cảnh sát gần nhất tự thú chỉ để được vào trại lần nữa.” Bedard liếc xuống tấm ảnh chụp Libby McInley trong hồ sơ. “Tôi đã hy vọng có thể đăng ký cho cô ta vào trung tâm hỗ trợ tái hòa nhập. Cô ta có tên trong danh sách chờ. Nếu cách đó vẫn không ăn thua thì có thể tôi sẽ yêu cầu cô ta tìm một, hai người ở chung. Đôi khi, việc tăng cường giao tiếp cũng có ích đấy.”

Poole thấy mình lại nhìn ba cái dập ghim. Anh cố ép bản thân tập trung sự chú ý vào người cán bộ quản chế. “Ông Bedard này, sau đây tôi sẽ hỏi ông một câu, và tôi muốn ông suy nghĩ thật kĩ trước khi trả lời.” Anh rướn người, tì cùi chỏ lên bàn. “Theo ông, Libby McInley muốn trở lại trại giam là vì cô ta không có khả năng tự lực cánh sinh và không thể tự chăm lo cho bản thân, hay vì cô ta sợ hãi thứ gì đó ở bên ngoài và cảm thấy an toàn hơn khi ở trong trại?”

Bedard cau mày. “Ý cậu là cô ta đang gặp nguy hiểm? Có thể có ai đó muốn làm hại cô ta?”

“Phải.”

Bedard hít một hơi thật sâu rồi chầm chậm thở ra. “Câu hỏi này thật khó trả lời. Cô ta không hề nói gì với tôi cả. Lần gần đây nhất gặp cô ta, tôi thấy cô ta có vẻ rệu rã. Cô ta cầm ly ra bồn rửa lấy nước cho tôi mà tôi thấy tay cô ta run rẩy. Mắt cô ta thâm quầng, sưng húp vì thiếu ngủ. Trông cô ta có vẻ gầy yếu, sụt cân, chắc do ăn uống không tốt. Nhưng không có dấu hiệu nào cho thấy cô ta nghĩ rằng mình đang gặp nguy hiểm. Nếu thế thật thì chắc tôi phải nhận ra chứ. Tình huống này tôi gặp rất nhiều khi làm việc với dân găng tơ mà.”

“Ông có bao giờ lục soát nơi ở của đối tượng bị quản chế không?” Đặc vụ Diener hỏi.

“Tất nhiên là có, nếu như có lý do xác đáng.”

“Thế nơi ở của Libby McInley thì sao?”

Người cán bộ quản chế lắc đầu. “Cô ta vào tù là do đâm xe làm chết người rồi bỏ trốn. Không hề dính dáng đến ma túy hoặc vũ khí. Lúc ở trại, cô ta cũng luôn tránh xa những thứ đó. Xét nghiệm chất gây nghiện là việc bắt buộc đối với những đối tượng đang trong thời gian quản chế, và lần xét nghiệm nào của cô ta cũng cho kết quả âm tính. Tôi không có bất cứ lý do gì để lục soát nơi ở của cô ta. Hai cậu hỏi thế là sao? Cô ta dính vào chuyện gì à?”

Bedard cựa mình trên ghế.

Poole hiểu rõ ẩn ý trong câu hỏi của ông ta. *Cô ta dính vào chuyện gì mà tôi lẽ ra phải biết à? Tôi gặp rắc rối đến đâu?*

“Ông thấy cái tên Kalyn Selke có quen không?”

“Không.”

Diener nhoài người tới. “Ông chắc chứ?”

Bedard quay sang trái, tìm bàn phím máy tính bên dưới mấy tờ giấy ghi chép rồi gõ cái tên đó. “Tôi không nhận ra. Cô ta không nằm trong số đối tượng quản chế do tôi phụ trách. Mà tên cô ta cũng không có trong cơ sở dữ liệu.”

Poole nói: “Chúng tôi tìm thấy một bằng lái xe và một cuốn hộ chiếu trong nhà Libby, cả hai đều được đăng ký dưới tên Kalyn Selke, nhưng ảnh thì lại là của Libby McInley.”

“Đồ thật hay giả?”

"Thật."

"Không dễ gì mà lấy được những giấy tờ đó."

Poole nói tiếp: "Kalyn Selke thật đã chết từ năm lên bảy. Cô bé bị ô tô đâm khi đang đi xe đạp. Chuyện xảy ra từ hai mươi bốn năm trước."

"Chắc là cô ta lấy được giấy khai sinh rồi dùng nó để xin hộ chiếu, sau đó lại dùng hai giấy tờ trên để xin bằng lái xe." Bedard nói luôn những điều đang nghĩ trong đầu. "Nếu cô ta làm việc đó trong thời gian ngồi tù thì chứng tỏ cô ta có người giúp. Hay kể cả sau khi ra tù đi nữa thì cũng vẫn cần người giúp."

"Điều gì khiến ông nghĩ thế?"

Bedard nhún vai. "Trò này thực ra phổ biến hơn cậu tưởng đấy. Như tôi đã nói lúc trước, làm lại cuộc đời là việc chẳng dễ dàng gì đối với những phạm nhân này. Một số cảm thấy mình có cơ hội tốt hơn khi bắt đầu lại với một nhân thân mới. Cách đây khoảng mười năm, có một tên thụ án chung thân ở Trại giam bang Ohio đã bị bắt quả tang điều hành đường dây làm nhân thân giả. Hắn tìm cách tiếp cận những phạm nhân sắp mãn hạn và mồi chài họ bằng cách vẽ ra cơ hội làm lại cuộc đời, sau đó gạ gẫm họ sử dụng dịch vụ của hắn. Nếu đồng ý, phạm nhân sẽ thu xếp nhờ người quen bên ngoài thanh toán cho anh họ của hắn cũng ở bên ngoài, gã anh họ kia sẽ làm giấy tờ, khi nào phạm nhân ra tù thì đã có nhân thân mới đang đợi sẵn. Không thể thực hiện được việc này từ trong trại, phải gọi điện rồi thư từ rất lằng nhằng. Cậu cần có địa chỉ thường trú để người ta gửi giấy tờ về. Họ không gửi cho cậu thông qua trại giam đâu."

"Có lẽ vậy."

Bedard gãi cổ rồi nhìn ngón tay mình. “Đường dây ở Ohio này ấy à? Nghe nói hằng năm bọn chúng thu về gần hai trăm ngàn đô nhờ làm nhân thân giả. Tôi sẽ chẳng ngạc nhiên chút nào nếu ở Trung tâm Cải huấn Stateville nơi cô ta thụ án cũng có kẻ dám làm. Có thể trại giam nào cũng có người làm. Thậm chí nhiều người nữa là khác. Công nghệ càng phát triển thì nghề này càng được chuyên môn hóa, lời lãi thu được càng lớn.”

“Chúng tôi còn tìm thấy một khẩu 0,45 trong ngăn kéo chứa giấy tờ giả.” Diener nói.

Bedard thở dài. “Cũng có thể cô ta mua của chính gã đó luôn. Bọn chúng phục vụ theo yêu cầu, từ giấy tờ, vũ khí, cho đến kế hoạch đi lại. Chỉ cần có tiền thì muốn mua cho mình cuộc đời kiểu gì cũng được, tôi nghĩ vậy.”

Poole hỏi: “Cô ta có tiền không?”

Bedard xem lướt qua hồ sơ một lần nữa. “Bố mẹ cô ta đều đã mất. 4MK cũng cướp đi người em gái độc nhất của cô ta. Tôi không thấy ai đến thăm cô ta trong suốt năm ngoái. Nếu muốn tra các năm trước nữa thì hai cậu phải hỏi trại. Cũng không có cả danh sách lịch sử cuộc gọi. Theo những gì tôi thấy thì cô ta sống cô độc và tránh xa mọi rắc rối trong thời gian thi hành án. Cô ta sở hữu những tài sản gì trước khi vào tù?”

Diener cúi nhìn những ghi chú trong điện thoại. “Cô ta nợ mười hai ngàn đô tiền vay mua ô tô, bốn mươi tám ngàn đô khoản vay sinh viên, còn tài khoản vãng lai có ba mươi hai đô.

Số tiền này được ngân hàng trừ dần để nộp phí dịch vụ, cho đến khi tài khoản cuối cùng cũng bị đóng.”

Người cán bộ quản chế xòe hai bàn tay. “Câu trả lời của các cậu đấy. Không một xu dính túi. Có hai phương thức thanh toán được sử dụng trong nhà tù: tiền trao cháo múc hoặc chịu ơn. Nếu cô ta không có tiền trả, tôi sẽ điều tra lựa chọn thứ hai. Cô ta có thể đã đồng ý làm một việc theo yêu cầu của người nào đó sau khi ra tù để đổi lại việc được nhận nhân thân mới. Có thể là lấy mạng ai đó, vì thế mới cần đến khẩu súng kia.”

“Ông đã từng tiếp xúc với cô ta. Ông nghĩ cô ta có gan làm ra một việc như thế không?” Poole hỏi.

“Tôi nghĩ, sau vài năm ngồi tù, bất cứ ai cũng thành có gan hết, ngay cả một cô gái ngây thơ trong sáng ở vùng ngoại ô.”

Mười phút sau, hai đặc vụ đứng cạnh chiếc xe Jeep của Poole. Tuyết đã ngớt, giờ chỉ còn lác đác rơi, phủ khắp không gian một màu trắng toát. Poole lấy ống tay áo lau kính chắn gió. “Việc điều tra hàng xóm có kết quả gì không?”

Diener lắc đầu. “Thông tin cảnh sát tuần tra thu được là con số 0 tròn trĩnh. Tôi đã đi hỏi hai bên hàng xóm, mỗi bên bốn nhà. Khu đó chẳng lấy gì làm tử tế. Người duy nhất còn nhớ đã trông thấy cô ta là một bà già sống bên kia đường. Ngày nào bà ta cũng đứng mọc rễ bên cái cửa sổ lớn, thọc sâu mũi vào chuyện thiên hạ.” Anh ta liếc xuống điện thoại. “Tên là Roxy Hackler. Bảo trông thấy Libby cả thảy ba lần kể từ khi cô ta về sống. Hôm đó, một chiếc taxi chở cô ta đến cùng với một cái túi xách thể thao. Hôm sau, Roxy nhòm trộm thấy cô ta từ cửa hàng về, khệ nệ tay xách nách mang. Rồi đến tuần trước, bà ta bảo Libby có ra ngoài, đi đi lại lại trên vỉa

hè trong lúc nói chuyện điện thoại. Bà ta thấy lạ là bởi thời tiết. Ai lại ra ngoài nghe điện thoại trong cái trời này chứ?"

"Có biết cô ta nói chuyện với ai không?"

"Không có chiếc điện thoại nào đăng ký dưới tên cô ta. Tìm ở nhà cô ta cũng không thấy."

"Liệu căn nhà có bị gắn thiết bị nghe trộm không?"

Diener lấy chân hất một đụn tuyết đen nhẻm ở vỉa hè. "Chắc không đâu. Các kỹ thuật viên chẳng tìm được gì dù đã xới tung căn nhà từ trên xuống dưới mấy lần. Nhưng như vậy không có nghĩa cô ta không cho rằng nhà mình bị nghe trộm. Cô ta chẳng phải phạm nhân đầu tiên nghĩ rằng có người theo dõi hoặc nghe trộm mình sau khi ra tù."

"Trong trường hợp này thì cũng có thể đấy."

Diener phồng má thở hắt ra, làn hơi trắng xóa lơ lửng trong không trung. "Bishop chưa bao giờ quay lại nhắm vào thành viên thứ hai trong gia đình nạn nhân. Cô ta là trường hợp đầu tiên. Cô ta biết hắn sẽ đến nên tìm cách chạy trốn. Nhưng hắn vẫn nhanh chân hơn."

Poole gật đầu. "Tôi cũng nghĩ vậy. Tìm ra lý do, chúng ta sẽ tiến đến gần hơn với việc tìm ra Bishop."

"Vậy tiếp theo ta làm gì? Ở ngoài trời lâu, tôi lạnh sun vòi rồi đây này."

"Tôi sẽ quay lại trụ sở cảnh sát. Cần phải xem nốt những thứ có trong cái hộp Bishop để lại. Hay là anh điều tra chỗ giấy tờ giả ấy đi? Xem Libby kiếm được chúng ở đâu. Cần phải biết kẻ nào giúp đỡ cô ta."

"Ta có nên giám sát gia đình các nạn nhân còn lại của hắn không?"

Poole không biết phải trả lời câu hỏi ấy ra sao.

CHƯƠNG 51

Larissa

Ngày 3 • 11:21 sáng

Larissa Biel trở mình trên sàn bê tông lạnh ngắt, đôi chân co lên trước ngực. Qua khóe mắt, cô nhác thấy bãi nôn bên cạnh đầu, lấm tấm những vệt đỏ. Cô không đếm nổi mình đã nôn đến lần thứ bao nhiêu trong vòng mấy giờ vừa qua. Họng cô đau vô cùng. Cô không sao nuốt được, không sao nói được.

Cô đã nôn ra một ít vụn thủy tinh. Cô có thể nhìn thấy chúng, những mẩu thủy tinh lấp lánh trong đống chất nôn màu đỏ lẫn vàng. Nhưng dạ dày cô quặn lên dữ dội nên cô biết mình chưa nôn ra hết.

Sau khi cô nuốt chỗ thủy tinh, tên giáo viên túm tóc lôi cô đến bên cái tủ đông lạnh rồi ấn đầu cô vào. Cô không hề chuẩn bị để hít thở trong nước, nước ộc vào mũi và họng cô, càng ho càng hít vào nhiều hơn.

"Uống đi!" Hắn quát.

Cô không tài nào thở nổi.

Hắn không cho cô thở.

Nước làm mắt cô cay xè, có vị như nước biển. Cô cố nhổ chỗ nước mặn ấy ra, nhưng hắn bịt chặt lấy miệng cô và bóp mũi cô cho đến khi cô phải nuốt. Hắn lặp lại như vậy ba lần, rồi cô bắt đầu nôn. Khi đó hắn mới quẳng cô xuống sàn bên trong chuồng rồi khóa cửa.

Lúc nuốt chỗ thủy tinh, Larissa không có cảm giác gì, nhưng khi ói ra, những mảnh vỡ sắc như dao lam cứa vào họng cô, cô kêu lên thì thậm chí còn đau hơn.

Lúc này đây, tên giáo viên đang quan sát cô.

Hắn ngồi trên sàn bê tông bên ngoài, cách cái chuồng nhốt cô khoảng hơn một mét, cặp mắt u tối nhìn xoáy vào cô. Cô nghe thấy tiếng hắn thở, nhịp thở sâu kèm theo tiếng khò khè. Tay trái của hắn nắm lấy tay phải, các ngón khẽ co giật.

Môi Larissa bật ra một tiếng rên, và cô lại trở mình. Cô không thể đối diện với cặp mắt kia.

"Chớ sợ kẻ giết được thân xác mà không giết được linh hồn, hãy sợ kẻ giết được cả thân xác lẫn linh hồn nơi địa ngục." Tên giáo viên thì thầm phía sau cô bằng giọng khẽ khàng đến nỗi ban đầu cô không chắc có đúng là mình vừa nghe thấy hắn nói không. Sau vài giây im lặng, hắn nhắc lại câu vừa rồi, chữ *s* trong từ *sợ* kéo dài như tiếng rít của loài rắn độc.

Dạ dày Larissa quặn thắt, cô cố kêu lên, nhưng con đau nơi cổ họng đã ghìm lại âm thanh ấy, biến nó thành tiếng khò khè nghèn nghẹn.

Larissa tập trung nghĩ đến những mảnh thủy tinh.

Cô không muốn chúng trào ngược lên cổ. Cô muốn chúng rạch thủng dạ dày và cứa vào các cơ quan nội tạng khác. Cô muốn chúng kết thúc chuyện này đi. Cô sẵn lòng nuốt thêm nếu có thể.

Đau đớn chứng tỏ cô vẫn còn sống. Khi cơn đau qua đi, cô sẽ được thanh thản. Nhưng nó vẫn còn đây. Cảm giác bỏng rát dậy lên nơi bụng cô, chẳng khác nào lưỡi dao nóng bừng cắm vào. Larissa khép chặt hai đầu gối, cất tiếng gào thét trong câm lặng.

Phía sau cô chợt vang lên tiếng chuông điện thoại di động.

Một giọng nói xa xăm cất lên ở đầu dây bên kia, tuy không qua loa ngoài nhưng vẫn có thể nghe thấy được. “Nuốt thủy tinh chưa chắc đã nguy hiểm đến tính mạng. Cô ta vẫn có thể thấy mà.”

Tên giáo viên thở dài nghe như thể trong phổi có nước. “Người này hỏng rồi, cô ta đã bị hủy hoại. Cô ta không thấy được đâu. Không bao giờ có thể thấy.”

“Anh cần phải thử đã.”

“Tôi cần đứa khác.”

Căn hầm một lần nữa chìm vào im lặng khi cuộc gọi kết thúc.

Tên giáo viên bật ra tiếng gầm gừ tức tối.

Lặng thinh.

Tĩnh mịch.

Tăm tối.

“Số kiếp đã định, loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét.” Tên giáo viên thì thầm bên tai cô.

Larissa giật bắn mình, cơn đau bùng lên nơi dạ dày.

Hắn đang ở ngay phía sau cô. Cô không hề nghe thấy tiếng hắn bước vào trong chuồng.

Lẽ nào cô vừa ngất đi?

Trong bao lâu?

Cô cảm thấy hơi thở nóng ran của hắn phả lên cổ mình. Ngửi thấy mùi hôi hám từ đó bốc ra.

Hẳn là vừa rồi cô lại nôn tiếp, nhưng cô không nhớ gì cả. Tóc cô dính bết lại.

Larissa quay người đối mặt với hắn, cơn đau dậy lên khiến cô không sao chịu nổi.

Trong chuồng không có ai. Căn hầm không có ai.

Chỉ có sự cô độc.

Một góc của chiếc chăn xanh đã được dồn lại, kê dưới đầu cô.

Ngôi nhà phát ra tiếng cót két xung quanh cô. Ngoài âm thanh đó ra, bốn bề tĩnh lặng như dưới mồ.

CHƯƠNG 52

Clair

Ngày 3 • 12:23 trưa

Clair đẩy mở cửa tiệm cá cảnh và trang thiết bị thủy sinh Tanks A Lot trên phố 15, một luồng khí nóng ẩm ùa tới vây lấy cô. Cô giậm chân giũ tuyết bám trên đôi bốt và cởi khóa áo khoác.

Những cái bể màu xanh dương kê san sát dọc theo các bức tường trong cửa tiệm chật hẹp, ở giữa là ba dãy kệ với đủ loại đồ dùng và trang thiết bị thủy sinh.

Một người đàn ông có mái tóc hoa râm để dài ngẩng lên từ chỗ chiếc bàn phía sau quầy thu ngân, ông ta kẹp ngón tay vào cuốn sách bìa mềm đang đọc dở, đó là cuốn tiểu thuyết Jack Reacher mới nhất. “Tôi có thể giúp gì được cô?”

Sáng nay Clair đã ghé qua ba cửa hàng tương tự. Nhưng tất cả đều là công cốc. Cô bước tới trước quầy rồi trình phù hiệu cho ông ta xem.

Ông ta đặt cuốn sách xuống và cau mày. “Các cô tìm được chưa?”

“Tìm gì cơ?”

“Thế tức là chưa tìm được.”

Clair nheo mắt. “Tôi không hiểu ông…”

“Nếu chưa tìm được thì cô đến đây làm gì. Đáng lẽ giờ này cô phải đi tìm mới đúng. Cô đang làm lãng phí thời gian đấy.” Ông ta hừ mũi vẻ bực

bội. “Mức miễn thường* của tôi là năm ngàn đô. Giá trị của nó chỉ bằng một phần nhỏ con số ấy, nên tôi không thể đòi bồi thường, cũng không thể mua cái mới được. Tôi cần các vị tìm ra thằng khốn nạn đã ăn trộm đồ và mang nó về đây cho tôi.”

Clair giơ hai tay lên. “Có lẽ chúng ta nên bắt đầu lại. Tôi là thanh tra đội trọng án của Sở Cảnh sát Chicago, và…”

“Đội trọng án? Thanh tra đội trọng án sao lại đi tìm bồn nước bị trộm chứ?”

“Có người ăn trộm bồn nước của ông ư?”

“Thế không phải cô đến đây là vì việc đó sao?”

Clair thò tay vào túi lấy di động và mở tấm ảnh Kloz đã trích xuất từ đoạn băng mà camera giám sát ở công viên ghi lại. “Có phải cái này không?”

Người đàn ông cầm lấy chiếc điện thoại và chăm chú quan sát tấm ảnh, chụm ngón tay lại trên màn hình rồi kéo ra để phóng to. “Khó nói lắm, ảnh gì mà mờ tịt. Cũng có thể. Tôi nghĩ vậy. Cô tìm thấy nó ở đâu?”

“Ông có nhận ra cái xe tải này không?”

“Không.”

Clair lấy lại điện thoại rồi bỏ vào túi. “Cái bồn của ông bị trộm khi nào?”

“Khi tôi gửi đơn trình báo. Mà điều này lẽ ra cô phải biết rồi chứ?”

“Cứ cho là tôi chưa biết đi.”

“Rõ quá rồi còn gì.”

Clair chưa bao giờ thượng cẳng chân hạ cẳng tay với người cao tuổi, nhưng viễn cảnh đó càng lúc càng trở nên đầy hấp dẫn. “Bể nước của ông bị trộm khi nào?”

Ông ta gõ những ngón tay dài lên mặt quầy. “Sau Giáng sinh một tuần. Có kẻ đã đột nhập vào nhà kho phía sau cửa tiệm và cuỗm nó đi.”

“Có mất thứ gì nữa không?”

“Hai mươi túi muối.”

“Cho tôi xem được chứ?”

Ông ta gấp một trang trong cuốn sách để đánh dấu rồi ra hiệu bảo Clair đi theo. Lũ cá quan sát họ lúc họ đi ngang qua, Clair cố không nhìn chúng. Xưa nay, bọn cá luôn khiến cô sởn gai ốc. Có mấy con còn to nữa. Cô tưởng tượng trong miệng chúng là những cái răng bé tẹo. Cô không hiểu nổi sao người ta có thể đi bơi được ở những vùng nước mở.

Cánh cửa ở cuối tiệm dẫn vào một nhà kho chật chội. Bốn bức tường toàn là kệ và giá để đồ kim loại. Mấy cái bể thủy tinh cũ dồn đống lại ở góc bên trái, ngất ngưởng chồng lên nhau hệt như trò chơi rút gỗ Jenga trong suốt. Ba cái thùng phuy bằng kim loại chất đầy ống nhựa và ống dẫn nước to nhỏ, dài ngắn đủ cả.

Phía bên trái có một cái máy cỡ lớn phát ra tiếng ì oạp không khác gì máy giặt quần áo bị hỏng. Cái máy kỳ quặc ấy dài khoảng ba mét, có đường ống thông sang một cái bình và nối với bồn nước. Những đường ống nhỏ hơn mất hút đằng sau bức tường, chắc chắn là chạy ra ngoài cửa hàng.

“Hệ thống lọc nước của tôi đấy. Các bể ngoài kia đều chứa nước mặn, khó kiểm soát hơn nhiều so với nước ngọt. Chỉ cần sai độ pH, thừa hoặc thiếu muối, bất cứ lỗi nhỏ nào cũng có thể làm đảo lộn hệ sinh thái, bọn

chúng sẽ chết sạch. Mà còn chẳng mất nhiều thời gian, chỉ vài tiếng là cùng." Ông ta bước tới, chăm chú quan sát một trong mấy cái đồng hồ đo chỉ số. "Mấy năm trước, tôi có một con cá nóc khá lớn, dài phải đến gần ba chục phân. Không hiểu thứ gì khiến nó hoảng sợ mà cu cậu phồng tướng lên to như quả bóng rổ, tiết nọc độc làm chết gần nửa số cá ở đây. Sau vụ đó, tôi thay máy lọc cũ sang hệ thống lọc RO và từ bấy trở đi không gặp bất cứ vấn đề gì hết. Nhưng vẫn phải thường xuyên để ý đến các chỉ số."

Clair quan tâm quái gì đến chuyện đời và thời đại của lũ cá nóc. "Có thể chỉ cho tôi xem đối tượng đột nhập vào từ chỗ nào không?"

Ông chủ cửa hàng ra hiệu về phía cuối nhà kho. "Tôi đoán là chúng vào qua cửa."

Có một cửa gara cuốn khá lớn, bên trái là cánh cửa kim loại nhỏ hơn. Cửa thứ hai có hai khóa cóc và một cái then cài. Cửa cuốn chạy bằng điện. "Cửa nào?"

"Chịu."

"Không có dấu hiệu đột nhập sao?"

Mặt ông ta nhăn nhó, đỏ lên như gà chọi. "Như tôi đã nói với sĩ quan đầu tiên tới đây, cửa kim loại lúc nào cũng khóa. Cửa cuốn cũng luôn đóng im ỉm. Cả lúc đến lẫn lúc về tôi đều kiểm tra kĩ. Chắc chắn chúng vào bằng lối này. Nếu đám cảnh sát không đủ trí khôn để điều tra ra cách thức gây án thì đấy là lỗi của họ chứ không phải tôi."

Clair tiến tới chỗ cánh cửa nhỏ, vặn chốt khóa cóc và rút then để mở cửa. Khí lạnh ùa vào, cô dùng tay kia khép chặt hai vạt áo khoác trong lúc quan sát mép cửa kim loại. Không có vết trầy xước hoặc móp méo. Cửa không bị cạy. Cả hai cái khóa cóc đều là loại khóa Medeco kiên cố, khó phá

nhưng không phải là không thể. “Ông chắc chắn hôm đó cửa có cài then chứ?”

“Hầu như chẳng lúc nào không cài. Tôi chỉ dùng cửa lớn, và cửa cũng chỉ mở được bằng điều khiển từ xa trong xe tải của tôi, hoặc là nhấn cái nút này.” Ông ta trỏ vào cái nút sáng rực ở trên tường.

Ông ta trở lại giữa phòng, hai tay dang rộng. “Cái bồn ở ngay đây. Tối hôm trước tôi còn tháo nó ra khỏi xe tải và dẫn nước từ hệ thống lọc vào. Phải chuẩn bị cho ngày hôm sau.”

“Ngày hôm sau ông làm gì?”

“Tôi nhận bảo trì cho mười sáu bể thủy sinh lớn trong thành phố, gần hai mươi phần trăm doanh thu của tôi là từ đó mà ra. Không kéo được nước đi thì tôi làm kiểu gì? Nước có thể bay hơi, bị bẩn, cần thay. Tôi kéo theo cái bồn để thay hoặc thêm nước bất cứ khi nào.”

Clair ngước nhìn mô-tơ mở cửa gara, loại Craftsman 54985, theo như miếng đề can lớn dán trên vỏ. Bên phải cô có một cái thang dựa vào tường. “Ông không phiền chứ?”

Ông ta kéo cái thang lại và dựng nó bên dưới mô-tơ. Clair rút từ trong túi ra chùm chìa khóa xe hơi của mình, sau đó trèo lên quan sát phía sau mô-tơ. Cô tìm thấy một cái nút màu vàng, nhấn vào đó, rồi lại nhấn nút trên điều khiển gara của cô. Bóng đèn ở thân mô-tơ nhấp nháy khi ghi nhận tín hiệu vừa phát ra.

Khi cô nhấn nút điều khiển gara của mình, mô-tơ trên trần chạy ro ro và cửa từ từ mở. Cô nhấn lần nữa, cửa lại hạ xuống.

“Quỷ tha ma bắt.”

Clair xuống thang. “Còn ai khác có thể ra vào nơi này?”

"Chỉ có tôi thôi."

"Không có người bán, nhân viên hay chủ nhà sao?"

"Cách đây vài tuần tôi có thuê một cô trông cửa hàng, nhưng cô ta chỉ đi làm đúng một hôm. Có vẻ nhút nhát. Tôi nghĩ chắc cô ta không thích tiếp xúc với nhiều người." Ông ta hạ giọng nói tiếp. "Cô ta từng phải vào Trung tâm Cải huấn Stateville vì tội ngộ sát, cũng mới được thả thôi. Cô ta kể cho tôi đầu đuôi câu chuyện, nghe giống như là tai nạn vậy. Xem chừng cô ta đang khó tìm việc, vì thế tôi nghĩ bụng, cứ để cô ta thử xem sao. Ở đây chúng tôi không mấy khi giao dịch bằng tiền mặt, mà tôi cũng không thấy cô ta ăn trộm cá. Mắt nhìn người của tôi khá chuẩn, khi phỏng vấn cô ta tôi không cảm thấy có gì đáng ngờ, thế nên sao phải lăn tăn, đúng không? Dù gì tôi cũng đã định đăng báo tìm người làm bán thời gian mà."

Hai hàng lông mày của Clair nhíu lại. "Cô ta xin vào làm ở vị trí mà ông chưa đăng quảng cáo ư? Ngay cả thông báo ở cửa sổ cũng không có?"

Ông ta đút hai tay vào túi. "Cô ta đến đúng hôm đông khách, thấy tôi cần giúp nên mạnh dạn mở lời. Như tôi đã nói, tôi cũng định đăng quảng cáo mà."

"Cô ta tên là gì?"

"Libby. Libby McInley."

Clair rút điện thoại trong túi ra và gọi đến số máy trong danh sách quay số nhanh.

Cuộc gọi được chuyển thẳng vào hộp thư thoại: "Đây là số máy của Thanh tra Sam Porter thuộc Sở Cảnh sát Chicago, hiện tôi…"

Cô ngắt máy.

Chết tiệt. Cô đang định gọi cho Nash kia mà.

CHƯƠNG 53

Poole

Ngày 3 • 1:18 chiều

A, các bạn của tôi!

Thật vui khi biết cuối cùng các bạn đã tìm được đến nơi này! Tôi đã hy vọng mình sẽ ở đây với các bạn khi thời khắc đó đến, nhưng trời ạ, việc ấy lại không thành hiện thực. Tôi được an ủi bởi sự thật rằng hộp tài liệu này đã tự tìm đến đôi tay đầy năng lực của các bạn, và vì tôi cũng chắc chắn các bạn sẽ trao nó cho bên cảnh sát kinh tế, để họ có thể bổ sung vào đống chứng cứ ngày càng dày thêm chống lại ông Talbot và công ty của ông ta. Tôi tin chiếc hộp này chứa đựng đầy đủ thông tin kết tội quan trọng, nhưng tôi e mình không thể chờ đợi cho đến lúc phiên tòa bắt đầu, nên tôi cứ tiếp tục và đưa ra bản án mà tôi tin rằng nó phù hợp với mức độ phạm tội này. Cũng như với đối tác kinh doanh lâu năm của ông ta, Gunther Herbert, ông Talbot sẽ sớm đối mặt với công lý, và ông ta sẽ phải giải trình cho những việc làm của mình. Hay tôi sẽ cho ông ta được hôn tạm biệt con gái lần cuối trước khi giã từ nhỉ? Có lẽ không. Cứ để họ nhìn thấy nhau đổ máu là hay nhất.

Người bạn chân thành của mọi người,

Anson Bishop

Poole vuốt phẳng các mép của tờ giấy, săm soi nét chữ viết tay, nét chữ rõ ràng, dễ đọc, vậy mà vẫn có gì đó đáng sợ lạ kỳ.

Lá thư nằm trong cái hộp được hai thanh tra Clair Norton và Brian Nash tìm thấy ở một căn hộ trống, vài ngày sau khi Bishop bắt cóc Emory Connors và vài giờ sau khi hắn bắt bố đẻ của cô bé, Arthur Talbot. Địa chỉ căn hộ có trong hồ sơ nhân viên mà Bishop đã chuẩn bị để hoàn thiện nhân thân giả và thâm nhập vào phòng thí nghiệm của bộ phận giám định hiện trường thuộc Sở Cảnh sát Chicago với tư cách Paul Watson. Bishop cố ý để cảnh sát tìm ra thông tin đó và đã dàn dựng một trong vô vàn kế hoạch nhằm đảm bảo rằng nó được phát hiện không sớm hơn và cũng chẳng muộn hơn thời điểm hắn lựa chọn. Hắn biết kiểu gì họ cũng sẽ lần ra địa chỉ căn hộ một khi vỏ bọc của hắn bại lộ, nhưng phải theo đúng tính toán của hắn chứ không được sớm hơn.

Poole đã lấy ra những thứ có trong hộp và xếp thành hàng ngay ngắn trên cái bàn gấp trước khi đến gặp cán bộ quản chế của Libby McInley.

Những tờ giấy được buộc lại thành chồng, có mười hai chồng cả thảy.

Bảy chồng đầu tiên chứa đựng các thông tin xoay quanh Arthur Talbot, đặc biệt là các giao dịch bất động sản và đầu tư tài chính của ông ta. Ban Điều tra Tội phạm Kinh tế của cả Sở Cảnh sát Chicago lẫn FBI vẫn đang bóc tách các chi tiết, nhưng tính đến thời điểm hiện tại, họ đã tịch biên khối tài sản có giá trị lên đến hơn năm mươi triệu đô la được cho là bắt nguồn từ các hoạt động tội phạm. Do quy mô của Tập đoàn Talbot quá lớn nên hầu hết tài sản đã bị đóng băng, tuy nhiên tòa cho phép các tài khoản kinh doanh của công ty hoạt động bình thường. Rốt cuộc, họ vẫn mong muốn

giải quyết mớ rắc rối này mà không gây ảnh hưởng đến hàng ngàn việc làm hợp pháp do các công ty của Talbot mang lại. Quỹ tín thác của Emory Connors cũng còn nguyên vì hoàn toàn không liên quan đến Talbot, hẳn là theo yêu cầu của ông ta.

Poole đặt những chồng giấy ấy sang một bên.

Bốn chồng tiếp theo cũng liên quan đến Talbot nhưng mở rộng ra, bao gồm hai băng đảng tội phạm có tổ chức hoạt động trong phạm vi Chicago và các khu vực lân cận, ngoài ra còn có hai mươi ba cá nhân khác liên quan. Tội ác chúng gây ra trải dài từ đánh bạc, rửa tiền đến buôn bán ma túy, mại dâm. Kết quả số dữ liệu này mang lại là sáu vụ bắt giữ và sắp tới sẽ còn nhiều hơn.

Poole cũng tạm đặt chỗ tài liệu đó sang một bên. Chồng cuối cùng mới là thứ thu hút sự chú ý của anh.

Chồng này có khoảng ba trăm trang giấy, trang trên cùng có dòng kẻ màu xanh lục pha trắng với những dòng chữ bé xíu, nét chữ gọn gàng. Dòng đầu tiên có nội dung như sau:

163. *WF14 2.5k. JM.*

Đính kèm chồng giấy là một chiếc phong bì to màu nâu, bên trong chứa hai mươi sáu tấm ảnh Polaroid chụp các thiếu niên khỏa thân đủ kiểu, cả trai lẫn gái. Mỗi tấm đều được đánh số. Chữ viết trên đó không giống chữ của Bishop. Theo như báo cáo mà Thanh tra Nash đệ trình, chiếc phong bì này vốn không được buộc vào chồng giấy mà nằm ở dưới đáy hộp. Dù hai thứ rất có thể liên quan đến nhau, Poole vẫn muốn chứng cứ được đặt ở

đúng vị trí ban đầu của chúng để giữ nguyên hiện trạng. Ghép hai thứ vào với nhau dựa trên suy đoán là việc làm bất cẩn và có thể dẫn đến những kết luận sai lầm.

Poole lướt ngón tay lên dòng chữ đầu tiên:

163. *WF14 2.5k. JM.*

Con số 163 được cho là số hiệu của một đứa trẻ cụ thể nào đó - nữ giới da trắng, mười bốn tuổi, được bán hoặc mua với giá 2.5K, nhiều khả năng là đô la nhưng cũng có thể là một loại tiền tệ khác. Bitcoin là lựa chọn phổ biến nhất của các đối tượng buôn người.

Poole hiểu khá rõ về Bitcoin. Loại tiền này đã trở thành cái gai trong mắt cơ quan hành pháp kể từ năm 2008, vì lũ tội phạm có thể tiến hành giao dịch qua mạng không khác gì tiền mặt mà không để lại bất cứ dấu vết nào giúp lần ra đối tượng và mục đích giao dịch.

Nếu con số đó đúng là 2.500 Bitcoin thì giá trị quy đổi sẽ là 2,6 triệu đô la Mỹ. Điều này có vẻ bất khả thi. Một thiếu nữ da trắng khỏe mạnh mười bốn tuổi thường được bán tại Mỹ với giá dưới 25.000 đô la. Chữ *K* đôi khi cũng được dùng để viết tắt cho Bitcoin. Nếu đúng thế thì 2.5K sẽ tương đương khoảng 2.600 đô la, khả năng này cao hơn nhiều.

Ý nghĩ con người có thể bị đem ra mua bán với bất cứ giá nào khiến Poole cảm thấy thật ghê tởm, anh phải cố xua nó ra khỏi đầu. Phải tập trung vào chứng cứ trước mắt.

163. WF14 2.5K. JM.

Đứa trẻ số 163, thiếu nữ da trắng mười bốn tuổi, bị bán hoặc rao bán với giá 2.600 đô la. Hai chữ viết tắt JM có thể là tên cô bé hoặc tên kẻ mua hoặc bán. Không có cách nào biết chắc được.

Poole xem qua đống ảnh Polaroid. Không tấm nào có số 163.

Ai đó đã ghép những tấm ảnh còn lại với những dòng chữ tương ứng; mảnh giấy ghi chú màu vàng được dán bên cạnh mỗi dòng như vậy. Mười chín cô bé, bảy cậu bé.

Poole đếm số dòng ở trang đầu tiên: hai mươi sáu. Với gần ba trăm trang giấy, điều đó nghĩa là có gần tám ngàn trẻ em được liệt kê ở đây. Không, phải nói là "có gần tám ngàn *người* được liệt kê ở đây" mới đúng. Nếu con số ở bên phải ký hiệu giới tính và chủng tộc thực sự là số tuổi, thì nhiều người trong số này còn lớn tuổi hơn, dù con số lớn nhất anh tìm thấy là hai mươi ba.

Chicago là thành phố có tỉ lệ tội phạm buôn bán người cao thứ ba trong cả nước. Những nghiên cứu gần đây ước đoán có ít nhất 25.000 nạn nhân sinh sống trong và xung quanh thành phố. Nếu danh sách này là thật thì nó đại diện cho gần một phần ba trong số những người đó. Poole không có lý do gì để nghi ngờ thông tin Bishop cung cấp. Những dữ liệu khác hắn đưa ra đều chính xác.

Cơ quan Điều tra nạn Buôn người tại quận Cook, Cơ quan Điều tra nạn Buôn người tại Chicago (CTTF), và Cơ quan Điều tra nạn Buôn người tại Illinois đều đã nhận được bản sao của số tài liệu trên, nhưng họ chưa đạt được tiến triển gì trong việc xác định chính xác ý nghĩa của những nội dung trong đó. Nếu tìm ra, những dữ liệu này có thể giúp triệt phá đường dây buôn người quy mô lớn chưa từng thấy trên nước Mỹ.

Poole đứng dậy, duỗi chân cho đỡ mỏi. Anh cầm lấy một tấm ảnh Polaroid và bước tới chỗ cái bảng trắng, giơ lên bên cạnh tấm ảnh tìm thấy ở nhà Libby McInley. Lúc đầu anh đã hy vọng chúng được chụp bằng cùng một máy. Điều đó đúng là hơi hão huyền, nhưng anh cần một mối liên hệ giữa chúng, một thứ gắn kết tất cả các mảnh ghép lại với nhau.

Những tấm ảnh này không được chụp bằng cùng một máy.

Kết quả phân tích cho thấy ảnh những đứa trẻ này được chụp bằng máy phim Polaroid 780 Turbo, trong khi tấm ảnh được tìm thấy ở nhà McInley lại được chụp bằng máy PX 680 Color Shade FF. Ngoài ra anh còn biết rằng máy ảnh Polaroid rất giống với họng súng. Mỗi máy đều để lại một dấu hiệu đặc trưng trong những tấm ảnh in ra, đó là một loạt đường kẻ cực kỳ mảnh mà mắt thường không thể phân biệt được, nhưng đủ để xác định những tấm nào được chụp bằng cùng một máy với sự trợ giúp của một chiếc kính hiển vi. Tất cả ảnh Bishop để lại trong chiếc hộp kia được chụp bằng cùng một máy. Từ số series in trong tấm phim có thể tra ra ngày sản xuất, nó cho biết những tấm ảnh này được chụp rải rác trong vòng hai năm, vào cuối thập niên 90.

Điện thoại của Poole đổ chuông, anh lê bước về bàn làm việc.

Diener gọi.

Anh nhấn nút nghe.

“Frank à? Tôi tìm được manh mối rồi. Anh nói quả không sai.”

“Vụ giấy tờ giả ấy à?”

“Ừ. Cơ quan Hộ tịch Illinois đã nhận được tờ khai xin cấp lại giấy khai sinh gửi qua cổng thông tin điện tử vào ngày 10 tháng Tư năm 2014, cách đây gần một năm.”

“Trong khi McInley vẫn đang ngồi tù.”

“Đúng vậy. Lá đơn được gửi bởi Kalyn Selke… ừm… kẻ nào đó mạo danh Kalyn Selke. Người này đã cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết như: tên bệnh viện sinh, quê quán, nhũ danh của mẹ, họ tên đầy đủ của bố. Phần lý do xin cấp ghi là “mất do hỏa hoạn”. Người đó thậm chí còn nộp cả giấy tờ tùy thân có ảnh Libby McInley nữa. Giấy tờ là giả, nhưng chẳng ai thèm kiểm tra. Giấy khai sinh cấp lại được gửi vào ngày 2 tháng Năm năm 2014. Sau đó gần một tuần, vào ngày 8 tháng Năm, tờ khai xin cấp hộ chiếu được gửi đi cùng với giấy khai sinh và ba hóa đơn tiền điện, điện thoại và truyền hình, tất cả đều của cùng một địa chỉ, chính là địa chỉ của người nhận các giấy tờ này: một tư gia tại khu Brighton Park. Bây giờ tôi qua đó đây.”

Ngực Poole thắt lại. “Nhắn cho tôi địa chỉ đi. Tôi sẽ gặp anh ở đó.”

CHƯƠNG 54

Clair

Ngày 3 • 1:31 chiều

“Bao lâu nữa mới xong?”

Klozowski xua tay về phía cô, mắt dán vào màn hình máy tính. “Tôi đang cố tìm góc máy tử tế. Nói cho tôi biết nếu cô phát…”

“Đây rồi!” Clair la toáng lên.

“Giời ạ, có thể vặn nhỏ âm lượng xuống được không, Clair xinh?” Nash lên tiếng phía sau vai cô.

Clair rướn người chỉ vào màn hình. “Chính là cái cửa hậu của tiệm cá cảnh. Đây là phố nào đấy?”

Kloz nhấp chuột vào thẻ thông tin bên cạnh hình ảnh thu được của camera giám sát. “Chỗ giao cắt giữa phố 16 và phố Mortimer.”

“Có phóng to hơn được nữa không?”

“To thế này là hết cỡ rồi. Ta cần xem băng của ngày nào?”

“Ông ta nói cái bồn bị trộm sau Giáng sinh khoảng một tuần.” Clair đáp. “Mãi đến ngày 4 tháng Một ông ta mới trình báo. Hay là bắt đầu xem từ 27 tháng Mười hai cho chắc?”

Kloz thở dài. “Phạm vi như thế thì rộng quá.”

“Cứ quăng mẻ lưới lớn vẫn tốt hơn.”

Đứng bên kia Kloz, Nash nhoài người tới. “Tôi tưởng mấy thứ này cho phép anh tìm kiếm theo nhãn hiệu và dòng sản phẩm?”

Kloz ngả ra lưng ghế. “Cho xin tí không gian riêng đi được không? Người anh toàn mùi củ cải.”

“Trưa nay tôi ăn salad mà.” Nash vừa nói vừa lùi ra sau. “Tôi đang cố gắng chuyển sang chế độ ăn lành mạnh hơn.”

“Trưa nay anh ăn salad của McDonald’s thì có, đã thế còn rưới xốt ranch* cho đẫm cơ. Nó là một trong những món lắm chất béo nhất ở McDonald’s đấy.”

“Hư cấu.”

“Tôi thèm vào hư.”

“Tập trung nào, các anh!” Clair nói. “Có thể tìm kiếm dựa trên loại phương tiện không?”

Kloz lắc đầu. “Không hẳn.”

“Đấy *không hẳn* là câu trả lời.”

“Camera giao thông không thể xác định được nhãn hiệu và dòng xe, nhưng chúng có đọc và ghi lại tất cả các biển số. Tôi có thể đối chiếu thông tin đó với hồ sơ của Ban Quản lý Phương tiện Cơ giới và…”

“Vậy tức là chỉ cần hung thủ không đổi biển thì anh có thể tìm trong kho dữ liệu biển số được camera giao thông ghi lại và lọc ra tất cả những chiếc Toyota Tundra 2011 từng đi qua ngã tư này mà không cần giờ giấc hoặc ngày tháng cụ thể.” Clair ngắt lời anh ta. “Làm đi.”

Kloz bắt đầu gõ bàn phím. “Tôi làm việc hiệu quả hơn khi có cà phê.”

“Anh mà phát hiện được gì thì tôi sẽ đãi anh Starbucks cả tháng.”

“Cô quả là hào phóng hết sức, có điều, lời hứa đó vẫn chẳng giải quyết được tình hình của tôi lúc này.”

Clair quay sang Nash và đảo tròn mắt. “Anh kiếm cho hắn thứ gì uống đi vậy.”

Nash mở miệng định phản đối, nhưng rồi lại nghĩ lại. Anh đi sang phòng giải lao nhỏ nằm trong góc dãy làm việc của ban IT.

Clair rướn người tới gần và hạ giọng thì thào. “Anh đã nói chuyện với Sam chưa?”

Mắt Klozowski vẫn nhìn thẳng vào màn hình. “Chúng ta không được phép liên lạc với anh ấy mà. Tôi đâu dám nghĩ đến chuyện làm trái mệnh lệnh trực tiếp của cấp trên.”

“Tôi đã cố gọi cho anh ấy ba lần. Nhưng cuộc gọi toàn bị chuyển vào hộp thư thoại.”

“Mấy tiếng trước Nash cũng gọi rồi. Cũng thế cả.” Kloz khẽ nói.

Một bản danh sách hiện lên màn hình của Klozowski. Anh ta nhấp chọn mấy thứ rồi nhấn Enter. “Nghe này, tôi thực sự không muốn tỏ ra là người duy nhất trong phòng biết lý lẽ. Porter cũng là bạn tôi, nhưng anh ấy đã qua mặt chúng ta. Bên FBI nhảy vào cuỗm vụ 4MK, với tôi không thành vấn đề. Tôi bỏ qua và đi làm việc khác. Cô cũng thế. Nash cũng vậy. Đáng lẽ Porter cũng nên thế.” Anh ta ngừng gõ phím, hai vai thõng xuống. “Cô thực sự không can dự nữa, phải không? Cô không bí mật sở hữu phòng thí nghiệm điều tra tội phạm ở đâu đó chứ?”

Không để Clair kịp trả lời, anh ta lại bắt đầu gõ phím, sau đó nói tiếp. “Tôi thích nghề này. Tôi muốn gặt hái thành công trong công việc, nên ai

bảo sao thì tôi làm vậy. Có thể điều đó khiến người ta nghĩ tôi hơi kỳ quặc, nhưng nhờ thế tôi được ăn ngon ngủ kĩ, hoàn toàn vô lo. Ối trời.”

“Gì thế?”

“Dòng Toyota Tundra này nhan nhản khắp nơi.”

“Tìm được bao nhiêu cái?”

“Sáu trăm mười hai cái trong khoảng thời gian từ 23 đến 28 tháng Mười hai.”

Nash quay trở lại, cẩn thận bưng theo ba cái cốc xốp trên tay. Anh đặt một cốc xuống cạnh Kloz và đưa một cốc cho Clair.

Clair nhìn màn hình. “Anh có thể sắp xếp danh sách theo số lần xuất hiện không? Việc Libby McInley đến làm đúng một ngày ở tiệm cá cảnh không thể là trùng hợp ngẫu nhiên. Nếu cô ta bằng cách nào đó hợp tác với hung thủ và đi trước thám thính, vậy thì hắn không cần phải đến nữa, do đó số lần hắn lái xe đi qua trước camera có lẽ sẽ ít. Xe nào xuất hiện thường xuyên hơn có thể là do thói quen đi lại, chẳng hạn như những người ngày ngày đi làm rồi lại về nhà theo đường đó.”

Kloz điều chỉnh vài mục ở phía trên màn hình rồi lại nhấn Enter. “Được rồi. Số lần xuất hiện nhiều nhất là mười bốn. Một trăm lẻ sáu xe đi qua một lần, chín mươi ba xe đi qua hai lần… Tôi sẽ sắp xếp theo thứ tự giảm dần, sau đó xem ảnh tĩnh do camera chụp.”

Clair nhìn bản danh sách biến mất, thay vào đó là hàng tá ảnh xe tải được chụp theo cùng một góc độ. “Ta đang cần tìm xe nào kéo theo bồn chứa nước.”

Ba người cùng nhìn lướt qua những tấm ảnh. Vài giây sau, Kloz nháp vào nút Tiếp ở phía dưới cùng của màn hình. Loạt ảnh được thay thế. Họ

quan sát hồi lâu, sau đó anh ta lại nhấn Tiếp, và cứ thế. Xem đến lần thứ mười hai thì họ mới tìm thấy. “Đây rồi.” Kloz nói.

“Chắc chắn nó là cái xe tải chúng ta trông thấy trong băng ghi hình ở Công viên Jackson.” Nash nói.

“Ta cần tra cứu biển số để tìm ra họ tên và địa chỉ.” Clair nói.

“Có phóng to ảnh tài xế được không?”

“Được.” Kloz dùng chuột chuyên chế độ xem, và tấm ảnh mở rộng ra toàn màn hình. Anh ta nhấp đúp vào phần kính chắn gió cho tới khi khuôn mặt tài xế hiện ra.

“Ôi, chết tiệt.” Nash lẩm bẩm.

“Có phải kia là…?” Kloz ngả người ra sau, miệng há hốc. Anh ta đưa tay xoa gáy.

“Chính là Bishop.” Clair khẽ nói.

CHƯƠNG 55

Porter

Ngày 3 • 1:35 chiều

"Chuyến này bác sĩ nắn chỉnh cột sống chắc chắn sẽ không hài lòng với tôi đâu." Sarah Werner rên rỉ nói. Cô đang nằm nghỉ trên cái bàn trong phòng quan sát, màn hình máy tính và bàn phím bị dồn sang một bên.

Cứ khoảng ba mươi phút một lần, các quản giáo lại ghé qua xem hai người có cần gì không, nhưng Werner đều xua tay khước từ.

Porter ngồi thẳng dậy trên ghế. Toàn thân anh cũng đau nhức chẳng kém.

Anh liếc cái đồng hồ treo ở góc phòng. "Đã gần ba tiếng trôi qua rồi. Bà ta đang làm gì trong đó thế nhỉ?"

Sarah ngoái lại nhìn qua ô cửa kính một chiều. "Vẫn miệt mài đọc. Lẽ ra chúng ta nên đi ăn trưa từ nãy."

Dạ dày Porter sôi lên òng ọc như đồng tình. "Tôi muốn có mặt ở đây khi bà ta đọc xong. Tốt nhất không nên để bà ta có thời gian tiêu hóa những gì đã đọc."

"Làm ơn đừng dùng những từ liên quan đến ăn uống."

"Xin lỗi."

Porter giơ hai cánh tay lên quá đầu và kéo căng. Anh cố ghìm lại cái ngáp. "Nếu cô còn chuyện khác phải giải quyết thì không cần đợi cùng tôi

đâu. Tôi không muốn làm nhỡ việc của cô.”

Sarah đưa tay che miệng và ngáp không ngại ngần. “Hôm nay tôi chẳng còn việc gì khác để làm.”

“Không có người quan trọng nào sao?”

Sarah bật cười. “Tôi là luật sư bào chữa hình sự ở một trong những thành phố nguy hiểm nhất cả nước. Tôi đã sai lầm khi chọn văn phòng làm việc có căn hộ ở tầng trên, điều đó có nghĩa chỉ cần vài bước chân là công việc đã theo tôi về đến nhà rồi, theo đúng nghĩa đen luôn. Nói vậy chứ ở đâu cũng không quan trọng, vì đằng nào tôi chẳng dành ít nhất tám mươi tiếng đồng hồ mỗi tuần vùi đầu vào hồ sơ vụ án. Nếu tôi không ngồi ở bàn thì cũng đến đây hoặc tòa án thôi, và đôi khi là sở cảnh sát. Mọi quyết định tôi đưa ra đều khiến cơ hội có cuộc sống riêng tan thành mây khói.” Cô xoay cổ và mỉm cười với anh. “Hôm nay với tôi có thể nói là gần giống một buổi hẹn hò nhất trong vòng bốn tháng gần đây đấy.”

Porter cảm thấy mặt nóng bừng. “Thật sao? Vậy cô thấy tôi thế nào?”

Sarah lại ngước lên nhìn trần và săm soi móng tay. Anh nhận thấy chúng không quá dài. Không rõ cô có sơn móng không, vì trông màu khá tự nhiên. “Anh ghi điểm ở sự độc đáo, khác biệt, điều đó thì không có gì phải bàn cãi. Chỉ là, lựa chọn nơi hẹn hò của anh hơi dưới trung bình một tí, dù rằng vẫn khá khẩm hơn khối người.”

“Hay tôi mời cô đi ăn tối nhé? Để bù đắp cho cô?” Porter còn chưa kịp nhận thức thì lời đã thốt ra khỏi miệng, anh ước gì có thể rút lại.

Giờ đến lượt Sarah đỏ mặt. Cô hất đầu về phía bàn tay anh. “Có lẽ anh nên xin phép chị nhà đi đã, Romeo ạ. Tôi tuy có thiếu thốn thật nhưng chưa tới mức ấy. Đến mèo tôi còn chưa phải nuôi nữa là.”

Porter di ngón tay cái lên mép chiếc nhẫn cưới. Anh cúi xuống nhìn nó. "Vợ tôi mất hồi năm ngoái. Có lẽ tôi không nên đeo nữa, nhưng tháo ra thì ngón tay cứ thấy thiếu thiếu."

Sarah lại nhìn trần. "Buổi hẹn của chúng ta chính thức trở nên khó xử. Tôi rất tiếc."

"Tôi lụt nghề rồi. Hồi cấp ba, tôi chỉ cần chưa đến bốn phút là có thể khiến một buổi hẹn thành ra hỏng bét."

"Ái chà, vậy ra ngày xưa anh cũng không phải dạng vừa hả? Tôi không hình dung nổi thời cấp ba anh là người thế nào."

Porter dành hẳn một phút để nghĩ, những ký ức xa xôi cứ thoắt ẩn thoắt hiện, khó lòng thấy được khi nhìn lại cả một chặng đường dài. "Nhiều khi tôi có cảm giác mọi chuyện xảy ra từ lâu lắm rồi. Nhưng cũng có những lúc cứ như chỉ mới hôm qua."

"Loại hồi ức sẽ quyết định độ dài ngắn, xa gần của thời gian trong cảm nhận của chúng ta."

"Nghĩa là sao?"

Sarah thở hắt ra một hơi. "À, đó là câu tôi đọc được trong sách tâm lý hồi đại học. Khi hồi tưởng lại những ký ức vui vẻ, hạnh phúc, não bộ xem chúng như là chuyện mới xảy ra chưa lâu. Nhưng những ký ức đau buồn thì bị đẩy xa, đôi khi còn bị lãng quên hoặc chặn lại hoàn toàn. Một loại cơ chế tự vệ, tôi nghĩ vậy. Đại để là hãy giữ lại bên mình những điều tốt đẹp, tránh xa những thứ khiến ta không vui, kiểu thế."

"Có lẽ tôi mới là người nên nằm xuống, bác sĩ ạ."

"Muốn đổi chỗ không?"

"Người đàn ông ga lăng trong tôi không đời nào để một quý cô phải chịu đựng cái ghế như vậy đâu. Ngồi trên thứ của nợ này không khác gì hành xác." Porter cựa mình, lớp gỗ lạnh lẽo hằn lên bàn tọa của anh. "Nếu nó được dùng trong phòng hỏi cung thì tôi còn có thể hiểu được, vì nó khiến nghi phạm luôn cảm thấy căng thẳng, nhưng ở đây ư? Chắc ông quản giáo tội nghiệp nào đó đã phải ngồi đến mòn vẹt đũng quần trên cái ghế này rồi cũng nên."

"Cái bàn cũng cần lắm một lớp mút lót êm ái. *No Bueno**." Cô lại quay sang anh, chống tay lên đầu. "Anh nhớ được những gì?"

"Hồi cấp ba ấy hả?"

Cô gật. "Anh có hay bị lũ bạn tống vào tủ đồ không, hay anh là người tống chúng nó?"

Porter khẽ bật cười. "Tôi mà chui lọt thì chắc là cũng có đứa làm thế thật. Hồi ấy tôi hơi mũm mĩm."

"Anh á?"

"Chính. Mét rưỡi, gần bảy mươi cân hồi lớp Chín."

"Cũng đâu có quá tệ. Rõ ràng anh đã dậy thì thành công rồi."

"Tôi *đúng* là mục tiêu hàng đầu mỗi khi cả lũ chơi trò bóng né. Thế rồi, đến năm lớp Mười một, tự nhiên tôi trổ giò cao vọt lên gần ba chục phân. Trông cứ như thể ai đó đã cầm đầu tôi mà kéo ra vậy. Cảm giác cũng y thế luôn. Tôi nhớ hồi ấy người ngợm đau như dần, có một thời gian còn mất hoàn toàn khả năng phối hợp tứ chi. Tay chân cứ dài ngoẵng. Đi trên hành lang thôi mà cũng ngã sấp mặt được. Đúng là thảm hại."

"Nhưng tôi cá hồi ấy chả ai dám sinh sự với anh đâu nhỉ. Anh cao hơn chúng bạn mà."

Porter nhún vai. “Trước đó tụi nó cũng có làm gì tôi đâu. Tôi hơi giống kiểu cây hài của cả lớp. Đứa nào kiếm cớ gây sự, tôi chọc cho vài câu, thế là lại vui vẻ cả làng.”

“Đáng tiếc là lúc lớn lên anh lại không giữ được sự hài hước ấy.” Sarah cười toe, đôi mắt cô lấp lánh dưới ánh đèn tù mù.

“Cảm ơn.”

Cô hạ chân xuống qua mép bàn rồi ngồi dậy, vuốt lại chân váy xám. “Ký ức đáng nhớ nhất thời cấp ba của anh là gì?”

Porter ngẫm ngợi giây lát nhưng chẳng nghĩ ra được gì, sau đó anh ngồi thẳng người lên. “Thôi nhé, tôi đã chia sẻ với cô một chuyện rồi. Giờ đến lượt cô. Cô xinh gái như thế, chắc là thời cấp ba trôi qua êm đềm, suôn sẻ lắm.”

“Hừm. Tôi không biết mình nên để tâm đến điều gì hơn. Việc anh khen tôi *xinh* hay gọi tôi là *gái.”*

“Chết tiệt thật, chứng tỏ hồi xưa cô không trốn tiết tâm lý học nào đúng không?”

“Không bao giờ.”

“Tôi nghĩ, đến một lúc nào đó chúng ta đều trở thành người lớn, nhưng tôi không rõ điều đó xảy ra khi nào. Đến tận bây giờ tôi vẫn còn cảm thấy mình không khác gì đứa trẻ con, vẫn nghĩ mình chỉ như một cậu nhóc.” Porter nói.

“Có lẽ là kể từ khi chúng ta bắt đầu đi vay thế chấp, tìm được công việc thực sự. Kể từ khi ta không còn là trách nhiệm của những người xung quanh nữa mà bắt đầu tự chịu trách nhiệm về bản thân.”

“Khi chúng ta thực sự hữu hình với thế giới.” Porter khẽ nói.

“Sao cơ?”

“Chỉ là một câu được nhắc đến trong nhật ký của Bishop thôi mà. Trong suy nghĩ của hắn, trẻ con ban đầu là những đối tượng vô hình đối với phần còn lại của thế giới, rồi trở nên rõ nét hơn theo thời gian. Chúng ta thực sự hữu hình trong giai đoạn trưởng thành, sau đó lại mờ nhạt dần khi bước sang tuổi xế chiều, cho tới khi xã hội không còn nhìn thấy chúng ta nữa.” Porter giải thích.

“Chà. Nghe có vẻ cao siêu nhỉ. Có lẽ tôi sẽ ghi nhớ những điều này.” Sarah nói.

“Tôi thì không muốn tiếp nhận những bài học tâm lý và tinh thần từ mấy thằng tâm thần bệnh hoạn.”

“Vậy mà anh vẫn nhớ chính xác từng từ đấy thôi.”

Một tiếng “rầm” phát ra từ tấm kính khiến Sarah nhảy phắt từ trên bàn xuống và khẽ kêu lên.

Porter đứng dậy, nhìn chằm chằm vào ô cửa sổ một chiều.

Jane Doe đang đứng phía bên kia tấm kính, chỉ cách có vài centimet. Cuốn nhật ký bị ép chặt lên cửa sổ, dưới bàn tay mụ ta đang xòe ra.

CHƯƠNG 56

Poole

Ngày 3 • 1:35 chiều

Hai đặc vụ Frank Poole và Stewart Diener ngồi trong chiếc xe Jeep Cherokee của Poole trên con phố tĩnh mịch tại khu dân cư, cách nhà số 519 đường 41 khoảng nửa khối nhà.

Poole quan sát quanh tư gia bằng cặp ống nhòm Zeiss 526000, loại này tuy nặng nhưng chất lượng thì miễn chê.

Ngôi nhà có diện tích nhỏ, chắc chỉ gồm hai phòng ngủ, một phòng tắm. Kiểu nhà một tầng. Lớp sơn màu xanh lục nhạt đã bạc phếch, đầy vết bong tróc. Quây quanh tư gia là một hàng rào mắt cáo. Tấm biển CHO THUÊ NHÀ lủng lẳng rũ xuống trước cổng, được cố định nhờ đoạn dây xoắn đa năng màu đen buộc hờ ở một góc, trông như sắp rụng đến nơi. Cả vỉa hè, sân vườn và lối đi phía trước đều bị phủ một lớp tuyết dày ít nhất ba mươi centimet. Lâu rồi không ai dọn tuyết. Trên lối đi không có ô tô. Những tấm rèm dày buông xuống ở các cửa sổ khiến anh không nhìn được vào bên trong.

“Cả giấy khai sinh lẫn hộ chiếu đều được gửi đến địa chỉ này. Camera giám sát của Ban Quản lý Phương tiện Cơ giới đã ghi lại cảnh Libby đích thân đi xin giấy phép lái xe bằng cách dùng giấy tờ giả chỉ ba ngày sau khi rời khỏi Trung tâm Cải huấn Stateville.” Diener nói với Poole.

“Trông như nhà hoang vậy. Không thấy dấu chân trên tuyết ở lối đi phía trước. Chẳng nhìn được bên trong, rèm che kín hết rồi.” Poole hạ ống nhòm xuống. “Có thể đây là nơi tập kết thư. Kẻ giúp cô ta xin giấy tờ, dù là ai đi nữa, chỉ tận dụng mỗi địa chỉ nhà mà thôi.”

Poole kéo khóa áo khoác và quấn khăn lên cổ. “Tôi phải xuống xem kĩ hơn mới được.”

Diener đưa mắt nhìn tuyết rơi. “Không hiểu đến bao giờ thứ của nợ này mới chịu dứt?”

Poole không ghét tuyết cho lắm. Đôi khi, cứ để những xấu xí của thế giới này bị chôn vùi dưới tấm chăn trắng muốt ấy thì hơn.

Cánh cửa xe kêu cọt kẹt khi anh đẩy mở. Sau đó anh sập mạnh. Nhiều lúc, cửa bên ghế lái không đóng khít được trong thời tiết lạnh. Anh nghe thấy Diener bước xuống và vòng qua đầu xe, tiếng giày lạo xạo trên tuyết.

Hai người đi trên vỉa hè một đoạn, đến trước ngôi nhà ấy thì dừng lại và sang đường. Quan sát suốt từ nãy đến giờ mà Poole không thấy cái xe nào chạy qua. Xem ra chỉ người dân sinh sống tại đây mới được phép qua lại. Thế thì có vẻ hơi vô lý khi chọn khu này làm nơi tập kết thư từ. Phần lớn người ta sẽ chọn khu vực đông đúc hơn. Người lạ xuất hiện ở khu dân cư yên tĩnh rất dễ bị để ý, kẻ gom thư chắc chắn sẽ không muốn thế.

Hình ảnh ngôi nhà của Libby McInley ùa về trong tâm trí Poole, nhất là những cảnh tượng anh bắt gặp bên trong. Miệng anh bỗng có vị chua chua. Anh ước gì có thể quên chúng đi, nhưng tâm trí anh vẫn kiên quyết bắt anh canh cánh giữ những hình ảnh ấy bên mình.

Có hai hòm thư nhỏ được đặt trên cùng một cái cột ở sát mép vỉa hè trước nhà. Hòm bên trái dùng để nhận báo, không có cửa, bên trong trống

không. Poole mở cái hòm kim loại cạnh đó và lấy ra vài lá thư. “Thư của Publishers Clearing House* gửi Libby McInley, giấy mời đóng góp quỹ cựu chiến binh gửi đến Chủ nhà, cả hai đều được đóng dấu bưu điện trong tuần. Có người đang theo dõi hòm thư này.” Poole nói với Diener rồi trả mấy lá thư vào hòm.

Diener nhìn quanh con phố. “Phân nửa lối đi trong khu phố mới được xúc tuyết. Kiểm tra ngôi nhà kia xong, chúng ta nên đi hỏi hàng xóm xem sao. Con phố yên tĩnh như vậy, kiểu gì chẳng có người hay để ý xung quanh.”

Cổng hàng rào mắt cáo bị băng giá làm cho kẹt cứng, Poole phải đập mấy lần thì cái chốt mới chịu bung. Cánh cổng miễn cưỡng gạt lớp tuyết dày và mở ra, hai người bước trên vỉa hè để tới đứng trước nhà.

“Frank.” Diener khẽ gọi, đưa bàn tay đi găng trỏ vào cửa chính. Ổ khóa cóc đã mất, để lại một cái lỗ trống hoác. Quả nắm trông có vẻ lỏng lẻo. Phần trên móp vào, nham nhở vết xước. Có người đã dùng vật gì đó để đập. Khung cửa chi chít vết trầy.

Poole mở khóa áo khoác, thò tay vào trong để lấy súng trước khi tiếp cận cửa trước. Anh chỉ vào Diener, sau đó lại chỉ sang bên hông nhà. Diener rút súng của mình ra rồi mất hút khi vòng qua góc nhà để đi tìm cửa hậu.

Poole vươn ra cầm lấy quả nắm. Quả nắm tuy xoay được nhưng anh vẫn phải giữ chắc lấy nó. Những ốc vít có nhiệm vụ cố định các bộ phận lại với nhau đã bị tháo hoặc nới lỏng, anh có cảm giác toàn bộ quả nắm sắp sửa rụng rời trong tay mình. Chốt nhả ra với một tiếng “cạch”. Anh khẽ khàng đẩy cửa.

Cánh cửa thông với một phòng khách nhỏ. Có người đã dùng dao rạch hết đệm trên chiếc xô pha da màu nâu xập xệ. Những đụn bông nhồi trắng

xóa bay tứ tung. Máy sưởi không bật.

“FBI đây. Yêu cầu anh chị bước ra ngoài!” Giọng nói của anh âm vang khắp nhà, kiểu tiếng vọng chỉ xuất hiện ở những nơi trống vắng đã chìm vào quên lãng.

Anh tiến vào trong.

Trên tường kín đặc chữ graffiti. Chữ ký của các băng đảng, tên người, và những câu từ được xịt bằng sơn đủ màu sac: Dasha Loves You, Little Mix, X-Train Chirps. Phân nửa trong số đó Poole không thể luận ra được ý nghĩa.

Phía sau nhà, cửa hậu bật tung với một tiếng “rắc” rõ to. Diener đi vào bếp, tay lăm lăm vũ khí, họng súng chĩa lên trần. Anh ta gật đầu với Poole rồi rẽ sang hành lang bên phải. Anh ta rút từ trong túi ra một cái đèn pin nhỏ, bật lên rồi cầm ở dưới khẩu súng, chiếu luồng sáng dọc theo hành lang.

Poole băng qua phòng và đi theo Diener. Tấm thạch cao ốp tường ở hành lang đã bị ai đó đấm hoặc đá vào, thủng lỗ chỗ từ trên xuống dưới. Hẳn là có người định tìm kiếm thứ gì đó giấu trong tường, hoặc là bọn choai choai đập phá, chẳng có cách nào biết chắc được. Một tấm thảm vốn là màu vàng kim nay đã chuyển sang màu nâu đất, nồng nặc mùi nước tiểu.

Bước vào phòng ngủ thứ nhất, họ trông thấy một tấm đệm trên sàn, xung quanh đầy vỏ hộp thức ăn và đồ uống. Một tấm chăn dồn lại thành đống ở góc phòng. Ai đó đã dán giấy báo lên cửa sổ đằng sau những tấm rèm kéo kín. Phòng tắm có người dùng cách đây không lâu, nhưng vì không có nước nên bồn cầu đầy ụ những thứ tởm lợm đã đóng băng mà Poole không muốn nghĩ đến. Bồn tắm có số phận cũng hẩm hiu chẳng kém. Mấy

cánh cửa tủ đồ đã không còn, phơi ra những đường ống bằng nhựa khô nứt bên trong.

Họ chuyển sang phòng ngủ thứ hai.

Phòng này không có đệm mà chỉ có một cái túi ngủ rách rưới và cái bếp nướng cũ kĩ chạy bằng ga của dân cắm trại. Ai đó đã dùng nó để nấu ăn hoặc sưởi ấm, mà cũng có thể là cả hai. Trong phòng bốc mùi hôi của cần sa để lâu.

Hai người trở lại phòng khách. Bên dưới không có tầng hầm. Ngôi nhà chìm trong hoang phế.

“Tôi nghĩ nơi này là chỗ tá túc của đám người vô gia cư, mà cũng có thể là địa điểm tụ tập của tụi thiếu niên trong vùng. Dùng làm nơi tập kết thư cũng hợp lý.” Poole cất súng vào bao. “Nhà bị bỏ hoang lâu chưa?”

Diener quay lại bếp, lục lọi các ngăn kéo và tủ chén bát. “Hơn một năm.” Anh ta nhìn xuống ống thoát nước ở bồn rửa. “Có kẻ đã đổ bê tông vào đường ống này.”

“Bọn choai choai thỉnh thoảng vẫn làm thế.” Poole nói, chăm chú quan sát những chữ graffiti trên tường phòng khách.

Diener tiếp tục nói. “Tôi không tìm được nhiều thông tin về ngôi nhà. Người chủ đầu tiên đã mất, để lại ngôi nhà cho ba đứa con. Họ đều sống ở bang khác. Nhà đã được rao bán. Tôi nghĩ họ cũng định cho thuê, nhưng không có khách.” Anh ta lôi ra từ bên dưới bồn rửa một con chuột chết, cầm đằng đuôi và quẳng sang bên kia phòng. “Chẳng hiểu tại sao luôn. Nơi này đẹp đấy chứ.”

Poole lờ con chuột đi khi nó rơi bịch xuống sàn gần chân anh. “Ở đây có thể có manh mối nào đó.” Anh rọi đèn pin theo những chữ graffiti.

Diener tiến tới, bước ra trước ánh đèn. “Trông giống những thứ tạp nham của bọn trẻ ranh hơn. Mấy trò đập phá, băng nhóm các kiểu.”

Poole chỉ vào một cụm chữ nhỏ được viết bằng bút dạ đen.

Bởi tôi chẳng dừng chân vì Thần Chết
Nên ân cần Người dừng lại vì tôi.
Cả cỗ xe chỉ vẻn vẹn hai người
Cùng Bất Tử.

“Không phải trẻ ranh đâu, nó là bốn câu trong bài thơ *cỗ xe* của Dickinson*. Còn đây nữa.” Anh tìm thấy một bài khác, được viết bằng nét chữ giống hệt.

Luận ý nghĩa sống chết
Cứ xem nước và băng
Nước đông kết thành băng
Băng tan lại về nước
Có chết tất có sinh
Sinh ra rồi phải chết
Băng - nước chẳng hại nhau
Sống - chết mãi song hành.

“Bài này là sáng tác của Hàn Sơn*, nhà thơ sống vào đời Đường ở Trung Quốc.” Poole nói.

"Anh làm thế quái nào mà biết hay vậy?"

"Hồi đại học, tôi yêu một cô thích tìm hiểu về Phật giáo. Cô nàng rất hay trích dẫn thơ trong một thi tập, trong đó có bài này."

"Thảo nào. Mà sao mấy chữ kia lại gạch chân nhỉ?"

Poole ngẫm nghĩ một lúc rồi lắc đầu. "Chịu."

Diener đi dọc theo bức tường thêm một đoạn. "Ở đây còn nữa này, vẫn nét chữ ấy."

Trở lại Nhà xưa, ta quay về chốn cũ
Níu kéo mà chi những ảo vọng một thời
Nào có đâu xa, ẩn trong từng khoảnh khắc
Là những niềm vui ngỡ đã mất giữa đời.
Từ đại dương xanh nơi khởi nguồn cái chết
Sự sống trào tuôn tựa mật ngọt của trời
Trong sinh có tử, trong tử tất có sinh
Sao phải sầu bi, nào có gì đáng sợ?
Chim vẫn hót vang khúc ca hằng bất tử!
Ngày lại sang đêm như dòng triều Vĩnh Cửu
Dìu dặt phủ lên khắp nơi chốn tinh cầu.

Poole nhíu mày. "Bài này hình như có nguồn gốc từ Tây Tạng, nhưng cũng có thể tôi nhầm. Mà tôi chưa rõ vì sao lại gạch chân mấy chữ *Nhà, chết* và *sợ.*"

Diener đưa tay gãi gáy. "Trẻ ranh thông minh đến mấy vẫn cứ là trẻ ranh. Tôi không nghĩ mấy thứ này có mối liên hệ nào đó với Libby McInley."

Poole rút điện thoại ra, chuẩn bị chụp ảnh bức tường. "Hay anh sang hỏi chuyện hàng xóm quanh đây? Tôi muốn chụp lại chỗ này, phòng khi cần đến."

Anh chàng đặc vụ khịt mũi. "Thôi đi, lần trước tôi đã phải lặn lội đi thẩm vấn hàng xóm quanh hiện trường vụ sát hại Libby McInley trong khi anh ngồi lì một chỗ ở Sở, mưa không đến mặt, nắng chẳng đến đầu. Nếu bây giờ cần người đi gõ cửa hỏi han từng nhà dưới cái lạnh tê tái kia, thì người đó phải là anh."

Poole ngần ngừ đưa mắt nhìn bức tường.

"Yên tâm, tôi sẽ chụp kĩ đến từng centimet." Diener trấn an.

Poole gật đầu, sau đó anh quay lại cửa trước và bước ra ngoài giữa trời đông buốt giá.

CHƯƠNG 57

Người đội mũ len đen

Ngày 3 • 1:35 chiều

Gã đàn ông đội mũ len đen đưa tay lên thái dương và ấn chặt. Muôn vàn ý nghĩ nện ầm ầm trong đầu hắn, vẫy vùng tìm cách thoát ra, khiến hắn đau đớn. Đau vô cùng. Hắn không hề nhận ra mình lại vừa gào thét, cho tới khi âm thanh ấy dần tắt lịm trên môi, chút nước dãi rỉ xuống cổ áo nỉ hắn đang mặc. Hắn mở mắt, ánh sáng ngoài cửa sổ lập tức tràn vào, cứa lên đồng tử của hắn, võng mạc của hắn, một cơn đau nữa lại ập đến, trùm lên cơn đau vừa mới đây.

Hắn lóng ngóng cạy nắp lọ thuốc kê toa đang cầm trong tay trái, cái nắp trắng có chức năng chống trẻ nhỏ cứ trượt khỏi những ngón tay nhẫy máu, phải cố đến lần thứ ba hắn mới mở được. Hắn dốc ra hai viên, bỏ vào miệng rồi nuốt chửng, viên thuốc khô như phấn sàn sạn trôi xuống họng.

Cái lọ rơi xuống mặt bàn, chỗ thuốc còn lại đổ ào ra trên những bức vẽ của hắn, vài viên lạch cạch lăn xuống sàn. Hắn mặc kệ.

Hắn cúi nhìn bàn tay trái, nhìn những ngón tay lấm máu. Hắn gãi vết mổ trên đầu đến tứa máu, vậy mà vẫn chưa đủ. Khi hắn ngừng gãi, cảm giác nhẹ nhõm thoáng qua trong một hoặc có thể là hai giây. Sau đó cơn ngứa lại nổi lên, bắt đầu từ tai trái rồi lan dần ra phía sau đầu, như thể có đến hàng ngàn con côn trùng nối đuôi nhau di chuyển trong cuộc hành quân chết chóc dưới da hắn, chui sâu vào đầu hắn.

Lũ côn trùng gặm nhấm suy nghĩ của hắn. Giờ hắn hiểu ra rồi. Chúng ăn những ký ức của hắn để tồn tại. Chính vì thế việc ghi nhớ mọi thứ với hắn mới khó khăn đến vậy. Chúng ngốn ngấu và sinh sôi nảy nở, mức độ ngứa ngáy tỉ lệ thuận với số lượng côn trùng, hồi đầu chỉ đôi ba con, nhưng giờ thì nhiều không kể xiết.

Hắn với lấy cái điện thoại nhưng vồ hụt. Hắn chộp lấy nó và nhấn số máy đầu tiên được cài đặt trong danh sách gọi nhanh, số máy của *người đó.* Số máy duy nhất hắn có. Đầu dây bên kia vang lên một hồi chuông, rồi hai hồi, ba hồi…

Thuê bao quý khách vừa gọi hiện chưa đăng ký dịch vụ hộp thư thoại, vì vậy tạm thời không thể nhận tin nhắn thoại. Xin quý khách vui lòng gọi lại sau.

Hắn nhấn nút kết thúc, sau đó gọi lại lần nữa. Ba hồi chuông…

Thuê bao quý khách vừa gọi hiện chưa đăng ký…

Hắn ngắt máy. Hắn muốn ném bay cái điện thoại sang bên kia. Hắn muốn chứng kiến cảnh món đồ nhựa rẻ tiền vỡ tan thành muôn mảnh khi đập vào tường. Nhưng hắn không làm vậy. Hắn không thể.

Hắn cần một đứa con gái khác.

Hắn cần người đó mang đến cho hắn đứa con gái khác.

Đứa có thể nhìn thấy được. Đứa sẽ sớm nhìn thấy được.

Mọi vật xung quanh hắn trở nên rõ nét hơn khi thuốc bắt đầu có tác dụng, hắn nhìn bức tranh đang đặt trước mặt mình. Hắn nhớ chính tay hắn đã vẽ bức tranh này, cảnh con gái hắn đạp xe trên vỉa hè bên ngoài nhà. Chuyện xảy ra cách đây chưa lâu lắm, mới mùa thu năm ngoái chứ đâu xa, vào quãng thời gian những chiếc lá đầu tiên lìa cành. Nhưng bức tranh

không chính xác, chiếc xe đạp phải là màu đỏ mới đúng. Bàn tay phải của hắn nắm chặt cái áo len mềm mại của con gái. Hắn không nhớ mình đã nhặt lên khi nào, chỉ biết rằng lúc này đây, cái áo đang bị vo viên trong tay hắn, ngón trỏ chọc vào phần cổ áo bé nhỏ.

Hắn đưa cái áo lên mũi ngửi.

Không thấy mùi gì cả.

Hắn không biết chính xác khứu giác rời bỏ hắn từ bao giờ, chỉ biết là mới đây thôi, có lẽ chỉ vài ngày trước.

Con bé biến mất cùng với các giác quan của hắn, suy nghĩ của hắn, ký ức của hắn, trong lúc đó lũ côn trùng mặc sức đánh chén.

Bới đống đồ nằm la liệt trên bàn, hắn tìm thấy cây bút dạ màu đỏ và mở nắp ra. Hắn dè dặt hạ đầu bút lên giấy, nhắm vào phần khung xe bằng kim loại. Hắn biết cơn run rẩy thế nào cũng xuất hiện, và hắn chờ đợi điều đó, máu dồn lên khiến mặt hắn nóng bừng trong lúc cảm giác hồi hộp dần tích tụ dưới da thịt. Đầu bút chạm xuống mặt giấy, tay hắn vẫn vững khi hắn thận trọng đi từng nét. Nước mắt cứ thế ứa ra trong lúc hắn tô màu bức vẽ, tay hắn đã tìm lại được cảm giác ngày xưa, vững vàng và đầy tự tin. Những giọt lệ rơi trên bức tranh, trên hình cô con gái cưỡi chiếc xe đạp mới coóng.

Từ dưới tầng hầm vọng lên một tiếng kêu nghẹn ngào, nhưng hắn mặc kệ.

Hắn căm ghét đứa con gái đó vì những gì cô ta đã làm.

Không còn toàn vẹn.

Không thể thấy được.

Một kẻ vô dụng.

Cô ta sẽ phải trả giá cho những tội lỗi của mình. Cô ta sẽ bị thiêu cháy.

Tô xong chiếc xe đạp, hắn chuyển sang tô cái áo len, giống hệt với cái áo hắn đang cầm trên tay. Áo len màu đỏ, luôn là như thế. Hắn tô cái áo bằng những nét bút thận trọng của ngày xưa, trước khi tất cả những chuyện này xảy ra, khi mọi thứ vẫn tốt đẹp.

Ngay cả cơn ngứa cũng qua rồi. Tuy chưa hết hẳn nhưng đã dịu đi nhiều, hắn tự nhủ sẽ không gãi lên vết mổ ấy nữa. Không thể mạo hiểm khiến vết thương lại toác ra.

Một tiếng rên lại vọng lên từ tầng hầm, lần này to hơn, rõ hơn.

Cảm giác ngứa ngáy nhói lên chỉ một giây. Chưa đến mức phải gãi. Hắn sẽ không gãi.

Hắn tô nốt cái áo len rồi với lấy cây bút dạ màu xanh dương để tô bầu trời. Trời thu ở Chicago thường xám xịt, âm u, nhưng chuyến đạp xe này là một kỷ niệm đẹp, và kỷ niệm đẹp thì phải đi liền với bầu trời xanh.

Hắn mải mê tô vẽ nên không trông thấy qua cửa sổ có người đang sang đường, không thấy người đó đi về phía nhà mình. Hắn không mảy may chú ý đến người đó, cho tới khi nghe tiếng gõ cửa rầm rầm vang lên dưới nhà.

Vết mổ lại ngứa ran khi lũ côn trùng xáo xác chạy đi tìm nơi trú ẩn trên những cặp chân tí hon.

CHƯƠNG 58

Porter

Ngày 3 • 1:36 chiều

"Tôi nghĩ bà ta đọc xong rồi." Sarah nói, ngón tay ép lên đôi môi đang hé mở.

"Cô nghĩ vậy ư?" Porter thở hắt ra một hơi.

Jane Doe đứng đó, toàn thân bất động, cuốn nhật ký bị bàn tay mụ đè chặt lên cửa sổ, tiếng đập vừa rồi vẫn còn âm vang khắp phòng.

Sarah dợm bước đi ra cửa. "Đợi tôi một lát. Để tôi nói chuyện với bà ta rồi anh hẵng vào, nhé?"

Porter gật đầu, nhìn chằm chằm vào người đàn bà phía bên kia tấm kính. Anh biết mụ không thể trông thấy mình, nhưng điều đó vẫn chẳng thay đổi được cảm giác cứ như mụ đang nhìn thẳng vào anh. Cơn thịnh nộ hừng hực cháy trong mắt mụ, cặp mắt u tối và đầy ám ảnh, ấy vậy mà nhịp thở của mụ có vẻ vẫn điều hòa. Anh không tài nào đọc vị được mụ. Lúc này tim mụ có thể đang đập dồn, mà cũng có thể chậm rãi, nhịp nhàng. Anh nghĩ là vế sau thì đúng hơn. Trong từng ấy năm lăn lộn với nghề, anh đã gặp nhiều người có khả năng kiểm soát cơ thể ở một mức độ nào đó, chẳng hạn như các phản ứng sinh lý, họ tập luyện để giữ bình tĩnh khi phải đối mặt với những cảm xúc tiêu cực. Nhưng đôi mắt họ thì khác, chúng không có cách nào giấu được.

Sarah xuất hiện phía bên kia tấm kính, thoạt tiên Jane có vẻ không để ý đến cô. Mụ vẫn đứng im như tượng. Chỉ đến khi cô luật sư ngồi xuống bên bàn thì mụ mới quay lại. Mụ bước tới ngồi cạnh cô, đặt cuốn nhật ký lên bàn.

Mụ nhoài người sang, thì thầm gì đó vào tai cô.

Sarah giật mình ngẩng lên, có thể đây là lần đầu tiên cô nghe thân chủ của mình lên tiếng. Mụ nói quá bé nên anh không nghe được, sau đó Sarah đứng dậy bước tới chỗ bảng điều khiển camera ở góc phía xa. Porter quan sát cô gạt hai công tắc trên tường. Cái thứ nhất tắt chức năng truyền hình ảnh, cái thứ hai tắt tiếng. Bầu không khí tĩnh lặng như dưới mồ bao trùm khắp phòng quan sát, Sarah hướng mắt về phía anh từ bên kia tấm kính, ánh nhìn hơi lệch sang trái vì cô không rõ vị trí hiện tại của anh, sau đó cô quay lại chỗ ngồi bên cạnh Jane Doe.

Lúc này người đàn bà mới mỉm cười với anh, nụ cười tuy mờ nhạt nhưng không thể lẫn vào đâu được. Rồi mụ lại quay sang luật sư, rướn người về phía cô.

Porter quan sát môi họ mấp máy, một thước phim câm đang diễn ra trước mắt anh, bàn tay họ, điệu bộ cơ thể họ đang kể một câu chuyện anh không nắm bắt được. Jane đã hơn một lần nhắc đến cuốn nhật ký, lật tới trang nọ trang kia, rà ngón tay trên những dòng chữ trong lúc nói với người bên cạnh. Sarah Werner chăm chú lắng nghe tất cả. Cô gật đầu, lắc đầu, rồi nhíu mày. Cô đọc những phần trong nhật ký mà người đàn bà kia chỉ cho. Porter muốn cầm ghế phang vỡ kính và trèo sang căn phòng đó. Muốn hơn bất cứ thứ gì trên đời.

Cuối cùng, gần ba mươi phút sau, Sarah đứng dậy và rời khỏi phòng. Thân chủ của cô vùi mặt vào hai bàn tay.

Cửa phòng quan sát mở ra, Sarah ló đầu vào. “Sang đây đi, bà ta đồng ý nói chuyện với anh rồi.”

Porter chợt nhận thấy tay mình đang run rẩy. Phòng quan sát chắc chỉ khoảng mười tám độ là cùng, vậy mà mồ hôi vẫn rịn ra trên trán anh.

“Anh ổn chứ?”

Anh gật đầu và đi ra cửa.

Cô đi trước anh, rẽ sang trái để về phòng thẩm vấn. Quản giáo đứng gác ngoài hành lang ban nãy đã được thay bằng người khác. Trẻ hơn, người gốc Mỹ La Tinh nói tiếng Tây Ban Nha. Anh ta nhìn họ bằng ánh mắt thờ ơ rồi lại hướng sự chú ý vào một điểm hay ho thú vị nào đó trên sàn.

Porter bước vào, lại ngồi xuống ghế đối diện với Jane. Sarah ngồi cạnh mụ. Quản giáo đóng cửa lại sau lưng họ.

Jane đẩy cuốn nhật ký sang bên kia bàn để trả cho Porter, đầu ngón tay mụ nấn ná trên tấm bìa màu trắng đen của cuốn sổ. “Chuyện không phải như trong này viết đâu.”

Anh không rõ mình mong chờ giọng nói của mụ sẽ thế nào. Có lẽ là gay gắt và hống hách. Nhưng thực tế thì hoàn toàn trái ngược. Lời nói thốt ra trơn mượt tựa cây vĩ lướt trên dây đàn violin. Trong đó chẳng hề chất chứa sự giận dữ như anh tưởng. Mụ nói rất bình tĩnh, điềm đạm. Anh nhận thấy giọng mụ hơi pha giọng miền Nam.

“Không ư?”

Mụ buông cuốn nhật ký ra. Hai bàn tay gập lại đặt trên mép bàn, đầu hơi nghiêng sang trái. “Anson là đứa có trí tưởng tượng khá bay bổng, có thiên hướng nuông chiều bản thân.”

Bên kia bàn, Sarah ngồi im. Cô nhìn cuốn nhật ký, sau đó nhìn anh.

Porter nhoài người tới trước. “Bà có biết tôi có thể tìm được hắn ở đâu không?”

Mẹ của Bishop nhịp từng ngón tay, móng tay mụ gõ lách cách lên mặt bàn nhôm.

“Bà có biết hắn đang ở đâu không?”

Nụ cười lại xuất hiện, dù mụ đã cố kiềm chế, nó vẫn thấp thoáng nơi khóe miệng. “Đưa bút đây.”

“Tôi không có bút.”

Mụ cau mày. “Hẳn rồi. Bọn họ sợ một kẻ như tôi có thể sẽ dùng nó đâm một nhát vào cổ anh. Những kẻ nắm quyền lúc nào cũng đa nghi.” Mụ đá chân dưới gầm bàn. “Trong khi tôi lại không bị gông cùm, xiềng xích, sẵn sàng nhảy bổ vào người khác.”

“Đưa bút cho bà ta đi.” Anh nói với Sarah, mắt vẫn nhìn xoáy vào thân chủ của cô.

Cô nheo mắt lại. “Kìa Sam, tôi không cho rằng…”

“Làm ơn.”

Cô cứng người, giọng nói của anh khiến cô sững sờ. Cô thở hắt ra rồi cúi xuống lấy từ trong ca táp ra một cái bút bi xanh và đặt lên bàn trước mặt Jane.

Bà ta cầm bút và mở nắp. Bàn tay còn lại nhanh như cắt với sang bên kia bàn, làm Porter xô ghế ra sau, suýt nữa ngã ngửa. Anh lấy lại thăng bằng trong lúc mụ cầm lấy cuốn nhật ký và kéo về phía mình kèm theo tiếng cười khúc khích. “Cần gì phải giật mình thon thót thế, Sam. Tôi không mấy khi cắn đâu mà.”

Không hiểu sao nghe tên mình thốt ra từ miệng mụ khiến anh cảm giác như có ngón tay chết chóc đang lướt dọc sống lưng.

Mụ mở sổ và viết lên trang đầu tiên. Viết xong, mụ đóng nắp bút lại rồi trả cho Sarah, cô vội cất ngay vào ca táp.

Porter với lấy cuốn nhật ký và mở ra. "Thế này là sao?"

Mụ mỉm cười, sau đó nhổm dậy. "Giờ tôi muốn về buồng giam." Mụ đứng lên, đi ra cửa và gõ hai lần lên tấm kính.

Khuôn mặt quản giáo xuất hiện trên ô cửa sổ nhỏ, và một cánh cửa be bé cao tầm ngang thắt lưng mở ra. Mụ quay lại, đứng đối mặt với hai người trong phòng, hai tay đặt trước cánh cửa nhỏ. Quản giáo tra còng vào cổ tay mụ đang chìa ra rồi siết chặt với một tiếng "cách" sau lưng mụ. Mụ tiến lên trước, cửa bật mở. Quản giáo đặt tay lên vai mụ. "Chúng ta sẽ sớm nói chuyện lại, Sam ạ. Tôi mong đến lúc ấy lắm." Ra tới cửa, mụ dừng bước và nói thêm: "Hãy tìm ở nơi lũ quái vật ẩn náu, Thanh tra. Tại đó, anh sẽ có được câu trả lời."

Khi mụ nói xong, quản giáo dẫn mụ đi, tiếng giày êm ái của mụ vang vọng ngoài hành lang.

Sarah quay sang Sam. "Bà ta viết gì vậy?"

Anh xoay cuốn nhật ký lại để cô xem.

Số 12 đường Jenkins Crawl

*Simpsonville, NC**

CHƯƠNG 59

Poole

Ngày 3 • 2:03 chiều

Poole gõ cửa lần nữa, lần này to hơn.

Cơn gió lạnh cắt da cắt thịt khiến hai má và cổ anh tê cóng, anh nguyền rủa chính mình vì không quàng thêm khăn.

Vừa nãy anh đã gõ cửa nhà phía bên trái ngôi nhà hoang nhưng không thấy ai ra mở. Anh ghé mắt nhìn vào qua cửa sổ, xem ra họ đi vắng hết rồi. Một con chó phát hiện ra anh bèn ngẩng lên từ bên dưới tấm chăn trên sàn, sau đó lại ngả đầu xuống ngủ tiếp mà chẳng thèm sủa tiếng nào.

Ngôi nhà phía bên phải có người, nhưng bà ta không giúp được gì nhiều. Bà ta mở cửa, khẽ hừ một tiếng, tay túm chặt vạt áo choàng tắm dày màu hồng ôm lấy thân hình khá tròn trịa. Tiếng bình luận golf oang oang phát ra từ cái ti vi 75 inch sau lưng bà ta, nghe mà muốn thủng màng nhĩ. Món đồ ấy trông thật lạc lõng, quá to khi đặt trong phòng khách chật chội với cách bài trí lỗi thời. Những vỏ hộp đựng đồ của Amazon chất đống trông như sắp đổ ngay sát cửa ra vào, cạnh giá treo áo lủng lẳng hơn chục món, nào áo khoác, mũ mão, khăn quàng. Hai con chó nhỏ ngồi trên xô pha sủa ăng ẳng khi anh vừa gõ cửa, sự kích động của chúng càng tăng lên khi cửa mở ra và anh xuất hiện. Ngôi nhà có mùi như mùi phô mai.

Người đàn bà cau mày nhìn anh, để lộ hàm răng vàng khè sau cặp môi khô nẻ. “Có việc gì?”

Poole giơ phù hiệu lên. "Tôi là đặc vụ FBI. Tôi muốn hỏi bà vài câu liên quan đến nhà bên cạnh."

Bà ta không buồn để ý đến phù hiệu, mắt vẫn dán chặt vào anh. "Tôi chả biết cóc gì về nhà ấy." Bà ta quay lại nạt hai con chó. "Câm mẹ hết đi! Cả hai chúng mày!"

Chúng im lặng một lúc để lấy hơi, sau đó lại sủa tiếp.

"Bà có thấy ai ra vào ngôi nhà đó trong khoảng vài tuần trở lại đây không?"

"Bọn chủ có quan tâm quái gì đến cái nhà ấy đâu. Sau khi Hector chết, lũ con ông ta cứ để nó tan hoang, bọn ăn cháo đá bát. Lẽ ra ông ta nên để lại cho tôi mới phải. Tôi là người chăm ông ta khi căn bệnh ung thư bắt đầu ăn dần ăn mòn cơ thể, làm ông ta không đi mua bán gì được nữa. Là tôi đây này."

Poole không hình dung nổi tay nghề chăm sóc người bệnh của bà ta tốt đến mức nào. "Thế sau khi Hector mất thì ai ở nhà ấy?"

Bà ta đưa tay lên gãi má, khiến lớp da khô khốc ửng hồng. "Chẳng ai ở, chắc chỉ có đám trẻ ranh. Thà chúng cứ chơi bời ở đấy còn hơn lang thang ngoài đường, nên không ai ý kiến gì. Nếu mấy đứa con nhà Hector không thích cho chúng vào thì phải kiếm cái khóa nào chắc chắn hơn. Có thể là sơn lại cho tử tế. Hector sẽ không muốn để ngôi nhà ra nông nỗi ấy đâu."

"Vậy còn thư từ? Có ai trông chừng thư gửi đến cho các con ông Hector không? Tôi không thấy thư dồn đống trong hòm nên chắc phải có người lấy hộ."

"Cái ông ở bên kia đường nhận nhiệm vụ lấy thư hộ. Người cũng tử tế."

"Nhà nào?"

Bà ta chỉ tay. “Nhà sơn màu xanh lục kia kìa.”

Khi bà ta buông tay khỏi cái áo choàng, lớp vải bông sờn rách mở ra đủ để Poole kịp nhác thấy “nội thất” bên trong, và anh thầm ước phải chi mình đừng trông thấy gì.

Lúc này đây, anh đang đứng trước ngôi nhà sơn màu xanh lục bên kia đường.

Anh gõ cửa một lần nữa.

CHƯƠNG 60

Người đội mũ len đen

Ngày 3 • 2:04 chiều

Cốc cốc cốc.

Điếc cả tai.

Vết mổ đáng nguyền rủa ở bên trái đầu hắn nhức nhối vì âm thanh ấy, hắn những muốn gào lên, bảo chúng hãy thôi đi, đừng tiếp tục nữa. Nhưng tiếng gõ cứ vang lên hết lần này đến lần khác, càng lúc càng to, cho tới khi hắn ngồi đó bịt chặt lấy tai, cái bút dạ tuột khỏi tay hắn và rơi xuống sàn dưới chân hắn.

Hắn đứng dậy.

Hắn lảo đảo đi ra cửa căn phòng nhỏ, tới cầu thang, suýt trượt chân khi giẫm phải chỗ quần áo của con gái vứt bừa bãi khắp nơi.

Hắn thận trọng bước xuống từng bậc thang, chỉ bỏ tay khỏi tai để vịn vào lan can.

Từng tiếng gõ cứ văng vẳng trong đầu hắn.

Cơn đau này còn tồi tệ hơn cả lúc đau nửa đầu. Tệ hơn cả khi bị chọc mù mắt.

Hắn muốn nó chấm dứt.

Cần nó chấm dứt.

Hắn xuống đến bậc cuối cùng, loạng choạng bước trên tiền sảnh để ra cửa chính. Khi đến nơi, khi ngón tay hắn cầm lấy quả nắm bằng đồng, hắn hít một hơi thật sâu. Hắn lấy hơi vào hai lá phổi, vào từng cơ bắp, thớ thịt. Hắn ép luồng không khí dễ chịu ấy lấp đầy cơ thể, xoa dịu cơn đau. Cảm giác nóng rực trên má hắn tan đi. Cơn đau cũng đỡ dần. Tâm trí trở nên sáng suốt hơn.

Hắn cố nặn ra một nụ cười trên khuôn mặt và mở cửa.

CHƯƠNG 61

Poole

Ngày 3 • 2:04 chiều

Khi cửa mở, Poole đang mải nhìn xuống chiếc phù hiệu cầm trong tay trái, tay phải giơ lên định gõ tiếp.

Khi cửa mở, Poole không hề biết người vừa xuất hiện là Anson Bishop. Anh không ngước lên nhìn mặt đối phương, mãi cho tới một giây sau khi hắn trông thấy phù hiệu của anh.

Anh chỉ kịp nhận ra sai lầm của mình ngay trước khi Bishop túm lấy cổ áo khoác của anh, kéo tuột anh vào bên trong ngôi nhà sơn xanh với sức mạnh của một người hành động hoàn toàn dựa vào adrenaline. Anh chỉ kịp nghe thấy năm từ thốt ra khỏi miệng Bishop trước khi hắn lôi anh vào nhà, xô mạnh anh về phía cái bàn nhỏ ở hành lang, khiến anh ngã lăn trên sàn.

"Anh không phải Sam Porter."

CHƯƠNG 62

Người đội mũ len đen

Ngày 3 • 2:04 chiều

Hắn mở cửa.

Có hai người đang đứng trên hiên nhà. Hai thiếu niên, một trai một gái, khoảng mười sáu tuổi.

Cậu con trai là người mở lời. Cậu ta mặc áo sơ mi trắng, thắt cà vạt đen, mặc áo phao lông vũ. "Chào chú. Hôm nay chúng cháu ghé nhà chú và hàng xóm quanh đây để truyền bá chân lý. Cháu xin phép hỏi, chú theo tôn giáo nào vậy? Chú là tín đồ Tin Lành ạ? Hay là Cơ Đốc?"

Cô gái đang nhìn vết thương trên đầu hắn, mỉm cười gượng gạo.

Hắn kéo cái mũ len đen xuống thật thấp, cố hết sức để che đi vết mổ nhiễm trùng. Hắn mỉm cười đáp lễ. "Gần… gần đây chú mới phẫu thuật. Xin lỗi, mọi khi chú vẫn che kín. Trông vết thương khá… đáng sợ."

Cậu trai đưa mắt nhìn cô gái rồi lại nhìn hắn. "Nếu lúc này chú vẫn còn được ở đây với chúng cháu, vậy rõ ràng là Chúa không muốn mang chú đi. Sẹo không có gì đáng sợ. Chúng là dấu hiệu của sự hàn gắn, minh chứng của đức tin, và cả những thử thách trên con đường đi tìm hai điều ấy."

Gã đàn ông đội mũ len đen gật gù, cơn đau và cảm giác ngứa ngáy gần như không còn. "Hai cháu có muốn vào nhà ngồi không? Cho khỏi lạnh?"

Cô gái di di chân. Cô đan tay mình vào tay cậu con trai bên cạnh.

Cậu ta mỉm cười. “Dạ có ạ.”

CHƯƠNG 63

Poole

Ngày 3 • 2:05 chiều

Cái bàn nhỏ vỡ tan tành, bả vai Poole đau đớn như thiêu đốt, anh ngã xuống sàn, những mẩu gỗ rơi như mưa quanh anh.

Bishop một tay đỡ đầu gối anh, tay kia đặt ngay dưới vai anh, hắn nhấc anh lên, xoay nửa vòng rồi ném về phía bức tường đối diện. Poole cảm thấy đầu mình đập vào tường trước, sau đó mới đến sàn gỗ cùng với một tiếng “bịch” trầm đục. Mọi thứ trước mắt anh sáng trắng lên, sau đó là cơn đau khủng khiếp đến nỗi anh tưởng như ngất đi. Nó bắt đầu từ vai, ngay dưới cổ, rồi lan xuống cánh tay.

Poole nằm sõng soài trên sàn, báng súng chọc vào phần da thịt mềm yếu dưới cánh tay anh.

Bishop tung chân đá vào mạng sườn anh.

Một cơn đau mới dậy lên, còn ghê gớm hơn cả lần trước.

Qua cặp mắt giờ đã mờ đi, anh trông thấy Bishop lùi lại và nhặt lấy một cái chân bàn gãy. Hắn khuỵu xuống cạnh anh. “Anh phải thứ lỗi cho tôi, tôi đâu ngờ lại có khách đến nhà thế này. Nếu mà biết anh qua thì tôi đã mua sẵn một món ngon ngon ở tiệm bánh trên phố rồi. Họ làm bánh scone* tuyệt lắm, không bị ngọt quá. Tôi tin bếp trưởng đã cho thêm vào đó chút mật ong, nhưng cô ta khá kín tiếng, chẳng chịu nói thật gì cả.”

Bishop giơ cao cái chân bàn rồi giáng mạnh lên gáy Poole. Mọi thứ tối sầm.

CHƯƠNG 64

Người đội mũ len đen

Ngày 3 • 2:05 chiều

Người đội mũ len đen dẫn hai thiếu niên vào trong và đề nghị cất áo khoác cho họ. Cậu con trai cởi áo rồi đưa cho hắn. Cô gái thì không. Cô thậm chí còn không mở phéc-mơ-tuya.

Hắn mỉm cười với cả hai. “Chú đang định pha sô cô la nóng. Các cháu uống cùng chú cho vui nhé? Những hôm lạnh mà được cốc sô cô la nóng thì còn gì bằng. Chúng ta vào bếp ngồi cho thoải mái, sau đó hai cháu có thể nói cho chú nghe về hệ phái của mình.”

Hắn không đợi nghe câu trả lời mà cứ thế quay người đi ra hành lang ngắn thông với bếp. Cậu trai theo sau, cô gái đi cuối cùng. Tiếng chân của cô, sự do dự ẩn trong đó, mới là thứ hắn chú ý lắng nghe. Cô đi đôi bốt đế cứng.

Khi vào trong bếp, hắn kéo ra hai cái ghế kê cạnh bàn. “Hai cháu ngồi đi, cứ tự nhiên nhé. Chỉ một phút là xong thôi.”

“Chú tốt quá.” Cậu con trai nói.

Qua khóe mắt, gã đàn ông mũ đen quan sát cậu ta kéo ghế ra xa hơn chút nữa cho cô gái. Cô liếc cậu ta một cái rồi ngồi xuống. Cô khẽ nói “Cảm ơn”.

“Các cháu cho chú biết tên được không?”

Hắn lấy từ trong cái tủ phía trên bếp ra một cái ấm sâu lòng bằng đồng, đổ ít sữa vào rồi bắc lên bếp ga. Ngọn lửa xanh nhảy nhót dưới đáy ấm.

"Cháu là Wesley Hartzler, còn đây là bạn cháu, Kati Quigley." Cậu con trai nói, đặt mấy tài liệu lên bàn rồi gập hai bàn tay lại.

Tạp chí *Tháp Canh* và *Tỉnh Thức.*

"Nhân chứng Jehovah à?"

"Chú cũng biết ạ?" Cô gái hỏi. Tay cô cũng đặt lên bàn nhưng vẫn đi đôi găng dày, ngón tay liên tục động đậy vì căng thẳng.

Giọng nói của cô thật ngọt ngào. Trong trẻo như tiếng chuông pha lê.

Hắn mở ngăn kéo bên trái, lấy ra cái thìa gỗ to rồi bắt đầu khuấy sữa. "Chú biết đến những lời dạy của Chúa với nhiều hình thức khác nhau. Nhưng phải thú thật, thành viên của Nhân chứng đến các gia đình để truyền giáo hầu hết là những người lớn tuổi hơn các cháu nhiều."

"Chúng cháu đã mười sáu rồi ạ. Tuổi này đủ chín chắn để truyền bá tư tưởng chứ chú." Cậu ta nói.

"Wesley, phải không nhỉ?"

"Dạ vâng."

"Chú không thể không đồng ý với cháu. Giới trẻ ngày nay có rất nhiều điều đáng để người lớn học tập, thế mà các cháu lại hay bị xem nhẹ."

Hắn đem đến ba cái cốc có quai, tìm hộp bột ca cao tổng hợp pha nóng hiệu Godiva vẫn cất ở cái tủ phía trên bếp, xúc vào mỗi cốc một phần thật đầy. Khi sữa bắt đầu sôi lăn tăn, hắn rót đều vào ba cốc, sau đó cho thêm một giọt vani. "Ngày xưa mẹ chú cũng pha ca cao và cho thêm vani như thế này. Bao nhiêu năm rồi mà chú vẫn không bỏ được thói quen ấy. Vani mang đến chút bí ẩn, hứa hẹn điều gì đó đặc biệt."

Hắn đặt hai cốc ca cao lên bàn cho hai vị khách, sau đó lấy cốc thứ ba cho mình và quay lại bàn. Hắn ngồi xuống, mỉm cười với họ. "Thời nay, việc truyền giáo chắc khó khăn, vất vả lắm. Có quá nhiều người lầm đường lạc lối. Hẳn là rất nản."

"Chú theo tôn giáo nào vậy ạ, thưa chú…?" Kati Quigley hỏi. Cô tháo găng ra rồi áp hai tay lên cốc. Hắn nhận thấy cô không uống.

"Các cháu cứ gọi chú là Paul." Hắn mỉm cười với cô và nhấp một ngụm ca cao.

"Giống tên của vị tông đồ." Wesley nói, sau đó cũng uống cốc ca cao của mình.

"Đúng vậy." Hắn đưa ống tay áo lên lau miệng. "Có thể nói, chú tìm hiểu khá kĩ những vấn đề liên quan đến tôn giáo. Chú học hỏi từ nhiều nguồn, chỗ này một ít, chỗ kia một ít. Chú nhận thấy rằng những điều mình tự khám phá cũng giúp khai sáng con người chẳng kém gì thánh kinh."

"Hội đường của chúng cháu chỉ cách đây khoảng hơn một cây số. Chú nên đến tham dự. Chúng cháu thường tổ chức các buổi nhóm họp mở vào tối thứ Bảy hằng tuần, bắt đầu từ tám giờ và chỉ kéo dài khoảng một tiếng thôi. Cháu tin mọi người đều rất muốn lắng nghe quan điểm của chú đấy." Wesley uống một ngụm ca cao nữa. Một giọt đọng lại bên khóe miệng cậu ta. "Ca cao ngon lắm ạ."

Bên cạnh cậu ta, Kati bỗng nhiên giật mình, nheo mắt nhìn bạn.

Cậu ta vừa đá vào chân cô dưới gầm bàn sao?

Wesley tiếp tục nói. "Sau buổi hội họp, thường thì mọi người sẽ cùng nhau thưởng thức bánh trái và một số món ăn nhẹ. Chú có thể chia sẻ công thức làm món ca cao nóng của mình."

"Nghe có vẻ hấp dẫn quá."

Kati đưa cốc lên môi. Hắn nhìn cô ngửi ngửi món đồ uống nóng hổi. Cô dè dặt uống một ngụm nhỏ. "Ừmm… ca cao ngon tuyệt." Cô đặt lại cốc xuống bàn, xoay chiếc cốc vài lần rồi thả tay lên lòng.

"Các cháu thích là chú vui rồi."

"Chú có gia đình không ạ, chú Paul?" Kati hỏi.

"Chú có đứa con gái bằng tuổi cháu. Đôi lúc con bé cũng hơi rụt rè, nhút nhát."

"Ồ, cháu thực ra không nhát đâu."

"Không ư?"

Kati lắc đầu, lại nhấp thử một chút ca cao nóng. Hắn không biết cô có uống thật không hay chỉ đưa lên miệng giả vờ như đang uống.

"Kati một khi đã quen thì sẽ nói suốt ngày đấy ạ." Wesley chen vào.

"Con gái chú đâu ạ? Bạn ấy có nhà không chú?" Kati đảo mắt nhìn quanh bếp.

"Nó đang nằm nghỉ ở trên gác. Dạo này con bé không được khỏe."

"Cô nhà thì sao ạ?"

Gã đàn ông đội mũ len đen cụp mắt xuống. "Vợ chú mất khi sinh con bé. Nhiều chuyện… phức tạp lắm."

"Chúa có…"

Hắn xua tay với cô. "Chú hiểu rất rõ Người có những lý do thần bí của riêng mình."

"Tất cả đều là thử thách. Người đang thử thách chú. Thử thách đức tin của chú." Wesley nói.

“Rất có thể là thế, nhưng nghĩ theo hướng đó cũng chẳng làm nỗi đau vợi đi chút nào. Hai cháu đã bao giờ mất đi người thân chưa? Một người vô cùng quan trọng đối với các cháu ấy?”

Wesley và Kati đưa mắt nhìn nhau, sau đó lắc đầu.

“Các cháu còn trẻ quá. Hy vọng rằng sẽ rất, rất lâu nữa các cháu mới phải nếm trải những nỗi đau như thế. Hy vọng rằng Chúa không có lý do gì để chú ý đến ai trong hai cháu. Còn nếu có, hy vọng cháu sẽ gặp Người vào một ngày tươi đẹp.”

“Ngày nào cũng là ngày tươi đẹp khi có Chúa ở bên.” Wesley đáp.

“Ừ… có lẽ vậy.”

“Chú sẽ dẫn theo con gái đến Hội đường Vương quốc chứ ạ?” Kati hỏi.

Hắn mỉm cười với cô. “Chú tin con bé không mong gì hơn thế.”

Wesley uống nốt chỗ ca cao nóng và làm bộ khoa trương đặt cái cốc rỗng lên bàn. “Ừm, chú Paul này. Có lẽ xin phép chú cho chúng cháu lên đường tiếp thôi. Hôm nay chúng cháu còn phải ghé qua nhiều nhà nữa.” Cậu ta đẩy tập sách nhỏ sang bên kia bàn. “Địa chỉ hội đường của chúng cháu có in ở mặt sau đấy ạ. Như cháu có nói với chú ban nãy, nó nằm cách đây không xa. Chúng cháu rất mong được gặp chú. Chú và con gái chú.”

Gã đàn ông đội mũ len đen uống nốt chỗ ca cao rồi đưa tay gãi vết thương bên đầu. Cơn đau nhức nhẹ lại bắt đầu dậy lên từ đó. “Wesley này, cháu nói xem, Nhân chứng Jehovah cho rằng điều gì sẽ xảy ra với linh hồn sau khi chết?”

Wesley đang nhổm dậy. Cậu ta đưa mắt nhìn Kati rồi lại ngồi xuống. “Chúng cháu tin rằng khi thể xác chết đi thì linh hồn cũng chết theo, đó là sự trừng phạt dành cho những tội lỗi mà Adam và Eva phạm phải khi xưa.”

“Vậy là, không có thiên đàng? Cũng chẳng có địa ngục?”

“Ồ, thiên đàng thì có, nhưng Chúa chỉ cho phép linh hồn của một trăm bốn mươi bốn ngàn người được lên đó cùng Người, được trị vì dưới sự chở che của Đấng Christ, để chung tay dựng xây thiên đàng nơi trần thế.”

“Thế những linh hồn còn lại thì sao?”

Kati khoanh tay trước ngực. “Trong sách *Sáng thế* chương ba, câu mười chín, Chúa có nói rằng: “Rồi ngươi sẽ trở về với đất, bởi từ đất mà ngươi được sinh ra. Thân là đất nên lại về với đất”.”

“Vậy là không có hy vọng.” Hắn khoát tay ra hiệu quanh phòng. “Dù có tất cả những thứ này, ta vẫn chẳng là gì ngoài cát bụi. Tất cả những người ta yêu thương, chẳng là gì ngoài thức ăn cho sâu bọ, cây cối.” Hắn nghe thấy cơn giận bắt đầu âm ỉ trong giọng nói của mình và cố đè nén lại. “Thế thì có lẽ chúng ta đành phải cố gắng sống cho đức hạnh với hy vọng được góp mặt trong số một trăm bốn mươi bốn ngàn con người kia thôi.”

Wesley đẩy tập sách lại gần hắn hơn. “Chú hãy tham gia cùng chúng cháu, hãy truyền bá tư tưởng của hội, điều đó mang lại hy vọng tươi sáng nhất. Không bao giờ là quá muộn cả.”

Gã đàn ông đội mũ len đen cầm lấy cái cốc rỗng của mình. “Chú không biết nữa. Đối với một số người trong chúng ta, có thể là đã quá muộn rồi.”

Hắn vung tay lên cao theo hình vòng cung, rồi giáng cái cốc vào bên đầu Wesley. Cú đập khiến chiếc cốc sứ vỡ toác, cái quai nhỏ lủng lẳng trên ngón trỏ của hắn khoảng một giây trước khi rơi xuống mặt bàn. Wesley nghiêng người ngã vật ra sàn, ghế cũng đổ theo.

Kati đờ người mất mấy giây để định hình những gì vừa xảy ra, mắt cô trợn tròn, dán chặt vào cậu con trai nằm trên sàn cạnh chân mình. Cô cứ

nhìn chằm chằm như thể một người đang say mê xem một chương trình truyền hình hấp dẫn, trí não cô không chịu chấp nhận những điều cô vừa chứng kiến.

Gã đàn ông đội mũ len đen lợi dụng lúc đối phương còn đang do dự để nhào đến, túm lấy cổ áo khoác của cô.

Kati gạt tay hắn khiến hắn phải buông, cô hất chỗ ca cao nóng còn lại vào mặt hắn, sau đó quay ngoắt người chạy ra hành lang để tới cửa chính.

Chất lỏng khiến mắt hắn và vùng da thịt mềm bên dưới bỏng rát. Hắn mặc kệ. Hắn không cảm thấy gì hết. Hắn nhào qua cái ghế và đuổi theo cô. "Kati! Cháu yêu? Chưa ai dạy cháu rằng rời bàn mà không xin phép là rất bất lịch sự à?"

Cô chạy đến cửa trước và kéo quả nắm, luống cuống vặn chốt khóa.

Chìa khóa đang nằm trong túi hắn.

Cô đấm cả hai tay lên cửa. Cô gào thét. Hắn hầu như không nghe thấy cô. Tiếng kêu của cô xa xôi như thể cất lên từ dưới nước. Kati quay lại, áp lưng vào cửa. "Xin ông…"

Hắn sờ lên vết thương trên đầu. Khi hạ tay xuống, hắn thấy tay mình đẫm máu tươi. Hắn tưởng tượng ra cảnh máu từ từ thấm vào lớp đất mới đào trong một nghĩa địa hoang tàn.

"Đừng mà…"

Đầu cô kêu đánh cộp một tiếng rất vang khi bị hắn đập mạnh lên cánh cửa gỗ cứng, trán cô hằn vệt máu đỏ nơi đầu ngón tay hắn chạm vào.

CHƯƠNG 65

Porter

Ngày 3 • 2:06 chiều

“Dòng chữ đó có ý nghĩa gì? Gốc gác của bà ta là ở đấy à?” Sarah Werner hỏi.

Hai người đang đứng xếp hàng trước khu gửi đồ, chờ đến lượt mình để làm thủ tục rời khỏi trại giam.

“Cô không đi được.” Porter phán thẳng thừng.

Sarah nhíu mày nhìn anh. “Tôi có nói là muốn đi đâu. Còn nếu tôi mà đã muốn thì chẳng ai cản nổi.”

“Trông mắt cô như đang ấp ủ, toan tính điều gì ấy, và tôi không thích thế.”

“Bà ta là thân chủ của tôi. Tôi hoàn toàn có quyền đến đó cũng như anh vậy. Nơi đó, dù có gì đi nữa, nhỡ đâu lại giúp tôi hiểu ra đôi điều trong vụ này, những điều tôi có thể tận dụng để giúp bà ta.”

“Nơi đó dù có gì đi nữa thì cũng là một phần của chuyên án 4MK vẫn đang trong giai đoạn điều tra.”

“Tôi cũng muốn đọc cuốn nhật ký kia.”

“Nhưng nó là vật chứng.”

Sarah nhếch mép cười. “Vật chứng không gắn thẻ, đã thế còn được anh cầm theo trong khi không đeo găng tay và cũng chẳng có giấy tờ theo dõi

chuỗi hành trình của nó."

Họ di chuyển lên đầu hàng. Porter tra chìa vào ổ khóa tủ gửi đồ, mở cánh cửa nhỏ và lấy ra những thứ bên trong: thắt lưng, dây giày, ví, một cái điện thoại "rác"*, một con dao gấp - loại dao Ranger Buck với phần lưỡi có thể thu vào.

Dao của Bishop.

"Anh có muốn ăn bữa trưa muộn không?" Sarah hỏi.

Porter vơ hết đồ nhét vào các túi rồi thắt lại dây giày. "Tôi cần ra sân bay."

"Chúng ta cần trao đổi về chuyện này. Anh có thể đặt vé máy bay lúc ở nhà hàng." Cô nghiêng đầu, mái tóc nâu sâm xõa xuống một bên vai. "Anh sẽ chẳng làm được gì với cái bụng rỗng, hơn nữa, chưa chắc Cơ quan Kiểm tra An ninh sân bay sẽ cho anh qua cửa nếu biết anh chưa nếm thử hương vị ẩm thực Creole* đích thực trong thời gian ghé thăm xứ sở Big Easy*."

"Cô đúng là khiến người khác khó mà từ chối được." Porter nói, sức nặng của con dao đè lên đùi anh.

Ba mươi phút sau, hai người đã chọn cho mình một bàn nhỏ trong góc của nhà hàng Dooky Chase nằm ở ngã tư nơi đại lộ Orleans cắt với phố Miro. Trước mặt Porter đặt ba chiếc đĩa: một đĩa tôm xào đậu lima, một đĩa khoai tây nail phô mai, và một đĩa bánh kẹp.

Có một chuyến bay thẳng từ New Orleans đến Greenville, Nam Carolina, khởi hành trong chưa đầy hai tiếng nữa. Sau khi máy bay hạ cánh, anh sẽ phải thuê ô tô và lái đến Simpsonville cách đó khoảng hai mươi phút.

“Chính xác thì lần cuối cùng anh ăn là khi nào vậy?” Sarah hỏi, tròn mắt nhìn đống đồ ăn trước mặt anh. Cô chỉ gọi một bát xúp gumbo và nhâm nhi trà đá trong chiếc ly cao.

Porter nghĩ mất một giây. “Một thanh kẹo từ hôm qua, chắc thế.” Anh cúi đầu, mắt láo liên nhìn hết đĩa này sang đĩa khác. “Poor boy hay tôm, poor boy hay tôm, poor boy hay tôm…”

“Đọc là po’ boy*, không phải poor boy. Anh mà phát âm kiểu ấy thì chưa cần lấy đồ ăn lượt thứ hai ở quầy buffet, dân địa phương đã nhìn anh bằng ánh mắt kỳ thị rồi.”

Porter ngốn ngấu tôm xào, sau đó xúc một dĩa khoai tây nấu phô mai đầy ụ. Mắt anh sáng bừng. “Ngon quá đi mất.”

“Leah Chase làm đầu bếp ở nhà hàng này đã bảy mươi năm. Giờ bà ấy đã ngoài chín mươi nhưng tay nghề nấu nướng thì vẫn là số một ở thành phố này.” Sarah nói. “Tôi từng gặp Ray Charles* ở đây. Martin Luther King Jr.* cũng ghé qua đây ăn mỗi khi ông có dịp đến thành phố. Barack Obama thậm chí còn là fan hâm mộ nữa. Anh nhất định phải thử món xúp gumbo này.”

Cô xúc một thìa và đưa tới trước mặt anh. Porter ngần ngừ trong giây lát, hình ảnh Heather bón cho anh ăn bất chợt vụt qua tâm trí. Chuyện xảy ra từ hai năm trước, hôm đó vợ chồng anh cùng nhau dùng bữa ở nhà hàng bít tết Carl’s Steakhouse để kỷ niệm ngày cưới.

“Sam?”

Porter bừng tỉnh, đón lấy cái thìa và ăn thử món gumbo. Đúng là rất ngon.

“Anh không sao chứ? Vừa rồi tự dưng anh thần người ra mất một giây.”

Ánh mặt trời ùa vào từ bên ngoài ô cửa sổ cạnh bàn, những tia nắng lấp lánh phản chiếu trong đôi mắt Sarah. Ngón cái bàn tay trái của Porter vuốt nhẹ trên chiếc nhẫn cưới. Anh co duỗi các ngón rồi đặt tay lên lòng.

"Vừa rồi, lúc ở trong trại giam đã xảy ra một diễn biến khác." Anh nói và tiếp tục ăn khoai tây. "Tôi cứ băn khoăn không biết có nên nói với cô hay không, nhưng tôi nghĩ cô vẫn nên biết thì hơn."

"Chuyện gì vậy?"

Anh thò tay vào túi bên trái, lấy ra chiếc điện thoại di động "rác" rồi đặt lên bàn. Sau đó anh lại thò tay vào túi bên phải, lấy ra con dao gấp và đặt cạnh cái điện thoại. "Khi đến trại giam, tôi không hề mang theo điện thoại hoặc con dao. Có người đã bỏ hai thứ này vào tủ đồ của tôi trong lúc chúng ta nói chuyện với thân chủ của cô."

Mắt Sarah trợn tròn. "Ta phải quay lại báo với giám thị."

Porter lắc đầu. "Ý kiến đó không hay chút nào. Ông ta có thể sẽ tịch thu cái điện thoại và cho mở cuộc điều tra. Ông ta mà tóm được thủ phạm thì tôi mất luôn cơ hội liên lạc với Bishop." Anh gảy con dao một cái, lưỡi dao quay tít trên bàn. "Trong nhật ký, Bishop có nhắc đến một con dao tương tự. Đây có thể chính là con dao ấy."

"Anh cho rằng Bishop đã để lại hai thứ này cho anh sao?"

"Không phải hắn đích thân làm, mà là đồng bọn của hắn, nhưng đúng vậy." Porter cúi nhìn màn hình. Điện thoại đã bật, pin cũng sạc đầy.

"Tôi xem được không?"

Porter đưa nó cho cô.

Sarah lướt qua các menu trong máy. "Đây không phải điện thoại thông minh. Lịch sử cuộc gọi trống không, danh bạ không lưu tên người nào, tin

nhắn cũng không có luôn. Tôi nghĩ cái điện thoại này chưa từng được sử dụng.” Cô trả lại nó cho anh. “Vậy bây giờ ta phải làm gì? Đợi hắn gọi đến à?”

Porter cắn một miếng bánh kẹp. “Bây giờ cô quay lại văn phòng, còn tôi ra sân bay.”

“Anh thực sự cho rằng tôi sẽ để anh một thân một mình làm việc này sao?”

“Tôi không nhớ có mời cô lúc nào.”

“Bà ta là thân chủ của tôi. Tôi có quyền được biết việc này sẽ dẫn tới đâu.”

“Tôi sẽ gọi cho cô.”

“Bằng cái điện thoại “rác” ấy hả?” Cô rướn người qua bàn. “Trên đời có bao nhiêu tay cớm đi công tác mà lại không mang theo súng hoặc điện thoại cá nhân? Sao anh không lấy phù hiệu ra đây cho tôi xem nào? Tôi chỉ thấy anh toàn trình danh thiếp. Anh có thể tự chế rồi in ra ở cửa hàng QuickCopy lắm chứ.”

“Cô nói nhỏ thôi.”

Cô hạ giọng, vậy mà anh nghe còn thấy đau hơn cả khi cô to tiếng. “Làm sao tôi biết được anh có phải kẻ tâm thần mạo danh cảnh sát hay không?”

“Cho tôi mượn điện thoại của cô.” Sam điềm tĩnh nói.

“Để làm gì?”

“Đi mà, Sarah.”

Cô hít một hơi dài, sau đó lấy ra chiếc iPhone từ trong túi xách và đưa cho anh.

Porter mở trình duyệt web rồi gõ tên mình vào. Hàng chục bài báo hiện lên kèm theo một số bức ảnh không chỉ của anh mà cả Anson Bishop cùng vài nạn nhân của 4MK. Anh trả máy cho cô.

Sarah liếc xuống màn hình, đọc lướt qua các tít báo, sau đó tắt máy. "Anh cần phải thành thật với tôi, Sam ạ. Anh có thể tin tưởng tôi. Tôi muốn giúp anh mà."

Vậy là anh đồng ý.

Anh kể cho cô nghe tất cả mọi chuyện.

CHƯƠNG 66

Poole

Ngày 3 . 2:23 chiều

Mí mắt Poole từ từ hé mở. Anh thoáng trông thấy hành lang và cố gượng dậy, để rồi lại ngất đi.

Anh không biết lần đầu tiên mình đã ngất trong bao lâu hoặc tỉnh lại lúc nào. Khi tỉnh lần thứ hai, anh nằm yên tại chỗ. Anh quan sát hành lang qua đôi mắt nhòe nhoẹt nước. Anh cố nghe ngóng xung quanh, nhưng tiếng mạch đập thình thình trong tai không cho anh cơ hội, nó đã át đi gần như tất cả những âm thanh khác.

Anh nằm đó chừng vài phút, hoặc cũng có thể chỉ vài giây. Thời gian và ý thức không còn vận hành một cách trơn tru nữa mà đã hóa thành một chiếc thang bện bằng dây thừng, không có điểm đầu và cũng chẳng có điểm cuối, anh chỉ biết bấu víu vào đó bằng tất cả sức lực.

Tiếng mạch đập dồn bên tai anh dần dịu đi, thay bằng tiếng tích tắc đều đều của cái đồng hồ quả lắc ngoài hành lang. Anh có thể trông thấy phần thân đồng hồ, nhưng mặt thì quay sang hướng khác, mấy cây kim đang chỉ vào con số nào đó.

Anh rút bàn tay phải và lấy khẩu Glock ra khỏi bao đeo vai.

Không thấy bóng dáng Bishop đâu cả.

Poole từ từ ngồi dậy, trước hết anh khuỵu gối, chờ cho con chóng mặt qua đi. Anh đưa tay trái lên sờ vết thương phía sau gáy, chỗ Bishop đánh

anh. Trên đó có một cục u to tướng. Có điều không chảy máu. Có thể anh bị chấn động não, nhưng anh không dám chắc. Khi cảm thấy đỡ hơn, anh cố ép mình đứng lên. Mọi thứ trước mắt anh bỗng trắng lóa, anh phải vịn vào tường cho khỏi ngất.

Khẩu súng trở nên nặng trĩu, suýt tuột khỏi tay anh. Anh nắm chặt hơn, cố ý ấn ngón tay vào góc sắc của vòng bảo vệ cò súng, cơn đau nhói lên giúp anh giữ được sự tập trung.

Poole bắt đầu bước trên hành lang, hai tay cầm súng duỗi thẳng, họng súng chĩa xuống sàn trước mặt anh.

Hành lang ở sảnh thông với phòng khách kết hợp phòng ăn, khu bếp nằm trong góc xa, đồ đạc bài trí sơ sài. Anh kiểm tra cả ba khu vực, sau đó hướng sự chú ý vào một hành lang khác nằm ở phía đối diện, bên trái phòng khách. Khác với hành lang ở cửa trước, hành lang thứ hai này hẹp hơn. Một đầu thông với phòng tắm nhỏ, đầu còn lại thông với phòng ngủ đơn. Chăn ga trên chiếc giường đôi được trải phẳng. Bishop đã dọn giường đâu ra đấy.

Một cái tủ ngăn kéo kê sát bức tường phía xa. Ba ngăn đang để ngỏ, bên trong trống không. Quay lại phòng tắm, anh thấy bồn rửa ướt nước nhưng không có đồ dùng vệ sinh cá nhân thông thường.

Anh có cảm giác Bishop đã ở đây một thời gian, ngôi nhà này giống như một nơi ẩn náu. Hắn không ngờ một đặc vụ FBI lại thình lình xuất hiện trước cửa. Hắn hoảng hồn nên vội vàng thu dọn đồ đạc và chuồn thẳng.

Poole thò tay vào túi lấy di động. Không thấy đâu.

Anh quay lại sảnh, chắc mẩm mình đã làm rơi điện thoại lúc bị Bishop tấn công, nhưng ngoài này cũng không có.

Diener.

Poole đi ra cửa, xoay quả nắm.

Cửa bị khóa.

Bishop đã cẩn thận bấm khóa trên đường rút lui.

Poole lóng ngóng vặn chốt khóa, anh vẫn chưa hoàn toàn kiểm soát được những cử chỉ của mình.

Cơn gió đông lạnh lẽo ùa vào.

Bên kia phố, cửa ngôi nhà hoang đang mở.

Poole chạy vụt sang đường, súng vẫn hướng về phía trước, anh phần nào nhận thấy tấm rèm đã buông xuống ở cửa sổ nhà hàng xóm, bóng hình bà ta được soi tỏ nhờ ánh sáng xanh hắt ra từ cái ti vi cỡ lớn đằng sau, khi giải thi đấu golf tạm dừng để chạy quảng cáo xe hơi.

Poole không nhận ra mình đã kêu tên Diener, mãi cho đến khi tiếng gọi của anh dội lại trong ngôi nhà tĩnh lặng, và thoạt tiên anh cũng không nhìn thấy xác người đồng đội đang ngồi dựa vào góc tường ở phòng khách, cả cổ họng, áo khoác lẫn sơ mi bên trong đều ướt đẫm máu.

CHƯƠNG 67

Poole

Ngày 3 • 2:26 chiều

Máu vẫn còn ấm.

Poole ấn ngón trỏ lên cổ Diener, dù đã biết trước kết quả nhưng anh vẫn phải kiểm tra. Một con mắt vô hồn của Diener nhìn anh qua hàng mi khép hờ. Mắt bên trái đã bị móc mất, để lại cái hốc đen sì. Tai trái và lưỡi cũng không còn.

Bishop đã đâm thủng tĩnh mạch sau hàm nằm ngay dưới cằm Diener rồi cứa thẳng xuống, khiến tĩnh mạch rách toạc. Cánh tay và bàn tay Diener đầy máu. Anh ta hẳn là đã cố tìm cách cầm máu nhưng vô ích. Rất có thể chưa đến một phút sau anh ta đã chết vì mất máu.

Poole thấy báng súng của Diener vẫn yên vị trong bao đeo vai. Xem ra Bishop đã bất ngờ tấn công anh ta, không để anh ta kịp rút súng. Chắc Diener nghe thấy tiếng cửa mở và nghĩ là Poole quay lại.

Bên mắt và tai bị khuyết không chảy nhiều máu, chứng tỏ Bishop lấy chúng sau khi Diener chết.

Poole không cần mất nhiều công sức để tìm ra những phần thiếu ấy.

Vài mảng graffiti trên tấm ốp tường thạch cao đã bị cắt bỏ, để lại bốn ô trống. Bishop khoét đi mấy bài thơ viết bằng bút dạ đen rồi đặt mắt, tai và lưỡi của Diener vào ba trong bốn khoảng trống đen ngòm.

Tim Poole đập dồn trong lồng ngực, cục sưng trên gáy đau nhức nhối. Anh cúi xuống tìm điện thoại của Diener trên người anh ta.

Chiếc điện thoại không còn nữa.

Anh đứng thẳng lên, cử động đột ngột ấy khiến anh lảo đảo, mất thăng bằng. Anh vội bám vào tường, sờ thấy lớp thạch cao bụi bặm bẩn thỉu dưới những ngón tay mình.

Mãi đến mười phút sau anh mới có đủ sức để sang nhà hàng xóm và nhờ người giúp đỡ.

CHƯƠNG 68

Clair

Ngày 3 • 2:30 chiều

“Tại sao Bishop lại đi hợp tác với Libby McInley nhỉ?” Clair thắc mắc.

“Câu hỏi quan trọng hơn thế là, tại sao Libby McInley lại chịu hợp tác với Bishop? Hắn đã giết chết em gái cô ta cơ mà, thật khó hiểu.” Nash nói.

Ba người đã về phòng tác chiến.

Ảnh chụp Bishop ngồi trong xe tải được phóng to, sau đó in ra và dán lên một trong mấy tấm bảng trắng kê ở ngay đầu phòng.

“Chúng ta cần phải chia sẻ thông tin này với FBI.” Kloz ngồi ở bàn họp nêu ý kiến. “Mấy vụ mất tích đều liên quan đến 4MK. Họ cần được biết.”

Clair và Nash giương mắt nhìn anh ta chòng chọc.

Anh ta giơ hai tay lên chống chế. “Sao chứ? Chúng ta không thể giữ kín thông tin này được.”

“Giờ Libby McInley đang ở đâu? Cô ta ra tù rồi đúng không? Liệu có cán bộ quản chế hay ai đó thường xuyên kiểm tra tình hình cô ta không?” Clair hỏi.

Klozowski kéo laptop lại gần. Sau vài lượt gõ phím, mặt anh ta bỗng tái mét.

“Sao thế?”

Mắt Kloz trợn tròn, lướt nhanh qua bài viết. “Không xong rồi.”

Clair lắc đầu ngán ngẩm, băng qua phòng và xoay laptop lại để xem.

"Mời cô, tôi sẽ không đọc đâu." Kloz nói.

Cô giơ bàn tay ra hiệu im lặng.

Kloz đây cái ghế xoay lùi ra xa bàn.

"Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp!" Clair cuối cùng cũng phun ra một tràng rủa sả, quay laptop lại như cũ.

"Thì đấy." Kloz nói.

"Có chuyện gì vậy?" Nash hỏi, tiến lại sau lưng họ.

"Xác của Libby McInley đã được Poole và các đồng nghiệp của anh ta tìm thấy vào tối qua. Mắt, tai và lưỡi bị cắt. Ngoài ra cô ta còn bị tra tấn nữa." Clair đáp.

Nash nhíu mày. "Nếu Libby và Bishop bắt tay hợp tác với nhau thì tại sao hắn lại giết cô ta chứ? Thật là vô lý."

"Mọi việc Bishop làm có việc gì có lý không?" Clair đánh mắt về phía cửa, nhìn phòng làm việc của FBI ở bên kia hành lang. "Sao bọn họ không báo cho chúng ta biết?"

Kloz thở hắt ra. "Mới hai giây trước cô còn muốn ém nhẹm thông tin về Bishop mà chúng ta phát hiện được, giờ lại đi thắc mắc tại sao FBI không báo cho chúng ta ư?" Anh ta xòe hai bàn tay. "Vụ của họ họ làm, vụ của ta ta làm. Chẳng liên quan gì đến nhau."

"Cho tới lúc này." Nash nói.

"Cho tới lúc này."

Clair đi ra cửa, nhìn ra ngoài hành lang. "Từ hôm qua đến giờ tôi không trông thấy mấy người bên ấy. Các anh có thấy không? Cửa phòng họ đóng

im ỉm.”

“Tôi chẳng gặp ai trong số họ kể từ sau vụ ở nhà Porter.” Nash nói.

Clair quay sang anh. “Chúng ta nên gọi lại cho Sam.”

Nash lấy di động ra và quay số. Mấy giây sau, anh lắc đầu. “Vẫn hộp thư thoại, không nghe máy.”

“Ta phải qua đó thôi.” Klozowski nói. “Có chuyện không ổn rồi.”

“Tôi tưởng anh sợ dính vào rắc rối. Anh chẳng bảo anh ấy tự làm tự chịu, rồi phải nghe lệnh nọ kia còn gì.” Clair nói.

“Đấy là một tiếng trước. Còn bây giờ, xem ra có chuyện không ổn rồi.”

Nash vẫn dán mắt vào màn hình điện thoại. “Thanh niên kia nói đúng đấy, vụ này lạ lắm. Sam không thể tự dưng lặn mất tăm như thế. Ai trong chúng ta mà gọi, anh ấy chắc chắn sẽ nghe.”

Clair thở hắt ra. “Thôi được. Giờ ta sẽ bàn bạc xem tiếp theo nên làm gì, sau đó ta tranh thủ tạt qua nhà anh ấy trong lúc đi làm việc.”

Nash gật đầu. “Ừ, như thế được đấy.”

Clair quay lại chỗ mấy tấm bảng. “Nào, tập trung vào đây đi. Chúng ta cần phải xâu chuỗi những dữ kiện lại với nhau. Bishop đóng vai trò gì trong mớ bòng bong này?”

Chợt có tiếng gõ cửa vang lên, ba người ngoái lại thì thấy Sophie Rodriguez đang đứng đó.

Clair cảm thấy mặt mình thuỗn ra. “Ôi không.”

Sophie bước vào phòng. Mắt cô nổi bọng. Hai tay buông thõng. “Tôi nhận được cuộc gọi cách đây mười phút. Larissa Biel. Tuổi cũng sàn sàn hai cô bé kia. Theo kế hoạch, tối nay cô bé sẽ đến dự vũ hội ở trường. Bà

mẹ muốn làm con gái bất ngờ nên đã đặt lịch để hôm nay hai mẹ con đi spa. Bà ta đến cơ quan làm vài tiếng buổi sáng, khi về nhà thì không thấy Larissa đâu. Bà ta bèn gọi điện cho bạn bè của cô bé. Cũng không đứa nào gặp cô bé. Do gần đây có nghe báo đài đưa tin về hai vụ thiếu nữ mất tích nên bà ta hoảng hốt gọi ngay cho Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích." Sophie dừng lại một giây. "Tôi cũng không biết nữa, có thể bây giờ vẫn còn quá sớm, nhưng tôi cảm thấy có gì đó không ổn."

"Lần cuối cùng có người nhìn thấy cô bé là khi nào?" Clair hỏi.

"Mẹ cô bé nói sáng nay bà ta đi làm thì cô bé vẫn còn đang ngủ. Lúc đó là khoảng sáu rưỡi. Bố cô bé bảo ngôi nhà không có dấu hiệu đột nhập, phòng của cô bé trông vẫn "bình thường", nguyên văn lời ông ta nói là như thế. Đôi bốt, áo khoác và di động của cô bé không thấy đâu."

Nash với lấy áo khoác. "Chúng ta cần bảo đảm an toàn cho bố mẹ cô bé ngay. Nếu vụ này đúng là do Bishop làm thì họ có thể sẽ gặp nguy hiểm như những người trước."

Sophie nhíu mày. "Điều gì khiến anh cho rằng Bishop là thủ phạm?"

"Trên đường đi chúng tôi sẽ giải thích." Anh quay sang Klozowski. "Kloz…"

Anh ta đã ngồi xuống trước laptop. "Tôi đang làm rồi đây. Kiểm tra tất cả cáo phó đăng tải trong hai tuần trở lại đây xem có ai mang họ Biel không. Bố mẹ cô bé tên gì nhỉ?"

"Darlene và Larry." Sophie đáp.

"Cô có số đi động của Larissa không? Tôi cũng sẽ bắt đầu truy tìm tín hiệu điện thoại luôn."

Di động của Klozowski kêu "ting".

“Tôi vừa nhắn cho anh rồi đấy.” Sophie nói. “Cả địa chỉ nhà họ nữa.”

“Gọi đội tuần tra qua đó đi, bảo với họ là chúng ta đang trên đường đến.” Clair ngoái lại nói trong lúc ba người vội vã lao như bay trên hành lang.

CHƯƠNG 69

Poole

Ngày 3 • 5:18 chiều

Poole đứng ở chính giữa ngôi nhà sơn xanh, nơi ở của Bishop, tay áp túi đá chườm lên gáy. Các đặc vụ liên bang đã phong tỏa nơi này và ngôi nhà hoang bên kia đường, giờ họ đang đi đi lại lại ở cả hai nhà. Anh nhìn họ đặt cái xác không hồn của Diener lên cáng rồi mang ra ngoài cách đây khoảng một giờ, sau khi tiến hành thu thập toàn bộ chứng cứ cũng như chụp ảnh, ghi hình đầy đủ.

Người đàn bà mặc áo choàng ngủ màu hồng kéo ghế ra ngồi cạnh ô cửa sổ lớn, tay cầm cốc đồ uống, mắt chăm chú quan sát mọi chuyện đang diễn ra, giải thi đấu golf bị lãng quên từ lâu. Khi đến đây, các đặc vụ có thẩm vấn bà ta nhưng không thu được thông tin gì ngoài những điều trước đó bà ta đã khai với Poole.

Đặc vụ Toàn quyền Foster Hurless đứng cạnh anh, khuôn mặt vẫn giữ nguyên vẻ cau có thường trực. "Kể tôi nghe đầu đuôi câu chuyện một lần nữa đi."

"Tôi không thấy cái ô tô nào trên lối đi trước nhà. Hắn rời khỏi đây bằng cách cuốc bộ. Có thể hắn vẫn chưa đi xa. Cứ đứng một chỗ thế này thì tôi chẳng làm được tích sự gì." Poole nói.

"Nhân viên y tế cần kiểm tra để chắc chắn anh không sao, hơn nữa chúng ta còn có một đặc vụ hy sinh. Tôi đã cử người đi thẩm vấn từng hộ

gia đình. Dấu chân duy nhất để lại trên tuyết là ở lối đi bộ và đường cho xe chạy. Không có gara." Hurless nói với anh. "Nhà này bé tẹo."

"Hừm, nếu có ô tô thật thì tôi phải nhớ chứ."

"Có thể hắn đỗ xe trên phố. Ô tô vẫn đỗ đầy trên con đường này đấy thôi."

Poole lặng thinh.

"Kể lại cho tôi nghe đi."

"Chẳng có gì nhiều nhặn để mà kể. Từ thông tin thu thập được về nhân thân giả, chúng tôi truy ngược lại và tìm ra địa chỉ nhận thư, chính là ngôi nhà hoang bên kia đường. Chúng tôi kiểm tra bên trong nhà. Tôi không may nên phải nhận nhiệm vụ đi thẩm vấn mấy hộ dân quanh đây, còn Diener thì chụp ảnh các phòng, nhất là mấy bức tường đầy chữ graffiti. Bà hàng xóm bên kia đường nói rằng người đàn ông sống ở nhà này thường lấy thư hộ, nên hỏi chuyện bà ta xong thì tôi sang đây. Tôi không nghĩ người mở cửa lại là Bishop. Hắn khiến tôi bị bất ngờ. Tôi đã xô xát với hắn. Hắn hạ gục tôi nhờ vớ được cái chân bàn gãy. Khi tỉnh lại, tôi đi kiểm tra các phòng rồi chạy về ngôi nhà hoang và tìm thấy Đặc vụ Diener."

"Vậy là anh biết có người dùng địa chỉ nhà kia làm nơi tập kết thư, anh biết kẻ đó sống ở quanh đây, thế mà lại còn mò đến trong khi không có đội hỗ trợ đi cùng?"

Poole cảm thấy mặt mình đỏ bừng. "Tôi không thấy có lý do gì để cho rằng chúng tôi sẽ gặp nguy hiểm. Và tôi càng không thể ngờ Bishop lại xuất hiện bất thình lình như thế."

"Hắn đang đợi Sam Porter? Gã thanh tra của Sở Cảnh sát Chicago?"

"Nguyên văn lời hắn nói là: "Anh không phải Sam Porter". Tôi không rõ điều đó có ý nghĩa gì."

"Điều đó có nghĩa hắn sẽ chẳng lấy làm ngạc nhiên nếu thấy Porter tìm đến trước cửa nhà mình."

Poole lắc đầu. "Tôi biết sếp đang nghĩ gì, nhưng Porter là cảnh sát tốt. Anh ta đã mắc một vài sai lầm, nhưng anh ta không dính dáng vào vụ này, không phải với tư cách ấy đâu. Anh ta muốn tìm ra hắn, chỉ vậy thôi."

Hurless đưa tay sờ cằm. "Có thể, mà cũng có thể không. Tôi vừa biết tin cái xác được tìm thấy cách đây vài tháng, nạn nhân vụ tai nạn xe buýt mà họ tưởng là 4MK ấy, có mang theo trong người một cuốn nhật ký. Hình như là nhật ký của Bishop. Porter chưa từng nộp cuốn sổ vào kho vật chứng. Trong báo cáo có đề cập tới, nhưng Sở Cảnh sát Chicago không giữ cuốn sổ, chưa bao giờ giữ nó cả."

"Tại sao anh ta phải giấu giếm vật chứng?" Poole hỏi.

"Thế tại sao Bishop lại chờ đợi anh ta xuất hiện trước cửa nhà mình?"

Poole nhăn mặt, ấn túi đá chườm lên gáy cho chặt hơn. "Tại sao lại nhắc đến cuốn nhật ký trong báo cáo, nếu anh ta đã có ý định giữ cho riêng mình?"

"Bản báo cáo đó là của Thanh tra Nash, chứ không phải của Porter. Porter không hề nhắc đến nó dù chỉ một lần trong bản báo cáo dài bốn mươi ba trang đánh máy."

Một kỹ thuật viên hiện trường tiến lại gần rồi lặng im đứng bên cạnh Đặc vụ Toàn quyền Hurless, chờ cho tới khi hai người tạm ngừng trao đổi. Họ đưa mắt nhìn cô, lúc đó cô mới lên tiếng. "Thưa sếp, chúng tôi đã hoàn tất việc khám nghiệm sơ bộ ngôi nhà này. Không có dấu vân tay. Chúng tôi

tìm thấy dấu tích của cao su còn lưu lại trên nhiều bề mặt, vì vậy rất có khả năng hắn đeo găng tay khi ở trong nhà. Những bề mặt khác đều đã được lau chùi sạch sẽ.”

“Vậy cái chân bàn hắn dùng để đánh tôi?”

“Cũng được lau sạch.” Cô đáp.

Poole hất hàm về phía phòng tắm và lập tức hối hận vì cử chỉ đó. “Thế còn bồn tắm hoặc buồng tắm đứng? Biết đâu hắn có dùng?”

“Bồn tắm khô ráo, có dấu vết thuốc tẩy trên bề mặt. Chúng tôi cho rằng hắn đã cọ rửa sạch sẽ sau mỗi lần dùng, cả bồn rửa ở phòng tắm và trong bếp cũng thế. Hắn còn dỡ bỏ mấy đoạn ống xi phông nữa. Chúng tôi đang tháo hết những đường ống còn lại và mang về, phòng khi có thứ gì đó mắc lại bên trong. Chúng tôi cũng tiến hành hút bụi các bề mặt. Sẽ tìm ra bằng chứng thôi.” Cô trấn an họ. “Chẳng ai có thể che giấu được tất cả.”

“Có cách nào biết được hắn đã ở đây từ bao giờ không?” Poole hỏi.

Cô lắc đầu. “Hắn luôn trong tâm thế sẵn sàng nhổ rễ bất cứ lúc nào. Chắc chỉ cần chưa đến mười phút chuẩn bị là xong. Hắn có thể ở lại đây nhiều ngày hoặc nhiều tháng.”

“Người đàn bà sống bên kia đường khai rằng bà ta còn nhớ đã trông thấy hắn cách đây sáu tháng.” Hurless nói.

“Vậy là Bishop đã chuẩn bị ngôi nhà này làm nơi trú ẩn trước khi hắn xuất đầu lộ diện với danh nghĩa 4MK.”

“Có vẻ thế. Hồ sơ nhà đất viết rằng ngôi nhà thuộc sở hữu của một công ty con của Tập đoàn Talbot. Công ty đó đã tiến hành thu mua nhà ở khu vực này trong khoảng hai năm, sau đó cho thuê lại. Họ vẫn trả phí duy trì điện, nước, ga để các đường ống khỏi đóng băng khi chưa có người ở. Đây là nơi

tập trung đông người vô gia cư và những kẻ cư ngụ trái phép. Một khi đã phá được khóa thì họ cứ tùy ý ra vào thôi. Cải trang trong thời tiết này không khó. Ai nấy đều mặc vài ba lớp áo. Hắn sẽ chẳng phải lo trông mình khác biệt với những người xung quanh."

"Nếu ngôi nhà này đã được hắn chuẩn bị từ trước để làm nơi ẩn náu thì rất có thể hắn còn nhiều nhà khác nữa."

"Tôi cũng nghĩ vậy."

Poole lại quay sang kỹ thuật viên hiện trường. "Vậy hai cái điện thoại di động thì sao? Bishop đã lấy máy của tôi và của Đặc vụ Diener."

"Cả hai đều ngắt kết nối kể từ lúc hai giờ hai mươi tư phút chiều nay." Cô đáp.

Poole bỏ túi đá chườm ra rồi quay sang Đặc vụ Toàn quyền Hurless. "Chúng ta trở lại ngôi nhà kia được chưa? Tôi muốn xem xét bức tường đó kĩ hơn."

Xác Diener đã được mang đi, nhưng vết máu đỏ sẫm thì vẫn còn đó. Giọng nói trầm trầm và tiếng chân của anh ta vẫn vang vọng bên tai Poole. Phần nào trong anh vẫn chờ đợi Diener sẽ bước ra từ căn phòng phía cuối nhà, theo sau là một trong mấy kỹ thuật viên hiện trường còn ở lại.

Đặc vụ Toàn quyền Hurless ra hiệu về phía bức tường graffiti. "Anh nhớ gì về những ô bị khoét?"

Một con mắt của Diener vẫn đặt chênh vênh trên mép tấm ốp thạch cao, cạnh đó là một tấm thẻ đánh số 37.

Poole rà đầu ngón tay lên viền ô trống. "Ở đây có bốn câu thơ của Dickinson. Viết bằng bút dạ đen hoặc bút Sharpie. Nội dung như sau:

Bởi tôi chẳng dừng chân vì Thần Chết
Nên ân cần Người dừng lại vì tôi.
Cả cỗ xe chỉ vẻn vẹn hai người
Cùng Bất Tử.”

Anh bước sang ô thứ hai, nơi đặt một cái tai của Diener, kèm theo thẻ số 38. “Ô này là bài thơ của Hàn Sơn.” Anh đọc lại theo trí nhớ, chính xác đến từng từ:

“Luận ý nghĩa sống chết
Cứ xem nước và băng
Nước đông kết thành băng
Băng tan lại về nước
Có chết tất có sinh
Sinh ra rồi phải chết
Băng - nước chẳng hại nhau
Sống - chết mãi song hành.”

Tại ô thứ ba, cái lưỡi của Diener nằm đó trong câm lặng, gợi nhớ về những câu thơ lúc trước vẫn còn ở đây, bên cạnh là tấm thẻ số 39:

Trở lại Nhà xưa, ta quay về chốn cũ
Níu kéo mà chi những ảo vọng một thời
Nào có đâu xa, ẩn trong từng khoảnh khắc

Là những niềm vui ngỡ đã mất giữa đời.

Từ đại dương xanh nơi khởi nguồn cái chết

Sự sống trào tuôn tựa mật ngọt của trời

Trong sinh có tử, trong tử tất có sinh

Sao phải sầu bi, nào có gì đáng sợ?

Chim vẫn hót vang khúc ca hằng bất tử!

Ngày lại sang đêm như dòng triều Vĩnh Cửu

Dìu dặt phủ lên khắp nơi chốn tinh cầu.

Anh đưa tay ra hiệu về phía ô trống, về phía những từ ngữ vô hình. “Nhà, chết, sợ, cả ba từ đó đều được gạch chân. Nó là bài thơ cổ, bắt nguồn từ Tây Tạng.”

Ô thứ tư mới là điều kích thích trí tò mò của anh hơn cả, nó nằm ở vị trí cao hơn và lệch sang phải. Không có thứ gì bên trong, chỉ là một khoảng trống trên tấm ốp thạch cao, nhưng rõ ràng nó cũng là do chính tay Bishop cắt ra một cách cẩn thận hệt như đã làm với ba ô còn lại, tạo thành một hình vuông khuyết gần như cân xứng hoàn hảo.

Lúc trước, Poole không xem xét kĩ những thứ có trên mảng tường này, không như các chỗ khác. Với ba ô kia, anh đã đọc những dòng thơ, nắm bắt nét chữ viết tay nắn nót. Anh có thể hồi tưởng lại từng chữ cái với độ chính xác tuyệt đối. Nhưng ô trống thứ tư thì không như vậy. Cùng lắm anh chỉ liếc qua phần này mà thôi.

“Thế còn ô này?” Hurless hỏi. “Trên đó viết gì?”

Poole giơ tay ra hiệu im lặng, sau đó anh nhắm mắt, tập trung suy nghĩ, cố nhớ lại những gì đập vào mắt anh khi anh mới bước chân vào ngôi nhà hoang. Bức tường này anh có nhìn, nhưng không *thấy.* Anh không chủ tâm ghi nhớ nó, nắm bắt nó. Những hình vẽ và câu từ nguệch ngoạc trên đó chỉ như một vết nhòe trong trí nhớ của anh, một bức họa Pollock* có phần thiếu sắc nét.

Mày đang muốn nói với tao điều gì sao, Bishop, hay là mày đang có điều muốn che giấu? Poole thầm nghĩ.

Anh hồi tưởng lại bức tường, chi tiết đến từng centimet. Anh hình dung ra cảnh mình đi men theo nó, nắm bắt từng đốm màu trên đó, mắt anh nhìn đúng vào vị trí ấy, mảng thạch cao bị khuyết, vẫn là dòng chữ viết bằng mực đen với những con chữ to đậm. Anh có thể thấy chúng, nhưng chúng không rõ nét, hệt như hậu cảnh của một tấm hình với chủ thể nằm ở chính giữa, còn mọi thứ xung quanh đều bị xóa nhòa. Anh dồn sự chú ý vào những con chữ màu đen, vào dấu vết mờ nhạt, không để tâm đến ý nghĩa của các từ mà nhắm tới hình ảnh tổng thể của chúng. Anh tập trung hồi tưởng, cho tới khi chúng dần dần hiện rõ, lần lượt từng chữ cái, và chỉ đến lúc ấy anh mới đọc được thành lời: “Anh không thể đóng vai Chúa Trời nếu không chịu kết giao cùng quỷ dữ.”

CHƯƠNG 70

Kati

Ngày 3 • 5:20 chiều

Kati Quigley giật mình bừng tỉnh. Quá trình thức giấc bắt đầu một cách từ từ, nhưng khoảnh khắc cuối cùng - khi ý thức của cô leo lên đến miệng giếng sâu của giấc ngủ và thoát ra ngoài - khoảnh khắc ấy lại kéo đến rất nhanh, khiến cô giật thót.

Hai tay cô bị buộc chặt sau lưng. Hai cổ chân cũng chịu chung số phận. Mắt cô bị bịt lại bằng thứ gì đó giống như một dải băng. Mặt đất ẩm ướt. Xung quanh bốc mùi xú uế của phân, nước tiểu, và một mùi khác nữa.

"Có ai không?"

Giọng cô nghe thật mỏng manh, như thể giọng của một người xa lạ. Thái dương cô dậy lên nhức nhối, cô nhất thời không nhớ được cơn đau ấy là do đâu. Thế rồi, ký ức về chuyện xảy ra đột ngột ùa về, những hình ảnh dồn dập kéo đến như thác lũ, kết thúc bằng việc người đàn ông có vết thương gớm ghiếc trên đầu đuổi theo cô ở hành lang, xô mạnh cô vào cánh cửa.

Lạy Chúa.

"Wesley?"

Một tiếng sột soạt vang lên bên cạnh, cách cô một quãng ngắn.

Ánh sáng yếu ớt lọt vào qua dải băng bịt mắt nhưng không thể giúp cô nhìn rõ, cô chỉ thấy những hình bóng lờ mờ, những con quái vật kỳ dị đang

nhảy nhót đằng xa.

“Wesley? Cậu đấy à? Cậu có sao không?”

Cô còn nhớ gã đàn ông xấu xí đã nhoài người qua bàn rồi đập cái cốc đựng ca cao vào đầu Wesley, sau tiếng cốc vỡ nghe mà sởn gai ốc, Wesley ngã lăn xuống sàn. Lúc đó cô đã bỏ chạy. Lẽ ra cô phải giúp cậu ấy, nhưng không, thay vào đó cô vùng chạy, chẳng nghĩ đến điều gì khác ngoài bản thân mình khi gã dị hợm ấy đuổi theo cô.

“Tớ xin lỗi, Wesley.” Cô khẽ nói, những tiếng nấc khiến cô gần như không thốt nên lời.

Tiếng rên rỉ lại vang lên, chỉ cách cô chừng hơn một mét, nhưng không phải Wesley. Đó là giọng con gái. Âm thanh ấy tuy nghèn nghẹn, yếu ớt, nhưng cô vẫn phân biệt được.

“Ai vậy? Cô là ai?” Kati co chân cao lên, cố dùng đầu gối đẩy băng bịt mắt ra. Nhưng không ăn thua. Dải băng buộc rất chặt.

Cô cố trườn như con sâu đo về phía phát ra tiếng nói, lấy chân đẩy người tiến lên. Cơn đau ở bên đầu bùng lên dữ dội theo từng cử động, khiến những đợt sóng nôn nao trỗi dậy. Nhưng cô không dừng lại. Cô ép mình phải tiếp tục nhích theo hướng phát ra âm thanh ấy, cho tới khi cánh tay cô quệt phải thứ gì đó mềm mại, ấm áp.

Cô gái kia giật mình khi làn da họ chạm nhau, cô ta kéo một vật giống như tấm chăn hoặc tấm phủ đệm lên ngăn cách giữa hai người.

“Cô là ai?” Kati hỏi lại, cảm nhận được cô gái co rúm bên cạnh mình.

“Cô ta không thuần khiết, cô ta sẽ không bao giờ thấy. Thay vì vậy, cô ta tự đâm đầu vào hồ lửa để rồi chết trong vũng máu của chính mình.”

Giọng nói ấy làm Kati giật bắn, cơn run rẩy lan khắp châu thân chẳng khác nào những ngón tay lướt trên nắp một chiếc quan tài.

Đó là giọng đàn ông, kẻ có vết thương trên đầu. Hắn phát âm chữ *s* không chuẩn. Lời hắn nói chỉ lớn hơn tiếng thì thầm một chút, vang lên cách đó chừng một mét, ở hướng cô vừa rời đi.

Kati xích lại gần thân người ấm áp bên cạnh mình. Cô cảm thấy tấm thân ấy khẽ co giật dưới lớp chăn. “Đây là đâu? Wesley đâu rồi?”

Gã đàn ông ho khù khụ, hơi thở nặng nhọc, nghe như trong phổi có nước. “Wesley bạn cô đang ở cùng với cô đó. Cậu ta không được khỏe.”

Kati nghĩ đến những mùi bốc lên xung quanh, mùi phân, nước tiểu, và còn một mùi nữa. Cô không muốn biết nó là mùi gì. “Các đồng đạo ở Hội đường Vương quốc biết hai chúng tôi đi đâu. Họ biết chúng tôi đến phố này, ghé qua những nhà nào. Nếu ông thả chúng tôi ra, tôi sẽ nói với họ rằng tất cả chỉ là tai nạn. Rằng Wesley bị ngã và ông đã cố giúp cậu ấy.”

“Tôi không quan tâm họ có đi tìm cô hay không. Tôi không quan tâm họ có tới nhà tôi hay không. Đến lúc đó thì chúng ta đã xong việc rồi.”

Giọng hắn cứ mỗi lúc một gần hơn. Kati nghe thấy hắn bước đi, một bên chân hơi kéo lê trên mặt đất. Từ tiếng chân, cô nghe ra được dáng đi của hắn có vấn đề.

Có tiếng lanh canh của kim loại va vào nhau. Một cánh cửa mở ra.

“Cô sẽ thấy vì tôi chứ?”

Giờ hắn đang đứng cạnh cô. Cô cảm nhận được hơi thở nóng hổi của hắn phả lên cổ mình.

“Cô sẽ nói cho tôi biết những gì cô nhìn thấy chứ?”

Kati hét lên, tiếng hét vừa thốt ra, hắn lập tức tống một thứ vào miệng cô, có lẽ là miếng giẻ hoặc mảnh vải. Cô cảm nhận được vị đất bẩn, lại còn chua chua. Thế rồi hắn đỡ người cô, bế cô lên và mang đi. Một bàn tay vươn ra từ bên dưới tấm chăn cạnh cô, níu lấy cánh tay cô trong một giây rồi lại để vuột mất.

"Cô là một tín đồ, một con chiên. Nhất định cô *sẽ* thấy."

Nói xong, hắn buông tay.

Gã đàn ông thả cô ra hay từ từ hạ cô xuống, cô không biết. Điều đầu tiên cô cảm nhận được là nước, sau đó cánh tay hắn biến mất, và cô chìm sâu hơn vào bên trong nó, dù chẳng rõ *nó* là thứ gì. Cô chìm dần cho đến khi gần như ngập hẳn, chỉ chừa lại khuôn mặt, khuôn mặt bị bịt mắt vẫn với lên để hít thở. Bàn tay, bàn chân cô chạm tới đáy, và nếu ngửa đầu ra sau, cô có thể giữ cho mặt mình nhô lên khỏi nước.

Nước rất ấm, gần chạm ngưỡng nóng.

Nếu không bị bịt mắt thì có lẽ Kati đã thấy gã đàn ông đội mũ len đen kéo tấm vải bạt đang phủ trên dàn ắc quy ô tô nối với nhau, cạnh cái tủ đông lạnh được dùng làm bồn chứa nước. Có lẽ cô đã thấy hắn cầm hai đầu của sợi cáp mồi nối với bình ắc quy cuối cùng, thấy hắn thòng chúng xuống nước.

Những điều đó, Kati đều chẳng hề hay biết.

Cô không nhìn thấy gì khi luồng điện truyền vào cơ thể khiến toàn thân cô co giật mạnh tới nỗi hai sợi dây thít nhựa buộc ở cổ tay và cổ chân cô đứt tung.

Cô không thấy gì ngoài một làn ánh sáng bừng lên chói lòa.

CHƯƠNG 71

Clair

Ngày 3 • 5:43 chiều

"Tôi sẽ không ngồi im chịu trận để cho các vị nhốt lại chẳng khác gì một tên tội phạm tầm thường, trong khi con gái chúng tôi đang bị thằng điên nào đó bắt đi." Larry Biel tuôn một tràng. Ông ta tiếp tục đi đi lại lại trong phòng khách sạn, họ ở đây đã gần hai tiếng đồng hồ nhưng ông ta vẫn chưa chịu dừng bước.

"Larry à, mình làm vậy có được ích lợi gì đâu. Qua đây ngồi đi." Darlene Biel ngồi trên giường nói.

Clair quan sát hai vợ chồng từ chỗ đứng bên chiếc bàn nhỏ nằm ngay gần cửa ra vào.

Các sĩ quan tuần tra có mặt tại nhà riêng của gia đình Biel chỉ bốn phút sau khi nhận được cuộc gọi của Clair. Lúc họ đến nơi, hai vợ chồng vẫn bình an vô sự trong ngôi nhà ba tầng nhỏ hẹp nằm trên phố West Superior. Darlene Biel đang gọi điện cho bạn bè của con gái đến lần thứ năm, trong khi Larry chồng bà ta ngồi trước laptop của Larissa để kiểm tra dữ liệu trong máy. Ông ta khá rành tin học và đã cài phần mềm giám sát con cái KidBSafe vào máy tính của Larissa từ hai năm trước. Ông ta miễn cưỡng đưa chiếc laptop cho Clair, cô lập tức nhờ người chuyển ngay về cho đội IT của Klozowski tại trụ sở.

Khi đó, Clair giải thích cho họ hiểu rằng mặc dù chưa có lý do gì để kết luận hung thủ của hai vụ án trước đã bắt con gái họ, nhất là khi cô bé mới biến mất có nửa ngày, nhưng cô vẫn muốn đưa họ vào diện cần được bảo vệ trong thời gian điều tra để loại trừ khả năng trên. Cô mất thêm hai mươi phút nữa mới thuyết phục được họ rời khỏi nhà. Darlene thu xếp rất nhanh. Bà ta làm nghề trình dược viên, hay phải đi lại nên luôn chuẩn bị sẵn một chiếc túi du lịch với đầy đủ đồ dùng. Chưa đầy năm phút sau, bà ta đã ra cửa. Larry thì không được nhanh nhẹn như thế. Ông ta nấn ná đi từng phòng, như thể trông đợi cô con gái bất ngờ hiện ra từ trong góc tối tăm nào đó hệt như đang chơi trò trốn tìm bấy lâu nay, cho đến khi Darlene đành phải chuẩn bị đồ giùm ông chồng rồi thuyết phục ông ta lên chiếc xe tuần tra đang đợi bên ngoài.

Tuy Sở Cảnh sát Chicago sở hữu ba ngôi nhà trú ẩn công vụ, nhưng Clair chọn cách đưa họ đến tạm lánh tại một khách sạn ở trung tâm thành phố do cô lựa chọn ngẫu nhiên và thanh toán bằng tiền mặt. Nếu Bishop thực sự có mối liên quan nào đó với vụ này thì cô không muốn để lại dấu vết trên giấy tờ. Chỉ mình Nash biết nơi cô đang ở. Anh và Sophie Rodriguez vẫn ở lại nhà Biel để giám sát quá trình tìm kiếm. Xe không phù hiệu đỗ tại hai đầu phố, cách nhà họ vài căn, sẵn sàng hành động nếu kẻ tình nghi xuất hiện.

“Mình làm em sốt hết cả ruột rồi đấy, Larry, ngồi xuống đi mà.” Darlene nhắc lại.

Larry Biel đi thêm một vòng nữa rồi ngồi xuống giường cạnh vợ, khuôn mặt đỏ gay quay sang Clair. “Cô nói tên này đã bắt bao nhiêu cô bé rồi?”

“Theo như chúng tôi biết thì ít nhất là hai người nữa. Nhưng tôi xin nhấn mạnh, ta chưa có lý do gì để tin rằng hắn đã bắt con gái ông bà. Chính

ông bà cũng nói cô bé có thể đang ở nhà một người bạn. Chúng tôi chỉ đang tiến hành mọi biện pháp phòng ngừa mà thôi."

"Con bé không ở nhà bạn nào cả." Darlene Biel nói. "Nó đã hẹn sang nhà Carrie Ann để sửa soạn cho buổi vũ hội, mà cả ngày nay Carrie Ann không có tin tức gì của con bé. Các bạn khác cũng không thấy nó liên lạc. Con tôi không tự dưng biến mất như thế, không bao giờ. Đi đâu nó cũng nói với tôi. Chúng tôi không giấu giếm nhau điều gì."

"Tên này cũng giết bố mẹ của hai cô bé đó à?" Larry Biel hỏi, mặc kệ bà vợ. "Người đàn ông bị giấu xác trong tuyết ở sân sau mà cảnh sát tìm thấy, có phải là do hắn giết không? Có phải đó là người cô đang nhắc đến?"

"Tôi không được phép đưa ra bình luận gì về cuộc điều tra vẫn đang tiếp diễn."

"Phóng viên nói cổ ông ta bị cứa sâu đến nỗi cái đầu gần như đứt lìa."

"Ở đây ông bà được an toàn. Chúng tôi sẽ không để chuyện gì xảy ra với ông bà."

Larry vuốt tay lên mặt tủ đầu giường làm bằng ván sợi ép, sốt ruột gõ từng ngón. Clair bắt đầu nghĩ rằng thà ông ta cứ đi lại như vừa rồi còn hơn.

Chợt có tiếng gõ cửa vang lên, Larry đứng bật dậy.

Clair giơ tay ngăn lại. "Để tôi, ông bà cứ ở yên đây."

Một tay đặt lên khẩu súng, cô nhìn qua mắt thần, sau đó thả lỏng và mở cửa ra. Ban nãy cô đã nhờ một sĩ quan tuần tra đi lấy hộ hai hộp pizza.

Anh ta đưa chúng cho cô rồi chìa tay, ngỏ ý xin tiền boa.

Clair sập cửa trước mặt anh ta, vặn chốt khóa và cài then, sau đó đặt hai cái hộp lên bàn. "Có pizza phô mai và pepperoni."

"Giờ tôi không nuốt nổi món gì đâu." Larry nói.

“Mong là mọi chuyện sẽ sớm qua, nhưng tốt hơn hết ông bà vẫn nên giữ gìn sức khỏe.” Clair nói với ông ta.

Darlene cầm một lát pizza phô mai rồi ngồi xuống góc giường. Ngoài mặt bà ta vẫn tỏ ra bình tĩnh, nhưng tay thì đang run rẩy. Một mẩu phô mai rớt khỏi mép miếng bánh rồi rơi xuống thảm. “Thực sự xin lỗi, lúc này lòng dạ tôi đang rối bời.”

Larry đứng dậy và lại bắt đầu đi quanh phòng. Đến vòng thứ ba, ông ta lấy một miếng pepperoni. “Đáng lẽ lúc này chúng ta phải đi dán poster tìm người, phải báo với các cơ quan truyền thông. Tôi có thể nhờ một nhóm thợ ở công trường nơi tôi làm việc đi tìm quanh khu nhà. Tôi không thể ngồi yên một chỗ như vậy được. Không thể không làm gì trong khi tên tâm thần nào đó đang bắt con gái tôi. Thằng đó không làm gì nổi tôi đâu. Tôi sẽ xé xác nó ra nếu nó định hại tôi. Tôi sẽ tự tay giết nó nếu nó dám đụng vào con tôi.”

Larry có vóc người cao lớn. Công việc đã giúp ông ta giữ được hình thể cân đối, khỏe mạnh. Nhưng Randal Davies cũng cao hơn mét tám và tập thể dục đều đặn đấy thôi. Floyd Reynolds cũng thế. Và cả hai đều đã chết.

Điện thoại của Clair đổ chuông.

“Chào Kloz, anh phát hiện được gì à?”

Darlene đứng dậy khỏi giường, cúi nhìn hai bàn tay. Trên đó dính đầy xốt cà chua. “Tôi xin phép đi rửa tay.”

Clair gật đầu và nhìn bà ta mất hút trong phòng tắm. Larry tiếp tục đi lại quanh phòng.

“Tôi tìm thấy bản cáo phó rồi. Nó được đăng trên tờ *Sun Herald* cách đây hai hôm.” Giọng Kloz vang lên ở đầu dây bên kia.

“Vậy ra không phải tờ *Chicago Examiner?”*

“Hoặc là tên này mở rộng phạm vi đăng bài, hoặc là lâu nay hắn gửi cáo phó đến nhiều tòa soạn báo khác nhau, tờ *Examiner* chỉ là vô tình đăng trúng thôi.”

“Bài cáo phó viết gì?”

“Tôi gửi qua tin nhắn cho cô rồi đây. Nhận được chưa?”

Điện thoại của Clair kêu “ting” một tiếng. “Đây rồi, chờ chút.” Cô cúi nhìn màn hình:

KẺ BUÔN THUỐC

MẸ VÀ VỢ

DARLENE BIEL GIỜ

ĐÃ AN GIẤC NGÀN THU

DƯỚI LƯỠI DAO TỬ THẦN.

Một tiếng “bịch” vang lên trong phòng tắm, nghe như có người vừa ngã xuống.

CHƯƠNG 72

Clair

Ngày 3 • 6:04 tối

Larry là người đầu tiên chạy tới phòng tắm. Ông ta lắc lắc tay nắm cửa - đã bị khóa. “Darlene?”

“Tránh ra!” Clair la lên, chỉ chút nữa thôi là ông ta dính đòn khi cô tung chân đá vào cánh cửa, ngay dưới ổ khóa. Cái cửa oằn mình hứng trọn cú đá nhưng không chịu long ra.

Larry lao người vào cửa, dùng vai đẩy mạnh, và Clair nghe tiếng gỗ vỡ răng rắc khi khung cửa nứt toác.

Darlene đang nằm trên sàn phòng tắm, người co giật, bọt trắng trào ra trên miệng rồi chảy xuống má và cằm. Mắt bà ta trợn ngược, trắng dã.

Larry ngồi thụp xuống cạnh vợ, đỡ lấy đầu bà ta trên sàn gạch. Một tay ông ta đầy máu, mặt sàn bên dưới đầu bà ta cũng vậy.

Toàn thân Darlene rung lên bần bật. Chiếc bàn chải đánh răng bị những ngón tay co quắp bẻ gãy làm đôi với một tiếng “rắc” giòn tan.

“Cho bà ấy nằm nghiêng đi! Đừng để bà ấy cắn vào lưỡi, cũng đừng để bị sặc!” Clair nói lớn, đưa mắt nhìn bao quát khắp phòng.

Bàn chải gãy đôi.

Tuýp kem đánh răng đang mở nắp trên kệ.

Nước súc miệng.

Bọt trắng từ miệng Darlene chảy thành vũng trên sàn khi Larry xoay người cho bà ta nằm nghiêng.

Clair chộp lấy chai xà phòng rửa tay trên tường rồi giật mạnh ra khỏi giá đựng bằng nhựa, sau đó cô ngồi xuống cạnh Darlene. “Cần phải cho bà ấy uống cái này!”

Mắt Larry trợn tròn, ông ta đây cô ra. “Không được, uống vào để chết à!”

Clair cố kháng cự, cô xoay đầu Darlene lại. “Bà ấy bị đầu độc, một loại có tác dụng nhanh, như xyanua chẳng hạn. Các chất độc hầu hết có tính axit. Xà phòng có tính kiềm. Kiềm giúp trung hòa độc tố và gây nôn.”

Không để Larry kịp phản đối, Clair vặn nắp chai xà phòng rửa tay rồi đổ dung dịch màu hồng đặc sệt vào miệng Darlene đang há ra. Sau đó cô ép hàm để bà ta ngậm lại, tay kia cô bóp mũi, bắt bà ta phải nuốt.

Cơ thể Darlene giật đùng đùng với sức mạnh thật khủng khiếp, khiến Clair không sao giữ nổi nữa. Đầu bà ta ngoặt sang bên, tay vung loạn xạ, chân đạp túi bụi.

“Cô chỉ khiến tình hình thêm tồi tệ!” Larry hét lớn.

Clair cố đổ thêm xà phòng vào và bắt bà ta uống. Chẳng bao lâu sau, chỗ xà phòng trào ngược ra khỏi miệng cùng một tràng ho sặc sụa, khiến dịch lỏng bắn cả lên tường và chảy ra sàn. Clair tiếp tục đổ. Bà ta nôn lần thứ hai, rồi thứ ba. Cuối cùng Darlene cũng ngừng co giật, Clair kiểm tra mạch cho bà ta.

Bên cạnh cô, khuôn mặt Larry thuỗn ra, tái nhợt. “Cô giết cô ấy rồi! Chúa ơi, cô giết vợ tôi rồi!”

Clair cố hít một hơi, nhưng mọi cơ bắp trên người cô đều không chịu tuân theo. “Gọi 911 đi.”

CHƯƠNG 73

Porter

Ngày 3 • 8:06 tối

Porter và Sarah Werner đặt chân xuống Greenville, Nam Carolina, lúc 7 giờ 25 phút. Vầng dương khuất bóng nơi chân trời khi máy bay bay được khoảng nửa chặng đường. Lúc ấy, Sarah kéo màn che xuống. Porter không hề biết cô đã nhìn ra cửa sổ bấy lâu. Mắt cô dường như bị hút vào cuốn nhật ký của Bishop mà cô đang cầm. Anh quan sát ngón tay cô lướt từ trên xuống theo từng trang giấy, chăm chú đọc từng chữ.

Lúc ở sân bay, cô đứng ra thanh toán tiền vé máy bay. Đến thời điểm đó cô đã hiểu rằng Porter đang cố gắng giữ bí mật hành tung của mình, hạn chế tối đa việc sử dụng thẻ tín dụng. Anh đề nghị trả tiền mặt cho cô, nhưng cô từ chối và bảo sẽ liệt kê chi phí chuyến đi vào mục chi phí kinh doanh, số tiền được miễn trừ khi Chú Sam* giữ lại một phần thu nhập cá nhân của cô thừa sức trả cho khoản này.

Cô đọc xong cuốn nhật ký không lâu trước khi máy bay hạ cánh.

Đến Greenville, chiếc ô tô thuê, một chiếc Hyundai Sonata màu đỏ đầy đủ tiện nghi, cũng đứng tên cô.

Sarah nhập địa chỉ ghi trong nhật ký của Bishop vào ứng dụng GPS trên điện thoại, sau đó cô lặng lẽ lái xe đi, Porter ngồi bên ghế phụ.

Khi chiếc xe ra khỏi sân bay và rẽ vào đường cao tốc, Sarah mới mở lời. “Có lẽ chúng ta nên nghỉ lại khách sạn nào đó rồi sáng mai hẵng đi. Chứ tối

mịt thế này có nhìn thấy gì đâu."

Đúng là tối *thật.*

Trong thành phố, ánh sáng lan tỏa đến mọi ngóc ngách. Đèn đường, đèn giao thông, văn phòng, cửa hàng kinh doanh, đâu đâu cũng sáng trưng. Nhưng ra đến ngoại ô thì chẳng có gì. Bầu trời tối đen như mực, lác đác những vì sao xa. Trong lúc chiếc xe lao đi bên đường cao tốc, Porter chỉ nhìn thấy phía trước chừng mười mét, còn xa hơn nữa, ánh đèn pha bị màn đêm xóa nhòa. Hai người mới rời khỏi sân bay vài phút thôi mà thế giới văn minh dường như đã ở rất xa, thay vào đó là những cánh đồng mênh mông và khoảng không bao la vô tận.

Porter liếc về phía GPS. "Theo như món đồ công-nghệ-hack-não của cô thì chúng ta chỉ cách nơi đó ba mươi phút lái xe thôi. Tôi nghĩ ta cứ nên đến một chuyến, ngó qua xem thấy được gì tối nay thì thấy, rồi có thể sáng mai quay lại sau."

"Anh không bao giờ ngủ à?"

"Hồi ở trường cảnh sát tôi ngủ đủ rồi."

"Tôi thấy khó tin lắm. Chứ không, anh học ở đâu được mấy từ kiểu *công-nghệ-hack-não* ấy?"

Heather.

Anh học được từ Heather. Nó là một trong những cụm từ ngộ nghĩnh mà cô hay dùng.

Ngón tay cái của anh đưa lại gần chiếc nhẫn cưới.

Sarah bắt quả tang anh đang nhìn cái nhẫn. "Kể về cô ấy cho tôi nghe được không?"

Porter cảm thấy mặt mình nóng bừng. “Chuyện về vợ tôi, cô nghe làm gì.”

“Kể đi.” Cô nói. “Tôi thực sự muốn nghe mà.”

Kể từ hồi Heather mất đến giờ, anh không hay nhắc đến cô. Anh đã cố thử tâm sự với Nash và Clair hôm hai người chuốc cho anh say bí tỉ, không lâu sau khi tìm thấy Emory và anh quay lại với công việc. Ba người coi nhau như bạn bè, dù đúng ra mà nói thì anh là cấp trên của họ, hơn nữa xưa nay anh vốn không quen thể hiện tình cảm. Anh trải qua vô vàn khoảnh khắc riêng tư sau khi Heather mất. Anh vẫn vô thức nói chuyện với cô vài lần mỗi ngày. Hôm nào cũng vậy, trong lúc thay đồ, anh cứ nấn ná rất lâu trước tủ quần áo, khẽ mân mê những bộ đồ của cô. Cô ra đi để lại trong anh một khoảng trống quá lớn. Từng giây từng phút trôi qua, anh đều nhớ cô da diết.

“Tên cô ấy là Heather. Khoảng sáu tháng trước, cô ấy bị sát hại trong một vụ cướp bất thành ở cửa hàng tiện ích nằm cách khu căn hộ nhà chúng tôi vài khối nhà. Họ đã bắt được hung thủ, một thằng nhóc vắt mũi chưa sạch. Harnell Campbell.” Porter lặng đi một giây, ánh mắt anh hờ hững hướng ra ngoài cửa sổ. “Rồi không hiểu sao nó trốn được. Nó mà cứ ở yên trong nhà giam thì đã chẳng nên chuyện, vì Anson Bishop lần ra tung tích của nó. Bishop đã giết nó, chúng tôi nghĩ thế. Chúng tôi không tìm thấy xác nó. Bishop để lại một cái tai của thằng nhóc trên giường nhà tôi, như thể một món quà. Có lẽ, theo một khía cạnh nào đó thì đúng là thế thật. Tôi cũng muốn chính tay mình giết quách nó đi. Tôi không thể chịu đựng nổi ý nghĩ nó ngồi bóc lịch vài năm rồi lại được tự do, trong khi Heather của tôi vĩnh viễn ra đi. Tôi về nhà và trông thấy vật đó: cái tai của kẻ giết vợ tôi,

được đặt trong một chiếc hộp màu trắng be bé, vuông vức, kèm theo một lá thư ngắn."

"Trong đó viết gì?"

"Viết là:

Sam,

Một chút nho nhỏ từ tôi gửi tới cho anh…

Tôi rất tiếc anh không được nghe tiếng nó gào thét.

Đền đáp lại cho tôi một chút nhé, được chứ?

Một chút gọi là có đi có lại giữa bạn bè.

Giúp tôi tìm mẹ của mình.

Tôi nghĩ đã đến lúc bà ấy và tôi nói chuyện với nhau.

B."

"Chà."

"Thế đấy."

"Vậy ra đó là lý do anh ở đây? Đó là lý do anh lặn lội đến tận New Orleans? Để giúp hắn tìm mẹ ư?"

Porter lắc đầu. "Tôi ở đây là để bắt hắn, *chấm hết.* Bà ta chỉ là một đầu mối, không hơn không kém. Việc hắn giết Campbell là một thỏa thuận đơn phương. Tôi chẳng nợ hắn bất cứ điều gì ngoài một cái xà lim tiện nghi."

"Nhưng có thể hắn cũng đã đến New Orleans. Có thể hắn đã âm thầm quan sát mọi việc bấy lâu nay." Sarah phân tích. "Hắn không vào trại giam

vì làm thế sẽ rất dễ bị tóm, nhưng biết đâu hắn vẫn theo dõi từng đường đi nước bước của anh."

"Có thể."

"Vậy là hắn có thể đang ở đây, bám theo chúng ta."

Porter chưa nghĩ đến khả năng ấy. Anh cho rằng Bishop chỉ theo dõi anh lúc ở New Orleans thôi, nhưng còn ở đây? "Chuyện đó thì tôi không chắc. Hắn không thể biết được chúng ta đã trao đổi những gì với mẹ hắn. Không một ai khác ngoài cô và tôi trông thấy những gì bà ta viết trong nhật ký, trông thấy dòng địa chỉ đó."

"Trong phòng thẩm vấn có lắp camera. Nhỡ đâu một cái vô tình lại quay trúng. Ai đó trong trại giam đã lén bỏ chiếc điện thoại và con dao vào tủ đồ của anh. Hắn có thể đã đi theo chúng ta ra sân bay. Trời ạ, thậm chí có khi hắn còn lên máy bay cùng nữa ấy chứ. Một tên tội phạm khét tiếng như hắn mà trốn được sự truy bắt lâu đến thế thì nhất định phải giỏi ngụy trang, ẩn mình trong đám đông. Chắc ngày nào tôi cũng trông thấy mặt hắn trên bản tin kể từ hồi anh lật tẩy thân phận thật của hắn. Để không bị bắt, trong khi cảnh sát săn lùng gắt gao như thế…" Cô bỏ lửng câu nói, đưa tay lên vuốt lọn tóc xòa xuống mắt, rồi ngước lên nhìn vào gương chiếu hậu. "Nhưng hắn không ở đây đâu. Từ nãy đến giờ tôi chẳng trông thấy cái xe nào cả. Tất nhiên hắn có thể âm thầm bám theo chúng ta mà không bật đèn pha. Tôi mà là hắn thì tôi cũng làm vậy."

"Tôi không nghĩ hắn bám theo chúng ta. Cô nói có lý, hắn rất giỏi ẩn mình. Tôi cũng cho rằng hắn đủ khôn ngoan để biết cần phải lui về ở ẩn. Nếu buộc phải dự đoán, thì tôi đoán hắn đang trốn chui trốn nhủi ở đâu đó, chờ cho tình hình lắng xuống đôi chút. Sự quan tâm của dư luận thường chẳng kéo dài. Tôi cũng không ngờ báo chí lại theo đuổi vụ này lâu đến thế.

Ngay khi xảy ra vụ khác nổi đình nổi đám là hắn bị xếp xó ngay. Nếu hắn định hành động thì hắn sẽ chờ đến lúc đó."

"Tôi biết rồi nhé." Sarah nói.

"Biết gì?"

"Anh chuyển chủ đề chứ sao. Vừa rồi tôi bảo anh kể về vợ anh, thế mà nói một hồi anh lái ngay sang chuyện của Bishop. Tôi không chịu đâu. Tôi muốn có câu trả lời. Tôi là tôi rất khoái nghe chuyện tình yêu mùi mẫn, thắm thiết. Kể tôi nghe anh và Heather quen nhau thế nào đi. Anh mà cố tìm cách đánh trống lảng rồi đá sang vụ Bishop lần nữa, tôi sẽ tấp xe vào và dùng cần nạy lốp nện cho anh một trận. Tôi thấy ngoài này đầy chỗ có thể giấu xác."

"Cô đúng là cô gái đáng sợ."

"Phụ nữ chứ. Người phụ nữ đáng sợ, nhưng rất tự hào về điều đó. Giờ thì kể về Heather cho tôi nghe đi."

Porter thở dài. "Trên đời thiếu gì chỗ để người ta quen nhau, thế mà chúng tôi lại gặp nhau ở bệnh viện."

"Bệnh viện á? Đã xảy ra chuyện gì?"

"Hồi đó tôi là anh cớm mới vào nghề, nơi tôi làm thực ra cách đây cũng không xa, ngay gần Charleston. Tôi bị trúng đạn ở phía sau đầu. Heather là một trong những y tá điều trị chấn thương may sao lại trực ở phòng cấp cứu khi họ đưa tôi vào viện."

Mắt Sarah trợn tròn. "Anh bị bắn vào đầu sao?"

Porter đưa tay ra phía sau và sờ thấy vết sẹo, một mảng da nhỏ lồi lên ở khoảng giữa đầu, hơi lệch về bên trái. "Đó là một khẩu súng ngắn cỡ nhỏ, dùng đạn 0,22. Lúc ấy tôi và cộng sự đang truy đuổi một tên buôn ma túy

hạng xoàng, chủ yếu bán heroin phế phẩm và tí crack*. Giới giang hồ gọi hắn là Weasel. Chúng tôi lùa được hắn vào trong con ngõ nhỏ. Tôi áp sát hắn từ phía sau, cộng sự của tôi thì đi vòng qua khu nhà để tiếp cận theo hướng ngược lại. Hắn trông thấy anh ấy trước, sau đó quay ngoắt lại và hoảng sợ khi thấy tôi đứng đằng sau. Hắn đang phê thuốc thì phải, trông rất căng thẳng. Hắn có súng và vô tình bóp cò. Hắn không chủ ý bắn tôi, họng súng thậm chí còn chẳng chĩa vào tôi, hành động đó chỉ như một phản xạ tự động. Viên đạn bắn trúng cái thùng rác sau lưng tôi rồi nảy ngược lại, găm vào sau đầu tôi."

"Trời đất! Sao anh vẫn sống được nhỉ?"

Porter nhún vai. "Chắc là do đầu tôi cứng. Viên đạn bị kẹt lại, mắc ở trong xương. Tuy không xuyên vào não nhưng cũng mấp mé."

"Chà, đúng là may mắn."

"Ừ, có lẽ thế. Họ cho rằng chính vì viên đạn nảy ra nên tôi mới không chết. Chứ nếu là phát bắn trực diện thì tôi xong đời từ lâu rồi. Nhưng tổn thương thì vẫn có. Áp lực sọ tăng lên gần như ngay lập tức." Anh ngừng lại một giây để hồi tưởng. "Mà ngộ lắm nhé, tôi thậm chí vẫn nhớ cảm giác khi bị bắn. Cứ như thể ai đó vừa táp cho tôi một cú rất mạnh vào phía sau đầu. Nó không làm tôi ngã gục giống trong phim đâu. Tôi cứ đứng đơ ra như thằng ngốc. Còn nghĩ mình có thể quay lại xe rồi tự lái đến bệnh viện nữa chứ. Tôi sờ lên đầu và thấy tay dính máu, đi được hai bước thì ngất xỉu. Mãi đến gần một tuần sau tôi mới tỉnh."

Sarah giảm tốc độ khi thấy một con thú nhỏ băng qua đường rồi mất hút trong bụi rậm ở bên kia. "Họ có lấy được viên đạn ra không, hay nó vẫn còn trong đầu anh?"

“Có, họ lấy ra rồi. Sau đó họ đưa tôi vào trạng thái hôn mê cho tới khi áp lực cuối cùng cũng giảm xuống.” Ngón tay anh lại sờ lên vết sẹo. “Viên đạn xuyên vào đầu tôi theo một góc độ kỳ quái, đi từ dưới lên và lệch sang trái. Áp lực hầu hết tập trung ở khu vực phía trên hồi hải mã.”

Sarah giơ tay lên. “Khoan đã, cái này tôi biết. Nó là vùng não phụ trách cảm xúc và trí nhớ.”

“Mười điểm, về chỗ.” Porter cười toe. “Ngoài ra, vùng não đó còn điều khiển hệ thần kinh thực vật và khả năng định hướng không gian. Các bác sĩ biết hệ thần kinh của tôi vẫn vẹn nguyên ngay cả khi tôi đang còn hôn mê, nhưng phải chờ cho tôi tỉnh lại thì họ mới có thể xác định được liệu còn bộ phận nào bị ảnh hưởng nữa hay không. Khi tôi mở mắt, Heather đang đứng bên cạnh với nụ cười tuyệt đẹp trên môi, và thế là tôi biết mình đã yêu.”

CHƯƠNG 74

Clair

Ngày 3 • 8:07 tối

Clair đứng trên hành lang bên ngoài phòng 316 ở Khách sạn Piedmont, hai tay siết chặt, lòng dạ rối bời. Đội Khám nghiệm Hiện trường có mặt cách đây mười phút và đã cho phong tỏa căn phòng.

"Clair xinh?"

Cô quay sang thì thấy Nash bước ra khỏi thang máy, vừa đi vừa cởi cúc chiếc áo khoác dày. "Xảy ra chuyện quái quỷ gì vậy?"

Clair lắc đầu. Cô vẫn đang cố xâu chuỗi mọi việc. "Hắn đầu độc bà ta. Hay ít ra là tôi nghĩ hắn đã làm thế. Tôi cố giúp bà ta nôn ra. Bà ta đã ổn định lúc nhân viên y tế đưa đi. Tuy nhiên, bà ta vẫn chưa tỉnh."

"Nhưng còn sống chứ?"

"Ừ. Còn sống." Cô đi vài bước, lưng quay về phía anh. "Tại sao lại có thể xảy ra chuyện này? Thằng khốn đó làm thế nào mà có thể đi trước chúng ta một bước như vậy chứ?"

"Chúng ta sẽ bắt được hắn."

Khi cô quay lại, đôi mắt cô ngấn lệ. "Tôi có nhiệm vụ bảo vệ bà ta, thế mà lại để hắn qua mặt. Để hắn suýt nữa cướp đi sinh mạng bà ta ngay trước mũi tôi."

Nash vòng tay ôm lấy cô và siết chặt. “Chuyện này *không* phải lỗi của cô, Clair xinh. Cô không thể làm được gì khác.”

“Đáng lẽ tôi phải lường trước. Trong vụ Randal Davies, hung thủ lẻn vào nhà họ, bỏ lisinopril vào cà phê của ông ta. Hắn biết ở nhà chỉ có mình ông ta uống cà phê, nên hắn nhắm vào ông ta. Bằng cách nào đó hắn bỏ thuốc độc vào đồ dùng của Darlene Biel, hoặc là nước súc miệng, hoặc là kem đánh răng… bà ta thường xuyên phải đi công tác. Hắn lấy đồ trong túi du lịch của bà ta rồi bỏ thuốc vào. Sau vụ Randal Davies, lẽ ra tôi phải lường trước được chuyện này, tôi phải…” Giọng cô nhỏ dần rồi tắt hẳn. Cô gục mặt vào vai anh.

“Thanh tra?”

Clair lùi lại, tạo khoảng cách với Nash và đưa tay quệt mắt, cô cảm thấy hơi xấu hổ. “Vâng?”

Sĩ quan khám nghiệm hiện trường Lindsy Rolfes đang đứng ở cửa phòng. Cô quay đi chỗ khác khi Nash buông Clair ra. “Cô nói đúng. Xét nghiệm tại chỗ cho kết quả dương tính với xyanua.”

“Kem đánh răng hay nước súc miệng?” Clair hỏi.

“Kem đánh răng. Chúng tôi tìm thấy một lỗ nhỏ trên tuýp kem. Có vẻ như hung thủ đã dùng kim tiêm để tiêm chất độc vào tuýp kem, vị trí tiêm cách đầu tuýp gần ba centimet. Do chất kem đặc nên bà ta có thể sử dụng nhiều ngày mà chưa tiếp xúc với phần có độc. Thực sự, tuýp kem là phương tiện hoàn hảo để truyền độc, nó đóng vai trò như một chiếc đồng hồ hẹn giờ thô sơ. Nếu hung thủ tiêm ở vị trí thấp hơn nữa, hắn có thể kéo dài thời gian, khiến vài tuần sau bà ta mới trúng độc thay vì vài ngày. Tôi sẽ chú ý

đến chi tiết đó, rất có thể hắn cố tình để bà ta trúng độc vào khoảng thời gian này.”

Clair hít một hơi thật dài rồi thở ra trước khi lên tiếng. Cô sẽ không để tên này thắng thế, không đời nào. “Còn gì nữa không?”

Rolfes đưa bàn tay đi găng đây gọng kính trên sống mũi. “Tạm thời có vậy thôi. Chúng tôi vẫn đang tiếp tục giám định đồ dùng cá nhân của bà ta. Tôi sẽ về phòng thí nghiệm và hoàn tất mọi việc tại đó.”

“Vậy là đồ dùng của ông chồng không có độc?” Nash hỏi.

“Chúng tôi không tìm thấy gì. Tôi sẽ gọi cho anh chị nếu phát hiện ra chi tiết nào khác.” Nói xong, cô quay người và đi vào phòng.

Clair xoa cằm, chậm rãi đi loanh quanh trên hành lang. “Cáo phó được viết cho Darlene Biel. Bà ta mới là mục tiêu. Như vậy có nghĩa hung thủ không chỉ nhắm vào các ông bố, mà là bố hoặc mẹ. Có một mối liên hệ nào đó giữa các nạn nhân - giữa các cô bé, giữa các phụ huynh. Ta chỉ cần tìm ra mối liên hệ đó thôi.”

“Cô cần nghỉ ngơi thì có.” Nash nói. “Cô vắt kiệt sức mình suốt hai ngày rồi. Cứ như thế thì cô không thể nghĩ được gì đâu. Cả tôi cũng vậy.” Anh hạ giọng nói tiếp. “Lúc đến đây, tôi mở cửa định xuống xe mà không nhớ là phải tháo dây an toàn. Xong tôi ngồi ngây ra đó mất mấy giây, cố nghĩ xem tại sao mình lại không ra được. Não tôi đơ thật rồi. Tất cả chúng ta đều cần nghỉ ngơi rồi sau đó quay lại làm tiếp.”

Clair lắc đầu. “Bây giờ tôi phải về Sở. Tôi cần nghiên cứu mấy tấm bảng, xem xét tất cả dữ liệu. Trong đó có manh mối, tôi tin là thế. Con gái họ vẫn đang mất tích, và có thể vẫn còn sống. Cô bé bị bắt đi mới có một ngày thôi.”

“Phân nửa nhân sự của Sở đã được huy động đi tìm cô bé rồi còn gì.”

“Tôi phải về Sở.” Cô bướng bỉnh nói.

Nash hẳn cũng biết mình không thể chiến thắng trong cuộc tranh luận này. “Thôi được, nhưng cô phải đồng ý với hai điều kiện. Thứ nhất, cô cố chợp mắt một lúc trên xô pha ở phòng tác chiến. Và thứ hai, để tôi đưa cô về. Cô không thể lái xe trong tình trạng này được. Bây giờ cô vẫn còn run rẩy, kích động vì adrenaline, nhưng đến khi gục ra đấy thì không có cách nào gượng dậy nổi đâu.”

“Tôi phải tin tưởng giao phó sinh mạng mình vào tay một gã mà đến dây an toàn cũng không biết đường cởi ư?”

“Cô làm gì còn ai ngoài tôi.”

“Chúa ơi, cứu con.”

Điện thoại của Clair rung lên. Cô lấy máy trong túi ra và đọc tin nhắn. Tim cô chùng xuống. “Họ tìm thấy cái xe tải và bồn nước bị đánh cắp rồi. Lại có thêm một thi thể nữa.”

CHƯƠNG 75

Porter

Ngày 3 • 8:07 tối

Ứng dụng GPS phát âm báo nhắc họ rẽ phải, Sarah cho xe giảm tốc độ, đi theo tấm biển chỉ dẫn để đến Simpsonville.

Porter lại đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. "Tôi trông thấy Heather đứng bên cạnh cúi xuống nhìn tôi, sau đó mới thấy cộng sự của mình. Anh ấy đứng dậy khỏi chiếc ghế trong góc phòng. Khoảng một tiếng sau thì sếp tôi đến. Lúc đầu, mọi chuyện khá kỳ quặc. Tôi nhận ra cộng sự, nhưng lại không hề nhận ra có điều không ổn. Tôi nhớ tôi đã đuổi theo tên buôn ma túy, tôi nhớ tôi đã trúng đạn, tất cả vẫn còn rất mới. Heather hỏi tôi tên gì, tôi nhanh nhảu đáp tôi là tình yêu của đời cô ấy. Cô ấy hỏi tổng thống đương nhiệm là ai, tôi trả lời ro ro. Tiếp đó cô ấy lại hỏi thế tổng thống tiền nhiệm là ai, đến đây thì tôi chịu chết. Không gì diễn tả được cảm giác ấy, chỉ biết là cứ như có người đã dùng tẩy xóa mờ ký ức đó của tôi vậy. Tôi có thể hình dung ra khuôn mặt ông ta, nhưng tên thì không tài nào nhớ nổi. Và thế là loạt bài kiểm tra, xét nghiệm bắt đầu, nhiều vô số kể."

"Một dạng mất trí nhớ à?"

"Chứng mất trí nhớ về trước* do tràn dịch não, họ gọi như vậy đấy. Khả năng vận động của tôi không bị ảnh hưởng, thật là may mắn. Phần lớn ký ức vẫn vẹn nguyên - từ thời thơ ấu, thời niên thiếu, thậm chí nhiều sự việc xảy ra trước đó chưa lâu, tất cả tôi vẫn nhớ, nhưng có những khoảng trống

rất lớn, ký ức của mấy tháng, mấy năm liền tự dưng bốc hơi." Anh ngừng lại giây lát, ngón tay gõ nhịp trên cửa sổ xe. "Heather từng yêu cầu tôi luyện tập bằng cách viết lại những dấu mốc quan trọng trong cuộc đời theo trình tự thời gian, cố gắng xác định ngày tháng càng chính xác càng tốt. Hôm nào chúng tôi cũng tập, lấy một tờ giấy trắng và viết ra tất cả những gì tôi có thể nhớ được. Mấy ngày đầu, bản danh sách cứ dài ra sau mỗi lần tập. Tình hình tiến triển tốt. Nhưng được khoảng một tuần thì ngừng. Tôi không mất đi ký ức nào khác, chỉ có quãng thời gian ấy là vẫn trống rỗng. Các bác sĩ trấn an tôi rằng những ký ức bị lãng quên rồi dần dần sẽ trở lại. Một vài trong số đó có lẽ đã trở lại thật, nhưng đến tận bây giờ tôi vẫn còn quên nhiều lắm."

"Heather đã cùng anh trải qua tất cả những điều đó sao?"

Porter gật đầu. "Cô ấy không nhận lời đi chơi chính thức với tôi chừng nào tôi chưa ra viện và trở lại nhịp sống bình thường trong ít nhất một tháng. Cả hai đều cảm thấy rung động, biết là có ý với nhau, nhưng hình như việc bệnh nhân nằm viện lâu ngày phải lòng người chăm sóc là chuyện thường xảy ra, cô ấy sợ rằng tình cảm giữa chúng tôi cũng giống thế thôi. Tôi biết là không phải, nhưng trong tình huống này, lời nói của tôi không có trọng lượng cho lắm. Chúng tôi vẫn gặp nhau hằng ngày để lên danh sách cho tôi - cô ấy gọi việc đó là "lên danh sách" - nhưng cô ấy quyết không chịu nhận lời chính thức đi chơi với tôi. Cuối cùng, khi cơ quan đồng ý cho tôi đi làm lại sau ba tháng kể từ ngày nhập viện thì cô ấy mới gật đầu, chúng tôi đi ăn tối rồi xem phim. Bộ phim hôm ấy chúng tôi xem là *The Princess Bride**. Bốn tháng sau, chúng tôi kết hôn."

"Anh không bận tâm khi mất đi một phần ký ức kia à?"

Porter nhún vai. “Những ký ức đẹp nhất của tôi là khi ở bên Heather. Tôi nhớ tất cả kỷ niệm chúng tôi đã có. Những thứ khác tôi không cần.”

“Thế còn công việc của anh ở Sở Cảnh sát? Quay lại làm tiếp có gặp khó khăn gì không?”

“Có, việc đó đúng là có chút khó khăn. Tôi đã không lường trước được. Ngoài một phần ký ức bị mất ra thì tôi không sao. Về mặt thể chất tôi vẫn bình thường, chỉ phải làm vài bài kiểm tra viết và khám sức khỏe, sau đó đi phỏng vấn, thế là lại tiếp tục lên đường xông pha, nhưng là với một cộng sự khác. Cộng sự cũ của tôi đã chuyển sang làm toàn thời gian bên đội phòng chống ma túy. Xét về khía cạnh nào đó, phát đạn ấy cũng lấy đi của tôi một thứ nữa. Charleston trong mắt tôi không còn được như xưa. Như thể thành phố đã trở nên đen tối hơn, xấu xa hơn đôi chút. Tôi luôn bất an mỗi khi đến gần cái ngõ nơi tôi gặp chuyện. Tôi bắt đầu cảm thấy nỗi lo lắng này có thể sẽ khiến tôi bị thương, khiến tôi sao nhãng không đúng lúc. Heather và tôi thảo luận về vấn đề này khá lâu, rồi chúng tôi quyết định chuyển đến Chicago, bắt đầu lại ở một nơi mới. Tôi xin sang đội tuần tra của Sở Cảnh sát Chicago, khi đội trọng án cần tuyển nhân sự thì tôi chớp luôn cơ hội. Khỉ thật, chuyện xảy ra cách đây lâu quá rồi, hồi ấy tôi vẫn còn trẻ lắm.”

“Hai người không sinh con à?”

“Chúng tôi có cân nhắc và nói chuyện với nhau không biết bao nhiêu lần, nhưng lần nào cũng cảm thấy chưa phải lúc thích hợp. Heather gần như là ngôi sao đang lên tại Bệnh viện Đa khoa Chicago, công việc của tôi ở Sở cũng suôn sẻ, thuận lợi. Mọi người thường hay tự nhủ để sang năm thì hơn, công việc đỡ bận bịu, tài chính ổn định, cứ vin vào đó để lần lữa mãi. Thế rồi chớp mắt một cái, nhìn lại thì đã quá muộn. Nhưng tôi không hối hận. Có lẽ tôi không muốn thay đổi bất cứ điều gì trong đời.”

“Ngay cả việc bị bắn vào đầu?”

“Ngay cả việc bị bắn vào đầu. Này, cô tấp xe vào kia đi.” Porter chỉ vào trạm xăng Stop-N-Go nhỏ ở đằng trước, bên phải đường.

“Để làm gì? Xăng vẫn còn đầy mà.”

“Mua đồ.”

Sarah giảm tốc độ rồi cho xe ra khỏi con đường cao tốc hai làn nhỏ hẹp và quành vào bãi xe rải sỏi. Một chiếc Ford bán tải cũ mèm đang đỗ trước cửa hàng. Ngoài nó ra, nơi này hoàn toàn vắng vẻ. Cô dừng lại bên cạnh cái xe bán tải và gạt cần số về chế độ đỗ. Cô giơ cuốn nhật ký lên. “Anh cứ đi đi. Trong này có vài chỗ tôi muốn xem lại.”

“Tôi sẽ quay lại ngay.” Anh tháo dây an toàn rồi xuống khỏi chiếc Sonata.

Chuông điện reo vang khi Porter đẩy cửa bước vào, nhân viên ở quầy thu ngân ngước lên nhìn anh một giây rồi lại cắm cúi đọc tạp chí *Autotrader*.

Cả cửa hàng chỉ có năm dãy kệ, Porter lượn qua từng dãy. Anh nhặt hai cái đèn pin, một vỉ pin cỡ trung, một hộp túi Ziploc, một hộp găng tay cao su, một máy ảnh kỹ thuật số rẻ tiền, và một túi snack Cheetos cỡ lớn. Anh mang tất cả ra và đặt lên quầy thu ngân.

Cậu thu ngân trông như chỉ mười sáu, mười bảy tuổi là cùng. Cậu ta có cái mụn to đùng ngự trên cái cằm ửng hồng, mũi quá bự trong khi mặt thì nhỏ. Cậu ta bỏ cuốn tạp chí xuống, gật đầu với Porter rồi bắt đầu quét mã hàng hóa. Cậu ta quét hộp găng tay đến lần thứ tư máy mới chịu nhận. Porter tự hỏi không hiểu cậu này có biết tính tiền không nữa.

“Tất cả là 23,48 đô.” Cậu nhóc nói và nhìn những món hàng một lượt. “Chú định mở phòng khám hậu môn - trực tràng à?”

“Trò phẫu thuật não không kiếm được mấy nên tôi tính đổi nghề.”

Porter đưa cho cậu thu ngân một tờ hai mươi đô và một tờ năm đô, sau đó anh tự bỏ đồ vào túi trong lúc cậu ta đếm tiền trả lại anh.

“Chúc chú buổi tối vui vẻ, bác sĩ.”

“Ừ.”

Khi vào xe, anh để lại túi Cheetos rồi bỏ chỗ đồ còn lại xuống dưới chân. Sarah giữ cuốn nhật ký trên vô lăng trong lúc đánh xe ra đường, ngón trỏ kẹp vào giữa để đánh dấu trang đang đọc dở.

“Cô đọc xong cả cuốn rồi mà chẳng nhận xét gì cả. Cô nghĩ sao?”

Cô thở hắt ra một hơi. “Tôi không biết phải nghĩ sao nữa. Phần nào trong tôi cảm thấy đứa trẻ đó cũng đáng thương. Nhưng rồi tôi nhớ đến tất cả những người bị hắn hại, những sinh mạng bị hắn cướp đi, và tôi tự nhắc mình nhớ rằng hắn là một con quái vật. Rồi còn mẹ hắn nữa. Bà ta bảo “Chuyện không phải như trong này viết đâu.” Vậy nghĩa là sao? Tất cả đều không phải á? Hay chỉ một vài phần? Chúng ta vừa trải qua chuyến bay hơn chín trăm cây số chỉ vì một phạm nhân viết một dòng địa chỉ vào cuốn sổ này đây.”

Porter không nói gì.

Cô thảy cuốn nhật ký vào lòng anh. “Cho tôi miếng Cheetos đi.”

Porter mở túi snack và đưa cho cô.

Sarah nhón một miếng bỏ vào miệng. “Nếu thân chủ của tôi thực sự đã gây ra một nửa trong số những việc được nhắc đến trong này thì sao?” Cô

lắc đầu, liếm ngón tay. “Tôi không thể làm luật sư đại diện cho một người như thế được. Không đời nào.”

Giọng nói vang lên từ GPS nhắc họ đi thêm ba trăm mét nữa thì rẽ trái, vào đường Jenkins Bridge. Sarah bật xi nhan.

Lúc xe mới ra khỏi thành phố Porter đã thấy tối lắm rồi. Nhưng ở đây thậm chí còn tệ hơn. Xung quanh tuyệt không có bóng dáng ngôi nhà hay cái xe nào, chỉ toàn đường sá và bãi đất nông nghiệp.

Sarah rẽ trái, đường Jenkins Bridge tuy có trải nhựa nhưng vẫn rất khó đi. Cô đánh xe sang trái để khỏi sa vào một ổ gà to tướng nằm chình ình ở giữa, sau đó lại ngoặt gấp sang phải để tránh cái ổ gà kế tiếp. Hai bên đường, thiên nhiên đã bắt đầu giành lại đất đai từ tay con người, cỏ dại và cây cối mọc tràn lan, khiến vỉa hè nứt toác, xuống cấp trầm trọng. “HBT.” Sarah nói, cho xe đi chậm lại.

“Sao cơ?”

“Hóc bà tó.”

“Tôi không hiểu câu đó nghĩa là gì.”

“Nghĩa là chúng ta đang ở nơi khỉ ho cò gáy, và chỉ ba phút nữa thôi là tôi bắt đầu suy nghĩ lại về những lựa chọn gần đây của mình.”

GPS nhắc cô đi thêm ba mươi mét rồi rẽ trái. Sarah bật đèn chiếu xa. “Anh có thấy chỗ rẽ nào không? Vì tôi không thấy. Tôi chẳng nhìn thấy gì mấy.”

Porter nhoài người về phía trước. “Kia kìa. Ngay sau tảng đá to tướng kia.”

Sarah rẽ sang trái, con đường nhựa chuyển thành đường rải sỏi xen lẫn với cỏ. “Nếu anh giết tôi ngoài này rồi vứt xác tôi trong cái huyệt nông

choèn nào đó, ít nhất hãy tìm cho cá của tôi một gia đình tử tế nhé?”

“Cô nuôi cá sao?”

“Một con thôi. Nó tên là Monroe. Cậu chàng rất biết lắng nghe và chỉ hay phán xét chút xíu.”

Bãi đất nông nghiệp dần nhường chỗ cho cây cối, nào sồi, dương đào, và các loài cây thường xanh. Rặng cây cao vút, cành lá vươn dài vắt ngang qua con đường nhỏ, cong queo, vặn xoắn vơi lên trời cao hệt như những ngón tay khẳng khiu đan vào nhau.

“Bạn còn cách điểm đến phía trước ba mươi mét.” Giọng nói trên GPS thông báo. “Địa điểm cần tìm nằm ở bên phải.”

Sarah nhíu mày. “Tôi chẳng nhìn thấy gì cả, anh thì sao? Anh có nghĩ bà ta nói dối không?”

“Tôi không biết phải nghĩ gì nữa.”

Ứng dụng GPS phát một giai điệu nho nhỏ vui tai, sau đó thông báo: “Bạn đã đến nơi.”

Sarah đạp phanh và dừng xe. “Ở đây chẳng có gì hết. Bà ta chơi chúng ta một vố rồi.”

Porter dõi mắt nhìn thẳng. Phía trước, con đường chạy thêm một đoạn ngắn rồi mất hút trong đám cây cối và bụi rậm um tùm. Nhìn quanh, anh không thấy gì ngoài rừng cây mọc san sát.

Porter tháo dây an toàn, mở cửa xe và bước ra ngoài trời đêm lạnh lẽo.

Sarah tắt máy rồi cũng xuống xe.

Sỏi lạo xạo dưới gót giày khi anh tiến đến bên vệ đường. Tất cả sức lực trong anh bỗng cạn sạch, vai anh thõng xuống. “Tôi đúng là thằng ngốc.” Anh nói. “Đáng lẽ tôi phải nhận ra ngay từ đầu chứ.”

Sarah đi vòng qua đầu xe, tới đứng cạnh và đặt tay lên vai anh. “Anh, là một cảnh sát tốt. Anh đã cố gắng lần theo đầu mối. Chỉ có điều, không phải lúc nào việc đó cũng mang lại kết quả.”

Chợt có thứ gì đó chạy vụt sang bụi rậm phía bên trái, cách hai người không xa. Porter ngoái lại thì thấy một cặp mắt sáng long lanh ngước lên nhìn mình. Cặp mắt bất động chừng một giây rồi mất hút trong bụi cây. “Cái gì thế kia?”

“Hình như là con gấu mèo.”

Porter đi sang trái vài bước. “Ý tôi không phải con vật…”

Anh đưa tay, với lấy một thân dây leo to, mọc trùm lên…

“Đó là hòm thư sao?”

Anh gạt đi đám cỏ dại và bụi rậm, để lộ ra cái cột chống xiêu vẹo và chiếc hòm với lớp sơn trắng nứt nẻ trên đỉnh cột.

Anh mắt anh dán chặt vào một từ viết bằng sơn đen đã phai màu trên thân hòm thư, khó mà nhìn rõ được dưới ánh sáng tù mù.

Bishop.

CHƯƠNG 76

Poole

Ngày 3 • 8:07 tối

Frank Poole bước vào phòng làm việc ở tầng hầm của Sở Cảnh sát Chicago và gạt công tắc. Những chiếc đèn huỳnh quang bật sáng, ánh đèn vàng lan tỏa khắp phòng. Anh nhăn mũi khi ngửi thấy thứ mùi kỳ quặc bốc ra từ trong góc phía xa. Họ chưa xác định được đó là mùi gì nhưng đã phát hiện nó bắt nguồn từ vết bẩn hình ôvan trên tấm thảm bên dưới một cái bàn cũ.

Poole cởi áo khoác, khăn quàng và mũ rồi đặt lên chiếc bàn cạnh cửa. Anh bước tới giữa phòng và ngồi ghé vào mép bàn, đăm đăm nhìn lên mấy tấm bảng trắng phía trước.

Anh nên về nhà mới phải.

Anh cần ngủ một giấc.

Nhưng anh không thể.

Poole biết, ngay khi nhắm mắt, anh sẽ thấy Libby McInley đang chờ sẵn, cố gắng đến cùng cực để nói cho anh biết những gì xảy ra nhưng đành bất lực, cô ta đã bị diệt khẩu.

Diener bỏ lại chiếc khăn quàng cổ trên sàn, gần cửa chính.

Stewart, tên anh ta là Stewart.

Poole không biết nhiều về anh ta. Anh nhớ có trông thấy anh ta mấy lần ở văn phòng chi nhánh của FBI tại Chicago, nhưng đây là lần đầu tiên hai người cùng tham gia phá án. Anh ta chưa kết hôn, cũng không có bạn gái. Hay ít ra là anh không thấy anh ta nhắc đến. Poole chẳng biết gì về thân thế của người cộng sự. Anh không biết anh ta sinh ra và lớn lên ở đâu, học trường nào, có anh chị em gì không. Đặc vụ Toàn quyền Hurless nói ông ta sẽ đích thân báo tin cho gia đình Diener, nhưng không nói rõ là ai.

Poole biết mình là người cuối cùng trông thấy anh ta còn sống, nên sớm muộn gì anh cũng sẽ phải liên lạc với họ, những người quan trọng đối với Stewart Diener. Anh chỉ ước giá như trước đây mình quan tâm hỏi thăm để biết đó là người nào.

“Chết tiệt, Diener.” Anh lẩm bẩm và lắc đầu.

Anh bước tới đứng trước mấy tấm bảng trắng, lau sạch một góc ở phía trên bên phải rồi viết:

Nhà xanh - số 518 đường 41

Bishop - ẩn náu tại đó bấy lâu nay?

Đã xóa sạch - không để lại vật chứng - có kế hoạch tẩu thoát nhanh chóng

Nhà tập kết thư - số 519 đường 41

Giấy tờ giả của Libby McInley được gửi tới đó - Bishop sắp xếp?

Tại sao Bishop giúp Libby McInley? Tại sao Libby lại đồng ý giúp hắn? Kẻ đã giết em gái cô ta, Barbara McInley?

Tại sao hắn giết Libby McInley?

Viết đến đây, Poole dừng lại. Thật vô lý. Nếu Bishop quả thực đã giúp Libby McInley thì sao hắn lại giết cô ta? Hay là bọn chúng nảy sinh bất đồng? Nhưng muốn thế thì trước đó hai bên phải qua lại với nhau đã. Giữa hai kẻ này có thể có mối quan hệ kiểu gì được? Hắn đã giết em gái cô ta. Đúng hơn là hắn *tra tấn* rồi giết em gái cô ta. Liệu có thể nào chúng có quen biết nhau? Nếu vậy, chúng quen nhau trước khi Barbara bị giết hay là hai bên đã tìm cách liên lạc trong thời gian Libby ngồi tù? Việc đó chắc chắn sẽ bị ghi lại. Không thể có chuyện hai bên thư từ, gọi điện thoại hay gặp gỡ mà trại giam lại không biết gì.

Anh viết lên bảng mấy chữ TRUNG TÂM CẢI HUẤN STATEVILLE.

Anh cần phải kiểm tra toàn bộ hồ sơ thi hành án của cô ta. Bishop đã dùng cách nào đó để trao đổi thư từ với cô ta. Tìm ra những lá thư đó chính là mấu chốt để phá án.

Tìm ra *phương thức.*

Poole lau sạch một chỗ khác trên bảng rồi chép lại ba bài thơ và một câu mà Bishop viết trên bức tường của ngôi nhà tập kết thư.

Bishop lấy điện thoại di động của họ phải chăng vì họ đã chụp ảnh, đã lưu lại những dòng chữ ấy? Lúc đầu Poole cứ nghĩ hắn làm thế là để cầm chân họ, để hắn có thời gian tẩu thoát trước khi Poole có thể đi tìm người giúp đỡ. Nhưng bây giờ anh lại không dám chắc.

Bishop đã kỳ vọng Thanh tra Sam Porter tìm thấy ngôi nhà chứ không phải đặc vụ liên bang. Điều đó có nghĩa hắn muốn Porter đọc được những dòng chữ đó. Hắn muốn Porter phải suy luận để hiểu ra ý nghĩa của chúng. Anh và Diener khiến kế hoạch của hắn phá sản khi đến trước một bước, làm đảo lộn mọi việc Bishop có thể đã sắp đặt. Poole lấy điện thoại ra định chụp ảnh bức tường thì Diener chen vào, ngăn anh lại trước khi anh kịp chụp dù chỉ một tấm.

Có thể nào hắn giết Diener vì anh ta trông thấy chữ viết trên tường? Vì anh ta chụp ảnh lại? Liệu hắn có xem những tấm ảnh trong máy của Diener không? Bishop không tìm thấy tấm ảnh nào trong máy của anh, phải chăng vì thế hắn mới để anh sống? Vì hắn nghĩ anh chưa nhìn thấy chữ viết trên tường?

Có thể lắm.

Nhưng Poole đã trông thấy những dòng chữ ấy. Anh nhớ như in từng từ trong đó.

Anh ngước nhìn ba bài thơ trên bảng, đặc biệt là những chữ được gạch chân.

Băng

nước

Sống chết

Nhà

sợ

Chết

"Anh không thể đóng vai Chúa Trời nếu không chịu kết giao cùng quỷ dữ." Poole lẩm nhẩm đọc.

Chết là từ duy nhất lặp lại. Anh khoanh tròn cả hai chỗ rồi viết *Chết x2* bên dưới.

Vết sưng ở gáy anh dậy lên nhức nhối. Nhân viên y tế nói anh có thể bị chấn động não nhẹ. Anh cần phải ngủ một giấc, nhưng có lẽ làm vậy không nên. Anh không thực sự muốn ngủ. Anh muốn tiếp tục giải bài toán này.

Giấc ngủ sẽ giúp anh tỉnh táo, sáng suốt hơn.

Anh quay lại bàn, lục trong ca táp và tìm thấy một lọ Advil. Anh dốc ra ba viên rồi cứ thế nuốt chửng.

Đống giấy tờ có trong mấy chiếc hộp lúc trước anh lấy ra xem qua vẫn đang nằm đó. Ảnh Polaroid và những trang giấy thống kê la liệt trên cái bàn bên cạnh anh.

Anh ngẩng đầu nhìn lên bảng.

Poole chưa bao giờ tin trên đời có sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Tất cả những thứ này chắc chắn đều có liên quan đến nhau.

CHƯƠNG 77

Porter

Ngày 3 • 8:07 tối

Porter nhìn chằm chằm vào cái hòm thư.

Anh cảm thấy có điều gì đó quen quen, từ cái tên Bishop nguệch ngoạc trên thân hòm bằng nét chữ ngây ngô như trẻ con cho tới chính cái hòm thư, và cả nơi này nữa. Anh nhớ trong cuốn nhật ký không nhắc cụ thể đến nó, vậy mà anh vẫn có cảm giác mình từng đến đây rồi.

"Sam? Anh không sao chứ?"

Porter đã nhắm mắt lại. Anh không hề có chút ý niệm nào về việc đó. Khi mở mắt ra, anh thấy Sarah đang chăm chú nhìn mình, khuôn mặt toát lên vẻ âu lo, khó lòng thấy rõ dưới ánh trăng bàng bạc.

Cô đặt tay lên vai anh. "Vừa rồi anh lại như người mất hồn, giống hệt lúc ở trong trại giam. Thực sự tôi nghĩ chúng ta nên tìm một khách sạn nghỉ qua đêm, chờ đến sáng rồi quay lại. Cả anh và tôi đều cần ngủ một giấc, với lại, đằng nào bây giờ cũng có nhìn thấy gì ở đây đâu."

Tim Porter đập liên hồi kỳ trận trong lồng ngực. Anh không thể ngủ được, không phải lúc này. "Tôi không sao… Tôi… tôi có mang đèn pin."

Anh quay người tiến về phía chiếc xe, loạng choạng suýt ngã khi bước trên con đường rải sỏi. Anh phải bám vào thành xe để đứng vững.

Sarah lại chạy đến bên anh. "Anh có sao đấy, Sam ạ. Trông anh như sắp ngất ấy. Vào xe ngồi nghỉ một lúc đi. Mặt mũi anh trắng bệch như tờ giấy

kìa.”

Sam đưa một tay lên xoa phía sau đầu, chỗ có vết sẹo, tay kia vẫn vịn vào ô tô. “Tôi không sao mà.”

Lời nói thốt ra gay gắt hơn so với chủ ý của anh. Sarah lùi lại.

Anh hít một hơi. “Xin lỗi cô, tôi không cố ý ăn nói như…”

“Như một tên khốn?” Cô nói nốt giùm anh.

“Tôi đâu ngờ những gì viết trong đó là thật.” Anh hất hàm về phía cuốn nhật ký vẫn nằm trên ghế trước. “Tôi đâu ngờ *thứ kia* là thật. Tôi… tôi không thể bỏ đi bây giờ được. Tôi cần phải ngó qua. Tôi cần phải xem có gì ở đây. Tôi sợ nếu tôi về thì sáng mai nơi này sẽ không còn nữa. Tôi biết điều đó nghe có vẻ ngớ ngẩn, có lẽ đúng là ngớ ngẩn thật, nhưng tôi cần ở lại. Cô không cần phải làm thế nếu không muốn, nhưng tôi thì khác. Tôi không nghĩ mình có quyền lựa chọn.”

Cô đưa tay lên, ôm lấy khuôn mặt anh.

Anh thầm biết ơn cô vì điều đó. Anh *cần* cô chạm vào anh.

“Tôi sẽ không để anh mò mẫm một mình trong bóng tối. Chuyện này dù có ra sao đi nữa, chúng ta cũng sẽ cùng nhau vượt qua. Nhưng tôi phải nói rõ với anh một điều. Khi nào chúng ta quay lại thế giới văn minh, anh nợ bà cô này một bữa tối ra trò đấy nhé.”

“Đồng ý.” Nụ cười thấp thoáng nở trên môi Porter. “Hình như tôi có thấy mấy phiếu giảm giá cũ của quán Arby trên ghế sau thì phải.”

Hai người cứ đứng như vậy gần mười phút, chờ cho Porter lấy lại sức và tỉnh táo hơn. Sarah đã nắm lấy tay anh tự bao giờ. Anh không nhớ chuyện xảy ra lúc nào, ước gì anh nhớ được. Đó mới là những khoảnh khắc đáng để khắc ghi, chứ không phải một vài ý nghĩ đang quay cuồng trong

tâm trí anh. Anh siết nhẹ tay cô. “Có lẽ tôi bình tâm lại rồi. Chắc là vừa nãy tôi bị choáng ngợp một chút.”

Porter buông tay cô ra và nhoài người vào trong xe, với lấy túi đồ mua ở cửa hàng tiện ích. Anh đặt túi lên nóc xe, tháo vỏ của hai cái đèn pin, lắp pin vào rồi đưa cho Sarah một cái. Cuốn nhật ký thì anh nhét vào túi.

Sarah bật đèn, chiếu luồng sáng lên xuống dọc theo con đường hoang vắng trong lúc Porter đọc hướng dẫn sử dụng của chiếc máy ảnh kỹ thuật số.

“Ở đây có một lối đi rải sỏi, hoặc cũng có thể là một con đường cũ. Tôi không dám chắc, vì cỏ dại chiếm cứ hết rồi.” Cô đứng gần cái hòm thư, cách anh chừng mét rưỡi. “Còn nữa. Hình như bên cạnh hòm thư *Bishop* từng có một hòm thư khác thì phải. Tôi tìm thấy cái cột chống, nhưng nó gãy rồi, chỉ còn một đoạn khoảng sáu mươi centimet cắm trên đất.”

“Nếu hòm thư vẫn còn thì trên đó chắc sẽ đề tên *Carter.* Gia đình Carter là hàng xóm sát vách với nhà Bishop mà.”

“À, phải rồi, theo như trong nhật ký.”

Sau khi hài lòng vì đã nắm được cách sử dụng máy ảnh, Porter lại cất hộp găng tay, túi Ziploc và cái máy ảnh vào túi, đóng cửa xe rồi bước tới bên cô. Ánh đèn của cô vẫn đang chiếu vào phần còn lại của cái cột chống. Khi thấy anh đứng cạnh, cô rọi đèn lên lối đi rải sỏi mới được phát hiện. “Ý tôi là vậy đấy. Tôi nghĩ nơi này lâu lắm rồi không có người lui tới.”

Porter dõi mắt theo luồng sáng, nhìn nó loang loáng chiếu lên con đường rải sỏi gồ ghề, đầy rác rến và cỏ dại. Nhìn nó nhảy nhót trên những tàng cây, lặng lẽ thoắt ẩn thoắt hiện dưới ánh trăng. Anh nhìn bóng tối dần dần nuốt trọn ánh sáng ở nơi xa nhất chiếc đèn có thể chiếu tới. Rồi anh

nắm lấy bàn tay không vướng bận của Sarah và bắt đầu tiến về phía bóng tối ấy, không ai nói thêm dù chỉ một lời.

CHƯƠNG 78

Clair

Ngày 3 • 8:15 tối

Clair nhác thấy ánh đèn chớp xanh đỏ khi xe chạy trên đại lộ Ashland. Cô chỉ tay về phía trước qua kính chắn gió. “Kia kìa.”

“Tôi thấy rồi.” Nash đáp và rẽ vào bãi đỗ xe của siêu thị Walmart.

Hai người đi theo biển chỉ dẫn bên hông tòa nhà dài để tới sân bốc dỡ ở phía sau. Khi vòng qua ngã rẽ, họ bắt gặp hai chiếc xe tuần tra cùng với một rào chắn dựng lên ở giữa để chặn đường. Sĩ quan bên trái nhấc một đầu rào chắn và ra hiệu mời họ đi qua rồi lại hạ rào xuống. Nash tấp xe vào chỗ trống giữa một trong mấy chiếc xe van của Đội Khám nghiệm Hiện trường và một xe cứu thương. Hai nhân viên y tế đang đứng hút thuốc phía cuối xe, không có việc gì để làm ngoài chờ đợi.

“Anh có ngửi thấy mùi xăng không?” Clair hỏi.

“Do Connie đây mà.” Nash giải thích. “Khi ở chế độ đỗ, mùi xăng bốc lên từ đâu đó phía bên dưới. Tôi phải đưa nàng đi kiểm tra mới được.”

“Con xe này đích thị là cái bẫy chết người đấy, anh biết chứ?”

“Đừng dìm hàng em yêu của tôi khi nàng đang suy sụp. Rồi sẽ đâu vào đấy cả thôi mà. Phải không, Connie cưng?” Anh đưa tay vuốt ve bảng điều khiển rồi gửi một cái hôn gió về phía ấy.

“Bishop tuổi gì so với ông. Ông khùng thấy bà cố.” Clair xuống xe, bước ra ngoài trời lạnh buốt rồi đóng sầm cửa, đút hai tay vào túi. Nash

theo sau, suýt trượt chân khi giẫm phải lớp băng trên mặt đất.

Chiếc xe bán tải Toyota Tundra màu xám kéo theo cái bồn chứa nước đang đỗ trên cầu dẫn nối với cửa bốc dỡ. Đội Khám nghiệm Hiện trường đã bố trí dàn đèn pha halogen cỡ lớn xung quanh cái xe. Khu vực cách ly được quây lại bằng dải băng vàng chóe. Có ít nhất nửa tá sĩ quan tuần tra mặc cảnh phục đứng dàn hàng ngang, ngăn đám người đang kéo đến mỗi lúc một đông. Phần lớn trong số đó là nhân viên Walmart, siêu thị này mở cửa 24/24. Nhưng họ hẳn là đã gọi điện cho bạn bè, vì trong số những người quan sát có vài người không mặc đồng phục, một chiếc ô tô đang tiến lại từ phía bên kia bãi xe, hướng thẳng tới nơi có ánh đèn và đông người tụ tập. Clair biết rằng một khi tin tức lọt ra ngoài thì chẳng mấy chốc, đám người này sẽ tăng lên gấp đôi, thậm chí gấp ba. Tình hình sẽ càng thêm tồi tệ khi báo giới kéo đến.

Clair đếm được ba sĩ quan khám nghiệm hiện trường. Cả ba đang đứng trong khu vực cách ly để đợi lệnh.

Trông thấy họ từ xa, Trung úy Belkin rời khỏi đám đông và chậm rãi tiến tới. Ông ta mặc áo phao màu xanh hải quân, phù hiệu gắn trên ve áo, lưng áo in mấy chữ SỞ CẢNH SÁT CHICAGO màu trắng to tướng. “Chúng tôi cho phong tỏa hiện trường ngay khi đến nơi.” Ông ta chỉ về phía cái xe đầu kéo đỗ cách đó khoảng mười lăm mét. “Cái xe kia vào đây lúc gần tám giờ, tài xế phải gọi điện cho người của siêu thị vì con xe bán tải đỗ chình ình trên cầu dẫn đã chặn đường của anh ta. Nhân viên quản lý kho đi ra, thấy trong cabin có người nên đến yêu cầu người đó di chuyển đi chỗ khác, rồi ông ta lùi lại và gọi điện đến tổng đài 911 khi phát hiện… ừm, phát hiện cái gì thì anh chị sẽ biết ngay thôi. Ông ta có chạm vào khung cửa xe. Chúng tôi đã lấy dấu vân tay của ông ta để loại trừ, đồng thời lấy cả

khuôn đế giày để xác định dấu giày của ông ta xung quanh cái xe. Có dấu giày của một người thứ hai in trên tuyết, nhưng thời tiết này đã làm xáo trộn khá nhiều. Đội Khám nghiệm Hiện trường cũng lấy khuôn rồi, có thể là dấu giày của hung thủ. Họ đã kiểm tra xung quanh cái xe vài lần. Hy vọng tìm được manh mối nào đó. Nhân viên quản lý kho tên là Willis Cortese, chúng tôi giữ ông ta lại bên trong kho. Anh chị có thể thẩm vấn ông ta nếu cần, nhưng tôi nghĩ ông ta cũng chẳng cung cấp thêm được gì nhiều đâu."

Nash chỉ vào camera giám sát phía trên sân bốc dỡ. "Có ghi lại được gì không?"

Belkin lắc đầu. "Ngoài này có ba camera. Ai đó đã phá chúng hôm thứ Ba tuần trước. Đội bảo trì chưa kịp lắp cái mới."

"Phá thế nào được nhỉ? Chúng ở tít trên cao mà."

"Cắt dây truyền tín hiệu video rồi dùng vật cứng, nặng để đập camera. Họ không biết chính xác hung thủ đã làm như thế nào, chỉ biết là mấy cái camera nát bét. Kẻ gây án dù là ai đi nữa cũng khá rành về camera. Chúng tiếp cận camera từ điểm mù. Bộ phận An ninh siêu thị cho biết, hình ảnh đang truyền trực tiếp thì đột nhiên tối thui, không ghi lại được mặt mũi hung thủ. Tôi đã cử người kiểm tra phần cứng và băng ghi hình, phòng khi họ bỏ sót chi tiết nào đó."

Nash và Clair trao đổi ánh mắt thật nhanh. Cả hai đang nghĩ đến cùng một điều: Bishop.

Belkin ngoắc ngón tay cái về phía chiếc xe bán tải ở đằng sau. "Trông gớm lắm. Tôi chưa thấy thứ gì giống thế bao giờ."

"Dẫn chúng tôi tới đó đi." Clair nói.

Belkin gật đầu rồi quay lại, đi về phía chiếc xe tải. Ông ta khom người chui qua dải băng vàng và vén nó lên cho Clair và Nash. Ông ta tiến tới bên ghế lái. Cửa sổ xe đang mở. "Chúng tôi cho rằng, nhiều khả năng hung thủ của các vị đã dùng ống dẫn nước nối với cái bồn chứa để đưa nước vào trong buồng lái, tổng thể tích lên đến gần hai mét khối. Việc này mất kha khá thời gian đấy. Hai mươi, ba mươi phút, cũng có thể lâu hơn. Khi tôi tới đây, nhiệt độ ngoài trời là khoảng âm mười ba độ C, nhiệt độ có hiệu ứng phong hàn là âm mười chín độ. Bên Hiện trường vẫn đang tiếp tục điều tra, nhưng họ cho rằng kẻ nào làm việc này hẳn phải xịt nước vào trong buồng lái vài phút, sau đó nghỉ khoảng năm đến mười phút, rồi lại xịt tiếp. Họ nói hắn đắp theo từng lớp. Thời tiết tuy rất lạnh nhưng để được như thế kia thì phải làm từ từ. Nếu dẫn hết nước vào cùng một lúc thì kết quả sẽ không được như vậy đâu. Cần phải hết sức kiên nhẫn kèm theo lá gan cỡ bự, nhất là khi dám ra tay ở nơi lộ thiên như thế này."

Clair cố gắng căng tai ra nghe Trung úy Belkin giải thích cho hai người hiểu những gì họ đang chứng kiến. Sau đó, ông ta phân tích kĩ hơn về độ dày và kết cấu của băng. Cô nghe thấy Nash hỏi nước này có phải là nước mặn không. Cô nghe thấy Belkin đáp rằng không. Nước mặn không đóng băng ở nhiệt độ này được. Cô lắng nghe tất cả những điều ấy trong lúc não bộ vẫn đang cố gắng định hình thứ đang đập vào mắt cô.

Trong buồng lái của chiếc xe bán tải có một người đang ngồi. Người đó thắt dây an toàn, hai tay đặt trên vô lăng. Mắt nhìn thẳng về phía trước, dán chặt vào vật thể vô hình nào đó ở đằng xa.

Cái xác được bọc trong một khối băng thô dày, kết thành từng mảng - mỏng hơn ở quanh đầu và mặt, dày hơn ở ghế và sàn xe.

Khuôn mặt hướng thẳng về phía trước với ánh nhìn đông cứng, vô hồn.

Đó là một cậu bé. Một cậu bé tuổi thiếu niên.

CHƯƠNG 79

Porter

Ngày 3 • 9:10 tối

Ngôi nhà là thứ đầu tiên hai người trông thấy.

Đúng hơn là những gì còn lại của ngôi nhà.

Porter và Sarah dừng bước trên lối đi, ánh đèn pin loang loáng rọi lên những tấm ván ốp bị dây leo và cỏ dại lấp kín.

Nơi này từng xảy ra hỏa hoạn, điều đó thì không thể lẫn vào đâu được. Mái nhà đã mất, những mảng tường còn sót lại đầy vết cháy đen. Ngôi nhà đã sập gần hết, nếu không phải trong trận hỏa hoạn thì cũng là sau này.

Porter lấy máy ảnh ra, đưa cho Sarah. "Cô làm chân phó nháy nhé."

"Có cần chụp kĩ ở đâu không?"

"Cái máy đó lưu được một ngàn tấm cơ, nên cứ chụp thoải mái. Tôi muốn ghi lại tất cả. Chúng ta chưa biết chi tiết nào có thể là manh mối quan trọng."

Sarah giơ máy ảnh lên và quan sát ngôi nhà qua kính ngắm.

Nhà này khá nhỏ.

Porter biết được điều đó nhờ đếm bước chân. Diện tích chỉ vào khoảng bảy mươi đến tám mươi mét vuông là cùng. Trong nhật ký có nhắc đến hiên nhà, nhưng thực tế hoàn toàn không như những gì Porter trông đợi. Từ những mô tả trong đó, anh hình dung ra một hàng hiên rộng bao quanh ngôi

nhà tương đối lớn. Nơi này chẳng có gì giống thế cả. Hiên nhà chỉ rộng chừng mét tám, sâu mét hai, đặt chênh vênh trên nền gạch không nung cũ kĩ. Có hai bậc tam cấp bằng gỗ, nhưng anh không tin chúng chịu được sức nặng cơ thể anh. Cả hai đều đã mục nát từ lâu.

"Tôi cứ tưởng ngôi nhà phải lớn hơn cơ." Sarah lên tiếng bên cạnh anh. "Theo như những gì viết trong nhật ký."

Cái máy ảnh phát ra tiếng tanh tách rất khẽ mỗi khi Sarah chụp một tấm. Thật buồn cười, con người ta lại cứ thích níu giữ quá khứ như vậy đấy, Porter thầm nghĩ. Máy ảnh kỹ thuật số thì cần gì phát ra tiếng động khi chụp như máy cơ, ấy thế mà có người cất công thêm âm thanh đó vào.

"Tôi nghĩ là do mắt nhìn của trẻ nhỏ. Mọi thứ qua con mắt trẻ thơ đều trở nên to lớn hơn mà."

"Có lẽ vậy."

Porter rón rén đặt một chân lên hiên nhà, bước qua chỗ ván mục. Luồng sáng đèn pin của anh tìm thấy nơi từng có cánh cửa, giờ chỉ còn là một khoảng trống hoác.

"Anh không định vào đó đấy chứ?" Sarah hỏi.

"Tôi cần phải xem tầng hầm."

Ánh đèn của Sarah hắt lên hai bức tường còn sót lại và khoảng trống từng là mái nhà, cuối cùng dừng lại ở tàn tích của sàn nhà. "Đi trên đó chắc chắn là không an toàn đâu."

Porter tiến thêm một bước nữa. Ván sàn phát ra tiếng rên rỉ như phản kháng dưới chân anh.

"Anh mà rơi xuống thì có thể bị thương nặng đấy. Chúng ta đang ở nơi đồng không mông quạnh thế này."

Ánh đèn của Porter chiếu vào đống sắt vụn là chiếc tủ lạnh cũ và cái bếp nằm trong đống đổ nát, cách cửa chính khoảng ba mét sáu. Một ổ khóa han gỉ treo lủng lẳng trên cánh tủ.

Đúng chín giờ sáng, mẹ sẽ cài then tủ lạnh rồi khóa chặt cánh cửa tủ bằng ổ khóa Stanley mới tinh sáng bóng. Nó sẽ bị khóa cho đến giờ ăn trưa, và quy trình sẽ lặp lại cho tới khi bữa tối được dọn ra. Tuy tôi hoàn toàn có thể nhịn đến tận trưa, nhưng có điều gì đó nói với tôi rằng kiếm chút đồ ăn bỏ bụng sẽ xua đi dư âm của cơn say tối qua và có thể giúp tôi cầm cự cho tới hết ngày.

Những gì còn lại của mấy vách tường ghép bằng ván gỗ cỡ 2x4 dựng đứng đó đây, hệt như những cái tăm xỉa răng to tướng, đen sì đâm lên từ dưới sàn. Một cái bồn tắm cũ bị vùi dưới đống tan hoang ở sâu bên trong.

Porter thận trọng đi thêm một bước rồi khuỵu gối xuống bên cạnh một lỗ hổng lớn trên sàn của căn phòng có lẽ từng là phòng khách. Ánh đèn rọi lên đống gạch vụn rơi từ trên xuống cách đây đã lâu lắm rồi, ngoài ra chẳng thể thấy được gì mấy. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, anh cứ tưởng mình vừa tìm thấy đường ống bằng kim loại mà hai vợ chồng Carter từng bị xích vào, nhưng hóa ra đó chỉ là một cái cây không hiểu bằng cách nào đã bám rễ dưới sàn bê tông nứt nẻ rồi mọc cao đến nỗi gần vươn được ra ngoài để đón nắng.

“Anh có thấy gì không?” Sarah hỏi.

“Phải dùng máy xúc xới tung nơi này lên mới thấy. Ngôi nhà sụp xuống từ nhiều năm nay.”

“Nhưng không có xác người, đúng không?”

“Chắc họ được đưa đi từ lâu rồi.” Porter tự nhủ điều đó là sự thật, vậy mà tâm trí anh chẳng gặp khó khăn gì khi hình dung ra hàng chục xác chết nằm rải rác bên dưới tàn tích của ngôi nhà, da thịt cháy đen. Nơi này nồng nặc mùi chết chóc.

“Ê, ném cho tôi cái máy ảnh được không? Đừng lại gần quá, tôi không muốn cô chạy mất dép.”

Sarah ngần ngừ giây lát, sau đó cô vung tay lấy đà và tung chiếc máy ảnh cho anh.

Porter bắt lấy nó bằng đầu ngón tay. “Cảm ơn nhé.”

Cầm chắc chiếc máy ảnh cho khỏi rơi, anh hạ nó xuống khoảng trống trên sàn, ngón tay đặt ở nút chụp. Anh chụp khoảng hơn chục tấm theo các hướng, ánh đèn flash lóe lên, soi sáng mọi ngóc ngách.

“Này, tôi thấy ở đây có một cái ô tô!” Sarah gọi to từ đâu đó sau lưng anh.

Porter quan sát những tàn tích của tầng hầm một lần cuối rồi quay lại theo lối cũ cho tới khi đặt chân lên mặt đất vững chãi. Sarah đứng cách ngôi nhà khoảng sáu mét, ánh đèn chiếu vào một đám cỏ dại um tùm.

Lúc đầu anh không trông thấy cái xe, chỉ khi tiến lại gần đến nỗi tưởng như đang đứng ngay phía trên nó thì mới thấy. Sarah còn đang mải giẫm đạp lên đống cỏ mọc cao. “Hình như là xe Volkswagen. Khó mà nói chắc được.”

“Volkswagen ư? Nhưng thế thì thật vô lý.” Lúc này Porter mới nhìn thấy đống sắt vụn với những ô cửa sổ rạn nứt. Cái xe đã trở thành nơi trú ẩn của loài động vật hoang dã nào đó, trên ghế đầy những nùi cỏ ngả rạp. Anh

đi quanh cái xe, cẩn thận kiểm tra khung xe. Khi ánh đèn rọi lên thanh cản sau, anh dừng lại và rướn người tới gần. “Quỷ thần thiên địa ơi.”

“Gì thế?”

Khi Sarah khuỵu gối xuống cạnh anh, anh chỉ vào miếng đề can dán ở thanh cản, chữ viết trên đó đã phai màu, khó mà thấy rõ được. Cô đọc to: “PORSCHE CỦA NGƯỜI NGHÈO.”

Cha lái chiếc Porsche 1969. Đó là một cỗ máy phi thường. Một tuyệt tác nghệ thuật sẽ cất lên tiếng gầm khàn khàn, khô giòn chỉ với một cú vặn chìa khóa, và tiếng gầm sẽ còn lớn hơn nữa khi chiếc xe lăn bánh ra đường, lướt trên vỉa hè trong niềm hứng khởi vô cùng.

Ôi, cha mới yêu chiếc xe đó làm sao!

“Một chiếc Volkswagen Bug. Tôi nghĩ đây là xe của bố Bishop.” Porter đứng dậy, chiếu đèn lên các bộ phận nhìn thấy được của chiếc xe. “Cô có thấy nắp ca-pô và cốp sau đều đang mở không? Rồi cửa sổ và đèn xe bị đập vỡ nữa? Tất cả những hư hại này đều giống với mô tả trong cuốn nhật ký, chỉ có điều nó không phải xe Porsche thật.”

“Mà là Porsche của người nghèo.”

“Ừ.”

Porter đi vòng qua phía sau xe, chụp lại biển số lem luốc, bẩn thỉu: hết hạn từ tháng Mười năm 1995.

Sarah đứng dậy và chỉ tay sang bên phải. “Ở kia còn một ngôi nhà nữa kìa.”

Porter nhìn về nơi ánh mắt cô đang hướng tới, rồi tiến lên phía trước vài bước. “Không phải nhà đâu, nó là nhà xe đầu kéo*.”

Anh đưa lại chiếc máy ảnh cho cô.

“Tôi nghĩ thuật ngữ chính xác ở đây là “nhà xe di động”.” Sarah nói.

Anh gạt đám cỏ dại mọc cao, băng qua khoảnh đất từng là sân trước của gia đình Bishop, Sarah theo sau. Tới chỗ cái nhà xe, anh chậm rãi xoay một vòng, chiếu đèn khắp các hướng. Khi quay lại đối diện với cái xe, anh đứng im như tượng, suy nghĩ rất lung. “Đây chắc chắn là nơi ở của vợ chồng Carter. Vì xung quanh chẳng còn nhà nào khác.”

> *Cánh cửa lưới đằng sau nhà Carter đang để mở. Gió mặc sức thổi, làm cho cánh cửa đập vào khung cửa với lớp sơn trắng bong tróc. Tôi vươn ra cầm lấy tay nắm và giữ cửa mở để cô Carter đi vào. Cô ấy lướt ngang qua tôi, tiến vào căn bếp tối tăm. Cô ấy chẳng nói một lời trong suốt quãng đường trở về. Không ai trong chúng tôi nói gì hết. Nếu không vì tiếng khịt mũi của cô ấy, có lẽ tôi còn chẳng biết cô ấy đang ở sau lưng tôi.*

Sarah bước lên bậc tam cấp bằng bê tông và thử mở cửa, một cái bản lề kêu cót két, rụng ra khỏi khung bằng kim loại. “Cửa mở này.”

Các cửa sổ, hay ít ra là hai ô cửa sổ nhìn ra phía trước, đã bị vỡ. Những mảnh rèm xơ xác lay động theo làn gió, phất phơ bay trong không gian tối tăm của chiếc xe.

“Để tôi vào trước.” Porter nói và đi lướt qua cô. “Cô đi sát phía sau.”

Bước qua ngưỡng cửa, anh đặt chân vào một gian bếp nhỏ, gồm một bộ bàn kèm theo băng ghế Formica bé tẹo gắn vào một bên tường, bên kia là các vật dụng gỉ sét. Sàn xe dính đầy bùn đất, mưa gió đã khiến mọi thứ xuống cấp. Tủ lạnh đang để ngỏ, bên trong rỗng không. Cửa tủ chén bát đã mất gần hết. Các cửa sổ trong bếp nếu không bị phá thì cũng mở toang, mặc cho gió lùa. Sau gian bếp là đến phòng khách chật chội với một chiếc xô pha cũ mèm, mục nát đến nỗi chẳng thể nhận ra được hình dáng trước đây. Nhìn đâu cũng thấy graffiti với các hình vẽ sặc sỡ xen với những cụm chữ, những cái tên ngẫu nhiên, và đủ loại biểu tượng.

"Cô chụp lại tất cả nhé? Chúng ta sẽ xem lại sau."

"Đây chắc chắn là chỗ tụ tập của đám thanh niên trong vùng." Sarah nói và giơ máy ảnh lên. "Đứa nào cũng muốn có một nơi tử tế để giấu bia rượu và chim chuột nhau mà không sợ bị làm phiền."

Porter đi qua gian bếp và phòng khách chật chội, qua một phòng tắm bé tẹo với cái bồn cầu cạn khô, đầy vết ố và tấm rèm tắm vo viên bị vứt vào góc bồn tắm. Khi ánh đèn pin rọi lên tấm gương rạn nứt, Porter trông thấy hình bóng phản chiếu của mình đang chằm chằm nhìn đáp lại. Tâm trí anh trở lại với cuốn nhật ký, với cậu bé đã từng bước đi trên chính hành lang nhỏ hẹp này.

Tôi bắt đầu đi ra hành lang, bàn tay cầm dao áp sát trước ngực, mũi dao chĩa về phía trước. Cha đã dạy tôi cách cầm dao đặc biệt này. Nếu cần, tôi sẽ đâm thẳng dao ra đằng trước bằng tất cả sức lực mà cơ bắp trên cánh tay có được, với sự chính xác của một khẩu súng đã lên nòng. Khác với việc đâm từ trên xuống, một cú thọc như thế sẽ rất khó ngăn cản. Cầm

dao theo cách đó, tôi có thể đâm trực tiếp vào tim hoặc dạ dày của đối phương, tương ứng với việc hướng mũi dao đâm lên và đâm xuống. Nếu cầm dao cao hẳn lên thì chỉ có thể đâm từ trên xuống - tấn công như thế nhiều khả năng lưỡi dao sẽ chỉ sượt qua người nạn nhân chứ không thể đâm sâu được.

Cha cực kỳ nhiều kinh nghiệm.

Anh ngỡ như đang thấy Bishop đứng ngay sau lưng mình, cảm thấy ánh mắt hắn nhìn xoáy vào gáy anh. Lần cuối cùng hắn tới đây là bao giờ? Khi hắn còn nhỏ ư? Từng ấy năm về trước ư? Hay sau này hắn đã trở lại? Hắn có trở lại và bước trên hành lang này một lần nữa không?

"Phía cuối nhà xe có hai cánh cửa. Chắc là dẫn vào hai phòng ngủ." Sarah nói vọng lên từ phía sau anh.

Cả hai cửa đều đóng im ỉm.

Cha từng có lần nói với tôi rằng nếu bạn lén áp sát ai đó từ phía sau, bạn sẽ có một hoặc vài giây để tấn công trước khi hắn kịp phản ứng. Bộ não của con người phân tích hành động này khá chậm chạp; nạn nhân của bạn sẽ đơ cứng mất vài giây trong lúc cố gắng hiểu ra sự thật là bạn đang đứng đó, nhất là ở trong một căn phòng mà họ vốn tin rằng chỉ có mình họ. Cha nói một số nạn nhân vẫn sẽ tiếp tục đơ ra như thế, họ chỉ nhìn bạn như thể đang xem chương trình ti vi. Họ đứng đó, chờ đợi xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Đôi lúc, không biết điều gì xảy ra tiếp theo lại tốt hơn.

Porter thầm nghĩ giá mà anh có súng bên mình. Tại sao lúc trước anh lại không mua một khẩu hoa cải khi tới đây chứ? Loại ấy không cần mất thời gian chờ đợi*.

Anh thò tay vào túi, nắm lấy cán con dao của Bishop.

Anh đưa tay ra cầm vào quả nắm trên cánh cửa bên trái.

Phía sau anh vang lên tiếng hét của Sarah.

CHƯƠNG 80

Kati

Ngày 3 • 9:11 tối

“Dậy đi!”

“Dậy đi!”

“Dậy đi!”

Tiếng gọi nghe nghèn nghẹt.

Câu nói thốt ra như thể bị một chiếc khăn bông ướt bịt lại.

Là giọng con gái.

“Làm ơn dậy đi mà.”

Tiếng nói dội thẳng vào tai cô. Hơi thở ấm áp. Lời thì thầm nghe thật nặng nề.

Khi Kati mở mắt ra, hành động ấy khiến cô cảm thấy hai mí nặng như đeo đá, suýt nữa chúng lại nhắm nghiền. Ý thức dần trở lại. Cùng với nó là cảm giác đau đớn chẳng khác nào một dòng chất lỏng nóng rực trào dâng khắp cơ thể cô từ bên trong, thiêu đốt xương cốt và cơ bắp trên người cô.

Dải băng bịt mắt đã được tháo ra.

Tay chân cô cũng không còn bị trói nữa.

Một cô gái cũng tầm tuổi như Kati cúi xuống nhìn cô, khuôn mặt hai người kề sát, gần chạm vào nhau. Kati đang gối đầu lên lòng cô ấy.

Khi ánh mắt Kati hướng về phía đối phương, cô gái lạ đặt ngón tay lên môi. "Hắn không thể nghe thấy tiếng chúng ta nói chuyện." Cô ấy thì thào. "Không thể để hắn nghe được. Tớ không muốn hắn xuống đây."

Giọng nói của cô ấy có gì đó thật lạ. Nghe giống giọng người bị cảm nặng. Từng lời nói ra đều khiến cô ấy đau đớn. Kati có thể cảm nhận được điều đó trong mắt cô gái. Trên môi cô ấy lấm tấm vết máu khô.

Kati cố gượng dậy nhưng lực bất tòng tâm, cô lại ngả đầu lên lòng cô gái kia.

Cô gái khẽ vuốt tóc Kati. "Tớ thay đồ cho cậu rồi đây. Là tớ chứ không phải hắn đâu. Hắn có để lại quần áo cho cậu. Đồ của cậu ướt sũng cả rồi. Ở dưới này lạnh, dễ bị cảm lắm, vì vậy tớ không thể bỏ mặc cậu như thế được. Đừng để bị ốm. Cậu phải giữ sức. Chúng ta cần tìm cách thoát khỏi đây. Một mình tớ thì không làm nổi. Phải hợp tác với nhau."

Cô ấy nói bằng giọng hổn hển, chật vật thốt ra từng từ.

Kati mang máng nhớ là có một cái bồn nước, cô đã chìm xuống.

Sau đó thì cô không nhớ được gì nữa.

"Hắn cố tình khiến cậu bị điện giật chết. Hắn làm thế *thật,* chính mắt tớ chứng kiến. Hắn thả cậu vào cái bồn nước to tướng đằng kia rồi thòng hai sợi cáp mồi vào đó. Một tiếng nổ lớn vang lên, sau đó tớ ngửi thấy… ngửi thấy… mùi khét. Tớ nghĩ có thể là tóc cậu bị cháy. Tớ không dám chắc. Tóc cậu vẫn còn ướt. Hắn vớt cậu lên và tiến hành hồi sức tim phổi. Hắn tiếp tục hồi sức cho cậu rất lâu, thế rồi cậu ho một tràng nhưng không tỉnh lại. Hắn canh chừng bên cạnh cậu một lúc, sau đó nhốt cậu vào đây. Hắn nhốt cậu vào chuồng với tớ rồi đi lên nhà. Hắn vẫn chưa quay lại. Tạm thời thì chưa.

Chúng ta phải giữ im lặng để hắn không mò xuống. Hắn mà biết cậu đã tỉnh thì thể nào cũng xuống, chắc chắn là thế.”

Cô gái bật ho.

Rồi cô nhăn mặt vì đau.

Khi cô bỏ tay che miệng ra, lòng bàn tay cô lấm đầy những giọt nước bọt màu đỏ. “Tớ… tớ đã nuốt thủy tinh vào bụng, để hắn tránh xa tớ ra. Vậy mà có tác dụng thật, hắn không dám đụng đến tớ nữa.” Cô nở nụ cười yếu ớt. “Có lẽ tớ đã dằn mặt được hắn, nhỉ?” Cô chùi tay lên cái chăn xanh lục quấn quanh người. “Tớ tên Larissa.”

“Tớ là Kati.” Cô cố nói, cổ họng cô khô khốc, khát cháy. “Wesley đâu… đâu rồi?”

“Ai cơ?”

“Tớ… tớ đến đây cùng Wesley Hartzler. Cậu ấy và tớ đi với nhau.”

“Tớ không thấy ai khác ngoài cậu. Hắn chỉ đưa mỗi mình cậu xuống đây thôi.”

“Tớ đến đây cùng cậu ấy.” Kati nhắc lại.

Nghe thấy vậy, hai mắt Larissa sáng bừng. “Hay là cậu ấy trốn được? Biết đâu cậu ấy chạy đi tìm người giúp?”

Kati đã chứng kiến cảnh gã đàn ông lạ mặt nhoài người qua bàn, nện cốc ca cao vào đầu Wesley. Cậu ngã xuống sàn. “Tớ không biết nữa, tớ nghĩ hắn đã khiến cậu ấy bị thương. Tớ nghĩ hắn đã khiến cậu ấy bị thương nặng.”

“Có khi không nặng đến mức ấy đâu. Có khi cậu ấy chạy thoát được. Không thì bây giờ cậu ấy đã ở đây cùng với bọn mình rồi. Hắn sẽ nhốt cậu ấy trong này.”

Kati ngước nhìn cô gái đang đỡ lấy mình, quan sát cô ấy dáo dác ngó quanh rồi nhìn chằm chằm lên trần phòng. “Cậu bị nhốt dưới này bao lâu rồi?”

Ánh mắt Larissa lại liếc xuống cô, một cử chỉ thật lanh lẹ và có phần hoang dã. “Tớ… tớ không rõ nữa. Chắc là một ngày? Tớ ngất đi sau khi nuốt thủy tinh. Khó mà nhớ được giờ giấc. Hôm nay là thứ mấy?”

“Thứ Bảy.” Kati đáp, cố gượng dậy. Đầu óc cô quay cuồng. Cô đưa tay chạm vào thái dương bên trái rồi nhăn mặt.

Nét mặt Larissa xịu xuống. “Hắn bắt tớ lúc sáng nay. Thậm chí còn chưa được một ngày. Chúa ơi, thế mà tớ cảm thấy như thể đã ở đây một tuần rồi vậy.” Cô lại ho một chặp, lại ra nhiều máu hơn.

Kati cố đứng lên để rồi lại khuỵu xuống. Larissa đỡ lấy cô. “Cẩn thận, chắc chắn cậu vẫn còn yếu lắm.”

Kati gật đầu, hít một hơi dài, sau đó lại cố đứng dậy, lần này cô vịn vào tấm lưới mắt cáo. Khi đã đứng vững, cô bắt đầu đi quanh cái chuồng, xem xét kĩ từng mối nối, từng lỗ hổng nhỏ.

“Tớ đã kiểm tra toàn bộ cái chuồng đến hơn chục lần. Hắn đã hàn tất cả các mối nối lại với nhau và vít chặt khung chuồng xuống sàn bê tông. Khe hở trên nóc không đủ cho chúng ta chui qua, hắn còn khóa cửa chuồng bằng hai ổ khóa. Chẳng có cách nào thoát ra được đâu.”

Kati đi vòng qua góc chuồng rồi dừng lại trước cửa. Cô chăm chú quan sát hai ổ khóa. “Hắn cất chìa khóa ở đâu?”

“Hắn xỏ vào sợi dây đeo trên cổ. Cậu có biết chúng ta đang ở đâu không? Ý tớ là, ngôi nhà này ở phố nào?”

“Cậu không biết chúng ta đang ở đâu ư?”

Larissa lắc đầu và kể lại cho Kati nghe hắn đã bắt cóc mình như thế nào.

"Ngôi nhà nằm trên phố Lowell. Xung quanh là các nhà hàng xóm. Wesley và tớ tới khu này để tuyển mộ thành viên cho hệ phái Nhân chứng Jehovah."

"Có ai biết các cậu đi những đâu không?"

Kati nhíu mày, buông ổ khóa đang cầm trong tay ra. Nó đập vào khung kim loại với một tiếng "keng". "Không. Cả hội lúc mới đến khá đông, khoảng hơn hai chục người, nhưng sau đó ai nấy đều rời đi từ sáng sớm và chia nhau ra để đến được nhiều nơi nhất. Sau khi đi được mấy tiếng, bọn tớ mới đến nhà này. Tớ mất dấu những thành viên khác trong đoàn. Bọn tớ chia thành nhiều nhóm nhỏ cho an toàn. Tớ chọn đi cùng Wesley vì cậu ấy bảo cậu ấy rành khu này, biết con phố này."

Kati ngồi chồm hỗm cạnh Larissa. "Vừa rồi cậu nói hắn không đụng đến cả cậu và tớ. Thế hắn bắt chúng ta vì mục đích đó à? Để quan hệ ấy?"

Một giọt lệ ứa ra trong mắt Larissa, cô đưa bàn tay lấm lem lên lau đi. "Lúc đầu tớ cũng tưởng thế, nhưng với cậu… hắn hỏi cậu sẽ nhìn thấy vì hắn chứ, cậu sẽ nói cho hắn những gì cậu thấy chứ, sau đó hắn dìm cậu xuống nước và khiến cậu bị điện giật chết. Trong lúc cố gắng hồi sinh cậu, hắn luôn miệng nói cậu hãy rời xa ánh sáng để trở về, trở về với hắn. Hắn cuống cả lên. Hắn không muốn cậu chết, dù hắn cố tình giết cậu. Tớ không…"

Một cánh cửa bật mở trên đầu cầu thang.

Có tiếng chân nặng nề đi xuống.

Larissa lập tức nằm xuống và kéo chăn lên đắp. "Mau giả vờ ngủ đi. Như thế, hắn sẽ để cậu yên." Cô thì thào và nhắm mắt lại.

Nhưng Kati không làm theo. Cô vẫn đứng đó, đứng yên tại cửa chuồng trong lúc gã đàn ông đội mũ len đen đi nốt những bậc thang cuối cùng để xuống tầng hầm, chân phải hơi kéo lê phía sau.

"Cô tỉnh rồi." Hắn tiến lại gần cái chuồng. "Cô mặc vừa quần áo của con gái tôi, như vậy rất tốt. Tôi không muốn cô bị cảm lạnh. Lẽ ra tôi nên cởi đồ cho cô trước khi thả cô vào bồn nước. Như thế sẽ tốt hơn, có điều lúc đó tôi suy nghĩ không được sáng suốt cho lắm."

Hắn bám lấy tấm lưới mắt cáo và siết chặt. "Mau nói cho tôi biết, cô đã nhìn thấy gì?"

Kati nhìn hai bàn tay hắn. Móng tay đen sì, trên da có những vệt màu nhỏ do mực bút dạ hoặc bút viết lem ra. Bên đầu hắn có một vết mổ lớn lấp ló lộ ra dưới mép mũ. Vết thương tấy đỏ trên nước da trắng bệch, lấm tấm máu khô do gãi đến trầy xước.

"Cô đã nhìn thấy gì?" Hắn hỏi lại. Âm *th* kéo dài do tật nói ngọng. Hắn nhìn cô không chớp bằng ánh mắt đầy trông đợi.

Kati vươn ra, chạm vào ngón tay hắn, sau đó nắm lấy bàn tay bẩn thỉu kia và bóp chặt để giữ hắn lại. Cô rướn người tới, mặt hai người chỉ cách nhau một quãng. "Tôi thấy một điều vô cùng phi thường." Cô nói. "Tôi thấy khuôn mặt của Chúa."

CHƯƠNG 81

Porter

Ngày 3 • 9:13 tối

Con gấu mèo nháo nhào lao ra khỏi phòng tắm, chạy dọc hành lang rồi biến mất qua cửa chính vẫn đang để ngỏ phía trước nhà xe di động.

Sarah lùi phắt lại, khuôn mặt toát lên vẻ ngượng ngùng. “Coi kìa, chẳng lẽ nó không làm anh sợ sao? Dù chỉ một chút xíu?”

“Trong lòng tôi đang run như cầy sấy đây.” Porter đáp, cố nén cười.

Anh cầm lấy quả nắm, xoay một vòng và mở cánh cửa phía bên trái hành lang hẹp.

Một phòng ngủ nhỏ.

Căn phòng trống không, ngoại trừ vài vỏ chai bia vỡ chất đống trong góc. Cửa sổ bị những tấm ván che kín, kính cũng bị đập vỡ hệt như ở trước nhà.

Porter quay sang cửa phòng bên phải. “Nếu còn con gấu mèo nào xuất hiện, tôi sẽ bảo vệ cô.”

“Người hùng của tôi.”

Anh mở cửa ra.

Đó là phòng ngủ thứ hai, phòng này có đồ đạc.

Một chiếc giường đôi với hai tủ đầu giường ở hai bên kê sát bức tường bên trái. Đối diện là tủ đứng trước đây từng có gương. Nhưng cả hai tấm

gương đều đã bị đập vỡ từ lâu, lớp ván sợi ép bên dưới chi chít chữ graffiti. Ngăn kéo tủ đầu giường bị rút ra hết. Hai ngăn không biết đã biến đi đằng nào, hai ngăn còn lại thì được xếp chồng lên nhau, chất vào một góc trong chiếc tủ đứng. Tấm đệm trên giường lem nhem vết bẩn đủ các màu, Porter không phân biệt nổi là những màu gì. Căn phòng bốc mùi ẩm mốc, hôi hám.

"Phòng này lâu lắm rồi không có người ở." Sarah nói. "Cái đệm gớm ghiếc kia chắc ngay cả lũ choai choai cũng không thèm đụng đến."

"Đừng bao giờ đánh giá thấp sức mạnh của hoóc-môn trong người tụi trai mới lớn. Với đám thanh niên đang tuổi bẻ gãy sừng trâu, nơi này chẳng khác gì một căn penthouse."

"Tôi không tưởng tượng nổi có người nào thực sự sống ở đây được. Nhưng nơi này từng là nhà của một ai đó."

Porter bước tới chỗ hai ngăn kéo cất trong tủ, anh nhấc cái ở trên lên thì thấy cả hai đều trống không. Cái tủ ngăn kéo kê sát tường cạnh cửa ra vào cũng bị cướp phá. Ba ngăn trong đó không còn nữa. Anh chợt nghĩ đến cuốn nhật ký, nhớ lại đoạn miêu tả mẹ của Bishop đã từng mở chính những ngăn kéo này để tìm đồ.

Anh nói: "Hãy tìm ở nơi lũ quái vật ẩn náu, Thanh tra. Tại đó, anh sẽ có được câu trả lời."

"Gì cơ?"

"Bà ta nói với tôi như thế lúc ở trong trại."

"Quái vật thường ẩn náu dưới gầm giường." Sarah nói.

Porter nhấc tấm đệm rồi dựng nó lên và đẩy dựa vào tường với một tiếng gằn khe khẽ trong cổ họng. Lớp vải bọc giát giường lò xo bên dưới đã

mục nát hoặc là bị con vật nào đó đem về lót ổ. Chẳng còn lại gì ngoài phần mép tơi tả bao quanh chiếc khung gỗ. “Hồi bé, tôi vẫn hay giấu tất cả những thứ hay ho bên dưới đệm, có quái vật hay không cũng kệ.”

Sarah chiếu đèn pin lên khắp giát giường. “Nếu những thứ hay ho mà anh nói là mấy nùi bông bụi hoặc vỏ chai bia, thì anh trúng số rồi đấy. Chính xác thì anh đang tìm cái gì vậy?”

“Tôi cũng không biết.” Porter thú nhận. “Trong nhật ký có nói, dưới này có một cái hộp kim loại màu be khá lớn.”

“Ừm, giờ thì thứ đó không còn nữa rồi.”

Porter nhấc giát giường lên, dựa vào tấm đệm dựng sát tường, sau đó khuỵu gối. Anh rà tay lên ván sàn, nơi ánh đèn pin đang chiếu vào. “Ván sàn mấp mô không đều.”

“Ở đây chỗ nào chẳng mấp mô.”

“Chúng đã bị nạy lên rồi đặt lại như cũ.”

Sarah ngồi xổm cạnh anh. “Tôi nghĩ mấy gã người xấu mà cuốn nhật ký nhắc đến thế nào chẳng kiểm tra, đúng không?”

“Có thể sau này ván sàn mới bị nạy lên. Tôi cần tua-vít.”

“Nếu anh cho rằng tôi thủ sẵn một chiếc tua-vít trước khi tham gia chuyến du ngoạn nho nhỏ này, thì anh đúng là chả biết gì về tôi cả. Chỉ cần nhớ để mà mang củ sạc iPhone thôi tôi cũng mừng rớt nước mắt rồi. Nhắc đến mới nghĩ ra, tôi đã để quên nó trên bàn làm việc.”

Porter dùng ngón tay cạy mấy tấm ván nhưng không tìm được điểm tựa chắc chắn. “Thế còn chìa khóa xe?”

“Cái đó thì tôi có.” Sarah rút chùm chìa khóa trong túi đưa cho anh.

Anh đặt đèn pin xuống, Sarah chiếu đèn của mình lên sàn trong lúc anh loay hoay lách chiếc chìa khóa vào khe hở nhỏ giữa hai tấm ván. Lúc đầu chúng không suy suyển, thế rồi cả hai nghe thấy một tiếng "tách" khi tấm ván đầu tiên bung ra. Anh nhấc nó lên và đặt sang một bên, sau đó tiếp tục gỡ tấm kế tiếp. Tấm thứ hai bật ra dễ dàng, tấm thứ ba cũng vậy. Anh gỡ tất cả là năm tấm ván, tạo thành một khoảng trống có bề rộng chừng sáu mươi centimet.

Porter cầm đèn pin lên và chiếu vào bên trong cái hố.

"Anh nhìn thấy gì vậy?"

Anh thò tay vào, lấy ra một cái túi ngủ và đưa cho Sarah. "Trông giống đồ cắm trại. Trong này còn một cái túi ngủ nữa và một chiếc ba lô."

Anh lại thò tay xuống, lôi nốt hai món ấy lên, sau đó kiểm tra cái hố một lần nữa để đảm bảo mình không bỏ sót thứ gì. "Hết rồi."

Sarah đưa tay định kéo khóa ba lô.

"Chờ chút." Porter nói. Anh rút từ trong túi ra một đôi găng cao su và đưa cho cô. "Cô đeo vào đi đã."

Cô nhíu mày. "Anh thực sự cho rằng cái này là vật chứng ư? Có thể nó chỉ là một thứ khác mà tụi choai choai bỏ lại. Chẳng hạn như anh chàng khôn lỏi nào đó giấu chăn gối ở đây để cô công chúa dạ tiệc của mình không phải đặt lưng xuống tấm đệm bẩn thỉu kia."

"Chưa thể chắc chắn điều gì thì cứ cẩn thận là tốt nhất." Porter cũng lấy một đôi và xỏ vào.

Sarah làm theo rồi tiếp tục mở khóa. "Phéc-mơ-tuya gỉ rồi, không kéo được." Cô nhăn mặt, vận sức để kéo, cuối cùng cái khóa cũng chịu khuất phục và bung ra cùng với tiếng kim loại rít lên như xé vải.

Cái ba lô bốc mùi hôi hám, ẩm mốc. Còn một mùi nữa kinh khủng hơn tỏa ra từ dưới đáy.

“Để tôi thì hơn.” Porter nói, với lấy cái ba lô.

Anh vừa chiếu đèn vào ba lô vừa cố gắng hít thở bằng miệng. Sau đó anh bắt đầu lấy ra những thứ có ở ngăn giữa, lần lượt đặt cạnh nhau trên sàn. Khi đồ đạc trong ba lô đã được lấy ra hết, anh ngồi thẳng lên, chăm chú quan sát chúng dưới ánh đèn.

“Sao nó lại bốc mùi kinh khủng thế nhỉ?”

“Là do nước ngấm vào, chắc cũng mới đây thôi. Mọi thứ mục nát hết cả. Nó ở dưới này từ lâu lắm rồi.” Porter đáp.

Anh đếm được cả thảy sáu cái áo, bốn cái quần jeans, bít tất, đồ lót, của cả nam lẫn nữ. Đống đồ ẩm ướt, nát vụn ra dưới tay anh. Một chiếc tất được cuộn lại ở một đầu rồi nhét vào cổ tất. Cố gắng nhẹ tay hết sức để không làm hỏng vải, Porter tháo nó ra rồi trải phẳng, để lộ một vật phồng lên ở bên trong.

Anh và Sarah đưa mắt nhìn nhau, sau đó anh luôn tay vào, cầm lấy vật đó và lấy ra, đặt lên sàn.

Tim anh đập thình thịch nơi lồng ngực. “Cô chụp lại đi.”

Sarah gật đầu và giơ máy ảnh lên.

Đó là một chiếc mề đay nhỏ mạ vàng, lồng vào sợi dây chuyền cùng với một chiếc chìa khóa han gỉ. Sarah chụp xong, Porter cạy nắp mề đay. Bên trong có một tấm ảnh nhưng đã bạc màu, không còn thấy được gì nữa. Mặt trong mề đay khắc hai chữ viết tắt L.M.

Sarah cũng chụp lại cả chi tiết ấy.

CHƯƠNG 82

Clair

Ngày 3 • 9:14 tối

Lẽ ra họ nên quay lại Sở, về phòng tác chiến, cố gắng ngả lưng một lúc trên chiếc xô pha cũ rích có lẽ đã bắt đầu cuộc đời tại cơ quan hành pháp Chicago từ hồi Al Capone và Diamond Joe Esposito* vẫn còn thó kẹo ở cửa hàng sau lưng mẹ. Chiếc xô pha với lớp da nâu bạc phếch đã khô nứt, đầy nếp nhăn, đệm nhồi bên dưới cứng ngắc chẳng khác gì sàn nhà.

Clair cần chiếc xô pha ấy.

Clair cần ngủ một giấc.

"Tôi chắc chắn vẫn còn giữ mà." Nash làu bàu bên cạnh cô, lật từng cái trong chùm chìa khóa đang cầm. "Chỉ đâu đó trong này thôi."

Anh chọn một chiếc chìa khóa vàng và tra vào ổ khóa căn hộ của Porter. Không xoay được.

Nhầm rồi.

Nash lại rút ra, tiếng kim loại cọ vào nhau kin kít.

"Anh làm gì mà có nhiều chìa khóa thế?"

Anh chàng hộ pháp nhún vai. "Tôi chuyển nhà, chìa cũ vẫn giữ, chìa mới thêm vào. Cứ thế, lâu dần thì tích tiểu thành đại thôi."

"Khi chuyển nhà, phần lớn người ta thường vứt chìa cũ đi hoặc trả lại. Anh không được phép giữ làm của riêng như vậy."

"Giờ cô lại còn lấn sân sang cả lĩnh vực cảnh sát chìa khóa nữa cơ à? Lấy đâu ra lắm thời gian thế?"

Nash thử một chìa khác bằng bạc, có đầu hình bát giác. Cũng không ăn thua.

"Ý tôi muốn nói anh chỉ nên có khoảng ba cái là cùng. Khóa xe, khóa nhà, và khóa phòng tác chiến ở Sở, thế thôi. Cần gì nhiều."

Anh thử một chiếc chìa khóa vàng nữa, cái này có đầu tròn. Nó tra vào ổ ngon ơ. Chiếc chìa đó mở được khóa cóc.

Nash đẩy mở cửa. "Tôi mà không giữ lại chìa khóa cũ thì đã chẳng làm được những việc kiểu này."

"Sam? Anh có nhà không?" Clair lớn tiếng gọi, dù không rõ vì sao mình lại làm thế. Họ gõ cửa ba lần mà không thấy ai ra mở.

Căn hộ tối om.

Nash thò tay vào trong, bật đèn phòng khách.

Họ trông thấy cái ghế đổ chỏng gọng.

"Quỷ thần ơi." Nash cảm thán.

Clair rút súng ra và bắt đầu đi kiểm tra từng phòng, đi đến đâu cô bật đèn đến đấy.

Nash vẫn đứng trong phòng khách. Anh chậm rãi đi vòng quanh, tiến về phía cái ghế. "Clair, anh ấy không có nhà đâu. Đây không phải vụ đột nhập."

Clair trở ra từ phòng ngủ, ánh đèn sáng choang hắt ra từ phòng tắm sau lưng cô. Cô nhét súng vào bao. Ánh mắt cô dừng lại ở chiếc điện thoại di động trên bàn uống nước. Cô cúi xuống nhặt chiếc iPhone, ấn ngón cái lên

nút Home. Không có gì xảy ra. “Điện thoại của Sam đấy, máy đã tắt nguồn.”

Nhưng Nash không để ý đến lời cô. Anh đang cúi xuống bên chiếc ghế La-Z-Boy, rà tay lên chỗ vải bung ra ở đáy ghế, đó là những dải băng nhám xé.

“Anh làm gì thế?” Clair khuỵu chân xuống cạnh anh.

Nash ngả ra sau, dựa lưng vào xô pha. “Có chuyện này tôi phải nói với cô, và kiểu gì cô cũng cáu cho mà xem.”

“Chuyện gì?”

“Cuốn nhật ký.”

“Nó làm sao?”

Nash hít một hơi dài rồi chầm chậm thở ra. “Sam chưa bao giờ nộp nó vào kho vật chứng. Anh ấy đã giữ lại.” Nash giơ tay ngăn cô trước khi cô kịp lên tiếng. “Anh ấy cũng định nộp. Và anh ấy sẽ nộp, chỉ là chưa thôi. Anh ấy muốn đợi cho đến khi bắt được Bishop. Anh ấy cảm thấy nếu nộp cuốn sổ vào kho vật chứng thì báo chí sẽ đọc được, sẽ thổi phồng những gì viết trong đó, thần thánh hóa Bishop lên. Anh ấy tin rằng đó chính là mục đích Bishop nhắm tới khi để lại cuốn sổ, và anh ấy nghĩ nếu không nộp nó, nếu không giao nó ra, thì những toan tính của Bishop sẽ thất bại, biết đâu hắn sẽ sơ sẩy. Porter nói Bishop là kẻ nóng nảy. Anh ấy nghĩ nếu chọc tức Bishop, hắn có thể sẽ phạm sai lầm, một sai lầm có thể mang lại cho chúng ta cơ hội bắt được hắn.”

“Vậy là anh biết chuyện này? Và anh đồng lõa với anh ấy?”

Nash chậm rãi gật đầu. “Lúc đầu tôi bảo sẽ cho anh ấy thời hạn là một tuần. Thế rồi một tuần trở thành một tháng, rồi bốn tháng. Lâu dần, chuyện

đó càng ngày càng không còn quan trọng nữa.”

“Tôi có nhắc đến cuốn nhật ký trong báo cáo cá nhân. Hồ sơ có ghi.” Clair nói.

“Tôi cũng thế. Tôi không giấu giếm gì cả. Điều đó Sam biết. Anh ấy nói không sao. Nếu có ai hỏi thì anh ấy sẽ bảo là đã nộp vào kho lâu rồi, mất mát gì thì cứ đi mà bắt đền phòng quản lý vật chứng hoặc hệ thống lưu trữ, vì bọn họ làm mất vật chứng suốt. Cô còn lạ gì Sam nữa, anh ấy sẽ nghĩ ra cách.”

Clair hất hàm về phía cái ghế. “Anh ấy giấu ở đó à?”

“Ừ.”

Clair luồn tay vào trong ghế, rờ rẫm xung quanh. “Chỗ giấu tốt đấy.”

Cô rút tay ra rồi dựa lưng vào xô pha cạnh Nash với một tiếng thở dài cam chịu. “Thế bây giờ anh ấy đang ở đâu?”

Ánh mắt Nash dừng lại nơi chiếc điện thoại của Sam mà Clair vẫn đang cầm trong tay. “Tôi đoán nhé? Anh ấy phát hiện ra chi tiết nào đó trong cuốn nhật ký nên đã lần theo manh mối rồi.”

“Sao lại bỏ điện thoại ở nhà? Sao không nói với chúng ta?”

“Sam giữ kín như thế là để bảo vệ chúng ta.”

“Anh ấy đang bị đình chỉ công tác. Cấp trên yêu cầu anh ấy không can thiệp vào vụ này nữa. Dù cho anh ấy có lôi cổ được Bishop về Sở thì họ cũng vẫn tước phù hiệu của anh ấy thôi. Anh ấy thế là hết rồi.”

“Tôi nghĩ anh ấy chẳng cần, chẳng quan tâm nữa, kể từ hồi Heather mất. Cái chết của vợ đã khiến anh ấy thay đổi. Rồi để xổng Bishop trong tòa nhà đó - tất cả đều khiến anh ấy thay đổi. Tôi nghĩ anh ấy coi việc bắt Bishop là nhiệm vụ còn đang dở. Tôi nghĩ anh ấy dám làm tất cả để bắt hắn,

sau đó anh ấy mới buông bỏ. Anh ấy muốn ra đi theo cách của riêng mình. Anh ấy cảm thấy Bishop vẫn đang nhởn nhơ như thế là do mình, do sai lầm của mình, và anh ấy muốn tự tay bắt được hắn, khép lại toàn bộ chuyện này."

"Việc đó rất nguy hiểm."

"Anh ấy chẳng quan tâm."

"Anh ấy không nên làm một mình."

"Nhưng anh ấy muốn thế." Nash nói.

Clair co chân, thu lu ngồi bó gối. "Cậu bé trong chiếc xe tải ấy, Nash, chuyện đó thật quá kinh khủng. Nếu thực sự là do Bishop làm, vậy thì hắn càng ngày càng tàn ác."

"Lâu nay hắn vẫn luôn cố nói với chúng ta điều gì đó. Ta cần tìm hiểu. Tìm xem hắn muốn nhắn gửi điều gì. Nó sẽ dẫn ta đến với Larissa, đến với hắn." Giọng anh vang lên khẽ khàng, đều đều. "Clair à, chúng ta cần phải chia sẻ với FBI những thông tin ta đang có, cả cuốn nhật ký kia. Không thể tiếp tục giấu giếm được nữa, không phải một chuyện như thế này."

"Tôi biết." Cơn buồn ngáp chợt ùa đến, Clair cố ghìm lại, đưa tay lên che miệng. Cứ ngồi lì một chỗ thế này không tốt chút nào. Nếu không hoạt động, cô sẽ ngủ gục ở đây mất. "Ngay khi về Sở, ta sẽ nói."

Bên cạnh cô, Nash cũng ngáp dài.

"Chúng ta nghỉ năm phút rồi về nhé."

Nhưng mới đó mà Nash đã thiếp đi trong tiếng ngáy nhè nhẹ.

CHƯƠNG 83

Porter

Ngày 3 . 9:44 tối

Porter cảm thấy sức nặng từ con dao của Bishop đang nằm trong túi mình.

> *Chuyện này không ổn rồi. Không ổn một tí nào. Tôi thò một tay vào túi quan jeans để tìm cán con dao gấp quen thuộc. Nếu có nó, tôi có thể cắt ngang cổ họng gã đàn ông này. Tôi sẽ cắt ngọt một đường qua cái đống ngấn cằm kia, để cho máu phun ra như vòi nước. Tôi rất nhanh. Tôi biết tôi rất nhanh. Nhưng liệu tôi có đủ nhanh không? Chắc chắn tôi có thể giết ông ta trước khi cái đống thừa cân lắm mỡ này kịp phản ứng, phải vậy không? Cha sẽ muốn tôi hạ sát ông ta. Mẹ cũng vậy. Họ muốn thế. Tôi biết là họ muốn mà.*

Những câu chữ hắn viết trong nhật ký lại ùa về.

Hai người đứng bên ngoài nhà xe di động của vợ chồng Carter sau khi chụp ảnh tất cả mọi thứ. Họ cho chiếc mề đay và chìa khóa vào túi nhựa. Chỗ quần áo được cất vào ba lô. Họ bỏ lại nó trên sàn phòng ngủ, mấy tấm ván tháo ra vứt lăn lóc và cái đệm vẫn dựng đứng.

Vầng trăng trên cao lấp ló hiện ra, vén màn mây u tối để ghé mắt nhìn xuống thế gian. Trời đã chuyển rét, tuy rằng không giống thời tiết ở Chicago nhưng cái lạnh sâu cùng hơi ẩm vẫn hiện hữu như đang trêu ngươi xương cốt Porter.

Sarah muốn về thành phố, tìm một khách sạn và nghỉ lại qua đêm. Cô không cần phải nói thêm lần nữa. Anh đọc được điều đó trong mắt cô. Cô mệt rồi. Tối nay với cô như vậy là quá đủ.

Porter quay đi, đăm đăm nhìn rặng cây bao quanh mảnh đất phía sau hai nhà, nhìn lối mòn nhỏ dẫn vào rừng.

Dạ dày anh bỗng nhộn nhạo. Cảm giác râm ran lan tỏa khắp da anh.

Luồng sáng đèn pin của Sarah đi từ mặt đất dưới chân Porter, quét qua sân, rồi hòa làm một với ánh đèn của anh, soi tỏ nơi lối mòn mở ra. "Nơi này từ lâu đã không có người ở. Theo anh, vì sao con đường kia vẫn còn đó? Đáng lẽ nó phải bị cỏ cây che lấp rồi chứ?"

"Có thể là do động vật. Hoặc do lũ nhóc vẫn hay tiệc tùng trong cái nhà xe."

Hoặc là một thứ khác. Một thứ tồi tệ hơn thế.

Anh cảm thấy con dao ấm nóng. Anh không hề nhận ra mình đã lại thò tay vào túi tự bao giờ. Ngón tay anh vuốt nhẹ lên cán dao.

"Cô có thể ở lại đây." Anh đề nghị.

Nhưng Sarah lắc đầu. "Anh đi một mình như thế không được đâu."

Vậy là hai người băng qua bãi cỏ, tiến về phía lối mòn, trèo qua một thân cây nhỏ đổ rạp trên đất rồi mất hút nơi đầu đường, luồng sáng tỏa ra từ hai chiếc đèn pin đối chọi với bóng tối mịt mù.

CHƯƠNG 84

Poole

Ngày 3 • 9:49 tối

“Tôi đã xem qua cái hộp đó hơn chục lần rồi, toàn số liệu thống kê của tên tâm thần, điên loạn.” Một giọng nói cất lên.

Poole ngẩng lên khỏi chồng giấy và trông thấy người phụ nữ đứng ở ngưỡng cửa. Cô đội mũ màu hồng, dải khăn tím vắt trên vai chiếc áo khoác dày sụ đang để mở. Anh từng gặp cô trước đây rồi.

“Tôi vào được chứ?” Cô hỏi.

Anh ngả người ra lưng ghế và gật đầu, sau đó day hai thái dương. Cơn đau ở phía sau đầu đã dần lan ra cả đằng trước lẫn hai bên. “Tôi có thể giúp gì cho cô?”

Cô băng qua phòng và chìa tay ra. “Chúng ta chưa có dịp chính thức làm quen. Thanh tra Clair Norton. Tôi tham gia tổ chuyên án 4MK với hai thanh tra Porter và Nash trước khi anh cùng đội của mình nhảy vào cuỗm mất vụ án khỏi tay chúng tôi.”

Poole bắt tay cô. “Đặc vụ Frank Poole.”

“Điều đó thì tôi biết rồi. Anh có nghe thấy lúc tôi nói tôi là thanh tra không thế?”

Bây giờ anh không có thời gian cho mấy chuyện kiểu này. “Tôi có thể giúp được gì cho cô, Thanh tra?”

“Tôi cần anh qua bên kia hành lang.”

“Tới phòng tác chiến sao? Porter cấm tôi bén mảng tới phòng tác chiến mà. Anh ấy và một gã khác đã nói rất rõ như thế trong lần cuối cùng tôi ở đó.”

“Nhờ ơn anh và các bạn của anh, Sam đã được chỉ định ngồi chơi xơi nước ít hôm. Trong thời gian anh ấy vắng mặt, tôi là người chỉ huy bên ấy.” Cô nói.

“Thế thì liên quan gì tới tôi?”

“Có người đã thả sô cô la của anh vào hũ bơ lạc của tụi tôi.”

Poole đi theo Thanh tra Clair Norton sang phòng tác chiến ở bên kia hành lang. Không khí trong phòng vô cùng căng thẳng khi anh bước vào. Những cặp mắt lờ đờ, mệt mỏi đổ dồn về phía anh. Anh vừa gật đầu với Thanh tra Nash vừa kéo một chiếc ghế ở bàn họp ra. Nash là người duy nhất anh nhận ra trong ba người đang ngồi tại đó.

“Frank.” Nash lầm bầm, khẽ vẫy tay chào anh.

Clair giới thiệu anh với hai người còn lại. “Đây là Sophie Rodriguez thuộc Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích, còn đống lôi thôi chán đời đang ngồi trong xó kia là Edwin Klozowski. Anh ta là sếp phòng IT.”

“Cứ gọi tôi là Kloz.” Klozowski đứng dậy, chìa tay sang bên kia bàn.

“Cấm nịnh phe liên bang.” Clair nói.

Klozowski rụt tay lại và ngồi xuống. “Rồi.”

“Đầu anh sao thế?” Nash hỏi. “Trông có vẻ nghiêm trọng đấy.”

Poole kể cho họ nghe chuyện xảy ra ở hai ngôi nhà trên phố 41, Diener, và Bishop.

Nash và Clair đưa mắt nhìn nhau. Clair lên tiếng trước. “Tôi thật sự rất tiếc.”

Poole gật đầu một cái.

“Họ có để anh tiếp tục điều tra nữa không?” Nash hỏi.

Poole nhún vai. “Không thấy ai bảo họ loại tôi ra. Ít nhất là chưa. Văn phòng chi nhánh Chicago hiện đang thiếu người. Các đặc vụ hầu hết đều đang tập trung xử lý mối đe dọa khủng bố vừa được thông báo. Họ có thể sẽ cử người khác đến thay tôi, nhưng tạm thời, trong số các đặc vụ ở đó, chỉ mình tôi có kinh nghiệm làm việc ở Ban Phân tích Hành vi. Không ai hiểu vụ này hơn tôi.” Anh nhìn quanh phòng một lượt. “Có lẽ trừ mấy anh chị đang ngồi đây.”

“Cả Sam nữa.” Klozowski lặng lẽ nói. “Anh ấy hiểu vụ này hơn bất cứ ai trong số chúng ta.”

Poole nói: “Tôi đã cố liên lạc với anh ấy mấy lần. Gọi vào di động chỉ toàn thấy tiếng hộp thư thoại.”

Một lần nữa Nash và Clair trao đổi ánh mắt với nhau. “Nash và tôi vừa tạt qua nhà anh ấy. Chúng tôi thấy điện thoại di động của anh ấy trên bàn uống nước trong phòng khách, máy đã tắt nguồn, chiếc ghế yêu thích đổ chỏng gọng.”

“Anh chị nghĩ liệu có phải Bishop đã bắt anh ấy rồi không?”

“Không. Chúng tôi nghĩ anh ấy tự ý bỏ đi. Va li của anh ấy không còn. Chắc anh ấy đã đi đâu rồi.” Clair nói.

“Một nơi anh ấy không muốn chúng tôi biết.” Nash chêm vào.

“Anh ấy đi đâu được nhỉ?”

Không ai trả lời được câu hỏi ấy.

“Có thể nào anh ấy hợp tác với Bishop? Giúp đỡ hắn chăng?”

“Còn lâu.” Nash đáp.

Clair khoanh tay lại. “Không có chuyện ấy đâu.”

Poole chăm chú nhìn những khuôn mặt quanh anh. “Các anh chị biết gì về cuốn nhật ký của Bishop?”

Căn phòng một lần nữa lặng phắc. Cả nhóm đưa mắt nhìn nhau nhưng chẳng ai nói gì.

Poole thở hắt ra một hơi rồi đứng dậy, quay người đi ra cửa. “Tôi không có thời gian cho việc này đâu.”

Nash thôi khoanh tay, áp hai bàn tay lên mặt bàn. Anh ta liếc từ Clair sang Klozowski. “Đợi đã, Frank. Làm ơn ngồi xuống đi.”

Poole lại hạ mình xuống ghế. “Mọi người biết nó đang ở đâu, phải không?”

Clair nhìn Nash. Anh ta nói: “Sam đã giấu cuốn sổ.”

“Khỏi kho vật chứng ư?”

“Khỏi báo giới. Nộp cuốn sổ vào kho thì chẳng khác gì gửi nó đến cho báo chí. Tin tức rồi sẽ rò rỉ. Một thứ như thế kiểu gì cũng lộ ra ngoài.”

“Vậy là anh ấy đã giấu giếm vật chứng? Mọi người để cho anh ấy làm thế sao?”

“Sam giữ lại cuốn sổ. Tôi biết anh ấy giấu nó, chỉ Sam và tôi thôi, ngoài ra không ai khác biết cả.” Nash ngửa lòng bàn tay ra và cúi đầu nhìn xuống tay mình.

“Thế bây giờ cuốn nhật ký đang ở đâu?”

“Sam giấu nó bên dưới chiếc ghế La-Z-Boy trong phòng khách nhà anh ấy, chính là chiếc ghế bị đổ mà chúng tôi tìm thấy.”

“Vậy là Sam mang nó theo? Bất kể là đi đâu?”

“Phải.”

“Không ai có bản sao à?”

“Chúng tôi không muốn có.”

Sau khi đã nắm bắt được tất cả những điều này, Poole quay sang Clair. “Vậy ra cô gọi tôi qua đây là vì thế? Để thú tội?”

Klozowski bật ra tiếng cười khẽ. “Ôi giời, để cho thêm phần long trọng, hẳn rồi.”

“Nói vậy là có ý gì?”

“Còn nữa.” Clair nói. Cô rút ra một tấm ảnh cỡ 20x25 centimet từ trong túi hồ sơ màu nâu đặt trên bàn và đẩy sang phía anh.

Poole cầm tấm ảnh lên. Trong ảnh là một cậu thiếu niên đông cứng dưới tầng tầng lớp lớp băng đá bên trong buồng lái của một chiếc xe bán tải.

Clair đứng dậy, bước tới gỡ một tấm ảnh nữa gắn trên chiếc bảng trắng kê ở đầu phòng. Cô đặt nó xuống trước mặt Poole. Tấm này là ảnh chụp cận cảnh kính chắn gió, trích xuất từ camera giao thông.

“Đó là Bishop.” Poole phán gọn lỏn.

“Hai chiếc xe là một.” Clair nói với anh. “Nó cũng chính là cái xe bán tải được camera giám sát tại Công viên Jackson ghi lại cách đây ba tuần. Hung thủ đã lái nó để kéo một cái bồn chứa nước vào công viên, rồi dùng nước đó để giấu xác Ella Reynolds dưới đầm. Cái bồn bị ăn trộm từ Tanks

A Lot, cửa hàng thủy sinh nằm ở trung tâm thành phố. Libby McInley, chị gái nạn nhân thứ năm của Bishop, xin vào làm ở Tanks A Lot. Cô ta làm được đúng một ngày. Tôi nghĩ cô ta đến chỉ để tranh thủ thăm dò cửa hàng giúp Bishop thôi. Bọn chúng hợp tác với nhau thế nào đó. *Đã từng* hợp tác thì đúng hơn."

Poole nhìn chằm chằm hai tấm ảnh. "Cô biết được các thông tin này từ bao giờ?"

"Mới vài tiếng trước thôi." Clair đáp. "Tất cả những điều đó."

"Đã tìm ra danh tính cậu bé kia chưa?"

"Chưa. Thi thể được đưa tới trung tâm thành phố rồi. Bên pháp y đang khám nghiệm."

"Cô đã hay tin về Libby McInley chưa? Đã biết chúng tôi tìm thấy cô ta thế nào chưa?" Poole hỏi.

"Chúng tôi xem báo cáo rồi."

"Các cô xem báo cáo rồi." Poole lầm bầm. Mỗi lần nhắm mắt, anh vẫn còn trông thấy Libby McInley. Giờ lại đến Đặc vụ Diener. Và cả khuôn mặt của Bishop khi hắn ra mở cửa.

Anh không phải Sam Porter.

Nụ cười trên khuôn mặt hắn.

Poole nhìn mấy tấm bảng kê ở đầu phòng, quan sát ảnh chụp những cô gái cũng đang đăm đăm nhìn anh. Rồi anh quay lại đối diện với bốn người ngồi quanh bàn họp, mọi ánh mắt đều dồn cả vào anh. "Porter nói những vụ này không liên quan tới Bishop."

"Sam nhầm đấy."

“Không giao nộp cuốn nhật ký - đồng nghĩa với việc giấu giếm vật chứng trong một vụ án nay đã thuộc thẩm quyền của cơ quan điều tra liên bang - không những có thể khiến các anh chị bị thu hồi phù hiệu mà một vài người còn có nguy cơ ngồi tù nữa. Cuốn nhật ký có thể là manh mối then chốt, thế mà bây giờ chúng ta lại không có nó. Ta không biết nó đang ở đâu.”

“Bọn họ chẳng biết gì hết. Tất cả đều là do tôi và Sam làm.” Nash nhắc lại.

Căn phòng lại chìm vào tĩnh lặng, bầu không khí căng như dây đàn, đến nỗi tưởng như nghe thấy cả tiếng điện xẹt.

Ánh mắt Clair giao với ánh mắt Nash bên kia bàn. Cả hai quay đi. Sophie thì đang chúi mũi vào cái màn hình điện thoại bé tẹo, dù trông cô chẳng có vẻ gì là đang đọc, cô chỉ không muốn đối mặt với những người khác mà thôi.

Phải đến gần một phút sau, Poole mới đứng dậy. “Chờ đó.”

Anh bỏ đi, để bốn người ngồi lại quanh bàn.

Sau lưng anh, Klozowski lầm bầm: “Phen này chết chắc rồi.”

Lát sau, Poole quay lại, mang một tấm bảng trắng từ phòng làm việc của FBI sang. Anh đẩy nó vào bên cạnh mấy tấm bảng sẵn có, rồi lại đi sang bên kia hành lang.

“Anh không báo cáo chuyện bọn tôi à?” Klozowski gọi với theo.

“Tạm thời chúng ta phải tập trung điều tra trước đã.”

Clair thở phào một hơi cô đã kìm giữ từ nãy đến giờ.

CHƯƠNG 85

Kati

Ngày 3 • 9:52 tối

Gã đàn ông đội mũ len đen ngồi đối diện với cô bên cái bàn nhỏ trong bếp, cặp mắt hắn đỏ hoe, vằn tia máu, mắt trái đỏ hơn mắt phải. Hắn có vẻ ưu ái con mắt ấy hơn. Trong lúc quan sát cô, đầu hắn hơi quay sang một bên như thể đang nhìn cô bằng mắt trái, còn mắt phải hướng vào vật gì đó ở đằng xa, phía sau lưng cô.

Hắn đã dùng dây thít nhựa trói tay chân Kati vào chiếc ghế kim loại.

Sợi dây siết chặt.

Vô cùng chặt.

Kati phải liên tục cử động ngón tay để máu huyết lưu thông.

Cô cố tập trung vào hắn, cố nhìn vào mắt hắn theo phép lịch sự thông thường trong giao tiếp. Cô cố không để ý đến vết thương lem nhem vệt máu khô đóng vảy bên đầu hắn. Cô cố không nhìn quá lâu vào cái mũ len đen đang cọ lên da thịt tấy đỏ, không nhìn những vệt ca cao nâu sẫm loang lổ trên bàn và dưới sàn giờ đã khô cứng. Và trên hết, cô không cho phép mình nhìn xuống chỗ máu trên sàn, những giọt máu đặc sệt bắn ra khi Wesley ngã gục, vũng máu tròn chảy thành dòng, lan đi theo các nhánh nhỏ, cuối cùng kết thúc bằng những giọt li ti trên sàn phòng ốp vải sơn và trên tường.

Cô không thể nhìn vào đó được.

Cô sẽ không nhìn.

Tay phải của gã đàn ông đang cầm một lọ thuốc, hắn bóp chặt đến nỗi ngón tay trắng bệch.

Kati cố liếc nhãn thuốc, nhưng bàn tay hắn đã che đi gần hết. Hắn đang run rẩy, chỉ một chút thôi. Lúc trước hắn còn run hơn và phải lấy một viên ra uống mới đỡ.

"Kể lại lần nữa đi." Hắn nói, rướn người lại gần hơn. Cô ngửi thấy hơi thở của hắn. Cô không muốn thế. Nhưng cô cũng biết, cô chỉ có thể có cơ hội trốn thoát nếu chiếm được lòng tin của hắn. Cô phải cho hắn một lý do để cần đến mình, điều mà cô gái dưới tầng hầm không thể hoặc không muốn làm, điều mà các nạn nhân khác không tự nguyện dâng cho hắn.

"Ông làm ơn nới lỏng dây trói cho tôi được không? Tôi hứa sẽ không chạy trốn. Tay chân tôi đau quá. Tôi vẫn chưa thể tập trung được, đã vậy còn đau nữa nên càng khó." Cô xoay cổ tay trên ghế để khẳng định lời nói của mình, nhưng rồi nghĩ lại, cô thấy làm thế không hay. Cô không nên để lộ sức mạnh và sự chống đối, chỉ nên cho hắn thấy sự yếu đuối, cam chịu mà thôi.

"Đau đớn khiến đầu óc tỉnh táo hơn. Nếu cô biết cách tận dụng cơn đau, nó sẽ giúp cô tập trung, thay vì làm cô sao nhãng."

Kể từ lúc uống thuốc vào, hắn nói năng rõ ràng, rành mạch hơn, gần như không còn ngọng. Nhưng giờ hắn đang đổ mồ hôi, một lớp mỏng rịn ra óng ánh trên trán và cổ hắn.

"Tôi muốn Wesley trông thấy." Kati nói. "Ông có thể giúp Wesley thấy được như tôi không? Để hai chúng tôi nói cho ông nghe. Tôi nghĩ chúng ta sẽ biết được nhiều hơn nếu hai chúng tôi cùng trông thấy một thứ, ông không nghĩ thế sao?"

Hắn rời mắt khỏi cô trong giây lát và nhìn xuống sàn, nơi cô không cho phép mình chú ý tới, sau đó ánh mắt lại chiếu thẳng vào cô, cặp môi mím lại. “Chúng ta sẽ không nói về Wesley. Tôi không muốn nhắc tới cậu ta nữa. Tôi muốn cô kể lại cho tôi nghe.”

Kati lại giằng sợi dây trói trên hai cổ tay, nhưng lần này cô hành động một cách kín đáo hơn. Dây bên trái có vẻ lỏng hơn dây bên phải nhưng chưa đủ để có thể rút tay ra, hay chí ít là cô nghĩ vậy. Cô không dám chắc. “Chẳng biết tôi có diễn tả được hết không. Tôi đã chứng kiến một cảnh tượng đẹp đẽ và kỳ diệu. Cảm giác như đang tan vào trong âm nhạc, hay đang nếm trải cảm xúc của một họa sĩ trong lúc anh ta nắm bắt hơi thở của chủ thể bức tranh vậy. Điều đó không lời nào có thể tả xiết, không gì trên đời thực sự sánh được.”

“Cô bảo cô trông thấy khuôn mặt của Chúa cơ mà.”

Tật nói ngọng đã trở lại, nghe không rõ lắm khi hắn thốt ra từ *thấy.*

“Tôi… tôi nghĩ tất cả những điều ấy đều là Chúa. Tôi nghĩ Người hiện diện ở xung quanh tôi. Tôi cảm thấy một hơi ấm, một thứ gì đó lớn lao bao bọc quanh mình. Ông đã bao giờ ngủ thiếp đi và cảm thấy mình đang rơi xuống trong một giây ngắn ngủi, sau đó lại bồng bềnh trôi nổi, cảm giác thân thể hoàn toàn không trọng lượng, không đau đớn, không áp lực chưa? Bốn bề không một tiếng động, thế mà tôi lại nghe thấy âm thanh êm ái tuyệt vời nhất, không giống bất cứ thứ gì và đồng thời cũng giống như tất cả mọi thứ hòa quyện lại, cảm giác như đang phân thân, cùng lúc xuất hiện ở hai nơi vậy.”

“Cô có trông thấy chính mình không?”

Kati ngẫm nghĩ một giây rồi lắc đầu. Một ngón của bàn tay bên trái đã sắp rút ra được khỏi dây trói. "Không, hoàn toàn không phải như thế. Tôi nghĩ chuyện đó chỉ có trên ti vi hoặc trên phim thôi. Nhưng… đúng là tôi cảm thấy tự do tự tại, được giải thoát khỏi thể xác, không còn phải chịu những trói buộc của thể xác nữa."

Ngón tay cô suýt chút nữa đã rút được ra, nhưng rồi sợi dây lại bập vào như cũ. Nếu quả thật hắn có nghe thấy tiếng nhựa đập vào khung ghế, hắn cũng không tỏ thái độ gì. Ngón tay hắn gõ lên thân lọ thuốc.

Phải chiếm được lòng tin của hắn, Kati tự nhủ. Phải bình tĩnh. Nếu cô giữ được bình tĩnh thì hắn cũng thế. Cứ nói những điều hắn muốn nghe. Tâm trí cô lại miên man nghĩ đến cô gái dưới tầng hầm, cô gái có lẽ đang chết dần chết mòn sau khi nuốt thủy tinh để con quái vật này không thể làm hại mình. Cô ấy thà tự tìm đến cái chết còn hơn để hắn chạm vào mình. Kati khâm phục ý chí của cô ấy, nhưng cô không muốn chết. Cô phải thoát khỏi nơi này.

Phía trên bồn rửa có một cái cửa sổ, ngoài trời đã tối đen nhưng cô vẫn lờ mờ trông thấy bóng dáng nhà hàng xóm, cách đây cùng lắm chỉ ba mét. Một ô cửa sổ đang sáng đèn, và hình như có bóng người đi lại đằng sau tấm rèm màu trắng.

Kati liếm môi. Môi cô khô khốc, nứt nẻ. "Cho tôi xin chút nước được không?"

Gã đàn ông nhìn cô chằm chằm, lúc đầu cô không biết hắn có nghe thấy cô nói gì không. Cô đang định nhắc lại thì hắn bất ngờ đứng dậy đi ra bồn rửa, lấy một cái ly thủy tinh đục ngầu từ giá hong bát đĩa trên bàn bếp và vặn vòi cho nước chảy vào. Khi hắn quay lại bàn, cô có thể thấy những cặn

li ti lơ lửng trong nước, tàn dư của thứ từng chứa trong cốc, để cho cáu lại không rửa, đến là bẩn.

Gã đàn ông đội mũ len đen đứng cạnh cô, kề chiếc cốc lên môi cô. Kati uống. Cô vừa uống vừa cố không nghĩ đến những gì mình trông thấy trong cốc. Mãn nguyện, ngoan ngoãn, vô ưu. Mấy từ ấy hiện lên trong đầu cô, đó là tất cả những gì cô biết mình cần phải thể hiện để có cơ hội được sống. Nước có vị chua. Cô mỉm cười khi hắn bỏ cái cốc ra. Cô sẽ tuyệt đối tránh tỏ thái độ khó chịu với hắn.

Tay hắn run run khi hắn đặt cái cốc lên bàn rồi trở lại chỗ ngồi. Cô không rõ hắn run rẩy như vậy là do hồi hộp hay là vì có gì đó không ổn. Nhưng cô biết chắc một điều, nó không phải biểu hiện của sợ hãi hay yếu đuối. Cô sẽ không dại dột tin vào điều đó.

"Lúc ông thả tôi vào bồn nước," cô nói tiếp, "mắt tôi bị băng kín. Tôi tỉnh dậy trong bóng tối, không biết mình đang ở đâu. Thế rồi tôi thấy tôi chìm vào một vùng nước ấm áp như chính cơ thể mình, rồi tôi rơi xuống và bốn bề lặng thinh, sau đó…" Giọng cô nhỏ dần, cô nhìn vào mắt hắn. "Sau đó tôi cảm thấy thật hoàn hảo, mọi thứ đều hoàn hảo. Không còn sợ hãi. Không còn ước vọng. Không còn mong muốn. Thanh tịnh. An yên. Toàn thiện."

Gã đàn ông chăm chú quan sát cô, miệng hơi hé mở, để một dòng nước dãi rỉ xuống khóe môi bên trái. Hắn không buồn lau đi. Ngón trỏ của bàn tay đang cầm lọ thuốc khẽ co giật, đều đều gõ lên lớp vỏ nhựa. Ngón trỏ và ngón cái bàn tay bên kia xoa vào nhau theo vòng tròn nhỏ. "Tại sao tôi phải tin cô?" Cuối cùng hắn nói.

"Tôi không có lý do gì để nói dối cả."

"Không ư?"

“Lúc đó tôi đã chết. Cô gái dưới tầng hầm kể với tôi là tôi đã chết rồi. Ông đã hồi sinh tôi, ông cứu sống tôi.”

“Tim cô ngừng đập. Cô đã chết trong khoảng hơn ba phút. Rồi tôi hồi sinh cô. Có thể chừng đó thời gian là chưa đủ. Có thể cô chẳng trông thấy gì hết. Cô chỉ đang nói những điều cô nghĩ là tôi muốn nghe mà thôi.”

“Tôi không đời nào làm vậy đâu.”

“Tôi nghĩ chúng ta cần phải làm lại. Lần này lâu hơn. Năm hoặc sáu phút gì đó. Sau năm phút, não người sẽ chết, đáng lẽ tôi phải để trên năm phút.” Hắn bảo cô. Ngón tay đặt trên lọ thuốc co giật càng lúc càng mạnh theo từng từ thốt ra, hắn nói càng lúc càng nhanh, càng khẩn thiết. “Dưới năm phút có thể là chưa đủ.”

Kati giằng dây trói, kéo mạnh ở bên trái. Nhưng cô không sao rút ra được. “Maybelle… là ai?”

Hắn hít một hơi thật sâu và ngả người ra lưng ghế.

“Maybelle Markel?” Kati nói. “Đúng, Markel, chính thế.”

“Cô nghe thấy cái tên đó ở đâu?”

“Nó xuất hiện lúc tôi đang ở đó, ở nơi đó. Tôi… nghe thấy. Như thể có người thì thầm vào tai tôi, hoặc là hét lên từ xa, tôi không chắc. Cô ấy là ai?”

Hắn lấy một viên thuốc nữa. Loay hoay mãi mới mở được nắp lọ, hắn dốc ra một viên rồi nuốt chửng.

“Ông nói ông có một cô con gái. Ông nói quần áo tôi đang mặc là của cô ấy. Đấy có phải tên cô ấy không? Con gái ông tên là Maybelle Markel à?”

“Chắc chắn là tôi đã nói cho cô biết.”

"Không đúng."

Hắn tỏ ra bối rối trong lúc lục lại trí nhớ để xem mình có nói ra cái tên này không, mấy viên thuốc đã xua đi vẻ đờ đẫn trong mắt hắn.

Kati lại kéo bàn tay trái, lần này mạnh hơn, chỉ một chút nữa thôi là được, nhưng cuối cùng đâu lại vào đấy. Có lẽ lần này cô đã làm rách da rồi. Cổ tay không chỉ đau mà cô còn cảm thấy ươn ướt, ấm nóng. Cô băn khoăn tự hỏi liệu dòng máu trơn nhẫy có giúp cô rút tay ra được không. "Tôi nghĩ Maybelle muốn ông biết rằng cô ấy vẫn ổn. Cô ấy rất thanh thản."

"Vậy sao? Nó bảo cô thế à?" Giọng hắn ẩn chứa niềm khắc khoải chưa từng thấy trước đây. "Cô có chắc là thế không?" Hắn lại phát âm sai từ *thế.*

Kati gật đầu. "Vâng, tôi nghĩ vậy."

Cặp mắt đỏ ngầu chớp một cái rồi dán chặt nơi cô, nhìn như xoáy vào cô, xuyên thấu tâm can cô. Thình lình, hắn đứng phắt dậy, hành động nhanh và mạnh đến nỗi hất tung cả cái bàn, khiến nó chao đi và đổ nhào, tấm kính văng ra, vỡ tan tành. Góc bàn đập vào mạng sườn Kati chẳng khác nào khúc gỗ công thành, đẩy cô ngã ngửa. Chiếc ghế vướng vào tủ chén bát sau lưng cô và đứng im trong một giây trước khi lật nghiêng, đè nghiến tay Kati xuống sàn đầy đau đớn, cánh tay bị chính sức nặng cơ thể cô ghim chặt.

Hai từ "Nói láo!" rống lên từ miệng hắn, tiếng gào chất chứa giận dữ và cảm xúc đầy hoang dại.

Kati cũng thét lên. Cô thét lên khi ngã xuống sàn. Nhưng giờ cô im bặt, mắt dán vào nơi Wesley đã ngã, chỉ cách mặt cô vài ba centimet. Cô cảm thấy vũng máu nhớp nháp của cậu dính lên tóc mình, trông thấy giữa vũng máu có một khoảng nhạt màu hơn, nơi đầu cậu từng đặt trên sàn.

Tuy không quan sát được gì mấy do nằm nghiêng hẳn về một bên, qua khóe mắt, Kati vẫn có thể nhác thấy bức tranh cô từng bắt gặp khi gã đàn ông dẫn cô vào bếp cùng với Wesley. Gắn trên cánh cửa tủ lạnh bằng một cục nam châm có logo của tiệm pizza Domino là bức tranh vẽ một ngôi nhà, một chú chó, một ông bố cùng với cô con gái - hai người que, tay trong tay đứng phía trước nhà. Góc dưới cùng bên phải ký tên Maybelle Markel với nét chữ to đậm màu tím.

Đúng lúc đó, có người bước vào. Cửa chính mở ra rồi đóng lại. Tiếng chân hối hả chạy trên hành lang. “Anh đã làm gì vậy?”

“Cô ta nói dối. Cô ta không thấy. Không đứa nào thấy. Không một ai.”

“Tất cả rồi sẽ sớm thấy thôi.”

CHƯƠNG 86

Poole

Ngày 3 • 9:52 tối

Đặc vụ Frank Poole, hai thanh tra Clair Norton và Brian Nash của Sở Cảnh sát Chicago, Sophie Rodriguez thuộc Ban Tìm kiếm Trẻ em Mất tích, và Edwin Klozowski phòng IT, tất cả quây quần bên bàn họp trong phòng tác chiến, mọi cặp mắt đều dồn vào sáu tấm bảng trắng kê ở đầu phòng.

Cái máy pha cà phê sau lưng họ phát ra tiếng "bíp". Không ai đứng dậy.

"Thật là choáng ngợp." Cuối cùng Klozowski nói, người đầu tiên lên tiếng sau gần năm phút im lặng.

Quả đúng thế thật, Poole thầm nghĩ. Mười sáu năm trời làm ở Cục, bốn năm trực thuộc Ban Khoa học Hành vi tại Quantico trước khi điều chuyển đến Chicago, anh chưa bao giờ chứng kiến điều gì giống thế này, một điều chưa từng có trong những cuộc điều tra thông thường, hay trong bất cứ vụ nào anh từng nghiên cứu. Những vụ án xảy ra không rõ lý do, không theo mô thức rõ ràng. Sát nhân hàng loạt luôn tuân theo một mô thức nhất định, một thủ pháp đặc trưng. Mô thức đó có thể được cải biến trong quá trình tên sát nhân học hỏi, rút kinh nghiệm sau những lần ra tay giết người và ngày càng trở nên tự tin, nhưng cách thức gây án không bao giờ ngẫu nhiên. Chúng luôn đi theo một khuôn mẫu.

Vậy tại sao anh lại không thể nhìn ra khuôn mẫu ấy cơ chứ?

"Có quá nhiều tạp âm." Poole khẽ nói.

Nash nhíu mày quay sang nhìn anh. “Nghĩa là sao?”

“Chúng ta cần loại bỏ tạp âm.”

Poole đứng dậy và bước tới đầu phòng, mắt dán chặt vào mấy cái bảng.

“Hình như anh ta lú lẫn rồi.” Klozowski nói.

Poole đứng đó một lúc, quan sát thật kĩ những gì viết trên bảng, nắm bắt từng câu từ, từng con chữ, từng nét bút uốn lượn mềm mại, khắc ghi tất cả vào trí nhớ. Xong xuôi, anh lật tấm bảng thứ nhất từ sau ra trước, chữ viết biến mất, thay vào đó là mặt sau trắng tinh. Sau đó anh lật tấm bảng thứ hai, rồi thứ ba, và cứ tiếp tục như thế, cho đến khi mặt có chữ của cả sáu cái bảng đều úp vào tường, mọi thứ trước mắt họ bỗng trống trơn.

Kloz hinh hích cười, ngả ra lưng ghế. “Giờ thì chắc chắn là lú thật rồi.”

Poole đi vòng ra đằng sau mấy cái bảng, gỡ hết ảnh trên đó xuống, cầm một chiếc bút dạ đen ở khay rồi trở ra phía trước. “Mấy ngày vừa qua chúng ta đã thu được nhiều thông tin, quá nhiều là đằng khác. Cần phải lọc bớt tạp âm và tập trung vào chi tiết cốt yếu nhất, tìm ra bằng chứng đích thực, xâu chuỗi lại như thể mọi thứ đều còn rất mới.”

“Động não suy nghĩ.” Kloz nói.

Nash và Clair quay sang lườm anh ta. Anh ta chỉ nhún vai.

Poole cầm lấy ảnh Anson Bishop và dán lên chính giữa mép trên cùng của cái bảng. Sau đó anh xem qua những tấm ảnh còn lại trong tay và dán chúng vào bên dưới ảnh Bishop, lần lượt như sau:

Ella Reynolds

Lili Davies

Floyd Reynolds

Randal Davies

Libby McInley

Larissa Biel

Darlene Biel

John Doe/Xe tải

“Đây là những người có liên quan trực tiếp đến chuyên án này.” Poole nói. “Họ là nạn nhân hoặc nạn nhân trong tầm ngắm.”

Clair hỏi: “Còn lại những ai?”

Poole giơ lên mấy tấm ảnh mà anh vẫn đang cầm. “Ba người phối ngẫu - Leeann Reynolds, Grace Davies, Larry Biel, cùng những người con khác trong mỗi gia đình.” Anh đặt úp xấp ảnh xuống bàn họp. “Nếu tìm được lý do cho thấy họ có liên quan tới chuyên án, ngoài mối quan hệ ruột thịt với các nạn nhân, thì khi đó ta sẽ lại dán ảnh họ lên. Còn tạm thời cứ tập trung vào mấy người kia đã.”

Nash nhịp ngón tay lên mặt bàn. “Nếu tất cả những vụ này theo một cách nào đó đều do Bishop gây ra, và hắn vẫn đi theo cách thức cũ như đã làm với các nạn nhân trước kia, như vậy có nghĩa là con cái bị sát hại để trả giá cho tội ác do cha mẹ gây ra. Thế thì mục tiêu thực sự ở đây không phải là những đứa con.”

“Nhưng lần này, hắn giết cả cha mẹ đấy thôi.” Sophie chen vào.

“Và hãy xem cách hắn giết hại con cái họ.” Clair nói. “Hai cô bé chết đuối trong nước mặn. Cậu bé vô danh kia thì đóng băng trong xe tải. Tất cả

đều bị hành hạ dã man.”

“Hắn không lấy đi mắt, tai và lưỡi của bất cứ ai trong số những người con, đây là sự thay đổi lớn.” Nash nhận xét. “Khác hoàn toàn với thủ pháp của hắn trước đây.”

“Nhưng hắn lại làm thế với Libby McInley.” Poole nhắc nhở họ. “Hắn giết cô ta, hệt như với các nạn nhân trong quá khứ.”

“Không hoàn toàn *giống hệt* đâu.” Clair nói. “Ngón chân và ngón tay cô ta bị cắt cụt. Hắn chưa làm thế bao giờ.”

“Bị tra tấn dã man hơn.” Nash nói. “Phải chăng hắn tăng mức độ tàn độc lên?”

“Một hình thức tra tấn khác hẳn, không giống bất kỳ vụ nào trước đó.” Poole nói. Anh gom mấy cốc cà phê trên bàn, bước tới bên cái máy và rót cà phê vào các cốc. “Ngón tay, ngón chân bị cắt thường nhằm mục đích khai thác thông tin. Đây là một sự thay đổi lớn trong thủ pháp của hắn. Với các nạn nhân trước, hắn lấy đi mắt, tai, và lưỡi của họ là để gửi gắm một thông điệp đến cho bất cứ ai tìm thấy thi thể, để giễu cợt cơ quan hành pháp, tạo sự giật gân cho những vụ án mạng. Hắn nhắm vào họ là nhờ các thông tin đã thu thập từ trước, những gì hắn biết được khi tìm hiểu hoạt động kinh doanh của Talbot. Hắn không cần bất cứ điều gì ở các nạn nhân đó. Hắn đã nắm được hết rồi.”

Poole quay lại bàn và đưa cốc cho mọi người.

Clair với lấy cốc của mình rồi nhấp một ngụm. “Vậy tức là Libby McInley khác với các nạn nhân còn lại, cô ta nắm được thông tin nào đó, một điều hắn cần phải biết, điều mà vì nó, hắn sẵn sàng dùng nhục hình để có được.”

Poole trở lại đứng trước mấy tấm bảng. “Hắn tra tấn Libby dã man hơn bất cứ ai hòng có được thông tin nào đó.”

Anh gỡ ảnh Libby McInley khỏi trung tâm của tấm bảng và dán vào góc trên bên phải. “Vụ sát hại cô ta không giống các vụ khác. Tạm thời cũng cứ tách riêng nhân vật này ra đã.”

“Chúng ta biết được những gì về Libby McInley? Điều gì khiến cô ta trở thành mục tiêu đặc biệt đến thế?” Nash hỏi.

Poole đọc to các thông tin có trong hồ sơ của cô ta. “Bị khởi tố vào tháng Ba năm 2007 và bị kết án vào tháng Bảy vì tội vô ý đâm xe làm chết một người tên là Franklin Kirby, lĩnh án mười năm tù nhưng chỉ thụ án hơn bảy năm rồi được tha có điều kiện cách đây sáu tuần.”

“Nạn nhân bị cô ta đâm chết tên là gì cơ?” Nash hỏi.

“Franklin Kirby.” Poole tiến lại gần bàn họp. “Cái tên này Porter cũng nhận ra, nhưng anh ấy không chịu tiết lộ những gì mình biết. Ông ta rốt cuộc là ai?”

“Quái quỷ thật, sao chúng ta lại bỏ lỡ chi tiết đó được nhỉ?” Kloz buột miệng nói.

Clair lắc đầu. “Trong cuốn nhật ký của Bishop có nhắc đến ông ta. Kirby làm việc cho Talbot. Ông ta lấy trộm một số tiền lớn của Talbot và cuối cùng đã bỏ trốn cùng với mẹ Bishop hồi hắn còn nhỏ. Ông ta cũng chính là người bắn chết bố của hắn.”

“Lại là cuốn nhật ký.” Poole cau mày. “Tôi cần phải xem nội dung của nó.”

“Cho phép tôi tóm tắt lại cho rõ nhé.” Nash lên tiếng. “Vì tôi *đã* đọc cuốn nhật ký đó rồi. Kirby giết bố Bishop. Kirby bỏ trốn cùng mẹ Bishop.

Libby McInley vô ý đâm chết Kirby. Bishop giết Barbara McInley, em gái Libby, để trả thù cho việc Libby làm chết Kirby, cuối cùng, hắn giết cả Libby, dù hắn và cô ta đã hợp tác với nhau theo một cách nào đó? Thế thì thật vô lý. Kirby mà chết, Bishop lại chẳng sướng rơn ấy chứ."

Kloz đằng hắng. "Nếu Bishop không giết Libby thì sao? Biết đâu người khác giết cô ta rồi dàn dựng như thế Bishop làm. Điều đó có thể lý giải cho việc ngón tay và ngón chân cô ta bị cắt. Hung thủ không phải Bishop mà là kẻ khác. Một kẻ theo đuổi mục tiêu nào đó."

"Là ai mới được?"

Klozowski cựa mình trên ghế và nói tiếp. "Nếu Bishop cũng không giết Barbara McInley thì sao?"

Clair đưa tay gãi phía sau đầu. "Chúng ta đều biết vụ đó là do hắn làm."

"Có thật thế không?"

Căn phòng lại chìm vào im lặng.

Kloz áp hai tay lên chiếc cốc. Anh ta cúi nhìn cà phê cuộn xoáy trong cốc. "Mỗi người trong số những nạn nhân đầu tiên của Bishop bị giết là vì người thân của họ dính vào một tội ác, ai cũng thế, chỉ trừ nạn nhân thứ năm, Barbara McInley. Cô ta bị giết là bởi chị gái cô ta đâm xe làm chết người rồi bỏ trốn. Một vụ tai nạn." Anh ta quay sang Nash. "Như anh vừa nói đấy, Bishop không có lý do gì để giết Libby, chắc chắn không phải vì cô ta khiến Kirby mất mạng."

"Vậy hung thủ là ai?" Poole hỏi.

Kloz đáp bằng giọng rất khẽ. "Mẹ của Bishop."

CHƯƠNG 87

Poole

Ngày 3 • 9:55 tối

"Mẹ của Bishop ư?" Poole nhíu mày.

Klozowski gật đầu. "Bà ta có quan hệ tình cảm với Kirby. Bà ta chưa bao giờ bị bắt. Ai mà biết được? Ngón tay và ngón chân Libby bị cắt cụt, đó có thể là một hình thức báo thù. Xẻo tai, cắt lưỡi, móc mắt, rồi bỏ vào ba cái hộp trắng nho nhỏ… bắt chước thủ pháp đặc trưng của Bishop đâu có khó gì."

"Mấy cái hộp trắng ấy có cùng loại với hộp Bishop dùng trong những vụ giết người trước đó không?" Clair hỏi.

Poole gật. "Có, giống hệt."

"Nếu mẹ Bishop đang nhởn nhơ ngoài kia, ai mà biết bà ta có thể làm ra chuyện gì. Cứ xem tất cả những thông tin con trai bà ta thu thập được, tôi thấy chẳng có gì quá khó tin khi bà ta kiếm được cái hộp y hệt." Nash nói. "Bà ta có thừa khả năng, nhờ số tiền "khủng" mà chồng của Carter cuỗm được từ Talbot."

Poole đi đi lại lại giữa mấy tấm bảng và bàn họp. "Hôm chúng tôi đến căn hộ của Porter, anh ấy có nêu ý kiến rằng vụ sát hại McInley không giống những vụ còn lại. Anh ấy nói Bishop dường như có chút để tâm hơn đến cô ta, rằng cô ta là người duy nhất có tóc vàng trong số các nạn nhân."

“Điều đó tôi vẫn nhớ.” Clair nói. “Bishop đứng lại một giây, nhìn chằm chằm vào ảnh cô ta. Nói đó là điểm *bất thường,* trích nguyên văn lời hắn.”

Poole chậm rãi tiến tới trước bảng và viết mấy chữ *Bị mẹ của Bishop giết?* bên dưới ảnh Libby McInley, sau đó anh lại vòng ra đằng sau mấy tấm bảng rồi trở lại bàn họp, cầm theo một bức ảnh Polaroid cũ và lọn tóc vàng, đựng trong túi bảo quản vật chứng. Anh đặt chúng lên bàn.

“Mọi người có biết gì về hai thứ này không?”

Clair cầm lấy bức ảnh Polaroid. “Anh tìm thấy nó ở đâu vậy?” Cô giơ cho Nash và Klozowski xem.

“Trong ngăn kéo tủ ở nhà Libby, nhét dưới đống quần áo, cùng với lọn tóc kia.”

Clair đặt bức ảnh xuống. “Bishop có nhắc đến mấy tấm ảnh trong nhật ký. Đây có thể là một trong số đó. Nếu đúng là như vậy thì một trong hai người này là mẹ của hắn, còn người kia là cô hàng xóm, Lisa Carter.”

“Chúng tôi đã thử dùng chương trình nhận diện khuôn mặt với hai người phụ nữ này, nhưng không thu được kết quả gì. Tuổi của bức ảnh và góc chụp không có lợi cho việc nhận diện. Vậy còn lọn tóc? Trong nhật ký có nhắc đến không?”

“Không. Có thể là tóc của Libby chăng?” Clair nêu ý kiến.

“Nó không khớp với cả Libby lẫn Barbara.”

“Thế Kirby thì sao?” Kloz nói. “Ông ta có mái tóc vàng để dài đấy.”

Nash kéo túi đựng vật chứng lại gần hơn. “Libby giữ tóc của Kirby để làm gì chứ? Mà cô ta kiếm đâu ra mới được?”

Chẳng ai trả lời được câu hỏi ấy.

Poole quay lại bảng, bổ sung thông tin về bức ảnh và lọn tóc. Anh còn viết thêm cái tên KALYN SELKE. “Vậy là tất cả mọi người đều nắm rõ cả rồi, ngoài ra còn một chi tiết nữa: Bishop đã giúp Libby xin được giấy tờ giả dưới cái tên này. Chúng đã thư từ qua lại trong thời gian cô ta ngồi tù.”

“Anh có biết chúng làm thế nào không?” Clair hỏi.

Poole lắc đầu. “Tôi thậm chí chưa có thời gian ghé qua trại giam. Sau khi nói chuyện với cán bộ quản chế của Libby, chúng tôi được biết cô ta gặp khó khăn trong việc tái hòa nhập với cuộc sống bên ngoài. Ông ta cho rằng cô ta muốn trở lại trại giam.”

“Cô ta ở trại nào? Stateville à?”

“Phải. Chúng tôi còn tìm thấy trong nhà cô ta một khẩu 0,45, rõ ràng cô ta đã vi phạm điều khoản tha tù trước thời hạn.” Poole nói. “Cô ta biết có kẻ đang săn lùng mình. Nếu những gì mọi người nói về mối quan hệ giữa Kirby và mẹ Bishop là thật, vậy thì điều đó cũng hợp lý. Ta chỉ cần tìm hiểu xem tại sao Bishop lại bảo vệ cô ta thôi.”

Poole lại hướng sự chú ý lên bảng. “Được rồi. Tình hình tiến triển tốt đấy. Rất tốt, chúng ta đã có được đầu mối khác để tiếp tục điều tra, chí ít là về Libby McInley. Giờ ta xem xét kĩ hơn những nhân vật còn lại nhé.”

Poole bước sang trái vài bước, để lại phía sau tấm bảng chứa dữ kiện về Libby McInley, dồn sự tập trung vào tấm bảng đầu tiên với cái tên ANSON BISHOP ở phía trên cùng, bên dưới là ảnh của bảy nạn nhân mất tích hoặc đã chết.

Nash đằng hắng. “Như tôi đã nói, nếu tất cả những vụ này - theo một cách nào đó - đều do Bishop làm, và hắn vẫn đi theo cách thức cũ như đã làm với các nạn nhân trước kia, như vậy có nghĩa là con cái bị sát hại để trả

giá cho tội ác nào đó mà bố mẹ chúng gây ra. Mục tiêu thực sự ở đây không phải là những đứa con."

"Nash nói đúng đấy." Clair nói. "Anh có thể sắp xếp lại mấy bức ảnh không? Chuyển bố mẹ lên trên, còn con xuống dưới?"

Poole gật đầu và thay đổi vị trí các tấm ảnh:

#

Floyd Reynolds

Ella Reynolds

Randal Davies

Lili Davies

Darlene Biel

Larissa Biel

Anh giơ ảnh chụp cậu bé đông cứng trong buồng lái của chiếc Toyota Tundra lên. "Vậy là còn cậu bé vô danh này."

"Ta cần nhanh chóng xác định danh tính cậu ta, sau đó tìm gặp bố mẹ cậu ta ngay." Clair nói. "Họ có thể là mục tiêu kế tiếp của hắn."

"Chúng ta biết được những gì về những ông bố bà mẹ khác?"

Clair lấy điện thoại và mở ứng dụng Ghi chú. "Floyd Reynolds, làm việc cho UniMed America Healthcare. Ông ta là nhân viên kinh doanh bảo hiểm. Chúng tôi không phát hiện khoản nợ hoặc vấn đề gì liên quan đến tài chính. Cuộc sống gia đình của ông ta không có dấu hiệu đáng ngờ. Vợ ông ta nói ông ta ra ngoài tìm con gái. Hung thủ dùng dây đàn piano siết cổ ông ta trong xe hơi nhà họ, xác ông ta được tìm thấy ở sân sau, bị giấu bên trong

người tuyết. Có một dấu bốt để lại trên lưng ghế lái của chiếc ô tô gia đình. Chúng tôi cho rằng hung thủ đã đặt chân lên đó để lấy điểm tựa khi siết cổ ông Reynolds. Chiếc bốt cỡ mười một.”

“Chúng ta chắc không có thông tin về cỡ giày của Bishop phải không?”

“Đúng vậy.”

Poole bổ sung chi tiết này lên bảng, sau đó dùng bút trỏ vào cái tên Randal Davies. “Ông Davies thì sao?”

“Ông ta là bác sĩ. Làm việc tại khoa Ung bướu của Bệnh viện Stroger. Cũng như Reynolds, cuộc sống riêng hoặc tài chính của ông ta không có vấn đề gì. Ông ta bị giết bằng lisinopril liều cao, loại thuốc thường dùng để điều trị huyết áp cao, nhưng ông ta không được kê dùng. Chúng tôi nghĩ hung thủ đột nhập vào nhà riêng của gia đình Davies từ cửa hậu. Lisinopril cô đặc được hắn bỏ vào máy pha cà phê. Được biết, trong gia đình chỉ có mỗi ông ta uống cà phê.”

Poole cau mày. “Vậy thì hoặc là hung thủ đã biết điều này từ trước, hoặc là hắn không quan tâm ai sẽ chết.”

“Nhà bếp có mấy cửa sổ lớn không rèm. Từ bên ngoài nhìn vào có thể thấy hết.” Nash giải thích. “Hung thủ chỉ cần quan sát đôi chút là có thể biết được sở thích đồ uống của mỗi người.”

“Có lý. Tôi không cho rằng nhóm người trưởng thành là mục tiêu ngẫu nhiên, ngay cả trong nội bộ mỗi gia đình. Nếu hung thủ thực sự là Bishop, hắn chắc chắn có lý do riêng cho mỗi nạn nhân.” Poole nói. “Như vậy, bây giờ chỉ còn lại nạn nhân nữ duy nhất trong nhóm này cần xem xét.”

“Phải, Darlene Biel. Chúng tôi đã cử một sĩ quan ở lại bệnh viện trông chừng bà ta. Bà ta tuy đã ổn định nhưng được gây mê nhân tạo. Hung thủ

đã tiêm xyanua vào tuýp kem đánh răng của bà ta. Bà ta trúng độc trong lúc đánh răng tại nhà trú ẩn mà chúng tôi cứ ngỡ đã an toàn.” Clair hít một hơi dài và cụp mắt xuống. “Lỗi là do tôi. Tôi có trách nhiệm canh chừng, bảo vệ bà ta.”

Nash vươn ra, đặt tay lên vai cô. “Cô đã cứu sống bà ta. Chứ nếu là người khác, không khéo giờ này bà ta đã chẳng qua khỏi.”

Anh ta kể lại cho Poole nghe chuyện Clair cho Darlene Biel uống dung dịch xà phòng.

“Kiềm trong xà phòng trung hòa tính axit của xyanua ư? Ấn tượng thật. Cô học được ở đâu vậy?”

Clair đáp: “Hồi cấp ba, thầy giáo dạy khoa học của tôi chẳng may nuốt phải xyanua. Khi phát hiện ra, ông ấy lập tức chạy vào nhà vệ sinh nam và uống nước xà phòng. Nhờ thế ông ấy mới sống được. Có lẽ vụ đó đã khiến tôi nhớ mãi.”

“Đừng quá khắt khe với bản thân.” Poole nói với cô. “Xyanua có tác dụng cực nhanh. Chỉ chậm một, hai phút nữa thôi là bà ta có thể đã mất mạng rồi. Chính vì ở trong nhà trú ẩn với cô nên bà ta mới thoát chết. Nếu chuyện xảy ra ở nhà thì chưa chắc bà ta đã sống sót.”

Clair bỏ ngoài tai những lời khen ngợi ấy. Nhìn vầng trán cô nhăn tít lại, Poole biết cô đang nghĩ xa hơn. Khi lên tiếng, cô cũng trả lời luôn câu hỏi anh định đưa ra cho cả nhóm. “Biel từng… ý tôi là, Biel *là* trình dược viên. Bà ta thường xuyên phải đi công tác, có một túi đồ dùng cá nhân chuẩn bị sẵn từ trước khi chúng tôi yêu cầu vợ chồng họ rời nhà tạm lánh đi nơi khác. Tuýp kem đánh răng có độc nằm trong cái túi đó. Đội Khám nghiệm Hiện trường đã kiểm tra tuýp kem đánh răng dùng chung đặt trên kệ trong nhà tắm thông với phòng ngủ lớn ở nhà họ, tuýp kem đó không có độc.

Cũng như với Randal Davies, hung thủ chỉ nhắm vào bà ta mà thôi. Hắn đã thu thập thông tin từ trước, biết được bà ta có một túi đồ như thế, và lên kế hoạch giết bà ta."

"Còn ai khác phát hiện ra điểm chung trong vụ này không?"

"Các nạn nhân đều làm việc trong ngành y, một người là bác sĩ, hai người là nhân viên kinh doanh." Nash nói.

"Vợ hoặc chồng họ làm nghề gì?"

Clair liếc xuống phần ghi chú. "Grace Davies và Leeann Reynolds ở nhà nội trợ. Larry Biel làm ở công trường xây dựng."

"Đều không liên quan đến ngành y."

"Đều không liên quan đến ngành y." Clair tán đồng. "Chắc chắn đó là điểm chung khả dĩ."

Poole gật đầu, chăm chú đọc những ghi chép trên bảng. "Được rồi, tốt lắm. Chúng ta có thể dựa vào đó để tìm hiểu." Anh chỉ vào tên Ella Reynolds. "Giờ ta sẽ nói về con cái họ nhé."

Clair quay sang người phụ nữ ngồi bên kia bàn. "Sophie này, cô có muốn…"

Không đợi cô nói hết, Sophie đã gật gù. "Ừ, được thôi. Ella Reynolds, mười lăm tuổi. Thi thể cô bé được tìm thấy ngày 12 tháng Hai, dưới lớp băng ở đầm nước trong Công viên Jackson. Mới đầu, phát hiện này khiến chúng tôi khá bất ngờ vì đầm nước đóng băng từ tận đầu tháng Một, ít nhất hai mươi ngày trước khi cô bé mất tích. Sau đó chúng tôi biết rằng Anson Bishop đã khoét một ô trống trên băng, thả cô bé xuống đầm, rồi bơm nước chứa trong cái bồn bị đánh cắp vào, tạo thành lớp băng mới, ngang bằng mặt băng cũ. Chúng tôi tin cô bé bị bắt cóc ở Quảng trường Logan, cách

nhà bảy phút đi bộ. Được biết gần đây cô bé có mua một chiếc ô tô ở Cars R Us, cửa hàng bán xe nằm cách đây không xa. Cô bé thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt. Bố mẹ cô bé không hề biết chuyện này. Cô bé cũng mới xin được giấy phép tập lái.”

“Lúc chúng tôi tìm thấy Ella, cô bé mặc trang phục của nạn nhân thứ hai, Lili Davies.” Clair nói. “Chi tiết này có vẻ rất giống cách Bishop vẫn làm để tạo yếu tố giật gân và thu hút sự chú ý.”

“Tôi cũng nghĩ vậy.” Poole nói. “Nó chính là một phần của tạp âm mà tôi nhắc đến ban đầu. Hãy tạm gác lại chi tiết đó đã. Ta hoàn toàn có thể bổ sung lại sau, nếu thấy có liên quan. Chúng ta biết được gì về Lili?”

Sophie nói tiếp. “Mười bảy tuổi. Lần cuối cùng có người trông thấy cô bé là lúc cô bé đi bộ tới Học viện Wilcox hôm 12 tháng Hai. Cô bé không đến lớp. Trường khá gần nhà, chỉ cách có bốn khu. Thi thể Lili được tìm thấy tại phòng tranh Leigh nơi cô bé làm việc. Cái xác được đặt trong kho chứa đồ nằm ở sâu bên trong cửa hàng, rõ ràng hung thủ cố ý để cho ai đó phát hiện ra cô bé. Hắn dùng một sợi dây điện màu đen quấn quanh cổ cô bé và treo lên, nhưng chắc chắn cô bé đã chết từ trước rồi. Cũng như cô bé nhà Reynolds, Lili tử vong do bị đuối nước nhiều lần trong nước mặn. Như Clair đã nói, cô bé được tìm thấy trong trang phục của Ella Reynolds, vậy là hung thủ đã đổi quần áo của hai cô bé cho nhau.”

Klozowski ló đầu lên khỏi laptop. “Hình như cô có nhắc đến việc Lili cũng đang tìm mua xe hơi?”

Clair gật đầu. “Sophie và tôi đã nói chuyện với bạn thân của cô bé, Gabrielle Deegan. Gabrielle kể rằng bố của Lili hứa sẽ mua ô tô làm quà khi nào cô bé tốt nghiệp, nhưng cô bé muốn có xe sớm hơn.”

“Có mối liên hệ nào với cửa hàng xe hơi mà cô bé thứ nhất đến mua không?” Poole hỏi.

“Họ không biết gì về Lili cả.” Nash đáp. “Chúng tôi đã thẩm vấn nhân viên bán hàng ở đó nhưng không thấy có mối liên hệ thực sự. Tụi thiếu niên đứa nào chẳng thích có xe riêng. Tôi nghĩ đây đơn thuần là sự trùng hợp ngẫu nhiên nữa mà thôi. Kiểu như tạp âm mà anh nhắc đến ấy.”

Poole quay lại với mấy tấm bảng. “Được rồi, thế Larissa Biel thì sao?”

“Larissa thì lại khác.” Sophie nói. “Cô bé mới mất tích hồi sáng, và vẫn chưa có thi thể nào được tìm thấy. Rất có thể cô bé vẫn còn sống. Tạm thời chúng ta mới biết có thế. Cô bé đã lên kế hoạch tham dự buổi vũ hội ở trường vào tối nay. Lúc sáng, khi bố mẹ cô bé đi làm thì cô bé vẫn ở nhà. Bà mẹ đã bí mật đặt lịch để hai mẹ con đi spa nhằm tạo bất ngờ cho cô bé. Nếu không, có khi giờ này chúng ta vẫn chưa biết cô bé mất tích cũng nên.”

“Căn cứ vào những gì ta biết về trường hợp của Ella Reynolds, đặc biệt là Lili Davies, cô bé không còn nhiều thời gian đâu. Davies chết chỉ trong vòng một ngày sau khi mất tích.” Clair nói rồi quay sang Klozowski. “Có tìm được gì trong laptop hoặc điện thoại của cô bé không?”

“Bố mẹ cô bé cài chương trình quản lý con cái KidBSafe vào laptop. Tụi nhóc đã truyền nhau cách qua mặt phần mềm đó gần hai năm nay rồi. Chúng tôi tìm thấy bộ hack được cài đặt trong máy của cô bé. Larissa có thể tùy nghi bật tắt phần mềm quản lý bất cứ lúc nào và hạn chế những thông tin mà bố mẹ thấy được.” Kloz cựa mình trên ghế. “Ngoài ra, chúng tôi còn phát hiện chương trình PrivaShield chạy ngầm. PrivaShield xóa dữ liệu bộ nhớ đệm ngay khi dữ liệu được tạo ra, về cơ bản, nó loại bỏ những dấu vết để lại trong quá trình sử dụng. Cô bé này thông minh ra phết. Cô bé chỉ chừa lại một lượng dữ liệu vừa đủ để bố mẹ cảm thấy rằng họ vẫn đang

kiểm soát được con mình, còn lại thì giấu tiệt. Chúng tôi vẫn tiếp tục tìm, nhưng chắc không thu được gì từ cái laptop đâu. Có thể cô bé mang theo điện thoại khi bị bắt. Chúng tôi lần theo hành tung của cô bé lúc sáng và tới được ngã tư nơi đại lộ West Chicago cắt với đại lộ North Damen, sau đó mất tín hiệu. Nhiều khả năng hung thủ đã tháo pin hoặc phá hỏng chiếc di động. Chúng tôi có gửi yêu cầu cung cấp dữ liệu khẩn nhưng công ty điện thoại chưa hồi đáp. Tôi sẽ báo cáo ngay khi có tin tức mới."

Poole trở lại bàn họp. Anh quan sát ảnh chụp cậu bé đóng băng bên trong buồng lái của chiếc xe bán tải, rồi lật tấm ảnh lại để cả nhóm cùng nhìn thấy. "Vậy là chỉ còn cậu bé này."

"Tôi tin Eisley đang cố hết sức để xác định danh tính cậu ta, nhưng khối băng khiến quá trình khám nghiệm mất nhiều thời gian hơn." Clair nói, chăm chú nhìn tấm ảnh cậu bé đông cứng trong buồng lái chiếc xe bán tải.

"Cái xe đứng tên Kalyn Selke." Klozowski nói.

"Danh tính giả của Libby McInley." Nash nói. "Lại một ngõ cụt."

"Phải."

Poole nhìn mấy tấm bảng. "Bấy nhiêu đó là hết rồi phải không?"

"Vẫn còn mấy bài cáo phó." Nash đáp.

Poole quay về phía bàn họp. "Cáo phó?"

Clair gật đầu. "Sáng nay, tổng đài 911 tiếp nhận cuộc gọi của một bà cụ, bà ta nói rằng Floyd Reynolds chết hai lần. Bài cáo phó viết cho ông ta được đăng tải trên số báo ra ngày hôm nay và thứ Tư tuần trước. Khi tìm hiểu sâu hơn, chúng tôi phát hiện vài bài khác nữa. Xem ra, lâu nay hung thủ đăng cáo phó cho các nạn nhân của hắn trên mấy tờ báo địa phương trước khi xuống tay sát hại họ."

Poole đã không còn chú ý lắng nghe. “Chết hai lần.” Anh chậm rãi nói, sau đó quay lại nhìn lên bảng. Anh tìm thấy cái bảng có ghi ba bài thơ và lật lại để những người khác đọc được. “Tôi nghĩ Bishop giết Đặc vụ Diener vì anh ta trông thấy ba bài thơ này. Chúng được viết trên tường trong căn nhà hoang. Mọi người có thấy mấy từ gạch chân kia không? *Chết* là từ duy nhất xuất hiện hai lần.” Anh kể cho họ nghe việc mảng tường có chứa ba bài thơ bị khoét đi như thế nào.

“Hãy xem các từ gạch chân còn lại.” Clair nói. *“Băng, nước, sợ…* tất cả đều liên quan đến mấy vụ án.”

“Đã truy thông tin cuộc gọi đến 911 chưa?”

Mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía Klozowski. Anh ta giơ một ngón tay ra hiệu chờ trong giây lát, rồi nhíu mày. “Theo như báo cáo viết, cuộc gọi xuất phát từ Nhà dưỡng lão Lasting Harmony nằm gần bùng binh. Nhân viên ở đó nói người gọi là bà lão chín mươi ba tuổi tên là Ingrid Nesbit, bà cụ đọc cáo phó hằng ngày nên rất bức xúc khi phát hiện có đến hai bản cáo phó của Floyd Reynolds. Bà cụ đòi gọi điện cho bằng được.”

“Lại đâm đầu vào ngõ cụt.” Nash càu nhàu.

Clair vẫn chăm chú nhìn lên bảng. “Nếu những bài thơ này thực sự có liên quan đến các vụ án và hắn muốn ta tìm thấy chúng, vậy tại sao lại khoét đi? Sao lại giết Diener?”

Poole thở dài. “Tôi nghĩ, hắn muốn để Porter phát hiện ra chúng, chứ không phải tôi. Và chắc cũng không phải mọi người ở đây.”

Clair quay sang Klozowski. “Anh nói các bài cáo phó giả đều được gửi đi từ cùng một máy tính, đúng không? Đã lần ra tung tích gì chưa?”

Klozowski không đáp. Thay vì vậy, anh ta dán mắt vào laptop.

"Kloz?"

"À, chưa. Chưa truy ra địa chỉ IP, nhưng nếu cái máy đó truy cập ở bất cứ đâu trong mạng Wi-Fi thành phố, tôi sẽ biết ngay. Tôi nghĩ…" Giọng Kloz nhỏ dần, anh ta rướn người lại gần hơn.

"Sao thế?" Clair hỏi.

"Tôi nhận thấy một thứ, nhưng có thể không là gì cả. Chắc chỉ là do tôi suy diễn linh tinh thôi." Klozowski nói.

Clair đứng dậy, đi sang chỗ anh ta. "Có gì thì mau khai ra, Kloz. Đừng để tôi phải động thủ lần nữa."

"Tôi đang đánh dấu trên bản đồ địa điểm xảy ra các vụ bắt cóc và nơi các thi thể được tìm thấy. Nếu nối các điểm đó lại với nhau theo từng cặp, chúng hầu như đều xoay quanh Bệnh viện John H. Stroger Jr."

Nash nhoài người sang xem bản đồ. "Đấy là nơi làm việc của Randal Davies."

"Nhân viên kinh doanh bảo hiểm và trình dược viên. Chắc hẳn các nạn nhân khác cũng thường xuyên lui tới đó." Clair nói. "Darlene Biel cũng đang điều trị tại bệnh viện này."

Poole rướn tới gần. "Nếu tôi lấy được danh sách nhân viên, anh có thể đối chiếu với dữ liệu cáo phó không? Biết đâu ta gặp may và tìm ra nạn nhân kế tiếp của hắn trước khi lại xảy ra chuyện."

Kloz thoăn thoắt gõ bàn phím. "Ồ, được, tôi làm ngay."

Nash đã đứng dậy và đang nhìn lên bảng. "Chúng ta vẫn bỏ sót điều gì đó."

"Điều gì?" Poole hỏi.

“Tôi không tin một mình Bishop làm được tất cả những việc này. Dù hắn có Libby McInley giúp đỡ đi chăng nữa, thật sự là một người vẫn không thể kham nổi từng ấy việc. Ở đây vẫn còn điều gì đó lớn lao hơn đang ngầm diễn ra.”

“Có thể.”

“Anh không thể đóng vai Chúa Trời nếu không chịu kết giao cùng quỷ dữ.” Nash đọc to. “Vậy ra đó là những gì hắn đang làm với những đứa trẻ ấy? Giết chết rồi lại hồi sinh chúng? Đóng vai Chúa Trời?”

“… Cùng quỷ dữ.” Clair nói.

“Cả ba bài thơ đều xoay quanh chủ đề sự sống và cái chết. Có thể đó là điều hắn đang muốn nói với chúng ta.” Poole vuốt tóc ra đằng sau. “Mấy ngày nay thỉnh thoảng tôi mới được chợp mắt. Giờ khó mà tập trung nổi.”

Đúng lúc đó, điện thoại của anh reo vang.

Anh lấy máy trong túi ra và nhìn xuống màn hình bé tẹo: CUỘC GỌI ẨN DANH.

Anh nhấn nút nghe.

Một giọng nói cất lên trước khi anh kịp lên tiếng.

“Frank à, Sam đây.”

CHƯƠNG 88

Poole

Ngày 3 • 10:15 tối

Tim Poole đập mạnh. Anh đặt điện thoại lên bàn họp và nhấn một nút. “Sam, tôi đang ở trong phòng tác chiến cùng với đội của anh. Tôi đã bật loa ngoài để chúng ta nói chuyện.”

“Ai cho anh vào phòng tác chiến!”

“Tôi mời anh ấy vào đây, Sam.” Clair đáp. “Vụ án ngày càng trở nên phức tạp. Có manh mối cho thấy vụ này liên quan tới Bishop. Còn hơn cả liên quan ấy chứ. Tất cả đều do hắn làm.”

Poole rướn người lại gần. “Anh đang ở đâu? Cả cuốn nhật ký nữa?”

Anh nghe thấy tiếng thở của Porter vang lên ở đầu dây bên kia, nhưng anh ta không trả lời.

Poole ngẩng lên nhìn những người xung quanh rồi lại cúi xuống nói vào điện thoại. “Libby McInley chết rồi.”

Porter không nói gì.

“Chúng tôi tìm thấy xác cô ta bị trói vào giường ngủ. Tai, mắt, lưỡi đặt trong ba cái hộp màu trắng, hệt như với các nạn nhân khác của Bishop. Ngón tay, ngón chân cô ta bị cắt cụt. Cô ta bị tra tấn. Trên người cô ta đầy vết dao cứa, không chừa một centimet nào.”

Khi Porter lên tiếng, giọng anh ta rất điềm đạm, từ tốn. “Không phải Bishop đâu. Bishop không giết Libby McInley, cũng như không giết em gái cô ta.”

Poole ngước nhìn Klozowski. “Anh chàng ở phòng IT cho rằng hung thủ là mẹ của Bishop. Tôi muốn biết ý kiến của anh.”

Porter một lần nữa im lặng.

Poole nghe thấy anh ta trao đổi với ai đó ở đầu dây bên kia, tiếng nói loáng thoáng, loa thoại bị che đi, sau đó anh ta quay lại với cuộc nói chuyện còn dang dở.

“Sam?”

“Tôi sẽ nhắn địa chỉ này cho anh. Khi đến nơi, anh hãy đi theo con đường ở sau nhà. Nó bị cỏ cây che lấp, nhưng anh nhìn kĩ sẽ thấy, trông giống như lối mòn vậy. Nó sẽ đưa anh tới một hồ nước. Anh nên dẫn theo một đội. Sẽ cần rà soát dưới hồ đấy.” Porter nói.

“Anh đang ở đâu vậy, Sam?”

“Khi anh đến hồ, hãy tìm con mèo.”

“Anh nói khó hiểu quá, Sam. Nếu…”

Đường dây bị ngắt.

Poole khẽ chửi thề.

Điện thoại của anh rung lên, trên màn hình xuất hiện dòng địa chỉ:

Số12 đường Jenkins Crawl

Simpsonville, NC

“Chắc là anh ấy tìm được rồi.” Nash nói, mắt vẫn chăm chú nhìn cái điện thoại.

“Tìm được gì?”

“Ngôi nhà Bishop từng ở hồi nhỏ.”

“Tôi thấy chuyện này không ổn.” Clair nói. “Sao anh ấy lại tỏ ra bí mật thế? Như vậy thật chẳng giống anh ấy chút nào. Vừa rồi anh ấy nói chuyện với ai nhỉ?”

Klozowski đã nhập địa chỉ đó vào trình duyệt trên laptop. Anh ta xoay màn hình lại để mọi người cùng xem. “Đó là nơi đồng không mông quạnh.”

“Tôi không biết tại sao mình phải tin anh ấy.” Poole nói. “Anh ấy đã lấy trộm cuốn nhật ký. Rõ ràng anh ấy có điều muốn che giấu. Anh ấy có vẻ không lấy gì làm ngạc nhiên khi nghe tin Libby đã chết. Anh ấy còn biết được điều gì nữa?”

Nash ngả ra lưng ghế. “Tôi nghĩ nếu Sam biết được manh mối nào đó mà anh ấy cho là hữu ích với chúng ta, anh ấy nhất định sẽ nói. Anh ấy chẳng có lý do gì để giấu giếm.”

“Thế mà anh ấy biến mất cùng với cuốn nhật ký, bỏ điện thoại ở nhà để chúng ta không thể lần ra tung tích đấy thôi.”

“Sam đang điều tra vụ này.” Nash nói. “Anh có thể tin tưởng anh ấy.”

Poole tặc lưỡi, sau đó gật đầu. “Để tôi gọi cho văn phòng chi nhánh Charlotte và bảo họ lập tức đến địa chỉ đó. Chúng tôi có một máy bay phản lực ở sân bay O’Hare. Tôi có thể tới đó sau vài tiếng.”

Clair đứng dậy, tiến lại gần mấy tấm bảng. “Nếu anh cho chúng tôi danh sách nhân viên làm việc tại Bệnh viện Stroger, chúng tôi sẽ điều tra theo hướng này. Biết đâu ta có thể khóa chặt Bishop từ hai phía.”

Poole gật đầu rồi rời khỏi phòng, bước chân từ tốn ban đầu dần chuyển thành bước chạy hối hả.

BẢNG THỐNG KÊ BẰNG CHỨNG

ANSON BISHOP

Floyd Reynolds - Nhân viên của UniMed America Healthcare/ kinh doanh bảo hiểm - Bị siết cổ/giấu xác trong người tuyết

Ella Reynolds - Được tìm thấy dưới đầm nước trong Công viên Jackson/mới mua ô tô - Chết đuối trong nước mặn

Randal Davies - Bác sĩ chuyên khoa Ung bướu. Làm việc tại Bệnh viện John H. Stroger Jr. - Tử vong do quá liều lisinopril

Lili Davies - Được tìm thấy trong tư thế treo cổ tại kho hàng của phòng tranh Leigh - Chết đuối trong nước mặn

Darlene Biel - Trình dược viên - Bị đầu độc bằng xyanua

Larissa Biel - Mất tích tại ngã tư giao cắt giữa đại lộ West Chicago và đại lộ North Damen sáng ngày 14/2

Cậu bé vô danh

LIBBY MCINLEY

Bị mẹ Bishop giết?

Có ảnh chụp mẹ Bishop và cô hàng xóm/Carter

Lọn tóc vàng - có thể là của Kirby? Làm thế nào có được?

Giấy tờ giả đứng tên Kalyn Selke/lấy được với sự giúp đỡ của Bishop

Trao đổi thư từ với Bishop trong thời gian ngồi tù/chưa rõ bằng cách nào

Sở hữu một khẩu 0,45

Cảm thấy an toàn khi ở trong trại, không an toàn ở bên ngoài

THƠ

Bởi tôi chẳng dừng chân vì Thần Chết
Nên ân cần Người dừng lại vì tôi.
Cả cỗ xe chỉ vẻn vẹn hai người
Cùng Bất Tử.

Luận ý nghĩa sống chết
Cứ xem nước và băng
Nước đông kết thành băng
Băng tan lại về nước
Có chết tất có sinh
Sinh ra rồi phải chết
Băng - nước chẳng hại nhau

Sống - chết mãi song hành.

Trở lại Nhà xưa, ta quay về chốn cũ
Níu kéo mà chi những ảo vọng một thời
Nào có đâu xa, ẩn trong từng khoảnh khắc
Là những niềm vui ngỡ đã mất giữa đời.
Từ đại dương xanh nơi khởi nguồn cái chết
Sự sống trào tuôn tựa mật ngọt của trời
Trong sinh có tử, trong tử tất có sinh
Sao phải sầu bi, nào có gì đáng sợ?
Chim vẫn hót vang khúc ca hằng bất tử!
Ngày lại sang đêm như dòng triều Vĩnh Cửu
Dìu dặt phủ lên khắp nơi chốn tinh cầu.

Anh không thể đóng vai Chúa Trời nếu không chịu kết giao cùng quỷ dữ.

NHỮNG TỪ GẠCH CHÂN

băng

nước

sống

chết

Nhà

sợ

chết

CHƯƠNG 89

Porter

Ngày 3 • 10:16 tối

Sam tháo pin khỏi chiếc điện thoại rồi ném cả hai thứ xuống giữa hồ. Vùng nước nuốt chửng lấy chúng, những gợn sóng nhấp nhô lan ra từ trung tâm rồi dần dần tan biến vào hư không, lại một bí mật nữa vùi chôn dưới mặt nước đen thẳm.

"Sao phải vứt điện thoại đi? Anh nói cho anh ta biết nơi ta đang ở rồi còn gì." Sarah đứng bên cạnh anh hỏi.

Porter lại quỳ xuống cách mép nước một quãng, tay anh dính đầy đất. Vừa rồi anh đã dùng tay bới đất.

Con đường mòn dẫn họ vào sâu chừng bốn trăm mét trong khu rừng và kết thúc tại một trảng đất trống nhỏ, đúng như trong nhật ký mô tả. Trảng đất nhỏ ấy nhìn ra một cái hồ.

Bishop nói nước hồ đóng băng trong suốt mùa đông.

Hắn nói dối.

Dù nhiệt độ tại Nam Carolina có thể hạ xuống dưới ngưỡng đóng băng nhưng mùa đông ở đây vẫn dễ chịu hơn nhiều so với vùng phía bắc, chẳng giống chút nào với Chicago. Ngay cả khi nhiệt độ ở mức âm, thời tiết dường như cũng không lạnh lâu tới nỗi khiến mặt đất đóng băng, nói gì đến vùng nước có diện tích lớn như cái hồ. Hồ này tuy không thể gọi là lớn nhưng cũng đủ để bình an đi qua những ngày tháng khắc nghiệt nhất của

mùa đông, điều đó thì anh chắc chắn. Bishop viết như vậy có lẽ chỉ để che giấu nơi này mà thôi. Porter không nghĩ ra được lý do nào khác. Đó là một cách đánh lạc hướng người đọc.

Anh đang quỳ gối xuống đất. Sarah cầm hai cái đèn pin trên tay. Hai luồng sáng dồn cả vào gốc cây sồi lớn, sừng sững tỏa bóng trên trảng đất, thuộc giống sồi nguyệt quế. Dưới gốc cây có một cái hố nhỏ. Porter không cần phải mất công đào sâu. Một phần của vật đó đã nhô lên khỏi mặt đất từ trước. Nó ngay lập tức lọt vào mắt Sarah.

Một chiếc hộp đựng đồ ăn trưa làm bằng kim loại sơn trắng, đầy vết gỉ sét.

Porter không hề nghĩ rằng anh sẽ tìm thấy bộ xương của một con mèo chết.

Và anh cũng không ngờ lại có cả vật này nữa.

Chiếc hộp giờ đang mở toang. Bên trong có một cái phong bì, lớp giấy lâu ngày đã ố vàng, được buộc vào một cuốn sổ bằng sợi dây màu đen. Trên phong bì chỉ đề một chữ.

Mẹ

“Sam này, sao anh lại vứt điện thoại đi?” Sarah gặng hỏi lần nữa.

Porter cầm lấy cái gói buộc dây trong hộp và đưa cho cô. “Tôi không lo Poole biết nơi chúng ta đang ở, mà lo anh ta phát hiện ra nơi chúng ta sắp đến.” Anh đáp.

“Thế còn Bishop? Hắn đưa anh cái điện thoại đó là có lý do mà.”

“Cần phải cho hắn một cú sốc bất ngờ, phá vỡ kế hoạch của hắn. Chúng ta không phải con rối để hắn giật dây. Nếu không liên lạc được với chúng ta

bằng cái điện thoại đó, hắn sẽ phải tìm cách khác. Biết đâu như thế có thể dụ rắn ra khỏi hang.” Porter nói.

Anh rút từ trong túi ra cuốn nhật ký của Bishop và đặt vào cái hộp đựng đồ ăn trưa, sau đó đóng nắp lại, rắc ít đất lên, gần như che lấp hình mèo Hello Kitty dập nổi trên lớp vỏ kim loại han gỉ.

Con mèo của Bishop.

“Đi nào.” Anh nói. “Ta rời khỏi đây thôi.

CHƯƠNG 90

Poole

Ngày 3 • 10:23 tối

“Sếp à, tôi cần phải đích thân giải quyết vụ này.” Poole nói, xoay mạnh vô lăng của chiếc Jeep Cherokee sang trái. Anh lách qua bốn cái ô tô đang đứng chết gí ở làn đường bên phải.

Sao lại vẫn còn xe được? Gần mười một giờ đêm rồi chứ ít gì.

Một chiếc 727 ầm ì lao vụt qua trên đầu anh, phần bụng lồ lộ phơi ra khi nó tiến gần đến sân bay O’Hare.

“Đáng lẽ anh phải đang nghỉ phép mới đúng. Hôm nay cộng sự của anh vừa mất. Bây giờ anh không nên đi điều tra ngoài thực địa.” Giọng nói của Đặc vụ Toàn quyền Hurless vang lên qua dàn loa trong chiếc Jeep.

“Sếp lệnh cho máy bay chuẩn bị đi ạ. Tôi sắp đến nơi rồi.”

“Anh mau quay xe lại, về văn phòng và báo cáo tình hình cho tôi biết để chúng tôi cử người khác đi thay.” Hurless nói.

Poole hít một hơi dài, cố gắng trấn tĩnh lại. Anh ngoặt vô lăng, suýt nữa đâm vào một chiếc Mitsubishi Outlander màu nâu đang loay hoay tìm cách rẽ trái. Người lái xe nhấn còi inh ỏi hồi lâu.

“Đội Kỹ thuật cho biết, anh ta gọi cho anh bằng điện thoại “rác”, tín hiệu từ trạm thu phát sóng gần nhất trùng khớp với thông tin vị trí mà anh ta cung cấp cho anh, chứng tỏ lúc đó anh ta đang ở gần cái hồ được nhắc đến. Tôi đã xem ảnh vệ tinh nhưng không thấy được mấy. Rừng cây ở đó quá

rậm rạp, không thể quan sát những gì đang diễn ra trên mặt đất. Mà lạ lắm nhé…”

“Chuyện gì vậy sếp?”

“Cái điện thoại ấy được mua và kích hoạt ở New Orleans.” Hurless nói bằng giọng đều đều, nghe như đang trả bài.

“New Orleans? Liệu có nhầm không ạ?”

Mấy tiếng trước Bishop còn đang loanh quanh tại Chicago. Porter thì ở ngoại ô Greenville, Nam Carolina, nơi đồng không mông quạnh.

“Tín hiệu mất ngay sau khi anh ta cúp máy. Có thể anh ta đã tháo pin để tránh bị lần ra dấu vết. Kể lại lần nữa tôi nghe xem nào. Porter đã nói với anh những gì?”

Poole thuật lại nội dung cuộc nói chuyện, chính xác đến từng từ.

“Tôi thấy không yên tâm. Porter thực sự quá khó lường.” Hurless nói khi Poole kể xong. “Nếu anh ta mà câu kết với Bishop thì đây có thể là một chiêu tung hỏa mù.”

“Tôi nghĩ Libby McInley có thể là chìa khóa giải quyết mọi vấn đề, chìa khóa để bắt được Bishop. Porter biết nhiều hơn những gì anh ta nói với chúng ta, nhưng anh ta không dẫn chúng ta đi sai hướng. Nếu anh ta nói chúng ta cần rà soát cái hồ tại Nam Carolina, tôi nghĩ ta nên tin tưởng anh ta. Mọi người ở văn phòng vẫn đang tiếp tục xử lý hai ngôi nhà lúc trước, nên hiện tại ta cũng chưa có việc gì cần làm ngay. Tôi cần đi chuyến này. Sếp làm ơn báo chuẩn bị máy bay đi ạ.”

Poole rẽ vào lối ra trên đường Kennedy để tới sân bay, theo biển chỉ dẫn đi vào khu vực nhà chứa máy bay của Trung tâm Khai thác Cơ sở Cố định, nơi chứa các máy bay cho thuê trọn gói và máy bay tư nhân. “Bishop bằng

cách nào đó đã liên lạc với Libby McInley trong thời gian cô ta thụ án tại Trung tâm Cải huấn Stateville. Chúng ta cần tìm hiểu xem hắn đã làm thế nào để nói chuyện với cô ta và giúp cô ta làm nhân thân giả. Trả lời được câu hỏi ấy, ta sẽ tiến thêm một bước. Tôi lần theo manh mối Porter để lại, ta tiến thêm bước nữa. Sếp chờ chút.. "

Poole dùng xe trước cổng kiểm tra an ninh và đưa giấy tờ tùy thân cho bảo vệ. Anh chợt hiểu ra một điều khi nhìn người đàn ông trong bộ đồng phục. "Sếp này, tôi sẽ tra xét hoạt động của các nhân viên bảo vệ và tất cả quản giáo tại trung tâm cải huấn. Chắc chắn là một trong số họ đã nhúng tay vào. Thư từ, điện thoại và các thiết bị điện tử luôn luôn được giám sát. Như vậy chỉ còn lại yếu tố con người mà thôi."

Bảo vệ đưa cho anh tập kẹp giấy và trỏ vào một dòng, Poole ký tên lên đó. Xong xuôi, bảo vệ chỉ tay về phía bãi đất ở bên phải và thì thào: "Cứ chọn một chỗ bất kỳ ở đằng ấy."

Poole gật đầu và đánh chiếc xe Jeep vào khoảng trống cạnh tòa nhà liên bang dùng chung cho cả ba cơ quan là Bộ Nội an, FBI, và ATF*.

Anh gạt cần số sang chế độ đỗ xe.

"Tôi vẫn nghe đây, sếp. Sếp muốn thế nào ạ?"

Đặc vụ Toàn quyền Hurless thở dài. "Tôi bảo họ nạp nhiên liệu cho máy bay cách đây mười phút rồi. Chắc khoảng hai mươi phút nữa là có thể cất cánh. Tôi sẽ liên lạc với chi nhánh ở đó trong thời gian anh ở trên máy bay. Người phụ trách tại Charlotte là Bob Granger. Chúng tôi là chỗ quen biết lâu năm. Tôi quen ông ấy hồi ở học viện. Ông ấy có thể triệu tập nhân viên đồn cảnh sát địa phương và đi tìm cái hồ mà Porter nhắc đến. Tập hợp cả đội thợ lặn nữa. Khi nào máy bay hạ cánh thì báo cho tôi một tiếng."

“Cảm ơn sếp.”

“Anh mà sai lầm trong vụ này là không xong đâu đấy.”

CHƯƠNG 91

Porter

Ngày 3 • 10:26 tối

Porter và Sarah quay lại chỗ chiếc ô tô thuê, bầu không khí tương đối tĩnh lặng. Porter lái xe, trong lúc đó Sarah gọi điện đặt vé máy bay.

Cô lấy tay che loa thoại. "Chuyến bay tiếp theo phải đến bốn giờ sáng mới khởi hành. Như vậy chúng ta sẽ phải chờ hơn năm tiếng. Thế có đặt không?"

"Gì cơ?"

Cô nhắc lại câu hỏi.

"Có, xin lỗi nhé. Tôi mải nghĩ ngợi nên không để ý."

Anh dõi mắt nhìn thẳng con đường trước mặt, nhìn những vạch kẻ màu trắng lao vụt qua rồi mất hút phía sau. Giờ này đã vắng xe qua lại. Anh thầm biết ơn vì điều đó. Anh có cảm giác con đường như chỉ dành riêng cho anh và Sarah, ánh đèn thành phố Greenville ở phía trước mỗi lúc một gần lại. "Có lẽ chúng ta nên thuê một phòng khách sạn gần sân bay để tắm rửa và thay đồ."

Sarah hoàn tất thủ tục đặt vé rồi cúp máy. "Xin phép nhắc nhở anh, anh còn chưa cho tôi ăn tối đấy nhé. Buổi hẹn đầu tiên mà như thế này cũng có thể nói là khá độc đáo, nhưng tôi chưa chắc đã sẵn sàng chui vào nhà nghỉ bình dân nào đó với anh đâu, thưa anh Porter."

Cái gói buộc dây họ tìm thấy trong hộp đựng đồ ăn trưa bên bờ hồ đang nằm ở hộc tì tay giữa hai ghế, chữ *Mẹ* trên phong bì khó mà thấy được dưới ánh đèn tù mù, giọng của Bishop cùng những điều hắn nói ngỡ như đang gào thét vọng ra từ cuốn sổ.

Bữa tối.

Họ chưa có gì bỏ bụng kể từ lúc ở New Orleans đến giờ.

Dạ dày anh sôi lên òng ọc.

Ba mươi phút sau, Porter đã yên vị trên một trong hai cái giường đôi trong căn phòng nhỏ thuộc dãy nhà nghỉ ven đường Greenville Airport Motel 8. Túi đựng đồ ăn của nhà hàng Taco Bell vứt bừa trên cái bàn kê gần cửa chính. Sarah đang ở trong phòng tắm.

Cái gói có cảm giác nặng trĩu, nặng hơn bình thường, không hẳn do trọng lượng của giấy mà do một thứ khác. Anh không xác định được đó là thứ gì. Có lẽ là cuộc đời của một con người bị khóa chặt trong ấy chăng.

Hoặc là những lời lảm nhảm của một kẻ mất trí.

Anh đã từng nghĩ như vậy về cuốn nhật ký lúc mới đọc, nhưng hai tiếng trước, anh đã đứng ở chính cái nơi diễn ra những sự việc được nhắc đến trong đó.

Gia đình Carter.

Mẹ hắn.

Bố hắn.

Hai gã đàn ông mà sau này Porter mới biết tên là Kirby và Briggs.

Tất cả bọn họ.

Tất cả mọi việc, đều là người thật việc thật.

Cái phong bì và cuốn sổ được buộc lại bằng sợi dây màu đen. Anh không thể không tự hỏi liệu có phải nó được cắt ra từ cuộn dây hắn dùng để buộc những chiếc hộp trắng.

Porter cởi dây, mở chiếc phong bì đề người nhận là Mẹ, và giở lá thư ra. Tờ giấy kêu sột soạt trong tay anh.

Chúng nằm dưới đó đã bao lâu rồi?

Lá thư hằng chờ đợi một người mẹ không bao giờ xuất hiện đã bao lâu rồi?

Porter lập tức nhận ra nét chữ ấy, vẫn là tuồng chữ trong cuốn nhật ký, chỉ có điều ngây ngô hơn, trẻ con hơn mà thôi.

Mẹ yêu. Con biết mẹ luôn muốn con gọi mẹ là Mẹ, nhưng thực lòng, con chỉ mong được gọi một tiếng Mẹ yêu. Lẽ nào điều đó sai trái lắm sao?

Mẹ yêu

Mẹ yêu

Mẹ yêu

Mẹ yêu.

Con xin lỗi, thưa mẹ.

Con thực sự xin lỗi. Con xin lỗi vì đã gây ra bất cứ điều gì khiến mẹ muốn bỏ lại con. Con thực sự xin lỗi vì tất cả những gì con đã làm khiến mẹ muốn trốn chạy mà không đưa con theo cùng.

Có phải mẹ ra đi vì không còn lựa chọn nào khác?

Có phải mẹ ra đi vì hai người đàn ông tìm đến nhà mình và mẹ buộc lòng phải bỏ trốn?

Đó chính là lý do, phải không ạ?

Nếu không, có lẽ mẹ đã chẳng bỏ lại con. Không phải như thế này.

Từ hồ về nhà, con đã đi quá chậm. Nếu con đi nhanh hơn, chắc mẹ sẽ bảo con nhảy vào xe như thể đang chơi một trò chơi, chất túi lên, rồi chúng ta có thể cùng nhau bỏ trốn. Chúng ta có thể cùng nhau xây dựng một cuộc đời mới, để quãng đời đã qua lùi vào dĩ vãng, khuất bóng trong làn bụi mịt mù phía sau chiếc xe Plymouth xanh lục ấy.

Con không muốn viết lá thư này, nhưng ông bác sĩ cứ bắt con phải viết. Ông ta còn bảo ông ta không đọc đâu, nhưng con biết rồi ông ta sẽ đọc. Cha đã dạy con cách phát hiện người nói dối, mà bác sĩ Joseph Oglesby thì không giỏi nói dối cho lắm. Ông ta cứ tưởng mình giỏi, nhưng thực tế thì không phải, không đâu, không một chút nào. Cặp mắt ti hí chẳng có chút sức sống cứ nheo lại mỗi khi ông ta nói dối, ba mươi hai lần cả thảy chỉ tính riêng trong buổi điều trị gần đây nhất.

Chào ông, bác sĩ.

Ông nên cắt tóc đi. Cái trò rẽ ngôi của ông chẳng lừa được ai đâu. Trông ông thật là ngớ ngẩn.

Con xin lỗi.

Con không nên nói những điều như thế.

Cha đâu có dạy dỗ con như vậy.

Có lần, cha bảo con hãy trút những cơn mưa lời khen lên người khác, để họ bơi trong đó cho tới khi chìm nghỉm. Đến lúc ấy, họ sẽ vươn tay về phía ta và bám lấy ta thật chặt, vĩnh viễn làm bạn cùng ta.

Nhưng mẹ thì không như thế, không phải mẹ của con, không phải mẹ. Nếu mẹ phát hiện con quá hào phóng lời khen, có lẽ mẹ sẽ bắt con rút lại những gì đã nói.

Hai người khác nhau biết mấy.

Đã từng khác nhau biết mấy.

Cha.

Ôi, cha của con.

Bây giờ con không thể nhắc đến chuyện đó được. Con biết bác sĩ Oglesby muốn con viết ra, nhưng con không thể, con đau lắm. Đau gần bằng lúc con đào chỗ đất ở bờ hồ, bên dưới con mèo của con, lúc con tìm thấy con dao của con.

Con biết con dao ấy có ý nghĩa gì.

Mẹ đã bỏ rơi con, mẹ ạ.

Dù con rất muốn tin mẹ không cố tình làm vậy, dù con rất muốn tin mẹ không còn lựa chọn nào khác ngoài bỏ trốn mà không có con, nhưng con vẫn biết điều đó không phải là sự thật.

Con biết ngay khi trông thấy con dao.

Vì sao mẹ lại ghét con, hả mẹ?

Vì sao ~~mẹ lại ghét~~ hồi ấy mẹ lại ghét cha đến vậy?

Sau chuyện xảy ra ở nhà, sau trận hỏa hoạn - mẹ có nghe tin gì về trận hỏa hoạn ấy không? - Sau trận hỏa hoạn, con được đưa đến Trung tâm Điều trị Camden, nằm ở ngay ngoại ô Charleston.

Mọi người ở đây rất tốt bụng, ngay cả bác sĩ Oglesby nói dối như cuội. Họ cho con ở một mình một phòng. Phòng có cửa sổ nhưng không mở. Con sẽ chẳng được tận hưởng làn gió trong lành ngày hè, chỉ có tiếng điều hòa kêu hoài không dứt.

Bác sĩ Oglesby bảo con giữ bên mình một cuốn nhật ký.

Ông ta cho con cuốn sổ có bìa đen trắng và nói dùng làm nhật ký thì thật hoàn hảo.

Con bảo ông ta chỉ có bọn con gái mới viết nhật ký, ông ta đáp rằng thế thì dùng làm sổ tay, con nên có sổ tay, con trai thường thế.

Con nói con sẽ cân nhắc.

Con là đứa thông minh. Con biết, ông ta muốn con viết ra chẳng qua là để ông ta đọc được, để ông ta hiểu con hơn.

Điều đó có sai trái lắm không?

Được thấu hiểu ấy mà?

Nhưng mẹ đừng lo, mẹ ạ. Con sẽ không nói cho ông ta biết những bí mật của mẹ đâu.

Con sẽ giữ kín những bí mật của mẹ.

Phần lớn trong số đó.

Con trai yêu dấu của mẹ,

AB

TB. Cho con gửi lời chào cô Carter và cả người đàn ông có mái tóc vàng hoe để dài. Con tin chắc rằng một ngày nào đó con sẽ gặp lại mọi người thôi. Con sẽ giữ kĩ con dao bên mình chờ ngày đó tới, con sẽ giữ cho nó luôn sắc bén. Cảm ơn mẹ đã trả lại nó cho con.

"Có gì hay ho không?"

Porter ngẩng đầu lên.

Sarah đang đứng ở cửa phòng tắm, trên người quấn một chiếc khăn bông trắng, chiếc khăn thứ hai quấn quanh mái tóc dài theo một kiểu dường như chỉ phụ nữ mới có thể làm được, hơi nóng tỏa ra nghi ngút phía sau lưng cô.

Porter chợt phát hiện mình đang nhìn chằm chằm đôi chân rám nắng của cô, anh cố ép mình ngước lên nhìn khuôn mặt cô.

"Có lẽ tôi nên mặc đồ vào."

"Không, ừ. Ý tôi là, cô cứ làm việc cần làm. Tôi đi tắm đây." Anh nuốt khan, mặt nóng bừng.

Giờ có phải thời cấp ba nữa đâu. Bình tĩnh lại đi.

Porter quay đi, quẳng lá thư lên trên cuốn sổ rồi băng qua phòng, vào nhà tắm và đóng cửa lại sau lưng.

Ở cô tỏa ra mùi thơm của hoa tử đinh hương.

CHƯƠNG 92

Porter

Ngày 4 • 3:42 sáng

Sarah ngồi vào chỗ cạnh cửa sổ.

Trông cô mệt mỏi rã rời.

Porter thả mình xuống ghế kế bên, rồi anh chợt nhận ra mình đang ngồi đè lên dây an toàn nên lại nhổm dậy để tìm hai đầu dây. Sau đó anh ngồi xuống, cài khóa và kéo đầu dây để thắt cho chặt.

Sarah quan sát anh với nụ cười trên môi. "Anh thực sự cho rằng cái dây bé tẹo, yếu xìu kia có tác dụng tí ti ông cụ gì nếu chẳng may cái máy bay này đâm đầu xuống đất ở đâu đó tại Alabama chắc?"

"Tôi không muốn bị mấy cô tiếp viên mắng. Đôi lúc, nếu cô cư xử lịch thiệp với họ và tuân thủ đầy đủ các quy định trên máy bay, họ sẽ cho cô hẳn một lon soda thay vì chỉ một cốc."

Cô há miệng định nói gì đó nhưng rồi lại đổi ý, ngả người ra lưng ghế và nhắm mắt. "Khi nào đến nơi thì đánh thức tôi nhé, Thanh tra Sam Porter."

"Cảm ơn cô."

"Vì điều gì?"

"Vì đã đồng hành cùng tôi. Tôi đã tưởng mình muốn xử lý vụ này một mình, nhưng có cô bên cạnh vẫn tốt hơn." Anh nói.

"Trên đời có rất ít thứ làm một mình tốt hơn nhiều mình."

"Tôi cũng bắt đầu nhận ra điều ấy rồi."

"Tôi vui vì có thể giúp đỡ anh." Cô nói bằng giọng uể oải. "Chắc là trừ bánh."

"Gì cơ?"

"Có lẽ bánh là món ăn một mình thì tốt hơn. Tôi muốn ăn bánh nữa."

"Tôi không biết là họ có bán bánh đây."

"Không phải ở trên máy bay, có lẽ để sau khi hạ cánh. Lúc nào cũng nên có bánh."

"Ngủ ngon nhé, cô Werner."

Bằng cách nào đó, cô làm đúng như vậy, ngủ thiếp đi khi cửa cabin còn chưa kịp đóng lại.

Chỉ khoảng hai phần ba số ghế trên chuyến bay là có khách. Chỗ bên cạnh anh chẳng có ai ngồi.

Sam chờ cho tới khi máy bay cất cánh xong rồi mới bật ngọn đèn nhỏ phía trên đầu, mở trang đầu tiên trong cuốn sổ, những dòng chữ của Bishop khiến mọi thứ quanh anh như tan vào hư không.

CHƯƠNG 93

Nhật ký

"Cháu cảm thấy thoải mái chứ, Anson?"

Ông ta mỉm cười với tôi, nhưng nụ cười ấy không thật. Nó là kiểu cười người ta hay đeo khi dự một buổi dạ tiệc, buổi gây quỹ, hoặc lễ trao giải, kiểu cười dễ thường biến mất ngay khi người đó khuất dạng phía sau cánh cửa vừa khép lại, rời xa ánh mắt soi mói của những người xung quanh. Tôi chưa bao giờ tham dự dạ tiệc, buổi gây quỹ hay lễ trao giải, nhưng tôi có đọc những bài báo viết về chúng. Có lần, mẹ mang về một cuốn tạp chí People, *trong đó tràn ngập những nụ cười kiểu ấy, lịch thiệp nhưng vô hồn.*

"Cháu có muốn uống gì không?"

"Không ạ, thưa ông."

"Thật là lễ phép." Bác sĩ Oglesby nói, mắt nhìn xuống cuốn sổ ghi chép. "Cháu ở đây đã được một tuần rồi, vậy mà ta cảm thấy chúng ta hầu như vẫn chưa biết gì về nhau cả."

Ông ta có vóc người không lớn lắm, chắc chỉ cao hơn tôi chừng dăm ba centimet. Ai cũng gọi ông ta là "bác sĩ", nhưng tôi chưa thấy ông ta mặc blu trắng bao giờ. Hôm nay ông ta mặc áo len họa tiết quả trám màu xám pha đen cùng với quần kaki. Ông ta có hơi thừa cân. Ngấn mỡ ở bụng phòi ra phía trên đai quần mỗi khi ông ta bắt tréo chân. Nhưng không nhiều. Có thể ông ta tập thể dục vài ngày mỗi tuần, chỉ một chút thôi - đống mỡ muốn lộ diện, cơ thể muốn được béo, nhưng ông ta vẫn kiểm soát nguy cơ béo

phì. Tạm thời là vậy. Tôi không thể không tự hỏi mười năm nữa trông ông ta sẽ thế nào. Liệu ông ta có thay đổi suy nghĩ về chuyện mặc áo blu không? Tôi mà là bác sĩ thì tôi nhất định sẽ mặc.

Phòng làm việc của ông ta giống như một chiếc hộp lớn vậy.

Bốn bức tường sơn toàn một màu trắng toát, trên đó treo các loại văn bằng và ảnh chụp bác sĩ Oglesby nở nụ cười giả tạo bên cạnh những người cũng có điệu cười giả tạo y như thế. Khác với bàn làm việc thông thường ở Trung tâm Điều trị Camden, bàn của ông ta làm bằng gỗ, hẳn là ông ta tự mang đến. Các bàn khác hầu hết làm bằng kim loại màu xám.

Hai chúng tôi ngồi trên ghế phía trước bàn, quay mặt vào nhau. Chắc hẳn khi tham gia một trong những khóa học cấp cho ông ta đống bằng treo trên bức tường kia, vị bác sĩ tử tế này được dạy rằng tốt hơn hết nên ngồi ngang hàng với người bệnh. Bởi vậy, thay vì an tọa trên chiếc ghế da êm ái đằng sau bàn làm việc, ông ta chọn ngồi ngoài này với đám thường nhân.

Một tấm thảm phương Đông cỡ lớn phủ gần kín sàn gạch, rõ ràng là hàng nhái. Tuy tôi chưa bao giờ nhìn thấy thảm phương Đông thật, hay kể cả là đồ nhái đi nữa, nhưng cái thảm này có điều gì đó như muốn nói rằng nó là hàng giả. Chắc là do vết bẩn lạ lùng ở góc phía xa, bị chậu dương xỉ che đi gần hết.

“Một tuần.” Ông ta lẩm bẩm, gõ tập kẹp giấy đặt trên đùi. “Cháu có dùng thuốc gì không, Anson? Trước khi đến đây ấy? Bất cứ loại nào?”

Ông ta đã hỏi tôi câu này rồi, lần này là lần thứ tư. Tôi trả lời hệt như những lần trước.

“Không ạ.”

“Vì ta thấy cháu có vẻ bứt rứt, giống như người đang trải qua các giai đoạn cuối của quá trình cai thuốc. Vài y tá đã nhận xét như vậy trong hồ sơ bệnh án của cháu. Ngoài ra, cháu còn có hiện tượng đổ mồ hôi và co giật trong đêm. Đó đều là những dấu hiệu của việc cai thuốc.”

Tôi không nói gì.

“Có phải là chlorpromazine hay fluphenazine không? Hay là haloperidol, loxapine?”*

Tôi vẫn lặng thinh.

“Haloperidol hả? Cháu biết không, khi nhắc đến cái tên này, ta nhận thấy phần cơ bên dưới mắt trái của cháu khẽ giật. Chứng tỏ cháu có biết loại thuốc đó. Một cậu bé ở tuổi cháu sao có thể biết được một loại thuốc như thế trừ phi nó được bác sĩ chỉ định và ngày nào cháu cũng trông thấy tên thuốc trên lọ?”

Mặt tôi đỏ bừng. Tôi từ tốn hít một hơi thật sâu.

“Haloperidol không phải loại thuốc muốn bỏ là bỏ ngay được đâu. Nếu bác sĩ cảm thấy cần điều chỉnh hoặc loại bỏ nó khỏi liệu trình điều trị, bệnh nhân sẽ phải giảm dần liều lượng theo thời gian. Trong một số trường hợp, bác sĩ có thể chỉ định tạm thời bổ sung một loại thuốc khác có dược lực yếu hơn để giảm bớt những tác động có hại khi hạ liều dùng.”

Bác sĩ Joseph Oglesby có đeo kính. Mắt kính không dày lắm, và tôi không khỏi thắc mắc liệu ông ta có thực sự cần đến nó không. Ông ta có vẻ giống kiểu người đeo kính chỉ để tô đậm hình tượng bác sĩ, để vào vai tốt hơn. Cặp kính nối với một sợi dây bằng bạc ông ta tròng vào cổ, cứ chốc chốc lại bỏ ra rồi đeo lên, giống như một cách để kết lại câu nói hơn là công cụ hỗ trợ thị giác. Cái kiểu kính có dây đeo cổ khiến tôi liên tưởng đến

thủ thư. Nhưng ông ta mà là thủ thư nỗi gì. Ngồi đây, tôi có thể trông thấy lớp bụi bám đầy trên những cuốn sách xếp thành hàng trên mấy cái kệ đằng kia.

"Đột ngột ngưng dùng haloperidol có thể dẫn đến các hiện tượng mất ngủ, bất an, bứt rứt, lo âu, trầm cảm, buồn nôn, co giật, thậm chí là ảo giác. Cháu có thấy chân mình đang gõ nhịp trên sàn không? Với tốc độ nhanh như thế ấy mà? Đó là dấu hiệu chắc chắn. Có lý do gì khiến cháu không muốn dùng thuốc nữa không, Anson? Có phải vì thế mà cháu nói dối ta?"

Tôi ngừng nhịp chân. Tôi không hề nhận ra mình đang nhịp chân.

Tôi sẽ không làm thế nữa.

Ông bác sĩ đặt đầu bút lên môi, cặp mắt dán vào tôi, sau đó ông ta viết gì đó vào bệnh án. "Từ đó đến nay đã được một tuần, nghĩa là cháu đã qua giai đoạn tồi tệ nhất. Ta không thấy có lý do gì để cho cháu dùng tiếp vào thời điểm này. Nếu cảm thấy cần phải uống, cháu sẽ nói với ta chứ? Chúng ta sẽ cùng nhau xem xét lại việc dùng thuốc, được không?"

Tôi không muốn nhưng vẫn phải gật đầu.

Lại là nụ cười đó, nụ cười rất mơ hồ, chỉ thấp thoáng nơi khóe miệng ông ta.

CHƯƠNG 94

Nhật ký

"Giờ cháu đã sẵn sàng nói về trận hỏa hoạn chưa, Anson?"

Ông ta trông thấy tôi nhịp chân trước khi tôi kịp dừng lại. Tôi đặt một tay lên đầu gối.

Cháu có biết người ta tìm thấy bao nhiêu thi thể trong nhà không?"

Tôi sẽ không cho phép chân mình gõ nhịp.

"Ba. Ta vẫn thường xuyên liên lạc với nhà chức trách địa phương kể từ khi cháu chuyển đến đây, nhưng họ chưa thể xác định được danh tính của bất cứ ai trong ba người đó. Do các thi thể bị hủy hoại quá nghiêm trọng, họ đang tiến hành giám định dựa trên hồ sơ nha khoa. Nhưng họ không có thông tin gì để đối chiếu nên gặp rất nhiều khó khăn. Bây giờ, họ đành chờ một trong hai điều xảy ra: hoặc là ai đó trình báo có người mất tích và việc đối chiếu hồ sơ nha khoa sẽ cho kết quả trùng khớp, hoặc là cháu cung cấp thông tin có thể giúp họ nhận diện. Nhà chức trách tin rằng cháu biết những người đó là ai. Họ rất muốn trao đổi với cháu về vấn đề này, nhưng cháu là trẻ vị thành niên và hiện đang do ta chịu trách nhiệm chăm sóc, nên họ không có quyền. Dĩ nhiên điều đó có thể thay đổi, ta chỉ việc ký tên vào vài đơn từ là họ có thể ập vào đây rồi đưa cháu đến nơi nào đó và tìm cách bắt cháu phải khai. Ta nghĩ nơi đó sẽ chẳng lấy gì làm dễ chịu đâu, và ta thực sự không muốn chứng kiến một điều như thế xảy đến với cậu bé thông

minh, sáng sủa như cháu, nhưng ta chỉ có thể cầm chân bầy sói được đến thế thôi. Cháu có biết công tố viên là gì không, Anson?"

Tôi biết thừa. Bọn họ xuất hiện khá thường xuyên trong những cuốn truyện tranh tôi hay đọc, nhưng tôi sẽ không nói với ông ta. Tôi không định nói bất cứ điều gì với ông ta hết.

"Một trong ba người đó có phải là cha cháu không, Anson?"

Chân tôi không nhịp. Ông ta nhìn tôi chằm chằm, chẳng khác nào một con chim ưng nhìn chuột.

"Cả ba thi thể được tìm thấy trong nhà cháu đều là đàn ông. Cảnh sát cho biết, cha cháu không liên lạc gì với cơ quan kể từ sau vụ hỏa hoạn. Điều đó khiến họ tin rằng ông ấy đã chết trong vụ hỏa hoạn. Họ còn lo ngại về mẹ cháu nữa. Bà ấy dường như cũng mất tích luôn rồi. Thực ra là họ rất lo đấy. Ta nghĩ một vài cảnh sát nghi ngờ chính bà ấy đã phóng hỏa. Ngôi nhà được tưới chất đốt, khả năng cao là xăng. Theo như những gì ta được biết, ngôi nhà ướt đẫm từ trong ra ngoài. Ai đó đã làm rất đến nơi đến chốn. Cha mẹ cháu chung sống hòa thuận chứ? Mẹ cháu có lý do gì để hại cha cháu không? Ông ấy làm tổn thương mẹ cháu à? Có phải ông ấy đánh mẹ cháu?"

"Cha không bao giờ dùng vũ lực với mẹ."

Tôi không muốn lên tiếng. Tôi biết mình không nên nói gì cả, nhưng tôi không cho phép người khác nói xấu cha. Không phải ông này, bất cứ ai cũng không.

"Nhưng cha cháu ở trong nhà lúc xảy ra chuyện, phải không?"

"Cháu không biết. Lúc đó cháu đang chơi ở hồ."

Ông bác sĩ lại đeo kính vào, đẩy gọng kính lên trên sống mũi. "Cháu đã nói với lính cứu hỏa - và sau đó là cả cảnh sát - rằng cháu đi câu cá ở hồ suốt mấy tiếng liền và chạy về nhà khi thấy khói bốc lên, nhưng cháu lại không mang theo hộp đựng mồi hay cần câu, và họ cũng không tìm được bằng chứng nào ở hồ cho thấy cháu có một trong hai thứ ấy. Họ nghĩ cháu nói dối."

"Cháu không nói dối."

"Cháu nói dối ta chuyện dùng thuốc. Cháu nói dối chuyện uống haloperidol, một loại thuốc rất nặng."

"Đấy không phải là nói dối, đấy là bốc phét thôi."

"Nói dối và bốc phét thì khác nhau chỗ nào hả Anson?"

Chân tôi lại gõ nhịp, nhưng chỉ một lần.

"Cháu có biết mẹ cháu đã đi đâu không, Anson? Sau khi bà ấy phóng hỏa, trận hỏa hoạn đã giết chết cha cháu ấy mà?"

Mẹ không giết cha, và mẹ cũng không phóng hỏa. Tôi muốn nói với ông ta như vậy. Tôi muốn hét lên thật to điều đó. Tôi muốn nhào ra khỏi ghế, giật lấy cây bút trong tay bác sĩ rồi đâm sâu vào cổ ông ta, nhìn máu phun ra khắp cái áo len họa tiết quả trám và bắn lên những tấm ảnh với những nụ cười giả tạo trên tường. Nhưng tôi không làm thế. Tôi không nói gì.

"Bản năng bảo vệ con của người mẹ là một trong những bản năng mạnh mẽ nhất của con người. Cha cháu có làm tổn thương cháu không? Có đụng chạm vào cháu một cách khiếm nhã không? Có phải vì thế mà bà ấy muốn cha cháu chết?"

"Cha cũng không bao giờ làm tổn thương cháu."

"Trước khi tới đây, cháu đã được bệnh viện kiểm tra, họ không tìm thấy bằng chứng bạo hành nên ta cho rằng cháu nói thật. Tiếc là ta không biết họ kiểm tra kĩ tới mức nào. Ta có niềm tin. Nếu để nhân viên của ta làm, họ nhất định sẽ làm đến nơi đến chốn, tiếc rằng cháu lại được đưa tới bệnh viện tuyến quận, mà ta thì không thể tin tưởng kỹ năng cũng như tay nghề của những người làm việc tại một nơi như thế. Nhiều cơ sở có khi còn nghèo nàn, lạc hậu khủng khiếp, chẳng khác gì bước vào khu lều trại tạm bợ ở thế giới thứ ba."

"Cháu lia sỏi."

"Gì cơ?"

"Cháu chưa bao giờ khai với lính cứu hỏa hay cảnh sát là cháu đi câu cá. Lúc đó cháu chơi lia sỏi ở bờ hồ. Cháu thích trò ấy."

"Nhưng trong báo cáo của cảnh sát lại không viết như thế, Anson ạ. Nói dối hay bốc phét đều xấu như nhau, không phải là điều cháu nên làm với ta."

"Báo cáo đó viết sai rồi."

Ông ta bỏ kính ra, tôi nhìn cặp kính rơi xuống, treo lủng lẳng trên cổ ông ta.

Cửa sổ phòng làm việc của bác sĩ Oglesby không có chấn song. Ngoài kia, mưa bắt đầu rơi.

"Cháu học trường nào hả Anson?"

"Mẹ dạy cháu học ở nhà."

"Thế à? Thú vị thật."

"Tại sao ạ?"

"Còn nhớ mấy bài kiểm tra mà trung tâm cho cháu làm vào hôm thứ hai cháu đến đây không? Cháu đạt điểm rất cao trong tất cả các bài đó."

"Cháu thích làm bài kiểm tra. Khá là vui."

"Mẹ cháu hẳn phải là một phụ nữ rất thông minh. Bà ấy làm nghề gì?"

"Cháu đã nói với ông rồi, mẹ cháu làm việc trong ngành xuất bản."

Ông ta nguệch ngoạc ghi chép nhưng không nhìn xuống những gì mình viết. "Đúng là cháu đã nói, nhưng chẳng có giấy tờ nào ghi nhận bà ấy có việc làm, không phải gần đây, chưa bao giờ. Cha mẹ cháu làm tờ khai nộp thuế chung, và chưa từng có thông tin nghề nghiệp nào về mẹ cháu cả. Sở Thuế vụ đã tiến hành tìm kiếm chi tiết theo yêu cầu của công tố viên mà ta kể với cháu. Người đàn ông đó khá là cứng đầu, và ông ta rất muốn được nói chuyện với mẹ cháu."

"Cháu không biết bà ấy đang ở đâu."

"Cháu có buồn không khi bà ấy bỏ rơi cháu? Những bản năng che chở, bảo vệ mà ta nói với cháu lúc nãy ấy, ta nghĩ một người mẹ hẳn là đau khổ lắm nếu phải bỏ lại đứa con độc nhất của mình, cắt đứt mọi liên lạc, coi đứa bé như chưa từng tồn tại, vứt bỏ nó chẳng khác nào thứ rác rưởi. Ta không rõ điều gì có thể đẩy một phụ nữ vào con đường ấy. Cháu đã làm gì để khiến bà ấy ghét cháu đến vậy?"

Lần này, khi chân tôi bắt đầu gõ nhịp, tôi không ghìm lại nữa. Thay vì vậy, tôi dõi mắt ngắm mưa rơi ngoài cửa sổ.

CHƯƠNG 95

Poole

Ngày 4 • 4:38 sáng

Poole đặt chân xuống sân bay quốc tế Greenville-Spartanburg lúc hơn một giờ sáng. Một chiếc Subaru Forester đen gắn biển số liên bang đã chờ sẵn trên sân, ngồi sau tay lái là Đặc vụ Toàn quyền Robert Granger. Cặp mắt ông ta đỏ quạch, trĩu xuống.

Ông ta chìa tay ra và nói lớn để át tiếng động cơ gầm rú đang dần lắng xuống của chiếc máy bay phản lực. “Chắc anh là Frank. Chào mừng đến với Nam Carolina.”

Poole đồ rằng ông ta khoảng trên dưới năm mươi lăm tuổi, chỉ vì một lý do là Đặc vụ Toàn quyền Hurless năm mươi tư tuổi và ông ấy nói bọn họ quen nhau từ hồi ở học viện. Granger trông già hơn nhiều so với tuổi năm mươi tư. Nếu Poole mà gặp người đàn ông này trên phố, không khéo anh sẽ cộng cho ông ta thêm chục tuổi nữa. Ông ta có vóc người lực lưỡng, mái tóc hói trọi, đeo cặp kính dày sụ và nuôi chòm râu dê rậm rì. Poole thấy thật lạ, vì nguyên tắc trang phục của FBI đâu có cho phép để râu, cùng lắm là ria mép thôi. Quy định ở miền Nam chắc là thoáng hơn.

Granger ra hiệu về phía cửa bên ghế phụ, hai người bước lên xe. Poole còn chưa kịp thắt dây an toàn thì xe đã bắt đầu lăn bánh xa dần chiếc máy bay. Granger vẫy tay với trạm kiểm tra an ninh trước khi phóng qua và chạy ra đường cao tốc. “Vậy là, 4MK hở? Tận dưới này sao?”

“Chúng tôi nghĩ hắn vẫn đang ở Chicago, nhưng cái hồ đó hình như có liên quan đến hắn.” Poole nói.

“Tuy phải mất công một tí nhưng cuối cùng tôi cũng liên lạc được với Cảnh sát trưởng Banister lúc hơn mười hai giờ đêm. Chính xác là Cảnh sát trưởng Hana Banister. Anh sẽ thích bà ấy cho xem, bà ấy khá là “bá đạo” đấy. Giữ chức cảnh sát trưởng Simpsonville đã gần hai chục năm, không có bất cứ đối thủ nào, điều đó với dân địa phương cũng chẳng thành vấn đề. Nơi này ít người sinh sống, mà họ cũng không khoái thay đổi cho lắm. Bà ấy nói trong thị trấn có hai thợ lặn chuyên nghiệp. Tôi có ba người ở Charlotte, vậy là bọn tôi lùa tất cả lại rồi lập tức đưa họ đến cái hồ của anh. Bà ấy biết khu đất đó, bảo là nó bị bỏ hoang từ sau khi trận hỏa hoạn phá hủy ngôi nhà chính. Ngoài sân còn có một cái nhà xe di động ngày trước chủ nhà cho thuê. Còn bây giờ, nó bị đám choai choai chiếm dụng để làm những việc tụi nó vẫn thường làm. Theo như những gì bà ấy nói với tôi thì chẳng còn lại gì nhiều.”

“Thợ lặn có làm việc được trong đêm tối không?”

Granger nhoài người trên vô lăng, khéo léo vượt lên một chiếc bán tải lết chậm như rùa. “Các chàng trai của tôi xem ra chẳng ngán. Cứ có việc để làm là nhảy vào thôi.”

“Chỗ đó cách đây bao xa?”

Granger liếc nhìn ứng dụng GPS trên điện thoại. “Chắc khoảng ba mươi phút. Có vẻ xa xôi hẻo lánh đây.”

Hai tiếng sau, Poole đã đứng bên bờ hồ, quan sát nhóm thợ lặn làm việc trong lúc Granger và Cảnh sát trưởng Banister (quả nhiên là nhân vật “bá

đạo”) chỉ huy nhân viên dưới trướng.

Phía xa, một cái máy phát điện đang chạy ì ì, đống dây nhợ loằng ngoằng bò khắp nơi. Những chiếc đèn pha cỡ lớn được dựng sát mép hồ, ánh đèn chói lóa soi sáng vùng hồ tối đen.

Một thợ lặn ngoi lên và giơ tay. “Tôi tìm được một cái nữa! Sâu khoảng sáu mét, thẳng dưới chỗ tôi. Tôi đã buộc dây vào nó, bây giờ sẽ gắn bóng.” Cô rút một cái ống nhỏ giắt ở đai lưng và gạt công tắc. Cái ống kêu tách rồi nhả ra một quả bóng tự phồng màu cam chóe. Cô buộc đầu dây đang cầm ở tay kia vào miệng quả bóng, sau đó thả ra cho nó nổi dập dềnh trên mặt nước.

“Trời đất quỷ thần ơi, đến giờ là mấy cái rồi?” Banister nói vọng lên từ đâu đó phía sau Poole.

Anh liếc sang phải, nhìn đống túi đựng xác màu đen xếp bên bờ hồ. “Bốn. Vừa rồi là cái thứ tư.”

“Nguyên vẹn hay một phần?” Granger hét hỏi người thợ lặn.

“Nguyên vẹn.” Người thợ lặn lại gắn bộ điều áp vào rồi mất hút dưới lòng hồ, luồng sáng từ chiếc đèn pin công suất lớn cô cầm nhanh chóng tan đi.

Nhóm thợ lặn cũng tìm được một số túi đựng rác cỡ nhỏ có chứa hài cốt, tính đến thời điểm hiện tại là sáu túi. Họ mới chỉ mở một túi, trong đó là một cái xương chân của người. Những túi còn lại đều được cho vào túi nhựa trong một cách hết sức cẩn thận ngay từ dưới nước, sau đó mới đưa lên và cất vào mấy thùng nhựa để không làm ảnh hưởng đến hài cốt bên trong và giữ gìn nguyên trạng những gì tìm được. Sau khi đưa về phòng pháp y tại tòa nhà liên bang ở Charlotte, họ mới mở ra. Cảnh sát trưởng

Banister chẳng buồn cự cãi khi trao lại thẩm quyền cho Poole và Granger. Việc này rõ ràng đã nằm ngoài khả năng xử lý của đồn cảnh sát địa phương.

Poole áp hai tay vào nhau. Mùa đông ở đây tuy không rét như ở Chicago, nhưng không khí bên hồ vẫn phảng phất hơi lạnh buốt giá. Cảnh sát trưởng Banister đứng phía sau anh, luồng sáng đèn pin chiếu vào gốc của một cái cây cao lớn. "Đặc vụ Poole? Có lẽ tôi tìm thấy con mèo của anh rồi."

Khi anh đến hồ, hãy tìm con mèo.

Anh bước tới chỗ bà và nhìn theo hướng luồng sáng đang rọi tới.

Một cái hộp đựng đồ ăn trưa gỉ sét bị vùi dưới một gốc sồi. Anh đã đi trọn một vòng quanh hồ lúc mới đến đây, kiểm tra kĩ mặt đất xem có dấu hiệu nào của con mèo hay không. Anh cứ nghĩ sẽ tìm thấy thứ bí hiểm mà Porter nhắc đến ở gần bờ hồ, thế rồi họ phát hiện ra cái xác đầu tiên, và anh quên tiệt luôn con mèo. Vật này nằm cách hồ khoảng ba mét, ẩn trong rừng cây.

Poole cúi xuống, phủi đi lớp đất trên mặt hộp.

Mèo Hello Kitty.

"Xinh đấy." Anh ngước nhìn Cảnh sát trưởng. "Chị có găng tay không?"

"Có, đây." Bà rút từ trong túi áo khoác ra đôi găng cao su và cúi xuống đưa cho anh. Mấy lọn tóc vàng hoe điểm bạc xổ ra khỏi mái tóc đuôi ngựa. Bà kéo chiếc chun đang buộc ra, xoắn chặt tóc rồi buộc lại như cũ. Tất cả chỉ cần một tay, tay kia bà vẫn cầm đèn pin chiếu xuống cái hộp, không mảy may xê dịch.

Poole không thể không tự hỏi phải chăng khi dùng súng bà cũng khéo léo, tài tình như vậy, nếu có khi nào bà phải vận đến vũ khí ở vùng này.

"Tôi tìm được một túi!" Một tiếng kêu nữa vọng lại từ dưới hồ.

Vậy là năm túi rồi.

Granger tiến lại chỗ họ, ánh đèn pin hòa với ánh đèn của Banister. "Nó đấy ư? Thứ anh cất công tìm kiếm nãy giờ?"

Poole kéo chốt kim loại han gỉ ở đằng trước cái hộp và mở nắp ra. Cuốn nhật ký chằm chằm nhìn lại anh từ bên trong. "Tôi cần kiểm tra hồ sơ bất động sản, hồ sơ đất, mọi thứ chị có về nơi này, và cả hai cái nhà chúng ta đi qua trên đường tới đây nữa."

Banister cúi xuống, hơi thở phả ra thành làn khói trắng trong tiết trời giá lạnh. "Hồ sơ được lưu ở tòa thị chính. Để tôi đi gọi điện, đánh thức vài người dậy."

CHƯƠNG 96

Nhật ký

Những bóng đèn huỳnh quang trên cao kêu ro ro nghe như có đến cả triệu con ong đang ẩn náu đâu đó bên trong trần phòng, còn thứ ánh sáng chói gắt rỏ xuống chẳng khác nào những giọt mật bị bỏ phí. Tôi cố bỏ ngoài tai âm thanh ấy, khi thấy mình không làm được, tôi lại ngả đầu xuống cái gối mỏng dính họ phát cho.

Phòng tôi chỉ rộng chừng mét tám, sâu hai mét tư. Họ gọi đấy là phòng, tôi chấp nhận định nghĩa này dù tiềm thức thì thầm với tôi rằng nó giống xà lim hơn là phòng. Phòng phải là nơi không bị khóa lại bất cứ khi nào bạn được lệnh bước vào. Phòng phải có cửa sổ mở ra được. Phòng tôi chẳng có gì trong hai điều ấy.

Hôm đầu tiên đến đây, tôi tỉnh giấc giữa đêm và bò ra khỏi giường để đi vệ sinh. Lúc hai chân vừa chạm xuống mặt sàn lạnh ngắt, có lẽ tôi cũng cảm nhận được dường như có điều gì đó khác lạ, nhưng chỉ khi đi tới chỗ đúng ra là cánh cửa phòng ngủ thì tôi mới tỉnh hẳn và nhận ra không phải tôi đang ở nhà, mà ở một chốn xa lạ.

Không phải phòng của tôi.

Không phải giường của tôi.

Một nơi hoàn toàn khác.

Cảm giác buồn đi vệ sinh tan biến. Tôi bò về cái giường chật hẹp. Tôi ngủ một mạch đến tận khi những ngọn đèn chói lóa trên trần lại bừng sáng

lúc sáu giờ đúng, bay ong thức giấc theo nhật trình đã định. Đèn luôn bật cho đến đúng mười giờ tối. Trong phòng không có đồng hồ, mà tôi cũng không thấy cái nào bên ngoài khi nhìn qua ô cửa nhỏ trên cửa ra vào, nhưng chiếc đồng hồ trong tôi thì cực kỳ chính xác. Ngay từ hồi tôi còn bé, cha đã dạy tôi đếm thời gian trong tâm tưởng. Cha chỉ cho tôi biết lắng nghe tiếng tích tắc đều đều của cái đồng hồ nằm đâu đó trong một góc nhỏ nơi tiềm thức của tôi, cái đồng hồ chuẩn xác hơn bất cứ loại đồng hồ treo tường nào, một khi đã học được cách tin tưởng nó.

Nhà tôi không có đồng hồ.

Tôi cũng không được phép có đồng hồ đeo tay.

Cái đồng hồ duy nhất tồn tại là đồng hồ trong tâm trí tôi, thường xuyên được cha kiểm tra.

Cha sẽ yêu cầu tôi nói cho cha biết giờ giấc, đôi lúc cha chọn những thời điểm rất đỗi kỳ quặc để hỏi. Chỉ cần sai lệch hơn một phút thôi là tôi sẽ phải nhận hậu quả. Tôi không muốn nhắc đến những hậu quả ấy, nhưng khỏi nói cũng biết, tôi hiếm khi trả lời sai.

Cha cũng dạy tôi cả cách khắc chế thời gian. Cha bảo kỹ năng đó gần giống thiền định, nhưng còn quan trọng hơn thế nhiều. Hồi ấy tôi không cảm thấy kỹ năng này thực sự cần thiết, nhưng cha nói một ngày nào đó có thể tôi sẽ cần, mà tôi thì luôn sẵn lòng học hỏi bất cứ điều gì cha dạy. Muốn khắc chế thời gian, tôi chỉ việc nhắm mắt lại và phong bế tâm trí. Quá trình đó có thể kéo dài năm phút hay năm giờ, tùy vào quyết định của tôi trước khi bắt đầu. Khác với lúc ngủ, tôi có thể giữ cho não bộ không ngừng hoạt động, chỉ tập trung nghĩ đến một vấn đề, hoặc tôi cũng có thể dẹp bỏ luôn cả suy nghĩ, để những giây phút mà bình thường sẽ đằng đẵng trôi đi trong nhàm chán thì giờ đây vụt qua chỉ trong chớp mắt.

Những lúc họ nhốt tôi trong phòng như thế này, tôi lại khắc chế thời gian.

Tôi hiểu họ làm thế nhằm mục đích gì. Tôi chỉ được phép ra ngoài để dùng nhà vệ sinh và đến gặp bác sĩ Oglesby. Thời gian còn lại, tôi phải ngồi trong căn phòng này. Họ muốn làm tôi buồn chán. Họ muốn làm tôi ghét cay ghét đắng căn phòng. Họ muốn tôi chào đón khoảng thời gian được bước chân ra ngoài, trông ngóng buổi điều trị tiếp theo với ông bác sĩ. Cách này hẳn là có tác dụng với những chủ nhân trước đây của căn phòng, nhưng những mánh khóe kiểu ấy chẳng mảy may tác động được tới tôi, chừng nào tôi còn có thể khắc chế thời gian. Chừng nào tôi còn tận dụng cơ hội này để ngẫm lại hoàn cảnh hiện nay của mình, để tìm giải pháp, động não suy nghĩ.

Những chiếc đèn huỳnh quang bật lên lúc sáu giờ sáng và tắt đi lúc mười giờ tối, chu trình cứ thế lặp đi lặp lại. Chu trình ấy lặp lại đến nay đã được tám lần. Bây giờ là bốn giờ ba mươi hai phút chiều ngày thứ tám tôi ở đây. Chẳng có cách nào thoát khỏi căn phòng này. Cửa sổ bị đóng chặt rồi. Mà dù tôi mở được đi chăng nữa thì cũng không thể lách qua những chấn song bên ngoài. Tôi có thể phá khóa nếu có dụng cụ, nhưng tôi lại chẳng có gì trong tay. Phòng tôi là phòng thứ năm ở bên này hành lang; nhà vệ sinh nằm phía đối diện, bên tay phải. Tuy chưa gặp những người ở phòng khác nhưng tôi có nghe thấy tiếng họ, nhất là vào ban đêm. Tôi nhận ra được ba giọng nam, hai giọng nữ. Giọng nữ cùng dãy cách phòng tôi hai căn có vẻ khoảng mười lăm tuổi.

Cô ấy hay khóc đêm. Đêm nào cũng khóc.

Tôi không biết tên cô ấy. Ở đây người ta không dùng tên họ, chỉ có bác sĩ Oglesby mới dùng.

Hành lang dài tổng cộng khoảng mười lăm mét. Lúc họ đến đưa tôi tới văn phòng của bác sĩ Oglesby, chúng tôi rẽ sang tay trái, đi qua chỉ toàn những cánh cửa đóng kín. Khi ra về, tôi để ý và ghi nhớ kĩ các phòng ở đầu bên kia hành lang: phòng y tế bên phải, phòng bảo vệ bên trái, và một phòng đóng kín nằm ở giữa. Tôi chưa thấy cánh cửa đó mở ra bao giờ nhưng có nghe tiếng, mỗi lần như thế đều có tiếng chuông điện kêu rè rè, sau đó là âm thanh mở khóa. Tôi nghĩ chắc nó được điều khiển từ đâu đó gần phòng bảo vệ, nhưng có thể các y tá cũng có quyền kiểm soát. Tôi hình dung trong đầu một nút bấm nhỏ cáu bẩn sau những năm tháng bị ngón tay bao người chạm vào.

Hai đầu hành lang có camera, những con mắt đen sì nằm trong những khối cầu nhỏ chằm chằm nhìn xuống từ trên trần. Tôi chưa phát hiện ra camera trong phòng bác sĩ Oglesby, nhưng tôi khá chắc chắn là có. Camera phòng tôi được giấu phía sau cửa thông khí cạnh bóng đèn, quan sát tôi từ trên cao. Nó không phát ra tiếng động, song tôi vẫn cảm nhận được nó chớp mắt.

Tôi rất muốn biết, bác sĩ à, lúc này đây ông có ngồi bên bàn làm việc và quan sát tôi qua màn hình nào đó không? Những gì rút ra được, ông ghi cả vào cuốn sổ be bé chứ? Tôi tưởng tượng ông đang ngoáy bút lia lịa, tuôn ra những từ ngữ càng lúc càng vô nghĩa. Anson Bishop bé bỏng tội nghiệp, đứa trẻ mồ côi sinh ra từ lò lửa.

Đứa con gái ở phòng nọ lại khóc. Khóc vào giờ này kể cũng lạ.

CHƯƠNG 97

Porter

Ngày 4 • 7:13 sáng

Điện thoại của Sarah kêu "ting".

Lúc đầu Porter không biết đó là tiếng gì hay phát ra từ đâu, thế rồi anh trông thấy cái điện thoại Sarah đang đặt trên lòng.

Cô khẽ cựa mình, ngả đầu vào vai anh và ngủ tiếp.

Chiếc di động lại kêu lần nữa.

Đèn phía trên đầu bật sáng, một giọng nói vang lên qua hệ thống loa. "Quý khách chú ý, xin quý khách vui lòng dựng thẳng lưng ghế và gập bàn ăn lại để chúng ta chuẩn bị hạ cánh xuống thành phố New Orleans. Bây giờ là bảy giờ mười ba phút sáng giờ địa phương, nhiệt độ là mười lăm độ C. Chúng tôi rất hân hạnh được đồng hành cùng quý khách trên chuyến bay, chúc quý khách có khoảng thời gian vui vẻ tại Big Easy."

Mắt Sarah từ từ mở ra rồi nheo lại để tránh ánh sáng chói. "Xin chào, ánh dương." Cô lẩm bẩm và bập môi một cái.

Điện thoại của cô tiếp tục kêu.

"Tôi tưởng phải chuyển mấy thứ đó sang chế độ máy bay, nếu không tảng kim loại to đùng này sẽ rụng như sung."

"May mà anh được cái dây an toàn kia bảo vệ." Cô cầm lấy điện thoại và nhìn màn hình. "Khi máy bay dần hạ cánh, điện thoại sẽ bắt sóng trở

lại." Cô cau mày. "Tôi đang nhận tin nhắn. Nhưng không phải tin nhắn dành cho tôi. Mà là cho anh."

"Sao cơ?"

"Xem này." Cô đưa máy cho anh.

Lẽ ra anh không nên phá cái điện thoại ấy, Sam ạ.

Như thế là không ngoan đâu.

Không một chút nào.

"Sao Bishop lại có số của cô?"

Sarah nhún vai. "Ôi, tôi cũng chẳng rõ. Có thể hắn trông thấy trên tấm biển bên ngoài văn phòng của tôi, trong cuốn niên giám, trên Internet, hoặc danh thiếp của tôi. Biết đâu mẹ hắn gửi cho. Tôi là luật sư mà, Sam. Số điện thoại của tôi rải khắp nơi."

Porter gõ: Bishop?

Mới đầu không có gì, sau đó: Anh thấy hành trình về Miền Ký ức có vui không?

Porter viết: Tao tìm được con mèo của mày rồi.

Bishop trả lời: Phải nói thế này mới đúng chứ nhỉ, "chúng tao" tìm được con mèo của mày rồi?

Porter quay sang nhìn Sarah. Cô đang dán mắt vào cái điện thoại.

BISHOP: Không sao đâu, Sam. Tôi biết anh không đơn độc. Tôi mừng cho anh đấy. Sarah có vẻ là một phụ nữ đáng mến. Heather chắc sẽ thích cô ấy. Tôi tin nếu gặp nhau, họ sẽ nhanh chóng trở thành bạn tốt.

PORTER: Tao đang giữ cái mề đay của Libby.

Không hồi đáp.

PORTER: Nó là của cô ta, đúng không? Giấu dưới sàn trong nhà xe di động của vợ chồng Carter? Cô ta có quan hệ gì với mày? Mày biết cô ta chết rồi, đúng không?

Không trả lời.

PORTER: Bishop?

BISHOP: Tôi nhớ mẹ tôi, Sam ạ. Tôi khao khát được tâm sự với bà ấy về chuyện Libby.

PORTER: Ra đầu thú đi. Tao sẽ thu xếp cho ở hai xà lim cạnh nhau.

BISHOP: Khỏi cần. Anh sẽ dẫn bà ấy đến cho tôi.

"Dẫn cái con khỉ." Porter đáp.

PORTER: Mụ ta sẽ không đi đâu hết.

BISHOP: Bây giờ tôi gửi ảnh cho anh nhé, Sam. Anh sẽ không thích đâu. Chúng ta sẽ trao đổi về vấn đề đó sau khi anh xem ảnh.

Điện thoại kêu "ting", một tấm ảnh tin hin hiện lên màn hình bé tẹo. Trong ảnh là hai cô gái đang nằm bất tỉnh trên sàn bê tông.

BISHOP: Anh có đó không, Sam?

Sarah chụm ngón tay lên màn hình rồi kéo ra, phóng to ảnh để nhìn được rõ hơn.

Một trong hai cô gái quấn cái chăn mỏng màu xanh lục trên người, mặt tái nhợt như xác chết, môi dính máu. Cô gái còn lại trông như vừa được vớt dưới sông lên, tóc tai quần áo ướt nhẹp, bết lại.

Porter không nhận ra ai trong hai người đó.

PORTER: Họ là ai?

BISHOP: Khách của một người bạn. Nhưng họ không được khỏe. Tôi e nếu để anh ta chăm sóc họ một thời gian nữa, họ có thể sẽ chịu chung số phận với Ella Reynolds và Lili Davies. Chắc anh không muốn thế đâu nhỉ? Lại có thêm máu dính trên tay mình? Anh và tôi, chúng ta sẽ tiến hành một cuộc trao đổi. Mẹ tôi đổi lấy hai cô bé. Một kiểu có đi có lại đơn giản như hồi xưa ấy. Anh vẫn còn nợ tôi… sau vụ gần đây nhất.

PORTER: Tao không làm.

BISHOP: Lúc nào cũng có thể có thêm nhiều cô gái như thế nữa, Sam ạ.

BISHOP: Anh mà báo tin cho các đồng chí của mình, cả hai cô bé sẽ chết. Tôi vẫn còn nhiều hộp lắm…

BISHOP: Để lại tất cả tiền bạc trong tủ gửi đồ của trại giam khi anh làm thủ tục vào thăm trại.

PORTER: Không.

BISHOP: Còn điều này nữa, Sam. Anh sẽ không thích đâu, không một chút nào, nhưng phòng trường hợp anh cam lòng để hai cô gái kia chết, trong tay tôi đang có một thứ cực kỳ hoành tráng, có thể tạo nên cú nổ lớn. Tôi không thích cho nó nổ, nhưng tôi sẽ làm, nếu anh không dẫn Mẹ đến cho tôi. Chẳng ai có đủ hộp cho vụ đó đâu.

BISHOP: Cả anh VÀ cô Werner đều phải đi. Họ sẽ không trao bà ấy cho một mình anh. Dù gì, mọi phạm nhân đều được quyền có người đại diện tử tế. Anh thấy có đúng không?

BISHOP: Hạn chót là 8 giờ tối. Quá giờ đó

“Quá giờ đó thì sao?” Porter nói.

“Không có sóng. Chắc hẳn chúng ta đi qua trạm thu phát rồi.”

Hai người giật mạnh trên ghế khi bánh xe đáp xuống đường băng, máy bay nhanh chóng giảm tốc độ, những tòa nhà ở sân bay vụt qua bên ngoài ô cửa sổ nhỏ.

Sarah nhìn xoáy vào chiếc điện thoại. “Thử lại đi, có sóng rồi kìa.”

PORTER: Bishop?

TIN NHẮN CHƯA GỬI!

Porter nhấn vào đường link nhỏ màu đỏ để THỬ LẠI.

TIN NHẮN CHƯA GỬI!

Anh cố thêm lần nữa.

TIN NHẮN CHƯA GỬI!

“Thế là thế quái nào?” Porter cau mày.

“Có thể hắn tháo pin ra rồi.” Sarah đáp. “Hoặc là vứt điện thoại xuống hồ.” Cô lại quay sang Porter. “Thế mà gọi là phá kế hoạch của hắn. Chúng ta chẳng cầm chân được hắn chút nào.”

Porter cuộn qua các tin nhắn. Khi cuộn đến tấm ảnh hai cô gái, lòng anh bỗng chùng xuống.

CHƯƠNG 98

Porter

Ngày 4 • 7:57 sáng

"Còn một tiếng nữa mới đến giờ vào thăm." Porter ngồi trên ghế phụ trong chiếc BMW của Sarah Werner, nói.

Sau khi xuống sân bay, họ tới thẳng trại giam.

Anh không còn lựa chọn nào khác.

Điều đó anh biết.

"Bà ta sẽ bị còng tay chân." Sarah trấn an. "Không thể chạy đi đâu được. Cứ để mắt canh chừng bà ta cẩn thận, khi nào anh biết hai cô bé đã an toàn thì lại trả bà ta về trại. Xét về lý thuyết, bà ta vẫn chịu sự quản chế. Hay là anh còng tay mình vào với bà ta. Chẳng phải cảnh sát thường làm thế sao? Khỉ thật, tôi cũng không biết nữa."

Mười phút sau khi Bishop cắt đứt liên lạc, Sarah nhận được e-mail của trại giam dưới dạng thư trả lời tự động, trong đó viết rằng lá đơn liên quan đến phạm nhân số 2138 đã được tiếp nhận và đang trong quá trình xử lý, kèm theo khoảng hai mươi trang tài liệu mẫu đề cập đến các quy định và trách nhiệm xung quanh việc thả phạm nhân có giám sát.

Porter đã thử gọi vào số máy Bishop dùng để nhắn tin, nhưng chỉ nghe thấy tiếng ghi âm. "Số máy quý khách vừa gọi hiện không còn sử dụng hoặc đã ngắt kết nối. Vui lòng kiểm tra…" Anh từng nghe thông báo kiểu này rồi. Anh cúp máy.

“Anh còn bao nhiêu tiền mặt?” Sarah hỏi.

Porter thở dài và vỗ lên túi trong của chiếc áo khoác. “Hai ngàn ba trăm mười hai đô.”

Cô đỗ xe vào giữa bãi, đầu xe hướng về phía cổng tiếp đón. “Chín giờ họ mới mở cửa đón khách thường, nhưng luật sư thì cứ đến sau tám giờ là được.”

“Việc này tôi nên làm một mình thì hơn.” Porter nói. “Dù sao tôi cũng đã gặp rắc rối từ trước. Không lý gì lại để cô bị liên lụy theo.”

“Ôi dào, đến giờ tôi đã dính quá sâu vào chuyện này rồi.”

“Đây là một vụ cướp ngục. Cô sẽ bị camera ghi lại. Nhẹ nhất cũng bị tước giấy phép hành nghề.”

“Trần đời chưa thấy ai động viên đồng đội dở tệ như anh.”

“Đừng chỉ vì việc này mà vứt bỏ cả cuộc đời của mình.”

Sarah thở dài. “Bishop đã nói rất rõ. Hắn muốn cả hai chúng ta vào đó, vì vậy anh và tôi sẽ cùng vào. Chỉ có điều, trước hết tôi cần ngưng đổ mồ hôi cái đã.”

“Cô đổ mồ hôi ư? Nhưng trời lạnh mà.”

“Chắc là có liên quan đến hiện tượng run rẩy. Tôi cũng muốn điều đó chấm dứt.”

Cô đang run. Porter nhìn bàn tay cô rung bần bật trên vô lăng vì căng thẳng. “Tôi vào một mình. Kệ mẹ Bishop, hắn…”

Sarah tắt máy và bước xuống xe trước khi anh kịp nói hết câu. “Đi thôi, Thanh tra.”

“Chết tiệt.” Porter lầm bầm. Anh lấy ra con dao của Bishop và cái mề đay của Libby, thảy cả hai thứ vào hộc để găng, sau đó lóng ngóng tháo dây an toàn và chạy theo cô.

Giờ vẫn còn quá sớm nên trung tâm tiếp đón vắng hoe. Cũng như lần trước, quản giáo yêu cầu Porter trình bằng lái xe, cởi thắt lưng và dây giày. Anh đặt chúng vào một ngăn tủ để đồ cùng với ví và áo khoác, tiền mặt vẫn để lại trong túi áo. Quản giáo đóng cánh cửa nhỏ rồi đưa anh chìa khóa. Sau đó, anh ta lục soát người Porter và quét một lượt bằng máy dò kim loại cầm tay. Khi người quản giáo cho anh qua, anh bước tới hành lang kế bên. Lát sau, Sarah đến chỗ anh.

“Tiếp theo ta làm gì đây?” Porter hỏi.

Như thể trả lời cho câu hỏi ấy, cánh cửa kim loại bên cạnh họ kêu rè rè rồi mở ra. Một quản giáo khác bước ra, cửa đóng lại sau lưng anh ta. Weidner. Anh ta đang nói chuyện điện thoại. Anh ta giơ một ngón tay và gật đầu với họ. Nói chuyện xong, anh ta dẫn họ vào một phòng chờ nhỏ. “Vui lòng đợi ở đây.”

Cứ mỗi lần cánh cửa ở hành lang phát ra tiếng kêu là tim Porter lại nhói lên trong lồng ngực.

Sau năm lần chuông kêu, Weidner quay lại, theo sau là hai quản giáo khác. Jane Doe đi giữa hai quản giáo, chậm chạp lết từng bước, tay chân đều bị còng.

Weidner lấy ra một tập kẹp giấy và đưa cho Porter. “Vui lòng ký vào đây, đây, và đây.”

Porter cảm nhận được ánh mắt Doe đang nhìn xoáy vào anh, thiêu đốt một bên đầu anh trong lúc anh nguệch ngoạc ký tên mình.

"Đây là giấy phép phóng thích có giá trị trong ngày. Dẫn bà ta về đây muộn nhất là năm giờ chiều. Phạm nhân phải bị còng toàn thời gian. Bà ta có đeo thiết bị giám sát ở cổ chân và không được phép rời khỏi Giáo xứ Orleans. Để điều đó xảy ra là anh đã vi phạm lệnh của tòa."

Lệnh của tòa sao? Bishop làm thế nào mà…

Weidner tiếp tục nói. "Theo nguyên tắc, một quản giáo sẽ được cử đi cùng các vị, nhưng vì anh là nhân viên cơ quan hành pháp, cộng với việc bà ta được thả ra dưới sự giám sát của anh trên danh nghĩa là một phần của cuộc điều tra đang tiến hành, do đó, anh sẽ là người chịu hoàn toàn trách nhiệm. Anh có muốn một hoặc một vài quản giáo khác đi cùng không?"

Porter lắc đầu.

Weidner đưa cho anh một tấm danh thiếp. Mặt sau có dán chiếc chìa khóa nhỏ. "Nếu vì lý do nào đó anh không thể dẫn bà ta về trước năm giờ chiều, hãy gọi vào số này và thông báo cho sĩ quan phụ trách trực ban."

Porter nhét tấm danh thiếp vào túi.

Weidner cầm lấy tập kẹp giấy, lật sang trang thứ hai và đưa cho Sarah. "Vì cô là luật sư của bà ta, tôi cần cô ký vào đây để ủy quyền giám sát phạm nhân cho Thanh tra Porter."

Sarah ký tên rồi trả lại anh ta.

Anh ta xem kĩ hai trang rồi gật đầu với hai quản giáo đứng đằng sau và ngước nhìn chiếc camera trong góc hành lang. Cửa kêu rè rè, hai quản giáo dẫn Jane Doe vào trong, cánh cửa thép đóng lại sau lưng họ.

Weidner quay sang Sarah và Porter. "Hai người đi lấy đồ đi, rồi lái xe tới cổng 12 ở bên hông trung tâm tiếp đón."

Nói xong, anh ta rời đi, mất hút phía sau cánh cửa khóa kín.

Porter và Sarah ngây ra nhìn nhau giây lát. Toàn bộ cuộc trao đổi diễn ra trong vòng chưa đầy năm phút.

Quay lại khu gửi đồ, họ lấy đồ đạc của mình. Porter nhận thấy chiếc áo khoác nhẹ hơn hẳn khi không còn số tiền trong túi.

Lúc họ tấp xe vào cổng 12, Jane Doe đang đứng sau hàng rào mắt cáo, hai quản giáo kè kè bên cạnh. Một tiếng chuông rè rè khá to vang lên, thế rồi hàng rào mở ra hệt như mấy cánh cửa kim loại bên trong trại giam. Hai quản giáo tháp tùng mụ tới chỗ chiếc BMW của Sarah đang chờ sẵn, giúp mụ vào xe rồi đóng cửa lại.

Jane Doe mỉm cười từ ghế sau. "Chúng ta cần phải tới văn phòng của cô, cô Werner. Lẹ lên, lẹ lên."

CHƯƠNG 99

Gabby

Ngày 4 • 8:03 sáng

Gabby Deegan đang nằm trên giường, lướt Instagram.

Có người đã tạo hashtag #TưởngNhớLiliDavies, chẳng mấy chốc, trên đó ngập tràn ảnh Lili do đám người ở trường chụp ngẫu nhiên, những đứa cô không biết, những đứa chẳng biết gì về Lili. Nó khiến Gabby phát buồn nôn.

Bây giờ chúng dựa vào cái gì mà bày đặt tưởng nhớ?

Hashtag chứa nhiều bài do Ally Winters và Magen Plants viết. Hồi Lili còn sống, chúng nó có quan tâm quái đâu, giờ tự nhiên quay ra làm bộ cứ như chị em thân thiết là sao? Lần cuối cùng gặp Lili, Ally nói tóc tai bạn ấy trông phát gớm và bạn ấy nên nhờ nhà tạo mẫu chuyên nghiệp tư vấn, đừng cắt ở mấy cửa hàng rẻ tiền tại trung tâm thương mại nữa. Năm ngoái, Magen lấy trộm đồ lót của Lili trong tủ đồ vào giờ thể dục rồi đem giấu ở thư viện. Gabby với Lili phải tìm bở hơi tai gần một tiếng đồng hồ và bị phạt vì bỏ tiết bốn. Rặt một lũ khốn nạn. Nhưng như thế vẫn chưa phải tệ nhất, nhiều người lạ cũng đăng ảnh, có những tấm rất kinh khủng. Họ chụp cả ảnh phòng tranh Leigh. Vài kẻ thậm chí còn selfie với tấm biển bên ngoài phòng tranh. ©EddieBiếtTuốt ở Tây Virginia đăng hình Buffalo Bill trong bộ phim cũ rích *Sự im lặng của bầy cừu,* kèm theo dòng chú thích *"*Cô ta đã KHÔNG bỏ chai dưỡng thể vào giỏ!"* Hắn chẳng phải người

quen của Lili, chỉ là một tên chết băm chết vằm nào đó đáng bị tước quyền sử dụng mạng xã hội.

Ban giám hiệu Học viện Wilcox đã thu xếp tổ chức lễ thắp nến cầu nguyện vào tối nay. Gabby không biết có nên đi hay không. Đi để làm gì chứ? Một đống người tay cầm nến túm tụm lại với nhau cũng đâu thể mang bạn ấy trở về, hơn nữa bọn họ đều biết cô là bạn thân nhất của Lili. Mọi con mắt sẽ dồn cả vào cô cho xem.

Cô đóng Instagram rồi mở iMessage. Cô lướt qua tất cả những tấm ảnh ô tô mà hai đứa gửi cho nhau suốt mấy tháng gần đây. Lili sẽ chẳng bao giờ có xe riêng, bạn ấy sẽ chẳng bao giờ được lái xe, chẳng bao giờ được kết hôn, sinh em bé, chẳng bao giờ…

Những giọt nước mắt lại ứa ra, Gabby cố xua chúng đi. Cô chưa rửa sạch lớp trang điểm trước khi đi ngủ, đường kẻ mắt bây giờ hẳn là trông rất gớm ghiếc.

“Con vẫn ổn chứ, con yêu?” Mẹ cô đứng ngoài cửa hỏi vọng vào.

“Vâng.”

Tay nắm cửa rung lên. “Sao lại khóa thế này?”

Gabby không đáp. Cô đưa tay lên quẹt mắt.

“Con nên ăn chút điểm tâm đi. Ăn vào sẽ cảm thấy khá hơn đấy.”

Phải rồi. Trên đời, có sai lầm nào mà Cap’n Crunch* không sửa chữa được đâu.

“Để sau đi mẹ.”

Gabby trở mình, chăn mền quấn quanh chân cô. Cô mở ứng dụng xem ảnh trên điện thoại và lướt qua album của Lili, có đến hàng trăm bức ảnh, chụp những lần hai đứa đi công viên, đi chơi ở trung tâm thành phố, đi học.

Cô cũng lưu những đoạn Snapchat ở đây. Hai đứa thích dùng Snapchat để nói chuyện riêng, vì tin nhắn sẽ biến mất ngay khi tất cả người nhận đã xem. Họ có thể nói với nhau bất cứ điều gì mà không phải dè chừng ánh mắt soi mói của các ông bố bà mẹ, những người *cái gì* cũng đọc. Hai đứa cũng rất cẩn thận khi dùng iMessage, chỉ trao đổi trên đó những chuyện họ muốn để cho bố mẹ biết, còn những tâm sự thật sẽ nói với nhau qua Snapchat. Nếu Lili phát ngôn câu gì đó mà Gabby muốn lưu lại, chẳng hạn như bình luận của cô nàng về cái lần Philip Krendal lộ khe mông trong tiết Khoa học, Gabby sẽ chụp màn hình trước khi tin nhắn biến mất trên Snapchat, rồi lưu vào album ảnh Lili, được ẩn đi và bảo vệ bằng mật khẩu, chống phụ huynh, như cần phải thế. Khác với đống ảnh tưởng nhớ trên Instagram, những tấm ảnh này khiến Gabby mỉm cười. Lili đúng là "trùm" của những câu bình luận ngắn mà "chất". Bạn ấy thích gửi cho Gabby xem ảnh Scrappy, cô chó giống Lhasa apso mà bạn ấy nuôi, kèm theo những đoạn hội thoại ngắn ngủn. Con mèo Grumpy* cứ gọi là xách dép cho nó. Ngoài ra còn có cả ảnh ô tô, không phải tìm được trên mạng mà là ở những cửa hàng bán xe trong vùng mà bạn ấy thực sự thích. Lần tới, khi bố bạn ấy nhắc đến chuyện tậu xe, Lili định sẽ cho bố xem ảnh cái ô tô bạn ấy thích ở cửa hàng trong vùng, một chiếc xe *cụ thể,* để xem có thể thuyết phục được bố tới đó mua xe không, bố có dám nói dám làm không. Chiếc ô tô Lili chọn là một chiếc Camaro đời 2010 bạn ấy tìm được trong trung tâm thành phố, sơn màu đỏ cherry và bọc ghế màu đen. Bạn ấy mà lái con xế đó vào bãi xe của trường, đám con trai - và cả con gái - chắc chắn sẽ phải ngoái nhìn.

Gabby dừng lại ở một tấm ảnh khác. Trong ảnh, Lili đang giơ iPad lên trước camera, cạnh khuôn mặt đang tươi cười. Dòng chú thích bên dưới đề:

“#ĂnGà.”* Gabby hoàn toàn chẳng nhớ gì về chuyện này. Lili chiến thắng cuộc thi nào đó trên mạng của một trung tâm đào tạo lái xe trong vùng. Gabby đã bảo bạn ấy không khéo đó là trò lừa bịp. Cô nghĩ bọn họ tổ chức cuộc thi để lôi kéo đám thanh niên tới trung tâm rồi tìm cách dụ chúng mua khóa học với giá cắt cổ. Có đến một nửa trong số các trung tâm đào tạo lái xe ở Chicago này làm thế, nhất là từ khi tiểu bang đưa ra quy định bắt buộc học viên phải học lái xe đủ ba mươi giờ thì mới được lấy bằng. Lili nói bạn ấy vẫn sẽ ghé qua đó một chuyến xem sao, nhưng nếu bạn ấy đến thật thì cũng không có cơ hội kể cho Gabby nghe. Lẽ ra cô nên đi cùng bạn ấy.

Gabby ngồi dậy trên giường.

Cô nhớ cảnh sát đã hỏi cô một câu. Lili liệu có chịu lên xe của người lạ không? Lúc đó cô trả lời là không, nhưng…

Cô chụm ngón tay lên tấm ảnh rồi phóng to cho đến khi nhìn thấy tên trung tâm: Designated Driver. Cô chỉ mất mười giây để tìm ra địa chỉ của họ.

Hai mươi phút sau, cô đã mặc xong quần áo và ra khỏi nhà. Mẹ cô thậm chí không nghe thấy tiếng cô đi.

CHƯƠNG 100

Porter

Ngày 4 • 8:24 sáng

“Tấp vào bên kia đi, cạnh tòa nhà ấy, Sarah. Tôi gọi cô là Sarah được chứ?”

Porter biết họ không nên mù quáng nghe theo mọi chỉ dẫn của mụ đàn bà này. Anh hiểu rõ như thế là sai lầm, vậy mà oái oăm thay, đó lại chính là những gì họ đang làm.

Họ rời khỏi trại giam, để mụ ta ngồi trên băng ghế sau quan sát họ, quan sát thế giới vụt qua ngoài cửa sổ.

Sarah làm theo lời mụ, cô quành chiếc BMW nhưng không phải vào một trong mấy ô trống phía trước tòa nhà, mà vào trong ngõ chạy song song bên hông nhà.

“Chuyển sang chế độ đỗ xe và nhấn còi hai lần.”

Tiếng còi vang vọng giữa hai tòa nhà ở hai bên, nghe như dư âm của một cú tát.

“Trông mặt anh hơi xuống sắc đấy, Thanh tra. Anh thử hít thở vài phút một lần xem. Cực kỳ có lợi cho hệ tuần hoàn.”

Porter lờ mụ đi.

Có người vừa bước ra khỏi con ngõ bên kia đường. Porter nhận ra người đó, chính là gã đàn ông đã tiểu bậy ở vỉa hè anh trông thấy hôm qua.

Chuyện đó thật sự mới chỉ xảy ra cách đây hai mươi bốn giờ thôi ư?

"Cho tôi mượn chìa khóa được không, Thanh tra?"

Porter suýt nữa hỏi chìa khóa gì, rồi anh sực nhớ ra tấm danh thiếp. Anh lấy nó ra khỏi túi rồi đưa cho mụ.

"Tôi cũng muốn xử lý luôn cả đống gông cùm ở tay chân."

"Để yên đây."

"Chúng ta còn cả một hành trình dài phía trước."

"Đời lắm khi rất nghiệt ngã." Porter lầm bầm.

Mụ lại mỉm cười, môi hơi cong lên. "Phải, có lẽ vậy."

Anh không thích nụ cười đó.

Không một chút nào.

Gã vô gia cư gõ lên cửa sổ xe, sau đó quay người và cẩn thận quan sát bên kia đường.

Porter nhìn mụ rút chiếc chìa khóa gắn trên mặt sau tấm danh thiếp, cúi xuống tháo thiết bị giám sát ở cổ chân. Cái hộp nhỏ lập tức kêu bíp bíp.

"Chẳng phải họ sẽ phát hiện ra à?" Sarah hỏi, quan sát qua gương chiếu hậu.

Jane Doe hạ cửa sổ xuống và đưa cái máy cho gã đàn ông đang đợi. Gã đeo nó vào cổ chân mình.

Tiếng bíp ngưng bặt.

Gã vô gia cư gõ lên nóc xe lần nữa rồi trở về ngõ đối diện, hai bên không nói với nhau nửa lời.

Porter nói: "Mấy thiết bị giám sát đeo ở cổ chân thực ra chẳng đáng tin như người ta tưởng đâu. Chúng lưu lại dữ liệu vào những lúc không thể kết

nối với trạm thu phát sóng, sau đó tải lên hàng loạt khi bắt tín hiệu trở lại. Các máy đời cũ lưu hành đã lâu thường báo cáo sai thông tin về những lần máy bị tháo ra. Đấy là kết quả của việc chịu nhiều rung chấn khi sử dụng lâu ngày, trong khi đúng ra thiết bị điện tử cần hạn chế rung chấn. Trung tâm kiểm soát thường đặt ra một khoảng thời gian giới hạn: nếu thiết bị thông báo xảy ra sự cố nào đó kéo dài trên một phút, chuông cảnh báo sẽ kêu, còn dưới một phút, nó sẽ bị bỏ qua. Chắc hẳn bọn họ đã cài chế độ giới hạn địa lý trước khi phóng thích bà ta. Chỉ cần bà ta không đi quá ranh giới đã định thì sẽ chẳng ai hay biết. Tôi trông thấy gã kia ngày hôm qua, đến tài xế lái taxi của tôi còn nói gã không phải người ở đây. Tôi đoán gã đã đợi chúng ta bấy lâu."

Sarah lắng nghe tất cả những điều anh nói, cô lo lắng liếc gương chiếu hậu rồi lại nhìn sang Porter.

Anh hỏi mà không buồn quay lại: "Chính xác thì chúng ta sẽ đi đâu?"

"Cậu bé của tôi chưa nói với anh à? Chicago, đương nhiên rồi. Tôi sẽ cho anh địa chỉ cụ thể khi nào gần đến nơi."

Lại là nụ cười đó.

Nụ cười tủm tỉm gian xảo.

"Giờ tôi muốn đọc thư của Anson. Có thể đưa cho tôi được không?"

Porter muốn nói "không".

Anh muốn bảo mụ đọc cái con khỉ, ngồi im đấy và ngậm mồm vào, nhưng anh không nói gì. Thay vì vậy, anh thò tay vào hộc để găng, lấy những trang giấy nhăn nheo ố vàng và ném ra đằng sau.

Anh nghe thấy tiếng mụ lom khom nhặt chúng lên, nhưng không ngoái nhìn.

Anh sẽ không nhìn.

"Chẳng phải còn cuốn nhật ký sao? Tôi thực sự rất nhớ những điều thằng bé viết."

Porter đóng hộc để găng, che đi con dao và cái mề đay trước khi mụ kịp nhác thấy, sau đó mở cuốn sổ đen trắng ở trang đang đọc dở. "Khi nào tôi đọc xong thì đến lượt bà."

Jane quay sang nhìn Sarah, ánh mắt hai người giao nhau trong gương chiếu hậu. "Tôi được biết Anson đưa ra hạn chót cho hai người là tám giờ tối nay. Tôi đề nghị chúng ta lên đường thôi. Đừng để nó đợi lâu. Thằng bé này nóng tính lắm. Tôi biết nó đang có trong tay nhiều "đồ chơi". Lẹ lên, lẹ lên."

Porter nói: "Cấm hở ra câu nào nữa trừ phi được hỏi. Rõ chưa?"

Jane đưa bàn tay bị còng lên môi, làm động tác khóa miệng trước khi quay lại với bức thư.

Sarah lo lắng liếc vào gương lần cuối, nhìn người đàn bà đang ngồi ở ghế sau, rồi cô lại cho xe lăn bánh ra đường, gạt cần số của chiếc BMW sang chế độ lái và tăng tốc. "Vậy là đến Chicago cơ đấy." Cô nói. "Còn gì vui hơn một chuyến du lịch đường trường bằng ô tô."

CHƯƠNG 101

Nhật ký

Hôm nay bác Sĩ Oglesby mặc áo len quả trám màu xanh lục, lại là với quần kaki. Tôi tưởng tượng đồ quả trám đang đua nhau mọc lên như nấm trong tủ quần áo của ông ta, những họa tiết hình thoi giúp chúng dần chiếm thế thượng phong so với đống đồ trơn và kẻ sọc. Liệu có thể xịt thuốc để tiêu diệt chúng không nhỉ? Biết đâu có cách khống chế được chúng. Thường xuyên mặc đồ quả trám thì sẽ tự nhiên thành bác sĩ tâm lý à? Nếu hằng ngày, thay vì mặc áo len, ông ta mặc áo thun Grateful Dead cùng quần đùi và đi dép tông, thì những lựa chọn đó có khiến ông ta trở thành một người khác không? Quần áo có làm tính cách ông ta thay đổi? Trang phục liệu có thể thay đổi bản tính con người? Hay ngược lại mới đúng? Trước hết là thay tính đổi nết, rồi từ đó mới nảy sinh ý muốn lựa chọn những trang phục thoải mái hơn. Tôi không…

"Anson? Đầu óc cháu đang để tận đâu vậy?"

"Cháu xin lỗi."

"Cháu không cần phải xin lỗi, không sao cả. Ta chỉ tò mò muốn biết tâm trí đưa cháu đến nơi nào khi cháu rời khỏi căn phòng này thôi."

"Cháu ở ngay đây. Không đi đâu cả."

"Thể xác cháu đúng là đang ở đây, nhưng tâm trí thì trôi đến chốn nào xa tít mù khơi. Vừa rồi cháu nghĩ gì thế?"

Cặp kính lại được tháo ra, treo lủng lẳng trên cổ ông ta.

"Bạn nữ ở cùng dãy hành lang với cháu là ai vậy ạ?"

"Bạn nữ nào?"

"Cách phòng cháu hai căn ấy."

Nghe thấy thế ông ta nhíu mày. "Cháu gặp bạn ấy rồi à?"

Lại đeo kính lên, ghi chép gì đó vào sổ.

Tôi lắc đầu. "Cháu hay nghe tiếng bạn ấy khóc. Bạn ấy có vẻ rất buồn."

"Điều đó có làm cháu buồn không?"

"Cứ phải buồn mới được ạ?"

"Cháu có bao giờ khóc không, Anson?"

Điều ấy khiến tôi phải suy nghĩ, có lẽ đây là câu hỏi thú vị đầu tiên ông bác sĩ đặt ra cho tôi kể từ hôm tôi tới trung tâm này. Tôi chẳng nhớ lần cuối cùng mình khóc là khi nào. Cha có dạy tôi khóc, chỉ cần tôi muốn là có thể khóc, chỉ cần búng tay một cái tôi cũng có thể nặn ra được nước mắt, nhưng tôi không nhớ có bao giờ tôi cảm thấy cần phải khóc, ngay cả cái lần… không, không phải vụ đó. Tôi sẽ không nghĩ đến vụ đó. Lần cuối tôi khóc hình như là sau chuyện với lũ chó con của Ridley. Mà tôi cũng không muốn nhắc đến lũ chó con, không phải bây giờ, không bao giờ. Cha từng nói với tôi rằng có thể tôi biết phải khóc thế nào, nhưng đàn ông đích thực thì không. Đàn ông đích thực không bao giờ khóc. Dirty Harry còn gì là nguy hiểm nếu anh ta òa lên khóc khi đang chĩa súng vào lũ người xấu, hoặc tệ hơn nữa là khi bọn chúng chĩa súng vào anh ta.*

"Lúc cháu biết mình đơn độc, lúc cháu nhận ra cha mẹ đều đã ra đi, để lại cháu một thân một mình, cháu có khóc không?"

"Có ạ."

Tôi nói thế chẳng qua vì tôi biết đấy là điều ông ta muốn nghe, là câu trả lời đúng. Tôi không nhỏ dù một giọt nước mắt, làm thế cũng vô ích. Khóc lóc chẳng được tích sự hay thay đổi được gì. Khóc lóc chỉ tổ phí thời gian. Tôi không lãng phí thời gian. Tôi không để cảm xúc điều khiển mình.

"Thế mà từ hôm đến đây, cháu có khóc tí nào đâu."

Lại bỏ kính xuống.

"Khóc không có gì đáng xấu hổ cả, Anson ạ. Những cảm xúc bộc phát trước các tình huống và kích thích đến từ môi trường xung quanh sẽ giúp cơ thể con người đương đầu với hoàn cảnh khó khăn mà chúng ta đang gặp phải. Dồn nén, tích tụ cảm xúc, giấu kín chúng trong lòng, đó có thể là việc làm nguy hiểm. Cháu đã bao giờ lấy một lon soda, lắc thật mạnh rồi mở nắp chưa?"

"Cháu không uống soda."

"Lắc lon soda có thể khiến khí ga bên trong trở nên kích động. Khi mở lon, sự kích động đó sẽ được giải tỏa. Nếu cháu không mở, toàn bộ năng lượng sẽ bị giữ lại bên trong và có thể gây hại, những phân tử va chạm với nhau, càng lúc càng giận dữ khi chúng nhận ra mình đang mắc kẹt, không có nơi nào để đi. Lắc lon nước lên rồi bỏ đó một thời gian, đến cuối cùng khi cháu mở ra, soda sẽ có vị rất tệ."

"Soda không tốt cho sức khỏe."

"Bạn nữ ở cùng dãy hành lang với cháu, bạn ấy khóc là bởi bạn ấy vừa trải qua một chuyện rất khủng khiếp. Ta không thể tiết lộ chuyện riêng của bệnh nhân khác, chỉ biết rằng những gì xảy đến với bạn ấy là điều không ai có thể tưởng tượng nổi, một điều ta không muốn bất cứ người nào phải gánh chịu, ngay cả người bốc phét hoặc nói dối ta. Bạn ấy khóc là vì khóc

giúp bạn ấy cảm thấy khá hơn. Bạn ấy khóc vì khóc giúp bạn ấy chữa lành tổn thương. Đó là phản ứng rất tự nhiên, phản ứng nên có. *Người nào không khóc mới khiến ta lo, lo hơn nhiều so với cô bé kia. Dù không muốn nhưng ta không thể không lo lắng cho cháu, Anson ạ."*

"Cháu không sao đâu."

"Ừm…" Bác sĩ Oglesby đứng dậy, đi vòng qua bên kia bàn. Ông ta mở ngăn kéo trên cùng bên trái và lấy ra một cái túi nhựa ziploc. Bên ngoài có chữ nhưng tôi không nhìn rõ được dòng chữ ấy viết gì. Trong túi là con dao gấp Ranger Buck của tôi.

Ông ta đặt cái túi lên mặt bàn ngăn cách giữa hai chúng tôi, rồi lại đi vòng qua đó để về chỗ ngồi. Ông ta dùng bút gảy nhẹ cái túi, khiến nó khẽ xoay. "Con dao đẹp đấy, Anson. Cha cháu tặng cháu à?"

"Vâng."

"Hẳn là cháu muốn lấy lại nó."

"Vâng."

"Nếu ta giữ nó thì sao? Hoặc là vứt đi? Ta thậm chí còn có thể tặng cho người nào đó trong đám nhân viên ở đây. Con dao đẹp thế mà bỏ đi thì thật dại dột."

"Ông không có quyền sở hữu nó."

"Không ư? Ta nghĩ là có đấy. Người chiếm hữu là người có quyền. Cháu đã nghe câu nói này bao giờ chưa? Cảnh sát giao con dao cho ta giữ. Nó là một thứ vũ khí. Ta không nghĩ một cậu bé như cháu lại được phép sở hữu vũ khí."*

Ánh mắt tôi dán chặt vào ông ta.

Tôi muốn nhìn con dao, nhưng đó cũng chính là điều ông ta muốn tôi làm. Tôi sẽ không để cho ông ta được toại nguyện đâu, còn lâu.

Ông ta gảy cái túi lần nữa rồi ngả ra lưng ghế. "Nếu ta trả con dao cho cháu, cháu định sẽ làm gì với nó? Liệu ta có gặp nguy hiểm không? Các nhân viên của ta có cần phải lo lắng không? Một cậu bé không biết khóc dùng một con dao như thế để làm gì?"

Trong cái túi nhựa kia còn thiếu một vật, một thứ tôi vô cùng muốn hỏi ông ta, nhưng tôi biết mình không thể hỏi. Tấm ảnh chụp mẹ và cô Carter lúc trước cũng ở trong túi của tôi. Tấm ảnh ấy đâu rồi?

Tôi tưởng tượng bác sĩ Oglesby cầm tấm ảnh trong bóng tối, quan sát tỉ mỉ từng chi tiết, những ý nghĩ bẩn thỉu vụt qua trong cái đầu bé nhỏ của ông ta. Những ý nghĩ bẩn thỉu chắc chắn được ông ta lau sạch bằng một cái áo len quả trám bỏ đi.

Không thể chấp nhận được.

Tuyệt đối không.

Tôi nhìn con dao. "Nó có thể thay thế cho tua-vít, cháu cũng hay dùng để mở hộp giấy. Thỉnh thoảng cháu còn cạo vỏ cây già, cạy sỏi bám ở lốp xe của cha và của mẹ. Dao bỏ túi rất hữu ích khi mang theo bên mình, nhưng nếu tạm thời ông muốn giữ lại con dao của cháu, nếu điều đó khiến ông cảm thấy yên tâm hơn, thì cũng không sao."

Bác sĩ Oglesby mỉm cười. "Ta mừng vì cháu đồng ý, Anson. Và cháu nói rất đúng. Hồi bằng tuổi cháu, ta cũng có một con dao xếp đa năng Thụy Sĩ. Đi đâu ta cũng mang nó theo."

Cha từng có lần nói với tôi rằng dao xếp đa năng Thụy Sĩ là đồ bỏ, vừa dày vừa nặng vì chứa những thứ vô tích sự. Đàn ông đích thực chỉ cần một

con dao bình thường là đủ. Gã nào cảm thấy cần mang theo dụng cụ mở nút chai, kéo và cả tăm xỉa răng bằng kim loại trong túi, gã đó đúng là không biết tùy cơ ứng biến. Đó là loại đàn ông khóc nhè. Dirty Harry không bao giờ mang dao xếp Thụy Sĩ. Nhưng tôi không nói thế, vì ông bác sĩ có vẻ hài lòng với câu trả lời vừa rồi của tôi.

Ông ta gãi một bên mũi, săm soi ngón tay, rồi lại hất hàm về phía cái bàn. "Cháu biết không, Anson, trước khi đưa cho ta con dao kia, cảnh sát đã làm một loạt xét nghiệm với lưỡi dao. Ta không rõ chính xác thì họ muốn tìm kiếm thứ gì, nhưng có điều gì đó thôi thúc họ kiểm tra con dao của cháu rất kĩ."

Lúc này đây, tôi chợt nghĩ đến chú Carter, nghĩ đến chuyến đi cuối cùng của chú ấy ra hồ. Cha đã cắt chú ấy ra thành nhiều phần nhỏ, bọc lại cẩn thận trong túi nylon, rồi giao cho tôi nhiệm vụ vứt những phần đó xuống đáy hồ. Tôi dùng dao của mình rạch từng túi trước khi ném đi, buộc đá vào để chúng chìm xuống. Cho bọn cá nếm mùi một chút, cha bảo tôi thế.

"Cháu có biết họ tìm được gì không, Anson?" Ông ta cầm kính lên, nhưng rồi lại đổi ý và rướn người về phía trước. "Con dao của cháu đã được kì cọ và ngâm bằng thuốc tẩy, không chừa chỗ nào. Chẳng khác gì dao mới. Cháu nói chỉ dùng nó vào những việc như mở hộp, cạy sỏi, cạo vỏ cây, và thỉnh thoảng thay cho tua-vít, thế mà cháu lại cần đến thuốc tẩy để lau rửa thì thật lạ. Ta nghĩ cảnh sát cũng rất tò mò đấy."

"Cháu thích giữ cho lưỡi dao luôn sạch sẽ."

Nghe thấy thế ông ta không nói gì, một lúc lâu ông ta không nói gì, sau đó: "Phải, có lẽ vậy."

Mười phút sau, ông ta dẫn tôi rời khỏi phòng làm việc, đi qua hành lang để về phòng tôi.

Y tá Gilman luôn mỉm cười với tôi mỗi lần ông bác sĩ dẫn tôi đi qua phòng y tế. Hôm nay tôi mỉm cười đáp lễ, sau đó cúi xuống chỉnh lại dép đi trong nhà, đôi dép hơi rộng nên thỉnh thoảng tuột ra khỏi chân tôi.

CHƯƠNG 102

Clair

Ngày 4 • 8:28 sáng

Không ngờ Kloz đoán trúng phóc, tên lỏi con này.

Tính đến giờ, anh ta đã xác định được thêm tám bản cáo phó viết cho tám nhân viên làm việc tại Bệnh viện John H. Stroger Jr., những người vẫn còn sống nhăn.

Sau khi Kloz đối chiếu và tìm ra tên họ của những nhân viên đó, Clair phối hợp với phòng Nhân sự của bệnh viện để liên lạc với từng người, thông báo tình hình và điều xe đến đón họ.

Cô mất gần cả đêm để triệu tập họ tới đây, tới bệnh viện này. Mỗi người đều được dặn không mang theo bất cứ thứ gì - không đồ ăn, không vật dụng vệ sinh cá nhân, không sách vở, không điện thoại di động, không một tài sản cá nhân nào ngoài bộ đồ đang mặc. Mọi thứ sẽ được cung cấp khi họ đến. Những người có gia đình cũng phải dẫn người nhà theo. Không ai được phép gọi điện, cả trước khi đi lẫn sau khi đến.

Cô tập hợp tất cả tại đây, tại căng-tin bệnh viện.

Bọn họ tức điên.

Cảm giác tù túng chẳng mấy chốc khiến con người ta bức bối, đám nhân viên hầu hết đều mong mỏi giờ làm việc của mình đến nhanh để có thể rời khỏi phòng. Vợ chồng, con cái họ thậm chí còn khó chịu hơn, nhưng cách này là hợp lý nhất rồi. Căng-tin nằm ở vị trí trung tâm của bệnh viện, dễ bề

canh gác. Không thiếu đồ ăn và chỗ ở. Cô không thể dồn từng ấy người vào chung một nhà trú ẩn, hay kể cả là nhiều nhà đi nữa. Nguồn lực của Sở không đủ khả năng bao quát được hết.

Cô nhìn thấy Nash bước vào ở đầu phòng đằng xa, anh trông thấy cô và băng qua căng-tin, đưa mắt quan sát khung cảnh trông đã bắt đầu mang dáng dấp của một trại tị nạn.

"Đã tìm ra danh tính của cậu bé trong xe tải." Anh nói với cô. "Cậu ta tên Wesley Hartzler, thành viên hệ phái Nhân chứng Jehovah. Mất tích hôm qua. Cậu ta đến dự lễ lúc sáng sớm, sau đó bọn họ chia nhau ra đi khắp thành phố để tuyển mộ thành viên."

"Họ có biết cậu ta đến những đâu không?"

Nash lắc đầu. "Họ không lên kế hoạch cụ thể hay gì hết. Nghe có vẻ hoàn toàn vô tổ chức. Tất cả cứ thế đổ xô đi, mỗi người một hướng."

"Cậu ta đi một mình à?"

"Cậu ta đi cùng một cô bé tên là Kati Quigley. Tôi vừa nói chuyện điện thoại với mẹ cô bé. Cô bé cũng đang mất tích. Sở đã phát thông báo tìm trẻ em. Tôi đã yêu cầu bố mẹ của cả hai đến đây để chúng ta lấy lời khai. Tôi nghĩ như thế sẽ nhanh hơn. Còn nữa." Anh nói. "Eisley cho biết cậu bé tử vong do chấn thương sọ não. Trong phổi không có nước."

"Vậy là cậu ta không bị tra tấn?"

"Tôi nghĩ cậu ta chỉ là một chướng ngại vật, hung thủ giữ lại cô bé kia."

Clair mở ứng dụng Ghi chú trên điện thoại và xem lướt qua danh sách tên Kloz gửi cho. "Không có bản cáo phó nào viết cho người mang họ Quigley hoặc Hartzler."

Nash nhún vai. “Có thể cả hai đứa trẻ đều là chướng ngại vật. Hai thành viên Nhân chứng Jehovah xuất hiện trước cửa nhà hắn, hoàn toàn không báo trước, rồi vô tình trông thấy điều gì đó lẽ ra không nên thấy…” Giọng anh nhỏ dần, nhưng Clair hiểu ý anh. Cô đưa mắt nhìn quanh phòng. Trong số tám nạn nhân trong tầm ngắm mà Kloz tìm ra, bốn người có con. Con cái họ đã được tập hợp đông đủ. Tất cả đều đang ở đây.

Nash dõi mắt theo hướng cô đang nhìn. “Nếu hắn bắt cô bé, thì đó là vì cô bé chẳng may xuất hiện đúng lúc, chứ không phải vì chúng ta khiến hắn không thể ra tay với một trong những đứa trẻ kia. Việc ta tìm thấy thi thể cậu bé chứ không phải cô bé khiến tôi cho rằng cô bé vẫn còn sống.”

“Hắn có thể đang tra tấn cô bé ngay lúc này đây.”

“Chúng ta sắp tìm ra hắn rồi.”

“Hai đứa đi bộ à? Anh cử đội tuần tra bắt đầu đi từ điểm xuất phát của hai đứa trẻ, rồi chia nhau ra đến gõ cửa từng nhà. Nhớ bảo họ đi theo cặp, không thể để ai đó một thân một mình vô tình đụng trúng Bishop hoặc hung thủ.”

“Họ đang làm rồi. Nói chuyện với Eisley xong, tôi gọi ngay cho Ban Điều phối. Giờ tôi cũng tới đó đây.”

Clair gật đầu, rồi cô quay số của Đặc vụ Poole.

Ở một nơi cách đó một ngàn một trăm bốn mươi cây số, Đặc vụ Poole bắt máy sau hồi chuông thứ hai. Clair báo cho anh ta biết tin tức về Wesley Hartzler, đồng thời nói rằng cả đội đã xác định được toàn bộ nạn nhân trong tầm ngắm của Bishop và đã đưa họ đến bệnh viện bình an vô sự.

“Sau khi chúng ta nói chuyện xong, tôi muốn cô gọi cho Đặc vụ Toàn quyền Hurless. Ông ấy là chỉ huy của tôi. Báo cho ông ấy về việc cử người

đi kiểm tra từng nhà. Ông ấy có thể huy động thêm nhân lực để hỗ trợ các cô." Poole nói.

Clair cảm thấy đám người trong căng-tin đang quan sát mình, nhất cử nhất động của cô đều bị cặp mắt của những người cô đưa tới đây ghi lại. Cô đi ngang qua hai sĩ quan đứng gác ở cổng căng-tin và bước ra ngoài hành lang. "Chúng ta đã phá ngang màn chơi cuối của Bishop. Thế nào hắn cũng báo thù cho xem."

"Không thể nghĩ như thế được. Cô cần tập trung vào việc bảo đảm an toàn cho những người đó. Chúng ta sẽ tìm ra hắn thôi." Đầu dây bên kia có tiếng sột soạt nghe như Poole đang lật qua các trang giấy. Anh ta hạ giọng thì thào. "Tôi tìm thấy thêm năm thi thể dưới cái hồ đó, Thanh tra ạ. Có khi còn thi thể thứ sáu nữa. Bị cắt xẻ. Các phần được bọc trong túi nylon và buộc đá vào cho chìm xuống, cứ thế phân hủy dưới nước."

"Trời."

"Tôi lấy được cuốn nhật ký rồi. Porter để lại nó cho tôi." Lại có thêm tiếng sột soạt, sau đó anh ta nói tiếp. "Hòm thư của ngôi nhà gần hồ đề tên "Bishop". Giờ tôi đang ở văn phòng thẩm định nhà đất của quận để tra cứu hồ sơ."

Clair nói: "Chúng tôi tìm thông tin về nhà hắn cách đây vài tháng nhưng không thu được kết quả. Do không có cơ sở dữ liệu quốc gia nên chúng tôi kiểm tra một vài quận có vẻ khả thi. Những quận có dữ liệu lưu trữ điện tử thì hầu hết là các hồ sơ sau này, mà người mang họ Bishop thì nhiều vô kể. Chúng tôi giới hạn tìm kiếm trong phạm vi Illinois và các bang kế cận, chứ chưa bao giờ nghĩ là phải tìm ở Nam Carolina."

"Ừ thì, đôi khi cũng đành chịu khó đào bới theo kiểu cổ…" Giọng anh ta nhỏ dần rồi ngưng bặt.

“Anh tìm được gì rồi à?”

Không có tiếng trả lời.

“Đặc vụ Poole?”

“Sam có bất cứ mối liên quan nào với Nam Carolina không?”

“Hồi… hồi mới vào ngành, hình như anh ấy làm ở Charleston, sau đó chuyển tới Chicago. Mà sao?”

“Anh ấy chuyển tới Chicago vào năm nào?”

“Sao anh lại hỏi thế?”

Poole thở hắt ra một hơi, những lời thốt ra nghe thật nặng nề. “Khu đất có hồ nước và hai ngôi nhà gần đó, tất cả đều đứng tên anh ấy.”

CHƯƠNG 103

Gabby

Ngày 4 • 8:49 sáng

Gabby Deegan bước xuống chiếc xe buýt số 57 đỗ ở đường West Roosevelt và đi bộ dưới trời tuyết qua ba khu nhà để tới trung tâm đào tạo lái xe Designated Driver, hai lần suýt trượt ngã trên vỉa hè phủ đầy băng.

Tòa nhà không lớn lắm, một công trình thấp bè, vuông vắn với mái bằng, xung quanh là nửa tá xe hatchback cỡ nhỏ sơn trắng, thân xe in logo của Designated Driver và mấy chữ XE TẬP LÁI đỏ chót dán chi chít. Dàn ô tô bị tuyết phủ trắng, thời tiết hẳn là đã khiến chúng bị cho ra rìa.

Gabby kéo mở cửa trước, gồng mình chống chọi trong gió và bước vào. Một người phụ nữ khoảng trên dưới năm mươi lăm tuổi ngẩng lên khỏi tờ báo *Tribune* đang đọc, cau mày nhìn cô. "Hôm nay trung tâm đóng cửa, cô bé ạ. Tôi chỉ đến giải quyết một số giấy tờ thôi. Tôi có thể đặt lịch hẹn cho cháu vào tuần tới, khi thời tiết tốt lên."

Gabby tháo găng tay, bỏ mũ ra trong lúc tiến lại gần quầy tiếp tân. Trong này có mùi như cà phê cháy. "Thực ra cháu đến không phải để đặt lịch hẹn."

Vẻ mặt người phụ nữ càng thêm cau có. Bà ta lại cúi xuống, tiếp tục đọc báo. "Hừm, vậy chúng tôi cũng không có nhu cầu mua gì đâu."

"Cháu nghĩ một người bạn của cháu đã tới đây vài hôm trước. Cháu đang cố tìm bạn ấy." Cô mở ảnh chụp Lili Davies trong điện thoại và giơ ra

trước mặt người phụ nữ.

Bà ta ngước lên nhìn vào mắt Gabby, trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, cô cứ nghĩ chắc bà ta sẽ lại đuổi cô đi. Thế rồi bà ta đặt tờ báo xuống và nhìn vào điện thoại. “Cô bé xinh xắn quá, trông quen quen.” Bà ta cầm lấy chiếc di động, giơ sát mặt và nheo mắt nhìn. “Không hiểu bọn trẻ các cháu làm thế nào mà dùng được mấy thứ bé tẹo này. Máy của tôi cứ phải to như máy tính bảng ấy.”

“Có thể bạn ấy tới đây hồi đầu tuần.”

Người phụ nữ nghiêng đầu. Bà ta liếc tờ báo, sau đó trả điện thoại cho Gabby và lại cau mày. “Tôi không biết cô đang định giở trò gì, nhưng tôi không thích thế đâu.”

“Cháu không…”

Người phụ nữ ngồi sau quầy tiếp tân cầm tờ báo lên, gấp đôi trang bìa rồi đặt trước mặt Gabby. “Tôi nên gọi cảnh sát, báo cáo việc cô đang làm.”

Gabby cúi nhìn tờ *Tribune số* ra sáng nay. Ảnh Lili chình ình ở trang bìa cùng chân dung hai cô gái khác mà cô không quen. Ngoài ra còn có ảnh một cậu con trai. Tờ báo giật tít: SÁT NHÂN CƯỚP ĐI SINH MẠNG THỨ BA, MỘT NGƯỜI NỮA MẤT TÍCH. CẢNH SÁT BÓ TAY.

“Bạn ấy có đến đây không ạ?”

“Dĩ nhiên là không, nếu thế tôi phải nhớ chứ. Cô mà đi tung tin đồn nhảm về chuyện này, luật sư của chúng tôi sẽ gọi điện cho bố mẹ cô.”

Gabby muốn truy hỏi đến cùng, muốn hét vào mặt người phụ nữ kia, bắt bà ta kiểm tra lại sổ sách, nhưng cô không làm vậy. Ánh mắt cô dán chặt vào xấp danh thiếp trên mặt quầy bên cạnh bà ta. Cô lấy một cái, đeo găng và đội mũ lên, rồi đẩy cửa bước ra ngoài trời lạnh giá.

Ra đến bên ngoài, cô lại mở tấm ảnh Lili gửi cho trên điện thoại. Cô phóng to tấm ảnh, tập trung vào chiếc iPad trong tay Lili và dòng thông báo bạn ấy là người chiến thắng, sau đó cô nhìn tấm danh thiếp, rồi nhìn mặt tiền tòa nhà.

Số điện thoại trên danh thiếp, trên mặt tiền, và cả những chiếc ô tô, đều có đuôi là 0000. Nhưng số máy hiện trên iPad của Lili, số máy bạn ấy được yêu cầu gọi đến để nhận giải, thì hoàn toàn khác, ngay đến mã vùng còn chẳng giống.

Gabby gọi vào số điện thoại Lili được cung cấp, áp chặt chiếc di động lên tai, chặn tiếng gió ù ù thổi. Chuông reo đến hồi thứ năm thì có người nhấc máy. Cô có thể trông thấy người phụ nữ ngồi trong tòa nhà nhỏ, bà ta vẫn mải mê đọc báo.

"Trung tâm đào tạo lái xe Designated Driver xin nghe, tôi có thể giúp gì cho anh chị?" Giọng nói cất lên ở đâu dây bên kia nghe khàn khàn, là giọng đàn ông. Ông ta khó phát âm chữ *X* trong từ *xe* và từ *xin.*

CHƯƠNG 104

Poole

Ngày 4 • 8:50 sáng

"Tôi không cố ý nghe lỏm cuộc điện thoại vừa rồi của anh, nhưng đã lỡ nghe rồi nên tôi muốn hỏi, Sam là ai vậy?"

Cảnh sát trưởng Hana Banister ngồi trên ghế đẩu đối diện với Poole, hồ sơ và hộp la liệt trên mặt bàn giữa hai người. Bà đã xin lỗi anh rất nhiều lần vì hồ sơ ở đây không được vi tính hóa. Quận này đã nhỏ thì chớ, ngân quỹ còn nhỏ hơn, cứ mỗi lần đề xuất số hóa được đưa ra thì một nhu cầu khác cấp bách hơn lại nảy sinh, đòi hỏi nguồn chi ngân sách, vậy là kế hoạch nhập dữ liệu cũ vào hệ thống hồ sơ điện tử - vốn chỉ lưu trữ hồ sơ những năm gần đây - lại bị phủ quyết.

Poole đã xếp các giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thành một chồng ngay ngắn bên cạnh, tên của Porter đập vào mắt anh. "Thanh tra Sam Porter của Sở Cảnh sát Chicago. Anh ta là người đứng đầu tổ điều tra chuyên án 4MK, cho tới gần đây."

"Đã xảy ra chuyện gì, gần đây ấy?"

Poole không thể, chưa thể, nói với bà ấy được. Anh còn chưa biết chắc vấn đề đang phải giải quyết là gì. "Anh ta để vụ án tác động xấu đến mình, để việc công trở thành việc riêng." Kiểm tra xong chiếc hộp hiện tại, Poole đẩy nó sang một bên. "Tôi không thấy tên anh ta xuất hiện trong bất cứ giấy tờ nào khác, ngoài giấy chuyển nhượng kia."

Banister ngồi thẳng người lên, cố ghìm một cái ngáp. “Cái tên Porter nghe chẳng quen chút nào, mà tôi sống ở đây từ bé đấy nhé. Tôi thậm chí còn chào đời tại phòng khám nằm cách văn phòng này đúng bốn nhà. Cộng đồng dân cư trong vùng gắn bó khá mật thiết, chủ yếu làm nông. Những năm qua, một vài gia đình bán đất cho các công ty phát triển bất động sản, nhưng tôi nghĩ tôi biết rõ người dân quanh đây. Tụi thanh niên mới lớn thích quậy phá thì cũng có, nhưng chủ yếu là vì không có nhiều thú vui cho lắm. Trước buổi sáng ngày hôm nay, vụ giết người mới nhất xảy ra tại quận này là cách đây sáu năm, hồi đó vợ Edison Lindley tự tay chấm dứt thói trăng hoa của ông chồng bằng một thìa đầy thạch tín pha vào bát xúp. Xong việc, bà ấy gọi điện tự thú, tôi đến nơi thì thấy bà ấy ngồi chờ ở hiên nhà với một cốc nước chanh. Không hẳn là vụ án tầm cỡ thế kỷ.”

Poole nói: “Vừa rồi chị nhắc đến các công ty phát triển bất động sản. Chị có biết đến cái tên Arthur Talbot hay Tập đoàn Talbot không?”

“Tôi biết, nhưng chỉ qua báo đài, chuyện xảy ra với ông ta thật kinh khủng. Nếu ông ta để mắt đến đất đai trong vùng thì tôi đã nghe tin từ tòa thị chính. Thường thì những vụ mua bán bất động sản sẽ được đưa ra thảo luận trước khi tôi đệ trình báo cáo tình hình tội phạm.” Banister giơ cao một tập hồ sơ cỡ lớn. “Tìm ra rồi.”

“Tìm ra cái gì ạ?”

“Báo cáo về vụ hỏa hoạn thiêu rụi ngôi nhà chính ở gần hồ.”

Bà đặt hồ sơ lên bàn rồi mở ra xem. “Tháng Tám năm 1995. Khá lâu trước khi tôi nhậm chức. Kết luận tại chỗ được đưa ra là cố ý gây hỏa hoạn. Báo cáo do Tom Langlin viết. Giờ ông ấy đã nghỉ hưu nhưng vẫn sống ở quận này. Tôi có thể lái xe đưa anh đến nhà ông ấy nếu anh thấy cần. Theo như báo cáo, toàn bộ khu vực hiện trường nồng nặc mùi xăng. Lúc xe cứu

hỏa đến nơi thì ngôi nhà đã cháy rụi. Họ tìm thấy ba thi thể bên trong, đều là nam giới. Nguyên nhân tử vong không thể xác định do thi thể bị hủy hoại nghiêm trọng trong vụ cháy. Một người sống sót, Anson Bishop, mười hai tuổi. Cậu ta ra hồ câu cá và quay về khi thấy khói bốc lên. Cảnh sát tin rằng một trong ba thi thể được tìm thấy là của bố cậu ta. Mẹ cậu ta bị nghi là thủ phạm, có vẻ như bà ta đã biến mất. Họ đăng tin về bà ta trên đài nhưng không tìm ra tung tích. Cái nhà xe di động ở sân sau ngôi nhà chính là của vợ chồng Simon và Lisa Carter thuê lại. Bọn họ cũng mất tích sau vụ cháy. Cũng không có tin tức gì về họ. Cậu bé được đưa tới Trung tâm Điều trị Camden cách đây không xa lắm."

"Cho tôi xem được không?"

Bà đưa tập hồ sơ cho anh.

Điện thoại của Poole reo vang. Anh nghe máy ở chế độ loa ngoài.

"Frank à? Granger đây. Tôi vừa nói chuyện với Hurless và báo tình hình cho ông ấy. Đội thợ lặn vẫn đang sục sạo dưới hồ, nhưng tôi nghĩ là tìm được hết rồi. Năm thi thể đầy đủ và ít nhất một thi thể bị chia nhỏ ra các túi. Số lượng túi chỉ đủ cho một người, nhưng cũng có thể đến từ nhiều nguồn khác nhau. Giờ chưa thể khẳng định được, phải đợi bên pháp y xem qua đã. Tôi sẽ cho chuyển tất cả về Charlotte, phòng thí nghiệm gần nhất chúng tôi có."

"Cảm ơn anh. Phát hiện được gì mới thì anh báo cho tôi nhé. Nếu không liên lạc được với tôi thì anh cứ gọi cho Hurless."

"Giờ tôi đang đứng trước tàn tích của ngôi nhà. Rõ ràng ở đây đã xảy ra hỏa hoạn. Nhân viên của tôi đã cố gắng tra cứu hồ sơ, nhưng hiện không tìm thấy thông tin gì cả."

“Tôi đang cầm hồ sơ đó đây. Tôi sẽ nhờ Cảnh sát trưởng Banister scan rồi gửi qua e-mail cho anh.”

“Trong đó viết gì?”

Poole nhắc lại những điều Banister đã nói.

“Cái nhà xe di động không bị cháy, và xem ra mới đây có người đã vào bên trong. Phòng ngủ ở cuối xe bị xới tung, ai đó đã di chuyển cái giường và cạy ván sàn. Chúng tôi tìm thấy một chiếc ba lô đầy quần áo. Vài vật dụng cắm trại. Nó bị vứt bừa bãi khắp phòng. Có người đang tìm kiếm thứ gì đó.”

Poole liếc cuốn nhật ký nằm sát mép bàn. “Tôi nghĩ người đó chính là Thanh tra Porter.”

“Chẳng rõ anh ta tìm thấy thứ mình muốn chưa. Chúng tôi cũng đang cho chuyển tất cả về Charlotte. Chúng tôi sẽ chụp ảnh toàn bộ nơi này. Tôi sẽ cố gắng điều máy móc hạng nặng tới đây để dỡ tàn tích của ngôi nhà. Tuy chuyện xảy ra cách đây đã lâu nhưng có thể ta sẽ tìm được thứ gì đó giúp truy ra các thi thể dưới hồ.”

Điện thoại của Poole rung lên trên bàn. Tên người gọi hiện trên màn hình. “Đặc vụ Toàn quyền Hurless đang gọi đến ở đường dây khác. Tôi phải cúp máy đây. Nhớ cập nhật tình hình cho tôi nhé.”

“Nhất trí.”

Poole vuốt màn hình và nghe máy. “Đặc vụ Poole nghe.”

“Frank. Tôi nghĩ chúng ta có manh mối rồi. Anh sẽ cần lên máy bay đây.”

“Manh mối gì ạ?”

“Anh nói không sai về vụ quản giáo trại Stateville. Tôi vừa trao đổi với giám thị. Chúng tôi đã tìm ra quản giáo từng bị nghi ngờ tuồn thông tin vào cho Libby McInley, nhưng vì họ không chứng minh được gì nên anh ta không bị truy cứu. Một thời gian ngắn sau khi xảy ra chuyện, anh ta xin chuyển công tác. Đoán xem anh ta chuyển đến đâu?”

“Đến đâu ạ?”

“New Orleans.”

Chiếc điện thoại “rác” của Porter.

“Đó chính là mối liên hệ với Porter mà ta đang tìm. Có bằng chứng nào cho thấy hai người họ quen biết hay thông đồng với nhau không ạ?”

“Hiện tại thì chưa có gì, nhưng tin này tôi cũng vừa mới nhận được thôi. Tôi sẽ cho người tra cứu ngay.” Hurless nói. “Tên anh ta là Vincent Weidner. Lúc này anh ta đang làm việc, bốn giờ chiều nay mới hết ca. Anh cần phải đến đó. Giám thị trại Orleans nói ông ta sẽ cố gắng cầm chân anh ta, giữ anh ta lại sau khi hết ca nếu cần. Họ sẽ không nói gì với anh ta cho tới khi anh đến, không thể để ai đó mách cho anh ta. Granger đã nói với tôi về những gì họ phát hiện được dưới hồ. Chúng ta cần tìm hiểu xem gã quản giáo này biết gì và nhanh chóng truy tìm Porter. Anh ta dính líu khá sâu trong vụ này.”

Poole kể cho ông ta biết về hồ sơ nhà đất.

“Anh mau tìm anh ta đi. Không được để lộ bất cứ điều gì đâu đấy. Tôi không muốn giới truyền thông công bố những tin chưa rõ thực hư.”

“Rõ, thưa sếp.”

“Tôi có nói chuyện với Thanh tra Norton. Tôi đã cử bốn đội đến giúp họ đi thẩm vấn từng nhà. Tôi cũng sẽ gọi cho ông đại úy sếp của Porter. Ông ta

cần phải biết chuyện gì đang diễn ra. Chúng ta gần đến đích rồi, Frank ạ.”

“Vâng.”

Hurless cúp máy.

Poole ngước nhìn Cảnh sát trưởng Banister. “Chị có thể đưa tôi ra sân bay ở Greenville không?”

Bà gật đầu.

Poole đưa cho bà tấm danh thiếp của mình. “Nếu chị phát hiện được bất cứ điều gì khác, hãy gọi cho tôi hoặc Đặc vụ Toàn quyền Hurless nhé. Số của ông ấy có in ở mặt sau đấy. Và hãy gửi hồ sơ đó cho Granger ngay khi có thể.”

Vớ lấy cuốn nhật ký, anh dợm bước đi ra cửa. Anh sẽ đọc nó trên máy bay.

CHƯƠNG 105

Nhật ký

Ba giờ bảy phút sáng.

Tôi nằm thao thức.

Đứa con gái cách phòng tôi hai căn lại khóc, cô ấy khóc dữ lắm.

Tôi chong chong nhìn lên trần.

Con dao của tôi hẳn là lại được cất vào ngăn kéo bàn làm việc của bác sĩ Oglesby rồi.

Cùng với tấm ảnh ư?

Tôi không chắc lắm về điều này. Tôi nghĩ bác sĩ Oglesby sẽ giữ tấm ảnh bên mình. Tôi muốn xem nó. Nếu nhắm mắt, tôi có thể hình dung ra tấm ảnh, rõ nét đến từng chi tiết. Không khó để hồi tưởng lại cảnh thân thể cô Carter quấn quýt trong chăn, nằm bên cạnh mẹ. Tôi ghi nhớ hình ảnh đó một cách dễ dàng chẳng kém gì ghi nhớ cái ngày tôi trông thấy cô ấy bên hồ, sau đó là trong bếp nhà cô ấy…

Cô ấy đang run rẩy. “Cô nghĩ cô muốn để cháu trông thấy. Cô đã nhìn cháu đi ra đó, mang theo cần câu. Cô biết cháu sẽ đến đó.”

“Tại sao cô…”

“Đôi lúc, người phụ nữ muốn được khao khát, vậy thôi.” Cô ấy uống thêm một hớp nữa. “Cháu có thấy cô đẹp không?”

Tôi có thấy cô ấy đẹp.

Tôi muốn lấy lại tấm ảnh. Ý nghĩ bác sĩ Oglesby cầm tấm ảnh của tôi, săm soi thật kĩ, đắm chìm trong cảnh tượng ấy, khiến bụng tôi nôn nao. Ông ta không được phép xem tấm ảnh đó. Nó tuyệt đối không dành cho ông ta.

Chợt có tiếng kêu khóc khá to. Tiếng khóc nghẹn ngào.

Tiếng giày của y tá Gilman khua lộp cộp trên sàn.

Bà ta sẽ an ủi cô gái. Điều này đang dần trở thành thói quen. Tiếng khóc kéo dài, tiếng chân y tá Gilman, tiếng cửa phòng cô ấy kêu "tách", cuối cùng là tiếng nức nở nghẹn ngào và lặng im.

Tôi xoay cái kẹp giấy trong bàn tay đang vùi dưới chăn, cảnh giác với cái camera chắc chắn đang theo dõi tôi từ khe thông khí.

Tôi nhặt được cái kẹp giấy ấy trên sàn khi cúi xuống chỉnh lại dép lúc trước. Tôi không biết ai làm rơi, tôi mặc kệ - quan trọng nhất là bây giờ tôi đang có nó. Tôi biết tôi có thể dùng nó để phá khóa, và tôi sẽ làm đúng như vậy, khi đến lúc ra đi. Giờ chưa phải lúc để đi.

Một tiếng nức nở nghèn nghẹt lại vang lên từ căn phòng cách phòng tôi hai căn, sau đó không còn âm thanh gì nữa.

Trông cô ấy thế nào nhỉ?

Cô ấy bao nhiêu tuổi?

Đã gặp phải chuyện gì?

Tôi gần như có thể hình dung ra cô ấy. Y tá Gilman vòng tay ôm lấy tấm thân gầy guộc, yếu đuối quấn trong chăn, hai người bọn họ…

Tôi không thể đi mà không có tấm ảnh. Tôi không thể đi mà không có con dao.

Tôi sẽ phải đi vào ban đêm.

Nhân sự mỏng nhất vào ban đêm.

Tôi luôn nghe thấy tiếng bước chân của y tá đi lại ngoài hành lang trong đêm, nhiều nhất là hai người, đôi khi chỉ một người, dĩ nhiên còn phải tính cả bảo vệ ở cuối hành lang nữa. Tôi cần thoát khỏi phòng, đi qua hành lang, qua phòng y tế để tới phòng làm việc của ông bác sĩ, phá khóa cửa (loại Kwikset, dễ phá hơn nhiều so với khóa phòng tôi). Khi vào được bên trong, tôi có thể lấy lại con dao.

Tôi cần con dao của mình.

Không có nó, bảo vệ và y tá có thể là một rắc rối.

Nhưng tôi không thể lấy được dao nếu không đi qua phòng bảo vệ và y tá, đó cũng là một rắc rối nữa. Đó là rắc rối lớn, chắc chắn thế.

Lại còn camera nữa chứ.

Nếu cha ở trong hoàn cảnh của tôi, cha sẽ biết phải làm gì. Cha luôn luôn biết phải làm gì.

Mưa vẫn chưa tạnh, những giọt mưa đều đều gõ nhịp trên cửa sổ.

Đèn bỗng nhấp nháy.

Nếu mất điện, liệu có máy phát điện dự phòng không?

Tôi nghĩ là có.

Có thể không.

Mà cũng có thể có.

Y tá Gilman có nụ cười đẹp.

Tôi băn khoăn tự hỏi cô gái ở phòng nọ có bao giờ cười không nhỉ.

Nụ cười của cô ấy sẽ thế nào?

Tôi lại nhắm mắt và nghĩ đến cái hành lang.

Nếu là cha, cha sẽ động não suy nghĩ để tìm ra cách giải quyết.

Tôi sẽ động não suy nghĩ.

CHƯƠNG 106

Clair

Ngày 4 • 10:12 sáng

Clair và Kloz xúm lại quanh chiếc điện thoại có loa ngoài bên trong phòng làm việc nhỏ mà Klozowski "xí" làm của riêng khi đến Bệnh viện John H. Stroger Jr. Thực ra nó chỉ là một phòng khám không dùng đến mà thôi. Các loại hộp và trang thiết bị lỗi thời chất cao đến tận trần, căn phòng cách căng-tin một đoạn hành lang, vừa hay lại khuất tầm mắt của những người trong đó.

Nash đang ở đầu dây bên kia, Clair kể lại cho anh và Kloz nghe những gì Poole nói với cô.

Nash hẳn đã lấy tay bịt máy di động. Anh loáng thoáng nói to câu gì đó cô không nghe rõ, sau đó lại tiếp tục cuộc điện thoại. "Tất cả đều là bịa đặt, hai người biết mà, phải không?"

Mặt Klozowski trở nên trắng bệch, gần như trong suốt dưới ánh sáng hắt ra từ màn hình laptop cỡ lớn. "Chắc chắn là do Bishop." Anh ta nói. "Bằng cách nào đó hắn đã ngụy tạo hồ sơ nhà đất của quận."

Clair cũng muốn tin vào điều này lắm. "Hồ sơ điện tử thì còn có thể. Nhưng hồ sơ giấy ư? Poole nói anh ta phải lục lọi cả tá thùng và tủ hồ sơ cũ cùng với cảnh sát trưởng quận dưới tầng hầm của tòa nhà hành chính công để tìm kiếm thông tin này. Kể cả Bishop xoay xở đột nhập được vào trong đi nữa, và tôi không nghi ngờ gì chuyện hắn có thể, theo như những gì anh

ta nói thì có vẻ dưới đó rất lộn xộn, làm sao Bishop biết được phải tìm bản gốc ở đâu để mà tráo đổi?”

Kloz đang suy nghĩ rất lung. Cô có thể nhận ra điều đó trong mắt anh ta. “Tôi không cho rằng mọi chuyện đơn giản thế. Thử nghĩ mà xem, hồ sơ giấy ư? Hắn sẽ phải đột nhập vào đó hai lần. Lần thứ nhất là để đánh cắp bản gốc, lần thứ hai là thay bản gốc bằng bản giả. Hắn cần thời gian để sao chép mọi thứ của bản gốc, từ kiểu chữ, định dạng, loại giấy… hồ sơ điện tử thì đơn giản, chỉ việc xâm nhập hệ thống, gõ vài phím, xong xuôi có thể thoát ra an toàn. Bản in là đồ cổ, khó làm giả lắm.”

“Nhưng không phải không thể.” Nash nói.

“Thôi nào, chúng ta cần tập trung.” Clair nói. “Không thể sao nhãng được. Cuộc tìm kiếm có kết quả gì chưa?”

“Mới đi hết được bốn khối nhà. Lực lượng gồm quân ta và quân liên bang, nhưng khu vực đó lại đông người sinh sống. Thời tiết thì khắc nghiệt, tình hình tiến triển khá chậm.” Nash nói.

Cô lại quay sang Kloz. “Có khớp được thêm người nào với mấy bản cáo phó không?”

Kloz thở dài, cầm một cây bút lên và bắt đầu quay giữa các kẽ tay, mắt lại dán vào laptop của mình. “Tôi cần thêm dữ liệu.”

“Tôi cho anh dữ liệu rồi còn gì. Bệnh viện đã cho anh quyền truy cập toàn bộ hồ sơ nhân viên đấy thôi.”

Kloz gật đầu. “Và điều đó rất hữu ích. Nhờ vậy tôi có thể khớp tên của tám nạn nhân trong tầm ngắm với dữ liệu cáo phó mà tất cả các tòa soạn báo trong thành phố gửi đến. Bọn họ đều đang ở trong khu lều trại mà cô dựng lên tại căng-tin. Nhưng vấn đề là thế này. Nếu xem xét lại ba nạn nhân

đầu tiên là người trưởng thành, Reynolds, Davies, và Biel, thì chỉ có Davies thực sự làm việc tại bệnh viện. Reynolds bán bảo hiểm cho UniMed America Healthcare, còn Darlene Biel là trình dược viên. Bệnh viện không có danh sách nhân viên của các bên đối tác kinh doanh."

"Không có thì đi lấy về." Clair nói.

Kloz búng tay. "Cô tưởng thế này là xong hả? Cô có biết bệnh viện tầm cỡ này làm việc với bao nhiêu đối tác không?"

"Chúng ta không có thời gian chơi Trivial Pursuit* đâu, Kloz."

"Hai trăm ba mươi ba." Anh ta nói. "Tôi lấy được danh sách cách đây khoảng hai mươi phút, tôi đã cử nhân viên của tôi ở Sở liên lạc với tất cả các công ty đó, nhưng sẽ mất thời gian đấy."

Clair nói: "Vậy là anh tìm ra tám nạn nhân trong tầm ngắm làm việc ở bệnh viện, nhưng vì hai trong ba nạn nhân đầu tiên làm ở nơi khác, nên tổng số nạn nhân hắn có thể nhắm đến sẽ lớn hơn rất nhiều?"

Kloz chậm rãi gật đầu. "Ý tôi là vậy đấy. Chúng ta đang bảo vệ cho tám gia đình, nhưng làm thế cũng không ngăn cản được Bishop, hoặc tên hung thủ giấu mặt, hoặc cả hai. Hắn sẽ chỉ nhún vai bỏ qua rồi chuyển sang người khác trong danh sách mà thôi."

Clair nhìn màn hình laptop của Klozowski. "Tất cả bọn họ đây à?"

"Đó là những gì chúng tôi tìm được tính đến giờ phút này."

Cô chăm chú đọc những cái tên. "Tôi nghĩ… tôi nghĩ chúng ta cần tập trung vào một phạm vi nhỏ, xem những gì chúng ta có, chứ không phải thứ ta không có. Bishop không vô cớ nhắm vào những người này đâu. Nhất định là có điểm chung."

“Thì chính nhờ đó mà chúng ta đến được đây đấy thôi.” Kloz nói. “Tất cả bọn họ đều làm việc trong lĩnh vực y tế.”

“Ừ, nhưng cụ thể là họ làm công việc gì trong lĩnh vực y tế? Điều gì kết nối bọn họ lại với nhau? Trong vụ này có một sợi dây xuyên suốt. Chỉ là chúng ta chưa nhìn ra.”

Dùng chính cây bút trong tay, Kloz bắt đầu liệt kê các nạn nhân trong tầm ngắm dựa theo nghề nghiệp. “Bán bảo hiểm, bác sĩ ung bướu, trình dược viên, một kỹ thuật viên X-quang, một kỹ thuật viên MRI, hai y tá, một bác sĩ phẫu thuật, một y tá phẫu thuật, một trợ lý kế hoạch, cuối cùng là người phụ nữ phụ trách Phòng Tiếp nhận Bệnh nhân ở tầng dưới. Cô có thấy điểm chung nào không? Vì tôi khá giỏi trong chuyện phát hiện điểm chung mà còn bó tay đây.”

Clair lấy cây bút khỏi tay Kloz rồi đặt lên chiếc bàn tạm. “Tôi vẫn chưa hiểu những người này có liên quan gì đến những việc hắn làm với bọn trẻ, dìm chết chúng như thế. Ở đây còn ẩn chứa một lý do khác nữa.”

“Chắc chắn là để trả thù cho việc làm nào đó của bố mẹ chúng, một việc chúng ta vẫn chưa nhìn ra được.” Nash trả lời qua loa thoại. “Trừng phạt con cái vì tội lỗi của bố mẹ, đúng chuẩn mô thức của Bishop.”

Điện thoại của Clair reo vang. Cô lấy máy ra khỏi túi. “Sophie Rodriguez gọi.” Cô nhấn nút nghe. “Sophie à? Tôi bật loa ngoài rồi đấy. Tôi đang ngồi cùng với Kloz, và Nash cũng đang nghe ở đường dây khác.”

Người phụ nữ ở đầu dây bên kia thở đầy nặng nhọc, như thể hụt hơi. “Mọi người đang ở đâu? Gabrielle Deegan vừa gọi đến. Chúng ta cần nói chuyện.”

CHƯƠNG 107

Poole

Ngày 4 • 12:58 trưa

Chuyến bay từ Greenville tới New Orleans kéo dài hơn ba tiếng một chút. Máy bay vô tình đi vào một vùng nhiễu động ở Alabama, khiến người ta có cảm giác chiếc G4 như sắp rụng khỏi bầu trời. Cái máy bay nhỏ phát ra những âm thanh chẳng ai muốn nghe khi đang ngồi bên trong: hết cót két, rên rỉ rồi lại cả phản kháng. Dù Poole có thừa kinh nghiệm đi máy bay, tình cảnh này vẫn dư sức khiến anh khiếp vía, nếu như anh để ý. Nhưng không. Tâm trí anh hoàn toàn bị hút vào cuốn nhật ký của Bishop trong suốt chuyến bay.

Poole đọc một mạch hết cuốn sổ nhỏ, lật trang càng lúc càng nhanh, và khi đọc xong, anh bắt đầu lộn lại để xem những trang đã đánh dấu, những phần có liên quan đến chi tiết về khu đất ở Nam Carolina, cái hồ, ngôi nhà nay chỉ còn là tàn tích, và cái nhà xe di động. Anh cũng gấp cả các trang nhắc đến bố mẹ Bishop.

Đến giờ, gần như trang quái nào anh cũng gấp.

Phải nhìn nhận chuyện này ra sao đây?

Lý do khiến Porter giữ lại cuốn nhật ký là gì?

Lý do *thực sự* khiến anh ta giữ lại nó là gì?

Anh không thể đóng vai Chúa Trời nếu không chịu kết giao cùng quỷ dữ.

Những từ ngữ ấy chẳng khác nào chuyến tàu kéo nhau về trong tâm trí Poole.

Porter dám đi xa tới mức nào?

Phần lớn những điều viết trong nhật ký có vẻ là thật, nhưng vẫn có gì đó không đúng. Không chỉ là những chi tiết nhỏ như chiếc Volkswagen mục nát trên lối đi trước nhà thay vì chiếc Porsche như trong nguyên bản. Hay cái nhà xe di động ở sân sau lại không phải ngôi nhà gạch mà Bishop nói là của hàng xóm nhà hắn, vợ chồng Carter. Ngoài ra còn một điều nữa, thâm sâu hơn. Toàn bộ cuốn nhật ký mang hơi hướm của một câu chuyện cổ tích, lấp lánh bóng dáng Beaver Cleaver*, xóa nhòa ranh giới giữa hiện thực trần trụi và thiên tiểu thuyết được dàn dựng một cách khéo léo. Đâu đó trong cái lấp lánh ấy, sự thật đang sống, anh tin chắc như vậy. Lời lẽ này là lời lẽ của một cậu bé con, ký ức này là ký ức của một đứa trẻ từng bước đi trên mảnh đất đó, từng sống ở đó, điều ấy thì không có gì phải nghi ngờ. Thế giới qua con mắt trẻ thơ rất khác với thế giới qua con mắt người trưởng thành, và câu chuyện được kể cũng vậy. Nếu cuốn nhật ký này là do một đứa trẻ viết thì còn có lý. Nhưng Poole từng trông thấy chữ viết của Bishop rồi. Anh đã nghiên cứu kĩ nét chữ của hắn. Chữ của mỗi người thay đổi theo thời gian, khi người đó ngày một trưởng thành hơn. Tuồng chữ hình thành lúc chúng ta còn nhỏ, nhưng khi ta lớn lên, một số nét trở nên vuông thành sắc cạnh hơn, và những nét gai góc ban đầu lại dần mềm mại đi. Chữ trẻ con bao giờ cũng ẩn chứa một sự mong manh, do dự, vì não bộ phải cố nhớ lại cách viết của một chữ cái hoặc một từ trước khi đặt bút viết lên giấy. Khi ta lớn, điều đó sẽ dần phai nhạt, ta viết dựa vào những gì có trong tiềm thức nhiều hơn. Chữ trẻ con trông thì có thể nguệch ngoạc, vụng về đấy, nhưng thực ra, chúng luôn được viết một cách từ tốn sau khi đứa trẻ đã suy nghĩ thấu đáo,

còn người lớn thì phóng bút ào ào, hay nóng vội. Hồi ở Quantico, Poole đã tham dự loạt khóa học phân tích chữ viết, và có một điều luôn rất dễ nhận ra, đó là sự khác biệt giữa chữ trẻ con và chữ người lớn.

Ngôn từ, lời lẽ, cách hành văn trong nhật ký, tất cả đều là sản phẩm mang dấu ấn đặc trưng của một đứa trẻ, nhưng riêng nét chữ lại là chữ của người trưởng thành. Poole tin chắc nếu anh so sánh cuốn nhật ký với những mẫu chữ viết hiện tại của Bishop, thực tế ấy sẽ càng được củng cố. Cuốn sổ này Bishop mới viết cách đây chưa lâu. Không chỉ trang mở đầu với những lời khiêu khích, chế nhạo cảnh sát, mà là toàn bộ nội dung bên trong, nhưng hắn lại cố làm cho câu chuyện có vẻ ngây ngô như thể do một đứa trẻ viết ra.

Ý nghĩ ấy, chính là ý nghĩ ấy, đã khiến anh hoài nghi tất cả những gì mình vừa đọc.

Poole không nghi ngờ gì về việc nhiều phần trong nhật ký là thật.

Anh cũng tin rằng những phần còn lại thì không.

Bishop viết nó không đơn giản chỉ để kể một câu chuyện. Hắn viết cuốn nhật ký là để lèo lái mạch truyện, gieo suy nghĩ vào đầu óc những ai đọc nó, xỏ mũi những người truy tìm hắn. Trong tất cả những gì vừa đọc, anh chỉ biết chắc một điều: cái thi thể bị cắt xẻ mà họ tìm thấy dưới hồ rất có thể là của Simon Carter. Nhưng còn việc làm thế nào xác anh ta lại ở đó và rốt cuộc ai mới là người giết anh ta, thì không thể trả lời được bằng cách dựa vào nội dung cuốn sổ, mà chỉ có thể dựa vào bằng chứng họ chắc chắn sẽ tìm ra.

Cuốn nhật ký không đưa ra lời giải thích nào cho năm cái xác còn lại, cũng không đưa ra lời giải thích thật sự nào cho mấy cái xác trong ngôi nhà, càng không nói về trận hỏa hoạn. Những lời giải thích duy nhất được đưa ra

là những gì Bishop muốn họ tin, và tin vào điều đó thì thật nguy hiểm. Poole sẽ không làm thế.

Anh cảm thấy cần phải xem xét cuốn nhật ký dưới một góc độ hoàn toàn khác. Nên coi nó như một bản danh sách dài hơi của những điều Bishop muốn họ tin, bất luận là thật hay giả. Hiểu được lý do vì sao Bishop muốn truyền đạt thông điệp đặc biệt đó, chứ không phải toàn bộ nội dung cuốn nhật ký, sẽ đưa anh đến với sự thật.

Poole đưa tay dụi mắt và nhìn ra ngoài ô cửa sổ nhỏ. Anh ngắm những đám mây dần nhường chỗ cho những mảng xanh dưới mặt đất, đường sá và nhà cửa dần thành hình, sân bay hiện ra, rồi đến đường băng. Bánh xe máy bay đáp đất với một cú nảy rất êm, khó lòng nhận thấy được, khác hẳn với chuyến đi như tàu lượn cao tốc trước đó chỉ vài tiếng đồng hồ.

Khi họ tiến về phía nhà chứa máy bay liên bang ở đầu phía bắc của sân bay, một chiếc SUV trắng rời khỏi chỗ đỗ trong bãi xe nhỏ ở bên hông tòa nhà: chuyến xe đưa anh đến trại giam.

Poole vớ lấy cuốn nhật ký, mở cánh cửa nhỏ trên thân máy bay khi chiếc G4 còn chưa kịp dừng hẳn.

CHƯƠNG 108

Nhật ký

"Sáng nay ta nhận được một cuộc gọi khá thú vị từ phía cảnh sát. Cháu có muốn biết họ đã hỏi ta những gì không?"

Quả trám đỏ.

Áo len ngày hôm nay.

Ông bác sĩ ăn sáng với bánh kếp hoặc bánh tổ ong. Có một vết bẩn nhỏ do sirô rớt ra ở phía dưới cổ áo. Tôi có thể ngửi thấy mùi đường. Nó làm bụng tôi cồn cào vì đói. Tôi được phát bánh Cheerios và sữa, tuy đó đúng là món tôi thích nhưng chắc chắn không thể ngon bằng bánh kếp hay bánh tổ ong.

Tôi nhớ món bánh kếp của mẹ. Mẹ làm món ấy ngon kinh khủng.

"Anson, cháu lại nghĩ đi đâu rồi. Khi người khác nói chuyện với cháu, cháu cần cố gắng tập trung vào giọng nói của họ. Sẽ hữu ích nếu cháu nhìn vào mắt họ, cố dẹp bỏ những lời lẽ huyên thuyên trong đầu."

Nãy giờ tôi vẫn nhìn vào mắt ông bác sĩ đấy chứ, mặc dù với tôi, ông ta chẳng khác gì vô hình.

Tôi có thể nhìn xuyên qua ông bác sĩ nếu muốn, việc đó cũng dễ dàng y như nhìn thấu bên trong cái đầu của ông ta và…

"Anson."

Tôi ngửi thấy mùi sirô thoang thoảng.

Tôi nhìn vào mắt ông ta.

Tôi mỉm cười.

“Dạ?”

“Cháu có muốn biết cảnh sát đã hỏi ta những gì không?”

“Có ạ. Cháu rất muốn.”

Ông ta liếc xuống sổ tay. “Người gọi đến là Thanh tra Welderman của Sở Cảnh sát Greenville. Ông ta nói họ đã ghé qua nhà cháu mấy lần để thẩm vấn hàng xóm của cháu, gia đình…” Ông ta lại lóng ngóng lật sổ. “Carter, Simon và Lisa. Có vẻ họ vẫn đi vắng chưa về. Điều đó thôi thúc ông ta gọi đến cơ quan của Simon Carter để kiểm tra, hóa ra đã lâu anh ta không đi làm. Vợ anh ta, vốn ở nhà nội trợ, dường như cũng mất tích luôn rồi.”

Mắt ông bác sĩ vẫn dán vào cuốn sổ trong một giây, đọc lướt những phần ghi chú, sau đó ông ta ngẩng lên nhìn tôi và cau mày. “Vậy là có đến bốn người lớn, bao gồm cả cha mẹ cháu, hiện đang mất tích hoặc đã chết. Những gì cảnh sát tìm thấy sau trận hỏa hoạn kinh hoàng tại nhà cháu - vụ việc đã được xác định là cố ý phóng hỏa - là ba thi thể và một cậu bé, cậu bé dường như không biết khóc, bị bỏ lại phía sau mà giờ đang ngồi đối diện với ta trong phòng làm việc của ta.” Cặp kính lại được tháo xuống, nhưng lần này cử chỉ đó chẳng có chút diễn sâu. Ông ta gỡ kính ra khỏi mũi rồi thả cho nó rơi xuống trước ngực. “Thú thật với cháu, Anson, tình hình này không ổn. Không ổn một chút nào. Cảnh sát nhất định là đang rất bức xúc. Họ muốn thẩm vấn cháu. Họ rất, rất muốn thẩm vấn cháu. Dĩ nhiên, ta đã từ chối. Cháu là trẻ vị thành niên do ta chăm sóc và quản lý, và ta không muốn bắt cháu phải chịu đựng điều đó.” Ông ta nhoài người về phía trước

và hạ giọng. "Chưa đầy một tiếng sau cuộc nói chuyện với Thanh tra Welderman, ta lại nhận được điện thoại của vị công tố viên mà hôm trước ta đã nói với cháu. Cháu còn nhớ ông ta không? Cái người muốn nói chuyện với mẹ cháu ấy mà. Ông ta bảo tốt hơn hết ta nên cho phép cảnh sát thẩm vấn cháu, dĩ nhiên là dưới sự giám sát của ta. Ông ta khá cương quyết. Ông ta còn đòi xem cả những ghi chép của ta nữa. Ta đáp rằng những buổi nói chuyện giữa ta và cháu đều được giữ bí mật tuyệt đối, và mọi thứ cháu nói với ta được xem như thông tin riêng tư, ta sao có thể tiết lộ với ông ta. Ta đã chống trả, Anson ạ. Ta chống trả quyết liệt, vì cháu.

Nhưng những người này, cảnh sát, công tố viên… họ dường như cho rằng cháu đóng một vai trò nào đó trong toàn bộ vụ việc, và ta phải thú thật, cháu chưa nói với ta bất cứ câu gì khiến ta tin vào điều ngược lại. Ta chỉ có thể cầm chân bầy sói được đến thế thôi, Anson ạ. Cháu cần phải cho ta biết chuyện gì đã xảy ra."

Con dao của tôi lại nằm trên bàn ông ta. Tôi không nghĩ ông ta lấy ra rồi để đó, vì hôm nay nó nằm ở góc bàn gần chỗ tôi ngồi, không phải ở chỗ hôm qua ông ta đã đặt. Tôi có thể với lấy nó nếu muốn. Tôi có thể lôi nó ra khỏi cái túi nhựa và cắm phập vào cổ ông bác sĩ tốt bụng trước khi ông ta kịp nguệch ngoạc mấy từ tiềm ẩn nhiều nguy hiểm *vào cuốn sổ nhỏ, chắc chắn là trước khi ông ta kịp gạch chân những từ đó.*

<u>Tiềm ẩn nhiều nguy hiểm</u>

Ông ta lại quan sát tôi, để những giây câm lặng cứ thế trôi đi theo từng tiếng tích tắc, chồng chất lên nhau hệt như trò chơi rút gỗ. Tôi biết ông ta sẽ dành cả giờ đồng hồ chỉ để ngồi im, chờ tôi mở miệng. Ông ta cứ dùng đi dùng lại chiêu này, những nỗ lực quá ư lộ liễu.

"Cha phóng hỏa rồi bỏ trốn cùng mẹ."

Cặp kính lại được đeo lên. "Chà, đó là một cách nghĩ khá thú vị, nhưng tại sao ông ấy bỏ lại xe của mình? Tại sao bỏ lại cả xe của mẹ cháu nữa? Họ đã đi đâu? Tại sao đi mà không có cháu?"

"Cháu không biết họ đi đâu, và cháu không biết tại sao họ bỏ cháu lại."

"Những người đàn ông chết trong nhà cháu là ai?"

"Cháu không biết."

"Vợ chồng hàng xóm nhà cháu đang ở đâu ? "

"Cháu không biết."

"Ai là người đã phóng hỏa?"

"Cha."

Ông ta muốn hỏi tôi về tấm ảnh. Tôi biết ông ta vẫn đang giữ nó, có thể là trên người, có thể là trong túi quần kaki hoặc kẹp đâu đó trong cuốn sổ ghi chép kia.

"Cha cháu phóng hỏa nhằm mục đích gì?"

"Cháu không biết."

"Những người đàn ông đó là ai, ba thi thể cảnh sát tìm thấy trong nhà, họ đến để làm hại cha cháu à? Có phải họ định hại mẹ cháu không?"

Tôi không thích điều này.

Không thích chút nào.

Một tràng câu hỏi liên tiếp. Vừa rồi tôi đã trả lời quá nhanh.

Tôi đáp bừa mà chẳng chịu suy nghĩ thấu đáo trước khi nói. Ông ta đang nắm quyền kiểm soát cuộc đối thoại. Cha sẽ không hài lòng đâu. Tôi cần phải kiểm soát cuộc đối thoại. Nghĩ kĩ rồi hẵng nói, nghĩ kĩ rồi hẵng nói. Tôi đang…

"Anson này, cháu có biết thân ngữ học *nghĩa là gì không?"*

Tôi lắc đầu.

"Thân ngữ học là bộ môn nghiên cứu ý nghĩa của những chuyển động cơ thể, ngôn ngữ cơ thể. Biểu cảm, cử chỉ, hành vi không lời, liên quan đến bất cứ phần nào của cơ thể. Ta được đào tạo chuyên sâu về thân ngữ học, hay cách diễn giải ngôn ngữ cơ thể, nó giúp ta nhận ra khi ai đó không trung thực. Chúng ta đã trao đổi về cảm giác của ta đối với những người nói dối hoặc bốc phét. Khi ai đó nói dối hoặc bốc phét, phần còn lại của cơ thể họ sẽ để lộ nhiều manh mối cho phép ta nhìn thấu những lời dối trá, bịa đặt của họ. Nói chuyện với một người càng lâu, ta càng dễ dàng bắt bài họ. Cuối cùng, sẽ đến lúc không ai có thể nói dối mà qua mặt được ta. Cháu và ta, Anson, đang tiến gần đến ngưỡng ấy rồi. Điều đó có ý nghĩa gì đối với cháu? Hừm, nó có nghĩa là cháu cứ việc tiếp tục nói dối ta, và ta sẽ nhận ra cháu nói dối, hoặc cháu có thể nói sự thật, trong trường hợp đó ta cũng nhận ra cháu nói thật. Nó có nghĩa là cháu đang đứng trước hai ngã rẽ và cần phải đưa ra quyết định. Cháu có thể bắt đầu trả lời câu hỏi của ta một cách thành thực, những gì cháu nói sẽ được giữ kín theo nguyên tắc bảo mật thông tin giữa bác sĩ với bệnh nhân và không thể được sử dụng để chống lại cháu. Hoặc cháu cứ việc tiếp tục nói dối ta. Nếu cháu quyết định đi theo con đường đó, vậy thì ta chẳng thể làm được gì nhiều để giúp cháu nữa." Oglesby ngả người ra lưng ghế. "Với tư cách là bác sĩ của cháu, ta sẽ cho phép các điều tra viên thẩm vấn cháu và để họ sử dụng bất cứ biện pháp nào họ thấy phù hợp. Ta sẽ hỗ trợ công tố viên nọ theo đuổi mục tiêu ông ta nhắm tới. Cháu sẽ rời khỏi trung tâm này để chuyển đến một nơi khác kém nhân từ hơn rất nhiều, nơi mà một cậu bé nhỏ tuổi, ưa nhìn như cháu bị xem như đồng tiền trong tay kẻ khác, chẳng hơn gì một đồ vật, một

thứ tài sản để người ta sử dụng rồi vứt bỏ. Cháu sẽ vụn vỡ và chết dần chết mòn, sẽ không có cách nào quay lại được đâu. Khi một cậu bé sa chân vào nơi như thế cậu ta sẽ không bao giờ có thể trở lại mà chỉ càng chìm sâu xuống vực thẳm không đáy. Ngày qua ngày, cháu sẽ tự đào cho mình cái hố mỗi lúc một sâu thêm và trốn trong đó, chỉ để thấy rằng lũ quái vật ưa bóng tối hơn ánh sáng và chúng sẽ hớn hở theo cháu vào trong."

Ông ta bỏ kính ra. "Ta muốn giúp cháu, Anson ạ. Ta hy vọng cháu hiểu được điều đó, nhưng thời gian sắp hết rồi."

Đến đây, ông ta kết thúc buổi điều trị, muộn hơn gần mười phút so với ngày thường, rồi dẫn tôi đi qua hành lang, qua phòng y tế, để về phòng tôi.

Cửa phòng đứa con gái nọ đang mở lúc chúng tôi đi qua, y tá Gilman đến đưa đồ ăn trưa cho cô ấy. Cô ấy ngồi trên giường, thu lu bó chặt lấy hai chân.

Cô ấy nhìn tôi khi tôi đi qua, và tôi cũng nhìn cô ấy.

Dẫu muốn, tôi cũng không thể quay đi.

CHƯƠNG 109

Clair

Ngày 4 • 1:12 chiều

"Tôi đã nói rồi, chúng tôi không tổ chức cuộc thi nào cả. Tôi không biết thứ đó là gì hết."

Clair chằm chằm nhìn người phụ nữ ngồi sau quầy tiếp tân của trung tâm đào tạo lái xe Designated Driver. Cô cảm thấy máu nóng dồn lên mặt. Người phụ nữ kia nhìn lại cô với vẻ thờ ơ, thách thức. Clair muốn nhoài người tới, túm cổ bà ta và kéo lại gần. Kloz đã lấy tấm ảnh chụp Lili Davies đang cầm iPad, chỉnh cho sắc nét và phóng to lên để nhìn rõ các chi tiết. Phiên bản Clair lưu trong điện thoại cho thấy rõ tòa nhà này cùng vài chiếc ô tô đỗ phía trước. "Chị xem lại lần nữa đi." Clair nói, đẩy tờ giấy in hình những đứa trẻ mất tích và đã chết về phía người phụ nữ ngồi bên kia quầy.

Bà ta liếc xuống, sau đó lại ngẩng lên nhìn Clair. "Tôi đã nói rồi, tôi chưa hề gặp bất cứ đứa nào. Không ai trong số những đứa trẻ này từng đặt chân tới đây. Nếu chúng đến thì tôi phải biết chứ. Người nào cũng có thể chụp ảnh nơi này rồi chế lại. Số máy kia không phải của trung tâm, đó là số giả."

Khi họ gọi vào số điện thoại trong ảnh mà Gabby Deegan gọi đến ban sáng thì chỉ nghe thấy thông báo chế độ thư thoại chưa được thiết lập. Kloz cố truy tìm nguồn gốc số máy nhưng kết quả cho thấy nó là điện thoại "rác", hiện đã ngắt mạng. Anh ta và Nash đang làm việc với công ty điện

thoại để truy dấu cuộc gọi của Gabby lúc trước, hy vọng xác định được vị trí của nó.

Gabby ngồi trên ghế trong góc tòa nhà nhỏ, Sophie ngồi kế bên, nắm lấy tay cô bé. “Được rồi, kể lại đầu đuôi câu chuyện cho cô nghe lần nữa nhé, cháu yêu.” Sophie nói.

Gabby đưa tay lau nước mắt. “Đáng lẽ cháu không nên để bạn ấy đi một mình. Là lỗi của cháu. Nếu cháu đi cùng bạn ấy thì bây giờ bạn ấy vẫn còn sống.”

“Kể cho các cô về cuộc gọi, về người đàn ông nghe máy đi. Ông ta đã nói gì với cháu? Cháu có nghe thấy tiếng động bất thường nào không? Bất cứ điều gì có thể cho biết nơi ông ta đang ở?”

Gabby lắc đầu. “Cháu cúp máy ngay sau khi ông ta trả lời. Ông ta nói nghe buồn cười lắm. Cháu… cháu có thể nhìn vào trong này, cháu có thể trông thấy bà ấy. Bà ấy không nghe máy. Cháu nghĩ máy điện thoại ở đây còn chẳng kêu ấy.”

“Cả ngày hôm nay tôi không nhận được cuộc gọi nào cả. Hoàn toàn im ắng.” Người phụ nữ nói.

“Buồn cười thế nào cơ?” Clair hỏi và tiến lại gần.

“Nghe như thể ông ta vừa tỉnh dậy, vẫn còn ngái ngủ, có lẽ vậy. Ông ta không nói đúng được từ *xe.”*

“Ông ta nói lắp à?”

Gabby nhíu mày. “Không ạ, không phải nói lắp. Cháu không rõ gọi là gì. Ông ta không nói được âm *X*... à, thực ra vẫn nói được, chỉ là không chuẩn thôi. Ông ta phát âm thành *the.”*

“Nói ngọng?” Người phụ nữ ngồi sau quầy tiếp tân hỏi. “Có phải ý cháu là vậy? Ông ta mắc tật nói ngọng?”

Gabby gật. “Vâng, chính thế. Tật nói ngọng.”

Clair quay lại quầy tiếp tân. “Chị nhận ra điều gì sao?”

Người phụ nữ nhấc điện thoại lên rồi bắt đầu quay số. “Tôi cần gọi cho ông chủ.”

Clair tước điện thoại khỏi tay bà ta và đặt xuống. “Chị cần nói cho tôi bất cứ điều gì chị biết.”

Ánh mắt bà ta liếc từ Clair sang Gabby, rồi tới Sophie, rồi lại nhìn Clair. Bà ta hít một hơi dài. “Một trong những giáo viên của trung tâm nói ngọng khá nặng. Anh ta mới bị gần đây thôi. Chắc là do tác dụng phụ.”

“Tác dụng phụ của cái gì?”

Bà ta rời khỏi quầy tiếp tân, tiến lại gần bức tường ở phía bên trái văn phòng, nơi có dán loạt ảnh nhân viên. Bà ta đưa tay gỡ một tấm xuống. “Paul Upchurch. Anh ta làm ở trung tâm này đã gần mười năm. Khoảng sáu tháng trước, anh ta bắt đầu ngửi thấy những mùi không có thật. Anh ta cứ bảo tôi có mùi hạnh nhân và vani. Tôi nghĩ anh ta chỉ đang tỏ ra thân thiện mà thôi. Anh ta lúc nào cũng hiền lành, dễ thương. Tử tế nhất luôn. Lại còn vui tính nữa. Thế rồi anh ta bắt đầu bị những cơn run rẩy. Chúng có thể xuất hiện bất cứ lúc nào, và tan biến cũng rất nhanh. Ông chủ cho anh ta tạm nghỉ, bảo anh ta đi khám. Chúng tôi không thể mạo hiểm để xảy ra chuyện với giáo viên khi có học sinh ngồi trong xe. Anh ta làm một loạt xét nghiệm, mất khoảng một tuần hay gì đó. Tóm lại, các bác sĩ kết luận anh ta bị u não. Tôi không nhớ cụ thể thế nào. Anh ta có giải thích nhưng mà toàn thuật ngữ chuyên môn nên tôi quên luôn rồi.”

Ung thư, Clair thầm nghĩ.

Bảo hiểm.

Bác sĩ ung bướu.

Dược.

X-quang.

MRI.

Phẫu thuật.

Bệnh viện.

"Hiện Paul Upchurch đang ở đâu?"

"Ở nhà, có lẽ vậy. Theo tôi biết thì anh ta đã trải qua ba ca phẫu thuật, có thể nhiều hơn. Chúng tôi không nghe tin gì của anh ta đã hơn một tuần nay. Tôi cũng định tạt qua nhà anh ta hỏi thăm tình hình nếu mấy ngày nữa anh ta không liên lạc lại."

"Tôi cần địa chỉ."

"Được, được chứ." Mắt bà ta vẫn dán vào tấm ảnh đang cầm trên tay. Một người đàn ông mới ngoài ba mươi mỉm cười đáp lại. "Paul sẽ không làm hại ai đâu, anh ta thực sự rất hiền lành. Những gì anh ta đang phải trải qua thật kinh khủng. Anh ta còn rất trẻ, rất nhiệt huyết, một tâm hồn lương thiện."

Chưa nghe dứt lời, Clair đã quay số của Nash.

CHƯƠNG 110

Poole

Ngày 4 • 3:47 chiều

Poole nghe thấy tiếng giám thị bước vào văn phòng rồi đóng cửa lại.

“Trời ạ, ta gặp rắc rối rồi.” Ông ta nói. “Vụ này tệ hơn chúng tôi tưởng.”

Đi cùng ông ta còn có một người đàn ông nữa.

Poole đứng dậy khỏi chiếc ghế ọp ẹp bên bàn làm việc của giám thị, chân anh vẫn còn cứng đờ sau chuyến bay.

Giám thị Vina ra hiệu về phía người đàn ông bên cạnh. “Đây là Đội trưởng Fred Direnzo. Ông ấy phụ trách an ninh trại giam. Đội trưởng, đây là Frank Poole bên FBI. Ông vui lòng kể cho anh ấy biết chuyện ông đã nói với tôi.”

Poole bắt tay đội trưởng. Bàn tay ông ta lạnh và ẩm. Ông ta đang căng thẳng.

Anh không thích những gì sắp xảy đến.

Không một chút nào.

Direnzo hắng giọng. “Sau khi Đặc vụ Toàn quyền Hurless gọi tới, chúng tôi đã thắt chặt an ninh quanh Weidner. Chúng tôi không muốn làm anh ta sợ nên kế hoạch đặt ra là cứ để anh ta làm việc bình thường và theo dõi anh ta qua camera giám sát trong lúc chờ anh đến. Bằng cách ấy, anh có thể nói chuyện với anh ta và anh ta sẽ không kịp vẽ ra câu chuyện nào đó để

chối tội. Trong những tình huống kiểu này, cách tiếp cận tốt nhất luôn là dựa vào yếu tố bất ngờ, phải vậy không?”

Poole gật đầu.

Đội trưởng Direnzo liếc về phía giám thị, rồi lại nhìn Poole. “Anh ta đã chuồn mất. Tôi không rõ bằng cách nào, nhưng anh ta đã trốn thoát.”

“Bao giờ?”

Giám thị giơ hai tay lên, lòng bàn tay hướng ra ngoài. “Đừng kích động, chúng tôi bắt được anh ta rồi. Tôi gọi cho đồn cảnh sát địa phương và họ đến vây bắt Weidner trong căn hộ của anh ta ở cách đây không xa. Tóm được anh ta đúng lúc anh ta đang gói ghém đồ đạc. Họ đang dẫn anh ta quay lại, chắc chỉ hai mươi, ba mươi phút nữa là về tới nơi. Xin mời tiếp tục, Đội trưởng.”

Direnzo gật đầu. “Camera chủ yếu được dùng để giám sát phạm nhân chứ không phải quản giáo, vì thế có những điểm mù ở nhiều nơi mà các quản giáo có thể tiếp cận. Anh ta thay đồng phục sang thường phục trong phòng gửi đồ rồi ra về cùng với đội tan ca lúc ba giờ chiều, nhưng như giám thị vừa nói, chúng tôi bắt được anh ta rồi. Anh ta sẽ không chạy đi đâu được, tôi đảm bảo với anh. Chúng tôi bắt đầu rà soát lại những việc làm của Weidner trong ngày hôm nay, cố gắng tìm hiểu rõ hơn xem anh ta đang có âm mưu gì. Có vẻ anh ta đã dùng lệnh giả mạo của tòa án để sắp xếp thả một phạm nhân lúc tám giờ sáng nay.”

“Phạm nhân đó là ai?”

Giám thị đưa một tập hồ sơ cho Poole. “Chúng tôi không biết tên họ của bà ta. Không giấy tờ tùy thân, và thông tin về bà ta cũng không có trong hệ thống dữ liệu. Chỉ đơn giản là một Jane Doe khác, bị bắt vì tội trộm cắp

mức độ nặng. Nhưng đây mới là vấn đề. Anh thanh tra của anh, Sam Porter, đã đến đây gặp bà ta ngày hôm qua, dành ba tiếng rưỡi đồng hồ ngồi với bà ta và luật sư của bà ta trong phòng thẩm vấn. Anh ta nói với tôi rằng bà ta có mối liên hệ nào đó với những vụ án 4MK ở Chicago."

"Có băng ghi hình không?"

"Camera bị vô hiệu hóa trong những buổi gặp gỡ giữa phạm nhân và luật sư riêng."

"Luật sư của bà ta là ai?"

"Một người sống ở vùng này, Sarah Werner." Giám thị nói. "Chúng tôi theo dõi Jane Doe nhờ thiết bị giám sát bà ta đeo ở cổ chân. Bà ta đang ở văn phòng luật sư. Dữ liệu vẫn gửi về bình thường. Bà ta có chạy lên trời chúng tôi cũng biết."

"Tôi ngó qua xà lim của bà ta được chứ?"

"Chúng tôi đã xới tung chỗ đó lên rồi. Chẳng có gì cả đâu."

"Tôi vẫn muốn xem tận mắt."

Xà lim của bà ta đúng là đã bị xới tung.

Poole bước vào căn buồng nhỏ, cảm thấy bốn bức tường như đang dần thu hẹp lại quanh anh.

Tấm đệm bị dựng lên, dựa vào tường, phơi ra khung kim loại bên dưới. Quần áo vứt bừa bãi trên sàn: một chiếc áo thun và hai cái quần thể thao. Chai dầu gội cùng tuýp kem đánh răng bị dốc hết ra bồn rửa.

"Một số phạm nhân giấu những vật nhỏ trong mấy món đồ ấy. Chủ yếu là dao tự chế."

“Có tìm được gì không?”

“Không.”

Poole tiến lại gần tấm đệm rồi bắt đầu rà tay lên mép đệm và các đường may.

“Chúng tôi kiểm tra cả chỗ ấy rồi.” Đội trưởng Direnzo nói. “Chẳng có gì đâu.”

Poole vẫn xem thử nhưng không tìm thấy khe hở nào trên đó.

“Như tôi đã nói, ở đây không có gì cả.”

Poole thở dài và thả tấm đệm xuống khung giường. Cái khung kim loại rung bần bật. Mắt anh dán chặt lên bức tường, lên những từ ngữ được khắc vào lớp sơn. Nhưng không chỉ có thế. Toàn bộ xà lim kín đặc chữ, chứa đựng tâm tư của những phạm nhân đã ở đây suốt bao năm qua, còn mãi với thời gian, để lại cho những người đến sau. Nhưng có nhiều chữ trong đó Poole đã thuộc nằm lòng. Chúng đập vào mắt anh:

Trở lại <u>Nhà</u> xưa, ta quay về chốn cũ

Níu kéo mà chi những ảo vọng một thời

Nào có đâu xa, ẩn trong từng khoảnh khắc

Là những niềm vui ngỡ đã mất giữa đời.

Từ đại dương xanh nơi khởi nguồn cái <u>chết</u>

Sự sống trào tuôn tựa mật ngọt của trời

Trong sinh có tử, trong tử tất có sinh

Sao phải sầu bi, nào có gì đáng <u>sợ</u>?

Chim vẫn hót vang khúc ca hằng bất tử!

Ngày lại sang đêm như dòng triều Vĩnh Cửu
Dìu dặt phủ lên khắp nơi chốn tinh cầu.

Nhà, sợ, chết, tất cả đều được gạch chân, hệt như trong ngôi nhà hoang ở Chicago. Bên dưới bài thơ còn có một dòng nữa:

Tội lỗi nguyên thủy sẽ giết chết ngươi.

"Câu đó nghĩa là thế quái nào?"

Đội trưởng Direnzo đứng phía sau, đọc dòng chữ qua vai anh. Poole không hề biết ông ta vào xà lim lúc nào.

Poole vuốt ngón tay lên dòng chữ, những vụn sơn tróc ra dưới tay anh. Câu này được thêm vào bức tường chữ cách đây chưa lâu, một dòng graffiti mới nằm xen kẽ với những lớp cũ. "Nó là cách chơi chữ dựa trên cụm từ trong Kinh Thánh, "nguyên tội" hay "tội tổ tông". Shakespeare nói rằng nó có nghĩa là "đời cha gây nghiệp, đời con phải gánh", về cơ bản, chúng ta phải trả giá cho tội lỗi mà tổ tông gây ra, và họ cũng phải trả giá cho tội lỗi của chúng ta."

"Shakespeare cơ à? Tôi thấy Jane Doe bé bỏng của chúng ta đâu có giống fan hâm mộ Shakespeare cho lắm."

Bộ đàm đeo trên vai Đội trưởng Direnzo kêu "bíp", ông ta nhấn một cái nút. Giọng nói của giám thị lẹt xẹt vang lên qua chiếc loa nhỏ. "Đội trưởng? Weidner về rồi. Vui lòng hộ tống anh bạn của chúng ta tới phòng thẩm vấn số ba khi ông xong việc nhé."

"Rõ."

CHƯƠNG 111

Nhật ký

Đêm lại buông xuống.

Trời không mưa.

Lúc y tá Gilman đưa đồ ăn tối đến cho tôi, tôi hỏi thăm về cô gái ở phòng nọ, nhưng bà ấy không nói cho tôi biết bất cứ điều gì về cô ấy dù chỉ là cái tên. Thay vì vậy, bà ấy đặt khay thức ăn lên giường tôi và mỉm cười, nói: "Cháu mau ăn đi."

Tôi không muốn ăn. Tôi muốn biết tên cô gái ấy. Tôi muốn nói chuyện với cô ấy. Tôi muốn được gần bên cô ấy đủ để cảm nhận hơi ấm trên làn da và trong từng hơi thở của cô ấy.

Tôi nghe thấy cô ấy khóc. Tôi muốn biết liệu cô ấy có thể cất tiếng cười được chăng.

Tôi không đụng đến bữa tối.

Y tá Gilman rời khỏi phòng lúc nào, tôi cũng chẳng hay.

Khay đồ ăn đặt trên góc giường dần nguội ngắt.

Tôi không muốn nói chuyện với cảnh sát.

Tôi không muốn gặp vị công tố viên mà ông bác sĩ nhắc tới.

Tôi chắc chắn càng không muốn bị đưa tới cái nơi ông ta đã kể.

Đã đến lúc tôi phải ra đi.

Cha hẳn sẽ muốn tôi động não suy nghĩ. Tôi đã vạch ra một kế hoạch.

Vào ban đêm, có một bảo vệ và hai y tá túc trực. Các bác sĩ ai nấy đều ra về, những người còn lại yên vị trong phòng riêng.

Tôi sẽ đi vào ban đêm.

Tôi sẽ đợi đến lúc cô gái kia khóc.

Tôi không muốn cô ấy phải khóc.

Tôi không muốn cô ấy khóc thêm một lần nào nữa, nhưng tôi biết cô ấy nhất định sẽ lại khóc, lúc đó, ít nhất một trong hai y tá sẽ đến mở cửa phòng và vào an ủi, vỗ về cô ấy. Khi biết chắc y tá đã vào trong, tôi sẽ phá khóa cửa phòng mình, đi qua hành lang và lẻn vào phòng cô ấy.

Tiếp đến, tôi sẽ làm cho y tá kia hét lớn.

Hy vọng người đó không phải y tá Gilman mà là người khác. Tôi mến bà ấy. Nhưng nếu chẳng may là y tá Gilman thật thì tôi vẫn sẽ khiến cho bà ấy hét lên. Cha đã dạy tôi cách làm. Tôi sẽ khiến bà ấy hét thật to, đủ để kéo cả y tá thứ hai lẫn nhân viên bảo vệ vào phòng cô gái ấy. Tôi sẽ lùa tất cả bọn họ vào căn phòng đó, và…

Xin phép ngắt lời một lát, ta hãy tạm dừng ở đây cái đã.

Tôi muốn nói rõ điều này.

Tôi không muốn làm đau ai cả.

Không cần thiết phải như thế.

Tôi tuyệt đối không muốn khiến ai đó bị thương.

Nhưng tôi vẫn sẽ làm.

Họ phải ở trong căn phòng đó, còn tôi phải ra đi.

Không còn kết cục nào khác.

Tôi hy vọng không phải làm hại ai.

Tôi không muốn cô gái kia chứng kiến cảnh tôi làm hại người khác.

Tôi sẽ nhốt tất cả bọn họ trong phòng đó rồi sang phòng làm việc của ông bác sĩ để lấy con dao. Tôi biết làm thế là mạo hiểm, nhưng tôi nghĩ sự mạo hiểm ấy là cần thiết.

Sau đó, tôi sẽ ra đi.

Tôi sẽ mang theo băng ghi hình của camera giám sát. Máy ghi hình chắc là đặt ở bàn bảo vệ.

Nếu tôi có con dao, nếu tôi buộc phải làm bị thương ai đó trong căn phòng của cô gái kia, nếu tôi buộc phải ra tay với người khác trước khi thoát ra ngoài rồi khóa cửa nhốt họ bên trong, tôi có thể phải trở lại và xử lý họ đến cùng. Cha hẳn sẽ muốn tôi làm thế. Mẹ sẽ bảo tôi ra tay với cả cô gái kia nữa. Tôi sẽ buộc phải xử lý tất cả bọn họ, sau đó lấy băng ghi hình và ra đi. Cha và mẹ hẳn sẽ đồng ý với tôi trong chuyện này.

Tôi không muốn làm hại cô gái ấy, nhưng đành phải vậy thôi.

Kế hoạch bỏ trốn vào ban đêm lại làm này sinh một rắc rối, tôi không biết liệu mình có vượt qua được rắc rối ấy không. Tôi vô cùng khao khát được nói lời từ biệt với bác sĩ Oglesby.

CHƯƠNG 112

Nash

Ngày 4 • 4:06 chiều

“Nash, có nghe thấy tôi nói không?” Giọng Espinosa lẹt xẹt vang lên qua chiếc tai nghe nhỏ giấu dưới mũ của chiếc áo khoác dày Nash đang mặc.

Nash cố ghìm lại thôi thúc ấn tay lên đó. “Có, nghe rất rõ, thưa chỉ huy SWAT*.”

“Sẵn sàng trong ba giây.” Người vừa nói là Brogan, anh ta thở dốc, giọng hơi nghèn nghẹt. Anh ta và đồng đội đỗ xe ở cách đó một khu nhà và giờ đang lội trong tuyết để tiếp cận phía sau ngôi nhà sao cho không bị phát hiện.

Clair lấy được địa chỉ của gã Paul Upchurch này từ trung tâm Designated Driver, Klozowski đã xác nhận thông tin qua Ban Quản lý Phương tiện Cơ giới và hồ sơ của quận. Tên hắn xuất hiện trên giấy tờ nhà đất. Hắn sở hữu ngôi nhà này đã gần mười năm.

Nash ngồi trong chiếc xe Connie trên phố nhà Upchurch, cách đó hai khu. Một bụm khói tắc lại trong “họng” “cô nàng”. Ống xả phát ra tiếng nổ lụp bụp khi “cô nàng” khạc ra. Một chiếc hộp Amazon.com cỡ lớn đang nằm trên ghế lái. Trong hộp là khẩu súng trường tấn công và hai đĩa tạ loại bốn cân rưỡi. Anh mặc áo chống đạn bên dưới chiếc áo khoác lông cừu dày sụ.

“Tôi trông thấy mặt sau ngôi nhà rồi.” Brogan nói. “Có hai cửa sổ ở tầng hai, một ở tầng áp mái, và hai ở tầng trệt. Chết tiệt…”

“Sao thế?” Espinosa hỏi.

“Sân sau có hàng rào mắt cáo cao một mét hai. Chúng tôi đang lội trong tuyết dày sáu mươi centimet, đống tuyết tích tụ gần chạm đến đỉnh hàng rào. Chúng tôi sẽ phải trèo qua. Tôi đang cho cả đội nấp phía sau nhà, cách một khoảng sân. Ngay khi rời khỏi vị trí, mọi hành động của chúng tôi sẽ bại lộ. Tôi áng chừng mất khoảng ba mươi giây để tới được chỗ hàng rào, mười giây để trèo qua, hai mươi giây nữa để tiếp cận cửa hậu và tìm cách đột nhập. Trong suốt thời gian đó, chúng tôi không có chỗ nào để nâp. Ngoài này hoàn toàn trống trải.”

“Rõ.” Espinosa nói. “Nash, khi có hiệu lệnh của tôi, anh sẽ bắt đầu hành động. Nếu thấy chuông cửa, đừng nhấn mà hãy gõ cửa. Ở nhiều nhà cũ, chuông không hoạt động đâu, đứng bên ngoài không thể biết được, nhấn chuông rồi chờ đợi mất thì giờ lắm. Cứ gõ thật mạnh. Lúc đó tôi sẽ đếm đến năm. Chúng ta cho Upchurch thời gian ra mở. Hết năm giây, xe của chúng tôi sẽ tiến vào từ cả hai đầu phố. Brogan và đội của anh ta sẽ đột nhập từ cửa hậu.” Anh ta dừng lại một giây. “Anh sẽ đứng trên khoảng hiên nhỏ. Có chừng chín bậc tam cấp với một chỗ ngoặt và tay vịn dẫn lên hiên. Sẽ khá chật chội, ít khoảng trống để xoay xở. Nếu Upchurch mở cửa, anh lập tức xông vào, xô ngã hắn bằng cách lợi dụng sức nặng của cái hộp giống như trục phá cửa. Đội của tôi sẽ ở ngay phía sau anh. Họ sẽ khống chế hắn. Anh chỉ cần cố gắng làm hắn bất ngờ, sau đó tránh sang một bên.”

“Nếu hắn không ra mở thì sao?”

“Nếu hắn không ra mở, anh hãy nhường đường cho tụi tôi. Đội của tôi sẽ tiến lên phá cửa rồi ập vào trong lúc đội của Brogan đột nhập và kiểm

soát tình hình từ cửa hậu. Brogan?”

“Có, thưa chỉ huy?”

“Cả hai đội sẽ kiểm soát tầng trệt. Sau đó tôi muốn anh đi xuống, tới tầng hầm và các tầng bên dưới nữa nếu có. Tôi sẽ lo tầng hai và tầng áp mái.”

“Rõ.”

“Nash. Cố gắng đừng cản đường tụi tôi. Anh không có mũ bảo hiểm. Tôi không muốn để mất ai đó chỉ vì một viên đạn lạc.”

“Tôi không muốn “tẻo” đâu.” Nash đáp.

“Chờ chút…” Espinosa nói. Sau đó: “Xe cứu thương tới rồi. Cả hai xe sẽ đi sau xe van của SWAT ở hai đầu phố, kế đến là các xe tuần tra để phong tỏa khu phố nếu chẳng may tên này thoát được ra ngoài. Các đội vào vị trí cả rồi chứ?”

“Đội sau nhà, đã vào vị trí.” Brogan đáp.

“Đầu phố phía đông, đã rõ.”

“Đầu phố phía tây, đã rõ.”

“Đội tuần tra 6,144, 38, và 1218, đã vào vị trí.”

Im lặng.

“Nash?” Lại là Brogan.

Nash hít một hơi thật sâu. “Đã vào vị trí.”

“Được rồi, khi nào sẵn sàng, anh cho xe dừng lại trước nhà. Nhà số tám mươi ba, bên tay phải của anh, sơn màu xanh dương với nẹp trang trí màu trắng. Chúng tôi sẽ theo sau anh.”

“Rõ.”

Nash hít một hơi thật dài qua đằng miệng, nín thở một lúc, rồi chầm chậm thở ra qua đằng mũi.

Việc đó chẳng giúp anh bình tĩnh hơn được tẹo nào.

Tay anh run lẩy bẩy. Tim đập như trống trận. Trong từng ấy năm theo nghề, anh đã tham gia hàng trăm cuộc vây ráp, vậy mà cảm giác này chưa bao giờ mất đi. Porter từng nói với anh rằng ngày anh không còn cảm giác ấy nữa, ngày anh bước vào một trận phục kích như thế này với tâm trạng bình thản, đó sẽ là ngày anh trúng đạn.

"Sẵn sàng hay không cũng kệ, ta tới đây." Anh nói.

Cần số của Connie luôn bị kẹt ở chế độ đỗ. Anh phải dùng sức gạt mạnh để chuyển sang chế độ lái. Chiếc xe già nua chầm chậm lết về phía trước.

"Từ từ thôi, Nash, chú ý băng đá trên đường. Sáng nay có xe đi xúc tuyết rồi, nhưng con phố giờ lại đâu vào đấy." Espinosa nói. "Còn sáu nhà nữa phía bên phải. Lên đến đỉnh ngọn đồi kia anh sẽ thấy."

Lốp xe chật vật tìm cách bám đường. Cần phải tính toán cẩn thận khi lái xe trên băng tuyết. Đi quá nhanh hay quá chậm cũng khiến xe trượt bánh, khó bám xuống mặt đường. Connie muốn tăng tốc nhưng anh ghìm lại. Thứ đầu tiên anh nhìn thấy là lớp sơn xanh và nẹp trắng của mái nhà chóp nhọn, sau đó số nhà hiện ra bên cạnh cửa trước. Trên phố có vài xe đang đỗ, trông chẳng khác nào những mô đất khổng lồ trắng phau nằm dưới tuyết, không thể nhìn thấy màu sơn, hãng xe và dòng xe. Tuy nhiên khoảng không gian phía trước nhà đang bỏ trống, đủ để anh khỏi phải đỗ song song. Anh đánh xe vào chỗ trống và chuyển sang chế độ đỗ.

Tiếng Espinosa lại vang lên lẹt xẹt qua chiếc tai nghe nhỏ. "Nash đã tiếp cận mục tiêu, các đội chuẩn bị, sẵn sàng đợi lệnh."

Nash băn khoăn không biết có nên để máy nổ. Tài xế giao hàng có để máy nổ không nhỉ? Anh chẳng bao giờ để ý. Nhưng trong thời tiết này thì làm vậy cũng hợp lý thôi. Cứ ra ra vào vào liên tục thì việc gì phải tắt máy.

Upchurch có thể cướp xe của mày để chạy trốn lắm chứ.

Anh không tin tưởng vào khả năng Upchurch chạy tuốt ra tận ngoài đường, nhưng ý nghĩ ấy cũng đủ để khiến anh tắt máy và bỏ chìa khóa vào túi. Động cơ của Connie lại khục khặc, khi nhận ra rằng xe không còn chạy nữa, nó phát ra âm thanh nghe như tiếng rên rỉ rồi mới chịu im hẳn.

Nash vớ lấy hộp đựng hàng Amazon, mở cửa xe rồi bước ra ngoài trong cơn bão. Tuyết đã lại rơi nặng hạt, những bông tuyết dày gần ba centimet. Anh biết tầm nhìn vì thế sẽ bị hạn chế. Gió quất vun vút lên đôi má để trần khi anh đi vòng qua xe, dò dẫm tiến đến chỗ anh đoán là vỉa hè đã bị vùi dưới tuyết.

“Có động tĩnh.” Giọng nói của Espinosa vang lên trong tai anh. “Rèm cửa sổ tầng hai, bên tay trái.”

Nash không trông thấy điều đó.

Anh đang đứng trên bậc tam cấp.

Anh thận trọng bước từng bước, một tay cầm hộp, tay kia bám vào lan can bằng kim loại.

Khi đặt chân lên khoảng hiên nhỏ, anh trông thấy chuông cửa, đang định với tay ra ấn thì anh chợt nhớ lời Espinosa đã dặn cách đây mới vài phút.

Tập trung vào, thằng ngốc này. Tập trung vào.

Anh muốn ngoái lại phía sau. Anh muốn ngó nghiêng hai bên đường để chắc chắn rằng những người khác đang ở đúng vị trí như đã nói, nhưng anh

không làm thế. Thay vì vậy anh gõ cửa, gõ thật mạnh ba lần, khiến khớp ngón tay đau điếng.

Qua khóe mắt, anh nhác thấy hai xe van của SWAT tiến đến rất nhanh từ cả hai đầu phố. Họ phanh kít lại giữa đường, cửa hậu đã mở tung, các chiến sĩ đặc nhiệm mặc áo chống đạn màu đen túa ra.

Tai anh vang lên hiệu lệnh của Espinosa. “Mau, mau, mau.”

Không ai mở cửa.

Nash có thể nhìn vào nhà qua ô cửa hẹp bên cạnh cửa chính, bên trong không có người. Khi nghe thấy tiếng giày đạp lạo xạo trên tuyết ở bậc tam cấp sau lưng, anh vọt lẹ sang trái, tránh xa cửa chính. Thomas hoặc Tibideaux, anh không phân biệt được là ai, nện cánh cửa khung gỗ cũ kĩ bằng trục phá cửa to tướng đúc từ kim loại màu đen. Chỉ cần hai cú nện là ổ khóa đã bung, cánh cửa bật tung, những chiến sĩ áo đen đi lướt qua anh, tràn vào nhà.

Một tiếng nổ lớn nữa vang lên từ phía sau nhà, làm cửa sổ rung bần bật. Lựu đạn gây choáng.

Brogan: “Chúng tôi đã vào! Tìm thấy một thi thể trên bàn ăn! Là nữ! Ngoài điều đó ra, bếp trống!”

“Phòng khách, trống!”

“Cầu thang tầng hầm, đang xuống!”

“Espinosa đây, tôi đang ở chiếu nghỉ tầng hai.” Anh ta hạ giọng, chỉ còn là tiếng thì thầm. “Phòng tắm, trống. Phòng ngủ một, trống. Phòng ngủ hai…”

Anh ta đột ngột im bặt. Nash ấn tai nghe cho chặt hơn.

“Ngồi im! Cấm nhúc nhích! Cấm…”

Nash rút khẩu súng trường tấn công trong chiếc hộp Amazon và chạy xộc vào. Cầu thang lên tầng hai nằm ở phía cuối phòng khách. Anh nhảy cóc hai bậc một. Trên chiếu nghỉ nhỏ ở đầu cầu thang, Espinosa đang chĩa súng vào ai đó hoặc thứ gì đó trong phòng ngủ thứ hai. Một thành viên khác trong đội đứng phía sau anh ta, họng súng chúc xuống đất.

Nash nhìn Espinosa bước vào phòng.

Giọng nói của Brogan lại cất lên bên tai anh, giờ không còn hét lớn. “Trời đất, cái mẹ gì đây… Chúa ơi… dưới này còn một cái xác nữa, một cô gái nữa. Ngoài ra, tầng hầm không còn ai khác.”

CHƯƠNG 113

Poole

Ngày 4 • 4:06 chiều

Weidner ngồi trên chiếc ghế kim loại được vít chặt xuống sàn đằng sau cái bàn cùng bộ. Mắt anh ta đảo khắp phòng, ngón tay liên tục ngọ nguậy, cọ xát, một tay đặt trên bàn, tay kia đặt lên lòng.

Poole quan sát anh ta qua ô cửa sổ một chiều. “Lúc cảnh sát đến, anh ta có nói gì không?”

Giám thị Vina lắc đầu. “Chẳng chống cự hay gì hết, chỉ ngoan ngoãn đầu hàng. Anh ta đã sắp sẵn túi hành lý, trong đó có hơn hai ngàn đô tiền mặt và một vé xe buýt đến Chicago. Chúng tôi mà đến chậm mươi phút nữa thôi thì có lẽ anh ta chuồn mất rồi.”

“Tôi nói chuyện với anh ta được chứ?”

Giám thị nhún vai. “Anh ta không chịu nói gì với tôi. Tôi đã thử rồi. Anh cứ tự nhiên.”

Đội trưởng Direnzo đứng bên trái Poole. Anh cảm nhận được thân nhiệt tỏa ra từ người đàn ông ấy.

“Khi tôi xong việc, anh ta là của ông cả đấy.” Poole bảo ông ta.

Direnzo không đáp mà chỉ ậm ừ.

Poole mở cánh cửa kim loại ngăn cách giữa hai phòng và bước sang phòng thẩm vấn, đóng cửa lại sau lưng.

Weidner ngẩng lên, sau đó lại cúi nhìn bàn tay đặt trên bàn.

Poole ngồi xuống ghế đối diện. "Chào anh, Vincent. Tôi là Đặc vụ Frank Poole của FBI. Xem ra anh đã có một buổi sáng với khá nhiều sự kiện đáng nhớ. Sao anh không bắt đầu bằng cách nói cho tôi biết anh và Libby McInley có quan hệ thế nào?"

Ngón tay Weidner ngừng gõ nhịp. "Luật sư. Sarah Werner. Ngay bây giờ."

"Tất nhiên anh hoàn toàn có thể chọn cách ấy. Nhưng tôi nghĩ anh làm nghề này đã lâu nên thừa hiểu mọi chuyện sẽ có kết cục ra sao nếu anh đi theo hướng đó." Poole nói. "Nếu anh không giúp tôi, nếu anh nhờ luật sư can thiệp, thì tôi cũng chẳng thể giúp được anh. Điều đó có nghĩa là chúng tôi sẽ truy tố anh với đầy đủ tội danh: đồng lõa và tiếp tay cho hành vi phạm pháp, dàn xếp vụ vượt ngục, chạy trốn lực lượng chức năng… anh đang phải đối mặt với mức án không hề nhỏ đâu. Anh trả lời vài câu hỏi, anh giúp đỡ tôi, thì tôi mới có thể giúp anh được." Poole nhoài người qua bàn lại gần anh ta. "Tôi muốn nói rõ một điều thế này, Vincent. Tôi đến đây không phải vì anh. Anh chẳng qua chỉ là một công cụ để tôi đạt được mục đích của mình, thế thôi. Tôi không có lý do gì để làm khó anh cả. Nhưng bên kia tấm kính là giám thị và đội trưởng đội an ninh trại giam, hai người đó không ai hài lòng với anh đâu. Tôi mà để anh ở đây với họ, họ sẽ trừng phạt anh để làm gương. Họ sẽ dùng anh để dằn mặt người khác. Anh giúp tôi, tôi sẽ đưa anh về Chicago cùng tôi, chúng ta tránh được tất cả những rắc rối đó. Dù sao anh cũng đang định tới Chicago mà, đúng không? Tôi có một chiếc phi cơ đang chờ sẵn ở sân bay Louis Armstrong."

Weidner nhoài người về phía trước. "Luật sư. Sarah Werner. Ngay."

"Nói cho tôi biết về Anson Bishop đi. Tại sao anh lại giúp hắn?"

Weidner không trả lời.

“Người đàn bà được anh giúp trốn thoát là ai? Có phải mẹ của Bishop không?”

Im lặng.

Vậy là Poole phải ngồi mọc rễ gần hai tiếng đồng hồ tiếp theo trong căn phòng này cùng với Weidner.

CHƯƠNG 114

Nash

Ngày 4 • 4:07 chiều

Nash bước qua ngưỡng cửa để ngỏ.

Espinosa đang đứng trong căn phòng nhỏ, súng chĩa vào người đàn ông ngồi bên cái bàn kê trước cửa sổ, chính là ô cửa sổ họ phát hiện ra động tĩnh lúc ở bên ngoài.

Hắn nhìn thấy họ đến gần.

Hắn không hề tìm cách chạy trốn.

Gã đàn ông ngồi đó, lưng quay về phía họ, đầu gục xuống, nhìn chằm chằm lên bàn. Hai tay hắn đặt trên mặt bàn, ngón tay xòe ra. “Tôi không có vũ khí.”

Nghe thấy vậy, Espinosa tiến tới. Anh ta rút một sợi dây thít nhựa dày giắt ở phía sau thắt lưng, tóm lấy cánh tay trái của gã đàn ông và bẻ ngoặt ra sau, tiếp đến là tay phải, rồi dùng dây buộc cả hai tay hắn sau lưng ghế. Sĩ quan SWAT còn lại, Tibideaux, tiếp tục chĩa khẩu súng trường vào gã đàn ông, họng súng nhằm vào đầu hắn.

Mắt Nash dán chặt lên vết mổ to đùng bắt đầu từ tai trái của gã đàn ông rồi chạy ngược lên trên, mất hút dưới chiếc mũ len đen. Da thịt hắn đỏ ửng, sưng tấy, lem nhem vết máu khô. Anh băng qua phòng, suýt trượt ngã khi vấp phải đống quần áo, và kéo cái mũ len khỏi đầu hắn.

Đầu gã đàn ông gần như trọc, mới được cạo cách đây vài ngày, chỗ tóc mọc lại lưa thưa, rải rác thành từng mảng.

"Do điều trị hóa chất nên mới thành ra như thế. Xin lỗi, trông tôi chắc là gớm ghiếc lắm. Thực sự xin lỗi."

Hắn nói ngọng, khó phát âm chữ *xin.*

"Paul Upchurch?" Espinosa vừa nói vừa kéo hắn đứng dậy. "Anh có quyền giữ im lặng…"

Những lời Espinosa nói đã lùi về sau. Nash thấy mình chăm chú quan sát căn phòng.

Đây là phòng của một bé gái. Toàn màu hồng và những sắc màu tươi sáng. Trên chiếc giường nhỏ là tấm chăn Hello Kitty và đống thú nhồi bông. Các bức tường treo đầy tranh. Một số tranh do trẻ con vẽ, số khác lại do bàn tay tài hoa của một người lớn tạo nên, đường nét và màu sắc đều thật hoàn hảo.

Dựng trong góc phòng là một con ma-nơ-canh với hình hài và kích cỡ của một bé gái. Nó khoác trên người bộ đồ con gái. Áo len đỏ, quần soóc xanh dương. Lúc Espinosa kéo Paul Upchurch rời khỏi bàn, Nash trông thấy mấy bức tranh mà vừa rồi bàn tay hắn đặt bên trên, trong tranh là một cô bé mặc đồ giống hệt con ma-nơ-canh. Có vẻ như hắn đã cố tô màu những bức tranh đó, nhưng tất cả đều hỏng bét. Trên bàn la liệt bút màu không đậy nắp.

"Xin đừng làm đau con bé." Gã đàn ông nói khi Espinosa và Tibideaux dẫn hắn đi qua con ma-nơ-canh rồi rời khỏi phòng, cặp mắt vằn đỏ của hắn lướt nhìn những bức tranh.

"Thanh tra Nash?" Tiếng Brogan vang lên qua tai nghe.

"Có?"

"Chúng tôi cần anh vào trong bếp."

"Tôi tới liền."

Khi xuống tới chân cầu thang, anh bắt gặp cảnh tượng Upchurch bước trên hành lang, xung quanh là các thành viên SWAT, lầm lũi đi ra cửa. Nash nghe tiếng hắn khóc rấm rứt qua micro của đội SWAT, nhưng anh mặc kệ.

Anh băng qua phòng khách nhỏ bài trí sơ sài.

Có hai người đàn ông đang đứng ở hai bên của chiếc bàn ăn trong phòng bên cạnh.

Trên bàn là một cô gái trẻ, mặc áo len đỏ cùng quần soóc xanh hệt như con ma-nơ-canh và những bức vẽ ở căn phòng tầng trên. Hai tay bắt tréo trước ngực, lòng bàn tay ngửa lên. Trong tay cô là một cái hộp nhỏ màu trắng, thắt dây đen.

"Cô bé còn sống nhưng hiện đang bất tỉnh." Brogan nói, nhẹ nhàng kiểm tra đầu cô. "Tôi sờ thấy máu khô ở đây, nhưng không thấy vết thương." Anh ta lại quay sang Nash. "Chúng tôi phát hiện một cô gái nữa dưới tầng hầm. Cũng bất tỉnh. Không có thương tích bề ngoài."

Mắt Nash nhìn xoáy vào cái hộp trắng trong tay cô bé. "Liệu có phải hai cô bé bị đánh thuốc mê?"

"Có thể."

Đúng lúc đó, các nhân viên y tế chạy vào phòng, vây quanh cô bé. Một người phụ nữ và hai người đàn ông. Chỉ vài giây sau, một chiếc băng đo huyết áp được quấn quanh cánh tay cô bé. Một nhân viên nam vén mí mắt cô bé lên và chiếu đèn để kiểm tra, nhân viên nữ cầm lấy cổ tay cô bé. "Mạch là sáu mươi ba."

“Huyết áp một trăm lẻ hai trên bảy mươi.”

Những ngón tay lướt trên thân, đầu và tứ chi cô bé. “Không có dấu hiệu thương tích. Tôi không nghĩ vết máu là của cô bé. Tôi nghĩ nó bắt nguồn từ kia…” Cô hất đầu về phía vũng máu trên sàn, kéo thành vệt dài và khô két lại trên mặt sàn phủ vải sơn.

Mãi đến lúc này Nash mới trông thấy nó.

Nhân viên y tế đây một chiếc cáng vào phòng và dựng lên bên cạnh bàn.

“Khoan đã.” Nash rút đôi găng tay cao su từ trong túi và cẩn thận nhấc cái hộp trắng khỏi hai bàn tay cô bé đang xòe ra.

Nhân viên y tế chuyển cô bé sang băng ca và bắt đầu cố định lại.

Nash đặt cái hộp nhỏ lên bàn rồi kéo dây. Sợi dây bung ra.

Nash không hề nhận thấy bầu không khí lặng phắc bao trùm khắp phòng, anh cũng không biết rằng mọi người xung quanh đều đã bất động, kể cả các nhân viên y tế. Anh nhấc cái nắp nhỏ ra và đặt sang một bên.

Đây rõ ràng là một trong những chiếc hộp của Bishop.

Trong hộp, nằm trên lớp lót bông gòn là một chiếc chìa khóa bạc loại nhỏ có đầu làm bằng nhựa màu xanh dương, trên thân kim loại khắc mấy chữ B.V.J.H.S. Nash lấy nó ra và đặt cạnh cái hộp. Ngoài ra không còn gì nữa.

“Tôi nghĩ đó là chìa khóa tủ gửi đồ ở bệnh viện.” Nữ nhân viên y tế nói. Cô quay sang người đàn ông vẫn đang cầm cái băng đo huyết áp. “Rick này? Anh thấy sao? Chìa khóa của Stroger đúng không? B.V.J.H.S.?”

Anh ta gật đầu và quay sang Brogan. “Anh nói còn một cô gái nữa phải không?”

“Cô bé ở dưới tầng hầm. Tình trạng tương tự. Bị đánh thuốc mê, tôi nghĩ vậy. Quanh miệng có vết rách, nhưng có vẻ nhẹ.”

Nhân viên y tế trỏ vào chân cô bé đang nằm trên cáng. “Cô bé có vết tiêm ở đùi. Chắc chắn là mới bị tiêm. Căn cứ vào những dấu hiệu sống của cô bé sau khi kiểm tra sơ bộ, tôi đoán là propofol hoặc loại thuốc an thần khác. Tình trạng cô bé ổn định, giống với trạng thái do dùng thuốc, loại đặc hiệu chứ không phải tự chế. Nếu cô bé bất tỉnh do chấn thương thì các dấu hiệu sống sẽ bất ổn.” Anh ta quay sang các đồng nghiệp. “Kat này, cô và Diaz đưa cô bé lên xe về Stroger nhé. Bảo Mike xuống tầng hầm hỗ trợ tôi và mang theo cáng dẹt. Chúng tôi sẽ mang cô bé kia lên và đi sau các cô. Trên đường đi, hãy lấy máu của cô bé và báo trước với bệnh viện để chuẩn bị xét nghiệm độc tố toàn diện cho cả hai cô bé.”

Cô gật và nắm lấy một đầu chiếc cáng, cộng sự của cô nắm đầu kia, rồi hai người đưa cô bé bất tỉnh ra khỏi căn bếp nhỏ.

Nash đi theo nhân viên y tế còn lại, anh ta bước xuống cầu thang phía sau bếp rồi mất hút trong khoảng không tối đen bên dưới, Brogan đi đằng sau.

CHƯƠNG 115

Nhật ký

Suốt ba ngày sau đó, tôi miên man nghĩ đến thân ngữ học.

Tôi nghĩ đến cha.

Tôi nghĩ đến mẹ.

Tôi nghĩ đến những điều ông bác sĩ đã kể với tôi về cảnh sát và chốn tồi tệ mà ông ta nói tôi sẽ phải chuyển đến.

Tôi lắng nghe tiếng cô gái khóc. Trong đêm khuya thanh vắng, tôi lắng nghe tiếng khóc của cô ấy.

Tôi rút vào vỏ ốc của mình, phong kín tâm trí khỏi tất cả những thứ khác.

Tiếng nức nở của cô gái tựa như hơi ấm truyền sang tôi, chúng là những ve vuốt của cô ấy, những ngón tay cô ấy vượt qua không gian giữa hai phòng ngăn cách chúng tôi, như thể chúng tôi chỉ cách nhau có vài centimet. Tôi tưởng tượng cô ấy đang nằm trên giường, nghe được từng nhịp đập trầm bổng nơi trái tim tôi và muốn được nghe mãi, đó là điều duy nhất mang lại cho cô ấy cảm giác bình tâm giữa bao ý nghĩ khủng khiếp, nguồn cơn của những tiếng khóc.

Hình như ngày nào họ cũng tới dẫn tôi đến gặp ông bác sĩ, nhưng những điều ấy không lưu lại trong ký ức của tôi. Thế giới bên ngoài tâm trí tôi đã hóa thành bóng tối, một nơi chỉ toàn màu đen, khoảng hư vô thăm

thẳm. Làm theo lời cha dạy, tôi khắc chế thời gian, ngụp lặn trong đó, đắm chìm giữa những con sóng cuộn trào.

CHƯƠNG 116

Nash

Ngày 4 • 5:23 chiều

Sau một tiếng đồng hồ quanh quẩn ở đây, Nash cảm thấy như bốn bức tường nhà Upchurch đang dần thu hẹp lại quanh mình. Anh gọi cho Clair đang ở bệnh viện. "Clair, tình hình tệ quá, rất tệ. Bishop và gã này…" Anh ấn điện thoại lên tai và chầm chậm băng qua tầng hầm, đi theo lối cũ bắt đầu từ cái chuồng tạm để tới chỗ chiếc tủ đông lạnh cỡ lớn dùng làm bồn chứa nước cạnh cầu thang rồi vòng lại, thận trọng giẫm lên những tấm lót bằng nhựa trong được đặt trên sàn để tránh làm ảnh hưởng đến hiện trường. Anh bước vào trong chuồng. Đội Khám nghiệm kiểm tra kĩ tất cả các bề mặt. Anh quan sát một kỹ thuật viên cẩn thận thu thập chất nôn dính máu ở góc phía sâu bên trong.

Clair nghe như đang vừa đi vừa nói, có vẻ hụt hơi. "Chúng tôi đã xác định cô bé các anh tìm thấy ở tầng trệt là Kati Quigley, thành viên hệ phái Nhân chứng Jehovah mất tích chiều hôm qua cùng với cậu bé chúng ta tìm thấy trong xe tải, Wesley Hartzler. Cô bé vẫn trong tình trạng ổn định và đang nằm ở phòng điều trị tích cực nhưng chưa tỉnh. Kết quả xét nghiệm độc tố xác nhận trong máu của cô bé có propofol. Các bác sĩ sẽ để cô bé ngủ trong thời gian chờ thuốc hết tác dụng. Ngay khi cô bé tỉnh, tôi sẽ hỏi chuyện cô bé. Trên người cô bé có vài vết bỏng do điện. Nhưng có vẻ chỉ là vết thương ngoài da, không để lại tổn thương vĩnh viễn."

Nash cúi nhìn loạt ắc quy ô tô được nối với nhau bên cạnh bồn nước. Anh đã kể cho Clair nghe về chi tiết này. Anh không muốn nghĩ đến nó nữa. “Larissa Biel thì sao?”

Clair nói gì đó với một người ở đầu dây bên kia rồi lại tiếp tục cuộc điện thoại. “Cô bé đang nguy kịch. Cũng bị tiêm thuốc, nhưng có thể như thế lại may. Cô bé được đưa đi phẫu thuật cách đây khoảng ba mươi phút.” Clair hạ giọng. “Chúng bắt cô bé nuốt thủy tinh. Cô bé có nhiều vết rách ở miệng, họng và dạ dày. Nhiều cơ quan nội tạng bị tổn thương nghiêm trọng. Không thể tưởng tượng nổi cô bé đau đớn đến mức nào.”

Nash nhắm mắt lại. “Chúng ta đang phải đối mặt với chuyện gì thế này hả Clair? Việc này vượt xa những gì Bishop từng làm trong quá khứ. Hắn có quan hệ thế nào với Upchurch?”

“Tôi đã cố liên lạc với Poole nhưng điện thoại của anh ta để chế độ thư thoại. Kloz đang tìm kiếm thông tin để truy ra mối liên hệ giữa hai kẻ đó sau khi chúng ta biết được tên của Upchurch, nhưng không thu được kết quả nào. Lâu nay chúng ta luôn nghĩ Bishop là sát nhân đơn độc. Tất cả những điều này thật quá khó hiểu. Chúng tôi cho rằng bọn chúng đã chế cái tủ đông lạnh thành kiểu bồn cô lập giác quan.”

“Bồn gì cơ?”

“Bồn cô lập giác quan. Phổ biến hồi thập niên 50. Nước muối được đun nóng đến ba mươi tư độ C, xấp xỉ nhiệt độ trên da. Khi ngâm mình trong đó, mọi giác quan đều trở nên vô hiệu, anh sẽ không nghe, không nhìn thấy bất cứ điều gì bên ngoài. Khi nhiệt độ nước bằng nhiệt độ của da, anh sẽ cảm thấy như đang nổi. Loại bồn này vốn được dùng để thư giãn, một kiểu thiền ấy mà.”

Nash cúi nhìn đầu kim loại han gỉ của mấy sợi cáp mồi bên cạnh cái bồn. “Thư giãn gì cái kiểu này.”

Điện thoại của Clair kêu “bíp”. “Chờ chút nhé. Tôi có cuộc gọi đến khác.”

Nash nhìn một sĩ quan điều tra hiện trường nhặt chiếc chăn mỏng màu xanh lục trong góc phòng, nhẹ nhàng gấp lại trước khi đặt vào túi đựng vật chứng cỡ lớn.

Anh phải rời khỏi đây thôi.

Anh lên cầu thang để trở lại căn bếp và chậm rãi băng qua phòng trong lúc chờ Clair quay lại. Khi cuối cùng cô cũng lên tiếng, anh đang ở trên tầng hai, bên ngoài căn phòng có con ma-nơ-canh và những bức vẽ.

“Nash?”

“Ừ, tôi vẫn đang nghe đây.”

“Đội tuần tra áp tải Upchurch về Sở vừa gọi cho tôi. Hắn đã ngất xỉu trên băng ghế sau. Họ đang chuyển hướng đưa hắn tới đây.”

“Ngất xỉu ư?”

“Họ nói tự dưng hắn la hét om sòm, cố sờ lên đầu nhưng không được vì hai tay đã bị trói sau lưng. Hắn đập đầu vào cửa xe. Chắc là cách này không được thì xoay sang cách khác. Họ nghĩ hắn bị lên cơn hay gì đó.”

“Liệu có thể là hắn bày trò không? Để tìm cách trốn thoát ấy?”

“Nghe chừng không giống lắm, nhưng chúng ta không thể chủ quan. Tôi đã dặn họ không được mở cửa sau chừng nào chưa tới đây. Xe tuần tra mang theo cái chìa khóa anh gửi cũng vừa đến. Bây giờ tôi ra lấy đây, để xem có khớp được nó với tủ đồ nào không. Tôi sẽ nhờ các sĩ quan ở lại giúp canh chừng Upchurch. Hắn đừng hòng trốn thoát.”

“OK, tìm được gì thì báo cho tôi nhé. Tôi sẽ ở đây cho tới khi bên Hiện trường xong việc.” Lúc này, anh đang ở trong căn phòng nhỏ. Một vài bức tranh đã được bỏ vào trong túi, số khác rải trên giường, tất cả đều được các sĩ quan khám nghiệm hiện trường chụp lại.

CHƯƠNG 117

Clair

Ngày 4 • 6:07 tối

Clair theo chân một hộ lý bước ra ngoài khi thang máy dừng ở tầng ba, đi qua hành lang để tới khu phía đông của tòa nhà. Người phụ nữ ngoái lại nói với cô. “Bệnh viện chỉ còn mỗi phòng gửi đồ này nữa thôi. Nếu chiếc chìa khóa đó không mở được ngăn tủ nào ở tầng dưới thì chắc chắn là ở trên này rồi.”

Clair đã đi khắp bệnh viện, cô chỉ dừng lại để thăm Kati Quigley (vẫn chưa tỉnh) và giám sát quá trình nhập viện của Paul Upchurch. Hắn bị buộc chặt vào một cái băng ca khi đến trước cổng khoa cấp cứu và được đưa tới một phòng riêng với hai sĩ quan tuần tra đứng gác bên ngoài.

Hắn sẽ chẳng thể chạy đi đâu được.

Họ nói với cô rằng hắn vẫn tỉnh nhưng không thể nói chuyện do vừa trải qua cơn bệnh nào đó trên đường tới đây. Vị bác sĩ điều trị cho hắn đã được dặn phải báo với cô ngay khi hắn thốt ra bất cứ điều gì có nghĩa.

Người hộ lý dừng lại trước một cánh cửa ở cuối hành lang và lấy một chìa trong chùm chìa khóa để mở. Đèn trong phòng tự động bật sáng. Cô giữ cửa để Clair bước vào. “Cảm ơn nhé, Sue.”

“Giá mà có hai chìa, như thế sẽ nhanh hơn.” Sue nói. “Bên trái là tủ của nữ, bên phải của nam.”

Những ngăn tủ để đồ phủ kín các bức tường, cộng thêm hai dãy nằm giữa phòng, xen giữa các dãy là những băng ghế dài. Có một bức tường ngăn căn phòng ra làm đôi.

Clair lấy điện thoại ra định gọi lại cho Poole.

“Trong này điện thoại không hoạt động đâu.” Sue nói. “Cả tầng không có sóng vì cách đây một đoạn là khu vực có các thiết bị chẩn đoán hình ảnh. Cô phải lên tầng trên hoặc xuống tầng một. Dưới đó lắp các bộ kích sóng.”

Clair nhíu mày và lại cất điện thoại vào túi.

Đành gọi cho Poole sau vậy.

Quay sang dãy đầu tiên bên tay phải, cô tra chìa vào một ngăn tủ ở góc phải hàng trên cùng và cố xoay, sau đó lại rút ra và chuyển sang tủ bên cạnh. Xong một cái, còn khoảng ba triệu cái nữa thôi.

CHƯƠNG 118

Nhật ký

Ông bác sĩ trân trối nhìn tôi.

Tôi lại ngồi trong văn phòng ông ta.

Con dao của tôi đang nằm trên góc bàn.

Một bàn tay nặng nề đặt lên vai tôi, bàn tay của một ai đó tôi không nhìn thấy được.

Bác sĩ nhoài người tới gần.

Hơi thở ông ta có mùi hành.

“Anson? “

Tôi nên lấy con dao.

Tôi nên quên kế hoạch kia đi mà hãy lấy con dao và…

Tôi hét lên.

Tôi hét lớn đến nỗi tiếng hét khiến cổ họng tôi bỏng rát, như thể ngàn lưỡi dao lam đang chạy ngược lên trên rồi trào ra ngoài.

Khắc chế thời gian.

Trở về phòng của tôi.

Nằm trên giường của tôi.

Nhìn đăm đăm lên trần.

Tôi muốn trốn đi, nhưng cô gái kia không khóc nữa rồi.

Kế hoạch của tôi không thể thành công nếu cô ấy không khóc.

Ngày qua ngày cứ trôi đi như thế.

Đêm từng đêm cứ trôi đi như thế.

Tại sao lúc đó tôi lại không lấy con dao kia chứ?

CHƯƠNG 119

Poole

Ngày 4 • 6:38 tối

Frank Poole bước ra khỏi phòng thẩm vấn không biết đến giờ là lần thứ bao nhiêu, anh dựa lưng vào bức tường ngoài hành lang. Nếu không vì sợ sẽ làm mình gãy tay thì có lẽ anh đã đấm vào bức tường gạch không nung kia rồi.

“Tên này không mở miệng đâu.” Direnzo nói. “Tôi sẵn lòng “quay” hắn thay anh nếu việc đó giúp ích được gì, nhưng tôi đã gặp nhiều kẻ như hắn. Anh đang phải đối mặt với thách thức nhân đôi, hắn là quản giáo nên biết rõ thủ tục hơn những người khác, và hắn sẽ chẳng chịu thua đâu. Hắn biết anh chỉ được phép dồn ép đến thế là cùng.”

“Đội của ông có tìm thấy gì ở căn hộ của anh ta không?”

Đội trưởng lắc đầu. “Tên này sống trong căn nhà như cái hộp giày, và tôi dùng từ *sống* với nghĩa chung nhất đấy nhé. Không tranh ảnh treo tường, không ti vi, không nội thất, ngoại trừ một cái bàn gấp và một cái ghế trong bếp cùng một cái đệm trên sàn phòng ngủ. Đội của tôi cho biết họ bắt được hắn lúc hắn đang gói ghém đồ đạc, nhưng tôi có cảm giác hắn đã chuẩn bị sẵn từ lâu rồi. Tôi nghĩ có khi hắn còn chưa bao giờ dỡ đồ ra ấy chứ. Đối với hắn, NOLA* chỉ là một điểm dừng chân tạm thời. Hắn giúp người đàn bà đó tẩu thoát sáng nay, việc của hắn ở đây thế là đã xong. Hắn sẽ chuyển đi.”

“Thế còn Stateville thì sao?”

“Giám thị Vina đã tìm cách liên lạc với giám thị ở Stateville suốt cả buổi chiều. Chưa thấy tăm hơi gì. Lão này hoặc là bận tối mắt, hoặc là cố tình tránh né.” Direnzo tặc lưỡi. “Tôi theo nghề này đã hai mươi lăm năm nay. Tính tôi vốn đa nghi nên anh không để tâm đến những gì tôi nói cũng không sao, có điều, linh tính mách bảo tôi rằng với cái tình hình sếp anh gọi, sếp tôi gọi, rồi còn ai gọi nữa thì có trời biết, lúc này lão giám thị Stateville chắc là đang cuống lên “dọn nhà”. Trừ phi có người đến tận nơi, còn không, tôi không nghĩ chúng ta sẽ liên lạc được với lão cho đến khi nào lão sắp xếp mọi sự đâu vào đấy và rặn ra được một câu chuyện hay ho chính đáng để giải thích cho những việc làm của Weidner hồi còn ở đó.”

Libby McInley.

Direnzo quay về phía ô cửa sổ một chiều. Sau mấy tiếng đồng hồ, vẻ mặt Weidner chỉ càng lúc càng rắn, đầy cương quyết. “Khó khăn thứ hai là ở chỗ, hắn đòi gặp luật sư từ cách đây hai tiếng. Ngay cả khi chiều theo luật ở New Orleans, anh đang đi quá giới hạn không chỉ một lần. Đúng ra mà nói, không ai trong chúng ta được phép thẩm vấn hắn thêm nữa.”

“Ông nói ông gọi cho cô ta rồi, phải không?”

“Phải, nhưng không nghe máy. Gọi cả di động lẫn máy bàn ở văn phòng đều được chuyển thẳng vào hộp thư thoại.”

“Thế còn Jane Doe?”

“Chúng tôi để bà ta yên, đúng như anh yêu cầu. Bà ta vẫn ở trong phạm vi gần văn phòng của Werner. Thiết bị giám sát đeo ở cổ chân bà ta cho biết bà ta băng qua đường, dừng lại ở một con ngõ. Chỗ ấy chỉ có mấy tòa nhà bỏ không, chẳng có gì nhiều. Chắc chắn bà ta đang đợi thứ gì đó hoặc ai đó.

Cảnh sát New Orleans đã bố trí xe không phù hiệu đỗ ở tất cả các cửa ngõ. Họ đang giữ khoảng cách anh toàn, kiểm soát mọi xe ra vào khu vực. Chúng tôi dự đoán bà ta sẽ tháo máy theo dõi khi xe của bà ta đến đón. Bà ta sẽ chẳng thể chạy xa được."

"Vẫn không có dấu hiệu gì của Porter sao?"

"Chưa thấy gì cả. Có vẻ anh ta đã bỏ bà ta lại đó. Chắc là đi đâu với Werner đến giờ vẫn chưa về. Hoặc là Werner đang ngồi trong văn phòng, bắt chước giám thị ở Stateville không nghe điện thoại. Chẳng có cách nào biết chắc được. Cô ta sống tại căn hộ ở tầng trên. Có thể ru rú trong nhà nhiều ngày mà chẳng cần ló mặt ra ngoài."

Lúc Poole gọi điện cập nhật tình hình cho Đặc vụ Toàn quyền Hurless, sếp anh cho rằng Porter đã giúp người đàn bà trốn thoát và Bishop đang đến tìm bà ta. Rất có thể bọn họ thu xếp gặp nhau tại con ngõ đó. Cô luật sư sẽ không dám mạo hiểm để cuộc trao đổi diễn ra trong văn phòng của mình. Nếu mọi việc diễn ra ngoài văn phòng, cô ta còn có thể phủ nhận mối liên quan. Poole không hiểu tại sao ngay từ đầu cô ta lại dính vào chuyện này. Tại sao lại mạo hiểm giấy phép hành nghề của mình? Cuộc sống của mình? Thậm chí có khi là cả tự do của mình nữa.

Dĩ nhiên, mọi nghi ngờ của Hurless đều dựa trên giả thuyết ông ta đưa ra là Sam Porter đồng lõa với Bishop, nhưng Poole vẫn cảm thấy không đúng lắm. Anh cố tin vào điều đó, cố chứng minh giả thuyết ấy, nhưng có điều gì đó không khớp ở đây.

Hurless đã ra chỉ thị nghiêm ngặt: tiếp tục để mắt đến Porter, dùng mẹ Bishop làm mồi nhử. Kiểm soát toàn bộ khu vực, siết chặt vòng vây khi Bishop xuất hiện. Từ giờ đến lúc đó, tạm thời giữ khoảng cách.

Poole thấy đầu mình quay như chong chóng. Anh không biết phải làm gì nữa. “Ông đưa tôi tới đó được không?”

CHƯƠNG 120

Clair

Ngày 4 • 7:13 tối

Khi Clair tra chiếc chìa khóa bạc có khắc mấy chữ B.V.J.H.S. vào tủ để đồ số 1812 và xoay, cô không hề trông đợi sẽ có điều gì xảy ra. Cô trông đợi chiếc chìa khóa kẹt cứng hệt như với tất cả những ngăn tủ khác cô đã thử mở trong suốt mấy tiếng đồng hồ vừa qua. Cô không trông đợi nó xoay được, và chắc chắn càng không trông đợi ổ khóa bật mở.

"Sue?"

Người hộ lý kiêm hướng dẫn viên tour tham quan phòng gửi đồ của cô ngẩng lên khỏi cuốn tiểu thuyết bìa mềm mới nhất của tác giả Nora Roberts và bỏ tai nghe nhét trong ra. "Có tôi?"

"Tủ 1812 là của ai vậy?"

Sue vén lọn tóc vàng đang xòa xuống mắt rồi bắt đầu lật tập hồ sơ đặt bên cạnh. Cô dừng lại khi lật đến trang ba hoặc trang bốn gì đó, rà ngón tay dọc theo danh sách. "Của… chết tiệt."

"Của ai?"

"Bác sĩ Randal Davies, khoa Ung bướu. Ông ấy… ông ấy chết rồi, cách đây hai ngày. Cả bệnh viện đang bàn tán xôn xao. Đột quỵ nghiêm trọng, nhưng thường ngày ông ấy khỏe như vâm. Con gái ông ấy…"

Clair đã không còn nghe nữa.

Cô kéo cánh cửa tủ, chầm chậm mở ra.

Cô thấy bên trong có một tập hồ sơ dày gần năm centimet. Đặt trên tập hồ sơ là một quả táo đỏ chót. Một chiếc kim tiêm cắm trên thân quả táo.

Clair rút đôi găng tay cao su trong túi và xỏ vào. “Sue, lấy giùm tôi cái túi được không? Tôi nghĩ nó vẫn đang ở phòng hành chính.” Cô sẽ cần đến túi đựng vật chứng.

Cô nhón tay nhẹ nhàng lấy quả táo ra khỏi tủ và xoay tròn. Phần thịt quả xung quanh chiếc kim tiêm hơi biến màu, nhưng ngoài điều đó ra thì quả táo không có dấu hiệu để lâu. Cô thận trọng đặt nó lên băng ghế sau lưng rồi lại với lấy tập hồ sơ, lần này cầm bằng cả hai tay. Cô lôi tập tài liệu dày cộp ấy ra ngoài, đặt lên băng ghế cạnh quả táo.

Nhãn dán trên hồ sơ đề: PAUL EDWARD UPCHURCH.

Mở tập hồ sơ ra, cô thấy có ít nhất hai trăm trang giấy, một số được kẹp lại với nhau, số khác tách rời. Báo cáo, ghi chép, kết quả xét nghiệm, ảnh chiếu chụp… tất cả đều được thực hiện trong gần một năm trở lại đây. Trên cùng là một tờ giấy nhắn được viết bằng nét chữ vuông vắn quen thuộc:

Xin chào Thanh tra Norton, hay là Thanh tra Nash nhỉ? Tôi nghĩ chắc là một trong hai người. Hy vọng cô/anh vẫn khỏe. Khỏe hơn những người khác.

B

CHƯƠNG 121

Nhật ký

Lâu rồi tôi không viết.

Tôi không còn ý niệm gì về ngày tháng nữa.

Chắc cha sẽ giận lắm.

Chắc chắn cha sẽ giận tôi lắm.

Lúc này là ba giờ hai mươi tư phút chiều, điều ấy thì tôi biết, chiếc đồng hồ trong tâm trí nói với tôi như vậy, nhưng tôi không biết hôm nay là thứ mấy hay tôi ở đây đã bao lâu rồi. Mọi thứ diễn ra theo một khuôn mẫu y hệt nhau, sự giống nhau ấy cứ nối dài từ ngày này qua ngày khác.

Một tiếng "tách" vang lên từ cửa phòng tôi lúc ổ khóa xoay, tôi ngước lên và thấy bác sĩ Oglesby đang đứng ở ngưỡng cửa.

"Hôm nay cháu thế nào, Anson?"

"Cháu ổn."

Hai từ thốt ra thật khẽ và thật trầm, chúng dường như khiến ông ta bất ngờ, đây là lần đầu tiên trong suốt nhiều ngày qua tôi mở miệng nói hay đáp lời ông ta.

Tôi ngồi xích ra mép giường, sau đó đứng dậy và duỗi chân.

Thường ngày, ông bác sĩ hay mỉm cười khi đến đưa tôi tới buổi điều trị. Nhưng hôm nay thì không. Ánh mắt ông ta đảo quanh phòng tôi, nhìn khay đựng đồ ăn trưa trống rỗng trên tủ ngăn kéo, quần áo thay ra hôm qua vứt

đống trên ghế, cái kẹp giấy nhét dưới góc đệm, hình như tôi thấy ánh mắt ông ta nấn ná ở đó một giây, dẫu tôi đã hết sức cẩn thận khi giấu nó vào đó, không quên dè chừng camera.

"Đi thôi, Anson."

Ông ta mở rộng cửa và ra hiệu bảo tôi đi trước.

Y tá Gilman ở phòng y tế không mỉm cười khi chúng tôi đi qua; thay vì vậy, bà ấy cúi nhìn chỗ giấy tờ trên bàn và sắp xếp lại các trang.

Cửa phòng cô gái ấy đang mở.

Tôi ngó vào, thầm mong được thấy cô ấy ngồi trên giường. Cô ấy không ở đó. Chiếc giường không có chăn đệm gì cả, căn phòng trống trơn, và hơn thế nữa, trông nó mới vô hồn làm sao.

"Bạn ấy đâu rồi ạ?"

Bác sĩ đặt một tay lên vai tôi, đẩy tôi về phía trước. "Đi nào, Anson."

Có hai người đàn ông đang ngồi bên ngoài phòng làm việc của bác sĩ, cả hai đều mặc bộ vest nhàu nhĩ. Bọn họ ngẩng lên khi chúng tôi tiến lại gần.

Một ông đứng dậy. "Nó đây hả?"

Bàn tay bác sĩ đặt trên vai tôi siết mạnh một cái rồi buông ra. "Thanh tra, đây là Anson Bishop. Anson, đây là vị thanh tra ta đã kể với cháu, Thanh tra Welderman, còn đấy là cộng sự của ông ấy, Thanh tra… Xin lỗi, tôi quên mất tên anh rồi."

Người đàn ông thứ hai đứng dậy, đưa tay vuốt lại quần cho thẳng thớm. "Stocks, Ezra Stocks."

"Tới đây và quay người lại, Anson. Đưa hai tay ra sau lưng." Thanh tra Welderman nói.

Tôi làm theo lời ông ta.

Thép lạnh bập vào hai cổ tay tôi và khóa lại.

Còng tay.

Vị thanh tra bấm hai bên một lần nữa, cho đến khi chiếc còng thít chặt lấy da thịt tôi. "Chặt quá."

"Phải."

Tôi nghĩ đến cái kẹp giấy giấu dưới đệm. Tôi có thể dùng kẹp giấy để mở khóa còng.

"Đi thôi." Lại là Welderman, ông ta đẩy lưng tôi.

Thanh tra Stocks đi trước dẫn đường, qua bàn bảo vệ, qua cánh cửa kim loại mở ra kèm theo tiếng chuông điện kêu rè rè, sau đó đi hết một loạt hành lang, thang máy, cuối cùng là ra khỏi cửa chính. Tôi nghe thấy tiếng bác sĩ Oglesby phía sau, ông ta đang thì thào to nhỏ với Thanh tra Welderman, nhưng tôi không rõ ông ta nói gì.

Một chiếc Chevy Malibu màu trắng đang đỗ bên lề đường, thân xe bám đầy bụi đất. Stocks mở cửa sau.

Tôi cứ đứng ì ra đó. Welderman kéo giật cái còng, làm hai cánh tay tôi bị vặn ngược lên đau điếng. "Đi tiếp đi, nhóc."

Ông ta đẩy tôi về phía chiếc ô tô.

"Cho tôi nói chuyện với thằng bé một giây thôi được không? Trao đổi riêng ấy mà?" Bác sĩ Oglesby nói vọng lên từ phía sau.

"Nói ngắn thôi." Bàn tay nắm lấy cái còng buông ra, hai ông thanh tra đi tới trước đầu xe. Stocks rút từ trong túi ra bao thuốc lá. Welderman giơ tay lên. "Thời gian đâu mà hút." Tôi nghe thấy ông ta nói.

Ông bác sĩ xoay người tôi về phía mình và khuỵu chân xuống vỉa hè. “Ta đã tạo mọi điều kiện để cháu nói với ta, Anson à, mọi điều kiện. Bây giờ ta không thể làm được gì cho cháu nữa rồi.”

“Cô gái kia đâu?” Tôi hỏi. “Cô ấy đi đâu rồi?”

“Cháu phải ngoan ngoãn vâng lời những người đó. Cháu còn trẻ, cháu có thể vượt qua chuyện này.”

“Cháu muốn lấy lại con dao.”

Ông bác sĩ rướn người lại gần. Tôi cứ tưởng ông ta định ôm tôi. Thế rồi một tiếng thì thầm cất lên bên tai tôi: “Dao nào?”

Ông bác sĩ đứng dậy, lùi lại một bước. “Chúc cháu may mắn, Anson. Ta không mong gì hơn ngoài những điều tốt đẹp nhất sẽ đến với cháu.”

Ông ta vẫy hai thanh tra, bọn họ quay lại chỗ chúng tôi.

Stocks đẩy tôi vào băng ghế sau rồi sập cửa với một tiếng “thình” trầm đục.

CHƯƠNG 122

Porter

Ngày 4 • 8:01 tối

Chuyến đi tưởng dài mà hóa ra lại chóng vánh đến bất ngờ.

Porter đã hơn một lần liếc sang bên cạnh và bắt gặp kim đồng hồ đo tốc độ chỉ hẳn vào phần vạch đỏ, dù Sarah một mực khẳng định chiếc BMW của cô có thể chống được những ánh mắt dò xét của cảnh sát.

Khi ánh đèn thành phố Chicago dần hiện ra, Sarah cuối cùng cũng cho xe đi chậm lại, nhưng không phải vì cô sợ mà là vì họ gặp tắc đường.

“Rẽ vào lối ra 26A.” Jane lên tiếng. Mụ im như thóc trong suốt chuyến đi.

Lúc mới lên đường, Porter đã cố gợi chuyện mụ, dẫn dụ bằng cách đặt những câu hỏi dẫn dắt xoay quanh cuốn nhật ký của Bishop: vợ chồng Carter, Franklin Kirby và Riggs, chồng mụ, thậm chí là cả Bishop. Nhưng mụ không nói gì mà chỉ nhìn anh bằng ánh mắt sắc lạnh hoặc quay về phía cửa sổ, ngắm quang cảnh đồng quê ngút ngàn.

“Cuối cùng bà “tám” cũng chịu mở miệng rồi kìa.” Sarah nói, nhập vào làn đường bên phải. “Chính xác thì chúng ta đi đâu đây?”

“Rẽ vào lối ra 26A.” Mụ nhắc lại.

“26A, rồi. Sau đó thì sao?”

Mụ làm thinh.

Sarah đảo tròn mắt. “Được thôi, nhưng nhớ nhắc tôi để tôi biết mà rẽ vào đúng làn, tránh cảnh kẹt xe.”

Thành phố mỗi lúc một gần lại và chẳng mấy chốc đã ôm trọn lấy họ, những tòa cao ốc sừng sững vây quanh.

Bầu không khí *trông* thật lạnh lẽo.

Tuyết mới rơi cách đây chưa lâu, phủ lên vạn vật một tấm màn trắng lóa. Porter biết, chỉ đến sáng mai thôi là tuyết trên đường cao tốc sẽ chuyển sang màu xám xịt, lốm đốm những vệt đen, nhưng còn bây giờ, lớp tuyết khô giòn mang sắc trắng tinh khôi. Áo khoác của anh vẫn để trong cốp xe, anh không cần đến nó lúc ở New Orleans. Sarah vẫn đang mặc áo cộc tay.

Chiếc BMW giảm tốc độ, Sarah cho xe đi theo con dốc ngoằn ngoèo chạy dưới tuyến cao tốc. Tuyết đã được dọn sạch nhưng anh vẫn nhắc cô cẩn thận vì không biết cô có nhiều kinh nghiệm lái xe trong điều kiện thời tiết này hay không.

“Đến chân dốc, rẽ vào đại lộ Independence và đi xuôi theo hướng nam, đến đại lộ Hamilton.”

Porter biết khu vực ấy. Họ đang hướng tới West Garfield và K-town. “Khu này không tốt đẹp gì đâu.”

“Chúng ta không đến đó để tham quan. Mà hơn nữa là trễ giờ rồi đấy.”

“Mới có tám giờ hai phút.” Porter đáp.

“Anson đã nói rất rõ rồi.”

“Tôi không thích chuyện này chút nào.” Sarah nói, đưa mắt ngó những gã đàn ông đứng ở góc phố nhìn theo khi chiếc xe chạy qua.

Đại lộ South Independence hơi ngoặt sang phải và trở thành đại lộ North Hamilton.

“Rẽ trái ở phố Washington.”

Sarah làm theo lời mụ.

“Kia. Tạt sang bên kia. Vòng ra phía sau.”

Porter ngả đầu vào cửa kính xe và ngước nhìn. “Đây là Khách sạn Guyon đúng không nhỉ? Tôi tưởng nơi này bị phá từ lâu rồi.”

Jane đăm đăm nhìn ra ngoài cửa sổ như thể vừa trông thấy người bạn cũ. “Không ít người đã tìm cách dẹp nó đi, nhưng cô nàng sống dai như đỉa. Đuổi sạch bách lũ kinh doanh bất động sản như đuổi muỗi. Chính phủ liên bang công nhận công trình này là di tích lịch sử từ năm 85. Cô nàng sẽ chẳng đi đâu hết.”

Sarah đánh xe vào bãi phía sau khách sạn và chuyển sang chế độ đỗ. “Giờ thì sao?”

“Giờ thì ta vào trong.”

“Vào thế nào được? Đóng ván kín hết rồi còn đâu.”

Porter chăm chú quan sát tòa nhà. Sarah nói đúng. Những tấm ván gỗ che kín mọi cửa lớn cửa nhỏ từ tầng một đến tầng năm. Không có cách nào tiếp cận được tầng năm, cầu thang thoát hiểm đã bị dỡ bỏ từ lâu. Chưa hết, tòa nhà còn được bao bọc bởi một hàng rào mắt cáo. Những nơi như thế này đúng là thiên đường của các băng đảng và đám vô gia cư.

“Như tôi đã nói, chúng ta muộn giờ rồi đây. Cho tôi ra khỏi xe đi.”

CHƯƠNG 123

Poole

Ngày 4 • 8:07 tối

"Ông có chắc bà ta đang ở trong đó không?" Poole canh chừng ở đây như vậy là quá đủ, anh không biết đã bao nhiêu tiếng đồng hồ trôi qua, nhưng sự kiên nhẫn của anh đã chạm đến giới hạn. Anh thấy mình đang gõ ngón tay lên cửa ghế phụ trong lúc Direnzo chăm chú đọc cuốn sách bìa mềm.

"Tôi có thể gọi lại lần nữa." Direnzo nói. "Nhưng tính đến mười lăm phút trước, bà ta vẫn còn ở trong cái ngõ kia. Không có lối ra nào khác. Chúng tôi vẫn nhận được tín hiệu cho thấy có chuyển động và các dấu hiệu sống. Bà ta đang ở đó."

Poole gọi cho Đặc vụ Toàn quyền Hurless hai lần kể từ lúc họ tới đây, ông ta một mực yêu cầu họ chỉ đứng ngoài quan sát, chờ Bishop đến. Không thể có chuyện Porter mất công giúp bà ta trốn trại chỉ để bỏ mặc bà ta trong một con ngõ. Nhất định bọn họ sẽ quay về.

Poole không những tin rằng Hurless đã nhầm mà anh còn bắt đầu tin Bishop không hề có mặt ở gần đây. Trong chuyện này có gì đó không bình thường. "Muốn tháo thiết bị giám sát thì phải làm thế nào?"

"Việc này chúng ta đã nói lúc ở trại rồi, không thể tháo được."

"Không gì là không thể. Ông nói lại cho tôi biết đi."

“Mỗi thiết bị giám sát có một chìa khóa độc nhất vô nhị, không thể bị sao chép. Nếu có người tháo máy, chúng ta sẽ thấy các dấu hiệu sống gửi về liên tục yếu dần. Ngoài ra còn có cả báo động. Chìa khóa của Jane Doe 2138 vẫn nằm ở đúng chỗ của nó. Chúng ta cũng đã kiểm tra rồi còn gì.”

“Weidner có quyền tiếp cận chỗ chìa khóa ấy không?”

“Chúng tôi vẫn giữ chìa khóa của bà ta.” Direnzo đáp. “Chỉ có một cái thôi.”

Poole thầm rủa chính mình vì đã không nhận ra sớm hơn. “Weidner biết thế nào ông cũng sẽ kiểm tra cái chìa khóa ấy nên anh ta đã đánh tráo nó. Anh ta tráo nó với một cái khác, cái mà ông sẽ không tìm, để mọi thứ có vẻ vẫn đâu vào đây. Đó là việc tôi sẽ làm nếu tôi ở vào địa vị anh ta.”

“Anh mà vào con ngõ kia là chúng ta lộ bài đấy. Không thể vãn hồi được đâu.”

Nhưng Poole đã bước ra khỏi xe mất rồi.

CHƯƠNG 124

Clair

Ngày 4 • 8:08 tối

Clair kết thúc cuộc gọi với Nash.

Anh vẫn đang ở nhà Upchurch.

Cô và Kloz trải hồ sơ bệnh án của Upchurch trên bàn, rà soát nội dung bên trong. Họ tìm thấy tên của tất cả những người hiện đang có mặt tại căng-tin, nhưng mọi chuyện chưa dừng lại ở đó. Họ còn phát hiện hơn chục cái tên khác xuất hiện rải rác trong các loại giấy tờ. Clair đã cử xe tuần tra đi khắp thành phố đón tất cả những người được nhắc tới về đây.

"Còn nữa." Kloz nói. "Angelique Waltimyer. Cô ta là y tá làm việc ở khoa Cấp cứu dưới tầng một. Có vẻ như Upchurch đến khám cách đây khoảng một tháng và được giữ lại theo dõi qua đêm."

Clair gật đầu với Sue đang đứng phía sau. Họ kết nạp người hộ lý vào đội để giúp khoanh vùng tìm kiếm. Sue đã nhanh nhẹn lấy điện thoại ra và đang gọi xuống tầng dưới.

"Dù lúc này cô ta có đang dùng ngón tay bít vết thương do đạn bắn đi nữa tôi cũng cóc quan tâm. Tôi muốn cô ta lên đây ngay." Clair nói và quay lại với tập hồ sơ.

"Tên này đã trải qua ba cuộc phẫu thuật, đều ở bệnh viện này." Kloz nói. "Thật chả khác gì ịn một cái phéc-mơ-tuya lên đầu hắn. Họ cắt khối u

đi, nhưng nó ngay lập tức tái phát. Ban đầu chỉ bằng quả bóng golf… thế mà cô xem, chỉ trong vòng có vài tuần đã to bằng ngần này.”

“Họ đang chuẩn bị phẫu thuật cho hắn lần nữa.” Clair lầm bầm. “Tôi mong thằng phế vật ấy chết quách trên bàn mổ đi cho rồi.”

“Chẳng hiểu sao hắn sống được đến tận bây giờ. Bọn họ lấy đi của hắn bao nhiêu là não, hắn mà làm chính trị gia khéo cũng được ấy.”

“Thanh tra?”

Clair ngẩng lên. Bác sĩ Hirsch đang đứng ở ngưỡng cửa, một người đàn ông trạc ngũ tuần có cái đầu hói, đeo cặp kính nhỏ gọng tròn và cà vạt màu tím rợ. “Vâng?”

“Kati Quigley vừa tỉnh. Hiện cô bé đang ở cùng bố mẹ.”

Clair đưa mắt nhìn Klozowski.

“Cứ đi đi, tôi lo được.” Anh ta nói.

Clair vội vã rời khỏi phòng, vị bác sĩ theo sau. Vào trong thang máy, cô hỏi: “Đã có tin gì của Larissa Biel chưa?”

Bác sĩ Hirsch gãi cằm. “Vẫn đang phẫu thuật. Tôi nghĩ cô bé sẽ qua khỏi thôi, nhưng tổn thương dạng này có thể sẽ mất nhiều thời gian xử lý. Bác sĩ Crandal đang mổ cho cô bé. Ông ấy là bác sĩ phẫu thuật xuất sắc. Tôi biết ông ấy đã nhờ một chuyên gia khám cổ họng cho cô bé, đặc biệt là thanh đới. Những tổn thương vĩnh viễn, nếu có, chắc sẽ liên quan đến khả năng nói. Giờ chưa thể nói trước được gì nhưng chúng ta sẽ sớm biết thôi. Tôi nghĩ họ sẽ còn ở trong đó ít nhất một tiếng nữa.”

Cửa thang máy mở ra. Hai người rẽ trái, đi dọc theo hành lang.

Kati Quigley nằm ở phòng riêng trên tầng hai, ngoài cửa có một sĩ quan mặc đồng phục đứng gác. Clair có thể trông thấy cô bé qua ô quan sát nhỏ

trên cửa ra vào. Cô bé đang ngồi, hai tay khua khoắng. Bố mẹ cô bé đứng bên trái giường. Bác sĩ kéo cửa ra rồi mời Clair vào. Kati và bố mẹ ngẩng lên.

Bố Kati bước tới chắn giữa Clair và chiếc giường. “Ấy không, con bé cần được nghỉ ngơi. Khi nào khỏe lại, nó sẽ khai với các cô.” Ông ta mặc vest, nhưng áo khoác và cà vạt đang vắt trên một trong mấy cái ghế ở góc phòng. Kloz nói ông ta là luật sư.

“Không sao đâu bố. Con ổn mà. Con muốn giúp đỡ.”

Mẹ Kati vươn ra, siết chặt tay con gái. “Mẹ biết, nhưng bố con nói phải đấy.”

Clair có cảm giác như một chướng ngại vật vừa lù lù xuất hiện, cô muốn gạt phăng những người này để đi qua, nhưng không, thay vì vậy cô thầm đếm đến năm, hít một hơi và cố nặn ra một nụ cười. “Tôi hoàn toàn hiểu điều đó, thưa ông bà Quigley, thật sự đấy. Tôi hứa sẽ không làm mất nhiều thời gian của cô bé. Tốt nhất vẫn nên tiến hành việc này khi mọi chuyện còn mới. Bác sĩ Hirsch đây sẽ giám sát cô bé. Nếu cô bé cảm thấy căng thẳng vào bất cứ lúc nào, tôi sẽ dừng lại ngay.”

“Chết tiệt, bố. Chuyện quan trọng đấy ạ!”

“Kati!” Bà mẹ quắc mắt nhìn cô bé.

“Con xin lỗi mẹ.” Cô bé nói. “Xin mẹ, hãy để con nói chuyện với cô ấy.”

Bố cô bé vẫn không suy suyển. “Các cô đã bắt được tên súc sinh gây ra chuyện này rồi đúng không?”

“Chúng tôi nghĩ chúng có hai tên.”

“Đi mà, bố.”

Ông ta nhắm mắt lại và lắc đầu. “Được rồi, nhưng chỉ một phút thôi đấy.”

“Cảm ơn.” Clair đi lướt qua ông ta và ngồi xuống bên phải giường, đối diện với mẹ Kati. Cô lấy điện thoại di động trong túi, đặt lên tấm ga giường. Cô vươn ra nắm lấy bàn tay còn lại của Kati, bàn tay đang gắn ống truyền dịch. “Cô rất mừng vì cháu đã an toàn. Cháu không phiền nếu cô ghi âm cuộc nói chuyện này chứ?”

“Dạ không. Không sao đâu ạ.”

“Hãy kể cho cô mọi thứ cháu nhớ được. Kể từ đầu, và không cần phải vội vàng. Đôi lúc, những chi tiết nhỏ nhất lại là những chi tiết quan trọng nhất.”

Kati gật đầu. Cô bé nhăn mặt rồi hắt hơi một cái.

“Cơm muối.” Bà Quigley nói.

Clair rút khăn giấy trên chiếc tủ đầu giường và đưa cho Kati.

Cô gái đưa tờ khăn giấy lên chấm đôi mắt nhòe nước.

CHƯƠNG 125

Poole

Ngày 4 • 8:08 tối

Poole đi vòng qua ngã rẽ, hơn chục cặp mắt nhìn anh lom lom từ trong ngõ, những ánh mắt hóa đá. Một người đàn bà khoảng năm mươi tuổi có mái tóc muối tiêu rối bù điểm những hạt trang trí sặc sỡ tránh sang một bên, áp người vào bức tường của tòa nhà sau lưng. Bà ta dùng chân gạt một cái hộp các tông vào sát cạnh mình.

Poole giơ phù hiệu lên. Bà ta quay đầu và hất hàm về phía cuối ngõ.

Con ngõ rộng khoảng hai mét rưỡi, dài chín mét, hai bên đầy những hộp các tông lớn và những chiếc lều tạm làm bằng đủ vật liệu, từ ga giường cho đến túi đựng rác, được dán lại bằng băng dính. Không gian nồng nặc mùi nước tiểu và đồ ăn thiu thối.

Bà ta lại hất hàm.

Poole nhìn về phía ánh mắt bà ta đang hướng đến.

Một cái thùng các tông đựng tủ lạnh đặt sát tường, cách đầu ngõ khoảng sáu mét.

Những người trong ngõ bắt đầu dạt ra xa khỏi cái thùng, tỏa đi các hướng. Ba người chạy lướt qua Poole để ra đầu ngõ. Anh nghe thấy tiếng các sĩ quan cảnh sát giữ họ lại lúc họ ra tới vỉa hè.

Anh tiến lại gần cái thùng, tay đặt lên báng súng. Khi chỉ còn cách chừng một đoạn, anh đá vào thân thùng. “Đặc vụ FBI Frank Poole đây. Yêu

cầu bước ra ngoài.”

Một bàn tay thò ra khỏi đầu thùng bên kia, rồi đến một bàn tay nữa.

Poole nhìn cảnh tượng một người đàn ông mặc áo sơ mi xanh bẩn thỉu và quần jeans chậm rãi đi ra. “Đừng bắn.”

Direnzo bước tới từ đằng sau Poole, súng chĩa ra phía trước. “Mẹ kiếp.”

Gã vô gia cư có đeo thiết bị giám sát điện tử ở cổ chân.

Poole quay ngoắt người, đi lướt qua Direnzo. “Văn phòng Werner! Ngay lập tức!”

CHƯƠNG 126

Porter

Ngày 4 • 8:09 tối

“Mở cốp xe ra đi.” Porter nói.

Họ đỗ ngay bên ngoài hàng rào ở góc đằng sau của khách sạn.

Porter là người đầu tiên xuống ô tô. Anh đi vòng ra phía cuối xe, lấy áo khoác của mình và Sarah. Sau khi được tận hưởng thời tiết ấm áp ở New Orleans, anh có cảm giác như mình vừa bước vào một xô đá lạnh. Anh đưa áo của Sarah cho cô khi cô ra khỏi xe, rồi mở cửa sau và đỡ hành khách đi cùng ra ngoài. Anh khoác áo của mình lên vai mụ.

“Xem anh ga lăng chưa kìa.” Mụ nói.

Porter không quan tâm mụ nóng hay lạnh. Chẳng qua anh muốn kiểm soát mụ chặt hơn, hạn chế những việc mụ có thể làm với hai bàn tay. Dẫu tay mụ đang bị còng, anh vẫn không tin tưởng mụ chút nào. “Làm sao để vào được bên trong?”

“Ồ, tôi nghĩ anh đã có câu trả lời rồi.” Mụ khom người chui qua một khoảng hở trên hàng rào mắt cáo và bắt đầu băng qua bãi xe, tiến lại gần tòa nhà từ phía sau, Sarah lẽo đẽo chạy theo.

Lúc này Porter mới hiểu ra. Anh chạy vòng sang bên ghế phụ của chiếc xe và mở hộc để găng. Anh kéo mạnh miệng cái túi nhựa đựng sợi dây chuyền có lồng chiếc mề đay và chìa khóa.

Ánh mắt anh chợt bắt gặp cái túi thứ hai, trong đó có con dao gấp.

Anh cũng mở cái túi ấy ra, nhét cả hai món đồ vào túi quần trước khi đóng cửa xe và đuổi theo hai người phụ nữ.

Do không được máy xúc dọn dẹp nên tuyết xung quanh Khách sạn Guyon đã dồn lại thành đống cao ngất. Những cơn gió vun tuyết vào tường, cuốn chúng lên cao gần chạm tới tầng hai ở đằng sau và hai bên hông khách sạn. Những hạt bụi trắng li ti lơ lửng gần bề mặt, tựa như làn sương mỏng la đà trên mặt hồ tuyền một màu trắng.

Porter nhanh chóng nhận ra có ba hàng dấu chân khác nhau in trên lớp tuyết phía trước mặt anh. Đó là dấu chân của Sarah, mẹ Bishop, và một người nữa. Bishop đã có mặt ở đây, nhiều khả năng hắn đi một mình. Dấu chân của hắn đã được lấp đi phần nào. Chỉ vài giờ nữa thôi, chúng sẽ biến mất hoàn toàn.

Anh bắt kịp hai người phụ nữ khi chạy tới chỗ cánh cửa kim loại nặng trịch nằm thụt vào bên trong một cái hốc nhỏ xây bằng gạch, cạnh sân bốc dỡ hàng.

Sarah đứng dẹp sang một bên, quắc mắt nhìn người đàn bà kia.

Mẹ Bishop đang ngâm nga giai điệu của ca khúc “Baby, It’s Cold Outside”*, miệng ngoác ra cười, điệu cười y hệt mèo Cheshire*.

Mụ hất hàm về phía ổ khóa. “Lẹ lên, Thanh tra.”

Porter cau mày nhìn mụ, sau đó anh thò tay vào túi, lấy ra sợi dây chuyền có lồng cái chìa khóa và mề đay của Libby.

Tay anh run run khi anh lập cập tra chìa vào ổ. Anh muốn đổ tại cái lạnh đã khiến anh thành ra như thế.

Chiếc chìa khóa xoay rất trơn tru. Gần đây đã có người tra dầu vào ổ. Chốt khóa thu lại với một tiếng “cạch”. Porter kéo cửa mở và ra hiệu mời

hai người phụ nữ bước vào, sau đó anh đóng cửa lại, khiến cơn gió lạnh băng rít lên phản đối.

Sarah lấy điện thoại di động ra và bật đèn pin của máy.

Ba người đang đứng trong nhà bếp. Hay đúng hơn là, nơi từng là nhà bếp.

Phần lớn đồ dùng đã bị lấy đi từ lâu cùng với nhiều cái bàn cỡ lớn làm bằng thép không gỉ. Những gì còn lại chỉ là đống đồ lộn xộn chẳng ai cần đến. Trần phòng nhiều chỗ đã tróc ra, góp thêm những mảng thạch cao và gỗ mục vào đống tạp nham.

"Trông chẳng khác gì bãi rác." Sarah nói, quét đèn pin quanh phòng.

Porter đi sâu hơn vào trong, cẩn thận để tránh giẫm phải mớ hổ lốn trên sàn. "Bishop đâu?"

"Lối này." Jane Doe chậm rãi tiến về phía trước, hai chân vẫn đang bị cùm.

Porter và Sarah theo sau mụ, đi qua một dãy bếp nấu han gỉ và vài cái sọt gỗ cũ bên tay trái chất cao đến tận trần.

Hai cánh cửa lật tự động với hai ô kính tròn cao ngang tầm mắt từng ngăn cách nhà bếp với sảnh khách sạn, nhưng giờ đây, một cánh nằm bẹp dưới sàn, cánh kia bấu víu vào tường nhờ cái bản lề duy nhất còn sót lại, nghiêng ngả như sắp rụng. Có ánh nến lập lòe phía bên kia ngưỡng cửa.

Ba người đi qua đó và đặt chân vào sảnh, bước ra từ phía sau quầy, trước mắt họ là một không gian từng có thời nguy nga, tráng lệ biết mấy. Một cái máy làm bắp rang cũ kĩ phủ đầy mạng nhện đứng tít trong góc xa.

"Một suất bắp rang bơ cỡ trung chứa nhiều chất béo hơn cả một bữa sáng với thịt nguội và trứng, cộng thêm một suất Big Mac với khoai tây

chiên và một bữa tối với bít tết." Giọng nói của Bishop cất lên từ đâu đó trong phòng. "Có lẽ vì thế mà nhà mình chưa bao giờ ăn bắp rang, phải không mẹ?"

Porter căng mắt nhìn vào bóng tối, nơi những bóng đen nhảy nhót trên tường và trên trần theo điệu nhạc vô thanh nào đó.

"Đằng này cơ mà, Sam. Hãy để cho mắt mình có chút thời gian thích nghi với bóng tối đã."

Một tiếng chuông ngân vang, Porter quay ngoắt về phía cửa chính đã bị đóng ván kín mít. Bishop đứng bên cánh cửa đồ sộ, cạnh quầy của nhân viên hành lý. Trong tay hắn đang cầm một khẩu súng, nhưng họng súng chúc xuống đất. Trông có vẻ là một khẩu 0,38. So với lần cuối cùng Porter nhìn thấy hắn, tóc hắn giờ đã dài ra, mặt hắn lún phún râu. Porter cứ nghĩ hắn sẽ khoác lên mình lớp ngụy trang nào đó, có thể là một màu tóc nhuộm chẳng hạn. Nhưng không, đây chính là Bishop mà anh biết, kẻ đã ám ảnh anh suốt bao lâu nay.

Porter tiến lên vài bước, lấy thân mình chắn giữa Bishop và Sarah. "Tao không nghĩ mày lại là loại thích dùng súng đấy."

"Cái này ấy hả?" Bishop giơ khẩu súng lên và mỉm cười, huơ huơ trước mặt. "Thời buổi khó khăn mà."

Bishop ngó qua vai Porter. "Chào mẹ. Mẹ khỏe không?"

Không để mụ kịp trả lời, Porter tiến thêm một bước nữa. "Quả bom ở đâu, Bishop? Mày bảo nếu tao đưa mụ ta đến đây, nếu tao dẫn mụ đến cho mày, mày sẽ nói cho tao biết nơi đặt bom. Mày còn bảo mày sẽ thả mấy cô bé ra."

"Đúng là tôi có nói thế thật, nhỉ?" Hắn đưa họng súng ngắn ngủn to tròn lên gãi một bên đầu. "Nhưng tôi tin tôi cũng đã cho anh thời hạn, phải không nào? Anh đến muộn, Sam ạ, muộn quá thể. Bắt người khác chờ đợi đã là bất lịch sự rồi, nhưng trong hoàn cảnh này, sự chậm trễ còn có thể là một sai lầm chí tử. Xưa nay tôi cứ nghĩ anh là Quý ngài Đúng giờ kia đấy."

Porter cảm thấy con dao nặng trĩu trong túi đang đè lên đùi anh.

"Mọi người đã cố hết sức để tới đây trong thời gian ngắn nhất." Sarah lên tiếng phía sau anh.

Bishop hạ súng xuống và đi vòng quanh quầy nhân viên hành lý. "Có lẽ vậy. Đó *quả là* một chuyến đi đáng nhớ, đúng không? Tôi có hơi tự phụ khi khiến thử thách này khó khăn đến thế với *cả ba* người." Hắn ngả ra sau, quầy gỗ cũ kĩ rên rỉ dưới sức nặng của hắn. "Cứ bình tĩnh, không có ai chết cả, tạm thời thì chưa. Việc đó có thể để sau, lúc nào chẳng được. Tuy nhiên, sự chậm trễ này đúng là đã khiến khoảng thời gian chúng ta ở bên nhau bị rút ngắn. Tôi đã hy vọng chúng ta có cơ hội chuyện trò, thảo luận về mọi thứ các vị chứng kiến trong mấy ngày gần đây, nhưng bây giờ, bây giờ tôi e là không thể. Ít ra là không đủ cho một cuộc nói chuyện quan trọng đến thế. Quả bom vẫn đang đếm từng giây. Anh bạn Hướng đạo sinh của chúng ta đây hẳn sẽ muốn xử lý phần việc đó. Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều có những vấn đề bức thiết hơn cần phải giải quyết."

Bishop tiến lên trước vài bước, tay cầm khẩu 0,38 buông thõng. "Lẽ ra anh nên tháo cùm cho bà ấy, Sam ạ. Thứ công cụ này có hơi dã man thì phải, anh không nghĩ vậy sao?"

Mẹ hắn lết về phía trước, tiến lại gần hắn. "Thật tốt khi được gặp con, Anson. Thật tốt quá."

Bishop mỉm cười. “Bà vẫn còn nhớ nơi này, phải không? Bà có bao kỷ niệm thân thương ở đây, tôi tin là vậy.” Hắn quay người, ngẩng đầu nhìn lên trần nhà được trang trí cầu kỳ, ánh mắt lướt qua những chi tiết đã mục nát và hoa văn phức tạp phía trên cao. “Có những hồn ma đang ẩn mình trong mấy bức tường này, Sam ạ. Anh có nghe thấy tiếng thét gào của họ không? Tôi thì có thể đấy, tất cả cứ như chỉ mới hôm qua, tiếng Libby là to rõ hơn cả.”

Porter vươn tay ra, túm tóc người đàn bà đứng bên cạnh. Anh kéo mụ lại gần mình, sợi xích va lanh canh bên dưới chiếc áo khoác của anh. Với bàn tay không vướng bận, anh rút phắt con dao trong túi quần ra, bật lưỡi dao rồi ấn mảnh thép sắc lẻm lên cái cần cổ trắng nhợt đang phơi ra của mụ. “Tao hỏi mày lần này là lần cuối, thằng điên kia. Quả bom đang ở đâu? Mấy cô bé đang ở đâu?”

Bishop mỉm cười và nâng súng lên. “Cảm ơn vì đã mang con dao của tôi đến, Sam. Hay là chúng ta trao đổi đi, con dao đổi lấy khẩu súng sau khi xong việc ở đây? Tôi thích con dao ấy.”

Hắn bắt đầu băng qua sảnh, họng súng cứ lớn dần theo từng bước chân.

Người đàn bà lùi về phía sau, áp sát thân mình vào người Sam. “Giờ chúng ta hết nợ rồi, Anson. Ta không thể chạy trốn được nữa. Ta đã làm tất cả những gì con yêu cầu. Tất cả.”

“Vậy sao? “Gần như” thôi.” Bishop đáp.

Khẩu 0,38 khai hỏa với một tiếng nổ lớn đến nỗi khiến tàn tích của những ô cửa sổ rung lên.

Sarah thét lớn.

Đầu Jane Doe bật ngửa, đập vào ngực Sam.

“Giờ thì còn may ra.” Bishop nói. “Ờ, giờ tôi nghĩ chúng ta hết nợ rồi đấy.”

CHƯƠNG 127

Poole

Ngày 4 • 8:09 tối

"Kia kìa!" Direnzo la lên. "Cái nhà thông cửa có nẹp màu xanh lục và trắng ấy!"

Poole lao sang đường, bỏ lại con ngõ sau lưng. Một chiếc taxi phanh gấp kèm theo tiếng rít chói tai, đuôi xe trượt đi. Người tài xế quát to câu gì đó, nhưng Poole không nghe rõ và cũng chưa chắc anh đã muốn nghe.

Văn phòng của Werner tối om.

Anh ghé mắt nhìn qua một trong mấy ô cửa sổ và trông thấy hình bóng lờ mờ của một cái bàn làm việc bỏ không cùng với vài cái ghế ở phía cuối phòng.

Không có động tĩnh gì.

Anh vòng ra cửa chính, dộng nắm đấm ầm ầm. "Sarah Werner. Đặc vụ FBI Frank Poole đây. Mau mở cửa ra!"

Trong nhà không có tiếng đáp.

Anh lùi ra phía sau, đứng trên khoảng hiên nhỏ cố ngước lên nhìn cửa sổ tầng hai. Nhưng quá tối.

Poole lại tiến tới cửa trước, thử vặn tay nắm.

Đã bị khóa.

"Sarah Werner!"

Anh tiếp tục đập cửa.

Không hồi đáp.

Poole rút khẩu Glock khỏi bao đeo vai, dùng báng súng đập vỡ một ô kính trên cửa trước. Anh thò tay qua lỗ hổng, cẩn thận để không cứa phải những mảnh vỡ, rồi vặn chốt khóa.

Anh mở cửa và bước vào trong, dùng tay kia dò dẫm trên tường cho tới khi sờ thấy công tắc đèn và bật lên.

“Sarah? Sam? Tôi vào đây! Nếu anh chị đang ở đây, yêu cầu hai người đi xuống dưới nhà, giơ hai tay lên.”

Từ trên cao, sàn nhà phát ra tiếng cọt kẹt. Họng súng của anh vô thức chĩa về phía đó. Poole không rõ tiếng động ấy là do có người đang đi lại ở tầng trên hay chỉ là một trong những âm thanh quen thuộc của những công trình cũ đã sụt lún, dần vụn vỡ và rơi rụng.

Anh băng qua phòng, đưa mắt nhìn quanh, quan sát từng cái bóng, từng hốc tường. Nơi này không có nhiều chỗ để ẩn nấp dù đồ đạc la liệt khắp nơi.

Cuối văn phòng nhỏ có một lối đi dẫn sâu vào trong bóng tối, ánh đèn bên ngoài bị chặn lại ở ngưỡng cửa với những chi tiết trang trí cầu kỳ. Poole hít một hơi và bắt đầu tiến về phía đó. Khi đến chỗ rẽ, họng súng đi trước, anh theo sau, chuẩn bị tinh thần nhả đạn vào bất cứ thứ gì đang đợi ở phía bên kia. Nhưng anh không thấy gì ngoài một cái cầu thang dẫn lên tầng hai. Anh định bật đèn trong này, nhưng rồi lại đổi ý. Nếu trên đó có người, không nên để họ biết anh đang lên. Cứ để họ tưởng anh vẫn ở tầng dưới.

Anh rón rén đặt một chân lên bậc thang thứ nhất, sau đó dồn trọng lượng cơ thể lên đó, không biết nó có tố cáo anh bằng cách phát ra tiếng

động nào hay không. Nhưng chẳng có gì ngoài sự câm lặng.

Poole bước lên cầu thang, mắt anh dần thích nghi với bóng tối phía trên, hình dáng của một lối vào bắt đầu trở nên rõ nét khi anh tiến tới gần hơn, nó giống như một hốc tường với cánh cửa đóng kín thụt vào trong.

Tay anh cầm vào lớp kim loại lạnh ngắt của quả nắm cửa. Anh chầm chậm vặn quả nắm, cẩn thận để không gây ra tiếng động. Cửa không khóa. Một tiếng "cách" khẽ vang lên khi chốt cài rút ra khỏi lỗ khóa.

Cánh cửa mở vào trong.

Mùi xộc ngay vào mũi anh.

Mùi phân hủy, thối rữa.

Đèn không bật, căn phòng chìm trong bóng tối.

Poole bước vào và bật đèn lên, sau đó anh ước gì mình đừng làm vậy.

Một người phụ nữ nhìn anh trân trân từ trên xô pha, cặp mắt vô hồn mờ đục. Bà ta sụm xuống, người ngoẹo về một bên trông thật kỳ quặc. Mặt bà ta trắng bệch, máu đã dồn từ trên xuống dưới tự bao giờ. Điều đó càng làm nổi bật cái lỗ đen ngòm ở trán, vết thương lồi lên do đạn bắn. Lúc xảy ra chuyện, bà ta đang ăn, một chiếc đĩa đựng món ăn chẳng thể nhận ra được là món gì đang đổ vung vãi trên lòng bà ta và trên lớp đệm trống bên cạnh.

Kẻ giết bà ta có thể đã đứng ở đúng chỗ Poole đang đứng, bất ngờ ra tay ngay tại ngưỡng cửa này.

Anh tiến lại gần, khuỵu chân xuống bên cạnh cái xác.

Đây không phải người đàn bà bị giam trong trại, chắc chắn thế. Cái xác đã ở đây ít nhất một tuần, có thể là hai tuần, quá trình phân hủy ngốn ngấu bào mòn thứ đã từng là một cơ thể sống. Bà ta đeo một chiếc nhẫn bạc ở tay phải, ngón tay sưng phồng y hệt cây xúc xích bị chiếc nhẫn bó chặt lấy.

“Mẹ kiếp.” Đội trưởng Direnzo lên tiếng từ phía sau anh. “Đó là Sarah Werner.”

Poole không hề nghe thấy tiếng ông ta đi vào.

CHƯƠNG 128

Porter

Ngày 4 • 8:14 tối

"Mẹ à, làm ơn đưa điện thoại của mẹ cho Sam đi." Bishop nói, khói bốc ra từ họng súng khiến không khí trước mặt hắn trở nên méo mó.

Sarah chìa tay ra, đưa điện thoại cho anh. "Anson, con yêu, sao con lại nói với người đàn ông tốt bụng này là cha con đã chết? Cha mẹ đâu có nuôi dạy con như thế. Cuốn sổ nhỏ ấy của con toàn là những lời dối trá."

Cái xác tuột khỏi tay Porter, đổ gục dưới chân anh.

Anh buông dao.

Tim anh đập dồn.

Bishop khuỵu chân xuống, nhặt lấy con dao và đặt khẩu 0,38 lên mặt quầy cạnh máy làm bắp rang.

"Không phải tất cả đâu, mẹ. Chỉ một ít thôi. Những lời nói dối nho nhỏ vô hại cài cắm chỗ này chỗ nọ. Xưa nay mẹ luôn giỏi trò đó mà."

Ánh mắt Porter nhìn từ bàn tay Sarah đang xòe ra, sau đó chuyển sang cái điện thoại, rồi đến cái xác dưới sàn.

"Trông mặt anh tái quá, Sam ạ. Anh nên ngồi xuống thì hơn. Đôi lúc tôi cũng thấy lo cho anh đấy." Bishop với sang bên cạnh, cầm lấy một cái ghế gỗ cũ kĩ trong đống đồ bỏ đi và rũ cho đỡ bụi. Lưng ghế và mặt ghế bọc vải hoa lỗ chỗ vết thủng, rách đến tận lớp nhồi bên dưới. Một chân ghế đã bị

thứ gì đó gặm nham nhở. Bishop đẩy cái ghế ra phía sau anh và Porter ngồi phịch xuống, chân anh đã nhũn ra như thạch.

"Cái mẹ gì thế này?" Anh nói rất khẽ. "Tao không…"

"Nói năng lịch sự chút đi, Sam."

Sarah đảo tròn mắt. "Trời ạ, Anson. Con cũng chẳng hơn gì cha con cả."

Porter cúi nhìn cái xác dưới chân anh. Viên đạn để lại một lỗ tròn nhỏ trên trán mụ, máu chảy rất ít. Không có vết thương đầu ra, có thể là loại đạn đầu rỗng, đã kẹt lại ở bên trong. Mắt mụ nhìn chằm chằm về phía trước, những lời sau cuối mãi mãi in dấu trên môi.

Giờ chúng ta hết nợ rồi, Anson. Ta không thể chạy trốn được nữa. Ta đã làm tất cả những gì con yêu cầu.

Tất cả.

"Bà ta…" Câu nói bật ra rồi khựng lại nơi đầu lưỡi anh.

Bishop khuỵu xuống cạnh cái xác trên sàn, nhìn vào cặp mắt vô hồn của bà ta. "Tên bà ta là Rose Finicky, và bà ta đáng chết, phải chết trăm lần mới đủ đền tội, chẳng phải loại tốt đẹp gì."

"Finicky?"

"Phải."

"Bà ta là… Có phải bà ta giết Libby? Có phải vì thế…?"

"Ước gì chúng ta có thời gian để trao đổi về tất cả những chuyện đó, nhưng như tôi đã nói lúc nãy, anh đến muộn. Thế giới này chẳng chờ đợi ai, mà hôm nay chúng ta lại có quá nhiều việc phải giải quyết cùng lúc."

Porter cảm thấy ánh mắt Sarah đang dán vào mình. Mẹ của Bishop. Nhưng anh không thể nhìn cô ta. Không thể nhìn vào mặt cô ta. Không phải

bây giờ, và có lẽ không bao giờ anh có thể. Không hiểu sao anh biết cô ta đang cười, và điều đó khiến cho mọi việc càng thêm muôn phần tồi tệ. “Mày định giết cả cô ta à?”

Sarah di di chân. “Nó sẽ không làm hại tôi. Phải không, Anson?”

“Không ư? Để xem. Để xem thế nào.”

“Mẹ đã dẫn Finicky đến đây, đúng như con yêu cầu còn gì.” Sarah vặc lại.

Bishop nghiêng đầu mỉm cười. “Và bà ta thì dẫn mẹ đến… đúng như con yêu cầu. Hay thật, trên đời có nhiều chuyện được hóa giải một cách thật tự nhiên.”

Bishop chùi con dao lên ống quần, sau đó gập lại và bỏ tọt vào trong túi.

“Finicky đã làm vô số việc kinh khủng. Nhiều việc trong đó diễn ra ở đây, ngay tại khách sạn này.” Bishop nói. “Tôi đã truy tìm bà ta rất lâu, gần bằng thời gian tôi tìm mẹ. Cả hai đều có lý do riêng để lẩn trốn, dĩ nhiên rồi, mỗi người một khác, nhưng chẳng ai trốn được mãi.”

Ánh mắt Porter lại trở về với khẩu súng đặt trên mặt quầy. Anh đang ở cách đó chừng mét rưỡi. Anh có thể lấy được nó. “Nếu bố mày vẫn còn sống, vậy ông ta đang ở đâu? Tại sao phải bịa chuyện về cái chết của ông ta?”

Bishop bật ra tiếng cười khẽ. “Anh ta vẫn chưa đoán ra, mẹ ạ.”

“Bây giờ thì chưa, nhưng rồi anh ta sẽ đoán ra. Mẹ có niềm tin.” Sarah nói. Cô ta tiến tới từ phía sau Porter và lùa tay vào tóc anh.

Porter nhào tới chỗ khẩu súng.

Anh đứng phắt dậy khỏi ghế, chạy vụt đi khi cô ta còn chưa kịp phản ứng. Tay anh chộp lấy súng, anh cầm nó lên khỏi mặt quầy, bước sang một

bên, chĩa vũ khí vào cả hai mẹ con. "Không ai được nhúc nhích."

Bishop mỉm cười. "Sam à, làm thế không…"

Sam bắn một phát sượt qua đầu Bishop. Tiếng nổ âm vang khắp phòng, viên đạn găm vào bức tường phía xa kèm theo một âm thanh trầm đục.

Mẹ Bishop khẽ há miệng. "Mẹ đã bảo rồi, anh ta sẽ bắn con đấy, Anson."

"Anh ta không bắn con, mẹ ạ."

"Đưa điện thoại đây."

"Mẹ đưa điện thoại của mình cho Thanh tra Porter đi."

"Vừa nãy mẹ đã cố đưa cho anh ta, nhưng tự nhiên anh ta giở chứng đấy chứ." Cô ta tiến lên phía trước, đưa điện thoại cho anh.

Porter giật phắt cái máy khỏi tay cô ta và vuốt màn hình. "Quay lại đứng cạnh nó."

Không có sóng.

"Anh muốn gọi điện thì phải lên tầng trên. Những công trình già cỗi như thế này thường gây cản trở sóng điện thoại di động. Tôi đã để lại một thứ cho anh ở phòng 405. Ở trên ấy, máy sẽ hoạt động bình thường. Anh có thể gọi điện khi nào lên đó."

Porter đưa mắt nhìn quanh phòng và bắt gặp cái cầu thang xoắn dẫn lên trên ở góc phía xa. "Cả ba cùng lên. Mày sẽ nói cho tao biết quả bom và mấy cô bé đang ở đâu, sau đó cả hai mẹ con mày sẽ dắt nhau vào tù. Nếu mày dám trái lời, tao sẽ lại bắn, lần này có thể là cô ta. Lần này có thể tao sẽ không cố tình bắn trượt đâu."

Bishop đút hai tay vào túi. "Tôi muốn cảm ơn anh vì đã đưa mẹ đến cho tôi, Sam ạ. Cả Finicky nữa. Hẳn hai con chim. Khả năng đi lại của tôi dạo

này hơi bị… hạn chế. Anh đã giúp tôi rất nhiều. Mấy tháng trở lại đây đúng là có khó khăn, nhưng bây giờ mọi chuyện đang dần đâu vào đấy rồi. Tôi cảm thấy lạc quan, tin tưởng ở tương lai, thật đấy.”

“Đi ra cầu thang, mau.”

Bishop mỉm cười. “Anh sẽ để chúng tôi đi, Sam ạ. Sau đó anh sẽ lên phòng 405 trên gác và gọi điện thoại. Không phải cuộc điện thoại anh đang ấp ủ trong đầu lúc này, mà là một cuộc gọi hoàn toàn khác.”

“Cảnh cáo lần cuối, ra cầu thang.”

Bishop vươn ra nắm lấy tay bà mẹ và mỉm cười. “Anh sẽ làm đúng theo những gì tôi nói, Sam ạ. Lý do là thế này.”

CHƯƠNG 129

Kloz

Ngày 4 • 9:11 tối

Klozowski trở lại phòng làm việc dã chiến của mình tại Bệnh viện John H. Stroger Jr., bước tới bên chiếc laptop cùng hai cốc cà phê trên tay, mỗi tay một cốc, giấy tờ trong hồ sơ bệnh án của Paul Upchurch rải khắp các mặt phẳng trong phòng theo một trật tự có chủ ý.

Anh ta đã dành hai tiếng đồng hồ vừa qua để đọc từng trang, ghi nhận từng cái tên, sau đó phối hợp cùng đội ngũ tại chỗ để tập hợp tất cả những đối tượng đó lại và đưa họ về đây. Cả thảy là ba mươi hai người, chưa kể vợ chồng, con cái. Lượng người tập trung quá lớn, Clair buộc phải san bớt họ khỏi căng-tin và dùng hai phòng nghỉ liền kề dành cho nhân viên để làm chỗ chứa. Lúc này cô đang ở trong đó, cố gắng trấn an đám đông, bố trí, cắt cử sĩ quan tuần tra canh gác, và lấy lời khai.

Phần lớn trong số những người này không hiểu vì sao mình lại bị cảnh sát lôi tới đây. Theo như Clair nói, chỉ vài người nhận ra khi nghe nhắc đến tên Upchurch. Bệnh của hắn dù hết sức tồi tệ nhưng không phải là hiếm gặp. Bất cứ ai ngày ngày phải chứng kiến những cái chết đều sẽ học cách phớt lờ và bỏ qua, coi việc nào đi việc nấy.

Kati Quigley đã tỉnh và mang tới những thông tin gây bão. Clair kể lại cho anh ta những gì cả hai cô bé đã trải qua. Kloz coi như gió thoảng ngoài tai. Anh ta rất giỏi tách bạch vấn đề, việc nào đi việc nấy.

Larissa Biel được phẫu thuật xong cách đây hai mươi phút. Cô bé đang ở phòng hồi sức cùng với bố. Khi tỉnh, cô bé sẽ chuyển sang nằm cùng phòng đôi với mẹ, người cũng đã tỉnh lại, cả hai mẹ con được kỳ vọng sẽ bình phục hoàn toàn.

Kloz đặt hai cốc cà phê xuống và bẻ khớp ngón tay.

Bây giờ anh ta sẽ tìm kiếm trong cơ sở dữ liệu cáo phó, rồi đặt một dấu chấm hết thật đẹp cho vụ này.

Cái giường ở nhà đang vẫy gọi, anh ta sẽ sớm được vùi mình trong chăn ấm đệm êm tựa thiên đường ấy.

Một biểu tượng nhỏ hình cái hộp màu đỏ đang nhấp nháy ở góc màn hình laptop.

Kloz nhấp chuột vào đó, mở thông báo lên.

"Chết tiệt."

Anh ta cuống cuồng bới đống giấy tờ xung quanh laptop, tí nữa hất đổ một cốc cà phê, rồi vớ lấy điện thoại, nhấn nút gọi Clair trong danh mục quay số nhanh. Cuộc gọi được chuyển thẳng vào hộp thư thoại.

"Chết tiệt. Chết tiệt. Chết tiệt."

Anh ta gọi cho Nash.

Một hồi chuông reo.

Hai hồi chuông reo.

Ba…

"Gì đấy?"

"Này, anh đang ở đâu vậy?"

“Vẫn ở nhà Upchurch. Chắc phải loanh quanh ở đây thêm một tiếng nữa. Mà sao?”

“Còn nhớ chương trình truy tìm dấu vết tôi viết ra để theo dõi laptop của Bishop không?”

“Còn.”

“Chúng ta có kết quả rồi, địa điểm đó ở gần đây.”

“Nhắn địa chỉ cho tôi. Và cả Espinosa nữa, đội của anh ta vừa về xong.”

CHƯƠNG 130

Clair

Ngày 4 • 9:15 tối

Clair chỉ muốn hét lên thật to.

Cô đang phải trải qua cơn đau đầu tồi tệ chưa từng thấy, ba viên Advil uống vào hoàn toàn chẳng có tác dụng gì.

Cô đứng ở chính giữa căng-tin, xung quanh có ít nhất bốn, năm chục người - người lớn, trẻ con, nhân viên y tế - tất cả những ai Kloz tìm được thông qua các tài liệu họ tổng hợp lại, tất cả những ai họ xác định có liên quan đến hàng tá cáo phó do Bishop đăng lên, những người đó đang la lối om sòm, không quát cô thì quát lẫn nhau.

Chẳng ai muốn ở lại đây.

Cô phải cố gắng thả họ ra càng sớm càng tốt.

Lúc trước, cô ngồi nói chuyện với Kati Quigley suốt một tiếng đồng hồ và không sao quên được hình ảnh về những gì cô bé đã nói với cô. Cô cũng vừa biết tin Larissa Biel đã tỉnh. Bố Larissa tìm cô mãi và bảo ông ta đã phải chạy khắp bệnh viện mới gặp được cô. Larissa không nói được. Các bác sĩ muốn cô bé để cho cổ họng nghỉ ngơi, nhưng cô bé có thể viết. Vừa tỉnh, cô bé đã lập tức vớ lấy giấy bút, và căn cứ vào vẻ hốt hoảng, bấn loạn của ông ta, câu chuyện của cô bé xem chừng còn đen tối hơn cả những gì Kati đã kể.

“Mọi người trật tự!”

Vài cái đầu ngoái nhìn. Tiếng ồn ào lắng xuống giây lát rồi lại bùng lên như chợ vỡ.

Clair bước lên một cái ghế rồi trèo lên bàn. "Các vị sớm nghe tôi nói chừng nào, tôi càng có thể giải phóng cho các vị sớm chừng ấy!" Cô giơ cao tập câu hỏi khảo sát và vẫy. "Những ai chưa nộp lại phiếu điều tra tôi phát lúc nãy, đề nghị hoàn thành nốt rồi nộp cho một trong các sĩ quan!"

Một cô bé con cách cô chừng mét rưỡi đột nhiên khóc toáng lên, chẳng vì lý do gì ngoài việc làm cho tình cảnh thêm phần hỗn loạn. Bà mẹ vội bế cô bé và đung đưa dỗ dành, nhưng chẳng ăn thua mấy.

Qua khóe mắt, cô nhác thấy bác sĩ Morton lén trở lại căng-tin. Ông ta cũng trông thấy cô và lập tức quay đi.

Cô đã ra chỉ thị nghiêm ngặt không để bất cứ ai rời khỏi phòng, nhưng rất nhiều chuyên gia y tế họ đưa đến nơi tập trung tạm thời vì mục đích an toàn này có vẻ chỉ coi mệnh lệnh của cô như một lời khuyến nghị. Gần như ai cũng ra ngoài ít nhất một lần. Phần lớn trong số họ còn đi đi về về vô số lần vì bị gọi đến nhiều khu khác nhau trong bệnh viện thông qua máy nhắn tin hoặc điện thoại. Cô chẳng thể làm được gì trong chuyện này. Tính mạng của nhiều người khác đang lâm nguy chứ không chỉ có mình họ, và đúng ra mà nói thì không ai thực sự có nghĩa vụ phải ở yên trong này cả. Cô tin rằng vài người đã trốn ra ngoài và không quay lại nữa.

Điện thoại trong túi cô rung lên.

Cô lấy máy ra.

Sarah Werner.

Cô chẳng quen Sarah Werner nào hết. Gọi gì cũng để sau.

Clair nhấn nút từ chối. Cô thấy mình có hai cuộc gọi nhỡ của Kloz.

Xong việc ở đây, cô sẽ quay lại chỗ anh ta.

Anh ta đang nghiên cứu hồ sơ của Upchurch và có lẽ đã phát hiện ra chi tiết nào đó. Phòng thí nghiệm cũng đang phân tích hóa chất có trong chiếc kim tiêm cắm trên quả táo. Nếu không liên lạc được với cô, họ sẽ chuyển kết quả cho anh ta.

Điện thoại lại kêu.

Sarah Werner.

Cô nhấn nút nhận cuộc gọi và áp điện thoại lên tai, bịt chặt lấy tai còn lại. "Thanh tra Norton nghe!"

Giọng nói ở đầu dây bên kia là giọng đàn ông, nhưng cô không thể nghe ra được người đó nói gì. Trong này quá ồn. "Từ từ, chờ tôi một chút!"

Cô xuống khỏi cái bàn, len qua đám đông và ra hành lang. Khi tới chỗ thang máy, cô mới nói tiếp. "Xin lỗi, Thanh tra Norton nghe đây. Tôi có thể giúp gì cho anh?"

"Cô bắt được Paul Upchurch chưa?"

"Ai đấy?"

"Tôi đây mà, Clair."

"Sam à?"

"Ừ."

Cô quay người lại. Một trong những sĩ quan tuần tra canh gác căng-tin đang dõi theo cô. Cô tiến thêm vài bước nữa trên hành lang và quay lưng lại với anh ta. "Anh đang ở đâu vậy?"

"Tôi… tôi cứ nghĩ hắn có bom. Hắn lừa tôi, để tôi tưởng rằng hắn có bom, nhưng không phải bom. Hoàn toàn không phải là bom…"

“Sam, anh nói gì khó hiểu quá. Anh đang nhắc đến ai? Upchurch à? Chúng tôi bắt được hắn rồi. Hắn không có bom đâu.”

“Cô có… có cứu được các cô bé không? Hai cô bé? Larissa Biel và một người nữa ấy mà?”

“Có, Sam ạ. Họ an toàn rồi. Cả hai. Họ sẽ ổn cả thôi.”

Khoan đã. Có gì đó sai sai.

Điều này thật vô lý.

“Sam, làm thế nào anh biết chuyện Larissa Biel? Cô bé mất tích sau khi anh bỏ đi. Chúng tôi chưa hề đưa ra bất cứ thông tin nào về Quigley. Có phải anh đã nói chuyện với Nash hay với tay đặc vụ FBI Frank Poole?”

“Ôi, Clair ơi. Tôi gây họa rồi. Phen này tôi gây họa lớn rồi.”

“Cô chuyện gì thế, Sam? Nói cho tôi biết đi.”

Porter hít một hơi dài. “Paul Upchurch còn sống không?”

“Còn. Đội của Espinosa bắt được hắn mà không gặp trở ngại gì. Nash bảo cứ như là hắn đang chờ họ đến vậy. Hắn ngoan ngoãn để họ dẫn đi. Trên đường về Sở, hắn đột nhiên lên cơn và ngất xỉu. Họ đưa hắn tới Bệnh viện Stroger này, hắn đang được phẫu thuật. Ung thư não giai đoạn bốn. Tình hình không mấy khả quan.”

“U nguyên bào thần kinh đệm. Hắn bị u nguyên bào thần kinh đệm.” Sam nói khẽ.

“Sao anh biết? Mà làm thế nào anh biết được tên hắn? Anh đã nói chuyện với ai?”

Đầu dây bên kia im lặng.

“Sam?”

"Hai cô bé đâu?"

"Cũng đang nằm ở bệnh viện này."

"Chết tiệt."

"Sam? Có chuyện gì?"

Porter hít sâu một hơi nữa. "Cô cần phải cách ly họ. Cách ly họ cùng tất cả những người đã tiếp xúc với họ, ngay lập tức. Đừng để bất cứ ai rời đi."

"Tại sao?"

Lại im lặng.

"Sam, anh đang làm tôi sợ đây."

"Bishop nói hắn đã tiêm cho hai cô bé một biến thể của virus SARS nồng độ cao. Hắn tiết lộ cho tôi biết hắn lấy virus ở đâu, và tôi tin hắn. Hắn còn bảo hắn để lại một mẫu virus cho cô ở bệnh viện để làm bằng. Hắn bảo tôi chuyển lời đến cô là "Bạch Tuyết cũng ngây thơ chẳng biết gì". Cô có hiểu câu đó nghĩa là thế nào không?"

"Chúng tôi tìm thấy một quả táo có cắm một cái kim tiêm." Clair nói với anh, giọng cô nghẹn lại. "Quả táo được đặt trên tập hồ sơ bệnh án của Paul Upchurch."

"Clair, nghe kĩ những gì tôi nói đây. Tôi sẽ cho cô biết một cái tên. Cô sẵn sàng chưa?"

Chưa.

"Anh nói đi."

"Bác sĩ Ryan Beyer. Ông ta là bác sĩ phẫu thuật thần kinh của Bệnh viện John Hopkins. Ông ta chuyên về lĩnh vực gọi là *liệu pháp siêu âm hội tụ.* Có vẻ đây là một phương pháp điều trị có thể giúp được Upchurch, nhưng

công ty bảo hiểm của hắn không chịu thanh toán chi phí. Dù đem lại hiệu quả cực cao nhưng phương pháp này hiện vẫn bị coi là đang trong giai đoạn thử nghiệm. Bishop tin rằng mọi việc họ làm cho đến giờ đều chỉ lãng phí thời gian. Hắn cảm thấy tất cả những ai có liên quan đến quá trình điều trị của Upchurch đều đã phụ lòng hắn: bác sĩ, y tá, bảo hiểm, các công ty dược. Hắn nhắm vào tất cả những người đó vì hắn cảm thấy cả hệ thống y tế đã giết chết Upchurch. Hắn nghĩ bên bảo hiểm chọn cách hèn hạ là phủi sạch trách nhiệm, còn những kẻ khác cứ thản nhiên lo việc của mình, coi như không có gì xảy ra, và hắn không cam lòng đứng nhìn tên đó chết."

"Làm thế nào anh biết được tất cả những điều này?"

"Sau khi chúng ta nói chuyện xong, cô cần phải tìm bác sĩ Beyer này và đưa ông ta tới đây. Bishop nói…"

Giọng Porter nhỏ dần, rồi anh lại tiếp tục. "Bishop nói hắn vẫn còn nhiều virus, và nếu Upchurch chết, hắn sẽ tiêm virus một cách ngẫu nhiên vào những người dân trong thành phố. Hãy tìm ông bác sĩ đó. Cách ly tất cả những ai tiếp xúc với hai cô bé. Cô cần phải kiểm soát chuyện này."

"Giờ anh đang ở cùng Bishop à?"

"Tôi phải đi rồi, Clair. Tôi thực sự xin lỗi. Xin lỗi vì tất cả."

Porter cúp máy, đường dây bị ngắt.

Lúc này, tiếng ồn ào trong căng-tin chợt vọng đến tai cô, những giọng nói giận dữ hòa thành một thể cứ mỗi lúc một lớn, từ từ tràn ra hành lang, chảy qua hai sĩ quan tuần tra đang loay hoay tìm cách ngăn lại.

Clair cúi nhìn tập câu hỏi khảo sát cô đang cầm trên tay. Cô đã đích thân đi phát cho từng người sau khi ngồi hơn một tiếng đồng hồ trong phòng Kati Quigley.

Tập giấy tuột khỏi tay cô và rơi xuống sàn.

Cảm giác đau buốt lan khắp cơ thể cô, ngấm sâu vào tận xương tủy.

Clair hắt xì.

CHƯƠNG 131

Nash

Ngày 4 • 9:43 tối

Espinosa im lặng đếm ngón tay làm hiệu, giơ lên năm…

Bốn.

Ba.

Hai.

Một.

Brogan nện một cú như trời giáng lên cánh cửa rồi lao vào trong, tấm gỗ nặng nề vỡ toác, vết nứt chạy dài ở chính giữa.

“Tiến lên!”

“Tiến lên!”

Nash quan sát đội SWAT lần lượt từng người mất hút bên trong phòng 405 của Khách sạn Guyon, cho tới khi chỉ còn mình anh trơ trọi trên hành lang xập xệ. Họ phát hiện một thi thể ở dưới sảnh khách sạn. Một người phụ nữ mặc bộ áo liền quần của phạm nhân, đeo cùm, với một vết đạn hành quyết trên trán.

Klozowski lần theo tín hiệu và tìm ra địa chỉ này. Anh ta dùng phương pháp định vị tam giác với các bộ phát Wi-Fi trong khu vực. Sau đó Espinosa dùng một thiết bị cầm tay để dò tìm tín hiệu điện duy nhất trong tòa nhà, xuất phát từ đâu đó phía sau cánh cửa phòng 405.

"Giơ tay lên!"

"Cấm cử động!"

"Anh ta có súng!"

Nash không phân biệt được mấy giọng nói ấy là của ai, những tiếng la lối vang lên qua chiếc tai nghe hòa lẫn với tiếng vọng ra từ trong phòng.

Một tiếng "rầm" nữa lại vang lên. *Còn cánh cửa thứ hai ư?*

"Nash! Vào đây! Mau!"

Nash băng qua hành lang để tới cửa phòng, chiếc áo chống đạn Kevlar thít chặt lấy eo anh, làm anh khó thở.

Anh bước qua ngưỡng cửa và đặt chân vào trong phòng 405, căn phòng được soi tỏ nhờ hơn chục cây nến và luồng sáng tập trung của những chiếc đèn pin gắn trên nửa tá súng trường tấn công đang chiếu vào cùng một điểm.

Một người đàn ông.

Anh ta quay lưng về phía cửa. Tay giơ quá đầu. Một chiếc laptop đang bật sáng trên cái bàn viết kiểu cổ trước mặt anh ta. Có khoảng một tá sổ bìa đen trắng xếp thành chồng kế bên chiếc laptop, cạnh đó là một khẩu 0,38.

"Sam?"

Porter từ từ quay người lại trên ghế.

"Đừng…" Tibideaux nói.

"Lui xuống đi!" Nash hét lớn. "Sam? Anh đang làm gì ở đây vậy?"

Porter nhìn xuống mép bàn, nhắm mắt lại.

Espinosa và Thomas đều đang chĩa súng vào tường, ánh đèn pin loang loáng bò khắp lớp giấy dán tường in hoa đã bạc phếch, hàng tá ảnh treo rải

rác khắp phòng, tất cả đều được lồng khung kính.

Nash đi theo luồng sáng và bước đến gần, chăm chú quan sát một trong những tấm ảnh.

Đó là ảnh của Sam, chụp hồi anh trẻ hơn bây giờ nhiều, chắc chỉ ngoài bốn mươi. Anh mỉm cười trước ống kính. Một cậu bé đứng cạnh anh, cũng đang cười. Cậu bé khoảng mười bốn, mười lăm tuổi.

Espinosa nhíu mày. "Có phải kia là…?"

"Tôi nghĩ đó là Anson Bishop." Nash khẽ nói. Anh đưa mắt nhìn hai tấm ảnh khác. "Tất cả đều là hắn."

Nash băng qua phòng để tới bên Porter. "Sam? Thế này là sao?"

Porter mở miệng định nói, nhưng anh không thốt được nên lời.

Trên màn hình laptop với ánh sáng hắt ra đủ để soi tỏ khuôn mặt Porter…

Chào Sam,

Lúc này chắc hẳn anh đang rất bối rối.

Lúc này chắc hẳn anh đang có nhiều điều muốn hỏi.

CHƯƠNG 132

Nhật ký

Tôi không biết đồn cảnh sát nằm ở đâu.

Mà nhắc đến chuyện này, tôi cũng chẳng rõ Trung tâm Điều trị Camden tọa lạc ở vùng nào. Tôi không có chút ý niệm gì về việc mình đã ở đâu trong những tuần vừa qua.

Xe chạy suốt một chặng đường dài.

Tôi ngắm nhìn thành phố Charleston lướt qua ngoài cửa sổ. Công trình, nhà cửa ở đây không cao lắm. Có lần cha nói với tôi rằng quy định của thành phố không cho phép các nhà thầu xây dựng vươn tới quá gan bầu trời.

Tôi muốn làm tổn thương ông bác sĩ.

Cơn giận bùng lên trong tôi dữ dội hơn hết thảy những gì tôi từng trải qua trong đời, nhưng tôi cố hết sức để khắc chế nó. Cũng như thời gian, cơn giận có thể được kiểm soát, có thể được trút vào trong chai và giữ lại, có thể được mở ra khi tôi cần đến nó nhất.

Đến lúc thích hợp, tôi sẽ mở cái chai ấy, tôi sẽ tháo nút ra.

Hai thanh tra không ai nói nửa lời.

Tôi cứ nghĩ chắc sẽ có hàng tràng câu hỏi trút xuống đầu mình, nhưng hóa ra lại không phải. Họ không nói với tôi, cũng chẳng nói với nhau câu nào.

Đổi lại, tôi cũng im như thóc, để bầu không khí câm lặng tự nó nói lên tất cả.

Ngoài kia, tôi không nhận ra bất cứ điều gì ở nơi chúng tôi đi qua, thành phố chúng tôi vừa bỏ lại phía sau.

Thanh tra Welderman đã hơn một lần liếc tôi qua gương chiếu hậu. Tôi đáp lại ánh mắt của ông ta.

Chúng tôi rẽ khỏi con đường hai làn xe đã đưa chúng tôi đi suốt ba mươi phút sau khi rời thành phố. Xe rời đường nhựa và chuyển sang đường rải sỏi, cỏ dại mọc tua tủa hai bên.

Chúng tôi không dừng ở đồn cảnh sát, việc này đáng lẽ phải khiến tôi lo lắng mới đúng, nhưng tôi không cho phép điều đó xảy ra.

Xe dừng lại trước một ngôi nhà lớn xây theo kiểu nông trại nằm ở cuối con đường rải sỏi. Một người phụ nữ trạc tuổi mẹ tôi trông thấy chúng tôi, bà ta giơ tay vẫy và tiến lại gần chiếc ô tô. Bà ta có mái tóc nâu cắt ngắn, mặc đầm màu vàng chấm bi trắng.

Thanh tra Welderman một lần nữa ném cho tôi cái nhìn qua gương, rồi cả hai người đàn ông xuống xe.

Cửa sau không có tay nắm. Dù hai tay tôi không bị còng đi nữa thì tôi cũng chẳng thể tự mình mở cửa để ra ngoài.

Hai thanh tra đi tới chỗ người phụ nữ, ba người đứng nói chuyện với nhau. Tôi không nghe được bọn họ nói những gì, chỉ biết rằng xen giữa câu chuyện là những ánh mắt cứ chốc chốc lại ngoái nhìn về phía chiếc xe, về phía tôi.

Welderman đứng đó cùng người phụ nữ, còn Thanh tra Stocks cuối cùng cũng chịu tới mở cửa và giúp tôi ra khỏi xe.

Người phụ nữ khẽ há miệng. "Ôi trời, có nhất thiết phải dùng đến thứ ấy không?"

Mặt Thanh tra Stocks đỏ bừng. "Quay người lại đi, nhóc."

Ông ta tháo còng cho tôi.

Tôi xoa nắn hai cổ tay.

Welderman mở cốp xe, lấy ra một cái túi thể thao màu xanh lục và đưa cho người phụ nữ. "Bệnh viện gom góp được ít quần áo. Không nhiều, ở đấy ít đồ vừa với nó. Nó mất tất cả trong trận hỏa hoạn rồi."

Lúc này, người phụ nữ tiến lại, đứng trước mặt tôi và mỉm cười. "Anson, tên ta là cô Finicky. Con sẽ ở đây cùng ta một thời gian."

Bà ta ngoái lại phía sau và gọi to: "Paul? Lại đây. Lại gặp bạn cùng phòng mới của con đi."

Nãy giờ tôi không trông thấy anh ta, cậu con trai đứng trên hiên nhà, người dong dỏng cao. Anh ta bước ra khỏi bóng râm duy nhất thoát được vầng dương đang lên cao dần. Anh ta líu ríu bước trên lối đi rải sỏi, đón lấy chiếc túi người phụ nữ đang cầm và chìa tay kia ra. "Chào em, Anson, anh là Paul Upchurch. Rồi em sẽ thích sống ở đây cho xem."

Thanh tra Stocks cười khẩy khi nghe anh ta nói vậy.

Cặp mắt người phụ nữ nheo lại, sau đó, nụ cười lại nở trên môi bà ta. "Dẫn cậu bé lên nhà đi, Paul. Chỉ cho cậu ấy phòng mới của mình."

"Vâng, thưa cô."

"Anson?" Thanh tra Welderman gọi.

Tôi ngước lên nhìn ông ta, nhìn vẻ cau có trên khuôn mặt ông ta.

"Chúng tao biết mày đã làm những gì, Anson ạ. Tất cả bọn tao đều biết. Bọn tao sẽ chẳng mất nhiều thời gian để chứng minh, chỉ cần chắp nối vài chi tiết với nhau là xong. Cứ thoải mái dỡ đồ đi. Chỗ quần áo đó là để cho mày mượn tạm thôi. Rồi mày sẽ sớm có quần áo mới, phòng mới, và cả bạn cùng phòng mới nữa."

Tôi nhoẻn cười với ông ta và Thanh tra Stocks. "Cảm ơn các ông đã chở cháu tới đây, thưa hai thanh tra. Rất vui khi được làm quen với cả hai ông."

Tôi đi theo Paul Upchurch.

Tôi đi theo Paul Upchurch, tiến vào trong cái miệng đang ngoác rộng của ngôi nhà nông trại.

Ngôi nhà lớn hơn nhiều so với vẻ bề ngoài. Có thể là do vô số vách tường dựng lên chia bên trong ra thành vô số phòng, hoặc có thể do ngôi nhà không quá rộng nhưng lại sâu hun hút, mà cũng có thể là sự kết hợp của cả hai lý do trên, nó khiến tôi cảm thấy như lạc vào một mê cung khi vừa đặt chân vào.

Tôi dừng lại ở phòng khách nhỏ sau khi đi qua sảnh, rồi ngoái đầu nhìn về phía cửa trước. Paul đã dặn tôi cứ để cửa mở.

Hai ông thanh tra vẫn đang ở ngoài đó, say sưa nói chuyện với cô Finicky. Thế giới bên ngoài dường như tươi sáng hơn, chỉ cần bước qua ngưỡng cửa kia sẽ khác. Bầu không khí trong ngôi nhà này phảng phất mùi của sự tĩnh lặng, bất biến - không phải mùi hôi hám lâu ngày hay ẩm mốc, chỉ là tĩnh lặng thôi. Tôi không khỏi liên tưởng đến không khí bị giữ lại trong một chiếc quan tài sau khi nắp quan tài bị đóng đinh.

*"Tên của cô Finicky là gì ạ?"** *Tôi hỏi.*

Paul dừng ở chân cầu thang và ngoái nhìn tôi. "Ai quan tâm chứ? "

"Em."

Anh ta nhún vai. "Không biết. Bà ta chỉ đơn giản là cô Finicky thôi, từ xưa đã thế. Finicky, Finicky, Finicky. Không phải Fin hay bà Finicky, thưa cô *may ra còn được, chứ gọi cộc lốc là cấm tiệt. Những đứa khác chắc là nghĩ ra khối tên hay để đặt cho bà ta sau ngần ấy năm, nhưng đố đứa nào dám gọi trước mặt bà ta đấy."*

"Những đứa khác ư?"

Anh ta lại dừng chân khi lên đến bậc thang thứ năm, còn hai bậc nữa là tới chiếu nghỉ. "Chú mày biết đây là nơi nào, đúng không? Bọn họ nói với chú mày rồi chứ? Lúc thì họ nói, lúc lại không. Bọn anh ở đây đều lết qua ngưỡng cửa kia sau khi kết thúc chặng đường riêng của mỗi người. Vài đứa đến đây khi đã nếm đủ, nhưng cũng có những đứa còn chưa biết mùi đời. Trông chú mày không có vẻ sợ sệt, hãi hùng như hươu trước mũi xe, thế nên anh đoán chú mày đã quen với việc bị lùa đi khắp nơi."

Anh ta đi xuống, cầm lấy bàn tay tôi và lắc thật lực. "Người anh em à, chú mày đã gia nhập Hệ thống bảo trợ rồi đấy. Xin chúc mừng! E là không có bánh trái hay cờ quạt chào đón chú mày đâu, chỉ có mỗi anh già này thôi, nhưng thế vẫn tốt chán, còn nhiều điều khác tồi tệ hơn mà chú mày có thể gặp phải khi đặt chân vào nhà người lạ. Chắc chú mày tưởng sẽ có video hướng dẫn, sổ tay hay gì đó, nhưng ngân sách eo hẹp lắm. Nếu mà có video thật thì anh muốn người giới thiệu là Rod Serling. Ông ấy "chất" cực. Phong cách cổ điển nhưng vẫn "chất"."

Paul lại nhảy phóc lên cầu thang, tới chiếu nghỉ thì dừng lại, anh ta xoay tròn, hai tay giơ cao, giọng hạ xuống một tông. "Có một chiều không gian thứ năm tồn tại ở chốn xa xôi, ngoài tầm hiểu biết của con người. Chiều không gian đó bao la như vũ trụ, bất tận như vô cực. Đó là miền đất giao thoa giữa ánh sáng và bóng tối, giữa khoa học và mê tín, giữa vực thẳm của nỗi sợ và đỉnh cao của tri thức nhân loại. Đó là chiều không gian của trí tưởng tượng. Một nơi chúng ta gọi là…" Anh ta ngừng xoay và bám vào lan can cho khỏi ngã. "... Nhà Finicky dành cho những đứa trẻ bất kham."*

Tôi không nhịn được, phá lên cười. Tôi chưa bao giờ nghe thấy ai tuôn ra một tràng dài dằng dặc mà lại liến thoắng đến như thế.

Anh ta hất hàm về phía đầu chiếc cầu thang lớn. "Đi tiếp thôi."

Trên tường treo nhiều ảnh trẻ con đến nỗi gần như che kín cả lớp giấy dán in hoa bên dưới. Ít nhất cũng phải một trăm tấm, có khi còn nhiều hơn. Cả con trai lẫn con gái, đủ mọi lứa tuổi, đứa thì mỉm cười, đứa lại không, nhưng chúng đều đứng trên lối đi rải sỏi, ngôi nhà to đùng lù lù sau lưng.

Paul chỉ vào một tấm có khung màu nâu, ở gần phía trên cùng. "Anh ở ngay kia kìa. Đừng lo, chẳng bao lâu nữa sẽ đến lượt chú mày đứng trước ống kính thôi. Bọn anh đều thế cả."

Có điều gì đó khác lạ trong cái cách anh ta nói ra câu ấy, trong giọng điệu, trong cách anh ta hạ giọng về cuối, những suy tư vẫn còn vương vấn hơi lâu sau khi lời đã dứt.

"Ở đây có bao nhiêu đứa trẻ ạ?"

Paul lên tới đầu cầu thang và quay người lại. "Chú mày là số tám, anh bạn ạ. Ba gái, năm trai, độ tuổi từ bảy đến mười sáu. Anh đây mười lăm.

Chỉ ba năm nữa thôi là bọn họ sẽ buộc phải thả anh về với thế giới ngây thơ khờ dại ngoài kia. Cầu Chúa rủ lòng thương bọn họ.”

Tôi bước lên bậc thang trên cùng, trước mắt tôi mở ra một hành lang vừa dài vừa hẹp. Ở đây cũng treo đầy ảnh, phủ kín gần như từng centimet trên tường, xen kẽ trong đó là những cánh cửa đóng kín chạy dọc hai bên hành lang.

Paul trỏ vào cánh cửa phía bên trái đang đóng im ỉm. “Đó là phòng Vincent Weidner. Bọn anh không nói chuyện với Vincent Weidner. Chú mày tránh xa Vincent Weidner thì nó cũng sẽ tránh chú mày. Như thế có lẽ là tốt nhất cho tất cả mọi người.”

Anh ta đi qua hành lang, tới mở cánh cửa thứ hai bên phải. “Đây là phòng của chúng ta, nhà này chỉ có vài ba đứa được ở một mình một phòng thôi, còn đâu ở theo cặp hết. Như vậy vẫn còn tốt chán so với một số nơi khác anh từng sống. Hồi trước, anh từng phải ở chung với sáu đứa nữa, mà phòng còn bé hơn thế này cơ. Cứ ngủ là y như rằng có đứa đạp vào mặt mình.” Anh ta chui tọt vào trong, rồi lại thò đầu ra. “Phòng tắm nằm ở phía cuối hành lang bên này. Con trai bên phải, con gái bên trái. Khi nào xong việc và ra ngoài thì cứ để ngỏ cửa để mọi người biết bên trong không có ai. Bọn anh trữ diêm trong tủ thuốc để xử lý mùi hương để lại sau một trận “oanh tạc” hoành tráng, còn tạp chí thiếu nữ số mới nhất thì cất trong cái túi nhựa giấu sau bồn rửa, dùng xong thì nhớ đóng kín mép túi ziplock lại. Chả ai thích xem ảnh khiêu dâm ướt nhoét đâu. Nhớ cất tất cả vào đúng chỗ cũ khi đi ra, không là sẽ phải gánh chịu hậu quả đấy. Bọn anh thay phiên nhau dọn dẹp. Lịch phân công được dán trên cái tủ lạnh ở dưới nhà.”

Paul lại mất hút trong phòng. “Chú mày có vào không?”

Tôi đứng ngây ra đó một lúc, nhìn ngang ngó dọc khắp hành lang, xem những bức ảnh treo tường. Cô Finicky chưa đến nỗi già, tôi tự hỏi không biết bà ta làm công việc này từ khi nào, và có bao nhiêu đứa trẻ đã từng đi qua nơi đây.

Tôi bước vào phòng.

Có giường tầng.

Xưa nay tôi luôn mơ ước được ở giường tầng.

Chiếc túi thể thao đựng chỗ quần áo mượn tạm đang đặt ở chính giữa cái giường tầng dưới.

"Anh đây là ma cũ, nên anh chính thức tuyên bố cái giường phía trên thuộc về anh." Paul nói. "Nếu chú mày trụ được ở đây lâu hơn anh, có thể một ngày nào đó nó sẽ là của chú mày. Hãy dám ước mơ, anh bạn thân mến ạ. Dám ước mơ."

Cũng như ngoài hành lang, các bức tường trong phòng treo đầy tranh ảnh. Nhưng khác với ngoài hành lang, ảnh ở đây không phải ảnh chụp mà là tranh vẽ, tranh biếm họa, và cả những bức ký họa. "Tất cả đều là của anh hết ạ?"

Paul gật đầu đầy tự hào. "Mỗi bức tranh ở đây đều là tác phẩm gốc của Paul Upchurch." Anh ta băng qua phòng, tới bên cái bàn viết cỡ nhỏ, cầm lấy một cuốn sổ ký họa và mang tới chỗ tôi. "Anh tự sáng tác truyện tranh đã được một thời gian rồi. Truyện kể về một cô gái liên tục vướng vào đủ thứ rắc rối. Tuy viết về con gái nhưng như thế không có nghĩa là anh "lệch pha" hay gì đâu nhé. Cô nàng đặc chất tomboy, lại có chút gợi cảm, đúng không? Anh đã tiến hành điều tra thị trường một cách rất nghiêm túc và quyết định rằng nếu chọn nhân vật chính là nữ thì truyện sẽ thu hút được

đông đảo độc giả." Anh ta gõ lên một bên đầu. "Lúc nào cũng phải tính toán… chú mày cần cân nhắc đến những yếu tố đó khi viết truyện, vì anh chắc rằng các nhà xuất bản cũng vậy."

Tôi ngắm nhìn tranh vẽ cô gái ấy. Trông thật đáng yêu. Sàn sàn tuổi bọn tôi, khóe miệng khẽ cong lên thành nụ cười tủm tỉm tinh nghịch, cặp mắt sáng long lanh. Sự tỉ mỉ trong từng chi tiết của bức tranh quả là hết sức tuyệt vời. Tôi cũng hay đọc truyện tranh và có chút hiểu biết về lĩnh vực này. Tranh của Paul đẹp không kém - nếu không nói là đẹp hơn – hầu hết những bức tranh tôi từng xem.

"Anh đã nghĩ ra tên cho cuốn truyện chưa?"

Hai mắt Paul bừng sáng. "Anh đã nghĩ ra tên chưa ấy à, dĩ nhiên là rồi chứ. Anh gọi nó là Những phi vụ xúi quẩy của Maybelle Markel."

"Anh giỏi quá."

Paul cầm lấy tờ giấy và hôn lên bức tranh. "Cô ấy giống như đứa con gái anh chưa từng có được. Một ngày nào đó bé yêu này sẽ mang về cho bố cả một gia tài."

Đúng lúc đó tôi nghe thấy một tiếng nức nở, tiếng kêu nghẹn ngào, vẳng lại từ phía sau cánh cửa đóng kín bên kia hành lang.

Âm thanh ấy, tiếng kêu ấy tôi biết.

Paul đặt bức tranh xuống bàn rồi nhìn ra cửa theo hướng tôi đang nhìn. "Đứa con gái đó tới đây ngày hôm qua, còn chưa chịu ra khỏi phòng. Đêm qua nó khiến gần như cả đám mất ngủ vì cứ khóc tu tu suốt, nhưng bọn anh đều cố gắng thông cảm với người mới. Hai đứa con gái ở đây thay phiên nhau sang nằm cùng để nó đỡ cô đơn." Paul ngừng nói, tâm trí đã trôi dạt tới tận phương nào. "Có nhiều trung tâm bảo trợ rất khắc nghiệt. Rồi nó sẽ

thích ở đây thôi. Và chú mày cũng thế. Cô Finicky nói tên đứa con gái kia là Libby thì phải.”

Tôi tiến thêm một bước về phía cửa.

Tôi cảm thấy Paul níu lấy cánh tay mình. Ngón tay anh ta siết chặt.

Giọng anh ta hạ thấp, nhẹ tựa hơi thở. “Anh nghĩ ở đây bọn họ nghe lén đấy. Nhớ cẩn thận lời ăn tiếng nói của mình.”

HẾT

LỜI CẢM ƠN

Xin được gửi lời tri ân đặc biệt tới người đại diện của tôi, Kristin Nelson, vì đã giúp tôi tìm được một mái ấm cho Sam Porter và câu chuyện của anh. Cảm ơn Tim Mudie đã biên tập cuốn sách này bằng con mắt tinh tường, sắc sảo. Cảm ơn những độc giả đầu tiên của tôi - Summer Schrader, Jenny Milchman, Erin Kwiatkowski, Darlene Begovich, Jennifer Henkes - các bạn đã giúp tôi nhào nặn thành hình thứ tôi tìm được sau khi lật mở từng trang trong cuốn nhật ký của Bishop và sục sạo, đào bới hồi lâu trong tâm trí anh chàng.

Cảm ơn người vợ tuyệt vời của tôi, Dayna, vì đã đặt niềm tin nơi tôi… vì em luôn là chính em.

Lời cuối cùng xin gửi đến Anson Bishop - anh bạn đã sẵn sàng khép lại vũ điệu nho nhỏ này chưa?

J.D.